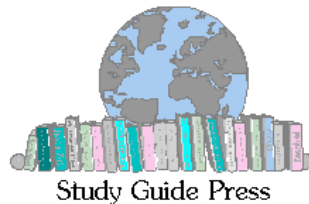


Bản Tham Khảo
Cho Người Chuyển Ngữ
**Sách Phúc Âm Của
Má-thi-ơ**

Ông Matthew E. Carlton

PREPUBLICATION VERSION



Copyright © 2002 by Study Guides Press

Cấm in, sao lại, hay lưu trữ một phần hoặc toàn bộ tài liệu này vào trong máy điện toán hay bằng những phương tiện khác—trừ phi được sự chấp thuận của hội Study Guides International. Tuy nhiên có thể trích dẫn những ý ngắn gọn để sử dụng vào trong những tài liệu tham khảo khác.

[No part of this publication may be reproduced, stored in a retrieval system, or transmitted in any form or by any means—electronic, mechanical, photocopy, recording, or otherwise—without the express permission of Study Guides International, with the exception of brief excerpts in journal articles or reviews.]

Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ chỉ dựa theo Bản Hy-lạp Tân Ước tu chính lần thứ tư của Thánh Kinh Hội [United Bible Societies], cùng với một số ít chọn lựa từ Các Bản Thảo Đa Số [Majority Text] và Bản Thảo Uy Tín [Textus Receptus], như được trình bày ở mục số tám trong phần Các Ký Hiệu Được Dùng Trong Bản Tham Khảo.

[Translator's Reference Translation is based primarily on the fourth revised edition of the United Bible Societies' Greek New Testament, with occasional choices based on the Majority Text and Textus Receptus, as described under point eight in the Notation Key.]

Prepublication Version
The Translator's Reference Translation of the Gospel of Matthew
December 2002
[Vietnamese]

Mọi ý kiến, đề nghị sửa đổi, mọi thắc mắc cũng như muốn có tài liệu này, xin liên lạc với:

Study Guides Press
P.O. Box 382006
Duncanville, Texas 75138
USA

Lời Tri Ân

Tạ ơn Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta Lời Hằng Sống (Đức Giê-su Cứu Thế) và Kinh Thánh (Lời Viết)! Tạ ơn Chúa vì Lời của Ngài giúp cho chúng ta sống trên đời này có sự bình an với Chúa và trang bị chúng ta sống cho Ngài!

Tôi cũng muốn cảm ơn Đức Chúa Trời đã cung cấp những người có khả năng để thực hiện “Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ” (BTK). Tôi đặc biệt biết ơn: ¹Mục sư James Doe Younge và Colne Necollin là người đã giúp bắt đầu và phát triển BTK. Họ đã làm việc với sự tận hiến và kiên trì để chuyển ngữ Kinh Thánh qua ngôn ngữ của họ, tiếng Grebo của Li-bê-ria, Tây Phi Châu.

Cũng xin đặc biệt cảm ơn những người đã duyệt lại Bản Tham Khảo của Ma-thi-ơ và cho nhiều lời phê bình có giá trị. Đó là: Jerry Allen, David Andersen, John Anderson, Elizabeth Carlton, Michael Martens, Katherine Rountree, Donald Slager, Kermit Titrud và Berton Turnip. Xin cảm ơn những người sau đây đã giúp đánh Bản Tham Khảo vào máy vi tính: Ronnie Koch, Perry Oakes, Jim Vinton, Dan Stafne, Andy Barlow và Charles H. Masland, III. Thêm vào đó cũng xin cảm ơn Johnathan Kew và Randy Boring đã giúp đỡ dùng hệ thống sắp chữ bằng máy vi tính.

¹ Sau khi sống để thấy Tân Ước tiếng Grebo được dâng hiến và hoàn tất rất nhiều phần trong Cựu Ước, Mục Sư James Doe Younge đã yên nghỉ trên thiên đàng.

Lời Chú Thích Cho Người Sử dụng

Tôi rất vui mừng vì bạn định dùng Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ, một tài liệu tham khảo đầy đủ cho mỗi bước trong việc chuyển ngữ! Đính kèm là Bản Tham Khảo sách Mác mới nhất Cho Người Chuyển Ngữ.

Sau đây là một số đặc điểm của Bản Tham Khảo khiến cho sách trở nên một dụng cụ hữu hiệu:

1. Mục đích của Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) là để cho mọi người hiểu bản Hy-lạp nói gì (xem lời chú thích số 4 trên trang II). Sách giúp cho những người chuyển ngữ có sẵn các kiến thức về ý nghĩa của đoạn kinh văn và những vấn đề liên quan đến việc chuyển ngữ để họ có thể quyết định dựa trên những gì họ hiểu biết trong ngôn ngữ của họ.
2. BTK được soạn ra một cách đặc biệt và được chú trọng đến diễn tiến của việc chuyển ngữ. Trong tiến trình của một dự án chuyển ngữ, đoạn kinh văn sẽ trải qua ít nhất là 10–15 (hay nhiều hơn) lần duyệt lại trước khi sẵn sàng để được xuất bản. Khi đoạn kinh văn lần đầu tiên được chuyển ngữ và mỗi lần được tu chỉnh lại. Ao ước rằng tất cả mọi người¹ đều thấy ngay lập tức ý nghĩa của đoạn kinh văn và các vấn đề của việc chuyển ngữ. BTK có thể giúp cho tất cả mọi người nhận diện đa số vấn đề của việc chuyển ngữ **NGAY TRONG NGŨ CẢNH**.
3. Hệ thống Ký Hiệu của BTK² loại trừ được những bộ sách giải nghĩa Kinh Thánh mà mỗi ủy ban phải đọc để tìm cùng một thông tin. Theo truyền thống, đa số các thông tin được các người chuyển ngữ tìm tòi trong thời kỳ soạn bản thảo, và đa số các thông tin đó không bao giờ được quan tâm đến nữa — một ủy ban không thể nào đọc đi, đọc lại quá nhiều các sách giải nghĩa hay cũng không thể nhớ quá nhiều vấn đề mỗi khi xem xét lại đoạn kinh văn. (Dĩ nhiên, sách giải nghĩa vẫn đóng một vai trò quan trọng trong công việc của chúng ta — hãy xem lời tựa của BTK.)
4. BTK được soạn ra nhằm mục đích giúp chúng ta có một bản dịch tự nhiên và khiến cho các người chuyển ngữ tiếng mẹ đẻ (hay các thứ tiếng khác) có thể học được các nguyên tắc trong việc chuyển ngữ và làm thế nào để trở nên người chuyển ngữ giỏi mà không phải rời địa bàn của họ để được huấn luyện.

Tóm lại, BTK **giúp** cho mỗi ủy ban chuyển ngữ quyết định nhanh chóng và chính xác tại mỗi thời điểm trong tiến trình chuyển ngữ. BTK phối hợp các khả năng, mang đến tận tay ủy ban phiên dịch kiến thức của những chuyên gia về Hy-lạp và Hy-bá, những người phê bình, các nhà nhân chủng học về Kinh Thánh, các chuyên viên nghiên cứu, và những người thông thạo về vấn đề chuyển ngữ.

Sự vinh hiển thuộc về Chúa!

¹ “Tất cả mọi người” bao gồm người chuyển ngữ, trưởng ban chuyển ngữ, những người duyệt lãm, cố vấn về chuyển ngữ.

² Bản Tham Khảo (BTK) dùng ký hiệu để trình bày hầu hết những ý muốn nói.

LỜI TỰA

Mục tiêu của Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) là để giúp ủy ban chuyển ngữ dịch lời Đức Chúa Trời qua các ngôn ngữ khác khắp trên thế giới. Sách này giúp các người chuyển ngữ dễ dàng thấy những gì đã được biết về đoạn kinh văn, gồm cả ý nghĩa và những nan đề có thể có trong khi chuyển ngữ. Sách chứa đựng sự hiểu biết rút từ nhiều sách và của nhiều người, được sắp đặt theo một cách dễ sử dụng, để mọi người trong ủy ban chuyển ngữ có thể chú tâm vào việc chuyển ngữ sứ điệp của Đức Chúa Trời một cách hoàn hảo.

Trong khi các người chuyển ngữ dùng BTK (cũng như các tài liệu khác), họ phải dùng những nguyên tắc về chuyển ngữ đúng. Một trong những điều quan trọng nhất cho mỗi ủy ban chuyển ngữ phải quan tâm đến đó là bản dịch của họ được tự nhiên hay theo từng chữ một trong tiếng Hy-lạp như thế nào. Bản dịch nghe phải tự nhiên để sứ điệp được truyền thông một cách rõ ràng. Tuy nhiên, nó không được khác biệt với văn bản gốc đến nỗi sẽ bị chính những người sử dụng từ khước.

Mặc dù BTK giúp cho người chuyển ngữ không cần phải để nhiều thì giờ tham khảo, tuy nhiên nó không thể thay thế các sách giải nghĩa Kinh Thánh và các bản dịch khác là những tài liệu tham khảo có giá trị. Các người dịch cũng nên có sẵn các sách tham khảo khác như là một tự điển cơ bản, một tự điển Kinh Thánh, và các bản dịch của các ngôn ngữ khác. Phần cuối sách có một danh sách từ ngữ định nghĩa những từ và nhóm từ quan trọng mà người chuyển ngữ cần nên biết để sử dụng Bản Tham Khảo một cách có hiệu quả hơn.

Chú Giải Ký Hiệu Được Dùng Trong Bản Tham Khảo

Bản Tham Khảo dùng ¹ ký hiệu để giúp cho uỷ ban chuyển ngữ có sự chọn lựa trong tiến trình chuyển ngữ. Có ba nguyên tắc cho những sự chọn lựa đó:

- (1) Bản dịch phải được chính xác, có nghĩa là, nó phải được truyền đạt cùng một ý nghĩa mà chính tác giả muốn nói, và phải rõ ràng (hay không rõ ràng) như ý của chính tác giả.
- (2) Bản dịch phải được tự nhiên, có nghĩa là, văn phạm và những thành ngữ trong ngôn ngữ của người đọc cần được sử dụng một cách thích hợp để cho người đọc hiểu dễ dàng và nghe được tự nhiên.
- (3) Bản dịch phải được chấp nhận bởi người sử dụng, có nghĩa là, dịch theo ý của nguyên bản chứ không dịch theo từng chữ một và không được tự do vượt ra ngoài ý mà chính tác giả muốn nói lên.

Có bốn ký hiệu chính được dùng trong Bản Tham Khảo là:

1. { ⇔ } Giúp cho người dịch có nhiều cách khác nhau để diễn tả ý nghĩa của một từ hay một nhóm từ trong một bản văn Hy-lạp. Chỉ được chọn một cách để dùng cho một bản dịch. Một **mũi tên hai đầu** phân biệt các sự chọn lựa này. Trong tất cả các sự chọn lựa chúng tôi đã cố gắng viết chúng xuống một cách tự nhiên trong tiếng Việt. Sự **chọn lựa đầu tiên** là câu theo sát với từ ngữ Hy-lạp nhất, tức là, có sự cấu trúc và từ vựng được dùng rất gần với bản Hy-lạp và luôn luôn giải thích ý nghĩa ² các thành ngữ trong bản Hy-lạp là gì. **Các sự chọn lựa khác** được viết ra để cho thấy có nhiều cách chuyển ngữ khác nhau của đoạn kinh văn khó chuyển ngữ. Tại mỗi { ⇔ } người chuyển ngữ nên dùng các bước sau đây để chọn cách tốt nhất diễn tả ý của đoạn kinh văn trong ngôn ngữ của họ:
 - a. Nếu cách chuyển ngữ theo sát từ ngữ trong bản Hy-lạp truyền thông được đúng ý nghĩa **VÀ** nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, đó là sự chọn lựa tốt nhất. (Nếu cách dịch-theo-từng-chữ làm cho ý nghĩa trong bản dịch của bạn khác với ý của nguyên bản mà chính tác giả muốn đề cập đến thì sự chọn lựa đầu tiên **KHÔNG NÊN** dùng). Nếu không thể dùng được cách chuyển ngữ sát nghĩa, tiếp tục với bước b.
 - b. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một hình thái từ hay một cách nào khác tự nhiên hơn để diễn tả cùng một ý nghĩa của câu đầu tiên, hãy

¹ **Các ký hiệu** là các biểu tượng và dấu hiệu có ý nghĩa. Ký hiệu là cách truyền thông một điều gì một cách ngắn và gọn. Thí dụ một câu hay một đoạn thường được dùng có thể được thay thế bằng một ký hiệu để truyền thông cùng một ý mà câu hay đoạn đó muốn nói. Vì Bản Tham Khảo (BTK) dùng các ký hiệu, mỗi trang chỉ cần một vài lời chú thích. Một trong những **lợi ích lớn nhất** của việc dùng ký hiệu là khả năng nhận ra một cách nhanh chóng **các vấn đề chuyển ngữ trong ngữ cảnh**. Khi dùng ký hiệu như vậy sẽ **đỡ tốn thì giờ** của người chuyển ngữ để tìm hiểu ý nghĩa của đoạn kinh văn và các nan đề của việc chuyển ngữ, nhưng nó cũng khiến cho các người chuyển ngữ **rất cần** phải học các ký hiệu được dùng trong BTK.

² Về định nghĩa của **“các thành ngữ”**, các từ và các nhóm từ quan trọng khác hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phần cuối của sách này.

dùng thành ngữ hay cách đó. Nếu ³ bản Hy-lạp dùng một thành ngữ ở trong câu đầu tiên, cố gắng dùng một hình thái từ trong ngôn ngữ của bạn. Nếu ngôn ngữ của bạn không dùng một thành ngữ để diễn tả ý nghĩa của cả đoạn kinh văn được, nên chuyển ngữ ý nghĩa bằng cách nói thẳng, có thể dùng cách giống như cách thứ nhì hay thứ ba. Hãy chuyển ngữ một cách tự nhiên để cho sứ điệp được chính xác và rõ ràng. Nếu có nhiều cách nghe tự nhiên thì cách gần giống ý của câu đầu tiên là tốt nhất.

2. / Tương tự như { ⇔ } ở trên, ngoại trừ ký hiệu “/” **chỉ được chọn một chữ trong hai.**
3. () Những điều nằm trong ký hiệu này là những **thông tin được hàm ý** (tức là thông tin được truyền thông qua bản Hy-lạp nhưng không được viết hẳn ra). Chỉ khi nào cần tránh cho người đọc khỏi hiểu sai ý của tác giả trong nguyên bản Hy-lạp hay lời văn thiếu tự nhiên thì những **thông tin được hàm ý** sẽ được viết ra trong bản dịch của bạn. Nói một cách khác **tốt nhất là không viết những thông tin được hàm ý** ra trong bản dịch của bạn nếu làm như vậy mà vẫn truyền thông được sứ điệp một cách chính xác và tự nhiên. Nếu không bạn có thể viết những hàm ý xuống. Bạn chuyển ngữ có thể quyết định để một số thông tin hàm ý trong lời chú thích ở cuối trang thay vì ở trong bản dịch. Một số bản dịch in hàm ý *bằng chữ nghiêng* hay giữa hai ngoặc vuông. Những người chuyển ngữ khác không đánh dấu ý được hàm ý hay chỉ đôi khi mới đánh dấu.

() Ký hiệu này cũng được dùng trong ba cách khác nữa: (1) Được dùng trong đoạn kinh văn để cho biết câu Kinh Thánh hay đoạn Kinh Thánh được trích dẫn ở trong Cựu Ước. Một số ban chuyển ngữ quyết định để địa chỉ (số của câu và đoạn Kinh Thánh được trích dẫn ở trong Cựu Ước trong bản dịch của bạn) sát theo sau câu Kinh Thánh được trích dẫn, một số ban chuyển ngữ khác để trong lời chú thích ở cuối trang, một số khác nữa không đánh dấu ở đâu cả. (2) Nó cũng được dùng trong việc chú thích bên lề để cho thấy một phần của đoạn Kinh Thánh tương tự được gạch dưới giống nhau ở những chỗ khác trong Kinh Thánh (hãy xem Ma-thi-ơ 3:17 làm thí dụ). (3) Các ký hiệu này được dùng trong các đề tài và chủ đề cho các thông tin tùy thích.
4. < > Dùng cho những thông tin rõ ràng (được viết ra) trong bản Hy-lạp, nhưng nghe **tự nhiên hơn** nếu ý này được để **hàm ý** (tức là không viết rõ ra) trong bản dịch tiếng Việt. Bao gồm thông tin đó có thể nghe tự nhiên hay nghe không tự nhiên khi được chuyển ngữ sang một thứ tiếng khác. Người chuyển ngữ nên quyết định xem có nên để ý đó vào bản dịch của mình hay không.

Phần **còn lại** của những ký hiệu được dùng ở trong Bản Tham Khảo là:
5. (()) Được dùng để chỉ một loại **thông tin hàm ý** đặc biệt khác với loại thông tin hàm ý được nói ở trên phần số 3 ở trên. Hầu hết các người chuyển ngữ sẽ **không** bao gồm thông tin này trong bản dịch, vì thiếu nó không làm cho sai ý

³ Nếu bạn muốn biết **cấu trúc trong văn bản Hy-lạp** trong BTK, chọn câu đầu tiên ở trong mỗi { ⇔ } và tại mỗi /, bao gồm thông tin trong < >, và bỏ qua thông tin ở trong () và (()) .

nghĩa, chỉ không được đầy đủ ý nghĩa giống như các đọc giả đầu tiên đã hiểu. Tuy nhiên, người chuyển ngữ có thể muốn để thông tin được hàm ý này vào để thêm sự hiểu biết cho đồng hương của họ. Đa số những người đó để thông tin được hàm ý trong lời chú thích ở cuối trang, không phải ở ngay trong bản văn. Tuy nhiên, có một số ít người sẽ để ở trong bản dịch. Thường có một **Lời Chú Thích ở cuối trang được đề nghị** được để gần (()). Nội dung của **Lời Chú Thích** có thể được dùng thay vì viết rõ thông tin được hàm ý đó vào trong bản dịch.

6. [] Cho thấy **sự khác biệt trong cách viết** của các bản thảo Hy-lạp, những sự khác biệt này cũng có hoặc không có trong **Bản Hy-lạp của Thánh Kinh Hội** (Bản Hy-lạp được đa-số bản dịch tiếng Anh dùng) và/hay ⁴**Văn Bản Hy-lạp Đa Số**. (Hãy xem Danh Sách Từ Ngữ). Trong Bản Tham Khảo những phần kinh văn ở ngoài [] được chuyển ngữ theo Văn Bản Hy-lạp của Thánh Kinh Hội. **Những chỗ khác biệt trong cách viết** - của các văn bản Hy-lạp được các ủy ban chuyển ngữ giải quyết - một cách khác nhau. Nếu có một khác biệt trong cách viết được đưa vào trong đa số hay hầu hết các bản thảo chính thì có nhiên ban chuyển ngữ đưa sự khác biệt đó vào trong bản dịch của họ. Điều đó thật là đúng cho những sự khác biệt có liên hệ đến cho những đơn vị lớn như trong nhiều câu hay cả đoạn. Ủy ban chuyển ngữ có thể chọn hoặc để câu **khác biệt trong cách viết** đó vào trong ngoặc vuông [], hay để trong một dấu nào khác, hay không dùng cách nào cả. Họ có thể muốn hay không muốn để những sự khác nhau khác không được để trong bản dịch vào trong một lời chú thích ở cuối trang. Nếu sự khác biệt này chỉ có trong một số ít bản thảo, đa số các ủy ban chuyển ngữ **không** để vào trong bản dịch hay trong lời chú thích ở cuối trang ngoại trừ một vài trường hợp rất hiếm có. Ở mỗi [] tốt hơn nên xem bản dịch trong tiếng quốc ngữ nói gì.
7. Một số nhỏ đánh dấu sự bắt đầu của bản văn được giải thích hay bình luận trong lời chú thích ở cuối trang. Lời chú thích ở cuối trang có cùng một số với số ở trong bản dịch. Nếu cùng một vấn đề xảy ra nhiều lần trong một câu hay trong những câu kế tiếp, chỉ có lần đầu tiên là có **Lời Chú Thích ở cuối trang**. Trường hợp này xảy ra rất nhiều với ^{GTK} và trong { ↔ }.
8. * (được dùng với **gạch dưới**) cho thấy ở bên cạnh lẽ có địa chỉ của một câu Kinh Thánh ở một chỗ khác trong Tân Ước có cùng một từ vựng với phần kinh văn được gạch dưới theo sau *. Điều này giúp cho ban chuyển ngữ những đoạn này một cách nhất quán. Có tất cả bốn gạch dưới—hàng trên cùng cho câu Kinh Thánh ở trong Ma-thi-ơ, hàng thứ hai cho Mác, hàng thứ ba cho Lu-ca và hàng thứ bốn cho Giăng. Đường gạch dưới bị đứt quãng cho thấy là

⁴ **Textus Receptus** (là theo văn bản mà Tân Ước King James dựa theo) thường giống **Văn Bản Hy-lạp Đa Số**, vì vậy nó thường chỉ nói đến trong lời chú thích ở cuối trang khi nó giống như Văn Bản của Thánh Kinh Hội và khác với Văn Bản Hy-lạp Đa Số. Không phải tất cả sự khác biệt giữa Textus Receptus và Văn Bản Hy-lạp Đa Số được đề cập đến, đặc biệt là khi Văn Bản của Thánh Kinh Hội và Văn Bản Hy-lạp đa số giống nhau nhưng lại khác với Textus Receptus. Muốn biết thêm về các văn bản này xin xem trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này.

tại điểm đó đoạn kinh văn khác với đoạn kinh văn tương tự được để ở trong lề (cũng hãy xem số 11 kế tiếp).

9. + (dùng với **gạch dưới**) giúp cho người chuyển ngữ thấy có một chỗ đứt quãng nhỏ trong đường gạch dưới. Đoạn kinh văn tương tự được trích dẫn trong lề có những chữ không có ở đây trong đoạn kinh văn có ký hiệu + .
10. *TVST* Cho thấy là bản Hy-lạp dùng một nhóm từ **giả định** ở tại điểm này. Một *TVST* nhóm từ mệnh đề nói lên một việc trái ngược lại với những gì đã thật sự xảy ra. Thí dụ câu nói “Đáng lẽ tôi phải đi” hàm ý “tôi đã không đi”. Trong một số ngôn ngữ cần phải nói rõ thông tin được hàm ý, thí dụ “Đáng lẽ tôi phải đi, nhưng tôi đã không đi”.
11. *GTK* cho thấy rằng các học giả Kinh Thánh có **các sự giải thích khác nhau** của đoạn kinh văn theo sau ký hiệu *GTK*. Sự giải thích thông thường nhất là sự **lựa chọn đầu tiên**. Các sự giải thích khác được để theo thứ tự giảm dần. Lời chú thích ở cuối trang sẽ cho bạn biết mỗi sự giải thích là được hầu hết, nhiều, một số, một vài hay rất ít học giả Kinh Thánh hỗ trợ. Tùy theo ủy ban chuyển ngữ có thể xử với các cách giải thích một cách khác nhau. Thông thường, không phải luôn luôn, sự giải thích được **hầu hết** các học giả ủng hộ là sự giải thích tốt nhất để trong **kinh văn**. Các ủy ban có thể quyết định để các sự giải thích chính khác ở trong **lời chú thích ở cuối trang**, đặc biệt là các sự giải thích được **nhiều** học giả ủng hộ. Hay họ có thể quyết định không để các cách giải thích nào khác vào lời chú thích ở cuối trang. Đôi khi các học giả vô tình **chia phe đều nhau ủng hộ một số giải thích**. Trong những trường hợp này, chỉ một cách giải thích được để trong bản dịch, còn những sự giải thích khác được để trong lời chú thích ở cuối trang. Sự giải thích chỉ được **một số** học giả ủng hộ có thể được hay không được để vào trong lời chú thích ở cuối trang tùy theo sự quyết định của ủy ban chuyển ngữ cho mỗi trường hợp. Sau hết, các sự giải thích được **một vài** hay **rất ít** học giả ủng hộ **thường dứt khoát không được để** trong bản dịch, mặc dù có thể trong một số ít đoạn văn, ủy ban chuyển ngữ quyết định để những sự giải thích như vậy vào trong một lời chú thích ở cuối trang. Rất ít khi ủy ban chuyển ngữ có thể quyết định là sự giải thích chỉ được một số, một vài hay rất ít học giả ủng hộ là sự giải thích đúng để bỏ vào bản dịch. Trong những trường hợp hiếm như vậy sự giải thích khác được nhiều học giả ủng hộ phải được để vào lời chú thích ở cuối trang. Tại mỗi *GTK* nên xem lại xem bản dịch trong chữ quốc ngữ và các sách giải nghĩa Kinh Thánh nói gì về vấn đề này.
12. *NTT* Cho thấy là trong ngôn ngữ của bạn có thể cần có một **⁵đối thoại trực tiếp** thay vì một đối thoại gián tiếp được dùng tại điểm này trong bản Hy-lạp.

⁵ Về định nghĩa của “**lời đối thoại trực tiếp**” và những từ quan trọng khác hãy xem ở trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này. Một số ngôn ngữ có nhiều hơn một loại đối thoại trực tiếp hay gián tiếp.

13. ^{NGT} Cho thấy rằng trong ngôn ngữ của bạn có thể cần phải có một **đối thoại gián tiếp** thay vì một đối thoại trực tiếp được dùng tại chỗ này trong bản Hy-lạp.
14. ^{CH} Ký hiệu này cho thấy câu hỏi sau đây là một **câu hỏi tu từ/câu hỏi không cần câu trả lời** trong văn bản Hy-lạp. Một câu hỏi tu từ thường được dùng để ra một mệnh lệnh, một lời tuyên bố hay một lời yêu cầu một cách gián tiếp, với mục đích để nhấn mạnh hay làm dịu câu nói, cũng như để diễn tả một tình cảm như là thất vọng, không chấp nhận/chỉ trích, giận dữ, vui mừng, ngạc nhiên hay kinh ngạc. Sự sử dụng hay không sử dụng câu hỏi tu từ tùy thuộc vào thái độ của người nói muốn **lễ phép/lich sự** tới độ nào đối với những khán giả của ông. Nếu chuyển ngữ câu hỏi tu từ sẽ bị hiểu lầm là một câu hỏi thật, thì có thể tốt nhất là: (1) để người hỏi tự trả lời câu hỏi; hay (2) dùng một mệnh lệnh, một lời tuyên bố hay yêu cầu thay vì một câu hỏi. Một số các ngôn ngữ ít dùng các câu hỏi tu từ hơn là tiếng Hy-lạp, một số ngôn ngữ khác dùng tương tự hay nhiều hơn văn bản Hy-lạp. Trong khi chuyển ngữ hãy nhớ như vậy, để bạn có thể làm thế nào nghe cho được tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Câu hỏi tu từ thường chấm dứt với **?/!** để giúp cho người chuyển ngữ quyết định hoặc dùng câu hỏi tu từ, một câu tuyên bố hay một mệnh lệnh để truyền thông ý nghĩa của câu một cách tốt nhất trong ngôn ngữ của bạn.
15. ^{TD} Đánh dấu một chỗ trong kinh văn khi câu Kinh Thánh trong Bản Tham Khảo được **thay đổi thứ tự** của các mệnh đề trong văn bản Hy-lạp để có thể truyền thông ý nghĩa một cách rõ ràng hơn. Thứ tự của câu đó trong văn bản Hy-lạp được để vào trong lời chú thích ở cuối trang và có thể là thứ tự bạn muốn dùng cho một bản dịch.
16. **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ:** Đề nghị một lời chú thích ở cuối trang mà người chuyển ngữ có thể đưa vào trong bản dịch để giúp đỡ người đọc hiểu về những thời đại của Kinh Thánh hơn. Nếu có được những thông tin về văn hóa và các thông tin quan trọng khác trong lời chú thích ở cuối trang, thì người đọc sẽ có thể hiểu biết về lời Chúa sâu đậm hơn. Lời chú thích giúp cho người chuyển ngữ tránh được sự nguy hiểm về hiểu sai ý nghĩa của quá nhiều những thông tin được hàm ý ở trong bản dịch. Một lý do nữa để dùng lời chú thích là Kinh Thánh có thể là quyển sách duy nhất có các thông tin đó nên khó cho người ta có thể học biết về thông tin này bằng một cách nào khác. Lời chú thích còn giúp cho người đọc học về những phong tục tập quán qua các thời đại của Kinh Thánh và những thông tin quan trọng khác nếu nó ở trên cùng một trang hơn là ở trong một quyển sách riêng biệt khác. Đúng ra những người đọc có thể phải học để biết rõ lời chú thích ở cuối trang không phải là một phần trong bản kinh văn chính, nhưng điều này không khó học và sự giúp ích của các thông tin này rất dồi dào. Để giúp cho sự phân biệt lời chú thích ở cuối trang với phần kinh văn chính, bản dịch có thể dùng một hay hai hàng kẻ chia hai phần ra, lời chú thích có thể được in với mặt chữ nhỏ hơn phần kinh văn. Nên bắt đầu lời chú thích bằng số câu để người đọc có thể so sánh lời chú thích với văn bản một cách dễ dàng. Đa số người chuyển ngữ không dùng tất cả những **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ** trong bản dịch của họ. Đôi khi chỉ cần chuyển ngữ một phần của lời chú thích. Nhà xuất bản thường giới hạn

số lời chú thích có thể có trong một bản dịch—tốt hơn nên biết số lời chú thích được giới hạn (nếu có) trước khi chuyển ngữ xa hơn.

17. **HÌNH ẢNH được đề nghị:** Đề nghị hình ảnh mà ủy ban chuyển ngữ có thể muốn để vào trong phần kinh văn tại một chỗ nào đó. Đa số các bản dịch không dùng tất cả những hình ảnh được đề nghị. Phải để hình rải rác trong suốt Tân Ước để các hình ảnh không tụm lại một chỗ.
18. **Gạch Dưới:** Hãy xem số 10 và 11 ở trên. Ký hiệu này chỉ được dùng ở trong các sách Phúc Âm.

Các chữ viết tắt

KT = Kinh Thánh

BDM = *Thánh Kinh Tân Ước (Bản Dịch Mới.)* 1996. Vietnamese Bible Inc./United Bible Societies.

BDC = *Kinh-Thánh (Bản Dịch Cũ)*. 1967. Saigon: Thánh Kinh Hội

BDY = *Thánh Kinh (Bản Diễn ý.)* 1994. International Bibles Society.

BCG = *Kinh Thánh Tân Ước (Bản Công Giáo.)* 1994. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà Xuất Bản Du-Sinh Saint-Joseph

SC = Sau Chúa (sau Công Nguyên) “sau khi Đức Cơ Đốc giáng sinh”

TC = Trước Chúa (trước Công Nguyên) “trước khi Chúa Đức Cơ Đốc giáng sinh”

Ma = Ma-thi-ơ

Cô = Cô-rinh-tô

TƯ = Tân Ước

CƯ = Cựu Ước

TKH = Thánh Kinh Hội Liên Hiệp

... = ba chấm có nghĩa là có những chữ được bỏ ra ở đây

3:4 = Chương 3, câu 4 (thí dụ về số chương, số câu)

5:1-12 = chương 5, từ câu 1 đến câu 12 (thí dụ về số chương, số câu)

BTK = Bản Tham Khảo

– = một gạch dài cho thấy một sự đứt đoạn về tư tưởng hay cấu trúc của một câu.

GIỚI THIỆU SÁCH PHÚC ÂM MA-THI-Ơ

Sách Phúc Âm do môn đệ của Chúa Giê-su là Ma-thi-ơ viết vào khoảng ¹50–70 S.C. Ma-thi-ơ viết đặc biệt cho các đồng hương Do Thái. Có nhiều chi tiết ²ông không nói ra vì ông biết rằng người Do Thái sẽ hiểu được vì họ thông thạo văn hoá và có kiến thức về Kinh Thánh. Ông viết cho các tín hữu người Do Thái để khích lệ họ trong đức tin. Hay ông có thể viết cho các người Do Thái chưa tin Chúa để thuyết phục họ trở nên tín đồ. Cũng có thể là ông viết cho cả hai nhóm người. Dù viết cho nhóm người nào đi nữa, mục đích chính của ông khi viết sách này là để chứng tỏ cho người Do Thái biết rằng Chúa Giê-su là Đấng Christ ³(Đấng Cứu Thế) mà họ đang mong đợi.

Trong khi bạn dịch, để ý đến các ý tưởng chính được nhắc đi nhắc lại trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ. Các đề tài này thắt chặt sách Phúc Âm lại với nhau và hỗ trợ cho mục đích chính của Ma-thi-ơ khi viết nó. Ghi nhớ các đề tài chính trong đầu sẽ giúp bạn có một bản dịch lưu loát. ⁴**Đề tài tổng quát** của sách Phúc Âm Ma-thi-ơ có thể gọi là “Phúc Âm về Nước ⁵Thiên Đàng”. Đề tài tổng quát này có hai tiểu đề chính:

Một tiểu đề có thể được gọi là “Sứ Điệp Cứu Rỗi” hay “Tình Yêu Thương Của Đức Chúa Trời Cho Nhân Loại” hay “Đức Chúa Trời Cung Cấp Một Cứu Chúa”. Đoạn sau đây giải thích tiểu đề này nhiều hơn.

Một danh sách các tổ tiên của Chúa Giê-su cho thấy Ngài là dòng dõi của Áp-ra-ham và Vua Đa-vít là Đấng mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho nhân loại. Qua suốt cuốn sách, Ma-thi-ơ nêu rõ những sự việc khác về đời sống Chúa Giê-su đã làm ứng nghiệm những lời tiên tri về Đấng Cứu Thế. Thí dụ, khi Chúa sinh ra thiên sứ của Đức Chúa Trời đặt tên Chúa Giê-su là “Em-ma-nu-ên” có nghĩa là “Đức Chúa Trời (ở) với chúng ta”, ứng nghiệm lời tiên tri trong sách Ê-sai 7:14. Chúa Giê-su được gọi là “Con (vua) Đa-vít”, “Vua dân Do Thái”, “Đầy Tớ Đức Chúa Trời”, “Con Đức Chúa Trời” và “Con Người”. Người Do Thái biết rằng những tước hiệu đó chỉ về Chúa Giê-su như là Vua (Đấng Cứu Thế) là người đã được tiên tri là sẽ đến. Chúa Giê-su tuyên bố về Nước Thiên Đàng bởi điều Ngài làm và lời Ngài phán. Chúa đã làm nhiều phép lạ và vâng lời Đức Chúa Trời là

¹ S.C. có nghĩa là “Sau khi Chúa sinh ra”. Vậy sách Ma-thi-ơ được viết khoảng 50–70 năm sau khi Chúa Giê-su sinh ra.

² **Chi tiết được hàm ý** là những chi tiết mà tác giả cho là mọi người đều biết nên không viết ra.

³ Trong tiếng Hy-bá **Đấng Cứu Thế (Đấng Mê-si)** có nghĩa là “Đấng Xức Dầu” hay “Đấng được chọn”. Đây muốn nói đến Cứu Chúa mà Đức Chúa Trời hứa sẽ sai đến. Từ Hy-lạp cho “Me-si” là “Christos” được chuyển ngữ là “**Cứu Thế**” hay “**Christ**” trong tiếng Việt. Đa số các học giả nghĩ rằng Ma-thi-ơ dùng tiếng Hy-lạp để viết sách này. Tuy nhiên, có một số học giả nghĩ rằng Ma-thi-ơ viết bằng tiếng Hy-bá (tiếng Do Thái) và vì vậy chúng ta có một bản dịch qua tiếng Hy-lạp.

⁴ Một bản dịch **lưu loát** là một bản dịch có sự nối kết chặt chẽ, tức là, các phần khác nhau được nối kết với nhau. Một bản dịch lưu loát **không** “lùng củng” hay khó theo dõi.

⁵ Người Do Thái tránh gọi tên Đức Chúa Trời, vậy nên họ thường hay gọi tên Chúa một cách gián tiếp. Trong sách Ma-thi-ơ “**Thiên Đàng**” được dùng để nói đến Đức Chúa Trời. “Nước Thiên Đàng” nói đến “Vương Quốc của Đức Chúa Trời” hay “sự cai trị của Đức Chúa Trời”.

Cha của Ngài. Chúa đã chịu đau đớn và chết để cứu dân sự của Đức Chúa Trời khỏi bị trừng phạt vì tội lỗi của họ. Sau đó Đức Chúa Trời khiến Chúa sống lại từ kẻ chết. Một ngày nào đó Chúa Giê-su sẽ trở lại trong quyền năng và vinh quang như một vị Vua.

Tiểu đề **thứ hai** có thể gọi là “Lời Kêu Gọi Làm Môn Đệ” hay “Sự Đáp Ứng Được Đòi Hỏi Từ Con Người Đối Với Tình Yêu Của Đức Chúa Trời” hay “đối với Cứu Chúa”. Đoạn sau đây giải thích tiểu đề nhiều hơn. Chúa Giê-su ra lệnh cho chúng ta đi theo Ngài. Muốn trở nên người đi theo hay môn đệ của Chúa Giê-su đòi hỏi bỏ lại phía sau đời sống cũ với các tư tưởng và hành động đầy tội lỗi, nghe lời dạy dỗ của Chúa Giê-su và vâng theo. Các mạng lệnh lớn nhất là: yêu mến Đức Chúa Trời và yêu mến con người. Làm người đi theo Chúa Giê-su có nghĩa là dự phần trong Nước Thiên Đàng, đó là một cách khác để nói rằng người ta cần phải đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời trong đời sống của họ. Chúa Giê-su nói chuyện về việc cần phải chuẩn bị cho lúc Chúa trở lại như một vị Vua, bằng cách sống một đời sống kết quả về phần thuộc linh cho Nước Đức Chúa Trời. Chúa minh họa Nước Đức Chúa Trời qua các câu chuyện và so sánh với đời sống thường ngày. Chúa cũng dạy các môn đệ rằng họ có thể bị những người không tin Chúa bắt bớ và từ khước, giống như chính Chúa. Các môn đệ không nên lo lắng hay sợ hãi bởi vì Đức Chúa Trời sẽ cung cấp mọi sự họ cần. Những người theo Chúa cách trung tín sẽ nhận được phần thưởng của sự sống đời đời trên thiên đàng. Những người không đi theo Ngài sẽ chịu sự trừng phạt đời đời trong địa ngục. Mạng lệnh cuối cùng của Chúa Giê-su ban cho các môn đệ là họ phải đi đến với tất cả mọi dân tộc ở khắp mọi nơi và dạy họ Phúc Âm về Nước Đức Chúa Trời. Và khi họ môn đệ hoá người khác, Chúa Giê-su hứa sẽ ở với họ trong khắp mọi nơi.

Trong khi bạn nhớ những đề tài chính này, cũng nên xem **dàn bài** về cách Phúc Âm Ma-thi-ơ được cấu tạo. Có thể chia sách ra theo hai cách dưới đây:

1. Trong quá khứ các học giả Kinh Thánh thường nghĩ rằng Phúc Âm Ma-thi-ơ theo cấu trúc (không phải nội dung) của Kinh Torah (Năm sách Luật Pháp ở trong Cựu Ước.) Theo quan niệm đó, sách Ma-thi-ơ có thể được chia ra làm năm phần chính gọi là ⁶các sách nhỏ (3:1–7:29, 8:1–10:42, 11:1–13:52, 13:53–18:35, 19:1–25:46), với lời giới thiệu (chương 1–2) và cao điểm (chương 26–28). Mỗi sách nhỏ gồm có một phần gồm các câu chuyện và một phần gồm có những bài giảng. Cấu trúc này phù hợp với những người tin rằng Ma-thi-ơ trình bày sách của ông như một Torah mới và trình bày Chúa Giê-su như một Môi-se mới.
2. Mặc dù quan niệm thứ nhất được một số học giả theo, ngày nay người ta thường nhìn sách Ma-thi-ơ như kể một câu chuyện dài gồm có năm bài giảng chính nói về Nước Thiên Đàng, cũng như các cuộc đối thoại ngắn. Dàn bài sau đây cho thấy sự chia tổng quát của câu chuyện, cho thấy năm bài giảng chính xảy ra ở đâu:

Các Chương 1-2: Giới thiệu Chúa Giê-su

1: Gia phả của Chúa Giê-su cho thấy Ngài là:

⁶ Các học giả KT chia sách Ma-thi-ơ ra làm năm sách nhỏ nghĩ rằng cách chỗ cắt được đánh dấu bằng nhóm từ “khi Đức Giê-su vừa phán những lời ấy xong,” như ở trong 7:28, 11:1, 13:53, 19:1, 26:1.

Con cháu Đa-vít và Áp-ra-ham
Em-ma-nu-ên (“Đức Chúa Trời ở với chúng ta”)
Giê-su (“Cứu Chúa”)

- 2: Các nhà thông thái (thiên văn học) đi tìm Chúa Giê-su, là:
Vua dân Do Thái
Đấng Cứu Thế
Người cai trị và người chăn của dân Do Thái
Đức Chúa Trời cứu Con Ngài khỏi tay vua Hê-rốt

Các Chương 3-4: Chuẩn bị và bắt đầu chức vụ của Chúa Giê-su

- 3: Giảng Báp-tít:
dọn đường bằng cách giảng về sự ăn năn
làm phép báp-tem cho Chúa Giê-su
4: Ma quỷ cố gắng cám dỗ Chúa Giê-su phạm tội
Chúa Giê-su bắt đầu chữa bệnh và giảng dạy dân chúng ở trong tỉnh Ga-li-lê
Chúa Giê-su chọn các môn đệ

Các Chương 5–20: Chức vụ của Chúa Giê-su tại Ga-li-lê

- 5–7: Chúa Giê-su dạy các người theo Chúa về Nước Thiên Đàng (**Bài Giảng 1**)
8–9: Nói nhiều hơn về quyền năng và thẩm quyền của Chúa Giê-su
Chúa Giê-su chữa lành và dạy dỗ nhiều người hơn tại Ga-li-lê
Chúa Giê-su làm bão yên lặng
Chúa Giê-su kêu gọi Ma-thi-ơ, tác giả, làm môn đệ của Ngài
10: Chúa Giê-su sai các môn đệ ra đi như các giáo sĩ (**Bài Giảng 2**)
11–12: Những thắc mắc và xung đột quan hệ đến Chúa Giê-su
13: Chúa Giê-su kể các câu chuyện ngụ ngôn về Nước Thiên Đàng (**Bài Giảng 3**)
Chúa Giê-su bị từ khước tại Na-xa-rét, quê hương của Ngài
14–17: Hê-rốt ra lệnh chém đầu Giảng Báp-tít
Những phép lạ và các sự dạy dỗ
Chúa Giê-su hoá bánh ra nhiều
Chúa Giê-su đi bộ trên mặt nước
Chúa Giê-su nâng đỡ người không phải gốc Do Thái
Các câu hỏi của các nhà lãnh đạo Do Thái
Nói thêm về Chúa Giê-su là ai và công tác của Chúa như là một Cứu Chúa
Phê-rô tuyên bố Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế
Chúa Giê-su hoá hình trên đỉnh núi
Chúa Giê-su nói tiên tri về sự chết và sống lại của Ngài
18: Chúa Giê-su dạy riêng các môn đệ về Nước Thiên Đàng (**Bài Giảng 4**)
19–20: Trên đường lên Giê-ru-sa-lem, Chúa Giê-su dạy dỗ và chữa lành cho dân chúng
Chúa Giê-su lại nói tiên tri về sự chết và sống lại của Ngài

Các Chương 21–28:15: Chức Vụ của Chúa Giê-su ở Giê-ru-sa-lem, những ngày cuối cùng trên đất của Chúa Giê-su

- 21–23: Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem
Xung đột với các nhà lãnh đạo Do Thái gia tăng

24–25: Chúa Giê-su dạy các môn đệ của Ngài về tận thế (**Bài Giảng 5**)

26: Các biến cố dẫn đến sự chết của Chúa Giê-su

Các nhà lãnh đạo âm mưu giết Chúa Giê-su

Chúa Giê-su ăn Lễ Vượt Qua với các môn đệ của Ngài

Chúa Giê-su cầu nguyện trong Vườn Ghết-sê-ma-nê

Giu-đa phản Chúa Giê-su

Phê-rô chối không biết Chúa Giê-su

27: Chúa Giê-su bị xử án, chế nhạo, đóng đinh trên thập tự giá và chôn

28:1–15: Chúa Giê-su sống lại và các biến cố tiếp theo

Chương 28:16–20: Chúc vạ của chúng ta: các lời cuối cùng của Chúa Giê-su cho các môn đệ của Ngài (và chúng ta)

¹[Phúc Âm ⇔ Sách Chép Về Tin Mừng] (Về Chúa Giê-su Cứu Thế) ²{Theo ⇔ Viết Bởi ⇔ Kể Lại Bởi} ³(Sứ Đồ/Môn Đệ) Ma-thi-ơ

*Phân Đoạn I: {Giới Thiệu (Chúa) Giê-su ⇔
(Chúa) Giê-su Là Ai} Chương 1-2*

1:1-17 {Gia Phả ⇔ Danh Sách} Tổ Tiên Của (Chúa) Giê-su

Lu-ca 3:23-38

1 1 {(Đây là một) ^{GTK4} danh sách/sách gia phả/các tổ tiên ⇔ Đây là tên của các tổ phụ} của (Chúa) Giê-su ^{GTK5} Cứu Thế (là Đấng) ⁶ một con trai/dòng dõi của (Vua) Đa-vít,

¹ (Tên Sách) Nhiều bản thảo Hy-lạp chính dùng “**Sách Phúc Âm** Do Sứ Đồ Ma-thi-ơ Viết” làm tên của sách. Tất cả các bản dịch tiếng Việt đều dùng như vậy, mặc dù “**Phúc Âm**” cũng được chuyển ngữ là “**Tin-Lành**” hay “**Tin Mừng**”. Tuy nhiên, nhiều bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) chỉ có “**Do Ma-thi-ơ viết**”. Đa số các bản thảo Hy-lạp chính **không có tiểu đề** nào khác trong phần còn lại của Phúc Âm Ma-thi-ơ. Tuy nhiên, có một vài bản có tên sách và tiểu đề. Hầu hết các bản dịch **bao gồm** các tiểu đề để **giúp cho người đọc** biết mỗi phần của Phúc Âm nói về cái gì.

² (Tên Sách) Một tên sách thật giản dị có thể là “Ma-thi-ơ **kể/viết** về Chúa Giê-su Cứu Thế”. Nếu chuyển ngữ tên sách là “Phúc Âm của Sứ Đồ Ma-thi-ơ”, nó **không thể** có nghĩa là “Phúc Âm Về Sứ Đồ Ma-thi-ơ”.

³ (Tên Sách) Nhiều bản chuyển ngữ muốn giữ **các tên** của tất cả các sách Phúc Âm cùng giống nhau nếu có thể được. Các sứ đồ Ma-thi-ơ và Giăng là môn đệ thực thụ của Chúa Giê-su, ông Mác và ông Lu-ca không phải là sứ đồ. Có thể nói cả bốn người là “**môn đệ**”. Một bản dịch dùng cho tất cả các hệ phái nên **tránh** dùng từ “**thánh**” trong tên sách.

⁴ 1:1 Trong bản Hy-lạp có thể hiểu nhiều hơn là một ý nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Ma-thi-ơ đề cập đến danh sách của các tổ tiên trong các câu 1-17, hay có thể là hai chương 1 và 2. Họ có thể bắt đầu câu số một bằng cách nói: “(Đây là một) **danh sách** của gia phả/dòng họ/các tổ tiên của (Chúa) Giê-su...” hay “(Đây là một) hồ sơ **nguồn gốc** của (Chúa) Giê-su...” Tuy nhiên, nhiều học giả nghĩ rằng đây muốn nói đến toàn bộ sách Ma-thi-ơ và nên nói “(Đây là một) **quyển sách**/sổ ghi chép lại/**lịch sử** của Chúa Giê-su...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Cách bắt đầu sách Ma-thi-ơ nhắc cho người Do Thái nhớ tới các đoạn kinh văn như là Sáng Thế Ký 2:4 và 5:1. Những câu này được bắt đầu bằng cách nói: “Đây là sách của dòng dõi/lịch sử...” Ma-thi-ơ viết sách này là để cho người Do Thái, ông cho họ thấy rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế mà họ đang mong đợi.

⁵ 1:1 Nhiều người chuyển ngữ muốn phân biệt khi nào “**Christ**” được dùng như một tên với khi được dùng như một tước vị. Đa số học giả Thánh Kinh nghĩ nó được dùng ở đây như một **tên** của Chúa Giê-su, và vì vậy họ **phiên âm** nó (tức là, viết theo ngôn ngữ được chuyển ngữ sang gần với cách đọc ở trong tiếng Hy-lạp hay trong tiếng địa phương). Tuy nhiên, nhiều học giả nghĩ “**Christ**” được dùng ở đây như một **tước vị**, và vì vậy họ **chuyển ngữ theo** ý nghĩa của nó (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** của câu 16 về ý nghĩa của “**Christ**”). Tuy nhiên, một số người chuyển ngữ có thể quyết định **luôn luôn chuyển ngữ** theo ý nghĩa của “**Christ**”, vì dù là dùng như là một tên hay như một tước vị, nó cũng có cùng một ý nghĩa. (Xem **Danh Sách Các Từ Ngữ** ở đằng sau của sách này.)

GTK7 (và ⇔ Vua Đa-vít) là một con trai/dòng dõi của **8** Áp-ra-ham ((hai người này là tổ phụ lớn nhất của người Y-sơ-ra-ên/Do Thái)).

2 Áp-ra-ham **9** {sinh/có (một con trai tên là) ⇔ là cha của} **10** Y-sác.

<Sau đó> Y-sác {sinh/có (một con trai tên là) ⇔ là cha của} Gia-cốp.

<Sau đó> Gia-cốp sinh ra/có (một con trai tên là) Giu-đa và **11** {các anh em của Giu-đa ⇔ (mười một) người con trai khác} ((là những người tạo lập ra mười hai chi tộc của người Y-sơ-ra-ên/Do Thái)).

3 <Sau đó> {Giu-đa **12** sinh ra/có (hai con trai sinh đôi tên là) Pha-rê và Xa-ra mẹ là **13** Tha-ma ⇔ Giu-đa và ((vợ goá của con trai ông)) Tha-ma có (hai con trai sinh đôi tên là) Pha-rê và Xa-ra}.

6 **1:1** Tiếng Hy-lạp là ngôn ngữ gốc mà Tân Ước được viết ra. Bản Hy-lạp dùng cùng một tiếng để nói về “con trai” và “dòng dõi”. Nên diễn tả rõ ràng là Chúa Giê-su **không phải là** con trai của Đa-vít hay Áp-ra-ham, nhưng là dòng dõi của họ. Tức là, Chúa Giê-su từ dòng họ của Áp-ra-ham và Đa-vít, nhưng có nhiều tổ tiên giữa đời Áp-ra-ham, Đa-vít và Chúa Giê-su mà không được nhắc đến trong câu này.

7 **1:1** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ sau bỏ tức cho “Chúa Giê-su Cứu Thế” và có nghĩa là “(và) một con trai/dòng dõi của Áp-ra-ham”. Vì Chúa Giê-su là trọng tâm của phần này, đó có vẻ là cách giải thích tốt nhất. Bản Dịch Cũ (BDC), Bản Diễn Ý (BDY) dùng “và” làm cho điều này rõ ràng hơn. Tuy nhiên, nhiều người nghĩ rằng nó bỏ tức cho “Đa-vít và có nghĩa là “Đa-vít một con trai/dòng dõi của Áp-ra-ham”.

8 **1:1** Áp-ra-ham sống/có trước Vua Đa-vít rất lâu. Đa-vít được nhắc đến ở đây trước có lẽ để nhấn mạnh Chúa Giê-su là dòng dõi của Đa-vít người được Đức Chúa Trời hứa là sẽ cai trị dân sự của Chúa đời đời.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Gia phả rất là quan trọng đối với người Do Thái. Vua Đa-vít và Áp-ra-ham được nhắc đến ở phần đầu của gia phả cũng như ở trong gia phả, bởi vì hai người là tổ tiên lớn nhất của người Do Thái và Chúa Giê-su làm ứng nghiệm giao ước Đức Chúa Trời làm với họ (Sáng 12:1-3, 22:15-18; 2 Sa-mu-ên 7). Người Do Thái trông đợi Đấng Cứu Thế là dòng dõi của Áp-ra-ham, Y-sác, Gia-cốp và Vua Đa-vít. Khi Giô-sép nhận Chúa Giê-su làm con, Chúa Giê-su trở nên dòng dõi của Vua Đa-vít giống như Giô-sép.

9 **1:2** Trong bản thảo Hy-lạp từ được dùng ở đây có nghĩa là “sinh ra”. Bạn nên nghiên cứu ngôn ngữ được chuyển ngữ sang để tìm cách tự nhiên nhất để kể gia phả hay danh sách các tổ tiên có thể dùng trong phần này.

Xem **sự sắp đặt của tác giả** về gia phả sẽ rõ ràng hơn nếu các câu **2-17** được phối hợp lại và để vào **ba danh sách** với các tên được đánh dấu từ 1-14 trong mỗi danh sách. Thí dụ: bạn có thể nói: “Có mười bốn thế hệ/tổ tiên từ Áp-ra-ham tới Đa-vít 1. Áp-ra-ham, 2. Y-sác, 3. Gia-cốp, cha của Giu-đa và các anh em của ông... 14. Vua Đa-vít. Có mười bốn thế hệ/tổ tiên từ Vua Đa-vít cho tới lúc bị cầm tù/lưu đày ở Ba-by-lôn: 1. Đa-vít, 2. Sa-lô-môn... 14. Giô-sia, cha của Giê-cô-nia...”

Hãy để ý là tên Đa-vít được dùng trong cả hai nhóm để cho có 14 tên trong mỗi danh sách. Về **LỜI CHÚ THÍCH** cho “thế hệ” hãy xem câu 17.

10 **1:2** Khi **đánh vần các tên** ở trong Tân Ước, bạn có thể đánh vần ra theo cách phát âm trong tiếng Hy-lạp hay tiếng Việt hay chỉ dùng các chữ và cách phát âm trong ngôn ngữ của bạn. Thí dụ, một ngôn ngữ không có chữ “r” có thể phiên âm tên “Mark” là “Mak”.

11 **1:2** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các anh em của yGiu-đa được nhắc đến trong gia phả này bởi vì họ là Các Tộc Trưởng của dân Y-sơ-ra-ên (tức là, họ là tổ phụ/người sáng lập ra mười hai chi tộc của dân Do Thái). Điều đó là quan trọng đối với các đọc giả Do Thái của sách này.

12 **1:3** Cố gắng nhất quán trong việc chuyển ngữ “sinh ra/có (một con trai tên là)” trong suốt các câu 2-16. Trong nhiều ngôn ngữ **không** cần phải để “(có một con trai tên là)”. Tuy nhiên, nên để người đọc thấy rõ ràng đây là tên của những người con trai, **không** phải là con gái. Có thể dùng **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích điều đó.

- <Sau đó> Pha-rê sinh/có (một con trai tên là) Ếch-rôn.
 <Sau đó> Ếch-rôn sinh ra/có (một con trai tên là) ¹⁴A-ram.
- 4 <Sau đó> A-ram sinh/có (một con trai tên là) A-mi-na-đáp.
 <Sau đó> A-mi-na-đáp sinh/có (một con trai tên là) Na-ách-sôn.
 <Sau đó> Na-ách-sôn sinh/có (một con trai tên là) Sanh-môn.
- 5 <Sau đó> {Sanh-môn sinh/có (một con trai tên là) Bô-ô mẹ là ¹⁵Ra-háp, ((một người không phải là người Do Thái ⇔ một cô điếm người Ca-na-an,)) ⇔ Sanh-môn và vợ ông Ra-háp ((một người không phải là người Do Thái ⇔ người Ca-na-an trước làm điếm,)) sinh/có (một con trai tên là) Bô-ô}.
 <Sau đó> {Bô-ô sinh/có (một con trai tên là) Ô-bết mẹ là Ru-tơ ((cũng không phải là người Do Thái)) ⇔ Bô-ô và vợ là Ru-tơ ((cũng là một người không phải là người Do Thái)) sinh/có (một con trai tên là) Ô-bết}.
 <Sau đó> Ô-bết sinh/có (một con trai tên là) Giê-sê.
- 6 <Sau đó> Giê-sê sinh/có (một con trai tên là) Đa-vít (người trở nên) vua (của dân Do Thái ⇔ trên người Y-sơ-ra-ên/Do Thái).
 <Sau đó ¹⁶[Vua]> {Đa-vít sinh/có (một con trai tên là) Sa-lô-môn mẹ là ((Bát-sê-ba)) là (vợ) của ¹⁷U-ri ⇔ Đa-vít và ((Bát-sê-ba)) vợ của U-ri có (một con trai tên là) Sa-lô-môn}.
- 7 <Sau đó> Sa-lô-môn sinh/có (một con trai tên là) Rô-bô-am.
 <Sau đó> ¹⁸Rô-bô-am sinh/có (một con trai tên là) A-bi-gia.
 <Sau đó> A-bi-gia sinh/có (một con trai tên là) A-sa.

¹³ 1:4 Làm thế nào để người đọc hiểu rõ **Tha-ma** là mẹ của Pha-rê và Xa-ra. Bà ta là vợ goá của con trai ông Giu-đa, **không** phải là vợ của Giu-đa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái không thích kết hôn với {những người ngoại quốc ⇔ không phải là người Do Thái}. Tên của đàn bà thường không được để vào gia phả của người Do Thái. Tha-ma là con dâu của Giu-đa và có lẽ được nhắc đến ở đây vì bà không phải là người Do Thái (một người Ca-na-an) và để nhắc cho các độc giả Do Thái nhớ rằng tội lỗi của Giu-đa phạm với bà (Sáng Thế Ký 38). Các đại tổ phụ của dân Do Thái không phải là toàn hảo, và một số tổ phụ của họ không phải là người Do Thái nữa.

¹⁴ 1:4 “**A-ram**” nói đến cùng một người được gọi là **Ram** trong Cựu Ước (hãy xem 1 Sử Ký 2:9).

¹⁵ 1:5 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Ra-háp được nhắc đến ở trong gia phả này bởi vì bà là một người ngoại quốc (từ tỉnh Ca-na-an)/không phải là người Do Thái và trước kia là một cô điếm (Giô-suê 6:25). Ru-tơ được nhắc đến ở câu sau cũng {là một người ngoại quốc (từ tỉnh Mô-áp) ⇔ không phải là người Do Thái}. Chúa Giê-su Cứu Thế là Cứu Chúa của tất cả các quốc gia (mọi dân tộc), không phải chỉ dân Do Thái. Ngay cả một số tổ tiên của Chúa không phải là người Do Thái.

¹⁶ 1:6 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và BDM, BDC, BDY, BCG) có “**Vua**” ở đây. Tuy nhiên, đa số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có từ đó, nhưng chỉ hàm ý thôi. Bạn có thể dùng từ như thế nào để nghe cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Hãy để ý trong câu 6 bạn đề cập đến Đa-vít như thế nào.

¹⁷ 1:6 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tên của vợ U-ri là Bát-sê-ba. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng bà là người Hê-tít, không phải là người Do Thái. Theo 2 Sa-mu-ên 11, Vua Đa-vít đã ngoại tình với bà và sau đó làm cho chồng bà U-ri chết trong chiến trận. Ngay cả tổ tiên vĩ đại của Do Thái cũng không phải là người toàn hảo và cần Chúa Giê-su Cứu Thế chết cho tội của ông.

¹⁸ 1:7 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ Rô-bô-am đến Giê-cô-ni-a (trong câu 11) là tất cả các vua cai trị nước Giu-đa (1 Các vua 12-2 Các vua 24).

- 8 <Sau đó> A-sa sinh/có (một con trai tên là) Giô-sa-phát.
 <Sau đó> Giô-sa-phát sinh/có (một con trai tên là) Giô-ram.
 <Sau đó> Giô-ram sinh/có (một ¹⁹ con trai/con cháu tên là) Ô-xia.
- 9 <Sau đó> Ô-xi-a sinh/có (một con trai tên là) Giô-tam.
 <Sau đó> Giô-tam sinh/có (một con trai tên là) A-cha.
 <Sau đó> A-cha sinh/có (một con trai tên là) Ê-xê-chi-a.
- 10 <Sau đó> Ê-xê-chi-a sinh/có (một con trai tên là) Ma-na-sê.
 <Sau đó> Ma-na-sê sinh/có (một con trai tên là) A-môn.
 <Sau đó> A-môn sinh/có (một con trai tên là) Giô-si-a.
- 11 <Sau đó> Giô-si-a sinh/có (một ²⁰ con trai/cháu trai tên là) ²¹Giê-cô-ni-a và ²²các em người ²³{trong lúc ²⁴ bị lưu đày ở tại Ba-by-lôn ⇔ khi dân Y-sơ-ra-ên/Do Thái bị đem về (nước) Ba-by-lôn ⇔ ²⁵ khi dân nước Ba-by-lôn đánh bại dân Y-sơ-ra-ên/Do Thái và bắt họ sang sống tại Ba-by-lôn và các nước khác}.
- 12 <Rồi thì> ²⁶{sau khi bị ²⁷ lưu đày tại Ba-by-lôn ⇔ lúc đó}, Giê-cô-ni-a sinh/có (một con trai tên là) Sa-la-thi-ên.
 <Sau đó> Sa-la-thi-ên sinh/có (một ²⁸ con trai/cháu trai tên là) Xô-rô-ba-bên.

¹⁹ 1:8 Theo 1 Sử Ký 3:11-12, ba tổ phụ (A-cha-xia, Giô-ách, A-ma-xia) bị bỏ ra ngoài gia phả này ở giữa Giô-ram và Ô-xia, nên có một số bản dịch dùng “**dòng dõi**” ở đây. Tuy nhiên, hầu hết các bản dịch dùng “**con**” theo như cách của Ma-thi-ơ và không đánh dấu khi bỏ cách một tổ phụ.

²⁰ 1:11 Theo 1 Sử Ký 3:15-16, một tổ phụ (Giê-hô-gia-kim) đã bị bỏ ra ngoài gia phả tại điểm này, vậy nên, tốt hơn nên dùng “**cháu trai**” hay “con cháu” ở đây. Hãy xem lời giải thích về một trường hợp tương tự ở trong câu 8.

²¹ 1:11 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giê-cô-ni-a này là cùng một người ở trong Cựu Ước tên là Giê-cô-ni-a hay Giê-hô-gia-kim.

²² 1:11 Theo 1 Sử Ký 3:16, Giê-cô-ni-a chỉ có một người em, vậy nên “**các em**” ở đây có nghĩa tổng quát là “**bà con**”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Giê-cô-ni-a là cháu của Giô-si-a và chỉ có một người em (theo 1 Sử Ký 3:15-16). Nhóm từ “và các em/bà con” có thể là cách mà Ma-thi-ơ dùng để nhắc nhở các người Do Thái về các vua khác đang cai trị nước Giu-đa trong thời gian đó. Trước hết hai con trai của Giô-si-a cai trị, sau đó tới Giê-cô-ni-a, rồi sau đó đến một trong những con trai khác của Giô-si-a (2 Các Vua 23:28-25:7).

²³ 1:11 Giê-cô-ni-a và các em người/bà con được sinh ra **trước khi** bị lưu đày tại Ba-by-lôn (2 Các Vua 23:36-24:17). Nói một cách khác, vào lúc họ bị đi lưu đày tất cả những người này đã được sinh ra.

²⁴ 1:11 Chuyển ngữ “**lưu đày**” **không nên** hàm ý/có nghĩa là dân Do Thái bị làm nô lệ, nhưng họ bị bắt buộc phải rời bỏ quê hương và sống ở một nơi khác không theo ý của họ.

²⁵ 1:11 Hãy cố gắng **vấn tất và vấn rõ ràng**. Thí dụ, bạn có thể không cần phải dùng “và các nước khác”.

²⁶ 1:12 Có thể **không lặp lại** cả nhóm từ nói về sự lưu đày tại Ba-by-lôn nghe tự nhiên hơn vì việc này vừa được đề cập đến trong câu 11.

²⁷ 1:12 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dân Do Thái bị lưu đày ở Ba-by-lôn khoảng 70 năm (605-536 T.C.). Giê-cô-ni-a sinh Sa-la-thi-ên trong lúc bị lưu đày, trước khi họ trở về nước Y-sơ-ra-ên (2 Các Vua 24:8-16).

²⁸ 1:12 Theo bản Hê-bơ-rơ (tiếng Do Thái) của 1 Sử Ký 3:19, một tổ phụ (Phê-đa-gia) đã bị bỏ ra khỏi gia phả nên một số người chuyển ngữ dùng “**cháu**” hay “con cháu” ở đây. Tuy nhiên, có lẽ Ma-thi-ơ theo

- 13 <Sau đó> Xô-rô-ba-bên sinh/có (một con trai tên là) A-bi-út.
 <Sau đó> A-bi-út sinh/có (một con trai tên là) Ê-li-a-kim.
 <Sau đó> Ê-li-a-kim sinh/có (một con trai tên là) A-xô.
- 14 <Sau đó> A-xô sinh/có (một con trai tên là) Sa-đốc.
 <Sau đó> Sa-đốc sinh/có (một con trai tên là) A-chim.
 <Sau đó> A-chim sinh/có (một con trai tên là) Ê-li-út.
- 15 <Sau đó> Ê-li-út sinh/có (một con trai tên là) Ê-li-a-xa.
 <Sau đó> Ê-li-a-xa sinh/có (một con trai tên là) Ma-than.
 <Sau đó> Ma-than sinh/có (một con trai tên là) Gia-cốp.
- 16 <Sau đó> Gia-cốp²⁹ sinh/có (một con trai tên là) Giô-sép (là) chồng của Ma-ri, (và)
 {Ma-ri sinh ra (Chúa) Giê-su³⁰ được thụ thai (bởi Đức Thánh Linh) ⇔ Đức Chúa Trời
 khiến cho Ma-ri thụ thai/sinh được (một con trai tên là) Giê-su³¹ {là Đấng được gọi
 là ⇔ người ta còn gọi là} {Đấng Cứu Thế ⇔ Đấng được Đức Chúa Trời hứa ban}.
- 17 {Nhu thế ⇔ Tóm lại}, (có) tất cả là³² mười bốn³³ đời/tổ tiên/tổ phụ từ Áp-ra-ham
 đến Đa-vít <và> mười bốn đời/tổ tiên/tổ phụ từ Đa-vít cho/đến khi bị lưu đày tại³⁴ Ba-by-
 lôn, và mười bốn đời/tổ tiên/tổ phụ từ lúc lưu đày ở Ba-by-lôn đến³⁵ Đấng Cứu Thế.

bản dịch Hy-lạp của Cựu Ước là bản cũng bỏ Phê-đa-gia ra ngoài. Hãy xem bạn dùng từ gì ở những trường hợp tương tự trong các câu 8 và 11.

- ²⁹ 1:16 Tại điểm này nên duyệt lại xem bạn dùng “sinh/có” trong suốt các câu 2-16. Hãy xem lời giải nghĩa của câu 2.
- ³⁰ 1:16 Thể của từ/động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp hàm ý rằng **Đức Chúa Trời** sinh ra Chúa Giê-su qua Ma-ri. Tuy nhiên, bản dịch **không nên** hàm ý rằng Đức Chúa Trời có quan hệ tình dục với Ma-ri (xem câu 20). Các bản dịch tiếng Việt chỉ nói là Ma-ri sinh Giê-su hay Ma-ri là mẹ của Chúa Giê-su.
- ³¹ 1:16 Làm thế nào để người đọc hiểu Chúa Giê-su chứ **không phải là** Ma-ri hay Đức Chúa Trời cũng được gọi là Đức Cứu Thế.
- ³² 1:17 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Con số 14 đã được chọn (và vì thế một số tổ tiên không được kể tên) cho gia phả này bởi vì 14 là hai lần 7 (đối với người Do Thái số 7 là số trọn vẹn) và/hay bởi vì, theo hệ thống của người Do Thái, đó là số của các chữ trong tên của vua Đa-vít. Gia phả được xếp đặt để đánh dấu bốn thời điểm quan trọng trong lịch sử Do Thái: Áp-ra-ham—tổ phụ của nước Do Thái, thời của vua Đa-vít—là cao điểm trong lịch sử Do Thái, cuộc lưu đày/lưu vong tại Ba-by-lôn—điểm thấp nhất trong lịch sử Do Thái và Đấng Cứu Thế—Cứu Chúa của thế gian. Cách sắp đặt của gia phả cũng làm cho dễ nhớ các tên hơn.
- ³³ 1:17 Cần thận khi chuyển ngữ từ “đời/thế hệ” thường nói đến sự liên hệ về thời gian từ người cha đến người con, tức là, “tổ tiên/các người cha” kế tiếp nhau.
- ³⁴ 1:17 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Lưu đày tại Ba-by-lôn” trong câu 11.
- ³⁵ 1:17 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Đấng Cứu Thế” trong câu 16.

1:18-25 ³⁶{(Quyền Năng Của) Đức Thánh Linh
Khiến Cho Ma-ri Thọ Thai ⇔ (Chúa) Giê-su Được Sinh Ra}

³⁷*Lu-ca 2:1-7*

18 <Và> {³⁸đây là cách ³⁹(Chúa) Giê-su Cứu Thế được sinh ra: ⇔ sự thọ thai và giáng sinh của (Chúa) Giê-su Cứu Thế đã xảy ra như sau:} ⁴⁰Trong khi ⁴¹mẹ của (Chúa) Giê-su đã ⁴²{đính hôn với ⇔ đã hứa gả cho} Giô-sép, (nhưng) ⁴³{trước khi họ sống chung ⇔ trước khi họ có quan hệ tình dục ⇔ trong khi Ma-ri vẫn còn là một trinh nữ}, ⁴⁴cô có bầu/thai bởi ⁴⁵(quyền năng của) ⁴⁶Đức Thánh Linh. **19** ⁴⁷Nhưng/<Và> ⁴⁸chồng (hứa) của

³⁶ (Tiểu đề) Đọc qua tiểu đoạn bạn đang chuyển ngữ một lần **trước khi** chuyển ngữ là một **thói quen tốt**. Làm như vậy sẽ giúp bạn có một bản dịch rõ ràng và nối kết với nhau.

³⁷ Ủy ban phiên dịch cần phải quyết định xem có nên để địa chỉ của các đoạn KT tương tự ở dưới tiểu đề hay không. Nhiều ủy ban để các địa chỉ này vào để người đọc biết tìm thông tin này ở các chỗ khác trong Tân Ước. Tuy nhiên, một số ủy ban không để các địa chỉ này vào vì sợ các đọc giả bối rối, tưởng rằng đoạn KT họ đọc là đoạn KT được liệt kê ở dưới tiểu đề.

³⁸ **1:18** Phần lớn của đoạn này nói về phép lạ trong cách Ma-ri **thọ thai** Chúa Giê-su. Hãy chú ý cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

³⁹ **1:18** Hãy chú ý bạn chuyển ngữ tên “**Chúa Giê-su Cứu Thế**” trong câu 1. Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và BDM, BDC, BCG) dùng “**Giê-su Cứu Thế**” ở đây. Tuy nhiên, có một vài bản thảo chính dùng “**Cứu Thế Giê-su**” hay “**Giê-su**” (BDY).

⁴⁰ **1:18** Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn “Mẹ của Chúa Giê-su đã đính hôn với (một người tên là) Giô-sép. Nhưng trước khi họ ăn ở với nhau...”

⁴¹ **1:18** **Không** nên nói như là Chúa Giê-su đã sinh ra rồi.

⁴² **1:18** Nghiên cứu **phong tục về hôn nhân** và các từ người ta dùng để nói về hôn nhân trong ngôn ngữ của bạn. Cẩn thận trong việc truyền thông văn hóa của người Do Thái một cách đúng ở đây và **đừng** thay thế bằng các phong tục của văn hóa khác làm thay đổi phong tục về hôn nhân của Do Thái ở đây.

Cần nhớ **một nguyên tắc chuyển ngữ** quan trọng là: **không** nên thay đổi **các dữ kiện lịch sử** trong Kinh Thánh. Các dữ kiện lịch sử là: người ta, phong tục, hành động/biến cố, tình trạng, nơi chốn, các súc vật hay các đồ mà Kinh Thánh nói thật sự hiện hữu và xảy ra vào lúc đó. Tuy nhiên, nếu cần, bạn có thể thay thế bằng cách nào hợp với văn hóa để chuyển ngữ các thành ngữ hay chuyện ngụ ngôn là những việc không thật sự xảy ra trong Kinh Thánh. Bạn chỉ làm như vậy khi dùng thành ngữ hay phần của chuyện ngụ ngôn ấy sẽ làm cho người đọc hiểu lầm. Thí dụ và các lời giải nghĩa khác về vấn đề này ở trong Ma 3:7, 12.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong văn hóa Do Thái hôn nhân do cha mẹ hai bên định đoạt. Một giao ước được làm giữa hai gia đình khi cô con gái được 12-13 tuổi. Sau khi thanh niên và thiếu nữ đó đã được hứa gả cho nhau, họ được coi như là đã kết hôn, nhưng họ phải chờ đợi một thời gian (thường là một năm). Trong lúc đó, họ không sống chung và không được phép có quan hệ tình dục. Sau thời gian chờ đợi, người chồng sẽ mang vợ về nhà mình.

⁴³ **1:18** Thành ngữ “**sống chung**” có nghĩa là “có quan hệ hôn nhân/tình dục”. Chuyển ngữ thế nào để người đọc **không** bị mắc cỡ.

⁴⁴ **1:18** Hãy chuyển ngữ thế nào để người đọc **không** thấy mắc cỡ. Giô-sép **không** biết rằng Đức Thánh Linh khiến cho Ma-ri có thai cho đến câu 20.

⁴⁵ **1:18** Cẩn thận để người đọc **không** nghĩ rằng Đức Thánh Linh có quan hệ tình dục với Ma-ri. Bạn có thể cần phải nói như sau: “Đức Thánh Linh **khiến/làm cho** cô ấy/Ma-ri có thai **một cách kỳ diệu**.”

⁴⁶ **1:18** Khi chuyển ngữ “**Đức Thánh Linh**” rất cần phải quan tâm đến Kinh Thánh dạy chúng ta gì về Đức Chúa Trời. Chỉ có một Đức Chúa Trời do ba ngôi hợp lại (Chúa Cha, Chúa Con và Đức Thánh Linh).

cô ấy/Ma-ri là Giô-sép⁴⁹ (chưa biết về điều Đức Chúa Trời đã làm, nên ông nghĩ rằng cô ta/Ma-ri đã không chung thủy với mình. Ông/Giô-sép)^{GTK50} {là người công chính, và/nhưng ⇔ tử tế/tốt/có lòng thương xót và/vì vậy} (ông) không muốn làm xấu hổ/nhục cô/Ma-ri (bằng cách công khai ly dị cô). (Vậy nên/thay vào đó,) ông/Giô-sép dự định/quyết định {đuổi cô đi ⇔ ly dị cô ⇔ từ hôn} một cách thầm lặng.

Nhiều người chuyển ngữ dùng “**Đức Thánh Linh**” như “Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, **không nên** nói như Chúa Cha và Đức Thánh Linh là cùng một người, và **không nên** làm cho người đọc hiểu là Đức Thánh Linh là thần linh của Đức Chúa Trời chứ không phải là Đức Chúa Trời thật sự. Một **thần linh** là một thể có cá tính riêng biệt, nhưng không có một thể xác vật chất. “**Thánh**” diễn tả **sự công chính/tinh sạch/toàn hảo** của Đức Chúa Trời và là những đặc tính mà Chúa đòi hỏi con người phải có. Nó cũng mô tả con người hay những vật đã được **thánh hóa**, tức là **được dâng hiến/dành riêng** để được sử dụng cho Đức Chúa Trời. Từ Hê-bơ-rơ “**Thánh khiết/thánh**” có nghĩa là “**biệt riêng ra**”, nhưng tránh dịch có nghĩa là “bị loại bỏ/chừa ra”. Tốt hơn hết là **đừng** dùng những từ như “kiêng kị”, nếu làm như vậy hàm ý rằng con người phải tránh Thánh Linh của Đức Chúa Trời hay không làm phiền đến Ngài. **Tránh** mượn từ của ngôn ngữ khác không có ý nghĩa. Cần thận **đừng** hàm ý rằng Đức Thánh Linh là một tà linh, hay linh hồn của một người đã chết.

- ⁴⁷ **1:19** Bản Hy-lạp dùng một từ có nghĩa là “và” hay “nhưng” ở đây. Trong ngữ cảnh này có nghĩa là “nhưng”. Trong tiếng Việt dùng từ “và” nghe không được tự nhiên nên được để trong ngoặc. Các bản dịch tiếng Việt không chuyển ngữ từ này. Bạn có thể dùng từ như thế nào nghe cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn hay không dùng từ nào hết giống như các bản tiếng Việt.
- ⁴⁸ **1:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “**Chồng**” được dùng ở đây trong bản Hy-lạp bởi vì người Do Thái coi đính hôn quan trọng như là kết hôn vậy và vì vậy muốn từ hôn phải ly dị. Nếu chồng hứa của một cô thiếu nữ chết, cô đó được coi là quả phụ.
- ⁴⁹ **1:19** Bạn có thể cần phải nói rõ rằng Giô-sép **chưa** biết điều Chúa đã làm, nên ý muốn ly dị Ma-ri không phải là chống nghịch lại với ý Chúa. **Chỉ** nói rõ điều cần phải nói.
- ⁵⁰ **1:19** Bản Hy-lạp ở đây có nhiều hơn một ý (nhất là “**là công bình/công chính**”). Nhiều học giả Kinh Thánh (và BCG) nghĩ có nghĩa “là tử tế/tốt/có lòng thương xót, và/vì vậy...” Tuy nhiên, nhiều người (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng “Giô-sép vâng theo Luật Pháp của người Do Thái đòi hỏi người đàn ông ly dị vợ mình nếu người vợ phạm tội ngoại tình, nhưng...”

Khi các học giả Kinh Thánh có **sự giải thích khác nhau** về đoạn Kinh văn, thường thường (**không phải** lúc nào cũng như vậy) sự giải thích được **đưa số** các học giả hỗ trợ là sự giải thích tốt nhất để dùng trong bản dịch. Sự giải thích được **nhiều** học giả hỗ trợ thường được để trong **LỜI CHÚ THÍCH**. Có những trường hợp số học giả **được chia đều nhau** về hai hay nhiều cách giải thích khác nhau, có thể một cách giải thích được để trong **bản dịch của bạn** và những sự giải thích còn lại được bao gồm trong một **LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang**. Cách giải thích được **một số** học giả ủng hộ có thể được hay không được để vào **LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang**, tùy theo quyết định của ủy ban chuyển ngữ trong mỗi trường hợp. Sự giải thích được **một vài** hay **rất ít** học giả theo thường **không được để vào** trong bản dịch, mặc dù có thể có một số ít đoạn được ủy ban chuyển ngữ quyết định để các sự giải thích ấy vào trong **LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang**. Trong một vài trường hợp hiếm có ủy ban chuyển ngữ có thể quyết định để cách giải thích được một số, một vài hay rất ít học giả ủng hộ là sự giải thích đúng được để vào trong **bản dịch của bạn**. Trong những trường hợp như vậy các sự giải thích được nhiều học giả theo sẽ được để vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang**. Ở mỗi trường hợp **giải thích khác** (GTK) tốt hơn là phải xem xét cách giải thích nào được dùng trong quốc ngữ và sách giải nghĩa Kinh Thánh bạn ưa thích nói gì về vấn đề đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Cựu Ước người vợ ngoại tình sẽ bị ném đá chết (Phục Truyền 22:22-24), nhưng trong thời Tân Ước dưới sự cai trị của người La-mã người Do Thái không được phép xử tử bất cứ ai. Vì vậy thay vì ném đá người chồng sẽ ly dị. Theo Luật Pháp của người Do Thái, Giô-sép hoặc là đem Ma-ri ra toà án công khai ly dị hay im lặng cho cô một tờ giấy ly dị trước một vài nhân chứng chọn lọc.

20 ⁵¹<Rồi/Nhưng> (một đêm kia) ^{GTK52}{sau khi ông/Giô-sép suy nghĩ về những điều đó ⇔ sau khi ông/Giô-sép đã quyết định từ hôn ⇔ trong khi ông/Giô-sép vẫn còn suy nghĩ về điều mình phải làm}, (ông ngủ và) ⁵³{kia/bỗng thấy ⇔ ông ngạc nhiên thấy}, một ⁵⁴ thiên sứ/sứ giả ⁵⁵ của/từ ⁵⁶ Đức Chúa Trời ⁵⁷ hiện đến với ông trong giấc mơ (và) nói (với ông): “⁵⁸Giô-sép, ⁵⁹ con cháu/dòng dõi của (Vua) Đa-vít, đừng ⁶⁰ {sợ hãi ⇔ lo lắng/ngân ngại} ⁶¹ {đem Ma-ri về (nhà) với (ông) để làm vợ ⇔ cưới Ma-ri}, bởi vì {cô thụ thai bởi (quyền năng của) Đức Thánh Linh ⇔ (quyền năng của) Đức Thánh Linh đã ⁶² khiến cho cô mang thai}. 21 <Sau đó/Và> cô sẽ sinh một con trai và ông sẽ/phải đặt tên là ⁶³Giê-su

-
- ⁵¹ **1:20** Trong bản Hy-lạp câu này bắt đầu với một chữ có nghĩa là “rồi, sau đó” hay “nhưng.” BDC chuyển ngữ từ này là “nhưng”. Các bản tiếng Việt khác không chuyển ngữ từ này. Nếu “nhưng” nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể dùng nó.
- ⁵² **1:20** Theo bản Hy-lạp Giô-sép là người **đã quyết định** từ hôn với Ma-ri. Tuy nhiên, nhiều bản dịch (và BDM, BDC, BDY, BCG) nói “...trong khi ông **vẫn** đang suy nghĩ...”
- ⁵³ **1:20** Một từ Hy-lạp được dùng ở đây để bày tỏ sự ngạc nhiên. Các bản dịch tiếng Việt chuyển ngữ từ này theo ba cách. BDM và BDC không chuyển ngữ từ này. BDY dùng nhóm từ “Giô-sép bỗng thấy...” để mô tả thiên sứ đột xuất. BCG chuyển ngữ là “**kia** sứ thần...” Bạn cũng có thể dùng từ “ngạc nhiên” vì dụ “Giô-sép ngạc nhiên thấy...”
- ⁵⁴ **1:20** Cách bạn chuyển ngữ “**thiên sứ**” nên khác hẳn cách bạn chuyển ngữ “**tiên tri**” (hãy xem câu 22), “**đầy tớ**” (hãy xem Ma 8:9) và “**sứ đồ**” (hãy xem Ma 10:2) qua suốt cả Tân Ước. Một **thiên sứ** là một hữu thể thiêng liêng là một sứ giả của Đức Chúa Trời. Các thiên sứ **không phải** là ma hay linh hồn của người chết hay người sống. Thiên sứ có thể hiện ra dưới nhiều hình thức, kể cả hình dạng của con người. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ “**thiên sứ của Đức Chúa Trời**”, vì cũng có thiên sứ ác (Ma 25:41).
- ⁵⁵ **1:20** “**của**” có thể chuyển ngữ là “**được sai bởi**”.
- ⁵⁶ **1:20** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ Chúa của ai và dùng “**Chúa chúng ta**”.
- ⁵⁷ **1:20** Cần nên rõ rằng thiên sứ thật sự hiện ra với Giô-sép, mặc dù đó là một giấc mơ.
- ⁵⁸ **1:20** BDM và BCG thêm từ “**này**” và BDC thêm từ “**hỡi**”. Trong bản Hy-lạp không có những từ này nhưng các người chuyển ngữ đã thêm vào để làm cho lời của thiên sứ nói nghe có vẻ **lễ phép** và **thích hợp** với ngữ cảnh hơn. Không cần phải thêm những từ này trừ khi nếu không có từ đó lời nói của thiên sứ trở nên vô lễ.
- ⁵⁹ **1:20** Giô-sép **không phải** là con của Đa-vít, nhưng là “**dòng dõi**”.
- ⁶⁰ **1:20** Trong ngữ cảnh này “**đừng sợ**” có nghĩa là “đừng lo lắng/ngân ngại”. Nó **không** có nghĩa là “đừng run sợ”.
- ⁶¹ **1:20** Xem lời giải nghĩa về phong tục kết hôn của người Do Thái ở trong câu 18.
- ⁶² **1:20** Như trong câu 18, **không nên** nói như là Đức Thánh Linh có quan hệ tình dục/giao hợp với Ma-ri.
- ⁶³ **1:21** Giô-sép biết ý nghĩa của tên “**Giê-su**”, vậy nên bạn có thể kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang như sau vào trong bản dịch của bạn. Các bản dịch khác kèm theo ý nghĩa của tên Giê-su trong kinh văn và nói “Giê-su (có nghĩa là “Cứu Chúa”)” hay “Giê-su (có nghĩa là “Đức Chúa Trời cứu”)).” Tuy nhiên, vì thiên sứ **không** giải nghĩa ý nghĩa của tên Giê-su ở đây, nhiều người chuyển ngữ chọn dùng **LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang** ở đây.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Giê-su” là tên Hy-lạp của tên Do Thái là Giô-suê có nghĩa là “Đức Chúa Trời cứu” hay “Cứu Chúa”. Một bé trai thường được đặt tên vào ngày thứ tám, khi được cắt bì.

(có nghĩa là ‘Đức Chúa Trời Cứu’ ⇔ có nghĩa là ‘Cứu Chúa’), ⁶⁴bởi vì Ngài/(Chúa) Giê-su sẽ cứu ⁶⁵dân sự của Ngài khỏi ⁶⁶(bị trừng phạt vì) ⁶⁷{tội lỗi của họ ⇔ không vâng lời Chúa/Đức Chúa Trời}.”

²² ⁶⁸<Và> ⁶⁹mọi điều đã xảy ra như thế để ⁷⁰lời Chúa phán/tiên tri ⁷¹(từ ngày xưa) ⁷²{qua ⁷³tiên tri ⁷⁴((Ê-sai)) ⇔ tiên tri ((Ê-sai)) đã viết} {được ứng nghiệm ⇔ trở nên sự

⁶⁴ **1:21** Trong một số ngôn ngữ, nếu một câu có chữ “bởi vì”, đôi khi nghe tự nhiên hơn nếu đổi ngược lại **thứ tự** của các nhóm từ và nối kết với nhau bằng “vì vậy”. Thí dụ, có thể chuyển ngữ câu 21 như sau “<Rồi> cô ấy sẽ sinh một con trai và Ngài sẽ cứu dân sự của Đức Chúa Trời, **vì vậy** ông phải đặt tên con trẻ ấy là Giê-su (có nghĩa là “Cứu Chúa”).”

⁶⁵ **1:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Dân sự của Ngài” nói đến tất cả mọi người, kể cả người Do Thái và người không phải là người Do Thái, là những người nhờ cậy vào Chúa Giê-su để được cứu. Trong Ma-thi-ơ 16:18 Chúa Giê-su nói đến dân sự của Ngài như là “Hội thánh/Cộng đồng của Ta”.

⁶⁶ **1:21** Bạn có thể nói như là “được cứu...khỏi (bị trừng phạt vì) tội lỗi của họ” để tránh người đọc hiểu lầm là “người ta được cứu khỏi phạm tội nữa” hay là “người ta được cứu khỏi tội lỗi đuổi theo/tấn công họ”.

⁶⁷ **1:21 Tội lỗi** là bất cứ điều gì vi phạm hay không đạt được chuẩn về đạo đức/công chính của Đức Chúa Trời. Chuẩn của Đức Chúa Trời có thể khác hơn là chuẩn của văn hóa. Trong bản Hy-lạp, động từ được dùng ở đây là một từ dùng trong việc bán cung có nghĩa là “trật mục tiêu”. Ý muốn của Đức Chúa Trời là “mục tiêu của chúng ta”. Khi chúng ta phạm tội, chúng ta “trật” mục tiêu. Hãy chuyển ngữ “**tội lỗi**” một cách tổng quát để bao gồm cả những “tội nhỏ” (như nói dối, nói xấu, thù ghét, tham lam, tham muốn) cũng như là các tội “lớn/nặng” (như giết người, ăn cắp, hiếp dâm, ngoại tình, phù thủy), nhưng **không** bao gồm các lỗi lầm không chống nghịch lại ý muốn của Đức Chúa Trời.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúng ta phạm tội khi chúng ta làm, suy nghĩ hay nói bất cứ điều gì mà Chúa cấm. Chúng ta cũng phạm tội khi không làm, không suy nghĩ hay không nói điều Chúa muốn chúng ta làm, nghĩ hay nói.

⁶⁸ **1:22** Cần nên rõ ràng điều thiên sứ nói chấm dứt ở cuối câu 21.

⁶⁹ **1:22 “mọi việc”** nói đến các biến cố xảy ra ở trong các câu 18-21.

⁷⁰ **1:22** Đức Chúa Trời **đã phán trước** về điều sẽ xảy ra, tức là, Chúa phán/bày tỏ việc sắp xảy ra trước khi việc đó xảy đến. Chúa **không** phỏng đoán hay tiên đoán việc sẽ xảy ra. Chúa không thể nào sai lầm được bởi vì Chúa biết điều sẽ xảy ra.

⁷¹ **1:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ê-sai chết vào khoảng 750 năm trước khi sách Ma-thi-ơ được viết ra.

⁷² **1:22** Khi chuyển ngữ “...**phán qua các tiên tri**” **không** nên làm cho người đọc hiểu là Đức Chúa Trời nói qua miệng của tiên tri. Tiên tri là người chép xuống nhưng Đức Chúa Trời hướng dẫn ông viết sử điệp của Ngài. Để tránh hiểu lầm, tốt hơn nên ngắt nhóm từ này ra và nói như sau: “...vậy nên điều mà Chúa **khiến** các tiên tri ((Ê-sai)) viết từ (ngày xưa) sẽ {được ứng nghiệm ⇔ thành sự thật}. Ngài phán...” Hay bạn có thể nói là “...để làm ứng nghiệm các điều mà Chúa đã khiến tiên tri/phát ngôn viên của Ngài ((Ê-sai)) viết (từ ngày xưa). Ngài phán ...”

⁷³ **1:22** Một **tiên tri** là một người **nói cho** một người khác. Trong trường hợp này Ê-sai nói cho Đức Chúa Trời và nói/viết điều Đức Chúa Trời muốn ông nói. **Tránh** dùng những từ chỉ tập trung vào việc đoán trước tương lai, vì nó sẽ cho thấy rằng đó chỉ là một việc mà tiên tri của Chúa có thể làm.

⁷⁴ **1:22** Mặc dù bản Hy-lạp **không** để tên Ê-sai vào đây, nhưng bất cứ người Do Thái nào nghe lời trích dẫn này biết ngay là nói đến Ê-sai. Bản Hy-lạp có một mạo từ ở đây cho thấy đây là một tiên tri nổi tiếng. Bạn có thể kèm theo **tên của Ê-sai** ở đây hay là ở trong **LỜI CHÚ THÍCH ở cuối trang** để cho các đồng hương của bạn hiểu được. Tuy nhiên, hầu hết các bản dịch không để tên Ê-sai ở đây. Trong suốt sách Ma-thi-ơ, có nhiều lần không nhắc đến tên các tiên tri.

thật}. Ông nói/viết: 23 ⁷⁵“Này, một ⁷⁶{trinh nữ ⇔ thiếu nữ chưa hề có quan hệ tình dục} sẽ ⁷⁷{có bầu ⇔ thụ thai ⇔ mang thai} và sinh/có một đứa con trai, và họ/người ta sẽ gọi Em-ma-nu-ên,” ⁷⁸{có nghĩa là ⇔ là một tên (Hê-bơ-rơ) có nghĩa là} “Đức Chúa Trời (ở/sống) với/ở giữa (chúng ta.) ⇔ dân sự của Ngài}.” ⁷⁹(Ê-sai 7:14)

24 <Rồi> ⁸⁰khi/sau khi Giô-sép thức dậy, ông đã làm (như ⇔ y như điều) thiên sứ của Chúa (đã) ra lệnh/dặn bảo, ⁸¹<và ⇔ tức là> {ông <đem> (Ma-ri về nhà) làm vợ ⇔ ông cưới Ma-ri làm vợ}. 25 <Và> nhưng ông không ⁸²{ăn ở với nàng ⇔ có quan hệ tình dục với cô} ^{GTK83}cho tới khi cô ⁸⁴sinh/có ⁸⁵{một con trai ⇔ [một con trai đầu lòng]}. ⁸⁶<Và> (khi đứa trẻ được sinh ra,) ông/Giô-sép {gọi tên ⇔ đặt tên là} Giê-su.

⁷⁵ 1:23 Từ Hy-lạp dùng ở đây được các bản dịch tiếng Việt chuyển ngữ là “này” được dùng để nhấn mạnh câu văn. Trong một số ngôn ngữ không có thành ngữ hay từ nào có thể dùng một cách tự nhiên ở đây. Nếu trong ngôn ngữ của bạn cũng vậy, bạn không cần phải chuyển ngữ.

⁷⁶ 1:23 Hãy chuyển ngữ từ “trinh nữ” cách nào mà sẽ **không** làm người đọc khó chịu hay mắc cỡ.

⁷⁷ 1:23 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ thành ngữ Hy-lạp có nghĩa là “**có bầu**” trong câu 18.

⁷⁸ 1:23 Từ đây cho đến cuối câu 23, kinh văn được đặt trong ngoặc đơn () trong bản dịch cho thấy rằng đây là một **lời tuyên bố thêm vào** của Ma-thi-ơ chứ **không** phải là một phần của câu trích dẫn ở Cựu Ước.

⁷⁹ 1:23 Mỗi ủy ban chuyển ngữ cần phải quyết định làm như thế nào đối với **các câu trích Kinh Thánh trong Cựu Ước** về các lời tiên tri được trích ra ở trong Tân Ước. Một số bản dịch để số sách và số câu ngay sau lời trích dẫn, nhiều người để trong **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang hay ở bên cạnh trang, và có một số bỏ ra không để vào.

⁸⁰ 1:24 Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, nói như sau có lẽ tự nhiên hơn: “<Sau đó> Giô-sép thức dậy và đã làm theo lời...” BDM và BDY không dùng từ “khi”.

⁸¹ 1:24 Từ Hy-lạp dùng ở đây là “và” nhưng trong ngữ cảnh này có thể chuyển ngữ là “tức là”. BDM và BDY không chuyển ngữ nó, BCG chuyển ngữ là “và”. BDC chuyển ngữ là “mà”. Bạn có thể chuyển ngữ theo cách nào nghe cho tự nhiên và rõ ràng nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁸² 1:25 Thành ngữ Hy-lạp “**ăn ở với nàng**” có nghĩa là “có quan hệ tình dục với cô ấy”. Hãy chuyển ngữ cách nào để cho người đọc **không** khó chịu hay mắc cỡ.

⁸³ 1:25 Ma-thi-ơ đang tập trung về khoảng thời gian Chúa Giê-su sắp giáng sinh, không phải sau khi Chúa giáng sinh. Vì vậy có lẽ tốt nhất là nên dùng một liên từ như là “**trước**” không hàm ý rằng Ma-ri và Giô-sép có quan hệ tình dục hay không, mặc dù đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng sau khi sanh Chúa Giê-su họ có quan hệ tình dục với nhau.

⁸⁴ 1:25 **LỜI CHÚ THÍCH** được **đề nghị**: Khi hệ thống niên lịch T.C-S.C được thiết lập vào thế kỷ thứ sáu S.C., người ta tính lầm nên Chúa Giê-su thật sự giáng sinh khoảng 7-4 T.C. là chữ viết tắt của “Trước Chúa (Giê-su được sinh ra)” và S.C là chữ tắt của “Sau Chúa (Giê-su giáng sinh)”.

⁸⁵ 1:25 Nhiều bản thảo Hy-lạp có chính từ “**một con trai**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo chính khác dùng “**con trai đầu lòng**” vào chỗ đó. **Mỗi ủy ban chuyển ngữ** phải quyết định họ sẽ phải làm gì trong những chỗ mà bản Hy-lạp có **cách viết khác nhau**, tức là, không phải tất cả các bản thảo Hy-lạp đều giống nhau. Bạn có thể: (1) để một bản trong bản dịch và những bản khác trong **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang (có hay không có lời giải nghĩa); hay (2) để một sự lựa chọn trong bản dịch và không để bản nào trong **LỜI CHÚ THÍCH** ở cuối trang hết. Muốn biết thêm về điều này hãy xem #6 ở trong phần **Chú Giải Ký Hiệu** ở phần trước của sách này. Hãy xem “**cách viết khác nhau**” trong **Danh Sách Các Từ Ngữ Cho Người Dịch** ở phần sau của sách này.

⁸⁶ 1:25 Từ Hy-lạp dùng ở đây có nghĩa là “và”, BDY không chuyển ngữ từ này. BDM và BDC chuyển ngữ là “thì”.

2:1-12 Một Số {Nhà Thông Thái ⇔ Bác Học/Người Quan Sát/Nghiên Cứu Các Ngôi Sao} Đến Để Thờ Phụng/Tôn Kính (Chúa) Giê-su

2 1⁸⁷ <Và> ⁸⁸{sau khi (Chúa) Giê-su ⇔ (Chúa) Giê-su} sinh ra tại (thành) Bết-lê-hem {của ⇔ ở trong} (tỉnh) Giu-đê {trong khi ⇔ vào lúc} ⁸⁹Hê-rốt ((Đại Đế)) (là) ⁹⁰vua/cai trị (La-mã) (ở đó/tỉnh Giu-đê ⇔ dân ở đó/tỉnh Giu-đê),/. ⁹¹(Sau khi Chúa Giê-su sinh ra,) ⁹²<kìa,> (một số) ⁹³{nhà thông thái ⇔ bác học quan sát/nghiên cứu các ngôi sao} đến từ {miền (viễn) đông ⇔ (nước của họ ở rất xa) về phía đông (của Giu-đê)} đến (thành phố) ⁹⁴Giê-ru-sa-lem 2 (và) hỏi (những người sống ở đây): “⁹⁵{Đấng (đã) được sinh ra ⇔ Con trẻ là ⇔ Con trẻ (sẽ trở thành)} {Vua của ⇔ người sẽ cai trị} dân Do Thái đang ở đâu? (Chúng tôi biết Ngài ở trong khu vực này, ⇔ Chúng tôi biết Ngài đã sinh ra,) bởi vì

⁸⁷ 2:1 Động từ của nhóm từ ở trong bản Hy-lạp cho thấy là Chúa Giê-su đã sinh ra trước khi các nhà thông thái tới gặp vua Hê-rốt. BDM, BDC, và BCG bắt đầu câu này với “khi.” Có thể trong ngôn ngữ của bạn dùng “sau khi” nghe rõ ràng và tự nhiên hơn.

⁸⁸ 2:1 Câu 1 chứa đựng rất nhiều thông tin. Sắp đặt thứ tự của các nhóm từ làm sao để nghe cho được tự nhiên. Cần nên rõ ràng Bết-lê-hem và Giê-ru-sa-lem ở trong tỉnh Giu-đê, là nơi Vua Hê-rốt ((Đại Đế)) cai trị vào lúc Chúa Giê-su giáng sinh. Sự giáng sinh của Chúa Giê-su được nói đến ở trong Ma 1:25, vậy nên **tránh** làm người đọc có thể hiểu là Chúa lại được sinh ra một lần nữa ở trong chương 2.

⁸⁹ 2:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Tân Ước có tất cả sáu người tên là Hê-rốt. Tất cả những người này đều là người Ê-đôm, tức là, dòng dõi của Áp-ra-ham, Y-sác, và Ê-sau (cũng còn được gọi là Ê-đôm). Ở đây nhắc đến Hê-rốt Đại Đế.

⁹⁰ 2:1 Mặc dù Hê-rốt Đại Đế **không** phải là người cai trị cao hơn hết, người La-mã cho phép gọi ông là “Vua”. Một số người chuyển ngữ “vua” là “người cai trị” hay “tù trưởng”. Bạn sẽ cần phải phân biệt ít nhất hai cấp bậc về người cai trị của La-mã: Hoàng Đế La-mã là người cai trị tối cao, và Hoàng Đế bổ nhiệm những người cai trị như Hê-rốt.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nước La-mã do Hoàng Đế cai trị, Hoàng Đế La-mã cũng cai trị Do Thái vào lúc Chúa Giê-su sống ở trên đất. Hoàng Đế có các vua chư hầu cai trị những vùng/tỉnh hay nhiều vùng khác nhau. Hê-rốt là vua cai trị trên các vùng Giu-đê, Ga-li-lê, I-đu-mê, I-tu-rê, Bê-rê, Sa-ma-ri và Tra-cô-nít. Bắt đầu từ 20 T.C. người La-mã cho phép Hê-rốt xưng vua.

⁹¹ 2:1 Trong bản Hy-lạp các câu 1-2 là **một câu dài**. Có thể ngắt ra làm hai hay nhiều câu ngắn để nghe tự nhiên hơn. Chỉ nên dùng “**sau khi Chúa Giê-su**” nếu bạn bắt đầu một câu mới ở đây và dùng “**Giê-su**” (không phải “sau Chúa Giê-su”) ở đầu câu 1.

⁹² 2:1 Từ Hy-lạp “**Hãy nhìn**” được dùng để **gây sự chú ý** đến những điều được viết sau từ đó, và thường hàm ý ngạc nhiên. Từ này có thể dùng để: (1) Giới thiệu người (thí dụ: “**Có** (một số) nhà thông thái...”); hay (2) Giới thiệu những biến cố quan trọng (“**Hãy nhìn**, (một số) nhà thông thái...”); hay (3) Giới thiệu một biến cố/điều **ngạc nhiên/bất ngờ** (“Một việc/điều **ngạc nhiên/ lạ thường** xảy ra, (một số) nhà thông thái...”). Tuy nhiên, đa số các bản dịch **không** chuyển ngữ từ này ở đây. Từ ấy được dùng ở đây để giới thiệu các nhà thông thái. BDM, BDC, BDY, BCG không chuyển ngữ nó.

⁹³ 2:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ các nhà thông thái (là những người quan sát/nghiên cứu các ngôi sao) ở tỉnh Ba-by-lôn là dòng dõi của những người học theo Đức Chúa Trời của tiên tri/phát ngôn viên Đa-ni-ên (Đa-ni-ên 2:48). Hay có thể, họ là thầy tế lễ của Đế Quốc Ba-tư cổ ở vị trí của nước I-ran bây giờ. Kinh Thánh không nói rõ các nhà thông thái đến sau khi Chúa Giê-su sinh ra bao lâu.

⁹⁴ 2:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Đa-vít đã để Giê-ru-sa-lem làm thủ đô của nước Y-sơ-ra-ên. Trong thời Tân Ước người Do Thái vẫn coi Giê-ru-sa-lem là trung tâm về tôn giáo và chính trị của họ.

⁹⁵ 2:2 Bản Hy-lạp **không** nói rõ là “**Đấng (đã) được sinh ra**” có nghĩa là “đứa trẻ (là) Vua” hay “đứa trẻ (sẽ trở nên) Vua”. Cách giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh.

chúng tôi đã thấy {ngôi sao của Ngài ↔ một ngôi sao làm dấu hiệu cho} sự giáng sinh của Ngài} ^{GTK96}{mọc lên ↔ (xuất hiện) bên miền đông}, (nên) chúng tôi đã đến để ^{GTK97} thờ phượng/tôn kính Ngài.”

3 <Sau đó> khi ⁹⁸Vua Hê-rốt ^{99NTT} nghe (về điều đó ↔ rằng một vua mới được sinh ra), vua lo lắng/sợ (rằng vua mới/này sẽ cố gắng để cướp ngôi của vua), và ¹⁰⁰tất cả (những người khác trong) ¹⁰¹(thành) Giê-ru-sa-lem ¹⁰²cũng {(lo lắng) với vua ↔ sợ hãi}. ⁴ ¹⁰³{Sau đó ↔ Vì Hê-rốt sợ hãi,} (Vua/Hê-rốt) {kêu gọi tụ tập ↔ mở một buổi họp với} tất cả ¹⁰⁴các thầy thượng tế và ¹⁰⁵các chuyên gia ¹⁰⁶Kinh Luật/Thánh (của dân Do Thái)

⁹⁶ 2:2 Nhóm từ “mọc lên” trong bản Hy-lạp không rõ nghĩa, tức là, nó có nhiều nghĩa trong ngữ cảnh này. Nhóm từ này có thể nói đến vị trí của các nhà thông thái hay vị trí của ngôi sao. Nếu nó nói đến vị trí của các nhà thông thái, nó có thể có nghĩa là “(xuất hiện/mọc) về phía đông (trong khi chúng tôi ở trong nước)”. Tuy nhiên, nếu nói về vị trí của ngôi sao, nó có nghĩa là “khi nó mọc (ở phía đông của chúng tôi)”. Chuyển ngữ một cách tổng quát hơn là “chúng tôi thấy ngôi sao **khí nó mọc**”. BDM, BDC và BDY không chuyển ngữ động từ Hy-lạp này: “chúng tôi thấy ngôi sao...” BCG chuyển ngữ động từ Hy-lạp “mọc” là “xuất hiện”: “Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện...”

⁹⁷ 2:2 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các nhà thông thái (là người ngoại quốc, tức là không phải là người Do Thái) đến để **thờ phượng/tôn kính** Chúa Giê-su **như một vị thần hay như Đức Chúa Trời**, nhất là vì nhiều người ngoại quốc coi vua của họ như các vị thần và các nhà thông thái có thể là dòng dõi của học trò của Đa-ni-ên. Ma-thi-ơ vừa mới nói đến Chúa Giê-su như Đức Chúa Trời (Ma 1:23) nên ông có thể có ý định làm cho các đọc giả của ông hiểu là các nhà thông thái thờ phượng Chúa Giê-su như Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng các nhà thông thái đến tôn kính Chúa Giê-su **như một nhân vật quan trọng, không phải như là một vị thần hay như Đức Chúa Trời**. Tránh đừng chuyển ngữ là “cầu nguyện.” Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thờ phượng/tôn kính**” trên tiểu đề.

⁹⁸ 2:3 Hãy xem lời giải nghĩa về “**vua**” trong câu 1.

⁹⁹ 2:3 Hãy nhớ rằng mỗi khi bạn thấy ^{NTT} trong kinh văn, nó có nghĩa là trong bản Hy-lạp dùng như một lời đối thoại gián tiếp, nhưng bạn nên coi xem dùng một **lời đối thoại trực tiếp** nghe có vẻ tự nhiên hơn trong bản dịch của bạn hay không. Thí dụ, dùng lời đối thoại trực tiếp ở đây sẽ là: “<Rồi thì> khi người ta bảo vua Hê-rốt: “Một tân vương mới sinh ra đời!” vua/Hê-rốt lo lắng/sợ hãi...”

¹⁰⁰ 2:3 Đa số ngôn ngữ có thể dùng từ “**tất cả**” và “mọi người”, ngay cả khi không phải bao gồm tất cả mọi người hay mọi vật. Trong đoạn kinh văn này không phải ai cũng sợ Hê-rốt nhưng **hiều** (hay **hầu hết** tất cả) mọi người sợ. Nói một cách khác, “**tất cả**” được dùng để nhấn mạnh đến điều được nói.

¹⁰¹ 2:3 Vì câu 1 đã nói rằng Giê-ru-sa-lem là một thành phố, trong nhiều ngôn ngữ không cần phải nhắc lại ở đây. Tuy nhiên, trong một số ngôn ngữ cần phải lập lại. Hãy làm như thế nào để nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Cũng làm như vậy về việc nhắc lại rằng Giu-đê là một tỉnh.

¹⁰² 2:3 Người ta **không** sợ có người sẽ lật đổ ngôi vua của Hê-rốt, nhưng người ta sợ hành động mà Hê-rốt có thể làm để giết bất cứ ai mà ông ta sợ là sẽ đoạt ngôi vua của ông.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Dân chúng lo lắng/sợ hãi rằng vua Hê-rốt sẽ làm hại họ trong lúc vua đi tìm để giết vị vua mới sanh ra. Họ có lý do đúng để mà sợ hãi, bởi vì Hê-rốt yêu thích quyền lực và rất sợ mất quyền. Vua sẽ giết bất cứ ai mà vua nghĩ ngờ là đe dọa cho ngôi của vua. Vua đã giết một người vợ, nhiều con trai và các bà con khác.

¹⁰³ 2:4 Câu này bắt đầu với một từ Hy-lạp có nghĩa là “sau đó”. Các bản tiếng Việt không chuyển ngữ từ này.

¹⁰⁴ 2:4 Qua suốt Tân Ước, cách bạn chuyển ngữ “**thầy trưởng tế**” nên khác hơn cách bạn chuyển ngữ “**thầy tế lễ**”, “**thầy thượng tế**” và “**người Lê-vi**” (là những người giúp đỡ các thầy tế lễ đến từ chi tộc Lê-vi).

Tốt nhất là có một **danh sách của những từ chủ yếu của Kinh Thánh** với từ được dịch để giúp cho bạn chuyển ngữ một cách nhất quán (tức là, cùng một cách giống nhau) qua suốt Tân Ước. Danh sách

(và) vua {chất vấn ⇔ hỏi} họ ^{NTT107}{Đấng Cứu Thế ⇔ Đấng được Đức Chúa Trời Hứa Ban Cứu Chúa/Vua} {sẽ ⇔ được dự đoán} sanh ở đâu. 5 <Rồi> họ trả lời vua/Hê-rốt: ¹⁰⁸“(Đấng ấy sẽ được sanh) tại (thành) Bết-lê-hem ¹⁰⁹của/trong (tỉnh) Giu-đê, ¹¹⁰{bởi vì ⇔ như} {đã được chép ⇔ Đức Chúa Trời đã phán/đã nói tiên tri} ¹¹¹(từ ngày xưa) ¹¹²qua/bởi tiên tri của Ngài ¹¹³((Mi-chê)) (là người đã nói/đã viết): 6 ¹¹⁴<Và người,>

này cũng giúp cho bạn tiếp tục suy nghĩ về những từ này để bạn có thể tìm được cách tốt nhất để chuyển ngữ nó. Ngay khi khởi đầu dự án chuyển ngữ, cần phải quan tâm đến những từ nào sẽ ở trong **Danh Sách Các Từ Ngữ** của bạn. Bạn có thể để những thông tin sau đây vào **LỜI CHÚ THÍCH** được **đề nghị** hay danh sách từ ngữ, hay cả hai.

Các thầy thượng tế (BDC: thầy tế-lễ cả, BDY: thầy trưởng tế) giống như là ban điều hành gồm một phần của 71 hội viên của Hội Đồng Quốc Gia (BDC: toà công-luận, BCG Thượng Hội Đồng) của Do Thái gọi là **Sanhedrin**. Họ gồm có thầy trưởng tế đương nhiệm, những người khác trong gia đình của ông ta, những người ở trong các gia đình của thầy tế lễ quan trọng, nổi tiếng, đội trưởng của lính gác đền thờ và ông cựu trưởng tế.

Công việc chính của **thầy tế lễ (BCG: tư tế)** là dâng hiến lời cầu nguyện và của tế lễ của dân chúng cho Đức Chúa Trời. Trong một số bản dịch họ được nói đến như là “những người dâng tế lễ” hay “các trung gian giữa Đức Chúa Trời và con người”. Sáu tháng một lần mỗi thầy tế lễ phải làm việc tại đền thờ một tuần.

Chỉ có một **thầy trưởng tế (BDM và BCG: thượng tế, BDC: thầy tế-lễ cả)**. Ông là thầy tế lễ quan trọng nhất của người Do Thái và là người lãnh đạo—chủ tịch của Hội Đồng Quốc Gia. Ông là người duy nhất có thể vào Nơi Chí Thánh của đền thờ để dâng tế lễ lên cho Đức Chúa Trời thay cho toàn dân trong Ngày Lễ Chuộc Tội được tổ chức mỗi năm một lần.

Người Lê-vi là những người từ chi tộc Lê-vi, họ giúp cho các thầy tế lễ chăm sóc đền thờ và dâng của tế lễ cho Đức Chúa Trời thay cho dân chúng.

¹⁰⁵ **2:4 “các chuyên gia Kinh Luật” (BDC: thầy trông-giáo, BCG: kinh sư, BDY: thầy dạy luật)** là “những giáo sư dạy Luật của **Môi-se**”. Ngày xưa, Đức Chúa Trời ban cho **Môi-se** các Luật Pháp để cho dân Y-sơ-ra-ên làm theo.

LỜI CHÚ THÍCH được **đề nghị**: Các chuyên gia Kinh Luật là những học giả người Do Thái chuyên nghiên cứu, giải thích và dạy người ta về các luật pháp trong Cựu Ước và các truyền thống đến từ những luật pháp đó. Những luật pháp này thường được gọi là “Kinh Luật”. Đức Chúa Trời đã ban những Kinh Luật này cho tiên tri **Môi-se** để cho dân Y-sơ-ra-ên làm theo (Xuất 20-31). Đa số các chuyên gia Kinh Luật là hội viên của nhóm người Pha-ri-si, nhưng cũng có một số chuyên gia thuộc về nhóm người Sa-đu-sê. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về người Pha-ri-si và Sa-đu-sê Ma-thi-ơ 3:7.

¹⁰⁶ **2:4** Về **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**Kinh Luật**” hãy xem Ma 5:17.

¹⁰⁷ **2:4** Về **LỜI CHÚ THÍCH** về “**Đấng Cứu Thế**” được dùng như một tước vị hãy xem Ma 1:16.

¹⁰⁸ **2:5 “(Đấng ấy sẽ được sanh)”** nghe tốt hơn nếu để hàm ý ở đây trong bản tiếng Việt, nhưng thường một số ngôn ngữ khác đòi hỏi một câu đầy đủ. Hãy làm thế nào để nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

¹⁰⁹ **2:5** Họ đang ở trong tỉnh Giu-đê, nên nói “(ở đây) trong tỉnh Giu-đê” có thể giúp làm cho rõ ý. Cũng có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói đến tỉnh trước thành phố như sau: “(Đấng ấy sẽ được sinh ra) (tại đây) trong (tỉnh) Giu-đê ở (thành) Bết-lê-hem...”

¹¹⁰ **2:5** Có thể rõ ràng hơn nếu bắt đầu bằng một câu **mới** ở đây và nói: “(Chúng tôi biết điều đó,) bởi vì...”

¹¹¹ **2:5 LỜI CHÚ THÍCH** được **đề nghị**: Mi-chê viết lời tiên tri này vào khoảng 700 năm trước khi Chúa Giê-su sanh ra.

¹¹² **2:5** Xem cách bạn chuyển ngữ “**qua tiên tri**” trong Ma 1:22, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

¹¹³ **2:5** Hãy xem Ma 1:22 có **LỜI CHÚ THÍCH** về **tên** của tiên tri được hàm ý trong bản Hy-lạp.

¹¹⁴ **2:6** Trong bản Hy-lạp câu này được bắt đầu với “và (Bết-lê-hem)”, tại đây dùng một đại từ để nhân cách hóa Bết-lê-hem. Từ “và” nghe không được tự nhiên trong tiếng Việt. BDM chuyển ngữ là “còn”

(thành) Bết-lê-hem, (ở trong) tỉnh <của> ¹¹⁵Giu-đa (mặc dù người có ít dân) nhưng người {không phải là kém (quan trọng) nhất giữa vòng các ¹¹⁶nhà cầm quyền ⇔ thành phố quan trọng nhất} {trong (tỉnh) Giu-đã ⇔ trong tỉnh đó}, bởi vì một người Lãnh Đạo sẽ {đến từ đó ⇔ được sanh ra} Đấng đó sẽ ¹¹⁷{chăn/cai trị ⇔ hướng dẫn và chăm sóc} ¹¹⁸Dân Y-sơ-ra-ên của ¹¹⁹Ta.’ ” (Mi-chê 5:2)

7 {Sau đó ⇔ Khi Hê-rốt nghe điều đó,} Hê-rốt/vua ¹²⁰triệu tập/gọi ¹²¹{các nhà thông thái ⇔ các nhà thiên văn/bác học} (tụ tập lại ⇔ gặp vua) {một cách bí mật ⇔ một cách riêng tư} (và) vua ^{NTT}hỏi họ thời gian (chính xác) {mà ngôi sao xuất hiện ⇔ mà họ bắt đầu thấy ngôi sao} ¹²²(để cho vua có thể biết đứa trẻ được bao nhiêu tuổi). 8 {Rồi thì/Khi

và dùng đại từ “người” để nhân cách hóa Bết-lê-hem. BDC chuyển ngữ là “hỡi”. BDY không chuyển ngữ. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không thể dùng một tiên tri nói với một thành phố như một người (nhân cách hóa), bạn có thể cần phải nói: “(Đức Chúa Trời phán:) ‘(Dân chúng của) (thành) Bết-lê-hem...(mặc dù thành phố của các người là một thành nhỏ) nhưng là... quan trọng... bởi vì một Người Cai Trị/Lãnh Đạo sẽ đến từ thành của các người...’ ” Hay bạn có thể để Đức Chúa Trời nói về thay vì nói với thành đó: “(Đức Chúa Trời nói:) ‘(Mặc dù) (thành) Bết-lê-hem (trong) tỉnh Giu-đê (là một thành phố/ nhỏ, nhưng nó) là... quan trọng...’ ”

¹¹⁵ **2:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giu-đa là tên của một trong mười hai chi tộc của dân Y-sơ-ra-ên. Tỉnh Giu-đa là nơi mà chi tộc này cư ngụ. Trong thời Chúa Giê-su vùng này được gọi là tỉnh Giu-đê (xem thí dụ ở 2:1).

¹¹⁶ **2:6** Thành Bết-lê-hem được nói đến như một người, một người lãnh đạo trong tỉnh Giu-đa. Nhiều người chuyển ngữ ẩn dụ “các người cai trị” là “các tỉnh”. Để giữ tương tự như ẩn dụ, bạn có thể nói: “...người không phải là một tỉnh ít (quan trọng) đối với những người cai trị (trong tỉnh) Giu-đa...” Bạn có thể để lời dịch theo từng chữ trong một LỜI CHÚ THÍCH. Để biết được ý nghĩa của cụm từ “ẩn dụ” hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này.

¹¹⁷ **2:6** Bạn có thể nói: “...Đấng sẽ chăm sóc cho dân Y-sơ-ra-ên của Ta giống như một người chăn chăm sóc chiên của mình.” Sự hiểu biết về người chăn chiên quá quen thuộc và quan trọng trong Kinh Thánh vì vậy bạn nên cố gắng giữ “người chăn chiên” ở đây trong bản dịch của bạn. Nếu làm như vậy làm cho người đọc nhầm lẫn, bạn có thể nói “...người sẽ hướng dẫn Dân Y-sơ-ra-ên của Ta (và chăm sóc họ)”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người chăn chiên là người chăm sóc các con chiên. Người ấy cung cấp cho chiên những nhu cầu, như là dẫn chúng đến đồng cỏ xanh và nước trong; bảo vệ chúng khỏi thú dữ ngày và đêm (hãy xem Thi Thiên 23). Những người chăn chiên thường đặt tên cho chiên của họ và chiên đáp ứng khi nghe người chăn gọi tên. Chăn chiên là một nghề thông thường trong văn hoá của Do Thái và thường được dùng trong suốt Kinh Thánh để cho thấy cách Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta là những người giống những con chiên này trong nhiều cách.

¹¹⁸ **2:6** Hãy cẩn thận để “của Ta” ở đây nói đến “Đức Chúa Trời”, không phải là Ma-thi-ơ hay Mi-chê. Để làm cho rõ bạn có thể dùng “Đức Chúa Trời phán”, ở đầu câu nói.

¹¹⁹ **2:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Y-sơ-ra-ên là tên Đức Chúa Trời đặt cho cháu trai của áp-ra-ham, Gia-cốp (Sáng 32:28). Sau đó trở nên tên của cả nước Do thái. Người Do Thái được gọi là “con cháu/dòng dõi của Y-sơ-ra-ên” hay “người Y-sơ-ra-ên”.

¹²⁰ **2:7** Có lẽ vua Hê-rốt sai một sứ giả đi triệu tập các nhà thông thái mời họ đến gặp vua. Vua Hê-rốt không la lớn lên hay gọi điện thoại cho họ.

¹²¹ **2:7** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các nhà thông thái” trong Ma 2:1, và hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về họ ở đó. Có lẽ dùng lặp lại họ là những người nghiên cứu các ngôi sao ở đây nghe tự nhiên hơn.

¹²² **2:7** Đối với ngôn ngữ của bạn có thể cần phải nói rõ tại sao vua Hê-rốt hỏi các nhà thông thái về thời gian mà ngôi sao mới xuất hiện. Nói một cách tổng quát có lẽ tốt nhất là để thông tin này hàm ý trong

vua sai họ đi đến (thành) Bết-lê-hem (vua) nói (gạt) (họ): “Hãy đi ⇔ Sau đó vua (cố gắng lừa gạt họ bằng cách) bảo họ: “Hãy đi đến Bết-lê-hem} (và) tìm kiếm ¹²³đứa trẻ này ^{GTK124}(là vua ⇔ là người sẽ làm vua) một cách kỹ càng cẩn thận. <Sau đó/Và> khi các người đã tìm được (Ngài), (hãy trở lại và) bảo cho ta biết (đứa trẻ ở đâu) để ta (có thể) đến (và) ¹²⁵thờ lạy/tôn kính Ngài.”

9 <Rồi,> sau khi {họ ⇔ các ¹²⁶nhà thông thái} đã nghe {(lời) Vua ¹²⁷(Hê-rốt) (đã nói) ⇔ Vua (Hê-rốt) (nói như vậy)}, họ rời khỏi (vua/Giê-ru-sa-lem). Rồi thì {hãy nhìn/đột nhiên ⇔ một lần nữa}, ngôi sao mà họ thấy ^{GTK128}{mọc lên ⇔ xuất hiện phía đông} ¹²⁹ hướng dẫn/đi trước họ cho đến khi nó ¹³⁰<tới (và)> dừng lại trên ¹³¹(chỗ đó/cái nhà) ((trong thành Bết-lê-hem)) nơi đứa trẻ ở (với cha mẹ). **10** <Sau đó> khi (họ ⇔ các nhà thông thái) đã thấy ngôi sao ^{GTK132}(ngừng tại đó ⇔ lại xuất hiện), họ {vui mừng quá đỗi ⇔ tràn ngập vui mừng}. **11** <Rồi thì> họ bước vào nhà (và) thấy con trẻ với Ma-ri mẹ

bản dịch giống như bản Hy-lạp, trừ khi làm đọc giả hiểu lầm hoặc là trở nên không có ý nghĩa. Chỉ **nói rõ** những thông tin hàm ý nào cần thiết để giữ cho đọc giả khỏi có sự hiểu lầm, hiểu khác đi hay không hiểu gì hết.

- 123** **2:8** Từ Hy-lạp được dùng ở đây (và qua suốt đoạn 2) nói đến một đứa trẻ **nhỏ**. Chúng ta **không** biết rõ vào lúc này Chúa Giê-su bao nhiêu tuổi. Chúa có thể mới được sinh ra mấy ngày cho tới khoảng hai tuổi. Chuyển ngữ “**đứa trẻ**” với ý tưởng trên trong đầu.
- 124** **2:8** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ này ở trong Ma 2:2, và xem lời giải nghĩa ở đó. Chỉ nói rõ về thông tin này nếu **không** rõ là vua Hê-rốt đang nói đến đứa trẻ nào ở đây.
- 125** **2:8** Xem cách bạn chuyển ngữ “**thờ phượng/tôn kính Ngài**” trong Ma 2:2.
- 126** **2:9** Xem cách bạn chuyển ngữ “**các nhà thông thái**” trong các câu 1 và 7.
- 127** **2:9** Cần nên rõ là “**Vua**” ở đây nói về Hê-rốt. Đối với một số ngôn ngữ chỉ cần nói “Hê-rốt” và để “Vua” hàm ý.
- 128** **2:9** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**mọc**” trong câu 2.
- 129** **2:9** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngôi sao này di chuyển một cách khác lạ với bất cứ ngôi sao nào mà chúng ta biết được. Cách ngôi sao dẫn đường cho các nhà thông thái có lẽ nhắc các đọc giả Do Thái nhớ đến cách Đức Chúa Trời đã dùng trụ mây và trụ lửa dẫn tổ phụ của họ đi trong sa mạc (Xuất 13:21-22).
- 130** **2:9** Phần kinh văn ở trong hai ngoặc là phần thông tin được viết rõ ra trong bản Hy-lạp, nhưng để hàm ý nghe tự nhiên hơn trong bản tiếng Việt. Có thể trường hợp này không đúng đối với các ngôn ngữ khác. **Nguyên tắc tổng quát** cần phải nhớ trong khi chuyển ngữ là: Có lúc bạn phải nói rõ các thông tin được hàm ý trong bản Hy-lạp (thường là để ngăn ngừa người đọc hiểu sai, hiểu khác ý hay không có ý nghĩa gì hết). Tuy nhiên, cũng có lúc những **thông tin viết rõ** trong bản Hy-lạp phải để **hàm ý** trong bản dịch (thường để nghe được tự nhiên hơn). Hãy xem Danh Sách Các Từ Ngữ về sự giải thích về các từ ngữ “**thông tin viết rõ**” và “**thông tin hàm ý**”.
- 131** **2:9** Từ câu 11 chúng ta biết rằng Ma-ri, Giô-sép và ấu nhi Giê-su bây giờ đã ở trong **nhà** thay vì trong hang đá mà Ma-ri đã sanh Chúa Giê-su (Lu-ca 2:7).
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ma-ri và Giô-sép có lẽ vẫn ở Bết-lê-hem, nhưng ở trong nhà chứ không ở trong hang đá nữa.
- 132** **2:10** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích nhóm từ này là “khi (họ) thấy ngôi sao (**ngừng lại**)”. ý nghĩa này có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng biến cố trong câu 10 đã xảy ra trước biến cố ở trong câu 9 và có nghĩa là “khi (họ) đã thấy ngôi sao (**tái xuất hiện**)”. Những người theo sự giải thích này có thể thay đổi **thứ tự** của các câu 9 và 10 để thứ tự của các biến cố được rõ ràng.

Ngài. <Và/Sau đó> họ ¹³³{quỳ gối xuống ⇔ quỳ và cúi mình sát xuống đất} (trước con trẻ) (để tỏ lòng kính trọng) (và) thờ lạy/tôn kính {Ngài ⇔ con trẻ}. Rồi họ {mở ^{GTK134}các rương/hộp/túi quà quý giá (và) tặng Ngài các ¹³⁵quà quý giá ⇔ lấy ra các quà (quý giá) họ đã đem theo và dâng cho Ngài} — vàng, {<và> trầm hương và mộc dược/nhựa thơm ⇔ và các hương liệu gọi là trầm hương và mộc dược}.

12 <Và> (sau khi các nhà thông thái rời khỏi đó,) ¹³⁶{(họ) được cảnh cáo ⇔ (một thiên sứ/sứ giả của Đức Chúa Trời) bảo họ} trong một giấc mơ ^{NTT}đừng trở lại gặp vua Hê-rốt. (Vì vậy/Vậy nên) họ trở về quê hương bằng một đường khác.

2:13-15 ¹³⁷Giô-sép Và Gia Đình Trốn Tránh Vua Hê-rốt Đi (Qua Nước) Ai-cập

13 <Rồi> sau khi ¹³⁸{họ ⇔ các nhà thông thái} {đi rồi ⇔ đi về quê hương}, ¹³⁹{<hãy nhìn/đột nhiên> ⇔ Giô-sép ngạc nhiên} {một thiên sứ/sứ giả ¹⁴⁰của/từ Chúa ¹⁴¹(Đức Chúa

¹³³ **2:11** Họ quỳ xuống hay cúi mình xuống để bày tỏ sự kính trọng. Bản Hy-lạp **không** nói các nhà thông thái này cúi mình như thế nào. Họ có thể quỳ xuống, hai tay sãi dài và trán chấm đất.

¹³⁴ **2:11** Kinh Thánh **không** nói rõ là các nhà thông thái đem theo **ruong** hay **túi đựng quà**. Chuyển ngữ là rương hay túi đều đúng cả. Đối với một số ngôn ngữ có thể tự nhiên hơn là để hàm ý và chỉ nói: “Rồi thì họ tặng Ngài quà tặng (đắt tiền), kể cả vàng...”

¹³⁵ **2:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các món quà mà các nhà thông thái tặng Chúa Giê-su là những món quà có giá trị để dành cho vua. Đa số các học giả nghĩ rằng các món quà này có ý nghĩa: vàng biểu tượng Chúa Giê-su là vua, nhũ hương biểu tượng Ngài là Đức Chúa Trời, và mộc dược biểu tượng Ngài là một người sẽ phải chịu đau đớn và chết. Nhũ hương được dùng để dâng lên cho Đức Chúa Trời trong thời Cựu Ước và mộc dược được dùng để ướp xác khi chôn.

¹³⁶ **2:12** Trong ngữ cảnh này “**được cảnh cáo**” **không** có nghĩa rằng thiên sứ của Đức Chúa Trời đe dọa làm hại những nhà thông thái, thay vào đó nó có nghĩa là thiên sứ dặn dò/bảo họ về sự nguy hiểm chờ đợi họ khi họ trở lại với vua Hê-rốt. Bản Hy-lạp **không** nói ở đây **ai** đã nói với các nhà thông thái. Chúng tôi giả định đó là **một thiên sứ** của Đức Chúa Trời, giống như một thiên sứ nói với Giô-sép trong Ma 1:20, 2:13,19.

¹³⁷ (Tiểu Đề) Mỗi ủy ban chuyển ngữ cần phải coi xem **các tiểu đề của các tiểu đoạn** sẽ như thế nào trong bản dịch của họ: Tiểu đề có phải là một câu đầy đủ hay chỉ là các nhóm từ? Nên dùng thì nào? Một số ủy ban dùng thì quá khứ, những người khác dùng thì hiện tại. Sau khi chuyển ngữ xong một tiểu đoạn, tốt hơn nên coi trở lại và xem tiểu đề có hợp với tiểu đoạn và được viết xuôi xẻ nhất hay không. **Cách in** các tiểu đề này là một điều khác phải để ý. Chúng sẽ được in đậm và để ở chính giữa, hay in nghiêng và chạy ngang, hay viết cách nào khác nữa? Những chữ của tiểu đề sẽ in lớn hơn hay là cùng một cỡ với các chữ ở trong đoạn kinh văn? Một số bản dịch viết chữ hoa mỗi chữ ở trong tiểu đề để phân biệt với các chữ khác trong phần kinh văn. Những người khác chỉ viết hoa chữ đầu tiên của các tên và các tiểu đề để cho dễ đọc hơn.

¹³⁸ **2:13** Trong bản Hy-lạp gốc có lẽ **không** có **tiểu đề**, nhưng là một phần kinh văn liên tục (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điểm này ở phần tên của sách này). Đó là lý do tại sao đại từ “**họ**” được dùng ở đây thay vì “các nhà thông thái”. Bản dịch tiếng Việt chia ra làm nhiều tiểu đoạn để giúp cho người đọc dễ đọc hơn. Có lẽ tốt nhất là **giới thiệu lại** các nhân vật và địa điểm trong từng tiểu đoạn một để cho những người bắt đầu đọc tiểu đoạn sẽ biết là nói đến ai và cái gì.

¹³⁹ **2:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**hãy nhìn**” trong Ma 1:20.

¹⁴⁰ **2:13** Bạn có thể chuyển ngữ “**của**” là “**được sai bởi**” ở đây. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thiên sứ của Đức Chúa Trời**” trong Ma 1:20,24.

Trời) hiện ra cùng Giô-sép trong một giấc mơ (và) bảo (ông): ¹⁴²“Hãy thức dậy, đem {con trẻ và mẹ ¹⁴³Ngài ⇔ vợ ông và đứa con} với (ông) và lánh qua ¹⁴⁴(nước) ¹⁴⁵Ai-cập. <Và> hãy ở lại/sống tại đó cho đến khi tôi bảo ông ^{NTT}(phải làm gì ⇔ tình hình yên ổn để trở về), ¹⁴⁶bởi vì ¹⁴⁷(Vua) Hê-rốt sắp ^{NTT}(ra lệnh ⇔ sai quân lính) đi tìm đứa trẻ để hủy diệt/giết nó/Ngài.” **14** Vậy đêm (đó) ông/Giô-sép thức dậy, đem ¹⁴⁸{con trẻ và mẹ Ngài ⇔ vợ ông và con ⇔ Ma-ri và (Chúa) Giê-su} với (ông), và ¹⁴⁹ông/họ ¹⁵⁰{trốn đi ⇔ trú ẩn tại} ¹⁵¹(nước) Ai-cập. **15** <Và> {ông ở đó ⇔ họ sống tại đó} cho tới khi ¹⁵²Hê-rốt chết ¹⁵³(và Đức Chúa Trời bảo ông/họ ^{NTT}rời khỏi nơi đó). (Tất cả những việc này đã xảy ra) để điều đã được tiên tri bởi Chúa (Đức Chúa Trời) (ngày xưa) ¹⁵⁴{qua tiên tri của Ngài ((Ô-sê)) ⇔ và ¹⁵⁵((Ô-sê)) đã viết} {được ứng nghiệm ⇔ trở nên sự thật} là người đã

- ¹⁴¹ **2:13** Qua suốt Tân Ước **không** nên lầm lẫn “Chúa (Giê-su)” với “Chúa (Đức Chúa Trời)”.
- ¹⁴² **2:13** Trong một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng **thể xưng hô** ở đây và nói: “(Giô-sép,) hãy thức dậy...”
- ¹⁴³ **2:13** Nhiều ngôn ngữ không có đại từ đặc biệt để bày tỏ sự kính trọng như “Ngài” của tiếng Việt. Nếu ngôn ngữ của bạn không có đại từ đặc biệt, bạn không cần phải đặt ra. Thí dụ, có thể trong ngôn ngữ của bạn, bạn cần phải nói “mẹ nó”.
- ¹⁴⁴ **2:13** Trong bản Hy-lạp dùng ngôi thứ hai, số ít “anh” tới suốt câu 13. Vì Giô-sép, Ma-ri và Chúa Giê-su sẽ cùng nhau đi trốn, cùng ở tại Ai-cập và cùng trở lại nên có thể cần phải dùng ngôi thứ nhì **số nhiều** để bao gồm cả Ma-ri và Chúa Giê-su.
- ¹⁴⁵ **2:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chuyển đi xuống nước Ai-cập này sẽ nhắc các độc giả Do Thái nhớ đến 430 năm mà các tổ phụ của họ làm nô lệ tại Ai-cập hồi xưa (Xuất 12:31, 40).
- ¹⁴⁶ **2:13** Đối với một số ngôn ngữ có lẽ đối thứ tự ở trong lời đối thoại như sau nghe tự nhiên hơn: “Hê-rốt sắp tìm cách... giết đứa trẻ. Vì vậy hãy thức dậy, đem đứa trẻ...”
- ¹⁴⁷ **2:13** Hãy quyết định xem phải kèm theo tước vị “**Vua**” với tên của Hê-rốt trong tiểu đoạn này và những tiểu đoạn khác thường xuyên như thế nào để nghe cho có vẻ tự nhiên. Đối với một số ngôn ngữ sau khi người đó được giới thiệu với tước vị một lần, thì **không** cần phải tiếp tục lặp lại cả tên và tước vị trong suốt tiểu đoạn nghe sẽ tự nhiên hơn. Về **LỜI CHÚ THÍCH** về “Vua” hãy xem Ma 2:1.
- ¹⁴⁸ **2:14** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**con trẻ và mẹ Ngài**” trong câu 13.
- ¹⁴⁹ **2:14** Mặc dù trong bản Hy-lạp đang tập trung vào Giô-sép và dùng “**ông**” ở đây, phải biết rõ rằng Ma-ri và đứa trẻ Giê-su đi với Giô-sép qua Ai-cập. Hãy xem bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự ở trong câu 13.
- ¹⁵⁰ **2:14** Chuyển đi qua Ai-cập sẽ mất vài ngày. Bạn có thể nói: “...và ông ấy/họ bắt đầu đi tới/du hành qua (nước) Ai-cập (để được an toàn). **15** Và (khi ông ấy/họ tới đó/Ai-cập,) ông ấy ở đó...”
- ¹⁵¹ **2:14** Vì **Ai-cập** đã được giới thiệu trong câu 13, cứ lập đi lập lại “(nước)” trong tiểu đoạn này nghe có thể tự nhiên hay không tự nhiên. Hãy quyết định xem cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.
- ¹⁵² **2:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hê-rốt Đại Đế chết trong thành phố Giê-ri-cô vào cuối tháng Ba hay đầu tháng Tư vào khoảng 4 năm T.C. Háy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về T.C. và S.C. ở Ma 1:25.
- ¹⁵³ **2:15** Bạn có thể cần bao gồm thông tin được **hàm ý** này để lời tiên tri sau có ý nghĩa trong ngữ cảnh này.
- ¹⁵⁴ **2:15** Hãy so sánh cách bạn chuyển ngữ Ma 1:22, tương tự như câu này. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.
- ¹⁵⁵ **2:15** Về **LỜI CHÚ THÍCH** bao gồm **tên** của tiên tri trong bản dịch của bạn hãy xem Ma 1:23.

nói/đã viết: ^{NGT156}“Ta ¹⁵⁷ đã/sẽ gọi ¹⁵⁸ Con Trai Ta ^{NTT} ra/rời khỏi (nước) Ai-cập.” (Ô-sê 11.1)

2:16-18 Hê-rốt Cố Gắng Tìm Giết (Chúa) Giê-su

16 Bấy giờ, ¹⁵⁹ (trước khi Vua Hê-rốt chết và sau khi Giô-sép, Ma-ri và con rời bỏ quê hương qua nước Ai-cập,) Hê-rốt {thấy ⇔ phát hiện} rằng {vua đã bị ¹⁶⁰ các nhà thông thái lừa gạt ⇔ các nhà thông thái không vâng theo lời vua nói ⇔ các nhà thông thái không trở về ¹⁶¹ phúc trình cho vua}. ¹⁶² (Vì vậy) vua/Hê-rốt tức giận vô cùng và (cố gắng muốn giết đứa trẻ) vua ^{NTT} sai (quân lính) (và) ¹⁶³ {thủ tiêu ⇔ giết} tất cả trẻ em trai/những đứa con

156 **2:15** Hãy cẩn thận để “Ta” ở đây nói đến Đức Chúa Trời trong lời tiên tri này, chứ không phải là Ô-sê.

157 **2:15** Câu tiên tri này có thể nghe có vẻ giống như là một lời tiên tri hơn nếu dùng **thì tương lai** ở đây. Điều này đúng cho rất nhiều các lời tiên tri khác được trích dẫn trong Tân Ước. Lý do bản Hy-lạp có một số lời tiên tri trong thì quá khứ như là việc đó đã xảy ra để cho thấy là lời tiên tri đó **chắc chắn** sẽ trở nên sự thật. Các lời tiên tri khác giống như lời tiên tri này ở trong sách Ô-sê được viết ở trong thì quá khứ khi nói đến nước Y-sơ-ra-ên/Do Thái (Đức Chúa Trời gọi là Con Ngài) và trong **thì tương lai** khi nói đến Đức Cựu Thế (là Con của Đức Chúa Trời).

158 **2:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lời tiên tri này nhắc nhở người Do Thái nhớ đến cách đây quyền năng mà Đức Chúa Trời đã giải cứu tổ phụ của họ (được đề cập đến ở đây là “Con Trai Ta”) ra khỏi vòng nô lệ tại Ai-cập—là một trong những biến cố vĩ đại nhất trong lịch sử của dân Y-sơ-ra-ên. Trong lúc Chúa Giê-su còn ở thế gian người Do Thái trông đợi Đức Chúa Trời sai Đấng Cứu Thế đến giải cứu họ khỏi sự đô hộ của người La-mã. Ở đây Đức Chúa Trời gọi Đấng Cứu Thế ra khỏi Ai-cập, nhưng công tác của Ngài khác hơn là điều người ta mong đợi. Đó là sự giải cứu dân sự của Đức Chúa Trời ra khỏi sự nô lệ tội lỗi.

159 **2:16** Vì câu 16 kể lại những việc xảy ra trước khi Hê-rốt chết ở trong câu 15, bạn có thể cần phải nói: “(trước khi Hê-rốt chết và sau khi Giô-sép, Ma-ri và em bé Giê-su rời khỏi tỉnh đi đến Ai-cập.)” để nghe **không** giống như Hê-rốt lại sống lại sau khi vua đã chết. Thay vì thêm vào thông tin hàm ý trong câu 16, có thể dùng **một cách khác** để làm cho rõ các thứ tự của các biến cố là đặt lại câu 15 và nói: “<Và> họ (sẽ) ở đó cho tới khi vua chết (và Đức Chúa Trời bảo họ rời khỏi đó). (Điều đó sẽ xảy ra) để điều Chúa (Đức Chúa Trời) đã phán...”

160 **2:16** Nếu trước đây bạn đã dùng một nhóm từ để giới thiệu **các nhà thông thái**, có thể chỉ dùng một phần của nhóm từ ở đây nghe sẽ tự nhiên hơn, thay vì phải lập lại nguyên cả nhóm từ mỗi lần bạn đề cập đến. Thật ra, bây giờ là dịp tiện tốt để trở lại đọc từ phần đầu của sách (hay 1:18) và đọc lại những gì bạn đã chuyển ngữ với **nguyên tắc chuyển ngữ** sau đây trong đầu.

Sau khi chuyển ngữ mỗi tiểu đoạn, **tốt hơn** nên trở lại từ phần đầu của tiểu đoạn và đọc lại một lần. Trong khi đọc, **lắng nghe** để biết chắc là bạn nói đến các **phần tử** (tức là, người ta, nơi chốn, các thứ vật và các sự việc) một cách tự nhiên. Cách tốt nhất để nói đến những phần tử này lần đầu trong tiểu đoạn có thể khác với cách bạn đề cập tới về sau này. Việc dùng **đại từ** đặc biệt quan trọng bạn phải dùng thế nào để nghe tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn, vì mỗi một ngôn ngữ có cách dùng danh từ và đại từ khác nhau. **Dùng** chỉ dùng những đại từ hay danh từ khi bản Hy-lạp và tiếng Việt dùng, nhưng dùng đại từ và danh từ ở chỗ nào nghe tự nhiên nhất cho ngôn ngữ của bạn.

161 **2:16** Hay bạn có thể nói: “...nói cho vua biết ^{NTT} đứa trẻ ở đâu.”

162 **2:16** Có thể chia **câu dài** này ra làm hai hay nhiều câu ngắn nghe tự nhiên hơn. Mỗi ngôn ngữ có **chiều dài** riêng cho mỗi câu để nghe được tự nhiên trước khi trở nên dài và rắc rối. Hãy đọc và **lắng nghe** xem câu có dài quá không khi bạn chuyển ngữ và đọc lại tiểu đoạn.

163 **2:16** Trong bản Hy-lạp khi nói là một người lãnh đạo hay một người quan trọng làm một điều gì, thường có nghĩa là người lãnh đạo đó **ra lệnh** cho tôi tớ/quân lính của họ và tôi tớ/quân lính sẽ làm theo điều mà người lãnh đạo muốn.

traí (Do Thái) ^{TD164}từ {hai tuổi trở xuống ⇔ nhỏ hơn ba tuổi} (đang sống ở) trong (thành) Bết-lê-hem và trong các ¹⁶⁵địa bàn/chỗ/các làng xung quanh, {theo như thời gian mà vua đã được ¹⁶⁶các nhà thông thái (cho biết lúc ngôi sao mới xuất hiện) ⇔ bởi vì ông đã ^{NTT}biết từ các nhà thông thái rằng ngôi sao đã xuất hiện từ hai năm trước}. **17** {Như thế ⇔ Khi điều đó xảy ra ⇔ Khi các con trẻ bị giết}, điều ấy đã được (Đức Chúa Trời) phán/tiên tri (từ ngày xưa) ¹⁶⁷qua tiên tri Giê-rê-mi {đã được ứng nghiệm ⇔ trở thành sự thật} ông đã nói/viết: **18** ^{TD168}“{Tiếng kêu cay đắng/lớn và than khóc ¹⁶⁹được nghe thấy ⇔ Người ta nghe tiếng than khóc cay đắng/thảm thiết/lớn} trong (thành) ¹⁷⁰Ra-ma. ¹⁷¹Ra-chên than khóc/đề tang cho con cái nàng và {không muốn ⇔ từ chối ⇔ không chịu} được (bất cứ ai) an ủi bởi vì ¹⁷²{chúng ⇔ con cái nàng} ¹⁷³{không còn (nữa) ⇔ đã chết/bị giết}.” (Giê-rê-mi 31.15)

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Việc Hê-rốt giết các đứa con trai nhắc nhở cho người Do Thái về việc ngày xưa Pha-ra-ôn, vua Ai-cập đã giết tất cả các đứa con trai của các tổ phụ họ, nhưng Môi-se thoát chết (Xuất 1:15-2:10). Môi-se trở nên người lãnh đạo Đức Chúa Trời dùng để mang dân Ngài ra khỏi vòng nô lệ tại Ai-cập. Người Do Thái mong đợi Đức Chúa Trời sai một tiên tri như là Môi-se đến (Phục 18:15,18). Nhiều người Do Thái sẽ coi Chúa Giê-su là một “Môi-se mới” hay một người lãnh đạo dân Y-sơ-ra-ên.

- 164 2:16** Thứ tự của các nhóm từ trong bản Hy-lạp là “...các con trẻ/các đứa con trai (đang sống) tại (thành) Bết-lê-hem và tại tất cả các địa bàn/chỗ/làng xung quanh {từ ⇔ những đứa trẻ} hai tuổi trở xuống, theo như thời gian...”
- 165 2:16** Từ “địa bàn” là một từ tổng quát có thể bao gồm cả các làng và tỉnh xung quanh hay chỉ bao gồm các nhà của các người ở gần Bết-lê-hem và coi Bết-lê-hem là quê hương.
- 166 2:16** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “các nhà thông thái” trong Ma 2:1 (và tiểu đề), 7, 9, 12, 13, 16.
- 167 2:17** So sánh cách bạn chuyển ngữ 1:22 và 2:5, 15 tương tự như phần chót của câu 17.
- 168 2:18** Thứ tự của nhóm từ trong bản Hy-lạp là “Một tiếng động được nghe thấy trong (thành) Ra-ma, [các bài ai ca và] kêu khóc và sự than khóc lớn/cay đắng.”
- 169 2:18** Mặc dù đa số các hành động này ở trong thể quá khứ trong sách của Giê-rê-mi, có thể dùng **thì tương lai** để nghe cho tự nhiên và rõ ý hơn: “tiếng...than khóc sẽ được nghe thấy...Ra-chên sẽ khóc/đề tang cho...” Có thể dùng **thì hiện tại** là tốt nhất: “Tiếng...than khóc được nghe...Ra-chên đang khóc lóc/đề tang cho...”
- 170 2:18** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ra-ma là một thành phố nhỏ ở phía bắc của Giê-ru-sa-lem khoảng 8 cây số và là một trong những chỗ mà người Ba-by-lôn tập trung người Do Thái lại trước khi đầy/cắm tù họ vào khoảng 586 T.C. (Giê-rê-mi 40:1). Có tiếng than khóc tại Ra-ma vào thời đó giống như tiếng than khóc trong và chung quanh thành Bết-lê-hem bao nhiêu thế kỷ sau, khi Hê-rốt giết các em bé trai. Vì vậy Ra-ma được dùng ở đây để tượng trưng cho những người đang để tang con cái mình bị chết.
- 171 2:18** Vì Ra-chên không phải là người than khóc, bạn có thể muốn nói: “**Dòng dõi** của Ra-chên đang than khóc con cái mình và không muốn được an ủi vì con cái họ đã chết.” Bạn có thể dùng thì tương lai ở đây và nói: “Dòng dõi của Ra-chên sẽ khóc con cái mình và sẽ không muốn được an ủi bởi vì các con cái họ sẽ bị chết.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ra-chên là vợ được sủng ái của Gia-cốp và là mẹ của Giô-sép và Bê-ni-gia-min. Người Do Thái cho bà là tổ mẫu của nước họ. Bà được chôn ở gần Bết-lê-hem bao nhiêu thế kỷ trước khi Hê-rốt giết các trẻ em (Sáng Thế Ký 35:16-20). Bà được nhắc đến ở đây tượng trưng cho các phụ nữ Do Thái trong và chung quanh thành Bết-lê-hem đang than khóc sự chết của con cái mình trong thời Chúa Giê-su.

- 172 2:18** “chúng” đề cập đến con cái của Ra-chên ở đây, **không** phải những người cố gắng an ủi bà.

2:19-23 {Giô-sép, Ma-ri Và (Chúa) Giê-su ⇔ Giô-sép
Và Gia Đình Của Ông} Trở Lại (Tỉnh) Ga-li-lê Từ (Nước) Ai-cập

19 <Rồi thì> sau khi Hê-rốt đã chết, ¹⁷⁴{<hãy nhìn> ⇔ Giô-sép ngạc nhiên}, một ¹⁷⁵thiên sứ/sứ giả của/từ Đức Chúa Trời hiện ra cùng Giô-sép trong một giấc mơ (trong khi ông vẫn) còn ở trong (nước) Ai-cập **20** (và) bảo (ông): ¹⁷⁶“Hãy thức dậy, đem {con trẻ và mẹ Ngài ⇔ vợ ông và con} với (ông) và đi (trở về) ¹⁷⁷nước Y-sơ-ra-ên/Do Thái, bởi vì ¹⁷⁸những người {tìm cách để lấy mạng sống ⇔ cố gắng để giết} ¹⁷⁹{con trẻ ⇔ Ngài} đã chết.” **21** Vậy nên ông/Giô-sép thức dậy (và) đem ¹⁸⁰{con trẻ và mẹ Ngài ⇔ vợ ông và đưa con} với (ông) và ông/họ trở về nước Y-sơ-ra-ên. **22** Nhưng khi (ông/Giô-sép) ^{NTT}đã nghe rằng ¹⁸¹A-khê-lau {đang cai trị (tỉnh) Giu-đê thay cho Hê-rốt, cha của ông/A-khê-lau ⇔ đã nối ngôi/thay thế cha ông vua Hê-rốt và đang cai trị trên tỉnh Giu-đê}, ông sợ {(không dám) về đó ⇔ rằng nếu ông ở lại Giu-đê, A-khê-lau cũng sẽ cố gắng để giết con trẻ}. Vì vậy, khi/sau khi {(ông/Giô-sép) được ¹⁸²cảnh cáo ⇔ (một thiên sứ/sứ giả của Đức Chúa Trời) báo mộng cho ông/Giô-sép} trong một giấc mơ khác ^{NTT}(đừng ở tại đó ⇔ đừng ở nơi tỉnh Giu-đê), ông/Giô-sép (và gia đình) đã rút lui/đi/di chuyển qua <những> vùng/tỉnh Ga-li-lê} (nơi đó an toàn hơn),/. **23** <và>/Tại đó (họ) <đã đi (và)> trú ngụ tại một thành gọi là Na-xa-rét,/. {vậy nên ⇔ Như thế,} điều đã được (Đức Chúa Trời) đã phán/tiên tri (từ ngày xưa) (về Con Ngài ⇔ về Đấng Cứu Thế) qua các tiên tri sẽ {được ứng nghiệm ⇔ trở thành sự thật} (ông/họ đã nói/chép) ^{NTT183}{rằng Ngài/Đấng Cứu Thế sẽ

¹⁷³ **2:18** Trong lời của Giê-rê-mi “**không còn**” có nghĩa rằng con cái của người Y-sơ-ra-ên “không còn ở đó nữa”, bởi vì họ đã bị đem đi lưu đày. Ma-thi-ơ dùng những từ giống như một thành ngữ có nghĩa là “đã chết/bị giết”. Nếu bạn có cùng một thành ngữ hay một thành ngữ khác nghe tự nhiên hơn và có cùng một ý nghĩa, hãy dùng nó ở đây. Nếu được dùng từ để nói cả hai ý nghĩa.

¹⁷⁴ **2:19** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**hãy nhìn**” trong 1:20 và 2:13.

¹⁷⁵ **2:19** Bản Hy-lạp **không** nói là đây có phải là cùng một thiên sứ được nói đến ở trong 1:20 và 2:13.

¹⁷⁶ **2:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lời trích dẫn này sẽ nhắc các độc giả người Do Thái nhớ đến điều Đức Chúa Trời nói với Môi-se ở trong Xuất 4:19.

¹⁷⁷ **2:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nước Y-sơ-ra-ên/Do Thái bao gồm cả Sa-ma-ri, Ga-li-lê và tỉnh Giu-đê.

¹⁷⁸ **2:20** “**những người**” đề cập chính đến Hê-rốt ở đây.

¹⁷⁹ **2:20** Nếu dùng một đại từ ở đây, phải biết chắc là **không** nói đến Ma-ri. Điều này có thể xảy ra trong những ngôn ngữ không có đại từ phân biệt nam và nữ.

¹⁸⁰ **2:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đưa trẻ và mẹ Ngài**” trong các câu 13, 14, 20.

¹⁸¹ **2:22** Về **LỜI CHÚ THÍCH** ý nghĩa của T.C. và S.C. hãy xem Ma 1:25.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Từ 4 T.C. cho đến 6 S.C. A-khê-lau cai trị vùng Giu-đê, I-đu-mê và tỉnh Sa-ma-ri, các vùng này làm thành khu vực ở phía nam của vương quốc mà vua cha đã cai trị. A-khê-lau là một người cai trị độc ác/áp bức. Anh ghê của A-khê-lau là Hê-rốt An-ti-pa cai trị tỉnh Ga-li-lê và là một vị vua tử tế hơn nhiều.

¹⁸² **2:22** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**cảnh cáo**” trong 2:12, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

¹⁸³ **2:23** Mặc dù đây **không phải** là một lời trích dẫn thật sự của tiên tri nào, trong một số ngôn ngữ có thể cần phải có một lời đối thoại trực tiếp ở đây.

được gọi là ^{GTK184} người Na-xa-rét. ⇔ : “Họ/Người ta sẽ biết/kể Ngài/Đấng Cứu Thế là người Na-xa-rét.”}

*Phân Đoạn II. ¹⁸⁵Sự Chuẩn Bị Và Khởi Đầu
Chức Vụ Của (Chúa) Giê-su*

Chương 3-4

**3:1-12 ¹⁸⁶Giăng {Báp-tít ⇔ Người Làm Phép Báp-Tem Cho Dân Chúng}
Chuẩn Bị Dân Chúng/Họ Cho Sự Đến Của (Chúa) Giê-su**

Mác 1:1-8; Lu-ca 3:1-9, 15-17; Giăng 1:19-28

3 **1** <Sau đó> ¹⁸⁷{lúc ấy⇔ nhiều năm sau ⇔ trong khi (Chúa) Giê-su còn sống tại Na-xa-rét,} ¹⁸⁸{có một người tên là} {Giăng Báp-tít ⇔ Giăng Người Làm Báp-tem ⇔ Giăng là người làm phép báp-tem cho dân chúng} {đã đến/ra khỏi ⇔ đã sống/xuất hiện} trong ¹⁸⁹{đồng vắng/sa mạc ⇔ vùng đất hoang} của/trong (tỉnh) Giu-đê. (Ông ấy) ¹⁹⁰giảng/tuyên bố/thông báo (sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng) **2** và kêu gọi

¹⁸⁴ **2:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lạ thay, thành Na-xa-rét không bao giờ được nhắc tới ở trong Cựu Ước. Mặc dù từ “**người Na-xa-rét**” không thật sự ở trong lời tiên tri, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó tóm tắt lời tiên tri trong Cựu Ước nói rằng Chúa Giê-su sẽ bị từ khước/khinh bỉ và bị ngược đãi. Sự kiện “**người Na-xa-rét**” đôi khi được dùng như là lời sỉ nhục người khác hỗ trợ cho điều này (hãy xem Giăng 1:46). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng Ma-thi-ơ nói đến việc dùng từ Hê-bơ-rơ “**netser**” (có nghĩa là “**Nhánh**”) trong Giê-rê-mi 23:5, 33:15, Xa-cha-ri 3:8, 6:12, và Ê-sai 11:1-2, là những lời tiên tri về Đấng Cứu Thế. Một quan niệm tương tự cho rằng “Nazarene” có thể quan hệ đến từ Hê-bơ-rơ “zera” (có nghĩa là “**hạt giống/dòng dõi**”), là từ cũng được dùng trong các lời tiên tri về Đấng Cứu Thế (hãy xem thí dụ trong Sáng Thế Ký 3:15, 21:12, 22:18).

¹⁸⁵ (Chủ Đề của Phân Đoạn) Thỉnh thoảng nên **duyet lại** dàn bài của sách Ma-thi-ơ và **các chủ đề chính** của sách ở trong phần giới thiệu của sách này. Làm như vậy sẽ giúp cho bạn thấy được ngữ cảnh và giúp bạn có một bản dịch **tự nhiên** và **luu loát**.

¹⁸⁶ (Tiểu Đề) Bạn có thể nói: “Giăng Báp-tít Dạy Dân Chúng Phải Ăn Năn Và Đầu Phục Nước Đức Chúa Trời/Sự Cai Trị Của Chúa”.

¹⁸⁷ **3:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khoảng 28 năm đã qua giữa đoạn này và đoạn trước.

¹⁸⁸ **3:1** Vì đây là lần đầu tiên nói đến Giăng Báp-tít, một số ngôn ngữ có thể đòi hỏi phải có một câu giới thiệu ngắn về ông, như là “(có một người tên là) Giăng Báp-tít”.

¹⁸⁹ **3:1** Nếu trong ngôn ngữ của bạn không có “**đồng vắng/sa mạc**”, có thể mô tả ở trong **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đồng vắng/sa mạc ở nước Y-sơ-ra-ên/Do Thái là một vùng đất khô, sỏi đá. Chỉ có ít cây cối mọc và rất ít người ở. Thú dữ sống tại đó.

¹⁹⁰ **3:1 “Giăng”** ở đây muốn nói đến một việc làm thường xuyên, được làm nhiều lần, **không phải** chỉ một lần.

(họ): ¹⁹¹{Hãy ăn năn ⇔ Hãy bỏ các tội lỗi ⇔ Hãy quay lại với Đức Chúa Trời}, bởi vì ¹⁹²{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời đã đến gần ⇔ Đức Chúa Trời/Ngài ở đây để ¹⁹³cai trị/hướng dẫn (nhân loại/các người) ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sắp cai trị/hướng dẫn (nhân loại/các con)}!” ³ ¹⁹⁴{<Vi> ⇔ (Giăng giảng/tuyên bố/thông báo sứ điệp đó) bởi vì} ông/Giăng là người đã {được nói đến ⇔ Đức Chúa Trời đã nói} (từ xưa) qua tiên tri Ê-sai là người đã nói/viết: “{Có tiếng ⇔ Một người} kêu vang/thông báo (với những người đến với ông ấy) trong {đồng vắng/sa mạc ⇔ vùng đất hoang}: ¹⁹⁵{Hãy sửa soạn đường cho Chúa (của chúng ta) (đến với các người) ⇔ Hãy chuẩn bị các người cho sự đến của Chúa (chúng ta)} (và) {đập thẳng các lối Ngài ⇔ ban bằng đường Ngài sẽ đi ⇔ hãy sẵn sàng để gặp Ngài}!” ” (Ê-sai 40:3)

⁴ <Và> Giăng/ông này mặc ¹⁹⁶{quần áo (thô/đơn giản) ⇔ một áo dài (thô/đơn giản)} (làm/dệt) bằng ¹⁹⁷lông lạc đà/thú vật và (ông đeo) một thắt lưng <da> <chung quanh

¹⁹¹ **3:2** Ý nghĩa chính của “**ăn năn**” là “ngưng không phạm tội và phục vụ/vâng lời Đức Chúa Trời”. Bạn có thể nói là: “**quay lại** với Chúa từ bỏ các tư tưởng/tám lòng/lối sống gian ác/tội lỗi”. Ý nghĩa thứ nhì của “**ăn năn**” là “hối tiếc/buồn rầu về tội lỗi”. Cố gắng truyền thông cả hai ý nghĩa trên một cách rõ ràng. **Tránh** nói không rõ ràng như là “thay đổi lối sống” có thể có nghĩa là “thay đổi từ cách tốt qua cách xấu”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là thích thú khi thấy rằng trong sách Ma-thi-ơ từ “**Ăn Năn**” là chữ đầu tiên được dùng để giảng cho dân chúng bởi Giăng và Chúa Giê-su. Sự ăn năn là một phần chính của sứ điệp Phúc Âm.

¹⁹² **3:2** “**Nước Thiên Đàng**” muốn nói đến “sự cai trị của Đức Chúa Trời”. Những khán thính giả đầu tiên đã biết rằng “**Thiên Đàng**” là sự đề cập đến Đức Chúa Trời một cách gián tiếp. Bạn có thể cần phải nói rõ là “Đức Chúa Trời” trong bản dịch để cho rõ nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích “**Nước Thiên Đàng đã đến gần**” có nghĩa là “Đức Chúa Trời **đang ở đây** để cai trị nhân loại/chúng ta!” Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nó có nghĩa là “Đức Chúa Trời **sắp sửa** cai trị nhân loại/chúng ta!”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “**Nước Thiên Đàng**” là một cách nói đến Đức Chúa Trời mà không phải nói đến tên của Ngài. Chúa Giê-su thường đề cập đến Đức Chúa Trời một cách gián tiếp để tỏ lòng tôn kính nhiều hơn. Phong tục này phát xuất từ mạng lệnh của Chúa ở trong Xuất 20:7 về việc không được dùng tên Chúa mà làm chơi.

¹⁹³ **3:2** Trong suốt Tân Ước cách chuyển ngữ từ “**cai trị**” **không** nên hàm ý rằng Đức Chúa Trời tàn bạo hay áp bức. Nên tập trung vào việc ở dưới sự cai trị/lãnh đạo của Đức Chúa Trời là **phước hạnh**. Một trong những lợi ích chính của việc Đức Chúa Trời cai trị là Chúa **cứu** dân Ngài khỏi bị trừng phạt vì tội lỗi của họ.

¹⁹⁴ **3:3** Hãy chắc chắn rằng câu 3 **không** nghe giống như là tiếp tục của câu trích dẫn trong câu 2.

¹⁹⁵ **3:3** “Hãy sửa soạn đường đi...đập thẳng các lối...” là một thành ngữ có nghĩa là: “Hãy chuẩn bị chính mình...hãy sẵn sàng...” Thành ngữ này **không** nói đến việc xây hay sửa đường đi hay xa lộ. Nếu không dịch từng chữ, có thể để thành ngữ này vào **LỜI CHÚ THÍCH**.

¹⁹⁶ **3:4** Có lẽ Giăng mặc một **áo dài** rộng được làm bằng vải thô dệt với lông lạc đà. Những người ở trong đồng vắng/sa mạc thường hay mặc loại áo này. **Không** nên làm cho người đọc tưởng rằng Giăng là một người giàu có mặc áo lông thú mắc tiền.

¹⁹⁷ **3:4** **Quần áo của Giăng** được may bằng vải thô dệt từ lông lạc đà, **không** phải là da lạc đà với lông của nó. Nếu trong địa bàn của bạn không có lạc đà, bạn có thể nói là: “lông từ một con vật lớn gọi là lạc đà”. Nếu nói đến lạc đà không bày tỏ được ý nói về một loại quần áo thô sơ, rẻ tiền, bạn có thể nói tổng quát là “lông thú vật”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Giăng mặc quần áo giống như tiên tri của Đức Chúa Trời Ê-li mặc trong thời Cựu Ước (2 Các vua 1:8, Xa-cha-ri 13:4). Người Do Thái trông đợi tiên tri Ê-li sẽ đến

hông>./ {và ¹⁹⁸đồ ăn (chính) là ⇔ Ông ăn} châu chấu và ^{GTK199}{mật ong rừng ⇔ mật ong (ông tìm được)}. **5** <Vào lúc đó> (dân chúng) (từ) (thành phố) Giê-ru-sa-lem và khắp vùng ²⁰⁰Giu-đê và cả vùng châu thổ (sông) Giô-đanh đều đến với ông/Giăng (trong đồng vắng/sa mạc) (để nghe ông giảng). **6** <Và>/Tại đó ²⁰¹{họ ⇔ rất nhiều người} được ²⁰²ông/Giăng làm phép báp-tem dưới sông Giô-đanh ^{GTK203}(ngay khi/và/sau khi họ) ²⁰⁴(công khai) ^{NTT}{xung tội (với Đức Chúa Trời) ⇔ xin Đức Chúa Trời ²⁰⁵tha thứ cho họ (những điều họ và đã làm ngược lại với ý Ngài/Chúa)}.

để chuẩn bị mọi người cho sự đến của Đấng Cứu Thế (Ma-la-chi 4:5-6). Sau này Chúa Giê-su giải thích Giăng là tiên tri giống như tiên tri được mong đợi Ê-li. (Ma-thi-ơ 11:14, 17:10-13).

¹⁹⁸ **3:4** Có lẽ Giăng có ăn các thức ăn khác ngoài châu chấu và mật ong là thức ăn **chính** của ông.

¹⁹⁹ **3:4** Nếu trong địa bàn của bạn người ta **không** nuôi ong để lấy mật ong, có thể hiểu là tất cả các mật ong đều là mật ong **“rừng”** và như vậy có thể hàm ý là “rừng.” Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ là đoạn này nói đến mật do ong làm ra. Tuy nhiên, có một vài học giả nghĩ rằng “mật” là một loại nhựa của cây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có lẽ Giăng tìm thấy mật ong ở kẽ đá và trên cây. Những người ở trong đồng vắng/sa mạc ăn cùng một thứ thức ăn như Giăng ăn.

²⁰⁰ **3:5** Giê-ru-sa-lem ở trong tỉnh Giu-đê, vậy nên nói **“(phần còn lại của) tỉnh Giu-đê** có thể giúp làm cho rõ nghĩa.

²⁰¹ **3:6** Không phải mọi người đều được làm phép báp-tem, vậy có thể dùng **“nhiều người”** ở đây thì tốt hơn.

²⁰² **3:6** Bởi vì gặp nhiều khó khăn khi chuyển ngữ từ **“báp-tem”**, nên thường từ này được mượn từ tiếng Hy-lạp và **được phiên âm** (tức là, viết theo ngôn ngữ của bạn cho gần với cách phát âm trong tiếng Hy-lạp, hay tiếng Việt). Ý nghĩa của từ này được các hội thánh của các hệ phái dạy theo cách họ giải thích báp-tem. Trong tiếng Hy-lạp **“báp-tem”** có nghĩa là “rửa” hay “dùng nước”, nhưng các hội thánh của các hệ phái giải thích từ này một cách khác nhau. Một số hội thánh nói là sự nhận chìm xuống nước (tức là, dìm cả người xuống dưới nước), trong khi những hội thánh khác nói là có thể nhận chìm xuống nước, rảy nước hay đổ nước lên đầu. Nên tránh chuyển ngữ theo một phương pháp làm phép báp-tem nào đó. Thay vào đó, nếu phải chuyển ngữ theo ý nghĩa của từ “báp-tem” thì nên nói một cách **tổng quát** để bất cứ giải thích như thế nào cũng được. Trong một số trường hợp, cách chuyển ngữ “báp-tem” một cách tổng quát bị từ khước, bởi vì đã dùng một cách chuyển ngữ đặc biệt và được dùng trong nhiều năm đến nỗi được tất cả các hội thánh chấp nhận. Cách chuyển ngữ này đã có ý nghĩa mới và được dùng để nói đến tất cả các cách làm báp-tem khác nhau.

²⁰³ **3:6** Hình thức của động từ **“xung tội”** được dùng trong bản thảo Hy-lạp (hiện tại phân từ) cho thấy rằng người ta xung tội **trong khi** được làm phép báp-tem. Vì vậy **“(ngay khi/và họ) (công khai) xung tội...”** có lẽ là cách chuyển ngữ tốt nhất ở đây. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ rằng họ **xung tội trước** và rồi sau đó được làm báp-tem. Những học giả này dùng **“(sau khi họ) (công khai) xung tội...”** Những người theo cách giải thích này thường thay đổi **thứ tự** của các nhóm từ “xung tội... và được làm báp-tem...” nên các biến cố được viết ra theo thứ tự mà họ nghĩ rằng đã xảy ra. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** của Ma 1:19 về cách phải làm khi các học giả Kinh Thánh có **sự giải thích khác nhau**.

²⁰⁴ **3:6** Khi người ta **công khai** xung tội, có lẽ họ chỉ công nhận rằng họ là người có tội. Có lẽ họ **không** đưa ra một danh sách những tội họ phạm.

²⁰⁵ **3:6** **“tha thứ họ”** hay “không trừng phạt họ về tội lỗi của họ mặc dù họ đáng bị trừng phạt” hay “{tẩy sạch ⇔ hoàn toàn bỏ qua một bên} tội lỗi của họ” hay “không giận dữ với họ về việc họ phạm tội”. **Sau khi Đức Chúa Trời tha thứ một người nào, Ngài không còn giữ lại bất cứ điều gì chống lại người đó; mọi việc được giải quyết để phục hồi lại quan hệ họ có với Chúa. Tránh** chuyển ngữ như là “bỏ sót”, “bỏ qua” hay “giấu diếm”, vì Đức Chúa Trời biết tất cả mọi tội lỗi và **không** bỏ qua hay che giấu chúng.

7 Nhưng khi (Giăng) nhìn thấy/chú ý có nhiều người ²⁰⁶ (Do Thái từ hai nhóm tôn giáo gọi là) ²⁰⁷ Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến để được ông làm phép báp-tem, ông bảo họ: “(Các người ⇔ Các người độc ác như một loài) ²⁰⁸ răn độc! ^{CH209} {Ai đã báo động/bảo các người trốn khỏi ²¹⁰ sự giận dữ/trừng phạt (của Đức Chúa Trời) sắp đổ (trên những kẻ phạm tội mà không ăn năn)? ⇔ Các người đã sai lầm khi nghĩ rằng chỉ làm phép báp-tem là các người có thể trốn khỏi bị trừng phạt bởi Đức Chúa Trời (vì tội lỗi của các người)!} **8** <Vậy thì> (để trốn khỏi sự trừng phạt của Đức Chúa Trời) ²¹¹ {hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn ⇔ hãy sống thế nào để chứng tỏ/chứng minh rằng các người đã thật sự ăn năn}. **9** <Và> đừng ^{GTK212} {nghĩ tới việc nói <với nhau> ⇔ <tự mình> nghĩ là ⇔ nghĩ là các người có thể tránh được sự trừng phạt bằng cách nói}: ^{NGT213} ‘Tổ phụ chúng ta là Áp-

²⁰⁶ **3:7** Hãy cẩn thận để Pha-ri-si và Sa-đu-sê nghe **không** giống như là hội viên của hai chi phái khác nhau. Họ là người Do Thái ở trong những nhóm tôn giáo có tên đó.

²⁰⁷ **3:7** Ngay từ lúc bắt đầu chuyển ngữ bạn nên bắt đầu suy nghĩ tới các **LỜI CHÚ THÍCH** và **Danh Sách Từ Ngữ** sẽ như thế nào. Nên có một danh sách những từ sẽ được liệt kê trong danh sách từ ngữ với định nghĩa và số câu, số đoạn Kinh Thánh sẵn sàng.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Pha-ri-si là đảng tôn giáo và chính trị lớn nhất của người Do Thái, họ có khoảng 6,000 hội viên. Họ là những người câu nệ luật pháp (tức là, họ hỗ trợ tất cả các luật lệ của người Do Thái một cách mạnh mẽ). Tuy nhiên, họ thường là người đạo đức giả (tức là, họ không làm điều họ bảo người khác làm). Họ tin rằng Đức Chúa Trời chỉ nhân từ với những người vâng theo luật pháp của Ngài. Họ cho rằng họ sùng đạo hơn mọi người, và họ cố gắng bắt những người Do Thái khác vâng theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời và những truyền thống được truyền khẩu đặt theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời. Tước vị “Pha-ri-si” có nghĩa là “những người biệt riêng”.

Người **Sa-đu-sê** là một đảng người Do Thái giàu có, lịch lãm và trí thức. Họ chỉ có vài trăm người, nhưng họ rất có quyền về tôn giáo và chính trị trong cộng đồng của người Do Thái, họ điều khiển các thầy thượng tế và chiếm nhiều ghế nhất trong Hội Đồng Quốc Gia (Sanhedrin bằng tiếng Anh) (tức là, hội đồng tối cao của người Do Thái). Họ không tin vào sự sống lại và đời sống sau khi chết. Họ không tin là có thiên sứ và các thần linh. Họ chỉ tin nơi năm sách của Môi-se viết (cũng được gọi là Luật Pháp của Đức Chúa Trời) là có thẩm quyền. Họ không chấp nhận những truyền thống truyền khẩu lấy từ Luật Pháp của Đức Chúa Trời. Các điều họ tin thường làm họ không hòa thuận với người Pha-ri-si.

²⁰⁸ **3:7** Người Do Thái cho rằng **răn độc** tàn ác và xảo quyết hơn bất cứ loại thú vật nào khác. Nếu trong địa bàn của bạn **không** coi răn độc là tàn ác, bạn có thể thêm **LỜI CHÚ THÍCH** giải thích cách người Do Thái nghĩ về răn, hay bạn có thể dùng **một sự thay thế thích hợp với văn hoá**, tức là dùng một con thú vật mà bị mọi người cho là tàn ác nhất. Tuy nhiên, khi dùng một sự thay thế như vậy, **phải biết chắc** rằng con vật ấy được chấp nhận để dùng trong Kinh Thánh. Nếu bạn đề cập đến một con vật mà họ biết rằng không có ở nơi Chúa Giê-su ở, họ có thể cho là Kinh Thánh bạn đang chuyển ngữ không chính xác và từ khước nó. Có một số trường hợp cần phải bỏ hẳn ẩn dụ và chỉ nói: “Các người quá gian ác!” hay “Các người là những người gian ác!” — còn để câu chuyển ngữ từng từ một vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

²⁰⁹ **3:7** Về cách chuyển ngữ một **câu hỏi tu từ**, hãy xem ^{CH} trong phần **Chú Giải Ký Hiệu ở phần đầu của sách này**.

²¹⁰ **3:7** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái đã biết rằng khi tận thế Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những tội nhân không chịu ăn năn (Ê-sai 13:9–13, Ê-xê-chi-ên 7:1–4, Sô-phô-ni 1:14–18, 2:1–3).

²¹¹ **3:8** Thành ngữ “**kết quả**” nói đến **vàng lời** Đức Chúa Trời.

²¹² **3:9** Trong bản Hy-lạp ở đây có thể có nhiều hơn là một nghĩa. Có thể có nghĩa là các nhà lãnh đạo Do Thái **nói** với nhau hay họ sẽ chỉ **tự suy nghĩ**.

²¹³ **3:9** Áp-ra-ham **không** phải là cha của họ nhưng là **tổ tiên** của họ.

ra-ham.’ ²¹⁴(Đức Chúa Trời không bỏ qua/tha thứ tội lỗi cho các ngươi chỉ vì các ngươi là con cháu Áp-ra-ham!) ²¹⁵{<Vì> ⇔ Thật ra,} {ta bảo các ngươi ⇔ các ngươi có thể chắc} rằng Đức Chúa Trời/Ngài có thể biến/khiến (bất cứ thứ gì) thành con cháu/dòng dõi của Áp-ra-ham (ngay) cả những hòn đá (ở xung quanh chúng ta ⇔ ở đây) (nếu Ngài muốn ⇔ thay thế các ngươi)!

10 “<Và> ngay bây giờ {lưỡi búa (của Đức Chúa Trời) ²¹⁶ đã được để/đặt ở gốc cây (ăn trái) ⇔ Đức Chúa Trời sẵn sàng để xét xử/trừng phạt mọi người không ăn năn, giống như một người với cái búa sẵn sàng chặt cây ăn trái nào không sanh trái tốt/ăn được},/. {như vậy ⇔ Vì vậy} ²¹⁷ bất cứ (người nào giống như cây (ăn trái) (mà) không sanh trái tốt/trái ăn được (sẽ bị) Ngài {chặt đi ⇔ lên án} và bị ném vào lửa. **11** Ta làm phép báp-tem cho ²¹⁸ mọi người bằng nước ^{GTK219} {vì các ngươi đã ²²⁰ ăn năn ⇔ cho thấy rằng các ngươi đã ăn năn}, nhưng ²²¹ {Đấng ⇔ Đấng Cứu Thế} đến sau ta {vĩ đại hơn ta ⇔ quan trọng/có quyền năng} hơn ta. ^{TD222} Ta không ²²³ {xứng đáng ⇔ quan trọng/tốt đủ} để

²¹⁴ **3:9** Bạn có thể nói: “(Các người không phải là công chính chỉ bởi vì các người...)”

²¹⁵ **3:9** Bạn có thể nói: “(Đức Chúa Trời không cần các người làm trọn lời hứa của Ngài với Áp-ra-ham), bởi vì, ta bảo các ngươi, Đức Chúa Trời/Ngài có thể biến khiến...”

²¹⁶ **3:10** Trong ẩn dụ này so sánh Đức Chúa Trời với một người có một cái búa và sẵn sàng để chặt cây không ra trái xuống. Cái búa **không** tự nó đứng trên mặt đất được.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đôi khi cây được dùng trong Cựu Ước giống như ở đây để cho thấy cách Đức Chúa Trời trừng phạt người gian ác (Ê-sai 10:18–19, 33–34, Giê-rê-mi 11:16–17, Ê-xê-chi-ên 31:2–18, Đa-ni-ên 4:23–27).

²¹⁷ **3:10** Giảng dùng ẩn dụ về cây và trái để nói đến người ta và hành động của họ. Hãy chuyển ngữ cách nào để **không** hàm ý rằng người ta phải có con nhiều giống như một cây tốt sanh ra nhiều trái. Bạn có thể nói: “Người ta giống như cái cây và hành động của họ giống như trái cây. Mọi người làm điều gian ác sẽ như một cái cây sanh trái xấu. Đức Chúa Trời sẽ lên án những người như vậy và ném chúng vào lửa.”

²¹⁸ **3:11** Đa số học giả (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng Giảng đang chuyển từ nói chuyện với người Pha-ri-si và Sa-đu-sê qua nói chuyện với những người khác trong đám đông, vậy nên dùng **mọi người** nghe có vẻ tổng quát hơn.

²¹⁹ **3:11** Chuyển ngữ sát từng từ một theo bản Hy-lạp là “vì sự ăn năn” Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**ăn năn**” có nghĩa là “bởi vì các ngươi đã ăn năn” hay “**cho thấy** là các ngươi đã ăn năn” (xem các câu 2 và 8). Tuy nhiên, một số học giả (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ rằng “**vì thế** các ngươi ăn năn”.

²²⁰ **3:11** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ăn năn**” trong câu 2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

²²¹ **3:11** Nếu bạn quyết định dùng “**Đấng đến sau ta**” trong bản dịch, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Khán giả của Giảng phải hiểu là “Đấng đến sau ta” chỉ về Đấng Cứu Thế.

²²² **3:11** Trong bản Hy-lạp câu này được phối hợp với câu trước như sau: “...lớn hơn ta (và) ta không xứng đáng để ^{GTK} xách/cởi dép (của Ngài) (như là một người đầy tớ).”

²²³ **3:11** Trong ngữ cảnh này “**xứng đáng**” nói về địa vị của Giảng, **không** phải tính tình của ông. Hãy cẩn thận **không** hàm ý rằng Giảng làm một điều gì sai hay là một người phạm pháp. Bạn có thể nói: “Ngài vĩ đại đến nỗi tôi không bằng **một đầy tớ** so sánh với Ngài!” Có thể để câu chuyển ngữ từng từ một theo bản Hy-lạp ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

GTK224 {xách/cởi ²²⁵ dép/giày cho Ngài ⇔ làm đầy tớ Ngài}. Đấng ấy sẽ làm ²²⁶ báp-tem cho các người (những người ăn năn) bằng Đức Thánh Linh ^{GTK227} {và/nhưng (các/những người không ăn năn Ngài sẽ báp-tem) bằng lửa ⇔ và bằng lửa (tinh luyện)}. **12** ²²⁸ {Tay Ngài cầm cái chia/xẻng và rê sân đập lúa của mình ⇔ Ngài sẽ tách hạt lúa/phần tốt ra khỏi trấu/phần xấu}, rồi Ngài sẽ chứa lúa/phần tốt vào kho/vựa ²²⁹ [của Ngài], nhưng sẽ đốt trấu/điều xấu trong {lửa không dập tắt được/đời đời ⇔ lửa không bao giờ dập tắt

²²⁴ **3:11** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “xách” hay “cởi”. Đa số các bản dịch dùng “xách”.

²²⁵ **3:11** Dép là săng-đan được làm bằng các miếng da (da thú vật) có các sợi dây da nhỏ hơn cột dép vào bàn chân.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một người đang mang dép của người Do Thái.

²²⁶ **3:11** “Báp-tem... bằng Đức Thánh Linh” là một thành ngữ quan trọng trong Tân Ước và nếu được nên chuyển ngữ từng từ một, có thể được để một **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích ý nghĩa. Thành ngữ sau đây: “(báp-tem) bằng lửa” nên dùng cùng một cách như thành ngữ ở trên. Nếu chuyển ngữ từng từ không chấp nhận được trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói: “Ngài sẽ sai Đức Thánh Linh {đến với các người ⇔ đến sống trong các người}, và/nhưng ^{GTK} Ngài sẽ **trừng phạt** bằng lửa (những người không ăn năn).” Trong những trường hợp đó có thể để thành ngữ trên ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “báp-tem... bằng Đức Thánh Linh” chỉ về cách Đức Chúa Trời ban phước cho những người ăn năn— Ngài sẽ sai Đức Thánh Linh đến sống trong họ. Đức Thánh Linh tẩy sạch họ khỏi tội lỗi, hướng dẫn, thêm sức cho họ để vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, và giúp đỡ họ trong nhiều cách khác nữa. Ngày xưa Đức Chúa Trời dùng thành ngữ khi tượng tự Ngài hứa “đổ xuống” (tức là, “sai/gửi”) Đức Thánh Linh trên dân sự của Ngài (Ê-sai 44:3, Ê-xê-chi-ên 36:25–27, 39:29; Giô-ên 2:28–29 và Xa-cha-ri 12:10).

²²⁷ **3:11** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (BDM, BDC, BCG, BDY, Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Bản Thảo Uy Tín [Textus Receptus]) có “và bằng lửa”. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu 11 nói đến hai phép báp-tem: một phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh cho những người ăn năn và một phép báp tem bằng lửa như là **sự trừng phạt/đoán xét** cho những người không ăn năn. Sự giải thích đó có vẻ thích hợp với ngữ cảnh của các câu 7–12 nhất (cũng hãy xem Ê-sai 6:11, 66:15–16, 24). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng “và bằng lửa” đề cập đến cùng một phép báp-tem như phép báp-tem bằng Đức Thánh Linh và nói đến “**tinh luyện** bằng lửa” đã được tiên tri ở trong Ê-sai 1:25, 4:4, Xa-cha-ri 13:9 và Ma-la-chi 3:2. Giải thích theo cách đó, có thể nói đến sự giáng xuống của Đức Thánh Linh trong Lễ Ngũ Tuần (see Công Vụ 2). Rất ít bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) không có “và bằng lửa” ở đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “báp-tem... bằng lửa” nói đến việc cách Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người không ăn năn (hãy xem Ê-sai 26:11, 66:15–16, 24). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nó nói đến cách Đức Chúa Trời tinh luyện dân sự của Ngài qua thử thách đau đớn như lửa vậy (hãy xem Ê-sai 1:25, 4:4, Xa-cha-ri 13:9 và Ma-la-chi 3:2).

²²⁸ **3:12** Ấn dụ này muốn nói đến Đấng Cứu Thế sẽ phân rẽ dân sự của Chúa với những người không thuộc về Ngài. Nếu không được hiểu như vậy, bạn có thể để thông tin đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hay bạn có thể nói: “Chúa sẵn sàng đoán xét mọi người và phân ra những người công chính khỏi những người gian ác, giống như người ta tách hạt lúa mì ra khỏi trấu. Chúa sẽ giữ những người tốt/công chính an toàn (ở trên Thiên Đàng) giống như người nông dân chứa lúa mì của mình ở trong vựa, nhưng Ngài sẽ trừng phạt những người gian ác trong ngọn lửa không dập tắt được giống như người nông dân đốt trấu vậy.” Bạn có thể dùng một **sự thay thế thích hợp với văn hoá** “sàng lúa/chia rẽ lúa”, “sân đập lúa”, “lúa mì”, “trấu” và “vựa”, nhưng hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** của câu 7 về khi nào nên dùng sự thay thế thích hợp với văn hoá.

²²⁹ **3:12** Một số bản thảo Hy-lạp chính có “của Ngài” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) không có từ này, chỉ hàm ý thôi. Hãy dùng từ thế nào nghe cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

được}. ²³⁰ (Vì vậy hãy ăn năn nếu không Ngài sẽ trừng phạt các người giống như người nông dân đốt trấu!)”

3:13-17 Giảng Báp-tem (Chúa) Giê-su, Con Của Đức Chúa Trời

Mác 1:9-11; Lu-ca 3:21-22

13 ²³¹ {Vào lúc đó ⇔ Thế rồi} (Chúa) Giê-su ²³² từ (tỉnh) Ga-li-lê đi đến sông Giô-đanh {gặp Giảng ⇔ chỗ Giảng ở,} {để nhận phép báp-tem ⇔ để Giảng làm phép báp-tem cho Ngài ⇔ và xin Giảng ^{NTT} làm phép báp-tem cho Ngài}. **14** Nhưng Giảng/ông cố gắng {ngăn Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ làm cho Ngài/(Chúa) Giê-su đổi ý} bằng cách nói: “{Tôi (mới là người) cần phải được Ngài làm phép báp-tem ⇔ Ngài (là Đấng) nên làm phép báp-tem cho tôi},!/ ^{CH233} {nhưng Ngài lại đến với tôi? ⇔ Tại sao Ngài lại đến với tôi? ⇔ Ngài không cần tôi làm phép báp-tem!”} ²³⁴ **15** Nhưng (Chúa) Giê-su ²³⁵ {trả lời <nói với ông> ⇔ trả lời}: ²³⁶ “{Bây giờ hãy làm (theo điều Ta nói đi) ⇔ Ông phải/nên làm phép báp-tem cho Ta}, bởi vì làm như vậy {chúng ta làm đúng (và) làm trọn mọi (quy luật) công chính ⇔ chúng ta đang làm điều Đức Chúa Trời muốn/đòi hỏi chúng ta làm}.” Sau đó/vậy nên ông/Giảng ^{NTT} {làm theo điều (Chúa) Giê-su muốn ⇔ đồng ý/vâng lời (và làm phép báp-tem) cho Ngài}. **16** <Rồi thì> ^{TD237} ngay sau khi {(Chúa) Giê-su/Ngài được làm phép báp-tem ⇔ Giảng làm phép báp-tem cho (Chúa) Giê-su/Ngài xong}, Ngài/(Chúa)

²³⁰ **3:12** Trong các câu 10–12 cần nên rõ là Giảng đang cảnh cáo người Pha-ri-si và Sa-đu-sê phải **ăn năn**.

²³¹ **3:13** Bản Hy-lạp có một liên từ ở đây có nghĩa là “**Vào lúc đó**”.

²³² **3:13** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**đã đến/đã đi**” trong Ma 2:1.

²³³ **3:14** Trong một số ngôn ngữ cần phải dùng một câu tuyên bố ở đây thay vì một **câu hỏi tu từ**, để hiểu nghĩa đúng hơn. Có thể để phần còn lại của câu 14 hàm ý nghe tự nhiên hơn trong một số ngôn ngữ.

²³⁴ **3:14** Mỗi ủy ban chuyển ngữ phải quyết định bắt đầu một **đoạn mới** ở đâu. Một số bản dịch bắt đầu đoạn mới **sau** mỗi lời trích dẫn để giúp cho người đọc thấy được kết thúc của câu trích dẫn. Tuy nhiên, những người khác chỉ bắt đầu một đoạn mới khi **đổi đề tài** để giúp cho người đọc thấy cấu trúc của các chủ đề trong bản kinh văn.

²³⁵ **3:15** Trong suốt Tân Ước, hãy cẩn thận khi bạn chuyển ngữ các **công thức trích dẫn** (tức là, các từ giới thiệu câu đối thoại). Một số ngôn ngữ có **hiều** công thức trích dẫn khác nhau. Tại mỗi lời đối thoại họ nói rõ cách các người nói chuyện tác động với nhau, tức là, họ nói rõ người nói trả lời, kể lại, ra lệnh, nói, hỏi hay hứa hẹn với một người khác. Những ngôn ngữ khác chỉ có **một** cách, hay **một vài** cách, để giới thiệu câu đối thoại. Họ để nội dung của lời đối thoại cho thấy rõ cách người nói tác động với những người kia. Một số ngôn ngữ đòi hỏi **hai** công thức trích dẫn: một ở đầu câu và một ở cuối câu. Thí dụ: “Chúa Giê-su nói với ông ta...” “Chúa Giê-su nói...” Hãy chuyển ngữ câu đối thoại cách nào tự nhiên và thích hợp với ngữ cảnh nhất. Một khi cuộc đối thoại đã bắt đầu, một số ngôn ngữ **thu ngắn lại** công thức trích dẫn và chỉ hàm ý người nói và người nghe. Thí dụ, có thể tự nhiên hơn nếu nói: “Nhưng Chúa Giê-su trả lời” thay vì “Nhưng Chúa Giê-su đã trả lời ông”, tùy theo ngữ cảnh.

²³⁶ **3:15** Chúa Giê-su đồng ý với Giảng là Ngài vĩ đại hơn Giảng, nhưng Chúa đòi Giảng làm phép báp-tem cho Ngài dù làm như vậy có vẻ Giảng lớn hơn Ngài **lần này**. Lời yêu cầu của Chúa Giê-su phải **lễ phép**, không hỗn xược.

²³⁷ **3:16** Trong bản Hy-lạp “**lập tức**” đi với “đi lên.”

Giê-su đi lên khỏi nước/sông (để đi lên bờ) <Hãy nhìn> đột nhiên, {^{GTK238}bầu trời được mở ra ^{GTK239}[cho Ngài/(Chúa) Giê-su] ⇔ ^{GTK}Ngài/(Chúa) Giê-su thấy ^{GTK}bầu trời mở ra} và Ngài/(Chúa) Giê-su thấy Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống (từ thiên đàng) ^{GTK240}{giống như con chim bồ câu ⇔ dưới dạng một ²⁴¹con chim bồ câu} ²⁴²[và đậu trên ²⁴³Ngài. 17 Sau đó <hãy nhìn> đột nhiên, ²⁴⁴{có tiếng (Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời]} ²⁴⁵phán từ ^{GTK}{Thiên Đàng ⇔ trời}: “Này là ^{GTK246}{Con yêu dấu ⇔ Con ²⁴⁷mà Ta yêu mến} đẹp lòng Ta mọi đường.

²³⁸ **3:16** Trong bản Hy-lạp dùng cùng một từ (số ít hay số nhiều) để nói về “**Thiên Đàng**” và “**bầu trời**”, hàm ý đó là chỗ Đức Chúa Trời ở và cai trị (tức là Thiên Đàng) cùng một chỗ với mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao mọc (tức là bầu trời). Nhiều người chuyển ngữ ưa thích phân biệt giữa hai từ. Nếu làm được điều đó, có lẽ “Thiên Đàng” nên được dùng trong các ngữ cảnh chú trọng đến chỗ Đức Chúa Trời ở và nên dùng “trời” trong những ngữ cảnh khác. Các bản dịch tiếng Việt dùng “bầu trời” ở đây.

²³⁹ **3:16** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “**cho Ngài**” ở đây, nói đến Chúa **Giê-su**. Tuy nhiên, một số bản dịch chính (và BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có từ đó hàm ý rằng tất cả **mọi người** ở đó thấy Đức Chúa Trời mở bầu trời.

²⁴⁰ **3:16** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**giống như chim bồ câu**” có nghĩa là “trong **hình thức** của một con chim bồ câu” trong Lu-ca 3:22 nói rõ hơn. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng “**bằng cách** nhẹ nhàng như một con chim bồ câu bay xuống”.

²⁴¹ **3:16** Nếu trong địa bàn của bạn không có **chim bồ câu**, bạn có thể nói là “một con chim gọi là bồ câu” hay “một con chim giống như ...” tiếp theo là tên của một con chim phổ thông tương tự như con chim bồ câu.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Phép báp-tem của Chúa Giê-su, gồm có hình bầu trời mở ra và một con chim bồ câu đậu trên Ngài trong khi Chúa đứng trên bờ sông Giô-đanh gần bên Giăng.

Ngay từ đầu trong tiến trình chuyển ngữ bạn nên bắt đầu chọn **những hình ảnh** nào bạn muốn dùng và phụ đề như thế nào. Nhất là khi bạn định nhờ một họa sĩ địa phương để họ có đủ thì giờ để chuẩn bị vẽ hình.

²⁴² **3:16** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có từ **và** ở đây. Tuy nhiên có một ít bản thảo chính **không** có từ này. Dùng từ cách nào nghe cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

²⁴³ **3:16** Bản Hy-lạp **không** nói cho chúng ta biết con chim bồ câu đậu **ở chỗ nào** trên Chúa Giê-su. Trong nhiều ngôn ngữ có thể để điều này hàm ý. Tuy nhiên, nếu bạn phải nói rõ là ở đâu, bạn có thể nói là “**trên đầu/vai Ngài**”.

²⁴⁴ **3:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy chú ý là cả Ba Ngôi (Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh) đều hiện diện lúc Chúa Giê-su làm phép báp-tem.

²⁴⁵ **3:17** Bản Hy-lạp **không** nói rõ Đức Chúa Trời đang nói với **ai**. Nếu bạn phải nói rõ điều này, bạn có thể nói: “...nói với đám đông (về Chúa Giê-su)”.

²⁴⁶ **3:17** Nhiều học giả Kinh Thánh giải thích nhóm từ này có nghĩa là “**Con yêu dấu**” hay “Con mà Ta yêu mến”. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng hai câu ở đây: “Đây là Con (độc nhất) Của Ta. Ta yêu mến và rất hài lòng với nó.” Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng “Con Trai yêu dấu” là một tước vị của Đấng Cứu Thế và nói: “Con Ta **Người Được Yêu Quý**”. Nếu bạn theo cách giải thích này, bạn có thể phải kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** giải thích đó là tước hiệu của Đấng Cứu Thế.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Điều Đức Chúa Trời nói ở đây tương tự như điều Ngài nói về Đấng Cứu Thế trong Thi-thiên 2:7 và Ê-sai 42:1.

²⁴⁷ **3:17** Chuyển ngữ “**Con Ta yêu quý**” **không** nên hàm ý rằng Đức Chúa Trời có các con khác mà Chúa không yêu hay không đẹp lòng về họ.

4:1-11 {Đức Chúa Trời Cho Phép Quỷ Vương^{GTK} Cắm Dỗ/Thử
(Chúa) Giê-su ⇔ Quỷ Vương Cố Gắng Làm Cho Chúa
Giê-su Phạm Tội}

Mác 1:12-13; Lu-ca 4:1-13

4 1 Sau đó, {(Chúa) Giê-su được Đức Thánh Linh (của Đức Chúa Trời) hướng dẫn ⇔ Đức Thánh Linh hướng dẫn (Chúa) Giê-su} vào sâu²⁴⁸ trong²⁴⁹ {đồng vắng/sa mạc ⇔ miền đất hoang vu} ((của tỉnh Giu-đê)) {để bị^{GTK250} cắm dỗ/thử bởi²⁵¹ quỷ vương, ((quỷ cầm đầu/lãnh đạo các tà linh)) ⇔ để quỷ vương ((quỷ cầm đầu/lãnh đạo các tà linh)) cố gắng làm cho Ngài²⁵² phạm tội}. 2 <Và> sau khi (Ngài/(Chúa) Giê-su)²⁵³ {đã kiêng ăn ⇔ không ăn uống gì (để cầu nguyện)} (ở đó ⇔ trong đồng vắng/sa mạc) trong²⁵⁴ bốn mươi {ngày và bốn mươi đêm ⇔ ngày đêm}, Chúa đói lả. 3 Rồi thì²⁵⁵ {Kẻ Cắm Dỗ ⇔ quỷ vương, cũng được gọi là Kẻ Cắm Dỗ, ⇔ quỷ cám dỗ người ta phạm tội ⇔ quỷ

²⁴⁸ 4:1 Chúa Giê-su đã ở trong đồng vắng/sa mạc khi Giảng làm phép báp-tem cho Chúa (Ma 3:1, 13), vậy nên bạn có thể nói “xa hơn” ở đây.

²⁴⁹ 4:1 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đồng vắng” trong Ma 3:1, 3, 5, và xem LỜI CHÚ THÍCH về điều này ở trong 3:1.

²⁵⁰ 4:1 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “bị cám dỗ” hay “thử nghiệm”. Mỗi lối giải thích đều được nhiều bản dịch dùng, tùy theo quan niệm về Đức Thánh Linh và quan niệm về quỷ vương. Đức Thánh Linh đem Chúa Giê-su ra ngoài sa-mạc để thử nghiệm. Đức Thánh Linh không muốn Chúa Giê-su phạm tội. Tuy nhiên, quỷ vương cố gắng **cắm dỗ** Chúa Giê-su phạm tội. Khi dùng “cắm dỗ” (BDM, BDC, BCG, BDY) không nên hàm ý rằng quỷ vương đã thành công trong việc làm cho Chúa Giê-su phạm tội. Quỷ vương cố gắng làm cho Chúa Giê-su phạm tội, nhưng không thành công. Hãy chú ý đến cách bạn chuyển ngữ điều này trong tiểu đề.

²⁵¹ 4:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Tên “quỷ vương” đến từ từ Hy-lạp có nghĩa là “vu cáo”. Tên Do Thái của quỷ vương là Sa-tan có nghĩa là “kẻ chống đối/kẻ thù”. Quỷ vương, cũng còn được gọi là Bê-ên-sê-bun, hồi xưa quỷ vương là một thiên sứ của Đức Chúa Trời. Nhưng nó phản loạn, bị Đức Chúa Trời đuổi ra khỏi Thiên Đàng và trở nên người cai trị/lãnh đạo của tất cả các tà linh cùng phản loạn với nó (hãy xem Ma-thi-ơ 13:38-40, Lu-ca 11:15, Giu-đê 6, Khải Thị 12; cũng hãy xem Ê-sai 14:12-15 và Ê-xê-chi-ên 28:11-19 là đoạn kinh văn nhiều học giả nghĩ rằng nói về Sa-tan hay một vị vua bị nó điều khiển).

²⁵² 4:1 Bạn có thể chuyển ngữ “tội lỗi” là “không vâng lời Đức Chúa Trời”.

²⁵³ 4:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Kiêng ăn” có nghĩa là tình nguyện không ăn hay không ăn một số loại thức ăn nào đó. Người Do Thái có nhiều lý do để kiêng ăn: để tôn vinh Đức Chúa Trời, để đến với Chúa một cách khiêm nhường để xin Chúa giúp đỡ, để tỏ lòng buồn rầu vì tội lỗi, để tang một người nào, và để kỷ niệm Ngày Lễ Chuộc Tội hay kỷ niệm một thiên tai trên toàn quốc. Đặc biệt kiêng ăn được dùng để tập trung sự chú ý vào Đức Chúa Trời trong thời gian suy gẫm, và cầu nguyện.

²⁵⁴ 4:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bốn mươi ngày của Chúa Giê-su trong đồng vắng/sa mạc nhắc nhở những người Y-sơ-ra-ên/Do Thái nhớ đến tổ phụ của họ, con cái của Y-sơ-ra-ên sống trong đồng vắng/sa mạc trong bốn mươi năm và bị Đức Chúa Trời thử nghiệm ở đó (Phục Truyền 8:2-3). Tuy nhiên, Chúa Giê-su vượt qua cùng một loại thử nghiệm mà họ đã thất bại. Có lẽ nó cũng nhắc nhở họ về chuyến đi của Ê-li qua sa mạc trong bốn mươi ngày (1 Các vua 19:4-8) và Môi-se đã ở trên núi Si-nai hai lần mỗi lần bốn mươi ngày khi Đức Chúa Trời ban cho ông mười điều răn (Xuất Ê-díp-tô Ký 24:18, 34:28).

²⁵⁵ 4:3 Hãy chắc chắn là “Kẻ Cắm Dỗ” được hiểu là nói đến quỷ vương đã được nhắc đến ở trong câu 1.

cố gắng cám dỗ (Chúa) Giê-su phạm tội} đã đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (và) ²⁵⁶ nói (với Ngài): ^{GTK257}“{Nếu ông (thật) là ⇔ Vì ông là} Con của Đức Chúa Trời, {hãy truyền bảo ⇔ hãy chứng tỏ bằng cách truyền bảo} cho các hòn đá này ^{NTT}{trở nên ⇔ biến thành} bánh/thức ăn đi.” 4 Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su {<đáp lại> ⇔ trả lời} (quỷ vương): “(Không, ⇔ Ta sẽ không làm, bởi vì) (²⁵⁸ Lời Kinh Thánh ⇔ Lời của Đức Chúa Trời), đã chép: ²⁵⁹ {Người ta không phải sống chỉ nhờ bánh mà thôi, nhưng nhờ ⇔ Chúng ta không phải chỉ sống nhờ thức ăn, chúng ta cũng cần ⇔ Chúng ta ăn để sống, nhưng như thế chưa đủ, chúng ta cũng phải vâng theo} mọi lời {phán của Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa phán/ra lệnh}!” (Phục Truyền 8:3)

5 Rồi/Kế đó quỷ vương đem Ngài/(Chúa) Giê-su đến (Giê-ru-sa-lem,) {thành phố thánh ⇔ ²⁶⁰ thành phố của Đức Chúa Trời} và đặt Chúa đứng ^{GTK261} trên nóc ²⁶² {đền thờ ⇔ nhà thờ phượng lớn của Đức Chúa Trời}. 6 Sau đó nó/quỷ vương nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: ^{GTK263}“{Nếu ông (thật) là ⇔ Vì ông là} Con của Đức Chúa Trời, ²⁶⁴ hãy nhảy

²⁵⁶ **4:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Quỷ vương cố gắng làm cho Chúa Giê-su phạm tội bằng cách nghi ngờ sự cung cấp của Chúa (giống như người Y-sơ-ra-ên/Do Thái đã làm ở trong Xuất 16:2–3), tự Chúa lo liệu cho mình thay vì tin cậy Đức Chúa Trời sẽ chăm sóc Ngài.

²⁵⁷ **4:3** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích đây là một điều kiện hàm ý cho Chúa Giê-su rằng quỷ vương **nghi ngờ** rằng Ngài là Con của Đức Chúa Trời và muốn có bằng chứng. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng quỷ vương đang hàm ý rằng vì Chúa Giê-su là Con của Đức Chúa Trời, Chúa có quyền năng để biến đá thành bánh.

²⁵⁸ **4:4** Bạn có thể chuyển ngữ “Lời Kinh Thánh” là “Sách/Lời của Đức Chúa Trời”. Vào lúc Tân Ước được viết ra “Lời Kinh Thánh” chỉ đề cập đến Cựu Ước, vậy nên tránh dùng “Kinh Thánh” hàm ý cả Cựu Ước và Tân Ước và đừng nói “Cựu Ước”, vì cụm từ này chỉ được dùng sau khi đã có Tân Ước.

²⁵⁹ **4:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nói một điều tương tự như vậy ở trong Giăng 4:34 (cũng hãy xem Giăng 6:35).

²⁶⁰ **4:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái nghĩ rằng Giê-ru-sa-lem là một “Thành Phố Thánh” vì có Đền Thờ ở tại đó. Đền Thờ là biểu hiệu của sự hiện diện của Đức Chúa Trời trên mặt đất đối với người Do Thái.

²⁶¹ **4:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vị trí của chỗ cao nhất trong Đền Thờ không được biết chắc. Ít nhất là cao khoảng 45–55 mét nếu là ở trên mái Đền Thờ, và có lẽ cao khoảng 105–115 mét nếu là ở trên bờ tường nhìn qua trung Kít-rôn.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Chúa Giê-su và quỷ vương đứng trên mái Đền Thờ với nhiều người đứng ở dưới sân.

²⁶² **4:5** Qua suốt Tân Ước, cách bạn chuyển ngữ “Đền Thờ” phải khác với cách bạn chuyển ngữ “hội đường” (xem câu 23) và “đền tạm” (xem Ma 12:4). Chỉ có một Đền Thờ và nó ở trong thành Giê-su-sa-lem. Đây là một toà nhà bằng đá lớn là nơi dâng của tế lễ, dâng hiến tiền bạc và cầu nguyện. Một số bản dịch gọi Đền Thờ “nhà của Đức Chúa Trời” hay “nhà dâng tế lễ/thờ phượng của Đức Chúa Trời” hay “toà nhà lớn để thờ phượng/dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời”. **Không** nên nói như là Đức Chúa Trời dâng tế lễ, những thầy tế lễ làm việc này.

²⁶³ **4:6** Phải để ý chuyển ngữ cho đồng nhất nhóm từ “Nếu ông (thật) là Con của Đức Chúa Trời” trong câu 3.

²⁶⁴ **4:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Quỷ vương không trích dẫn Thi Thiên 91:11–12 một cách chính xác. Thi-thiên 91:10 cho thấy rõ rằng Đức Chúa Trời sẽ bảo vệ dân của Ngài nếu họ bị nguy hiểm. Câu Kinh Thánh này không bảo họ tự đi tìm sự nguy hiểm! Quỷ vương cố gắng làm cho Chúa Giê-su phạm tội bằng cách ép buộc Đức Chúa Trời chứng tỏ rằng Ngài yêu mến Chúa Giê-su và cứu Chúa khỏi chết.

(xuống đất) đi. (Ông sẽ không bị thương,) bởi vì đã có lời chép (trong Kinh Thánh ⇔ trong Lời của Đức Chúa Trời) ^{NTT} rằng Chúa/Đức Chúa Trời sẽ bảo/ra lệnh cho các thiên sứ của Ngài ^{NTT}{quan tâm đến ⇔ chăm sóc ⇔ giúp đỡ} ông. <Và>/Vì vậy các thiên sứ sẽ {mang/giữ/đỡ ông trong tay ⇔ bảo vệ ông} để (khi ông rớt xuống) (ngay cả) chân ông sẽ không {đụng vào đá ⇔ không bị thương}.” (Thi-thiên 91:11-12) **7** (Nhưng) (Chúa) Giê-su trả lời quý vương: “(Không, ⇔ Ta sẽ không nhảy, bởi vì) đã chép (trong Kinh Thánh ⇔ trong Lời của Đức Chúa Trời): ^{NGT265}{Người ⇔ Người ta} không được {thử Chúa Đức Chúa Trời <người/người ta> ⇔ cố gắng làm Chúa Đức Chúa Trời <của người> ²⁶⁶ chứng tỏ rằng Ngài sẽ giữ lời hứa của Ngài ⇔ thách thức Chúa Đức Chúa Trời <của người>}!” (Phục Truyền 6:16)

8 {(Vây nên) ²⁶⁷ một lần nữa, ⇔ kế đến} quý vương đem Ngài/(Chúa) Giê-su (lên đỉnh) một ngọn núi rất cao và ²⁶⁸ cho Chúa thấy tất cả các vương quốc/các nước/trên thế giới với sự vinh quang/vĩ đại/giàu có của chúng. **9** Rồi nó/quý vương nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: ²⁶⁹“Ta sẽ ban cho ông tất cả (các vương quốc) này (để cai trị) ²⁷⁰ nếu như ông bằng lòng ²⁷¹ cúi xuống/quỳ xuống (và) thờ lạy/tôn kính ta.” **10** Rồi thì Ngài/(Chúa) Giê-su (giận dữ) nói với nó/quý vương: “²⁷²{Hãy đi đi ⇔ Hãy đi ra khỏi Ta ⇔ [Hãy ra phía sau Ta]}, ²⁷³Sa-tan! (Ta sẽ không bao giờ thờ lạy người, ⇔ Ta sẽ không bao giờ làm điều đó,)

Đặc biệt điều này rất là cảm dỗ cho Chúa Giê-su vì có nhiều người hiện diện tại đền thờ sẽ tin nơi Ngài nếu họ thấy Chúa nhảy từ trên cao xuống mà không chết.

²⁶⁵ **4:7** “**Người**” ở đây đề cập đến tất cả mọi người. Cần nên rõ là Chúa Giê-su cũng áp dụng điều này cho chính Ngài. Hãy nghiên cứu và tìm kiếm cách tốt nhất để dùng cho mệnh lệnh dành cho tất cả mọi người ở trong ngôn ngữ của bạn. Đối với một số ngôn ngữ dùng “**chúng tôi**” hay “**dân chúng/người ta**” thay vì “người”.

²⁶⁶ **4:7** Bạn có thể nói rằng: “...hãy chứng tỏ rằng Chúa yêu bạn” hay “...chúng tỏ quyền năng/sự trung tín đối với Ngài.”

²⁶⁷ **4:8** “**một lần nữa**” không có nghĩa rằng quý vương cố gắng làm cùng một điều hai lần, nhưng nó cố gắng cảm dỗ Chúa Giê-su một lần nữa.

²⁶⁸ **4:8** Có lẽ quý vương “**cho Chúa Giê-su thấy**” những vương quốc này một cách **lạ lùng**, nhưng đa số các bản dịch đều không nói rõ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Điều này sẽ nhắc nhở các người Do Thái đến việc Môi-se đứng trên đỉnh núi Nê-bô nhìn vào Đất Hứa (Phục Truyền 34:1-4).

²⁶⁹ **4:9** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Quý vương đề nghị với Chúa một cách dễ dàng để làm vua mà không phải theo chương trình của Đức Chúa Trời chịu đau khổ và chết. Đa-ni-ên 4:32 cho chúng ta biết là Đức Chúa Trời là Đấng cho con người có thẩm quyền để cai trị các nước. Hiển nhiên Đức Chúa Trời đã ban cho quý vương quyền này một cách tạm thời (hãy xem Giăng 12:31, chỗ gọi quý vương là “hoàng tử của thế gian này”, và Ê-phê-sô 2:2). Chú ý là sau này Đức Chúa Trời đã ban cho Chúa Giê-su thẩm quyền cai trị Thiên Đàng và trên đất (Ma-thi-ơ 28:18).

²⁷⁰ **4:9** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu để phần cuối của câu này lên đầu câu và nói: “**Nếu** ông cúi xuống/quỳ xuống (và) thờ lạy/tôn kính ta, **ta** sẽ cho ông (cai trị) các vương quốc này.”

²⁷¹ **4:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**quỳ xuống/cúi xuống**” trong Ma 2:11.

²⁷² **4:10** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) dùng “**Hãy đi đi**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) dùng “**Hãy ra phía sau Ta**”.

²⁷³ **4:10** Có thể phải dùng hình thức gọi tên “**Sa-tan**” từ đầu câu nghe tự nhiên hơn.

bởi vì có lời chép trong (Kinh Thánh ⇔ Lời của Đức Chúa Trời): ^{NGT274}{Người ⇔ Người ta} phải thờ lạy/tôn trọng Chúa Đức Chúa Trời người và {chỉ phục vụ/thờ lạy/vâng lời một mình Ngài mà thôi ⇔ phải đầu phục một mình Ngài mà thôi!}' ” (Phục Truyền 6:13).

11 Sau đó quý vương rời khỏi Ngài/(Chúa) Giê-su, và ^{GTK275}{<hãy nhìn>/một số ⇔ đột nhiên (một số)} ²⁷⁶thiên sứ đến (với Chúa Giê-su) và ²⁷⁷{phục vụ/giúp đỡ ⇔ cung cấp thức ăn cho} Ngài.

4:12-17 (Chúa) Giê-su Bắt Đầu Công Việc/Chức Vụ Giảng/Tuyên BỐ/Thông Báo Sứ Điệp Của Đức Chúa Trời Cho Mọi Người

Mác 1:14-15; Lu-ca 4:14-15

12 <Sau đó> ²⁷⁸{khi ²⁷⁹(Chúa) Giê-su nghe ⇔ một ngày kia có người bảo (Chúa) Giê-su} ^{NTT}rằng Giảng (Báp-tít) đã bị {bắt giam ⇔ bỏ tù} ²⁸⁰(bởi các kẻ thù của ông/Giăng), (vậy nên) Ngài/(Chúa) Giê-su rút lui/đi (khỏi tỉnh Giu-đê) về (tỉnh) Ga-li-lê.

13 <Và>/Ở đó (Ngài/(Chúa) Giê-su) ²⁸¹{rời khỏi ⇔ không ở tại ⇔ đi qua} (thành) Na-xa-rét (và/nhưng) {đi tới (thành) Ca-bê-na-um (nơi) Chúa ở/sống ⇔ dọn tới (thành) Ca-bê-

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Sa-tan” là một trong những tên của quý vương. Nó đến từ một chữ Do Thái có nghĩa là “Kẻ chống đối/Kẻ thù”. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 1 nói nhiều hơn về điều này.

²⁷⁴**4:10** “Người” và “của người” nói đến trong câu 10 dành cho tất cả mọi người **không** phải chỉ Sa-tan. Hãy xem bạn dùng chữ như thế nào với mệnh lệnh tổng quát trong câu 7.

²⁷⁵**4:11** Từ Hy-lạp dùng cho “**hãy nhìn**” có thể dùng để giới thiệu những nhân vật/người (BCG) hay một hành động bất ngờ (BDC). Cách giải thích nào cũng thích hợp ở đây. BDM và BDY không chuyển ngữ từ đó.

²⁷⁶**4:11** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thiên sứ**” trong Ma 1:20, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở đây.

²⁷⁷**4:11** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ ý, tức là, nó có thể có nhiều hơn là một ý nghĩa ở trong ngữ cảnh này. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ rằng từ này có nghĩa là “**phục vụ/giúp đỡ**”. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng từ này chuyên biệt hơn và có nghĩa là “**cung cấp thức ăn**”. Nếu bạn theo sự giải thích thứ nhì, bạn có thể bao gồm **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Việc các thiên sứ cung cấp thức ăn cho Chúa Giê-su nhắc nhở người Do Thái nhớ tới cách Đức Chúa Trời đã cung cấp thức ăn cho Ê-li (1 Các Vua 19:5-8).

²⁷⁸**4:12** Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Rời> một ngày kia có người bảo Chúa Giê-su ...”

²⁷⁹**4:12** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BCG) có để tên “**Chúa Giê-su**” ở đây. Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDY) **không** để tên Chúa ở đây nhưng chỉ hàm ý thôi. Hãy theo cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn

²⁸⁰**4:12** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Hê-rốt An-ti-pa đã bỏ Giảng vào ngục bởi vì Giảng cứ bảo là vua đang phạm tội. Ma-thi-ơ 14:3-12 nói nhiều hơn về điều này. Hê-rốt An-ti-pa là con của Vua Hê-rốt Đại Đế, được nhắc đến ở trong Ma 2:1.

²⁸¹**4:13** Có lẽ thu ngắn câu này lại nghe tự nhiên hơn, hãy nói: “Và/Từ đó Ngài/(Chúa) Giê-su dọn từ Na-xa-rét về (thành) Ca-bê-na-um.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thành Ca-bê-na-um ở cách thành Na-xa-rét khoảng 32 cây số về phía đông bắc.

na-um}. (Thành phố Ca-bê-na-um ở) {bên cạnh ⇔ trên bờ} ²⁸²biển/hồ (Ga-li-lê) {trong địa bàn (của) ⇔ ở biên giới của nơi} (chi tộc) ²⁸³Sa-bu-luân và Nép-ta-li (sống). **14** (Việc đó đã xảy ra ⇔ (Chúa) Giê-su sống và giảng/dạy tại đó) để ²⁸⁴điều Đức Chúa Trời phán/tiên tri ²⁸⁵(từ ngày xưa) qua tiên tri Ê-sai ²⁸⁶sẽ {được ứng nghiệm ⇔ trở thành sự thật} ông đã nói/viết: **15** ²⁸⁷“(Những người ở tại) ²⁸⁸vùng/tỉnh của (chi tộc) Sa-bu-luân và tỉnh của (chi tộc) Nép-ta-li, (ở) ^{GTK289}{trên (con) đường ra ⇔ gần} Biển/Hồ (Ga-li-lê) {ngang ⇔ bên kia/bờ phía tây của} (sông) Giô-đanh, (với các người sống ở) (tỉnh) Ga-li-lê {(tỉnh) của người ngoại quốc ⇔ nơi người không phải là người Do Thái sống}, **16** những người đang ngồi/sống (ở đó) ²⁹⁰{trong bóng tối ⇔ trong bóng tối (của tội lỗi)⇔

282 4:13 “Biển/Hồ Ga-li-lê” là tên của một hồ nước lớn ở trong tỉnh Ga-li-lê. Hồ này là hồ nước ngọt chứ không phải nước mặn có sông Giô-đanh chảy vào. Bản Hy-lạp dùng cùng một từ cho biển/đại dương và các hồ, nhưng nhiều ngôn ngữ không dùng như vậy. Hãy dùng cách nói nào đúng nhất trong ngôn ngữ của bạn để nói về biển Ga-li-lê, hồ Ga-li-lê qua suốt cả Tân Ước. LỜI CHÚ THÍCH sau đây cho biết kích thước của hồ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hồ Ga-li-lê rất sâu và dài khoảng 20 cây số và ngang khoảng 11 cây số. Nó ở thấp hơn mức nước biển 210 mét.

HÌNH ẢNH đề nghị: Một bản đồ nước Y-sơ-ra-ên với các tỉnh khác nhau, để tên vào các thành phố và tỉnh, nhất là các tỉnh ở chung quanh hồ Ga-li-lê. Mỗi ủy ban chuyển ngữ cần phải quyết định để những bản đồ nào vào trong bản dịch.

Một số ủy ban để các bản đồ ở phía sau/phía trước của quyển Kinh Thánh để dễ dỡ ra. Một số ủy ban khác để bản đồ rải rác ở nhiều chỗ khác nhau trong Kinh Thánh. Cũng có một số ủy ban để cả hai.

283 4:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Sa-bu-luân và Nép-ta-li là hai chi tộc của nước Y-sơ-ra-ê sống ở gần Hồ Ga-li-lê.

284 4:14 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ các câu tương tự, kể cả Ma 1:22, 2:5, 15, 17, 23; 3:3.

285 4:14 Trong nhiều ngôn ngữ **không** cần phải kể “(từ xưa)”, nhưng **không** nên làm người đọc thấy là tiên tri đang sống trong thời Chúa Giê-su.

286 4:14 Người Do Thái đang chờ đợi những lời tiên tri trong Cựu Ước được ứng nghiệm. Vì vậy, theo quan điểm của họ, Chúa Giê-su làm những việc **để làm ứng nghiệm** những lời tiên tri đó. Rất cần phải phân biệt giữa “mục đích” và “kết quả” trong một bản dịch. Thí dụ: “tôi đã đi lên thành phố {để ⇔ để tôi có thể} mua bánh mì.” “Đề mua bánh mì” cho thấy **mục đích** hay ý định đi lên thành phố (có thể khác với kết quả: thí dụ, kết quả là tôi về mà không có bánh mì bởi vì tôi đã để quên tiền ở nhà). Tuy nhiên, “Tôi đã đi lên thành phố {với kết quả là ⇔ để} tôi mua bánh mì” cho thấy **kết quả** của việc đi lên thành phố (có thể khác với mục đích/định ý: thí dụ, mục đích/định ý là để gặp một người bạn). Ở đây Ma-thi-ơ cho thấy **mục đích/ý định** của hành động của Chúa Giê-su là để làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh.

287 4:15 Một số ngôn ngữ cần phải nói rõ ở đây là Ê-sai nói về **người, không phải đất**. Vì cả câu này đều nói đến **cùng một nhóm người** có thể sẽ rõ ràng hơn nếu nói là: “Các người Do Thái và {người ngoại quốc ⇔ không phải là người Do Thái} sống trong tỉnh Ga-li-lê ở phía tây của sông Giô-đanh là nơi chi tộc Sa-bu-lôn và Nép-ta-li sống, **16** các anh em đang sống trong tốt tâm...”

288 4:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su sống khá lâu tại tỉnh Ga-li-lê là tỉnh của chi tộc Sa-bu-lôn và Nép-ta-li (hai trong số mười hai chi tộc của nước Y-sơ-ra-ên) trong thời Cựu Ước.

289 4:15 “trên đường đi ra biển” có nhiều hơn một ý. Nhóm từ này có thể nói đến con đường của người La-mã đi từ thành phố Đa-mách qua Ca-bê-na-um tới biển Địa Trung Hải. Tuy nhiên, dường như đây là một thành ngữ có nghĩa là “**gần biển (Ga-li-lê)**”.

290 4:16 Trong ngữ cảnh này “**tối tăm**” là một ẩn dụ/thành ngữ nói đến tội lỗi và gian ác, và “**ánh sáng**” là một ẩn dụ/thành ngữ nói đến sự cứu chuộc hay Đấng Cứu Thế. Nếu các cụm từ này không được hiểu

không biết Đức Chúa Trời} ²⁹¹ đã/sẽ thấy một Ánh Sáng rực rỡ. <Và> {Ánh Sáng đó ⇔ Ngài} {đã/sẽ chiếu rọi ⇔ sẽ cho thấy con đường ²⁹² cứu chuộc} ²⁹³ cho những người ngôi/sống (tại đó) ²⁹⁴ {trong xứ và bóng của sự chết (đời đời/thuộc linh) ⇔ trong xứ tối tăm của sự chết (đời đời) ⇔ không biết Đức Chúa Trời và trên đường dẫn đến sự chết (đời đời)}.” (Ê-sai 9:1-2)

17 {Từ lúc ấy ⇔ Sau khi dọn tới Ca-bê-na-um/Ga-li-lê,} (Chúa) Giê-su bắt đầu truyền giảng/tuyên bố (sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho dân chúng) <bằng cách bảo họ>: ²⁹⁵“{Hãy ăn năn ⇔ Hãy bỏ các tội lỗi ⇔ Hãy quay lại với Đức Chúa Trời}, bởi vì ^{GTK296}{Nước Thiên Đàng đã đến gần ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa đã đến đây để cai trị/hướng dẫn (nhân loại/các con) ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sắp cai trị/hướng dẫn (nhân loại/các con)}!”

4:18-22 (Chúa) Giê-su ^{NTT297} Kêu Gọi/Mời Bón Người Đánh Cá Làm ²⁹⁸ Môn Đệ Của Chúa

Mác 1:16-20; Lu-ca 5:1-11

18 <Sau đó> (một ngày kia) trong khi (Chúa Giê-su) đang đi bộ bên bờ Biển/Hồ Ga-li-lê, ^{TD299} Chúa thấy ³⁰⁰ hai anh em là người đánh cá. (Họ) đang ³⁰¹ ném chài xuống

như vậy, bạn có thể dùng một trong những sự chọn lựa khác ở trong đoạn kinh văn. Hay bạn có thể để thông tin ở trên vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

²⁹¹ **4:16** Hãy xem bạn dùng **thì** nào khi chuyển ngữ những lời tiên tri ở trong Ma 2:15, 18, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở 2:15.

²⁹² **4:16** Bạn có thể nói: “...cách Đức Chúa Trời cứu con người...”

²⁹³ **4:16** Hãy nhất quán với sự chọn lựa đại từ dùng trong câu 15-16. Dùng dùng lẫn lộn ngôi thứ nhì “**những người/của người**” với ngôi thứ ba “**họ/của họ**”.

²⁹⁴ **4:16** Sự chết thuộc linh hay bị phân cách khỏi Đức Chúa Trời, **không** phải sự chết về thể xác.

²⁹⁵ **4:17** Về lời chú thích “**ăn năn**” hãy xem Ma 3:2. Bạn có thể nói: “quay khỏi tội lỗi trở lại với Đức Chúa Trời”.

²⁹⁶ **4:17** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Nước Thiên Đàng đã đến gần**” trong Ma 3:2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

²⁹⁷ (Tiểu Đê) “**Kêu gọi**” không có nghĩa là “gọi lớn tiếng” ở đây, nhưng là “mời họ làm môn đệ của Ngài”.

²⁹⁸ (Tiểu Đê) Nhiều bản dịch phân biệt **các môn đệ của Chúa Giê-su** với **những người đi theo**, mặc dù trong bản Hy-lạp dùng cùng một từ cho cả hai. Sự khác biệt thông thường là “**các môn đệ**” nói đến những người đi theo gần gũi với Chúa và được chính Chúa dạy dỗ để hầu việc Chúa, và “**những người đi theo**” nói đến tất cả những người đi theo Chúa Giê-su kể cả những người chưa bao giờ gặp Ngài. Bạn có thể chuyển ngữ “**các môn đệ**” là “**đồ đệ**”. Tuy nhiên, **tránh** dùng từ để chỉ các học trò tiểu học.

²⁹⁹ **4:18** Trong bản Hy-lạp **thứ tự** của các nhóm từ như sau “Chúa thấy hai anh em, **Si-môn**, là người (cũng) gọi là Phê-rô, và Anh-rê em người, đang ném chài xuống hồ, **bởi vì** họ là những người đánh cá.”

³⁰⁰ **4:18** Những “**anh em**” này **không** phải là anh em “**ruột thịt**” của Chúa Giê-su.

hồ/nước (để đánh cá). (Tên của họ là) Si-môn, ³⁰²(cũng) gọi là Phi-e-rơ, và em của ông ³⁰³là An-rê. **19** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ: ^{304.305}Hãy đến theo/với Ta (và trở nên môn đệ của Ta),/. ³⁰⁶{và Ta sẽ khiến con trở nên tay đánh lưới (cứu) người. ⇔ Các con đánh cá giỏi, nhưng Ta sẽ dạy các con giỏi trong việc đem/hướng dẫn dân chúng tin Ta. ⇔ Công việc (chính) của các con không phải là đánh cá nữa, thay vào đó Ta sẽ dạy các con dạy người ta trở thành môn đệ của Ta.}” **20** <Sau đó> họ lập tức ³⁰⁷{bỏ lưới (của họ) ⇔ bỏ công việc đánh cá} (và) {đi/với Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ trở nên môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su}.

21 <Và> từ đó (họ) đi/đi bộ một quãng nữa (dọc theo bờ hồ) (và) Ngài/(Chúa) Giê-su thấy hai ³⁰⁸anh em khác (đang ngồi) trong một ³⁰⁹cái thuyền với cha mình là Xê-bê-đê ^{GTK310}{đang vá ⇔ chuẩn bị} ³¹¹lưới của họ. ^{TD312}{(Hai người đó là) ³¹³Gia-cơ ³¹⁴con trai

³⁰¹**4:18** Cái “**lưới chài**” là một cái lưới tròn có chì gắn ở chung quanh. Lưới chài có đường kính khoảng 3-5m và một hay hai người có thể quăng và kéo lưới. Ở giữa lưới có một cái dây thừng để kéo lưới chài vào. Phê-rơ và Anh-rê có thể lội ra mé nước hay đứng trên thuyền neo gần bờ.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một hay hai người đang ném chài xuống nước.

³⁰²**4:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giảng 1:42 Chúa Giê-su đã cho Si-môn tên Phê-rơ ngay sau khi Chúa kêu gọi ông làm môn đệ của Ngài.

³⁰³**4:18 Không** biết chắc là Anh-rê lớn hay nhỏ tuổi hơn Si-môn Phê-rơ. Tên người anh thường được ghi trước trong danh sách. Trong Ma-thi-ơ 4:18, 10:2 và Mác 1:16, 3:18 tên Phê-rơ được đặt trước, nhưng đó có thể là vì ông quan trọng hơn chứ không phải nhiều tuổi hơn. Trong Giảng 1:40, 44 tên **Anh-rê** được đặt trước.

³⁰⁴**4:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vào thời Chúa Giê-su, thông thường các môn đệ chọn giáo sư (“Ra-bi”) để theo nhưng ở đây Chúa Giê-su chọn các môn đệ. Cũng giống như vậy, Đức Chúa Trời chọn chúng ta làm dân sự của Ngài, chúng ta không chọn Chúa (Ê-phê-sô 1:4-5, Giảng 15:16).

³⁰⁵**4:19** Bạn có thể nói: “Hãy đến làm môn đệ/đồ đệ của Ta...”

³⁰⁶**4:19** Chuyển ngữ “**Ta sẽ khiến con trở nên tay đánh lưới (cứu) người**” không nên hàm ý rằng các môn đệ của Chúa Giê-su sẽ được dạy cách xách lưới và lưới câu cá chạy theo người ta để bắt họ cho Chúa Giê-su hay họ sẽ bắt giam hay giết họ hay bắt họ trở thành nô lệ. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một thì có thể để ở trong một LỜI CHÚ THÍCH.

³⁰⁷**4:20** Phê-rơ và Anh-rê bỏ nghề đánh cá đi theo Chúa trọn thời gian. Họ **không** phải chỉ bỏ công việc của chiều hôm đó.

³⁰⁸**4:21** Đây là “**anh em**” khác và **không** phải là anh em ruột thịt của Chúa Giê-su, Si-môn hay Anh-rê.

³⁰⁹**4:21** Chiếc **thuyền** này có lẽ lớn đủ để chứa khoảng 15 người.

³¹⁰**4:21** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**vá**”, hay có thể nói tổng quát hơn là “**chuẩn bị**” bao gồm cả việc vá lưới, giặt lưới và xếp lưới. Bạn có thể nói là: “...**chuẩn bị** lưới của họ **sẵn sàng** (cho chuyển đi đánh cá tới).”

³¹¹**4:21** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là từ để chỉ chung **tất cả mọi loại lưới** kể cả lưới chài (câu 18) và lưới kéo (hãy xem Ma 13:47).

³¹²**4:21** Trong bản Hy-lạp thứ tự của các nhóm từ như sau “...Ngài/(Chúa) Giê-su thấy hai anh em khác, **Gia-cơ** (con) của Xê-bê-đê và em ông là Giảng, đang vá lưới ở trong thuyền với cha mình là Xê-bê-đê. Và Chúa Giê-su kêu gọi họ.”

³¹³**4:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 5:10, Gia-cơ và Giảng là bạn đánh cá với Si-môn Phê-rơ và Anh-rê.

³¹⁴**4:21** Vì mới nói “cha họ là Xê-bê-đê,” có thể bỏ “**con trai của Xê-bê-đê**” ở đây nghe cho tự nhiên hơn.

của Xê-bê-đê ³¹⁵ và Giăng em của Gia-cơ ⇔ (Tên họ là) Gia-cơ và Giăng}. <Và> {Ngài/(Chúa) Giê-su ^{NTT}³¹⁶ kêu gọi/mời ³¹⁷ họ (trở nên môn đệ của Ngài). ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ: ³¹⁸“Hãy đến với Ta (và trở nên môn đệ Ta).”} **22** <Và> lập tức họ bỏ {thuyền và cha mình (ở lại) ⇔ cha mình (ở lại) trong thuyền} (và) {đi/với ⇔ trở nên môn đệ của} Ngài/(Chúa) Giê-su.

**4:23-25 (Chúa) Giê-su Giảng/Tuyên Bố/Thông Báo
{Về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Sứ Điệp Của Đức Chúa Trời}
Cho Dân Chúng Và Chữa Lành Cho Họ**

Lu-ca 6:17-19

23 Sau đó ³¹⁹Chúa/[(Chúa) Giê-su] đi truyền giáo trên toàn (tỉnh) Ga-li-lê (và trong khi Chúa đi, Ngài) dạy dỗ (dân chúng/người Do Thái) trong ³²⁰{hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/thờ phượng/hội họp} và ³²¹giảng/công bố/thông báo (cho họ) {Phúc Âm ⇔ sứ điệp} của/về {Nước (Thiên Đàng/Đức Chúa Trời) ⇔ cách Đức Chúa Trời cai trị (nhân loại)}. ³²²{<Và> (Chúa) ⇔ (Ngài/(Chúa) Giê-su) cũng} chữa lành ³²³mọi bệnh tật và

³¹⁵ **4:21** Giăng có lẽ nhỏ tuổi hơn Gia-cơ. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ điều đó.

³¹⁶ **4:21** Một lần nữa hãy để ý xem bạn chuyển ngữ “kêu gọi” trong tiểu đề, và hãy xem LỜI CHÚ THÍCH ở đó.

³¹⁷ **4:21** “họ” kể cả Gia-cơ và Giăng, **không** kể Xê-bê-đê.

³¹⁸ **4:21** Hãy xem bạn chuyển ngữ một câu tương tự ở trong câu 19 như thế nào.

³¹⁹ **4:23** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có nói đến tên “Giê-su” ở đây. Tuy nhiên, một số rất ít (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “Chúa.” Mỗi ngôn ngữ có một cách khác nhau để đề cập đến các nhân vật trong đoạn kinh văn. Hãy nhớ dùng các đại từ và tên theo ngôn ngữ của bạn. **Đừng** chỉ làm theo cách bản Hy-lạp và các bản dịch tiếng Việt. Sau khi bạn chuyển ngữ một tiểu đoạn, nên có thói quen đọc lại hết cả tiểu đoạn một lần nữa, nghe để biết chắc là nhân vật, nơi chốn và các sự việc được đề cập đến một cách rõ ràng và tự nhiên.

³²⁰ **4:23** Hãy cẩn thận phân biệt cách bạn chuyển ngữ “hội đường” với cách bạn chuyển ngữ “đền thờ” (hãy xem câu 5) và “đền tạm” (xem Ma 12:4) và “hội thánh”. Bạn có thể nói “Nhà cầu nguyện/thờ phượng/tụ họp của người Do Thái” hay “nhà nơi mà người Do Thái thờ phượng Đức Chúa Trời”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hội đường là chỗ người ta tụ họp lại để thờ phượng Đức Chúa Trời, cầu nguyện và học lời Chúa. Đó cũng là chỗ để xử những vụ kiện cáo ở địa phương. Hội đường là trung tâm trong đời sống của người Do Thái. Có nhiều hội đường, mỗi tỉnh có một hội đường tại địa phương.

³²¹ **4:23** Quyết định cách bạn sẽ chuyển ngữ “dạy” và “giảng” một cách khác nhau trong câu 23 và trong suốt Tân Ước. “**Giảng**” có thể bao gồm cả “**dạy**”, nhưng cũng thường bao gồm cả sự khuyến khích và lời Chúa liên quan đến vấn đề đang nói. Ở đây, “**dạy dỗ...và giảng...**” diễn tả cùng một ý tưởng bằng hai cách khác nhau để làm tăng sự quan trọng. Nếu có thể được và nghe tự nhiên, nên giữ cả hai cụm từ trong bản dịch vì hai cụm từ hơi khác nhau. Nếu không làm như vậy được, hãy tìm cách để nhấn mạnh sự quan trọng của việc Chúa Giê-su đang nói về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời với dân chúng.

³²² **4:23** Trong bản Hy-lạp câu sau đây thật ra là một phần của câu trước. Hãy quyết định xem để **một câu** như trong bản Hy-lạp hay là chia ra làm hai câu nghe tự nhiên hơn.

³²³ **4:23** “**mọi bệnh tật và <mọi loại> đau ốm/yếu**” nói đến một ý tưởng bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh. Nếu có thể được và nghe tự nhiên, bản dịch nên giữ cả hai cụm từ vì ý nghĩa hơi khác

<mọi loại> đau ốm/yếu đuối {giữa vòng dân chúng ⇔ mà họ có}. **24** <Và> ³²⁴ tin đồn về {Chúa/(Chúa) Giê-su ⇔ ³²⁵ các phép lạ của Ngài} lan truyền ra khắp ³²⁶ (tỉnh) Sy-ri {đến nỗi ⇔ kết quả là} (bất cứ nơi nào Chúa đi đến) họ/dân chúng đem tới cho Chúa tất cả/những người bị đau yếu, ³²⁷ mắc nhiều thứ bệnh tật, ³²⁸ <[và/cũng]> (những người) ³²⁹ {bị quỷ ám ⇔ bị tà linh điều khiển}, <và> (những người) ³³⁰ bị bệnh kinh phong, và (những người bị) ³³¹ {bại liệt ⇔ không thể cử động}. <Và> Chúa/(Chúa) Giê-su chữa lành cho họ. **25** <Và> kết quả là {nhiều đám đông lớn ⇔ nhiều người} ³³² đi theo Chúa/(Chúa) Giê-su. (Họ đến ⇔ Dân chúng trong các đám đông đến) từ ³³³ (tỉnh) Ga-li-lê, <và> (tỉnh) ³³⁴ {Đê-ca-bô-li ⇔ Mười Thành Phố}, (và) (thành phố) Giê-ru-sa-lem, ³³⁵ (phần còn lại của) (tỉnh) Giu-đê, và (từ) {bên kia ⇔ phía đông của} (sông) Giô-đanh.

nhau. Nếu không làm như vậy được, bạn có thể dùng một phương pháp khác để nhấn mạnh đến điều muốn nói về việc Chúa Giê-su chữa lành mọi bệnh tật. Thí dụ, bạn có thể nói: “Chúa chữa bệnh cho tất cả mọi người đau ốm.”

³²⁴ **4:24** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “Tất cả mọi người trong khắp (tỉnh) Sy-ri nói về {Chúa Giê-su ⇔ các phép lạ mà Chúa Giê-su làm} đến nỗi họ/người ta đã đem...” Hay bạn có thể nói: “Ngài/(Chúa) Giê-su trở nên nổi tiếng trong khắp (tỉnh) Sy-ri kết quả là họ/người ta mang...”

³²⁵ **4:24** Về **LỜI CHÚ THÍCH** để chuyển ngữ “**phép lạ**” hãy xem Ma 7:22.

³²⁶ **4:24** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Chúa Giê-su đang làm việc ở tỉnh Ga-li-lê. Tỉnh Sy-ri ở phía bắc của Ga-li-lê.

³²⁷ **4:24** Trong bản kinh văn có nghĩa là có nhiều thứ bệnh tật khác nhau, và mỗi người có một thứ bệnh khác nhau. Đây **không** có nghĩa là mỗi người được đem đến với Chúa Giê-su có nhiều loại bệnh tật khác nhau.

³²⁸ **4:24** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “**và**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo khác (và BDM, BDC, BDY, BCG) **không** có từ đó. Hãy làm điều gì có vẻ tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

³²⁹ **4:24** Bị **quỷ ám** được nói đến bằng nhiều cách khác nhau, tùy theo ngôn ngữ địa phương. Một số người nói tà linh ở phía sau một người; người khác nói tà linh ở trên lưng người; và những người khác nói tà linh ở trong con người. Hãy nghiên cứu xem trong địa bàn của bạn họ tin về tà linh như thế nào.

³³⁰ **4:24** Từ Hy-lạp dùng cho **động kinh** chuyển ngữ từng từ một có nghĩa là “mặt trắng đánh”. Đó là một bệnh làm cho một người té xuống đất và giật kinh (tức là, run rẩy dữ dội). Người ta tin rằng mặt trắng là một quyền lực của ma quỷ khiến cho một số người bị động kinh (hãy xem Thi-thiên 121:6 và Ma-thi-ơ 24:29).

³³¹ **4:24** Một người **bại liệt** là một người không thể cử động một phần hay toàn thân thể, thường là do tai nạn hay bệnh tật gây ra.

³³² **4:25** Ở đây “**đi theo Chúa**” có nghĩa là “đi đến nơi Chúa Giê-su đi”, **không** có nghĩa là họ là môn đệ của Ngài như ở các chỗ khác.

³³³ **4:25** Vì **Ga-li-lê** được đề cập đến ở trong câu 23, có thể lặp lại “(Tỉnh)” ở đây nghe không được tự nhiên. Hãy quyết định xem cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

³³⁴ **4:25** Đê-ca-bô-li có thị trường riêng (giống như thống đốc của tỉnh Giu-đê và Sa-ma-ri) ở dưới sự cai quản của thống đốc tỉnh Sy-ri.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Tỉnh Đê-ca-bô-li (có nghĩa là “**Tỉnh Mười Thành Phố**”) được đặt tên như vậy vì nó bao gồm mười thành phố nổi tiếng Hy-lạp được nhà cầm quyền La-mã cho phép tự trị. Đa số người không phải là người Do Thái sống trong những thành phố này.

³³⁵ **4:25** **Giê-ru-sa-lem** ở trong tỉnh Giu-đê. Bạn có thể nói “(phần còn lại của) Giu-đê” nghe cho rõ ràng hơn.

Phân Đoạn III. Chức Vụ Của (Chúa) Giê-su Trong

Bài Giảng 1: *Ch-nhng 5-7* {Bài Giảng (Của Chúa Giê-su) Trên ³³⁶Núi/Đồi ⇔ (Chúa) Giê-su Dạy Đồ Các Môn Đệ Của Ngài Về Nước/Sự Cai Trị Của Thiên Đàng/Đức Chúa Trời}

5:1-12 {Những Người Được Đức Chúa Trời ³³⁷Ban Phước ⇔ Dân Sự Của Đức Chúa Trời Và Cách Chúa Ban Phước Cho Họ ⇔ Một Số Thái Độ Làm Vui Lòng Đức Chúa Trời}

Lu-ca 6:20-23

5 1 <Sau đó> khi (Chúa Giê-su) thấy ³³⁸{các đám đông ⇔ một đám đông lớn}, Chúa ³³⁹{đi lên ⇔ trèo lên} ^{GTK340}(núi/cái đồi ³⁴¹(gần đó) và <Chúa> ngồi xuống (đó) ³⁴²(để dạy họ). (Rồi thì) ³⁴³các môn đệ {đến với Ngài ⇔ tụ tập chung quanh Ngài}, **2** và {sau khi (Chúa) ³⁴⁴mở miệng, Ngài dạy đồ, ⇔ Ngài bắt đầu dạy đồ} ^{GTK345}{họ ⇔ các môn đệ và đám đông ⇔ mọi người tại đó ⇔ những người đi theo Ngài}: **3** ³⁴⁶“Những người {nghèo khó về phần tâm linh ⇔ khiêm nhường trước mặt Đức Chúa Trời ⇔ nhờ cậy Đức Chúa Trời trong mọi sự} (được) ^{TD347}ban phước (bởi Đức Chúa Trời/Chúa), bởi vì

³³⁶ (Tiểu Đê) Cái được gọi là **núi** trong một số địa bàn được coi là **đồi** trong địa bàn khác. Nếu đồi hay núi này ở gần Ca-bê-na-um (hãy xem lời chú thích ở Ma 5:1), có lẽ nó cao khoảng 30-60 mét.

³³⁷ (Tiểu Đê) Về lời chú thích của “**phước cho**” hãy xem Ma 5:3.

³³⁸ 5:1 Tất cả những đám đông được đề cập đến ở trong 4:25 bây giờ tụ lại thành một đám rất đông.

³³⁹ 5:1 Đồi không dốc lắm, nhưng đối với một số ngôn ngữ vẫn phải dùng **trèo**.

³⁴⁰ 5:1 Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nhiều hơn một ý, có thể có nghĩa là “**đồi**”, “**núi**” hay “**xú đồi núi**”. Đa số các bản dịch theo hai sự giải thích đầu tiên. Nếu bạn theo sự giải thích thứ ba, bạn có thể nói: “Chúa đi lên vào vùng đồi núi ...”

³⁴¹ 5:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người ta không biết chắc địa điểm của núi này. Có lẽ nó ở gần thành Ca-bê-na-um gần Hồ Ga-li-lê.

³⁴² 5:1 Các giáo sư Do Thái ngồi xuống để dạy đồ người ta.

³⁴³ 5:1 Trong ngữ cảnh này “**các môn đệ**” có lẽ nhiều hơn là mười hai môn đệ thân cận của Chúa.

³⁴⁴ 5:2 Trong ngữ cảnh này “**mở miệng Ngài**” là một thành ngữ có nghĩa là Chúa Giê-su “**bắt đầu nói**”. Không có nghĩa là Chúa Giê-su há miệng hay ngáp.

³⁴⁵ 5:2 “**Họ**” nói đến các người đi theo Chúa Giê-su, vì họ là nhóm người được đề cập tới sau cùng trong câu 1. Tuy nhiên, Ma 4:25, 5:1 và 7:28 cho thấy rằng có những người khác cũng hiện diện ở đó để nghe Chúa Giê-su.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Qua suốt Ma-thi-ơ 5:3-7:27, Chúa Giê-su nói với các môn đệ, mặc dù có những người khác lắng nghe Ngài nữa. Qua Bài Giảng Trên Núi, Chúa Giê-su dạy các môn đệ sống như là dân sự của Đức Chúa Trời, ở đây Ngài không dạy về làm thế nào để trở thành dân sự của Đức Chúa Trời.

³⁴⁶ 5:3 Nhiều bản dịch in các câu 3-10 (hay các câu 3-12) theo hình thức của thể thơ.

³⁴⁷ 5:3 Trong bản Hy-lạp đặt từ ngữ “**phước cho**” được đặt ở đầu các câu 3-11 để nhấn mạnh. Nhiều ngôn ngữ cũng có thể làm giống như vậy. Từ được dùng tập trung vào việc có một quan hệ tốt với Đức Chúa

³⁴⁸ {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời thuộc về họ ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời đang cai trị/hướng dẫn họ ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời đã chấp nhận/quan tâm/kể họ là dân sự của Ngài ⇔ họ là công dân/thuộc viên của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời}. **4** Những người ³⁴⁹ {để tang ⇔ đang than khóc/buồn rầu} sẽ được (Đức Chúa Trời/Chúa) ban phước, bởi vì ³⁵⁰ {họ sẽ được Chúa an ủi ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ làm cho họ hạnh phúc ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ khích lệ/thêm sức cho họ}. **5** Những người ³⁵¹ {nhu mì/dịu dàng/khiêm nhường ⇔ không kiêu ngạo} được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì ³⁵² {họ sẽ ³⁵³ thừa hưởng/sở hữu đất ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ cho họ tất cả những phước hạnh Ngài đã hứa ban cho họ ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ làm trọn lời hứa của Ngài cho họ}. **6** Những người ³⁵⁴ {đói khát về ⇔ ao ước một cách sốt sắng/mạnh mẽ để làm} {điều công chính ⇔ điều phải (theo ý Đức Chúa Trời) ⇔ ý muốn của Đức Chúa Trời} được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì {họ sẽ được (Đức Chúa Trời/Chúa) đổ đầy/làm thoả mãn ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ khiến họ làm theo ý muốn của Ngài}. **7** Những người ³⁵⁵ có lòng thương

Trời, **không** phải dựa trên cảm xúc/tình cảm như là “hạnh phúc”. Hãy nhất quán trong cách chuyển ngữ từ này trong suốt tiểu đoạn. Đừng dùng từ có nghĩa là “giàu có”, hay “may mắn”.

³⁴⁸ **5:3** Để người đọc hiểu rõ ràng “**Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**” là tốt, **không** bị áp bức, có thể trong một số ngôn ngữ cần phải nói “(quyền lợi/phước hạnh của) Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời thuộc về họ.”

³⁴⁹ **5:4** Trong bản Hy-lạp **không** cho biết lý do **để tang** ở đây. Trong ngữ cảnh này có vẻ như có nghĩa tổng quát nói đến tất cả mọi sự làm cho chúng ta phải đau khổ trong đời, kể cả tội lỗi, sự chết, bất bõ, bệnh tật, tốt nhất là để lý do để tang hàm ý trong bản dịch. Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải có lý do, bạn có thể nói là “(bởi vì họ cần Đức Chúa Trời)” hay “(bởi vì sự đau khổ của đời này)”. Tránh nói đặc biệt là cái gì.

³⁵⁰ **5:4** Một số ngôn ngữ **không** có một cấu trúc theo thể **thụ động** như là “...họ sẽ được an ủi (bởi Đức Chúa Trời)”. Tuy nhiên, tất cả các ngôn ngữ đều có cách để truyền thông **sự quan trọng tương đối** của các nhân vật tại mỗi thời điểm của câu chuyện. Một số ngôn ngữ dùng thứ tự của từ vựng để bày tỏ điều này, thí dụ, bạn có thể nói: “**Chính họ**, Đức Chúa Trời sẽ an ủi”, nếu làm như vậy đặt “họ” vào vị trí quan trọng giống như bản Hy-lạp làm. Những ngôn ngữ khác thêm chữ phụ vào các danh từ hay phối hợp thứ tự của từ vựng và những chữ phụ vào danh từ để truyền thông cùng một điều. **Hãy chắc chắn** là trong suốt Tân Ước bạn chuyển ngữ các nhóm từ ở thể thụ động **một cách tự nhiên** dùng cách để truyền thông sự quan trọng tương đối. Ngay cả khi ngôn ngữ của bạn có thể thụ động, có thể nghe tự nhiên hơn nếu bạn dùng thường xuyên hơn, hay là ít hơn bản Hy-lạp dùng.

³⁵¹ **5:5** Chuyển ngữ “**nhu mì**” cách nào để nghe **không** có vẻ như là những người ấy yếu hay sợ hãi.

³⁵² **5:5** Nếu **không** chuyển ngữ sát từng từ một, nên để câu đó vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong Cựu Ước “đất” thường nói đến đất mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Áp-ra-ham và dòng dõi của ông (Sáng-thế Ký 13:14–17, 15:18–19). Trong thời Chúa Giê-su, người Do Thái mong đợi một ngày nào đó họ sẽ cai trị cả thế giới và vui hưởng sự thịnh vượng. Trong Thi-thiên 37:11 (Chúa Giê-su có thể trích dẫn ở đây) “đất” là một phần của sự thịnh vượng lớn mà Đức Chúa Trời sẽ ban cho dân sự của Ngài (“người nhu mì”). Ở đây trong sách Ma-thi-ơ, “thừa hưởng đất” có lẽ là một thành ngữ có nghĩa là Đức Chúa Trời sẽ làm cho dân Ngài thịnh vượng, nhất là về phần thuộc linh, ngay bây giờ và trong tương lai (Ma-thi-ơ 19:28–29, 25:34).

³⁵³ **5:5** Chuyển ngữ “**thừa hưởng**” **không** nên hàm ý như là Đức Chúa Trời sẽ chết.

³⁵⁴ **5:6** “**đói khát về ...**” là một thành ngữ Hy-lạp có nghĩa là “ao ước làm một cách mạnh mẽ...” Nếu **không** chuyển ngữ sát từng từ một, hãy để thành ngữ đó ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

³⁵⁵ **5:7** Mặc dù “**có lòng thương xót**” bao gồm thái độ của một người đối với một người khác, nó chính là **một hành động tử tế**.

xót/tử tế (với người khác) được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì ³⁵⁶{họ (cũng) sẽ được thương xót/đối xử tử tế lại ⇔ (Đức Chúa Trời/Chúa) (cũng) sẽ thương xót/tử tế với họ}. **8** Những người {tinh sạch trong ³⁵⁷lòng/sự suy nghĩ ⇔ hoàn toàn tận hiến (cho Đức Chúa Trời) ⇔ một lòng (hầu việc Đức Chúa Trời)} được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì họ sẽ được ³⁵⁸{thấy Đức Chúa Trời/Chúa (mặt đối mặt) ⇔ ở trong sự hiện diện của Đức Chúa Trời/Ngài}. **9** {Những người hoà giải ⇔ Những người giúp đỡ cho những người khác hoà thuận với nhau ⇔ Những người giúp đỡ những người khác giải hòa/giải quyết những dị biệt với người khác} được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì ^{GTK359}{họ sẽ được gọi là con/dân sự của Đức Chúa Trời ⇔ (Đức Chúa Trời/Chúa/người ta) sẽ gọi/coi họ là con/dân sự của Đức Chúa Trời/Ngài}. **10** Những người bị bắt bớ/đối xử tàn tệ/hại (bởi người khác) {vì có sự công chính ⇔ làm theo điều phải (theo ý của Đức Chúa Trời) ⇔ bởi vì họ vâng theo/làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời} được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì ³⁶⁰{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời là ³⁶¹của họ ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời cai trị/hướng dẫn họ ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời đã chấp nhận/coi họ là dân sự của Ngài ⇔ họ là công dân/thuộc viên của Nước Đức Chúa Trời/Ngài}. **11** Các con được ³⁶²(Đức Chúa Trời) ban phước khi họ/người ta ³⁶³{chửi rủa ⇔ làm tổn thương ⇔ nhạo báng} các con và bắt bớ/đối xử tàn tệ/làm hại các con và nói {mọi điều gian ác chống lại với các con

³⁵⁶ **5:7** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “(trong Ngày Đoán Xét)” được hàm ý ở đây và vì vậy nên nói rõ ra. Tuy nhiên, đa số các học giả nghĩ là bao gồm cả thì hiện tại, và không cần phải nói rõ ra.

³⁵⁷ **5:8** Người Do Thái coi **tâm lòng** là trung tâm tư tưởng, tình cảm và ý chí của con người, tức là, trung tâm của cá tính của một con người. Bạn có thể phải dùng một sự thay thế thích hợp với văn hóa vào chỗ này. Thí dụ, trong một số ngôn ngữ là “gan”, “dạ dày”, “ruột/bộ đồ lòng” hay “đầu” được coi như là có cùng một chức năng như “lòng” có ở đây.

³⁵⁸ **5:8** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ “**họ sẽ thấy Đức Chúa Trời**” ở đây muốn nói đến kinh nghiệm trong tương lai trong thời đại kế tiếp, tức là, trên Thiên Đàng. Đây không phải là có một khả năng hoặc kinh nghiệm xuất thân. Tránh hàm ý là người ta thấy Đức Chúa Trời ở đằng xa, hay Đức Chúa Trời sẽ không thấy họ. Một số học giả nghĩ rằng đây muốn nói đến nhiều hơn là việc ở với Đức Chúa Trời trên Thiên Đàng và cũng nói đến việc biết Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài bây giờ.

³⁵⁹ **5:9** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng **Đức Chúa Trời** là Đấng sẽ coi những người hoà giải là con cái/dân sự của Ngài trong Ngày Đoán Xét. Hãy xem bạn đã làm gì trong câu 7, và coi lời chú thích về Ngày Đoán Xét ở đó. Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng những người sẽ gọi những người hoà giải là con cái Đức Chúa Trời là **những người** thấy việc làm của những người hoà giải. Có thể hàm ý cả hai.

³⁶⁰ **5:10** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ phần cuối của câu 3. Một **nguyên tắc tổng quát** trong việc chuyển ngữ Kinh Thánh là **thường xuyên duyệt lại** tất cả mọi điều đã được chuyển ngữ để cập nhật hoá mọi điều về phẩm chất và sự chính xác. Khi chuyển ngữ bạn có thể có những cái nhìn mới và học cách tốt hơn để nói về mọi sự. Những cái nhìn mới này cần áp dụng cho tất cả những điều bạn đã chuyển ngữ trước đó. Sự duyệt lâm thường xuyên và cập nhật hoá là quan trọng để có một bản dịch có phẩm chất cao.

³⁶¹ **5:10** Cần nên rõ là “**của họ**” đây muốn nói đến những người bị bắt bớ, **không** phải là những người bắt bớ.

³⁶² **5:11** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**được ban phước**” trong Ma 5:3–11 và tiểu đề.

³⁶³ **5:11** Từ “**chửi rủa**” nói đến sự bạo hành bằng lời nói, và “**bắt bớ**” nói đến sự bạo hành về thể xác và lời nói.

³⁶⁴ [một cách giả dối] ⇔ nói dối gian ác/khủng khiếp về các con} {vì có Ta ⇔ bởi vì các con theo Ta}. ¹² ³⁶⁵ Hãy vui mừng và hân hoan/ăn mừng, bởi vì ³⁶⁶ {phần thưởng của các con ở trên thiên đàng là lớn lắm ⇔ (Đức Chúa Trời có) một phần thưởng lớn cho các con ở trên thiên đàng!} ³⁶⁷ {<Vi> ⇔ (Đừng ngạc nhiên khi/nếu người ta bắt bớ/đối xử tàn tệ/làm hại các con) bởi vì} (giống như) {chúng/người ta ⇔ kẻ thù (của Đức Chúa Trời)} đã bắt bớ/đối xử tàn tệ/hại các tiên tri (của Đức Chúa Trời) (ngày xưa), (chúng sẽ bắt bớ/đối xử tàn tệ/hại các con) như thế.”

5:13-16 Các Người Theo (Chúa) Giê-su Giống Như Muối Và Ánh Sáng

Mác 9:50; Lu-ca 14:34-35

¹³ ³⁶⁸ (Sau đó Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và phán:) *GTK*³⁶⁹ “{Các con giống như muối của đất (cho tất cả nhân loại). ⇔ Các con là cần thiết

³⁶⁴ **5:11** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có nhóm từ “**một cách giả dối**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản thảo **không** có nhóm từ đó, nhưng hàm ý. BDM, BDC, BCG và BDY dùng từ “vu cáo” hay “vu khống” hàm ý một người nói những điều giả dối cho một người khác.

³⁶⁵ **5:12** “**Hãy vui mừng và hân hoan/ăn mừng**” diễn tả cùng một ý tương bằng hai cách khác nhau. Hãy xem lời chú thích trong Ma 4:23. Nếu đối với ngôn ngữ của bạn không tự nhiên dùng hai cụm từ này được, bạn có thể nói: “Hãy vui mừng nhiều!”

³⁶⁶ **5:12** Cần nên rõ ràng là **Đức Chúa Trời** là Đấng ban thưởng cho người ta/các con.

³⁶⁷ **5:12** Để có thể tiếp tục một cách xuôi xê từ câu 11 bạn có thể cần phải thay đổi **thứ tự** của câu 12. Câu 12 gồm có hai câu, có thể đổi câu cuối lên đầu nghe cho tự nhiên hơn. Hay bạn có thể sắp đặt lại câu 12 như sau: “(Người ta sẽ bắt bớ/đối xử tàn tệ/hại các con) giống như ngày xưa tổ tiên họ đã bắt bớ các tiên tri của Đức Chúa Trời. (Nhưng Đức Chúa Trời đã ban cho các tiên tri của Ngài) phần thưởng lớn ở trên Thiên Đàng (và Chúa sẽ làm như vậy) cho các con. (Vậy nên) các con nên rất vui mừng!” Một sự chọn lựa khác là đặt lại các từ trong phần cuối của câu 12 như sau: “(Các con biết) {người ta ⇔ các người chưa tin Chúa} đã bắt bớ các tiên tri của Đức Chúa Trời (ngày xưa) như thế nào, vậy nên (đừng ngạc nhiên khi người ta/những người chưa tin Chúa bắt bớ các con) nữa.”

³⁶⁸ **5:13** Để cho người đọc thấy rõ là Chúa Giê-su **vẫn còn nói**, bạn có thể thêm vào công thức trích dẫn (“Chúa Giê-su phán:...”) ở đầu của mỗi Tiểu Đoạn trong Bài Giảng Trên Núi (Ma 5:3–7:27). Nhiều bản dịch **không** làm như vậy. Tuy nhiên, nhiều bản dịch khác lại làm như vậy, để cho những người không đọc từ đầu bài giảng biết Chúa Giê-su đang nói **với ai**. Thí dụ, bạn có thể nói: “(Chúa Giê-su tiếp tục nói với đám đông và phán)” hay “(Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ các môn đệ của Ngài và đám đông)”. Hay tốt hơn chỉ cần nói **vấn tất** như là “(Rồi Chúa Giê-su nói)” hay “(Chúa Giê-su tiếp tục)”. Bạn có thể quyết định bắt đầu mỗi tiểu đoạn của bài giảng **cùng** một cách, hay bạn có thể muốn thay đổi và bắt đầu bằng những cách **khác nhau**. Có thể dùng một cách khác (mà **không dùng** công thức trích dẫn) là bắt đầu mỗi tiểu đoạn bằng cách nói “(Các con là các môn đệ của Ta)”. Hay dùng tiểu đề để làm cho rõ là Chúa Giê-su đang nói, **thí dụ**, “**Chúa Giê-su Dạy Về ...**”

³⁶⁹ **5:13** Bản Hy-lạp **không** nói chúng ta giống **muối** theo cách nào. Vì trong thời Tân Ước muối có nhiều công dụng, có nhiều sự giải thích khác nhau về câu này. Nhiều nhà học giả nghĩ nó có nghĩa là “Các con nên **cải tiến** xã hội giống như muối cải tiến vị của thức ăn.” Tuy nhiên, có nhiều người khác nghĩ nó có nghĩa là “Các con nên **giữ cho khỏi hư/cứu** nhân loại giống như muối làm cho thức ăn khỏi hư.” Một số học giả nghĩ là có **cả hai** ý nghĩa. Vì muối được coi là một nhu yếu phẩm có giá trị và cần thiết, có thể chuyển ngữ một cách tổng quát “Các con là **cần thiết** cho phúc lợi của (toàn thể nhân loại) trên thế giới.” Một số học giả đưa ra vấn đề chữ viết theo tiếng Do Thái của “**muối**” biểu tượng cho “**sự khôn ngoan**” (cũng hãy xem Cô-lô-se 4:6), vậy nên bạn có thể nói: “Các con là {**muối của Đức Chúa**

cho phúc lợi của toàn thể nhân loại. ⇔ Các con là (nguồn của) sự khôn ngoan thật/của Đức Chúa Trời cho (nhân loại) trên thế giới. ⇔ Các con phải là ảnh hưởng tốt (giữa vòng nhân loại) trên thế giới giống như muối làm tăng mùi vị và giữ thức ăn khỏi hư.} Nhưng nếu muối ^{TVST370} mất chất mặn đi, ^{CH371} lấy gì/không gì làm cho nó mặn (lại) được? Nó không còn tốt/hữu dụng cho bất cứ việc gì được nữa, {ngoại trừ bị ⇔ vậy nên nó bị} ³⁷² {ném ra ngoài ³⁷³ [và] <để bị> người ta đạp/dẫm lên ⇔ ném ra ngoài là nơi người ta sẽ đạp lên ⇔ bị ném đi}.

14 “{Các con (cũng) là ánh sáng của/trong thế gian (cho toàn thể nhân loại). ⇔ Các con phải cho người khác/mọi người thấy con đường đến với Đức Chúa Trời giống như ánh sáng giúp người ta nhìn rõ đường đi.} {Không thể ⇔ Không ai có thể} giấu được một cái thành xây ở trên (đỉnh) đồi./ 15 và {người ta không thấp ⇔ không ai thấp} một ³⁷⁴ cái đèn/đèn lồng và rồi lại ³⁷⁵ {để/giấu nó dưới ⇔ đặt nó lại với} một ³⁷⁶ cái thùng/cái rổ/cái chậu. Thay vào đó, (họ để nó) {lên một ³⁷⁷ cái chân đèn ⇔ trong một chỗ} để nó soi sáng

Trời ⇔ (nguồn của) sự khôn ngoan thật/của Đức Chúa Trời} cho (nhân loại trên) thế giới.” Bởi vì câu này có nhiều ý nghĩa, có thể **tốt nhất** là chuyển ngữ từng từ một và bao gồm một LỜI CHÚ THÍCH giải nghĩa một số ý nghĩa. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, thì nên để câu này trong một LỜI CHÚ THÍCH.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Tân Ước muối có nhiều công dụng khác nhau nên nó được coi như là một nhu yếu phẩm. “Các con là muối của đất” có lẽ là một thành ngữ có nghĩa là “Các con là cần thiết cho phúc lợi của (nhân loại trên) thế giới” hay “Các con là nguồn gốc của sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời cho toàn thể nhân loại” là một cách nói khác có nghĩa chúng ta là các đại sứ của Đức Chúa Trời (2 Cô-rinh-tô 4:20).

³⁷⁰ **5:13** Trong bản Hy-lạp đây là một nhóm từ **trái-với-sự-thật**, tức là, nó hàm ý/được hiểu là **muối** không thể nào mất mùi vị của nó được. Chúa Giê-su dùng một minh họa trong giả thuyết mà thôi. Từ/động từ được dùng trong bản Hy-lạp cũng có nghĩa là “trở nên ngu dại”, đây là bằng chứng muối biểu hiệu cho sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời trong đoạn này.

³⁷¹ **5:13** **Câu hỏi tu từ** này chấm dứt với ?/! để giúp bạn quyết định dùng câu hỏi tu từ hay một câu tuyên bố mạnh mẽ ở đây nghe sẽ tự nhiên hơn trong ngôn ngữ của bạn. Về cách hướng dẫn để chuyển ngữ một câu hỏi tu từ, hãy xem ^{CH} **Chú Giải Ký Hiệu** ở phần đầu của sách này.

³⁷² **5:13** Điều được **chú ý** đến ở đây không phải là việc người ta dẫm/đạp lên muối, nhưng mà là sự **vô dụng** của muối, không còn đáng để giữ lại dùng nữa.

³⁷³ **5:13** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có từ “**và**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không** có từ này.

³⁷⁴ **5:15** Nếu trong địa bàn của bạn người ta không biết **đèn dầu**, bạn có thể dùng “**đèn lồng**” hay “**đèn cây**”, nhưng **dùng** dùng đèn bin hay các đèn hiện đại khác.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Hình của một cái đèn dầu.

³⁷⁵ **5:15** Có thể cần nói cho người đọc hiểu **lý do** đặt cái đèn dưới cái thùng/cái rổ/cái chậu là để **dấu** cái đèn.

³⁷⁶ **5:15** Từ được dùng trong bản Hy-lạp ở đây nói đến một cái **thùng** được dùng để đựng ngũ cốc. Thùng chứa khoảng 8 lít. Điều muốn nói ở đây là nó lớn đủ để che và giấu cái đèn ở dưới (mà đèn không bị tắt). Bạn có thể phải thay thế bằng một sự thay thế thích hợp với văn hoá, như là “**rổ**” hay “**chậu**”. Phải chắc chắn là cái thùng không làm bằng thủy tinh hay chất gì mà ánh sáng có thể chiếu qua được.

³⁷⁷ **5:15** Nếu trong địa bàn của bạn không dùng hay không biết “**chân/gia đèn**”, bạn có thể nói một cách tổng quát “**chỗ chiếu sáng**”, bạn có thể dùng một sự thay thế thích hợp với văn hóa của bạn, tức là, nói đến một chỗ để mọi người đều được ích lợi từ ánh sáng của đèn.

cho ³⁷⁸ mọi người trong nhà (đều thấy). **16** Cũng như vậy, {hãy để ánh sáng của các con chiếu trước mọi người ⇔ gương hầu việc Đức Chúa Trời cũng phải được người ta đều thấy}, để họ sẽ thấy {công việc tốt ⇔ các con hãy làm việc tốt} và ^{NTT} tôn vinh/ngợi khen (Đức Chúa Trời) ³⁷⁹ Cha các con ở trên thiên đàng.”

5:17-20 (Chúa) Giê-su Đã Đến Để ^{GTK380} Làm Trọn/Hoàn Tất {Kinh Luật (Của Đức Chúa Trời) ⇔ Kinh Luật (Đức Chúa Trời Đã Cho) Môi-se Để Dân Sự (Của Ngài/Đức Chúa Trời) Vàng Theo}

17 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với đám đông: “{Đừng ⇔ Các con không nên ⇔ Các con sai lầm nếu các con} nghĩ rằng ^{GTK381} {Ta đã đến (đây)/(đất này) ⇔ mục đích của Ta là} để {cắt bỏ ⇔ hủy diệt/hủy bỏ} ³⁸² Kinh Luật (mà Đức Chúa Trời đã cho Môi-se) hay/và (Kinh Tiên Tri) mà các tiên tri (của Ngài/Đức Chúa Trời) (nói/viết trong Kinh Thánh). ^{GTK} {Ta đã không ³⁸³ đến ⇔ Mục đích của Ta/chương trình của Ta không phải là} để {cắt bỏ ⇔ hủy diệt/hủy bỏ/làm mất hiệu lực} (Kinh Luật và Kinh Tiên Tri), nhưng để ^{GTK384} {làm trọn (Kinh Luật và Kinh Tiên Tri) ⇔ bày tỏ/giải thích ý

³⁷⁸ **5:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhà của những người nghèo thường chỉ có một phòng lớn nên một ngọn đèn dầu sẽ soi sáng khắp nhà.

³⁷⁹ **5:16** Trong những văn hóa không có quan niệm về cha là một người yêu mến, chăm sóc và cung cấp mọi sự cho con cái như người Do Thái, bạn có thể cần phải nói là “**người cha (yêu thương)**” thỉnh thoảng qua suốt Tân Ước để ngăn ngừa người ta suy nghĩ rằng Đức Chúa Trời là hung dữ hay không để ý. Hoặc là bạn có thể để một LỜI CHÚ THÍCH như sau.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong văn hóa của người Do Thái các người cha thường bày tỏ tình yêu thương đối với con cái và cung cấp các nhu cầu cho các con. Khi gọi Đức Chúa Trời là Cha, Chúa Giê-su nói cho chúng ta biết là chúng ta có một quan hệ đặc biệt với Đức Chúa Trời.

³⁸⁰ (Tiểu Đề) Hãy xem lời chú thích về “**làm trọn/hoàn tất**” trong câu 17.

³⁸¹ **5:17** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**Ta đã đến**” có nghĩa là “Ta đã đến (**đây ⇔ trên đất**)”. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng đây là một thành ngữ (mượn từ tiếng Do Thái) có nghĩa là “**mục đích/chương trình của Ta là**”.

³⁸² **5:17 “Kinh Luật”** ở đây muốn nói đến năm sách do Môi-se viết chứa đựng Kinh Luật của Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên/Do Thái để vàng theo (Xuất 20–31). Đối với một số ngôn ngữ có thể nói đến những luật lệ này một cách chung là “**Kinh Luật**”, đối với các ngôn ngữ khác cần phải nói là “**các Kinh Luật**”. Những cách khác để chuyển ngữ “**Kinh Luật**” gồm có: “**các Kinh Luật (Đức Chúa Trời ban cho Môi-se)**” hay “**Kinh Luật của Đức Chúa Trời/Môi-se**” hay “**Kinh Luật của người Do Thái**”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “**Kinh Luật và Lời Tiên Tri**” nói đến toàn bộ Cựu Ước.

³⁸³ **5:17** Có thể đổi **thứ tự** của câu này nghe có vẻ tự nhiên hơn: “Ta đã đến để làm trọn (Kinh Luật và Lời Tiên Tri), **không** phải để bỏ chúng đi.”

³⁸⁴ **5:17** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**làm trọn (Kinh Luật và Lời Tiên Tri)**” là một thành ngữ nói đến làm các lời tiên tri trở thành sự thật. Đó là cách cùng một động từ được hiểu ở những chỗ khác trong sách Ma-thi-ơ (hãy xem Ma 1:22, 2:15, 17, 23; 3:15). Nhiều học giả nghĩ rằng “**làm trọn (Kinh Luật và Lời Tiên Tri)**” là một thành ngữ (mượn của tiếng Do Thái) có nghĩa là “**hỗ trợ (chúng) (qua sự giải thích đúng đắn)**”—một thành ngữ tiếng Do Thái có quan hệ là “**hủy diệt (chúng)**” có nghĩa là “**hủy bỏ (chúng) (qua sự giải thích sai lầm)**”. Chúa Giê-su hỗ trợ Kinh Luật một cách mạnh mẽ (các câu 17–19), nhưng Ngài giải thích như Đức Chúa Trời, không giải thích chúng như con người (hãy

nghĩa/mục đích đầy đủ/thật ⇔ khiến cho những lời tiên tri trở thành sự thật}. **18** <Vi> ^{GTK385}{a-men, phải, (đó là điều Ta ³⁸⁶đã đến để thực hiện,) (và) Ta bảo các con, ⇔ thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} ³⁸⁷{cho đến khi/trước khi ^{GTK388}trời và đất qua đi ⇔ trong khi ^{GTK}trời và đất vẫn còn tồn tại ⇔ trong khi vũ trụ còn hiện hữu}, ³⁸⁹(không có một điều gì) từ trong Kinh Luật (của Đức Chúa Trời) (ngay cả) ³⁹⁰{một chấm, một nét ⇔ một chữ hay là một phần của một chữ ⇔ một phần nhỏ của một luật lệ hay sự dạy dỗ ⇔ phần ít quan trọng nhất của Kinh Luật}, sẽ chẳng bao giờ {qua đi ⇔ chấm dứt/thay đổi ⇔ mất hiệu quả} cho tới khi/trước khi {mọi vật đã xảy ra (tức là/Đức Chúa Trời nói sẽ xảy ra) ⇔ tất cả (Kinh Luật) sẽ được làm trọn ⇔ tất cả (mục đích của Kinh Luật) đã đạt được ⇔ thời đại này chấm dứt}. **19** Vì vậy, bất cứ ai phạm/bỏ qua/không vâng theo (bất cứ mệnh lệnh/Kinh Luật nào của Đức Chúa Trời), ngay cả (điều

xem phần còn lại của bài giảng), vậy nên trong ngữ cảnh này “làm trọn (chúng)” có lẽ có nghĩa là “**bày tỏ/giải thích** ý nghĩa/mục đích đầy đủ thật của Kinh Luật.”

³⁸⁵ **5:18** “A-men” là một từ Hy-bá có nghĩa là “điều đó là thật” hay “hãy để như vậy”. Qua suốt Cựu Ước và Tân Ước, ngoại trừ khi Chúa Giê-su nói, các nhà học giả Kinh Thánh đồng ý rằng “A-men” được dùng theo cách Do Thái, như một **câu trả lời** để nhấn mạnh đến sự quan trọng của một điều được nói hay làm và thông thường (không phải luôn luôn) cho thấy sự chấp nhận và đồng ý với điều được nói hay làm. Nói một cách khác, “A-men” **neu lên lại** một điều quan trọng đã được nói trước đó. Thật ra, khi Chúa Giê-su dùng từ “A-men” (và chỉ khi Chúa dùng nó), đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) không chuyển ngữ nó theo cách dùng của tiếng Do Thái để cho thấy thông tin tiếp theo sau đó là quan trọng đặc biệt. Họ nghĩ Chúa Giê-su đang nhấn mạnh điều Chúa sắp nói trước khi Ngài nói, và đó là khi Chúa thay đổi ý nghĩa của “A-men” Ngài chỉ muốn bày tỏ thẩm quyền của Ngài. Theo cách giải thích này, nhiều bản dịch (và BDM) dùng “**Vì thật, Ta bảo các người ...**”, (đã hàm ý sai rằng có những lúc Chúa Giê-su không nói **sự thật** trong một số ngôn ngữ), và một số bản dịch khác phối hợp “A-men” với “bảo/nói” và dùng “Ta nói quả quyết ...” (BDY). Trong nhiều năm sau này một số học giả bắt đầu xem xét kỹ hơn lời Chúa Giê-su nói theo văn hoá Do Thái và sự hiểu biết về ngôn ngữ, vì, là một người Do Thái, Chúa Giê-su bị ảnh hưởng nặng nề về văn hóa và có lẽ Chúa nói tiếng Do Thái và A-ram (một ngôn ngữ tương tự). Họ đã tìm thấy là Chúa Giê-su dùng tiếng “a-men” theo cách Do Thái, đúng như chúng ta mong đợi một giáo sư Do Thái sẽ làm. Trong mọi trường hợp đều có một điều mà Chúa Giê-su muốn dạy dỗ hay nói thêm. Trong trường hợp này, “A-men” nhấn mạnh đến điều Chúa Giê-su vừa mới nói. “...Ta bảo các người...” nhấn mạnh điều Chúa sắp nói đến. Theo sự giải thích này, bạn có thể nói: “{A-men ⇔ Đúng vậy}, (và) Ta bảo các người...” Để kết luận, mặc dù chỉ có một nhóm nhỏ các học giả theo sự giải thích này, nó có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất. Tuy nhiên, nếu theo sự giải thích này, bạn nên quan tâm đến việc để các sự giải thích khác đã được các bản tiếng Việt dùng ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

³⁸⁶ **5:18** Bạn có thể nói: “(đó là mục đích/kế hoạch của Ta,) ...” Hãy xem điều bạn nói trong câu 17.

³⁸⁷ **5:18** Câu này là một thành ngữ có nghĩa là “(Sự đòi hỏi của) Kinh Luật của Đức Chúa Trời sẽ **không bao giờ** thay đổi cho tới khi/trước khi Trời và đất này qua đi.”

³⁸⁸ **5:18** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Thiên Đàng/trời**” trong Ma 3:16, và hãy xem lời chú thích ở đó. “**Trời và đất**” là một thành ngữ nói đến toàn thể vũ trụ.

³⁸⁹ **5:18** Có thể rõ nghĩa hơn nếu nói: “...không có gì trong Kinh Luật của Đức Chúa Trời sẽ qua đi, ngay cả một chấm, một phết, cho tới khi ...” Trong một số ngôn ngữ cần phải nói: “...mọi thứ trong Kinh Luật của Đức Chúa Trời, ngay cả chi tiết nhỏ nhất, vẫn có hiệu lực cho tới khi tất cả (lời tiên tri/mục đích) được làm trọn/hoàn tất.”

³⁹⁰ **5:18** “...ngay cả một chấm, một phết” là một thành ngữ có nghĩa là “...ngay cả những phần **kém quan trọng nhất**”. Điểm chính được **tập trung** trong câu 18 là về sự đòi hỏi của Kinh Luật của Đức Chúa Trời, chứ không phải trên chữ mẫu tự.

họ nghĩ là) phần {nhỏ nhất ⇔ kém quan trọng nhất} ^{GTK}³⁹¹ {của những điều ấy/mệnh lệnh/Kinh Luật của Đức Chúa Trời ⇔ của chúng}, và dạy/bảo người ta/người khác (làm) giống như vậy, {người ấy sẽ được gọi ⇔ Đức Chúa Trời sẽ coi người ấy} (là một người) ít quan trọng nhất {trong Nước Thiên Đàng ⇔ trong chỗ Ngài cai trị/hướng dẫn}. Nhưng hễ ai giữ/làm theo (những điều này/Kinh Luật của Đức Chúa Trời) và dạy (những người khác cũng làm giống như vậy ⇔ những người khác làm theo), {sẽ được gọi là ⇔ Đức Chúa Trời sẽ coi người ấy là} ³⁹² {lớn nhất ⇔ một trong những người quan trọng nhất} {trong Nước Thiên Đàng ⇔ nơi Chúa cai trị/hướng dẫn}. **20** Vì vậy Ta bảo các con, ³⁹³ {các con sẽ không bao giờ ⇔ chắc chắn là các con sẽ không} {vào Nước Thiên Đàng ⇔ được cai trị/hướng dẫn bởi Đức Chúa Trời ⇔ được Đức Chúa Trời/Chúa làm vua của mình ⇔ là/trở nên công dân/thuộc viên của Nước Đức Chúa Trời}, ^{TD}³⁹⁴ trừ khi {sự công chính của các con ³⁹⁵ nhiều (hơn ³⁹⁶ những người ‘được-gọi-là công chính’ của) ⇔ các con làm điều phải (theo ý Đức Chúa Trời) hơn là ⇔ các con làm/vâng theo ý/mệnh lệnh của Chúa một cách trọn vẹn/trung tín hơn là} ³⁹⁷ chuyên gia Kinh Luật (của Đức Chúa Trời) và người ³⁹⁸ Pha-ri-si.”

³⁹¹ **5:19** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “**những mệnh lệnh/Kinh Luật đó**” muốn nói tới Kinh Luật của Đức Chúa Trời đã được đề cập đến trong câu 17. Tuy nhiên, một vài người nghĩ rằng nhóm từ đó muốn nói tới những sự dạy dỗ của Chúa Giê-su ở trong câu 21 và những câu kế tiếp. Nếu bạn theo cách giải thích đó, bạn có thể nói “những mệnh lệnh/Kinh Luật (Ta ban cho người)”.

³⁹² **5:19** “**lớn nhất**” là lối nói phóng đại của “một trong những người quan trọng nhất” hay “một người vĩ đại/quan trọng”.

³⁹³ **5:20** Đối với một số ngôn ngữ có thể rõ ràng hơn nếu nói: “...cách duy nhất mà các con có thể vào được Nước Thiên Đàng nếu sự công chính của các con nhiều hơn ...”

³⁹⁴ **5:20** Bản Hy-lạp đặt phần cuối của câu 20 lên đầu, sau từ “Vì”. Hãy làm thế nào để nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

³⁹⁵ **5:20** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái cho những thầy chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si là những người công chính/sùng đạo nhất. Điều Chúa Giê-su nói làm cho nhiều thánh giá của Chúa sùng sốt/ngạc nhiên.

³⁹⁶ **5:20** **Sự công chính** của các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si **không** thành thật.

³⁹⁷ **5:20** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “**chuyên gia Kinh Luật**” trong Ma 2:4. Hãy xem lời chú thích về họ ở trong câu đó.

³⁹⁸ **5:20** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “**Pha-ri-si**” trong Ma 3:7. Hãy xem lời chú thích về họ ở trong câu đó.

5:21-26 ³⁹⁹{(Chúa) Giê-su Dạy ⁴⁰⁰Về Giận Dữ Và Tranh Chấp/Cãi Nhau ⇔
Đùng Giận Dữ Người Khác Mà Không Có Lý Do Đích Đáng}

21 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với đám đông:) “(Thí dụ,) {các con đã nghe/biết rằng ⁴⁰¹lời đã dạy cho người xưa, ⇔ các con biết rằng (ngày xưa) các tổ tiên chúng ta đã học từ Kinh Luật/Lời của Đức Chúa Trời rằng,} ⁴⁰²{Chớ ⇔ Một người không được ⇔ Các con không được} ⁴⁰³giết người,’ (Xuất 20:13, Phục Truyền 5:17) và, ⁴⁰⁴‘Ai giết (người) ^{GTK405}{sẽ mắc tội trước tòa án ⇔ sẽ bị trừng phạt (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ đáng bị kết tội/trừng phạt/xử tử}.’ **22** ⁴⁰⁶{Nhưng ⇔ Thêm vào đó,} Ta bảo các con hãy ai giận ^{GTK407}{(một người, ngay cả với) anh em/bạn bè mình ⇔ một người khác} ⁴⁰⁸[mà

³⁹⁹ (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phần còn lại của chương 5 cho những thí dụ về chúng ta phải công chính như thế nào (tức là, làm/vâng theo ý/mệnh lệnh của Đức Chúa Trời) trong tư tưởng/thái độ/tấm lòng của chúng ta, không chỉ ở trong hành động. Điều này trái ngược với những chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si là người chỉ phục vụ Chúa theo bề ngoài chứ không phải theo tấm lòng.

⁴⁰⁰ (Tiểu Đề) Nếu trong ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải nói rõ Chúa Giê-su đang dạy dỗ ai (hãy xem lời chú thích về điều này ở Ma 5:2), bạn có thể nói: “Chúa Giê-su Dạy Dỗ {Đám Đông ⇔ Dân Chúng} ...” Hãy chú ý đến điều này ở mỗi phần Tiểu Đề trong Bài Giảng Trên Núi.

⁴⁰¹ **5:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong thời Tân Ước rất ít người có sách và nhiều người không thể đọc hay viết được. Đa số mọi người học lời của Chúa bằng cách học thuộc lòng những gì giáo sư của họ dạy.

⁴⁰² **5:21** Nghiên cứu ngôn ngữ của bạn và tìm cách tốt nhất để viết những mệnh lệnh áp dụng cho hết thầy mọi người.

⁴⁰³ **5:21** Trong bản Hy-lạp từ dùng ở đây có nghĩa là “giết người một cách bất hợp pháp”. Đây **không** kể đến việc chính quyền xử tử, hay giết người trong chiến tranh hay chết vì tai nạn.

⁴⁰⁴ **5:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù câu kể không phải là câu trích dẫn trực tiếp từ Cựu Ước, nó tóm tắt các đoạn như là Xuất 21:12.

⁴⁰⁵ **5:21** Mặc dù bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết ai sẽ đoán xét, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ ở đây hàm ý là **Đức Chúa Trời** nhất là trong phần đầu của câu 22, vì tòa án loài người không xử/trừng phạt những người ghét người khác. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng câu 22 là một danh sách liệt kê ba tội lỗi và những hình phạt của nó, mỗi tội tệ hại hơn tội được kể trước đó. Nhưng người theo sự giải thích thứ nhì phải để tòa án địa phương/Hội Đồng Quốc Gia trong trường hợp đầu tiên, tối cao pháp viện ở trường hợp thứ nhì và Đức Chúa Trời như là Quan Tòa trong trường hợp chót.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si đặt ra một luật lệ khác cho mỗi cách phạm tội khác nhau. Có lẽ Chúa Giê-su theo cách của họ ở trong các câu 21-22 để cho thấy thật là đại dột khi chỉ quan tâm đến những chi tiết bên ngoài/thấy được, trong khi chính là tấm lòng của con người mới đáng kể trong tòa án của Đức Chúa Trời (cũng hãy xem Ma-thi-ơ 12:34-37).

⁴⁰⁶ **5:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong phần còn lại của chương 5, Chúa Giê-su dùng một cách dạy dỗ khác tương tự như những cách của các giáo sư dùng trong thời của Chúa—trước hết Chúa trích dẫn một đoạn/mệnh lệnh từ Lời Chúa, rồi Ngài giải thích ý nghĩa sâu xa hơn/đầy đủ hơn.

⁴⁰⁷ **5:22** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng qua bài giảng của Chúa Giê-su từ “**anh em**” nói đến những người đi theo Chúa như là thuộc viên trong gia đình thuộc linh của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ rằng cụm từ này được nói một cách tổng quát và đề cập đến tất cả mọi người. Họ nói “bạn hữu” hay “một người nào khác”. Cả hai phe đều đồng ý là đây **không phải chỉ** nói đến đàn ông hay một người trong cùng một gia đình. **Đùng** dùng “Cơ Đốc Nhân” vì Chúa Giê-su chắc không muốn nói như vậy.

không có một lý do chính đáng] ^{GTK}{sẽ bị mắc tội trước tòa ⇔ sẽ bị trừng phạt (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ đáng bị kết tội/trừng phạt (bởi Đức Chúa Trời)}. <Và> ai ⁴⁰⁹ gọi {anh em/bạn bè mình ⇔ một người khác} ^{NTT}{ngu muội ⇔ vô tích sự} {sẽ bị mắc tội ⇔ sẽ bị đoán xét ⇔ đáng bị kết tội} trước ^{GTK410}{Hội Đồng Quốc Gia ⇔ tòa án tối cao}. <Và> hễ ai gọi (anh em/bạn bè mình ⇔ một người khác) ^{NTT} một ^{GTK411}{người ngu dân ⇔ người vô tích sự ⇔ người điên gian ác ⇔ người phản loạn lại với Đức Chúa Trời} {sẽ bị đi vào ⇔ đáng bị kết tội (bởi ⁴¹²Đức Chúa Trời trong ⇔ đáng bị trừng phạt (bởi Đức Chúa Trời) trong ⇔ đang đi vào} ⁴¹³{Địa Ngục bằng lửa ⇔ lửa của Địa Ngục}.

23 “Vì vậy nếu/khi nào ⁴¹⁴{con ⇔ một người trong các con} {mang lễ vật của con (để dâng cho Chúa) trên ⁴¹⁵bàn thờ (tại đền thờ) ⇔ đi/đến (đền thờ) để dâng lễ vật của con cho Đức Chúa Trời} và tại đó con nhớ lại rằng {⁴¹⁶anh em/bạn ⇔ có một người} {có điều

⁴⁰⁸ 5:22 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có **“không có (một lý do chính đáng)”**. Tuy nhiên, nhiều bản dịch khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có nhóm từ đó. Đa số các học giả đồng ý rằng điều này được hàm ý ở trong ngữ cảnh.

⁴⁰⁹ 5:22 Bạn có thể nói: “Và bất cứ ai rửa sả anh em mình sẽ mắc tội...”

⁴¹⁰ 5:22 Từ được dùng trong bản Hy-lạp có nhiều hơn một ý. Đa số các học giả nghĩ rằng từ này đề cập đến **Hội Đồng Quốc Gia**, tức là, Hội đồng/tòa án tối cao của người Do Thái. Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng từ này đề cập đến **tòa án địa phương**. Tòa án địa phương được nối kết với hội đường địa phương (nhà nguyện/nhà họp của người Do Thái). Các quan toà ở toà án này xử các tội nhẹ và có quyền phạt đánh 40 roi (Phúc 25:3). Hội Đồng Quốc Gia (tức là, toà án tối cao của người Do Thái) chỉ ở Giê-ru-sa-lem và xử những vụ án nghiêm trọng hơn.

⁴¹¹ 5:22 Trong bản Hy-lạp ở đây dùng một từ rửa sả nặng nề. Đa số các học giả giải thích ý nghĩa là **“ngu dân”** hay **“vô tích sự”**, có ý nghĩa tương tự như là “ngu muội” được dùng trước đó ở trong câu 22. Trong Cựu Ước **“người điên khùng”** thường được dùng để nói đến kẻ thù của Đức Chúa Trời, vậy nên bạn có thể nói “người điên gian ác” hay “người phản loạn nghịch lại Đức Chúa Trời”. Một số học giả nghĩ rằng từ này tương tự như câu rửa “Chúa phạt mày!” xin Chúa kết án một người đi địa ngục.

⁴¹² 5:22 Hãy xem lời chú thích trong câu 21 về **ai** là người đoán xét.

⁴¹³ 5:22 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Địa ngục là một chỗ mà Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt ma quỷ, các thiên sứ ác và bất cứ ai không phải là dân sự của Chúa/Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 25:41, Khải Huyền 20:10–15). Từ Hy-lạp dùng cho “Địa Ngục” nguyên thủy là để nói đến Thung Lũng Hin-nom là một vực sâu gần Giê-ru-sa-lem và trở thành một chỗ bỏ đồ phế thải của thành phố là nơi luôn luôn có lửa cháy. Sau đó, từ ngữ này trở thành một thành ngữ nói đến chỗ hình phạt đời đời.

⁴¹⁴ 5:23 Đây là một việc tổng quát áp dụng cho tất cả mọi người. Trong một số ngôn ngữ tốt hơn là nên dùng **ngôi thứ ba** (ông ấy/họ, của ông ấy/của họ) qua suốt câu 26 để cho rõ ràng. Thí dụ, bạn có thể nói: “Vì vậy nếu/khi một người nào/bất cứ ai mang của lễ của họ...” Hay bạn có thể nói: “Vì vậy nếu người ta đem của lễ của mình ...”

Nếu bạn gặp rắc rối khi chuyển từ **“con, các con”** qua suốt bài giảng của Chúa Giê-su như bản Hy-lạp, có thể tốt hơn là dùng ngôi thứ hai số nhiều **“các con”**, vì Chúa Giê-su đang nói với một đám đông người (và với các môn đệ của Ngài).

⁴¹⁵ 5:23 **Bàn thờ** tại đền thờ được dùng để dâng lễ vật thiêu lên cho Đức Chúa Trời vì cơ con người. Bàn thờ là một miếng đồng hình vuông lớn, bốn góc có bốn cái sừng dựng đứng lên. Lễ vật được **thiêu** trên mặt bàn. Bạn có thể chuyển ngữ “bàn thờ” như là một “chỗ/bàn nơi mà các của lễ/lễ vật được dâng lên/thiêu cho Đức Chúa Trời”, hay chỉ nói giản dị là “bàn dâng lễ vật”.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Hình bàn thờ ở trong đền thờ với một thầy tế lễ đứng gần một bên, để cho thấy rõ là bàn thờ lớn như thế nào. Cũng có thể vẽ hình lễ vật đang bị thiêu ở trên bàn thờ.

⁴¹⁶ 5:23 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **“anh em/bạn”** trong câu 22.

gì nghịch lại với con ⇔ tức giận với con}, **24** {hãy để lễ vật của con tại đó bên cạnh bàn thờ ⇔ đừng vội dâng lễ vật}. <Và> trước hết hãy đi và {giải hoà ⇔ làm hoà} với {anh em/bạn của mình ⇔ người đó}, <và> rồi hãy trở lại (đền thờ/bàn thờ) (và) dâng lễ vật của con (cho Đức Chúa Trời). (Sau đó Đức Chúa Trời sẽ chấp nhận lễ vật của con.)

25 “{Hãy sớm thỏa thuận với kẻ thù/người thừa kiện trong khi con còn đi đường với họ ⇔ Nếu có một người muốn thừa kiện con, hãy giải quyết sự tranh chấp/bất đồng ý kiến với họ một cách nhanh chóng để con không phải đi} (ra tòa). Nếu không, {kẻ thù/người thừa kiện ⇔ họ} sẽ giao con lại cho quan tòa, và quan tòa ⁴¹⁷ [sẽ giao con lại] cho cảnh sát và {con sẽ bị ném ⇔ cảnh sát sẽ ném con} vào trong tù. **26** ^{GTK418} {A-men/Phải, (đó là điều sẽ xảy ra,) (và) Ta bảo con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với con rằng} ⁴¹⁹ {con sẽ không bao giờ ⇔ chắc chắn con sẽ không} rời khỏi đó/tù cho tới khi con đã trả ⁴²⁰ {đồng bạc/đồng xu cuối cùng ⇔ tất cả} (^{GTK421} tiền phạt/nợ của con).”

5:27-30 {(Chúa) Giê-su Dạy Về Tội Ngoại Tình ⇔ Đừng Phạm Tội Về Tình Dục}

27 (Sau đó Chúa Giê-su nói: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su dạy dỗ ⁴²² đám đông:) “{Các con đã nghe nói/dạy rằng: ⇔ Các con biết ⁴²³ Kinh Luật/Lời Đức Chúa Trời phán/ra lệnh:} ^{NGT} {Con ⇔ Một người} không được {phạm tội ⁴²⁴ ngoại tình ⇔ có quan hệ tình dục với

⁴¹⁷ **5:25** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “sẽ giao con cho” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) không có nhóm từ đó nhưng hàm ý.

⁴¹⁸ **5:26** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “a-men” trong Ma 5:18, và xem lời chú thích ở đó. Bạn có thể nói: “Đúng như vậy, (và) Ta bảo con...”

⁴¹⁹ **5:26** Đối với một số ngôn ngữ có thể rõ hơn nếu nói: “...cách duy nhất để con rời khỏi đó/tù là con phải trả...”

⁴²⁰ **5:26** “Đồng xu” là đồng tiền các ít giá trị nhất của người La-mã. Đồng xu này đáng giá 1/64 của một “đơ-ni-ê”—một “đơ-ni-ê” là tiền công trung bình của một người làm trong một ngày. Bạn có thể để thông tin đó trong một LỜI CHÚ THÍCH. Hay bạn có thể nói một cách tổng quát hơn “trả hết tiền phạt”. Hay bạn có thể dùng “đồng xu cuối cùng.”

⁴²¹ **5:26** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng bản Hy-lạp muốn nói đến trả tiền phạt ở đây. Mặc dù điều đó coi như thích hợp với ngữ cảnh nhất, nhiều người khác nghĩ rằng đây muốn nói đến trả một món nợ (BDY). Những người theo quan điểm này nên thay đổi từ vựng của câu 25 để nó phản ánh sự tranh chấp với một người chủ nợ. BDM, BDC, và BCG chuyển ngữ một cách tổng quát.

⁴²² **5:27** Từ Ma 4:25–5:2 đã đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su đang dạy dỗ các môn đệ và đám đông. Hãy xem lời chú thích về điều đó ở trong 5:2. Phần cuối của Bài Giảng của Chúa Giê-su (7:28) nói Chúa Giê-su nói những điều này cho đám đông. Người ta hiểu là các môn đệ của Chúa cũng là một phần của đám đông. Về lời chú thích về cách bắt đầu mỗi tiểu đoạn của bài giảng của Chúa Giê-su hãy xem câu 13.

⁴²³ **5:27** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Kinh Luật của Đức Chúa Trời” trong Ma 5:17, và xem lời chú thích ở đó. Có thể xem cách bạn chuyển ngữ “chuyên gia Kinh Luật” bắt đầu ở Ma 2:4 cũng là một điều có ích.

⁴²⁴ **5:27** Qua suốt tiểu đoạn này chuyển ngữ “ngoại tình” theo cách nào để không làm người đọc mắc cỡ. Đối với người Do Thái, ngoại tình là khi một người đàn ông (độc thân hay có gia đình) có quan hệ tình dục với vợ của một người khác; nếu người đàn ông có quan hệ tình dục với một người đàn bà độc thân,

vợ/chồng của người khác}.’ (Xuất 20:14; Phục 5:18) **28** Còn Ta dạy các con rằng hễ ai nhìn một ⁴²⁵ người đàn bà {với lòng tham muốn người ấy ⇔ và muốn có quan hệ tình dục với nàng ⇔ và muốn ngủ với nàng} thì đã phạm tội ngoại tình với nàng trong tâm trí của mình rồi. **29** Vì vậy, ⁴²⁶ nếu {con mắt bên phải ⇔ con mắt} ⁴²⁷ của con (nhìn một người đàn bà và) khiến/cám dỗ con ^{GTK428} {vấp phạm (trong đức tin của con nơi Đức Chúa Trời) ⇔ bỏ đức tin (trong Chúa) của con ⇔ phạm tội ⇔ từ khước/không vâng lời Đức Chúa Trời}, hãy lấy/móc nó ra và ném xa <khỏi con>, bởi vì {thà là con mất ⁴²⁹ một phần của (thân thể) còn hơn là toàn thân thể của con bị (Đức Chúa Trời/Ngài) ném vào Địa Ngục ⇔ để Đức Chúa Trời ném con vào Địa Ngục còn tệ hơn là con bị mất một phần của thân thể (bây giờ)}. **30** {<Và> ⇔ Cũng như vậy,} ⁴³⁰ nếu tay <phải> của con gây cho con ^{GTK431} {vấp phạm (trong đức tin nơi Đức Chúa Trời) ⇔ bỏ đức tin (nơi Đức Chúa Trời) ⇔ phạm tội ⇔ từ khước/không vâng lời (Đức Chúa Trời)}, hãy chặt nó và ném ra xa <khỏi con>./ {⁴³² bởi vì tốt hơn là con mất ⁴³³ một phần của thân thể (bây giờ) để cả thân thể <của con> không đi Địa Ngục ⇔ vì thà con mất đi một phần thân thể (bây giờ) còn đỡ hơn là bị Đức Chúa Trời đẩy xuống Địa Ngục}.”

thì gọi là tà dâm, không phải ngoại tình, ngay cả khi người đàn ông có vợ. Trong nhiều văn hoá (và nhiều bản dịch) ngoại tình bao gồm cả quan hệ tình dục giữa một người đàn ông có vợ với một người đàn bà độc thân. Chúa Giê-su nói rộng ý nghĩa “ngoại tình” để bao gồm cả những tội như vậy ở trong Mác 10:11.

⁴²⁵ **5:28 “Đàn bà”** có lẽ muốn nói đến bất cứ người đàn bà nào, **không** phải chỉ đàn bà đã có gia đình.

⁴²⁶ **5:29** Để cho thấy rõ là **chính con người**, không phải là mắt hay tay của người ấy **chịu trách nhiệm** về phạm tội, có thể tốt hơn nên nói như sau “Vì vậy nếu **con** nhìn (vào một cái gì) và phạm tội, hãy lấy/móc mắt ra mà ném đi...” Hay vì tiểu đoạn này đang nói về **ngoại tình**, bạn có thể nói: “Vì vậy nếu con nhìn (một người **đàn bà**) và ham muốn nàng, hãy móc mắt ra ...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su dùng cách nói phóng đại ở trong các câu 29–30 để cho thấy tội này nghiêm trọng như thế nào. Chúa Giê-su không muốn người ta thật sự móc mắt ra và ném đi hay chặt bàn tay (làm như vậy không giải quyết được gì cả). Chúa muốn họ bỏ đi nguồn gốc của tội lỗi ở trong lòng và trong tâm trí họ, nói một cách khác, họ phải ăn năn, trở lại với Đức Chúa Trời và sống theo ý muốn của Ngài.

⁴²⁷ **5:29** Trong Bản Hy-lạp người ta hiểu rằng cả hai mắt (và sau này cả hai tay) đều dính líu đến việc phạm tội. Người Do Thái cho rằng mắt phải và tay phải thì mạnh hơn và hướng dẫn mắt và tay trái.

⁴²⁸ **5:29** Thành ngữ Hy-lạp “**khiến cho con vấp ngã**” có thể có nhiều ý nghĩa, tùy thuộc vào “vấp ngã” nặng hay nhẹ. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa là “bỏ đức tin (nơi Đức Chúa Trời)”. Sự giải thích đó có vẻ thích hợp nhất với ngữ cảnh “bị ném vào Địa Ngục”. Nhiều học giả khác nghĩ rằng nó có nghĩa là “tội lỗi” (và BDM, BDC, BDY) hay “từ khước/không vâng lời Đức Chúa Trời”. Tuy nhiên, Chúa Giê-su có thể bao gồm tất cả các ý nghĩa ở trên. Vậy nên có lẽ tốt nhất là dịch tổng quát như bản Hy-lạp (và BCG “sa ngã”). Hãy cẩn thận để người ta **không** hiểu là làm cho người ta trượt chân. Hãy dùng nhất quán trong việc chọn lựa của mình qua suốt tiểu đoạn này.

⁴²⁹ **5:29** Có thể rõ nghĩa hơn nếu nói: “**phần** của thân thể của con”. Hay bạn có thể nói: “Tốt hơn là con mù...”

⁴³⁰ **5:30** Bạn có thể nói: “Nếu con ^{GTK} vấp ngã với/dùng tay mặt của con...”

⁴³¹ **5:30** Hãy nhất quán trong việc chuyển ngữ “**vấp ngã**” trong câu 29.

⁴³² **5:30** Xem cách bạn chuyển ngữ câu 29, câu này gần **giống như** câu 30.

⁴³³ **5:30** Có thể rõ nghĩa hơn nếu nói: “**một phần** của thân thể con”. Hay bạn có thể nói: “Tốt hơn là con bị **tàn tật** (bây giờ) để...”

5:31-32 Đức Chúa Trời Không Chấp Thuận Ly Dị

Ma-thi-ơ 19:9; Mác 10:11-12; Lu-ca 16:18

31 (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và phán:) “{Cũng đã có lời chép/dạy ⇔ (Kinh Luật/Lời của Đức Chúa Trời) cũng ra lệnh}:^{NGT} {Bất cứ ai ⇔ Bất cứ người đàn ông nào} ly dị vợ mình phải cho nàng {⁴³⁴ một tờ giấy ly dị ⇔ một tờ giấy nói rằng ông ta đã ly dị nàng và nàng có tự do để lấy chồng một lần nữa}.” (Phục Truyền 24:1) **32** Nhưng (còn khó hơn nữa) Ta bảo các con rằng ai ly dị vợ mình, ^{GTK}⁴³⁵ {ngoại trừ lý do vô đạo đức/không chung thủy ⇔ trừ khi người vợ ngoại tình}, khiến cho nàng mắc tội ngoại tình (nếu nàng lấy một người khác), và bất cứ ai cưới {người bị ly dị ⇔ nàng} thì cũng phạm tội ⁴³⁶ ngoại tình.”

5:33-37 (Chúa) Giê-su Dạy {Không Nên Thề ⇔ Đừng Thề}

33 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục nói với đám đông và phán:) “{Các con cũng nghe lời dạy cho người xưa, ⇔ Các con cũng đã biết (từ xưa) các tổ phụ của chúng ta đã học từ Kinh Luật/Lời của Đức Chúa Trời}:^{NGT}⁴³⁷ {Các con không được bội ⁴³⁸ lời thề ^{TD}⁴³⁹ (mà con đã làm) với Chúa (Đức Chúa Trời) thay vào đó các con phải làm trọn (chúng). ⇔ Đừng thất bại trong việc làm những điều con đã thề hứa với Chúa (Đức Chúa Trời) là Nhân Chứng của con—Con phải làm những điều đó.}” (Xuất 20:7, Lê-vi Ký 19:12, Dân Số 30:2, Phục Truyền 23:21) **34** Nhưng (còn khó hơn nữa) Ta bảo các con, đừng {thề gì hết ⇔ đừng bao giờ thề}. Đừng ⁴⁴⁰ chỉ Trời mà thề, bởi vì {đó là ⁴⁴¹ ngại

⁴³⁴ **5:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong văn hoá của Do Thái người đàn bà không thể ly dị chồng mình, chỉ người đàn ông được có quyền ly dị. Mục đích của tờ giấy ly dị không phải làm cho sự ly dị được chấp nhận, nhưng là để bảo vệ người đàn bà khỏi sự đối đãi khắc nghiệt của chồng. Nếu người đàn ông đuổi vợ mình ra khỏi nhà, rất khó cho bà ta có thể tự nuôi mình, vậy nên ông chồng phải làm cho bà có thể lấy chồng lại được.

⁴³⁵ **5:32** Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC và BDY) giải thích nhóm từ sau có nghĩa là “ngoại trừ lý do {vô đạo đức ⇔ không chung thủy}” hay “trừ khi nàng phạm tội ngoại tình”. Tuy nhiên, một số học giả (và BCG) giải thích là “ngoại trừ hôn nhân là bất hợp pháp” (theo chuẩn ở trong Lê-vi Ký 18:6–18). Có thể rõ nghĩa hơn nếu để nhóm từ này **sau cùng** trong câu 32 để nó không ngắt vãn của câu.

⁴³⁶ **5:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người đàn ông ly dị vợ mình khiến cho người vợ và người bà lấy phạm tội tà dâm, bởi vì Đức Chúa Trời vẫn kể đến hôn nhân đầu tiên còn hiệu lực.

⁴³⁷ **5:33** Để làm cho rõ ràng rằng mệnh lệnh này áp dụng cho **tất cả mọi người**, trong một số ngôn ngữ cần phải nói: “{Một người ⇔ Mọi người/Người ta} không được/không nên...”

⁴³⁸ **5:33** Khi một người lấy Chúa ra **thề**, người ấy đang xin Chúa làm nhân chứng rằng ông ta sẽ làm một điều gì hay điều đó là sự thật, và ông ta cũng xin Đức Chúa Trời trừng phạt ông nếu ông sai lời thề hứa hay nói dối. Lời thề được dùng để làm cho người khác tin rằng người thề hứa sẽ làm một việc gì đó và/hay bắt buộc người thề phải làm điều đó.

⁴³⁹ **5:33 Thứ tự** của các nhóm từ đúng theo bản Hy-lạp là “Con không được bỏ lời thề, nhưng con phải giữ lời thề (mà con đã thề) với Chúa (Đức Chúa Trời).”

⁴⁴⁰ **5:34** Các thí dụ về **chỉ trời hay đất mà thề** là “Tôi thề là nếu mà tôi không giúp anh thì trời sập”. Hay “Tôi thề là nếu mà tôi không làm dự án này thì trời chu đất diệt.” Vì con người không thể ảnh hưởng gì đến trời đất như họ nói trong khi thề, chúng ta không nên chỉ trời, chỉ đất mà thề.

của Đức Chúa Trời ⇔ đó là nơi Đức Chúa Trời cai trị}. **35** (Và ⇔ Cũng như vậy,) đừng chỉ đất mà thề, bởi vì {đó là chỗ để chân của Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời/Ngài cai trị đất nữa}. (Và) đừng chỉ Giê-ru-sa-lem mà thề, bởi vì Giê-ru-sa-lem là {thành của Vua Lớn (Đức Chúa Trời) ⇔ là thành phố mà người ta thờ phượng Đức Chúa Trời, Vua Lớn (của họ)}. **36** Đừng chỉ ngay cả đầu mà thề, bởi vì các con {không thể ⇔ không có quyền/khả năng để} làm ngay cả một sợi tóc ⁴⁴²{trở thành trắng hay đen ⇔ đổi màu}. **37** ⁴⁴³Thay vào đó, (thí dụ,) (khi/nếu có người nào hỏi các con làm một điều gì) {hãy trả lời ⇔ chỉ nói/trả lời} ⁴⁴⁴{‘Được’ (nếu con định làm) ⇔ ‘Được, tôi sẽ làm’} (hay) {‘Không’ (nếu con không định làm) ⇔ ‘Không, tôi sẽ không làm được’} (và giữ lời/lời hứa ⇔ và làm điều con nói sẽ làm) (mà không phải thêm vào lời thề), bởi vì ⁴⁴⁵{(nói) nhiều hơn thế ⇔ ý tưởng muốn thêm lời thề vào} là đến từ ^{GTK446}quỷ vương.”

5:38-42 {(Chúa) Giê-su Dạy Về Sự Trả Thù ⇔ Đừng Trả Thù Ai}

Lu-ca 6:29-30

38 (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với đám đông:) “{Các con đã nghe nói: ⇔ Các con biết rằng Lời/Kinh Luật của Đức Chúa Trời phán:} ⁴⁴⁷{Mắt đền mắt và răng đền răng. ⇔ Nếu một người đánh mắt một người khác thì sẽ bị móc mắt lại (để trừng phạt), và nếu một người đánh gãy răng một người khác thì răng người ấy sẽ bị đánh gãy.}’ (Xuất 21:24, Lê-vi-ký 24:20, Phục Truyền 19:21) **39** Nhưng Ta bảo các

⁴⁴¹ **5:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Ê-sai 66:1 Đức Chúa Trời nói rằng trời là ngai của Đức Chúa Trời và đất là chỗ để chân của Ngài. Nếu một người chỉ ngai của Đức Chúa Trời mà thề thì cũng như là chỉ chính Đức Chúa Trời mà thề vậy (Ma-thi-ơ 23:22).

⁴⁴² **5:36 “trở nên trắng hay đen”** nói đến sự thay đổi tự nhiên của màu tóc khi người ta già đi, **không** nói tới việc nhuộm tóc.

⁴⁴³ **5:37** Trong một số ngôn ngữ cần phải để theo thứ tự **câu 37** trước các câu 34–36 để diễn tả **nguyên tắc tổng quát** quát trước, theo sau là các thí dụ.

⁴⁴⁴ **5:37 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su muốn chúng ta trở nên đáng tin cậy đến nỗi không cần phải thề.

⁴⁴⁵ **5:37 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có vẻ một số người có thói quen hứa và rồi kèm theo một lời chỉ trời hay đất mà thề, hay bằng cách chỉ một vật gì khác mà họ nghĩ rằng không dính líu tới Đức Chúa Trời, để họ không phải giữ lời hứa đó (xem thí dụ ở trong Ma-thi-ơ 23:16–22). Đây là một hình thức nói dối khác đến từ quỷ vương (Giăng 8:44). Ngoài ra, không có cái gì con người chỉ để thề mà không dính líu đến Đức Chúa Trời.

⁴⁴⁶ **5:37** Nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp dùng một cách tổng quát. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG) nghĩ rằng nó muốn đặc biệt nói đến “**quỷ vương**”. Tuy nhiên, một số học giả (và BDY) nghĩ rằng nó tổng quát hơn và có nghĩa là “**gian ác**”, kể cả quỷ vương, thế giới và bản chất tội lỗi của con người.

⁴⁴⁷ **5:38** Các mệnh lệnh và luật lệ ở trong các câu 38–42 áp dụng cho tất cả mọi người. Nghiên cứu cách ngôn ngữ của bạn dùng **các luật lệ tổng quát** áp dụng cho tất cả mọi người. Bạn phải dùng ngôi thứ hai hay ngôi thứ ba? Số ít hay số nhiều? Hãy xem cách bạn chuyển ngữ Ma 5:21, 27, 33.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Luật lệ như vậy được ban hành để cho người ta sẽ bị phạt theo tội họ đã làm nhưng không bị phạt nặng quá.

con, ^{GTK448}{dùng chống cự/chống đối kẻ ác ⇔ dùng lấy ác trả ác ⇔ dùng trả thù người làm ác cho con}. Thay vào đó, {hễ ai ⇔ nếu một người} ⁴⁴⁹đánh/vả {con ⇔ một người trong các con} vào má bên phải (để sỉ nhục con), hãy xoay má bên kia/trái cho người ấy nữa (để người ấy có thể đánh/vả nếu người ấy muốn). **40** <Và> nếu ai muốn {kiện con ⇔ đem một người trong các con ra tòa} để lấy ⁴⁵⁰áo trong của con, cũng hãy cho nó áo ngoài của con nữa (nếu người ấy muốn). **41** <Và> ⁴⁵¹{hễ ai ⇔ nếu một người ⇔ nếu một người lính} ^{NTT}ép buộc/ra lệnh {cho con ⇔ cho một người trong các con} (vác bị của họ) ⁴⁵²{đi một cây số ⇔ một ngàn (bước)}, ^{NTT}(hãy đề nghị để) {đi ⇔ vác nó} hai (cây số ⇔ hai ngàn bước) với/cho họ ⁴⁵³(nếu người ấy muốn con làm như vậy). **42** ⁴⁵⁴{Hãy cho ⁴⁵⁵người nào ^{NTT}yêu cầu/xin con (một vật gì), ⇔ Khi/Nếu có ai ^{NTT}yêu cầu/xin con (một vật gì), hãy cho (họ vật đó),} và nếu ai muốn mượn (một vật gì) của con {đừng quay lưng đi ⇔ hãy cho mượn}.

5:43-48 Hãy Yêu Kẻ Thù, Không Phải Chỉ Yêu Bạn Của Các Con

Lu-ca 6:27-28, 32-36

43 (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và nói:) “{Các con (cũng) nghe dạy rằng: ⇔ Các con (cũng) biết rằng Kinh Luật/Lời của Đức Chúa Trời ra lệnh:} ⁴⁵⁶‘Hãy yêu người lân cận/bạn hữu của con (Lê-vi ký 19:18), <và>/nhưng

⁴⁴⁸ **5:39** Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) chuyển ngữ “**dùng chống cự**” trong một cách tổng quát và nói “... dùng lấy ác trả ác.” Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng đây muốn nói một cách đặc biệt đến quang cảnh của tòa án và nói: “...dùng dùng quan toà để giúp trả thù người đã làm một việc ác cho con.”

⁴⁴⁹ **5:39** **Vả** có lẽ được dùng với phía lưng của bàn tay và được coi như là một sự sỉ nhục nghiêm trọng.

⁴⁵⁰ **5:40 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đàn ông và đàn bà thường mặc một chiếc áo dài giống như một chiếc áo đầm ngắn tay (giống như một chiếc áo đầm đơn giản) dài đến đầu gối. Có một thất lưng bằng vải thắt ở ngang hông. Mặc dù không bắt buộc, người ta mặc một áo choàng ở ngoài dài đến bàn tay và bàn chân. Áo choàng thì có giá trị hơn là áo chèn ở trong. Luật của người Y-sơ-ra-ên/Do Thái không cho phép một người giữ áo choàng của người khác qua đêm, bởi vì nó được dùng như một cái chăn (Xuất 22:26–27, Phục Truyền 24:12–13).

⁴⁵¹ **5:41** Động từ “**ép buộc**” hàm ý là người đó có thẩm quyền, có thể là một người lính, bắt người khác phải mang gánh nặng cho họ. Thí dụ trong Ma 27:32 lính La-mã ép buộc Si-môn gánh thập tự giá của Chúa Giê-su.

⁴⁵² **5:41** Mặc dầu ở đây nói đến một **cây số** của người La-mã, bạn có thể dùng cây số ở đây. Trọng tâm ở đây là ngỏ ý mang/vác gánh nặng **gấp đôi** đường xa mà bạn bị ép buộc phải mang/vác.

⁴⁵³ **5:41** Đi xa gấp đôi **không** nên nghe như là bất tuân lệnh. Chỉ làm khi người lính bằng lòng cho họ làm.

⁴⁵⁴ **5:42** Hay bạn có thể nói: “**Nếu** một người ^{NTT}hỏi/xin con (một vật gì), **hãy cho** họ vật đó. **Nếu** có người muốn mượn con (một vật gì), {đừng quay lưng (khỏi họ) ⇔ hãy cho người ấy mượn}.”

⁴⁵⁵ **5:42 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “người nào” có thể đề cập đến bất cứ ai, nhưng trong ngữ cảnh này có lẽ chỉ bao gồm kẻ thù hay người muốn lợi dụng con (hãy xem các câu 38–41, 43–48).

⁴⁵⁶ **5:43** Về lời chú thích về từ “**yêu**” hãy xem lời chú thích của tiểu đề. Để làm cho rõ ràng là mệnh lệnh này áp dụng cho **tất cả mọi người**, không phải chỉ một người, bạn có thể cần phải dùng **ngôi thứ ba** qua suốt câu 48 và nói: “**Một người** phải yêu người lân cận của mình, và/nhưng ghét kẻ thù của người ấy.” **44** Nhưng Ta bảo các con, người ấy phải...” Trong một số ngôn ngữ tốt hơn là dùng chủ từ số

⁴⁵⁷ {hãy ghét ⇔ đừng yêu} kẻ thù của con.’ 44 Nhưng Ta bảo các con hãy yêu kẻ thù của các con ⁴⁵⁸ (như yêu bạn hữu các con vậy ⇔ và không phải chỉ yêu bạn của các con), và cầu nguyện xin ⁴⁵⁹ (Đức Chúa Trời ban phước) cho những người ⁴⁶⁰ [xử tệ/sỉ nhục các con và] bắt bớ/làm hại các con,/. 45 {như vậy ⇔ Làm cách đó ⇔ Nếu con làm những điều này,} các con sẽ {là con cái (vâng lời) của ⇔ giống như} (Đức Chúa Trời) ⁴⁶¹ Cha các con ở trên Thiên Đàng. {Vì Chúa/Đức Chúa Trời làm ⇔ (Các con nên yêu mến mọi người như nhau, ngay cả kẻ thù của các con,) ⁴⁶² bởi vì Chúa/Đức Chúa Trời khiến} mặt trời của Ngài mọc/soi sáng (đồng đều) trên kẻ {ác ⇔ bất chính} và người thiện/công chính, và Chúa đổ mưa xuống trên {người công chính và người bất chính ⇔ những người làm theo ý muốn của Ngài cũng như những người không làm theo ý muốn của Ngài}. 46 <Vi> nếu các con (chỉ) yêu những người yêu các con, ^{CH463} {các con sẽ được phần thưởng gì? ⇔ tại sao Đức Chúa Trời phải ban thưởng cho các con? ⇔ đừng mong đợi Đức Chúa Trời ban thưởng cho các con! ⇔ không có lý do gì để Đức Chúa Trời phải ban thưởng cho các con cả!} ^{CH} {Không phải là (tất cả mọi người) ⇔ (Mọi người)}, ngay cả ⁴⁶⁴ {những người thu thuế

nhieu và nói: “Người ta phải yêu người lân cận của họ,...” hay “Chúng ta phải yêu người lân cận của chúng ta, ...”

⁴⁵⁷ 5:43 Từ “ghét” được dùng ở đây không nhất thiết phải là thù ghét, nhưng có thể chỉ có nghĩa đơn giản là “không yêu”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nhóm từ “ghét kẻ thù của con” không phải là lời trích dẫn trực tiếp từ Cựu Ước, nhưng nó tóm tắt các câu Thi-thiên 139:19–22. Người Do Thái sẽ hiểu “người lân cận” là “người Do Thái” và “kẻ thù” là “người không phải là người Do Thái.”

⁴⁵⁸ 5:44 Chúa Giê-su không nói là người ta phải làm trái ngược lại với câu 23, Chúa nói là người ta nên yêu kẻ thù nghịch **giống như** bạn của họ vậy.

⁴⁵⁹ 5:44 Tránh hàm ý là cầu nguyện cho kẻ thù là xin Đức Chúa Trời hủy diệt họ hay xin Chúa giúp đỡ họ trong việc xử tệ với bạn. Bạn có thể nói: “Cầu nguyện xin (Đức Chúa Trời tốt với) những người xử tệ với con...”

⁴⁶⁰ 5:44 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “xử tệ/sỉ nhục và”. Tuy nhiên, những bản dịch khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có nhóm từ này.

⁴⁶¹ 5:45 Về lời chú thích về Đức Chúa Trời như một “Cha (yêu thương)” hãy xem Ma 5:16.

⁴⁶² 5:45 Bạn có thể thay đổi **thứ tự** của phần cuối của câu 45 và nói: “...bởi vì Chúa/Đức Chúa Trời làm mặt trời mọc và mưa rơi xuống trên người gian ác/không công chính là người không hầu việc Ngài cũng như Ngài làm cho người công chính/tốt là người hầu việc Chúa).”

⁴⁶³ 5:46 Về lời chỉ dẫn cách chuyển ngữ **câu hỏi tu từ**, hãy xem ^{CH} **Chú Giải Ký Hiệu Được Dùng** ở phần đầu của sách này.

⁴⁶⁴ 5:46 Người **thâu thuế** được nhắc đến ở đây đại diện cho những tội nhân xấu xa nhất trong đầu óc của người Do Thái. Nếu trong ngôn ngữ của bạn nói “những người thâu thuế” không truyền thông được ý này, bạn có thể nói: “những người thu thuế (người bạn coi là **gian dối/tội lỗi**)” hay “người tội nhân xấu xa nhất”. Nếu dùng “người thâu thuế” trong bản dịch của bạn thì có thể dùng **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người thâu thuế bị người Do Thái khinh bỉ và ghét. Họ cho những người này là không trung thành/không yêu nước và là một trong những tội nhân xấu xa nhất. Những người này thâu thuế của người Do Thái để nạp cho những người La-mã đang cai trị họ trong thời đó, bắt buộc họ trả thuế mặc dù trả thuế cho người ngoại quốc là trái với Kinh Luật của người Do Thái. Các người thâu thuế cũng là những người tham nhũng/gian dối và thường đánh thuế nhiều hơn số mà người La-mã đòi hỏi để giữ cho mình số tiền thặng dư. Công việc của họ đòi hỏi họ phải tiếp xúc nhiều với người ngoại quốc/đạo nên được coi là “không tinh sạch/ô uế”.

⇔ những người tội lỗi nhất}, {cũng làm giống như vậy sao ⇔ yêu những người yêu họ sao}?/! **47** <Và> nếu các con {chỉ chào ⇔ chỉ tử tế/thân mật} với ⁴⁶⁵anh em của các con, ^{CH}{các con có làm điều gì tốt/khác hơn ⇔ các con không làm gì tốt hơn/khác hơn} (điều những người khác sẽ làm)?/! ^{CH}{Không phải (mọi người) ⇔ (Mọi người)}, ngay cả {người ngoại ⇔ người chưa tin Chúa là ⇔ những người không biết/hầu việc Đức Chúa Trời}, ⁴⁶⁶cũng làm như thế sao?/! **48** ⁴⁶⁷Thế thì/Nên, các con hãy ⁴⁶⁸{toàn hảo ⇔ luôn luôn làm những điều phải/điều tốt ⇔ ⁴⁶⁹yêu mọi người ⇔ làm những việc cho thấy là các con yêu tất cả mọi người} giống như (Đức Chúa Trời) Cha Thiên Thượng {là toàn hảo ⇔ luôn luôn làm điều đúng/điều tốt ⇔ yêu tất cả mọi người ⇔ làm những điều cho thấy là Chúa yêu tất cả mọi người}.⁴⁷⁰

6:1-4 ⁴⁷¹**Hầu việc Đức Chúa Trời {Với Động Lực Đúng ⇔ Không Có Gắng Để Lấy Sự Chú Ý/Khen Ngợi Của Người Ta/Khác}**

6 **1** (Rồi Chúa Giê-su nói với đám đông:) ⁴⁷²“[Nhưng] hãy cẩn thận đừng làm {sự công chính của các con ⇔ công việc Chúa} trước mặt người ta/người khác {để được họ thấy (và khen ngợi) ⇔ để họ sẽ khen ngợi các con}. {Nếu không ⇔ Nếu các con

⁴⁶⁵ **5:47** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**anh em**” trong các câu 22 và 24. Hãy xem lời chú thích của câu 22.

⁴⁶⁶ **5:47** Bạn có thể nói: “^{CH}Có phải (mọi người), ngay cả {người ngoại ⇔ người chưa tin Chúa} tử tế/thân mật với anh em/bạn bè không?”

⁴⁶⁷ **5:48** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Vậy nên, vì Cha các con ở trên trời {là toàn hảo ⇔ luôn luôn làm điều đúng/tốt ⇔ yêu mến tất cả mọi người}, các con phải {giống như Chúa vậy ⇔ làm giống như vậy}.”

⁴⁶⁸ **5:48** Trong ngữ cảnh này “**là toàn hảo**” đặc biệt quan hệ tới **yêu mến tất cả mọi người** giống như Đức Chúa Trời yêu—tức là những điều mà Chúa Giê-su đã dạy trong những câu trước (hãy xem đoạn đoạn Kinh Thánh song song ở trong Lu-ca 6:36). Thông tin đó có thể để trong một LỜI CHÚ THÍCH. Nếu không chuyển ngữ sát từng từ một thì có thể để ở trong LỜI CHÚ THÍCH. Hãy nhất quán với sự lựa chọn của bạn qua câu 48.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Vì chúng ta có một bản chất đầy tội lỗi (La-mã 7:14–25), chúng ta có thể không bao giờ trở nên toàn hảo trong đời sống được. Tuy nhiên, gương toàn hảo của Đức Chúa Trời vẫn là chuẩn để cho chúng ta theo (Ma-thi-ơ 6:33, 1 Phê-rơ 1:14–15, Lê-vi Ký 19:2). Đức Chúa Trời ban quyền năng cho chúng ta để đi theo gương của Ngài (Phi-líp 2:13). Chúng ta không thể làm được một mình (Giăng 15:5).

⁴⁶⁹ **5:48** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**yêu mến**” trong câu 43 ở trên. Hãy nhớ rằng “yêu mến” luôn luôn kèm theo hành động, **không phải** chỉ có tình cảm hay cảm xúc.

⁴⁷⁰ **5:48** Để có thể có được một bản dịch tốt nhất, **rất cần** thỉnh thoảng ngưng dịch để có thể **duyet lại một cách cẩn thận mọi câu** mà bạn đã chuyển ngữ. Như vậy bạn sẽ có một bản dịch cập nhật và có chất lượng.

⁴⁷¹ (Tiểu Đề) Một số ủy ban chuyển ngữ có thể muốn gộp lại những câu 1–18 vào một tiểu đoạn giống như BDC. Câu 1 giới thiệu chủ đề chính của tiểu đoạn này, và được theo sau bằng ba thí dụ: bố thí cho người nghèo (các câu 2-4), câu nguyện (5-15) và kiêng ăn (16-18). BDM, BDY và BCG chia mỗi thí dụ làm một tiểu đoạn.

⁴⁷² **6:1** Một số bản thảo chính Hy-lạp (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có từ “**Nhưng**” ở đây. Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có từ đó.

không (vâng theo mạng lệnh này) ⇔ Nếu các con làm việc chỉ để người ta sẽ thấy/khen ngợi các con}, các con sẽ không nhận được phần thưởng từ (Đức Chúa Trời) Cha các con (ở) trên Thiên Đàng. **2** {Vì thế ⇔ Thí dụ}, khi {con ⇔ một người trong các con} {bố thí ⇔ giúp đỡ người nghèo}, đừng ⁴⁷³{thối kèn/tuyên bố trước mặt các con ⇔ trình diễn} {giống như ⇔ theo cách} ⁴⁷⁴{những người đạo đức giả ⇔ những người giả bộ theo/hầu việc/vâng lời Đức Chúa Trời} làm trong các ⁴⁷⁵{hội đường ⇔ nhà nguyện} của người Do Thái và {trên đường phố ⇔ nơi công cộng} để được người ta/khác khen ngợi. ^{GTK476}{A-men/Đúng vậy, (đó là điều những người đạo đức giả làm,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} {họ (đã có) phần thưởng của họ rồi ⇔ ⁴⁷⁷đó là phần thưởng duy nhất mà những người đạo đức giả sẽ có (Đức Chúa Trời sẽ không ban phần thưởng cho họ)}. **3** Thay vào đó, khi {con ⇔ một người trong các con} ⁴⁷⁸{bố thí ⇔ giúp đỡ cho người nghèo}, ⁴⁷⁹{đừng để tay trái biết tay phải đang làm gì ⇔ đừng nói cho ai biết việc con đã làm, (không nói với ngay cả bạn thân nhất của con)}, **4** {để sự bố thí/giúp đỡ của con được giữ kín ⇔ để động lực/lý do con giúp đỡ người nghèo không phải là cố gắng để được người khác khen ngợi}. Rồi thì (Đức Chúa Trời) Cha các con là Đấng thấy/biết (mọi việc, kể cả những việc các con làm) {âm thầm ⇔ riêng tư} sẽ thưởng cho các con ⁴⁸⁰[một cách công khai].”

⁴⁷³ **6:2** Người ta **không** thật sự **thối kèn** khi người ta bố thí cho người nghèo, nhưng họ cố gắng để cho những người khác biết việc họ làm để được người ta khen ngợi.

⁴⁷⁴ **6:2** Một người **đạo đức giả** là một người giả bộ làm như mình đạo đức. Thí dụ: người ấy có thể hành động như là tin một điều gì, nhưng thật ra thì người ấy không tin. Người ấy có thể cố gắng làm cho người ta nghĩ rằng người ấy là một người tốt, nhưng thật ra ông ta là người gian ác. Ông ta có thể khuyến khích người ta làm một điều gì, nhưng rồi chính ông ta làm ngược lại. Trong Tân Ước người đạo đức giả thường là những người **tuyên bố** họ là người của Đức Chúa Trời nhưng thật sự không phải bởi vì họ đã chối bỏ hay từ khước ý muốn của Chúa. Trong một số ngôn ngữ có thể có thành ngữ để chỉ những người này, như là “hai-lưỡi” hay “hai mặt” hay “chỉ tốt ở bên ngoài mà thôi”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Những người đạo đức giả mà Chúa Giê-su nói đến ở đây là những người giống như các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si (hãy xem Ma-thi-ơ 5:20, 23:1–5; cũng xem La-mã 2:28–29).

⁴⁷⁵ **6:2** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**nhà hội**” ở trong Ma 4:23.

⁴⁷⁶ **6:2** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**a-men**” trong Ma 5:18, 26.

⁴⁷⁷ **6:2** “**đó**” nói đến lời khen ngợi của con người.

⁴⁷⁸ **6:3** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**bố thí**” trong câu 2.

⁴⁷⁹ **6:3** Mạng lệnh “**đừng để bàn tay trái biết bàn tay phải đang làm gì**” là một thành ngữ có nghĩa là “**đừng nói cho bất cứ ai biết điều con làm, (ngay cả bạn thân nhất của con)**”. Nếu không chuyển ngữ từng từ một, thì có thể để thành ngữ này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁴⁸⁰ **6:4** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**một cách công khai**” ở đây. Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có nhóm từ đó.

**6:5-15 {Bài Cầu Nguyện Chung ⇔ Làm Thế Nào Để Nói Chuyện
Với Đức Chúa Trời ⇔ Cầu Nguyện Không Phải
Để Gây Sự Chú Ý/Được Người Ta/Người Khác Khen Ngợi}**

Lu-ca 11:2-4

5 (Sau đó Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và phán:)
“<Và> khi các con {cầu nguyện ⇔ nói chuyện với Đức Chúa Trời}, đừng làm/cầu nguyện
giống như ⁴⁸¹{những người đạo đức giả ⇔ những người giả bộ đi theo/hầu việc/vâng lời
Đức Chúa Trời},/. {bởi vì họ ⇔ họ} thích đứng trong {các hội đường ⇔ nhà nguyện} của
người Do Thái và {ở góc đường ⇔ trong nơi công cộng} {để ⇔ khi họ} {cầu nguyện ⇔
nói chuyện với Đức Chúa Trời}, để {họ sẽ được người ta/khác thấy/nghe (và khen ngợi)
⇔ những người khác sẽ thấy họ (và khen ngợi họ)}. ^{GTK482}{A-men/Phải, (đó là việc một
số người làm,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các
con rằng} {họ (đã có) phần thưởng của họ rồi ⇔ ⁴⁸³đó là phần thưởng duy nhất mà những
người đạo đức giả sẽ nhận được (—Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho họ)}. 6 {Thay
vào đó ⇔ Nhưng về phần các con}, khi {con cầu nguyện ⇔ một người trong các con nói
chuyện với Chúa}, hãy vào trong phòng <riêng> (một mình), <và> đóng/khoá ⁴⁸⁴cửa lại
và cầu nguyện/nói chuyện với (Đức Chúa Trời) Cha các con ^{GTK485}{(là Đấng ở khắp mọi
nơi, kể cả) trong chỗ kín đáo ⇔ (là) Đấng không ai có thể thấy được}. Rồi thì ⁴⁸⁶{(Đức
Chúa Trời) Cha các con ⇔ Chúa} là Đấng thấy (và nghe) (mọi sự, kể cả lời các con cầu
nguyện) {riêng tư ⇔ âm thầm ⇔ không cố gắng gây sự chú ý/khen ngợi} sẽ ⁴⁸⁷ban
thưởng cho các con ⁴⁸⁸[].

⁴⁸¹ 6:5 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đạo đức giả” trong câu 2.

⁴⁸² 6:5 Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về chuyển ngữ “A-men” ở trong Ma 5:18.

⁴⁸³ 6:5 “đó” ở đây muốn nói đến lời khen ngợi của con người. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ ở trong câu 2.

⁴⁸⁴ 6:6 Nếu trong địa bàn của bạn các phòng trong nhà không có cửa, bạn có thể nói: “hãy vào trong nhà/phòng nơi có thể ở một mình ...”

⁴⁸⁵ 6:6 Ý nghĩa của nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ ràng. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ này có nghĩa “Đấng (ở) trong (chỗ) kín nhiệm”. Nếu bạn theo quan niệm đó, bạn có thể nói: “Đấng (ở) khắp mọi nơi, kể cả) trong chỗ riêng tư” để không hàm ý rằng Đức Chúa Trời không phải chỉ ở trong chỗ riêng tư. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ đây có nghĩa là “Đấng không ai có thể thấy được”. Tránh hàm ý là chúng ta đang chơi trò trốn-tìm với Đức Chúa Trời.

⁴⁸⁶ 6:6 Thay vì lập lại nhóm từ “(Đức Chúa Trời) Cha các con” ở đây, có thể tự nhiên hơn nếu dùng “Chúa”.

⁴⁸⁷ 6:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng phần thưởng nói đến ở đây là Đức Chúa Trời ban cho chúng ta điều chúng ta cầu xin. Tuy nhiên, một số học giả khác nghĩ rằng nói đến phần thưởng của đời sống vĩnh phúc, là điều Đức Chúa Trời ban cho chúng ta trong Ngày Đoán Xét.

⁴⁸⁸ 6:6 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “một cách công khai” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có.

7 <Và> khi các con {cầu nguyện ⇔ xin Đức Chúa Trời một việc gì ⇔ nói chuyện với Đức Chúa Trời}, {đừng lập đi lập lại/nói lảm nhảm ⇔ đừng dùng nhiều ⁴⁸⁹lời vô nghĩa ⇔ đừng cầu nguyện một cách không thành thật ⇔ đừng chỉ nói cho có chuyện} giống như {những người ngoại quốc ⇔ người không tin Chúa làm,} {bởi vì họ ⇔ những người} nghĩ rằng {họ sẽ được ⁴⁹⁰(các thần tượng của họ) nghe ⇔ (các thần tượng của họ) sẽ làm điều họ xin} nếu/bởi vì họ cầu nguyện lâu. 8 <Vậy nên,> {đừng giống như họ ⇔ đừng cầu nguyện với những lời vô nghĩa và không thành thật như họ làm}, bởi vì Cha các con (đã) biết điều con cần (ngay cả) trước khi các con cầu xin.

9 “Vì vậy {hãy cầu nguyện (giản dị) ⁴⁹¹như thế này: ⇔ đây là một thí dụ về cách cầu nguyện với Đức Chúa Trời. Hãy nói:} “⁴⁹²Lạy Cha (Đức Chúa Trời) chúng con ở trên Trời, ⁴⁹³{danh Cha được tôn thánh ⇔ (xin) hãy giúp/khiến chúng con tôn kính/vâng lời Chúa}. 10 {Nước Cha được đến ⇔ Chúng con muốn Chúa cai trị/hướng dẫn chúng con} và {ý Cha được nên ⇔ (xin) giúp đỡ chúng con vâng lời Ngài} ^{GTK494}ở đất {như ⇔ toàn hảo giống như} (các đầy tớ/thiên sứ của Ngài) ở thiên đàng (làm ⇔ vâng lời Ngài). 11 ⁴⁹⁵(Xin) {cho chúng con ⇔ cung cấp cho chúng con} ⁴⁹⁶bánh/đồ ăn ^{GTK497}chúng con

⁴⁸⁹ 6:7 Trong ngữ cảnh này “**lời vô nghĩa**” **không** có nghĩa là những chữ được dùng không có ý nghĩa và vì vậy không có trong tự điển. Đây có nghĩa là những lời nói được nói ra mà **không** thành thật hay không suy nghĩ. Có thể nói đến những lời được lập đi lập lại.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: {Người ngoại quốc ⇔ Người không tin Chúa} thường kêu nhiều tước vị khác nhau của các thần của họ để được các thần chú ý.

⁴⁹⁰ 6:7 {Người ngoại quốc ⇔ Người không tin Chúa} được nói đến ở đây có lẽ cầu nguyện với **thần của họ** không phải là Đức Chúa Trời chân thật. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ở đây hàm ý “(bởi Đức Chúa Trời)”.

⁴⁹¹ 6:9 Khi nói “**hãy cầu nguyện như thế này**”, Chúa Giê-su **không muốn** nói là chúng ta phải lập lại đúng từng chữ một mỗi lần chúng ta cầu nguyện. Thay vào đó, Chúa cho chúng ta một **ví dụ** về lời cầu nguyện mà chúng ta có thể dùng làm kiểu mẫu cho các lời cầu nguyện khác.

⁴⁹² 6:9 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về Đức Chúa Trời là một “Cha (**yêu thương**)” ở Ma 5:16.

⁴⁹³ 6:9 “**danh Cha được nên thánh**” là một thành ngữ có ý nghĩa là “cầu xin Danh Chúa được tôn kính/vâng phục là Đức Chúa Trời”. Sự không vâng lời là không tôn trọng Đức Chúa Trời (hãy xem La-mã 2:23). Bản Hy-lạp không nói rõ **ai** phải giữ danh Đức Chúa Trời nên thánh. Đây có thể là một sự đòi hỏi cho “tất cả mọi người” hay là một sự đòi hỏi đặc biệt cho “chúng con”, tức là, những người đang cầu nguyện.

⁴⁹⁴ 6:10 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**ở đất như (các đầy tớ/thiên sứ của Ngài ở thiên đàng)**” chỉ đi theo với “ý Cha được nên (bởi chúng con)”. Tuy nhiên, một số đặt dấu phẩy ở trước “ở đất” để nhóm từ này có thể đi với “danh Cha được tôn thánh” và “Nước Cha được đến”.

⁴⁹⁵ 6:11 Lời cầu xin này nghe phải **lễ phép, không** sỗ sàng hay có vẻ đòi hỏi. Các lời cầu xin khác trong bài cầu nguyện này cũng vậy. Một số ngôn ngữ có từ giống như “**xin**”. Các ngôn ngữ khác giống như tiếng Hy-lạp không cần phải có từ giống như “xin” để tỏ ra lễ phép.

⁴⁹⁶ 6:11 Bánh mì là thức ăn căn bản của người Do Thái nên “**bánh mì**” cũng là một thành ngữ có nghĩa tổng quát là **thức ăn**. Trong nhiều nước trên thế giới bánh mì **không** phải là đồ ăn chính mà được coi như là một thứ đồ ăn đặc biệt hay thức ăn mà chỉ có những người giàu có mới ăn được. Trong một số địa bàn gạo hay khoai lang có thể là một sự thay thế thích hợp với văn hoá ở đây cho “bánh”, tuy nhiên hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong Ma 3:7 **lưu ý** về khi nào thì dùng những sự thay thế thích hợp với văn hoá này.

cần {ngày hôm nay ⇔ mỗi ngày}. **12** <Và> ⁴⁹⁸ xin tha tội cho chúng con ⁴⁹⁹ {tội lỗi ⇔ những việc chúng con làm trái với ý Chúa ⇔ vì không vâng lời Ngài}, {cũng như ⇔ bởi vì} chúng con tha {người nợ chúng con ⇔ những người phạm tội nghịch cùng chúng con}. **13** <Và> {xin đừng để chúng con bị ⁵⁰⁰ cám dỗ/thử nghiệm ⇔ đừng cho phép chúng con bị cám dỗ phạm tội ⇔ đừng để bất cứ ai hay bất cứ điều gì cám dỗ chúng con}, nhưng cứu/bảo vệ chúng con khỏi ^{GTK501} {sự gian ác ⇔ kẻ ác ⇔ quỷ vương}, ⁵⁰² [bởi vì nước, <và> quyền và vinh hiển đều thuộc về Ngài cho đến đời đời. A-men. ⇔ bởi vì Chúa là Vua Toàn Năng (của chúng tôi) Đáng phải được tôn vinh/khen ngợi đời đời. A-men.]”

14 (Sau đó Chúa Giê-su nói với đám đông: “{<Vì> ⇔ (Các con cần phải tha thứ những người có lỗi với con,) bởi vì} nếu các con ⁵⁰³ {tha thứ cho những người có lỗi/phạm tội (nghịch với con) ⇔ tha thứ}, (Đức Chúa Trời) {Cha Thiên Thượng ⇔ Cha trên trời} của các con cũng sẽ tha thứ cho các con (về những lỗi lầm/tội lỗi nghịch với Chúa).

15 Nhưng/Tuy nhiên, nếu các con {không ⇔ từ chối không} tha thứ cho người ta/những người khác [có lỗi/phạm tội (nghịch lại con)], thì (Đức Chúa Trời) Cha các con ở trên trời cũng sẽ không ⁵⁰⁴ tha thứ (con) <về các lỗi lầm/tội (nghịch cùng Chúa)>.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong ngữ cảnh này bánh/thức ăn tượng trưng cho tất cả những nhu cầu về vật chất của chúng ta, kể cả tiền bạc, quần áo, nhà ở và bất cứ thứ gì chúng ta cần để sống.

⁴⁹⁷ **6:11** Ý nghĩa của một từ trong nhóm từ này trong bản Hy-lạp **không** rõ ràng. Từ này có thể có nghĩa là “**mà chúng con cần**” hay “(mà chúng con cần) **cho ngày mai**”. Một số bản dịch dùng: “đồ ăn hàng ngày”.

⁴⁹⁸ **6:12** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**tha thứ**” ở Ma 3:6.

⁴⁹⁹ **6:12** Trong bản Hy-lạp dùng “**nợ**” để nói đến “tội lỗi” một cách tượng hình. Sau đó ở trong câu 12 “**những người nợ chúng con**” đề cập đến “những người phạm tội nghịch lại với chúng ta”, chứ **không phải** nói đến người nợ tiền chúng ta.

⁵⁰⁰ **6:13** Từ dùng trong bản Hy-lạp ở đây dùng tổng quát (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**bị cám dỗ/thử nghiệm**” ở trong Ma 4:1).

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đức Chúa Trời cho phép dân sự Ngài bị thử nghiệm, nhưng Gia-cơ 1:13 nói rõ là Chúa không cám dỗ ai phạm tội cả.

⁵⁰¹ **6:13** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về nhóm từ này ở trong Ma 5:37. Cách giải thích nào cũng chấp nhận được và nhiều bản dịch đã dùng. Có thể để cách giải thích không được dùng trong kinh văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁵⁰² **6:13** Lời cầu nguyện của người Do Thái theo truyền thống được chấm dứt bằng một **lời khen ngợi Đức Chúa Trời** giống như phần còn lại của câu 13. Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có **phần còn lại của câu 13**. Tuy nhiên, đa số các bản thảo chính Hy-lạp (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) **không có**. Hãy xem **Kỷ Hiệu Được Dùng** ở phần đầu của sách này để biết cách xử dụng các thông tin để ở trong ngoặc vuông.

⁵⁰³ **6:14** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**tha thứ**” trong Ma 3:6 và 6:12. Đây là một khái niệm rất quan trọng trong Tân Ước—sự cứu rỗi của chúng ta tùy thuộc vào Đức Chúa Trời tha thứ sự không vâng lời của chúng ta.

⁵⁰⁴ **6:15** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nền tảng của tình yêu Đức Chúa Trời cho chúng ta là Chúa đã tha thứ hết mọi tội lỗi cho chúng ta. Nền tảng của tình yêu của chúng ta đối với những người khác cũng phải như vậy (Ê-phê-sô 4:32). Đức Chúa Trời mong có sự hiệp nhất với dân sự của Ngài và có sự hiệp nhất giữa dân sự của Ngài (Giăng 17:20–23). Sự tha thứ khiến cho chúng ta có thể hiệp nhất. Hãy xem câu chuyện ngụ ngôn về tha thứ ở trong Ma-thi-ơ 18:21–35.

6:16-18 Kiêng Ăn {Với Động Lực Đúng ⇔ Không Cố Gắng Lấy Sự Chú Ý/Khen Ngợi Của Con Người/Người Khác}

16 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói với đám đông:) “<Và> khi các con ⁵⁰⁵kiêng ăn (để cầu nguyện/nói chuyện với Đức Chúa Trời ⇔ để tôn vinh Đức Chúa Trời ⇔ để tỏ sự hối tiếc về tội lỗi của mình), đừng tỏ vẻ buồn thảm giống như {những người đạo đức giả (làm) ⇔ những người giả bộ đi theo/phục vụ/vâng lời Đức Chúa Trời làm}, vì họ ⁵⁰⁶{để mặt mày bơ phờ ⇔ làm cho rõ rệt} để {người ta ⇔ những người khác} biết rằng họ đang kiêng ăn (và sẽ khen ngợi họ). ^{GTK}{A-men/Đúng rồi, (đó là việc những người đạo đức giả làm,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} {họ (đã có) phần thưởng của họ rồi ⇔ ⁵⁰⁷đó là phần thưởng duy nhất mà những người đạo đức giả sẽ có (—Đức Chúa Trời sẽ không ban thưởng cho họ)}.

17 Thay vào đó, khi {con đang ⇔ một người trong các con đang} kiêng ăn, ⁵⁰⁸{hãy xúc dầu trên đầu/tóc ⇔ chải đầu} và rửa mặt (như con làm khi không kiêng ăn), **18** để không ai biết rằng con đang kiêng ăn ngoại trừ (Đức Chúa Trời) Cha của các con là Đấng ^{GTK509}{(ở khắp mọi nơi, kể cả) trong chỗ kín đáo ⇔ không ai có thể thấy được}. Sau đó ⁵¹⁰{(Đức Chúa Trời) Cha các con ⇔ Chúa} là Đấng thấy/biết (mọi sự, kể cả việc các con làm) {một cách bí mật ⇔ âm thầm ⇔ không cố gắng lấy sự chú ý/lời khen ngợi} sẽ thưởng cho các con.”

⁵⁰⁵ **6:16** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “kiêng ăn” trong Ma 4:2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó về các lý do để kiêng ăn.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ba sự đòi hỏi về tôn giáo quan trọng nhất là: bố thí cho người nghèo (các câu 1–4), cầu nguyện (các câu 5–15), và kiêng ăn (các câu 16–18). Chúa Giê-su muốn người ta làm tất cả những việc này với tấm lòng thành thật, không phải bởi vì họ phải làm hay vì họ muốn được người ta khen ngợi họ.

⁵⁰⁶ **6:16** “**để mặt mày bơ phờ**” người Do Thái có thể xát tro hay bụi lên mặt, và không rửa mặt.

⁵⁰⁷ **6:16** “**đó**” muốn nói đến “lời khen ngợi của con người”.

⁵⁰⁸ **6:17** “**xúc dầu**” này khác với xúc dầu cho Vua được chép ở trong Cựu Ước. Ở đây chỉ có nghĩa là làm cho mình có vẻ tươi tốt, vui vẻ (Thi-thiên 23:5), giống như những người khác không cố gắng lấy sự chú ý. Có thể để thông tin này trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá như là “chải đầu”.

⁵⁰⁹ **6:18** Trong bản Hy-lạp từ được dùng ở đây khác với từ được dùng trong câu 6, nhưng ý nghĩa cơ bản thì giống nhau. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu 6 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁵¹⁰ **6:18** Thay vì lặp lại nhóm từ “(Đức Chúa Trời) Cha của chúng ta” ở đây, có thể dùng “**Chúa**” nghe tự nhiên hơn. Bạn có thể nói: “Chúa biết các con âm thầm làm việc gì, và Ngài sẽ ban thưởng cho các con.”

**6:19-21 {Tích Trữ Của Báu Thuộc Linh Ở Trên Thiên Đàng ⇔ Hãy Làm
Theo Ý Muốn Của Đức Chúa Trời Và Ngài Sẽ Ban Thưởng
Cho Các Con Ở Trên Thiên Đàng ⇔ Hãy Đặt Việc Phục Vụ
Đức Chúa Trời Làm Ưu Tiên}**

Lu-ca 12:33-34

19 (Rồi Chúa Giê-su nói:) “{Đừng tích trữ ⇔ Đừng (dùng hết năng lực/thời giờ) để tích trữ} ⁵¹¹ của báu/vật sở hữu cho các con ở trên đất, nơi có ⁵¹² mối và rỉ sét (có thể) hủy hoại (chúng) và nơi trộm cướp (có thể) vào nhà các con để ăn trộm (chúng ⇔ của báu của các con ⇔ các vật sở hữu của các con). **20** Thay vào đó, ⁵¹³{hãy chứa của báu cho các con ở trên Trời ⇔ dùng năng lực/thời gian để làm các việc Đức Chúa Trời cho là quan trọng và Chúa sẽ thưởng cho các con ở trên thiên đàng}, ⁵¹⁴ là nơi không có mối hay ^{GTK515}rỉ sét (sẽ) hủy hoại (chúng ⇔ của báu/phần thưởng) và là nơi {không có trộm cướp nào <vào> (nhà các con) để ăn trộm ⁵¹⁶(chúng) được ⇔ không có trộm cướp nào ăn trộm chúng được}. **21** (Ta bảo các con làm như vậy,) bởi vì ⁵¹⁷{⁵¹⁸của cải của các con ở đâu thì lòng con cũng sẽ ở đó. ⇔ đời sống của con sẽ xoay quanh điều con cho là quan trọng nhất.}”

511 6:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mạng lệnh của Chúa Giê-su về đừng tích trữ của báu trên đất không có nghĩa là con dân Chúa không nên giàu có. Chúa muốn nói rằng sự giàu có và những thứ khác không nên là trọng tâm chính của đời sống chúng ta. Phục vụ Đức Chúa Trời phải là trọng tâm chính (câu 20).

512 6:19 Loại mối nói đến ở đây ăn và phá hủy vải. Nếu trong địa bàn của bạn không có con mối, có thể dùng từ gì tổng quát hơn như là “các côn trùng”. Hay bạn có thể chỉ định loại côn trùng phá hoại được biết ở trong địa bàn của bạn như là mối ăn gỗ hay là con mọt.

513 6:20 Thành ngữ “**hãy chứa của báu cho các con ở trên trời**” có nghĩa là “làm những việc mà Đức Chúa Trời nói là quan trọng và Ngài sẽ ban thưởng cho các con ở trên Thiên Đàng”. Các việc chúng ta nên làm gồm có yêu mến Đức Chúa Trời và người khác. Phần thưởng **không** nói đến những của cải vật chất hay những vật đắt giá trên thiên đàng mà không bị hủy hoại như các vật trên đất. **Bạn không thể** đặt các vật ở trên Thiên Đàng theo nghĩa đen. Hãy chú ý đến cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mạng lệnh của Chúa Giê-su về tích trữ của báu trên Thiên Đàng có ý nghĩa tương tự như mạng lệnh đầu phục sự cai trị của Chúa và cố gắng làm những điều Chúa cho là đúng (câu 33; cũng hãy xem 1 Ti-mô-thê 6:18-19).

514 6:20 Bạn có thể nói: “...nơi không có mối hay rỉ sét hủy hoại chúng ...” Trọng tâm là “hãy tích trữ của báu ở trên Thiên Đàng là nơi không có gì và không có ai có thể lấy của con được.”

515 6:20 Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**rỉ sét**” trong câu 19.

516 6:20 Giống như trong câu 19, “**chúng**” ở đây muốn nói đến “của báu”, **không phải là** “các nhà ở”.

517 6:21 Để làm cho rõ ràng là lời tuyên bố này áp dụng cho **mọi người**, một số ngôn ngữ cần phải nói: “...của cải ở đâu thì lòng cũng ở đấy.” Hay bạn có thể nói: “...người ta sẽ luôn luôn tận hiến cho điều gì họ cho là quý giá nhất.”

518 6:21 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG) dùng “tấm lòng của **con**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDY) dùng “tấm lòng của **các con**”. Hãy làm thế nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

6:22-23 {Ánh Sáng Của Thân Thể ⇔
Hãy có Một Tấm Lòng Tốt/Rộng Lượng}

Lu-ca 11:34-36

22 (Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và phán:) ⁵¹⁹“Con ^{GTK520}mắt/tấm lòng của con {là sự sáng cho thân thể của con ⇔ giống như là ánh sáng cho con ⇔ hướng dẫn con như một ánh sáng}, vì vậy khi/nếu ^{GTK}con mắt/tấm lòng của con khoẻ mạnh/tốt/rộng lượng, {cả thân thể của con ⇔ con} được {soi sáng ⇔ đầy ánh sáng/sự tốt lành}, **23** nhưng khi/nếu ^{GTK}con mắt/tấm lòng của con ^{GTK}xấu/không mạnh khoẻ/gian ác/ích kỷ, {cả thân thể của con ⇔ con} ở {trong ⇔ trong đầy những} bóng tối/gian ác. {Vì vậy/Vậy nên ⇔ Giống như vậy}, nếu/khi {ánh sáng trong con là tối tăm/gian ác ⇔ ánh sáng đáng lẽ ở trong con không có ở đó, nhưng có sự tối tăm/gian ác ⇔ ⁵²¹tấm lòng của con là gian ác} {thì sự tối tăm này lớn là đường nào ⇔ thì sự gian ác này lớn là đường nào}!

6:24-34 {Hầu Việc Đức Chúa Trời ⇔ Đầu Phục Sự Cai Trị Của Đức Chúa Trời} Và Đùng {Lo Lắng ⇔ Quá Quan Tâm} Về Bất Cứ Điều Gì

Lu-ca 12:22-34, 16:13

24 (Sau đó Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và nói:) “Không ai/nô lệ có thể hầu việc hai ⁵²²chủ (một cách đồng đều trong cùng một lúc), bởi vì (nếu người đó ^{TVST}có hai chủ,) ⁵²³{người đó sẽ ghét chủ này và yêu chủ kia hay người ấy

⁵¹⁹ **6:22** Để làm cho rõ ràng là lời tuyên bố này áp dụng cho **mọi người**, có thể cần phải dùng **ngôi thứ ba** qua tiểu đoạn này và nói: “Mắt của một người là ...” hay “Mắt của người ta là ..., vì vậy nên khi mắt họ ^{GTK}mạnh khoẻ/tốt/rộng lượng ...”

⁵²⁰ **6:22** Đa số các bản dịch theo sát bản Hy-lạp (và BDM, BDC, BCG, BDY). Các bản dịch này dùng “**con mắt**” ở đây và họ dùng câu 22–23 như là một sự so sánh giữa con mắt khoẻ mạnh và không khoẻ mạnh và so sánh tương tự với “ánh sáng ở trong các con”. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**con mắt**” ở đây là một ẩn dụ để chỉ cái hướng dẫn một con người, tức là, tấm lòng của họ và “**khỏe mạnh/rõ**” và “**không mạnh khoẻ**” là thành ngữ của “tốt đẹp/rộng lượng” và “gian ác/ích kỷ”. Sự giải thích này thích hợp với ngữ cảnh. Hãy xem một thí dụ khác nữa ở trong Ma 20:15.

⁵²¹ **6:23** Nếu lựa chọn cách giải thích này, nên để câu dịch từng chữ ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁵²² **6:24** Muốn hiểu câu 24 phải hiểu văn hoá của người La-mã và người Do Thái về việc sở hữu nô lệ. Trong nhiều văn hoá người ta có thể có nhiều hơn là một việc làm, nhưng câu này đang nói về người nô lệ, **không phải** về có nhiều việc làm.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người La-mã và người Do Thái sở hữu nô lệ. Chúa Giê-su đang nói đến một hoàn cảnh hiếm có trong văn hoá của Ngài. Người nô lệ thường chỉ có một người chủ. Người chủ này hoàn toàn có quyền trên người nô lệ. Làm một người theo Chúa Giê-su đòi hỏi sự tận hiến hoàn toàn và trọn vẹn.

⁵²³ **6:24** Người Do Thái thường dùng hai thái cực để so sánh—trong trường hợp này “yêu” và “ghét”. Vì vậy trong ngữ cảnh này “**ghét**” không nhất thiết là phải có hành động thù ghét, nhưng là cách của người Do Thái so sánh mức độ yêu mến và trung tín. Có nghĩa là “...người ấy sẽ yêu chủ này **nhieu hơn** chủ kia...” Trong Ma 10:37 và Lu-ca 14:26 có những sự so sánh tương tự, chỗ Chúa Giê-su nói là

sẽ trung thành/trung tín với chủ này và khinh bỉ chủ kia ⇔ người ấy sẽ yêu mến và trung thành với chủ này hơn chủ kia}. (Cũng như vậy,) các con không thể ⁵²⁴{hầu việc (đồng đều) (cả) Đức Chúa Trời và ⇔ trung tín với Đức Chúa Trời và dùng cả thì giờ để cố gắng có} ⁵²⁵{sự giàu có/của cải/tiền bạc ⇔ các thứ vật chất} (cùng một lúc). **25** {Vì thế ⇔ Vì đó là sự thật}, Ta bảo các con, ⁵²⁶{đừng lo lắng ⇔ đừng quá quan tâm} về (các vật/nhu cầu trong) đời sống, (như là) ^{NTT}{con sẽ ăn gì ⁵²⁷[hay/và con sẽ uống gì] hay/và con sẽ mặc gì <trên thân thể của con> ⇔ xem liệu con sẽ có đủ thức ăn để ăn, [nước để uống] và áo quần để mặc hay không}. ^{CH}{Đời sống/linh hồn của con thì (quan trọng) hơn là thức ăn (và đồ uống) và ⁵²⁸thân thể (của con) (quan trọng) hơn quần áo phải không? ⇔ chắc chắn con biết là đời sống/linh hồn của con thì quan trọng hơn là con sẽ ăn gì (và con sẽ uống gì), và thân thể của con thì quan trọng hơn là quần áo con sẽ mặc phải không? ⇔ con còn sống và điều đó quan trọng hơn là sẽ ăn, (uống) hay mặc gì!}

26 “(Không cần phải lo lắng về bất cứ điều gì hết!) {Hãy nhìn xem ⇔ Nghĩ một chút về (các sinh vật nhỏ bé như)} <các con> chim <trên bầu trời>. <Bởi vì> chúng không gieo (giống) hay gặt (lúa) hay thu/trữ (thức ăn/lúa) trong vựa/kho, và/nhưng (Đức Chúa Trời) {Cha Thiên Thượng của các con ⇔ Cha trên trời} (vẫn) nuôi/âm sóc chúng/các con chim. ^{CH}{Không phải là các con ⇔ Các con không thấy rằng các con} ⁵²⁹{có giá trị ⇔ (có) giá trị/quan trọng nhiều} (đối với Chúa/Đức Chúa Trời) hơn là các con chim hay sao? (Chắc chắn Chúa sẽ chăm sóc các con kỹ hơn!)

27 “Ngoài ra, ^{CH530}{có ai ⇔ không có ai} trong các con có thể thêm cho đời mình một khắc/ngày/giây phút nào bằng cách lo lắng không?/! **28** ^{CH}{<Và>/Vậy tại sao ⇔ Các con không nên} lo lắng về (có đủ) quần áo đẹp?/! {Hãy để ý ⇔ Hãy xem} cách các ^{GTK531}hoa huệ/dại lớn lên ở ngoài đồng (là nơi không ai trông cá). Chúng không làm việc

bạn phải yêu mến Ngài hơn là cha mẹ hay con cái của bạn, **không** có nghĩa là bạn phải ghét cha mẹ và con cái.

⁵²⁴ **6:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không dạy việc nhiều có của cải là sai. Nếu của cải trở nên quan trọng hơn phục vụ Đức Chúa Trời thì đó là điều sai.

⁵²⁵ **6:24** Chúa Giê-su nhân cách hóa **sự giàu có** trong ngữ cảnh này, tức là, Chúa nói đến sự giàu có như là một người hay một thần tượng.

⁵²⁶ **6:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không nói là chúng ta phải thôi không suy nghĩ về nhu cầu của chúng ta hay lên kế hoạch cho bất cứ điều gì, Chúa đang nói là chúng ta không nên lo lắng về chúng.

⁵²⁷ **6:25** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có “**hay/và sẽ uống gì**” ở đây (BCG). Tuy nhiên, một số bản thảo **không có** phần này.

⁵²⁸ **6:25** Trong một số ngôn ngữ **không** có thể nói về **thân thể** một cách tách rời khỏi một người. Trong những trường hợp đó, bạn có thể nói: “...và (không phải) là **các con** (quan trọng hơn) là quần áo sao?”

⁵²⁹ **6:26** Chuyển ngữ “**có giá trị**” **không nên** hàm ý rằng Đức Chúa Trời bán, trao đổi hay suu tầm chim chóc hay con người.

⁵³⁰ **6:27** Bạn có thể dịch câu này có tính cách tổng quát hơn bằng cách nói: “...làm thế nào ai có thể...” Hay bạn có thể nói: “...không ai có thể ...”

⁵³¹ **6:28** Chúng tôi **không** biết Chúa muốn nói đến loại hoa nào ở đây. Đề nghị thông thường nhất là “**hoa huệ**”, nhưng cũng có nhiều đề nghị khác nữa. Có thể nói chung về các loại **hoa đại**.

hay ⁵³²{kéo (chi) ⇔ may (quần áo)} (cho chúng nó), **29** (và) nhưng, Ta bảo các con không ai, ngay cả ⁵³³(Vua) Sa-lô-môn {với tất cả sự vinh quang/giàu có ⇔ người rất giàu có và mặc quần áo đắt tiền}, {được mặc (một cách đẹp đẽ) ⇔ mặc quần áo (đẹp)} như một trong những hoa này. **30** <Và> nếu/vì đó là cách Đức Chúa Trời mặc/làm đẹp ⁵³⁴(cho một thứ không quan trọng như là) ⁵³⁵hoa/cỏ ở ngoài đồng là thứ nay còn và ngày mai ⁵³⁶{bị ném vào lò lửa ⇔ bị đốt/chết}, ^{CH}{các con có nghĩ là ⇔ chắc chắn} ^{GTK537}{(Ngài sẽ) còn (cung cấp một cách rộng rãi) (hơn quần áo mà) các con (cần) ⇔ (Chúa sẽ) chăm sóc các con tốt hơn},!⁵³⁸ {hỡi các kẻ yếu đức tin kia?! ⇔ Các con có ít đức tin (nơi Đức Chúa Trời)!}

31 “<Vậy nên/Vì vậy> đừng lo lắng {(và) hỏi: ^{NGT}‘Các con sẽ ăn gì?’ hay ^{NGT}‘Các con sẽ uống gì?’ hay ^{NGT}‘Các con sẽ mặc gì?’ ⇔ về các con sẽ làm thế nào/lấy ở đâu có các thức ăn, đồ uống và quần áo mà các con cần.} **32** <Vì> {đó là những thứ ⇔ đó là điều} {người ngoại quốc ⇔ người không tin Chúa} {theo đuổi ⇔ làm ⇔ lo lắng}. Ngoài ra, (Đức Chúa Trời) ⁵³⁹Cha Thiên Thượng biết {các con cần tất cả mọi thứ đó rồi ⇔ đó là những vật các con cần}. **33** Thay vì (lo lắng về một việc gì đó), {trước hết, ⇔ trên tất cả mọi sự, ⇔ ưu tiên trước nhất của các con là ⇔ điều quan trọng nhất mà các con phải làm là} ⁵⁴⁰{tìm kiếm Nước ⁵⁴¹[của Đức Chúa Trời] và ⁵⁴²sự công chính của Ngài ⇔ thuận

⁵³² **6:28** Để có thể dệt thành vải, người ta phải kéo chỉ, tức là, họ phải làm cho những sợi bông hay len xoắn lại vào với nhau thành sợi. Nếu trong địa bàn của bạn không biết đến công việc này, bạn có thể nói một cách tổng quát là “may (quần áo)”.

⁵³³ **6:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Sa-lô-môn là vị vua khôn ngoan và giàu có nhất trong lịch sử của người Do Thái (hãy xem 1 Các Vua 3:12–13, 10:23; 1 Sử Ký 29:25). 1 Các Vua 1–12 và 2 Sử Ký 1–9 nói về sự cai trị của Sa-lô-môn.

⁵³⁴ **6:30** Trong đoạn này nên nói rõ ràng là đối với Đức Chúa Trời người ta thì quan trọng hơn cây cỏ nhiều.

⁵³⁵ **6:30** Nếu thay đổi từ “hoa” ra “cỏ” gặp rắc rối, tốt hơn nên dùng “hoa” trong suốt các câu 28–30.

⁵³⁶ **6:30** Ở Do Thái có phong tục dùng cỏ để đốt lò. Nếu trong địa bàn của bạn không làm như vậy, bạn có thể để thông tin đó trong một LỜI CHÚ THÍCH, hay tốt hơn là để cho tổng quát hơn ở đây và chỉ nói bị đốt/chết/khô héo”. Ý muốn nói là cỏ và hoa thì đối với Chúa không quan trọng so sánh với con người. Sự kiện Chúa cung cấp đầy đủ cho hoa cho thấy là chắc chắn Chúa sẽ cung cấp đầy đủ cho dân sự của Ngài.

⁵³⁷ **6:30** Chuyển ngữ sát từng từ một theo bản Hy-lạp là: “...còn (cung cấp cách rộng rãi) hơn (cho) các con”. Đa số các học giả giải thích là nói đến việc cung cấp quần áo (và BDM và BDY), vì đó là điều mà các câu 28 và 29 đang nói đến. Tuy nhiên, một số học giả (và BDC, BCG) giải thích một cách tổng quát hơn có nghĩa là “(Chúa sẽ) chăm sóc con nhiều hơn,” vì đó là sứ điệp tổng quát của các câu 24–34.

⁵³⁸ **6:30** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng cách gọi đích danh “(các con) những kẻ ít đức tin” ở phần trước của đoạn này.

⁵³⁹ **6:32** Hãy xem Ma 5:16 về LỜI CHÚ THÍCH của “Cha (yêu dấu).

⁵⁴⁰ **6:33** Thành ngữ Hy-lạp “tìm kiếm Nước Đức Chúa Trời” không có nghĩa là Nước Đức Chúa Trời bị mất hay bị che dấu và chúng ta phải đi tìm. Thành ngữ này có nghĩa là “đầu phục Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài”.

phục sự cai trị/hướng dẫn của Đức Chúa Trời và làm những điều đúng (theo con mắt/quan niệm của Chúa)}, ⁵⁴³{tất cả những điều ấy sẽ được Chúa cung cấp cho các con ⇔ rồi thì Chúa sẽ cung cấp cho các con mọi điều các con cần}. **34** Vì vậy đừng ⁵⁴⁴lo lắng về (điều các con cần ⇔ điều gì sẽ xảy ra) {ngày mai ⇔ trong tương lai}, ⁵⁴⁵{bởi vì ngày mai sẽ lo về việc của ngày mai ⇔ hãy cứ đối phó với từng ngày một ⇔ bởi vì Đức Chúa Trời cũng sẽ cung cấp những thứ các con cần sau này}. (Ngoài ra, con sẽ có) {đủ ⇔ khá nhiều} nan đề (để quan tâm/đối phó) mỗi ngày (không kể đến lo lắng về những nan đề các con sẽ có vào ngày mai).”

7:1-5 Đùng Đoán Xét/Lên Án Người Khác

Lu-ca 6:37-38, 41-42

7 ⁵⁴⁶**1** (Sau đó Chúa Giê-su phán: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói với đám đông:) “Đùng đoán xét/lên án (người khác), {để các con không bị (Đức Chúa Trời) đoán xét/lên án ⇔ nếu không Đức Chúa Trời cũng sẽ đoán xét/lên án các con}. **2** ^{TD547}<Vi> {các con sẽ bị đoán xét (bởi Đức Chúa Trời/Ngài) ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời sẽ đoán xét các con} {cùng một cách ⇔ cũng nặng nề như} các con đoán xét (người khác), và (Chúa sẽ) dùng cùng một chuẩn/sự đo lường/độ chuẩn {cho ⇔ để đoán xét} các con như các con dùng {cho ⇔ để đoán xét} (người khác). **3** Vậy ^{CH}{tại sao con nhìn vào ⇔ con không nên quan tâm về} ⁵⁴⁸{cái dằm (của bụi/gỗ) trong mắt của anh em/bạn con, nhưng không chú ý đến cây đà/cây cột đang che mắt của con ⇔ lỗi/tội lỗi nhỏ/không quan trọng của người khác, nhưng bỏ qua lỗi lầm/tội lỗi lớn/quan trọng của chính mình}?/! **4** ^{CH}{Hay làm thế nào con

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Câu 33 (cũng như với phần còn lại của bài giảng của Chúa Giê-su) nói về làm cách nào để sống như là dân sự của Đức Chúa Trời, không phải về cách trở nên con dân của Đức Chúa Trời.

⁵⁴¹**6:33** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “của Đức Chúa Trời” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và BDY) **không** có mà chỉ hàm ý.

⁵⁴²**6:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**công chính**” ở trong Ma 5:6, 10, 20.

⁵⁴³**6:33** “**tất cả những điều ấy**” nói đến các điều được đề cập ở trong câu 31, tức là, mọi thứ bạn cần.

⁵⁴⁴**6:34** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đùng lo lắng**” qua suốt phần này.

⁵⁴⁵**6:34** Chúa Giê-su nói như vậy để nhấn mạnh rằng chúng ta **không** cần phải lo lắng về bất cứ việc gì, kể cả ngày mai, bởi vì Đức Chúa Trời sẽ cung cấp tất cả các nhu cầu của bạn.

⁵⁴⁶**7:1** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta phải đoán xét người khác (hãy xem câu 5), nhưng chúng ta phải làm một cách đúng (cũng hãy xem Giảng 7:24).

⁵⁴⁷**7:2** **Thứ tự** của nhóm từ này trong bản Hy-lạp là: “Với sự đoán xét các con đoán xét (người khác) các con sẽ bị đoán xét (bởi Đức Chúa Trời), và với sự đo lường các con đo lường (người khác) sẽ được đo lường lại cho các con (bởi Đức Chúa Trời).”

⁵⁴⁸**7:3** Một **cây đà/cây cột** không thật sự vừa khít vào trong một con mắt của người ta, Chúa Giê-su đang dùng lối nói thậm xưng/phóng đại để dạy chúng ta thật là sai lầm khi chỉ trích người khác về lỗi/tội lỗi của họ trong khi chúng ta thường mắc phải những lỗi/tội lỗi lớn hơn nhiều. Chúng ta có thể giữ ẩn dụ về cây đà/cây cột và nói: “Tại sao các con lại quan tâm về những lỗi/tội lỗi nhỏ của người khác, nhưng bỏ qua lỗi/tội lỗi nghiêm trọng của chính mình? Đó thật giống như thấy cái dằm trong mắt người khác, nhưng bỏ qua cây đà/cây cột trong chính mắt của mình!”

có thể/dám bảo anh em/người lân cận của con: ^{NGT}“Hãy để tôi lấy cái dầm ra khỏi mắt anh, trong khi <hãy nhìn> có một cây đà/cây cột đang che con mắt của chính con?/! ⇔ Con không nên giúp đỡ lầm lỗi/tội lỗi nhỏ của người khác khi chính con có nhiều lầm lỗi/tội lỗi lớn/tệ hơn!” 5 ⁵⁴⁹{Hỡi những kẻ đạo đức giả! ⇔ Khi/nếu các người làm như vậy, các người đang làm điều mà tôi tố giả mạo của Đức Chúa Trời sẽ làm!} {Trước hết hãy lấy cây đà/cây cột ra khỏi con mắt của chính mình ⇔ Trước hết hãy sửa chữa/đối phó với lỗi lầm/tội lỗi lớn/nghiêm trọng của chính mình}, <và> rồi thì các con sẽ (có thể) thấy (rõ đủ) {để lấy cái dầm ra khỏi mắt anh em của con ⇔ có thể giúp người khác sửa chữa/đối phó với lầm lỗi/tội lỗi nhỏ của họ}.”

7:6 Hãy Cẩn Thận Với Sứ Điệp Về Nước/Sự Cai Trị Của Đức Chúa Trời

6 (Sau đó Chúa Giê-su phán:) “{Đừng quăng vật gì ⁵⁵⁰thánh khiết cho ⁵⁵¹chó và đừng quăng hạt trai trước mặt heo, hay ^{GTK552}chúng sẽ đạp/bước lên trên <với chân của chúng> và rồi quay lại tấn công các con. ⇔ Đừng nói về sứ điệp của Đức Chúa Trời cho những người không muốn nghe. Nếu con làm như vậy, thì giống như quăng đồ thánh khiết cho chó, hay giống như quăng hạt trai trước mặt heo. Chúng sẽ chỉ đạp lên và rồi tấn công các con. ⇔ Đừng kể/chia sẻ sứ điệp/lời của Đức Chúa Trời cho/với những người không muốn nghe hay những người khinh bỉ lời Chúa, nếu không chúng sẽ không kính trọng Lời Chúa và rồi lại đối xử tệ với các con nữa.}”

⁵⁴⁹ 7:5 Ở đây Chúa Giê-su đang nói với những người đi theo Ngài. Họ sẽ là những người đạo đức giả nếu họ hành xử giống như cách Chúa mô tả. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đạo đức giả**” trong Ma 6:2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Nếu nói “**Hỡi những kẻ đạo đức giả**” mạnh quá, tốt hơn nên nói: “Khi/Nếu các con làm như vậy, các con đang làm điều những kẻ đạo đức giả làm!”

⁵⁵⁰ 7:6 Nhóm từ “**vật gì thánh khiết**” có lẽ ở đây muốn nói đến **thịt** đã được dâng lên cho Đức Chúa Trời như là tế lễ. Bạn có thể chuyển ngữ “**thánh khiết**” là “thuộc về Đức Chúa Trời” hay “được dâng lên cho Đức Chúa Trời” hay “quan trọng với Đức Chúa Trời”.

⁵⁵¹ 7:6 Người Do Thái coi “**chó**” và “**heo**” là “ô uế” hay “không tinh sạch”. Ở đây Chúa Giê-su muốn nói đến những người “ô uế/không tinh sạch” về phần tâm linh bởi vì họ đã từ khước sứ điệp của Đức Chúa Trời và coi nó không có giá trị. Nhiều ngôn ngữ không gọi người ta là chó hay heo, hay nếu họ có gọi, thì nó có một ý nghĩa khác. Nếu bạn giữ ẩn dụ chó và heo, bạn có thể muốn kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây ở trong bản dịch của bạn.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái coi chó và heo là “ô uế/không tinh sạch”. Ở đây chó và heo tượng trưng cho những người “{ô uế ⇔ không tinh sạch}” về phần tâm linh bởi vì họ từ khước sứ điệp của Đức Chúa Trời và coi nó không có giá trị. Các hạt trai và vật thánh khiết tượng trưng cho sứ điệp của Đức Chúa Trời.

⁵⁵² 7:6 Câu 6 bắt đầu bằng một sự nói đôi nên “**chúng**” ở đây có lẽ nói đến cả heo và chó sẽ đạp lên, và quay lại tấn công. Đa số bản dịch theo **thứ tự** của bản Hy-lạp, một số học giả nghĩ rằng câu 6 có một **phần đối**, tức là những phần được sắp xếp với thứ tự khác với thứ tự bình thường. Họ sẽ thay đổi **thứ tự** của câu 6 để cho rõ nghĩa là các con heo “chúng sẽ đạp lên”, và những con chó sẽ “quay lại và tấn công các con”. Về định nghĩa của “**phần đối**” hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này.

7:7-12 {**Hãy Xin Đức Chúa Trời Điều Các Con Cần ⇔
Đức Chúa Trời Sẽ Cung Cấp Các Nhu Cầu Của Các Con**}

Lu-ca 11:9-13

7 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục nói với đám đông và phán:)
 “⁵⁵³{Hãy xin ⇔ Hãy cứ cầu xin} (Đức Chúa Trời điều các con cần), và {nó sẽ được ban
 ⇔ Chúa sẽ ban nó} cho các con. {Hãy tìm/Hãy tìm kiếm ⇔ Hãy cứ đến gần Chúa/Đức
 Chúa Trời} (về điều các con cần) và các con sẽ tìm được/nhận được (nó). ⁵⁵⁴{Hãy gõ ⇔
 Hãy cứ tiếp tục gõ} (cửa của Đức Chúa Trời/Chúa) (để xin Ngài giúp đỡ) và {cửa sẽ được
 (Chúa) mở cho các con (vào) ⇔ Chúa sẽ đón tiếp (và giúp đỡ) các con}. **8** Bởi vì hễ ai xin
 (Đức Chúa Trời một điều gì) ⁵⁵⁵ sẽ được, và hễ ai tìm kiếm (một điều gì từ Đức Chúa
 Trời/Chúa) {sẽ gặp/nhận được (nó) ⇔ sẽ nhận được nó từ Chúa}, và {(cửa của Ngài) sẽ
 mở cho ⇔ Chúa sẽ đón tiếp} bất cứ ai gõ cửa (của Đức Chúa Trời) (xin vào ⇔ xin Chúa
 giúp đỡ). **9** Giả sử một người trong các con có một đứa con/con trai xin ⁵⁵⁶ con ^{NTT} một ít
⁵⁵⁷ bánh mì/thức ăn, ^{CH} con sẽ không cho {nó ⇔ con/con trai của con} một hòn đá (thế vào
 đó), phải không? (Dĩ nhiên là không!) **10** Hay giả sử/nếu con/con trai của con xin (con)
 một con cá (để ăn), ^{CH} con sẽ không cho nó một ⁵⁵⁸ con rắn (thế vào đó), phải không? (Dĩ
 nhiên là không!) **11** Vì vậy, nếu/vì (ngay cả) các con là người gian ác/đầy tội lỗi/ích kỷ

⁵⁵³ **7:7 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các từ “xin”, “tìm kiếm” và “gõ” là ba cách khác nhau để bảo
 chúng ta cầu nguyện.

⁵⁵⁴ **7:7** Theo văn hoá của người Do Thái người ta gõ cửa để yêu cầu được phép bước vào nhà. Trong một số
 địa bàn người ta không gõ cửa hay chỉ có kẻ cướp mới làm như vậy. Trong những địa bàn như vậy có
 lẽ nói như sau đỡ rắc rối hơn: “^{NTT}{Hãy xin mở cửa ⇔ Xin Đức Chúa Trời cho các con vào ⇔ Xin
 Đức Chúa Trời giúp đỡ}”.

⁵⁵⁵ **7:8** Có thể dùng **thì tương lai** trong suốt câu 8 nghe tự nhiên hơn.

⁵⁵⁶ **7:9** Hãy nhất quán trong việc dùng ngôi thứ ba (“của ông ấy”, “ông ấy”, “người ấy”) hay ngôi thứ hai
 (“con”, “các con”) qua suốt các câu 9–10.

⁵⁵⁷ **7:9** Bánh mì và cá (đề cập ở trong các câu 9–10) là những **thức ăn chính** mà các người ở tỉnh Ga-li-lê
 dùng. Chúng **không phải** là thức ăn chỉ cho người giàu có. Nếu trong địa bàn của bạn những thức ăn
 này **không phải** là thức ăn chính, bạn có thể dùng **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Hay bạn có thể nói
 một cách tổng quát hơn như là “thức ăn” hay “một vật gì để ăn”, và có thể để bánh mì và cá trong một
LỜI CHÚ THÍCH với lời giải thích. Hay bạn có thể thay thế “bánh” và cá bằng sự thay thế thích hợp
 với văn hoá của bạn.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bánh mì và cá là thức ăn chính cho người ở Tỉnh Ga-li-lê.
 Chúng không phải là thức ăn mà chỉ có người giàu có mới ăn.

⁵⁵⁸ **7:10** Trong một số địa bàn người ta ăn **rắn**, ngay cả rắn độc. Trong những trường hợp như vậy, có lẽ tốt
 nhất là chuyển ngữ sát từng từ một và kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Một vài ủy ban chuyển
 ngữ có thể quyết định tốt nhất là nên thay thế bằng một sự thay thế thích hợp với văn hoá của bạn, tức
 là, đề cập đến một con vật gì không ăn được, nguy hiểm hay có thể làm hại thí dụ bò cạp. Tuy nhiên,
 nếu người ta phát hiện ra là những bản dịch khác và bản Hy-lạp dùng “rắn” thì họ có lẽ sẽ cho là bản dịch
 của bạn không chính xác và từ khước nó hay không? Khi thay thế bằng sự thay thế thích hợp với văn
 hoá **phải chắc chắn** thử với nhiều nhóm người khác nhau để biết chắc là nó sẽ được chấp nhận.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo Kinh Luật của người Do Thái rắn được coi là “{ô uế ⇔
 không tinh sạch}” (Lê-vi Ký 11:42). Vì vậy người Do Thái không bao giờ ăn hay mời ai ăn rắn.

{còn biết cho những điều tốt ⇔ muốn chỉ cho những điều tốt} cho con cái của các con, (chắc chắn Đức Chúa Trời) Cha nhân lành/rộng lượng (ở) trên Thiên Đàng {(biết) cho các điều tốt còn hơn các con nữa ⇔ (muốn) cho những điều tốt còn hơn cả các con nữa} cho {những người ⇔ dân sự của Ngài} xin Chúa (điều họ cần)!

12 “<Vì vậy,> {các con muốn người ta đối xử với con như thế nào, hãy đối xử với người ta như vậy ⇔ luôn luôn đối xử với người ta/người khác cùng một cách các con muốn họ đối xử với các con}, bởi vì (nguyên tắc) đó tóm tắt điều ⁵⁵⁹{Kinh Luật (của Đức Chúa Trời) và Kinh Tiên Tri (của Chúa) ⇔ tất cả những điều Kinh Thánh} (bảo các con/chúng ta làm).”

7:13-14 {⁵⁶⁰**Con Đường/Cổng/Lối Đi Hẹp Và Đường/Cổng/Lối Đi Rộng ⇔ Hãy Đi Vào Cổng Hẹp**}

Lu-ca 13:24

13 (Rồi Chúa Giê-su kể ⁵⁶¹một câu chuyện ngụ ngôn/minh họa cho đám đông, Ngài phán:) “{Các con hãy vào cổng/lối vào hẹp (dẫn đến sự sống đời đời) ⇔ Hãy vào (Thiên Đàng) qua cổng/lối vào hẹp}, bởi vì ⁵⁶²cổng/lối đi vào dẫn đến {sự hủy diệt/trừng phạt (đời đời) ⇔ ⁵⁶³Địa Ngục} (thì) rộng và con đường (dẫn đến đó) (thì) {rộng rãi ⇔ dễ đi},/. và/Vì vậy có nhiều người {vào cổng đó ⇔ đi theo con đường đó}. **14** (Nhưng) cổng/lối đi vào dẫn đến sự sống (đời đời) (thì) rất hẹp và con đường dẫn đến đó thì {hẹp ⇔ khó đi},/. và/Vì vậy có ít người {tìm được (đường/cổng) đó ⇔ chọn đi con đường đó ⇔ chọn đi qua cổng/lối đi đó}.”

7:15-20 {**Hãy Đề Phòng ⇔ Chớ Bị Lừa Dối Bởi** ⁵⁶⁴**Tiên Tri Giả**}

Lu-ca 6:43-44

15 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói với đám đông:) ⁵⁶⁵“<[Và]> {hãy đề phòng ⇔ chớ để bị lừa dối bởi} {các tiên tri giả ⇔ những người tuyên bố/giả bộ làm

⁵⁵⁹ **7:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Kinh Luật và Kinh Tiên Tri” nói đến toàn thể Cựu Ước.

⁵⁶⁰ **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong câu chuyện ngụ ngôn về cổng/lối đi/đường hẹp ở đây đi thể hiện việc có đức tin trong Chúa Giê-su và sống theo ý chỉ của Đức Chúa Trời. Cổng/lối vào/đường rộng thể hiện một đời sống, sống theo bản năng của tội lỗi.

⁵⁶¹ **7:13** Có thể cần có **thông tin hàm ý** này để làm cho rõ ràng là Chúa Giê-su **không** nói theo nghĩa đen. Hãy xem Ma 13:1 về **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “**ngụ ngôn**”.

⁵⁶² **7:13** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su muốn nói đến một **cái cổng** ở đâu hay cuối con đường/lối đi—Chúa Giê-su không nói rõ cái cổng ở đâu. Tuy nhiên, nhiều học giả cho rằng cái cổng và con đường là hai cách nói tượng hình để nói đến cùng một điều/một khái niệm.

⁵⁶³ **7:13** Hãy xem Ma 5:22 về **LỜI CHÚ THÍCH** của “**Địa Ngục**”.

⁵⁶⁴ **(Tiểu Đề)** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**tiên tri giả**” trong câu 15.

⁵⁶⁵ **7:15** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**Và**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có từ đó.

tiên tri của Đức Chúa Trời (nhưng thật sự là không phải)},/.⁵⁶⁶ {là những người ⇔ Họ đến với các con}⁵⁶⁷ {đội lột chiên ⇔ hành động ngây thơ/tử tế như những con chiên ⇔ hành động như những bạn hữu và giáo sư từ Đức Chúa Trời} {nhưng bên trong họ ⇔ nhưng họ} (thật) là (gian ác/phá hoại như)⁵⁶⁸ chó sói hung dữ/đói. **16** Các con sẽ (có thể) nhận ra/biết {họ ⇔ rằng họ là tiên tri giả ⇔ rằng họ không thật sự là tiên tri của Đức Chúa Trời} do/bởi {trái/những việc làm của họ ⇔ những việc (gian ác) họ làm}.^{CH569} Người ta/Các con không/không thể hái (trái tốt/ăn được)⁵⁷⁰ như nho từ (các bụi cây xấu/vô dụng như) bụi gai {hay ⇔ và các con không/không thể hái} (trái tốt/ăn được như) vả từ (bụi cây xấu/vô dụng như) chà chuôm,⁵⁷¹ (phải không)? (Dĩ nhiên là không!) **17** Cũng như vậy,⁵⁷² mọi/chỉ cây (ăn trái) tốt sanh/sản xuất trái tốt/ăn được và (mọi/chỉ)^{GTK573} cây vô

⁵⁶⁶ **7:15** Để làm cho rõ ý hơn bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây cho thấy là **tất cả** các tiên tri giả, **không phải** chỉ nhất định là loại nào, đều ngụy trang khi đến với người ta.

⁵⁶⁷ **7:15** “**đến với các con trong lớp áo/da chiên**” là một thành ngữ có nghĩa là “đến với các con hành động ngây thơ như chiên”. Thành ngữ trên **không** có nghĩa rằng họ mặc áo làm bằng da chiên. Nếu trong địa bàn của bạn không có **chiên**, bạn có thể kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** về chúng. Hay bạn có thể để thành ngữ này trong một **LỜI CHÚ THÍCH** và dùng một sự thay thế thích hợp với văn hóa, tức là, nói đến một con vật được coi là ngây thơ và nhẹ nhàng.

⁵⁶⁸ **7:15** Nếu trong địa bàn của bạn **không có chó sói**, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Hay bạn có thể nói: “thú hoang dữ gọi là chó sói” hay chỉ nói là “thú dữ”. Hay bạn có thể thay thế bằng một sự thay thế thích hợp với văn hóa, tức là, nói đến một con thú hoang dữ tợn/nguy hiểm trong địa bàn của bạn mà nó sẽ giết và ăn thịt những con vật như con chiên. Tuy nhiên, hãy xem câu 10 về lời cảnh giác trong việc dùng một sự thay thế thích hợp với văn hóa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nhiều người Do Thái sống bằng nghề chăn chiên. Chó sói là một loài thú hoang (cùng giống với chó, nhưng lớn hơn) đi và săn mỗi từng đám với nhau. Chúng ăn thịt những con vật khác và thường hay tấn công đàn chiên. Chúng nổi tiếng hung dữ, mạnh bạo.

⁵⁶⁹ **7:16** Trong bản Hy-lạp dùng đại từ “**Họ**” ở đây. Nó đề cập đến người một cách tổng quát, **không phải** các tiên tri giả được đề cập trước đó. Vì trọng tâm của đoạn kinh văn là về các cây và trái của chúng, bạn có thể nói: “Bụi gai không sanh ra trái nho, và cây chà chuôm/tật lê không sanh ra trái vả, (phải không)?”

⁵⁷⁰ **7:16** Có thể tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu này và nói: “Họ/người ta không/không thể hái (trái tốt/ăn được như) nho **hay** vả từ (những cây xấu/vô dụng như) bụi gai **hay** chà chuôm, (phải không)?” Nếu trong địa bàn của bạn không có nho, trái vả, bụi gai và chà chuôm, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Hay bạn có thể chỉ nói tổng quát: “Họ/Người ta không/không thể hái trái **tốt/ăn được** từ những cây gai **xấu/vô dụng**.” Hay bạn có thể thay thế cho thích hợp với văn hóa, tức là, nói đến những **trái cây** được coi như là trái **tốt/ăn được** và **các cây** được coi như là **xấu/vô dụng**. Tuy nhiên, **hãy chắc chắn** là người ta sẽ chấp nhận **những thay thế cho thích hợp với văn hóa** này như những vật có thể nói đến trong Kinh Thánh, để cho bản dịch của bạn được coi là chính xác và **không** bị từ khước. Có thể để nguyên văn ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nho và trái vả là những trái cây thường được người Do Thái ăn. Bụi gai và chà chuôm là nan đề thông thường của các nông dân cố gắng thu lượm hoa mầu.

⁵⁷¹ **7:16** **Câu hỏi tu từ** này gọi sự chú ý đến một vật mà mọi người đều biết. Câu trả lời của câu hỏi này là “Không, họ không/không thể được.” Có thể dùng một lời tuyên bố cho rõ ràng hơn: “(Tất cả mọi người đều biết) các con không thể hái (trái tốt/ăn được như) trái nho từ (các bụi cây xấu/vô dụng như) bụi gai...!”

⁵⁷² **7:17** Bạn có thể **tổng hợp** các câu 17 và 18: “Cũng giống như vậy, mọi cây tốt sanh/sản xuất trái tốt/ăn được. Thật ra, nó không thể sanh/sản xuất ra trái xấu/độc hại/không ăn được. Và (mọi) cây xấu/hư xấu sanh/sản xuất ra trái xấu/độc hại/không ăn được. Nó không thể sanh/sản xuất ra trái tốt/ăn được”

giá trị/độc sanh/sản xuất trái xấu/không có giá trị/độc hại/không ăn được. **18** Một ⁵⁷⁴ cây tốt {không thể ⇔ không} sanh/sản xuất ra trái {xấu ⇔ không có giá trị ⇔ độc hại ⇔ không ăn được}, và một cây {xấu ⇔ không có giá trị} không sanh/sản xuất trái tốt/ăn được. **19** Cây nào không sanh/sản xuất trái tốt/ăn được sẽ bị (người chủ/người trồng) đốn xuống và {ném vào trong lửa (và đốt) ⇔ bị đốt}. (Các tiên tri giả cũng sẽ bị Đức Chúa Trời trừng phạt giống như vậy.) **20** {Thế thì, ⇔ (Giống như các con có thể xét đoán/nhận ra cây tốt hay cây xấu bằng cách nhìn trái nó sanh ra,) nên} ⁵⁷⁵ các con sẽ (có thể) nhận ra/biết {họ ⇔ ⁵⁷⁶ những tiên tri giả} từ/bởi {trái/những việc làm của họ ⇔ những việc (gian ác) họ làm}.”

7:21-23 Đức Chúa Trời Sẽ Trừng Phạt Các Môn Đệ Giả Của (Chúa) Giê-su

Lu-ca 13:25-27

21 (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ đám đông và phán:) “Không phải kẻ nào (tiếp tục) {nói với Ta: ^{NGT577} ‘Chúa/Thầy, Chúa/Thầy,’ ⇔ gọi Ta là Chúa/Thầy của họ} ^{GTK578} {sẽ vào Nước Thiên Đàng ⇔ sẽ vào Thiên Đàng là nơi Đức

⁵⁷³ **7:17** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “cây xấu” muốn nói đến một cây bị bệnh hay hư mục. Tuy nhiên, có lẽ muốn nói đến một cây được coi như là **không có giá trị** bởi vì, giống như các bụi gai và chà chuôm được nói đến ở trong câu 16, nó **không** sanh trái mà người ta có thể ăn được.

⁵⁷⁴ **7:18 LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Các cây tốt đại diện cho các môn đệ của Chúa Giê-su và trái tốt đại diện cho sự vâng lời Đức Chúa Trời của họ. Cây xấu đại diện những người không phải là môn đệ của Chúa Giê-su, đặc biệt là những tiên tri giả trong ngữ cảnh này, và trái xấu tượng trưng cho hành động gian ác của họ. Lửa tượng trưng cho địa ngục. Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các tiên tri giả trong Địa Ngục.

⁵⁷⁵ **7:20** Phần còn lại của câu 20 **giống như** câu 16.

⁵⁷⁶ **7:20** Hãy nhất quán về cách bạn chuyển ngữ “**các tiên tri giả**” trong các câu 15, (16, 19) và tiêu đề.

⁵⁷⁷ **7:21** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là (“*kurios*”) có nghĩa là “**Chủ**” hay “người có toàn quyền điều khiển”. Từ này được dùng để gọi một người một cách **rất là kính trọng**. Trong bản Hy-lạp từ này có thể được dùng để gọi Đức Chúa Trời, Chúa Giê-su, các thiên sứ hay con người. Một số các ngôn ngữ có một từ tương tự (giống như “**Chúa/Chủ**”) có thể dùng cho tất cả những nhân vật kể trên. Tuy nhiên, nhiều ngôn ngữ đòi hỏi phải dùng từ khác nhau để gọi Chúa, Chúa Giê-su, thiên sứ hay con người. Điều này có thể làm cho khó chuyển ngữ, bởi vì khi người ta gọi Chúa Giê-su là “*kurios*”, **không phải** lúc nào cũng có ý là họ muốn coi Chúa hơn là một con người (tức là, **Chúa** của họ) hay họ chỉ muốn gọi Chúa như một người được kính trọng (thí dụ “**Ngài**”). Tuy nhiên, người Do Thái **không** nghĩ rằng Đấng Cứu Thế là Đức Chúa Trời (đó là lý do không ai trả lời Chúa Giê-su ở trong Ma 22:41–46), vậy ngay cả môn đệ của Chúa Giê-su **không** hiểu rằng Chúa là Đức Chúa Trời cho đến khi Ngài sống lại từ trong kẻ chết (Giăng 20:28). Vì vậy đối với ngôn ngữ không có từ riêng để gọi Đức Chúa Trời, có lẽ tốt nhất là **không** dùng để gọi Chúa Giê-su cho tới sau khi Ngài đã sống lại. Trong bản Hy-lạp “**Chúa**” được lập lại ở đây để cho thấy sự **thành thật**. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không lập lại để tỏ sự thành thật được, tốt hơn là chỉ nên dùng từ ấy một lần thôi. Trong một số ngôn ngữ có thể cần phải nói Chúa **của ai** giống như là nói “**Chúa của tôi**”.

⁵⁷⁸ **7:21** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**sẽ vào Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**” có nghĩa là: “...sẽ đi vào Thiên Đàng nơi Đức Chúa Trời cai trị”, vì đó là điều đoạn kinh văn kế tiếp nói đến. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng đoạn kinh văn nói đến một cách tổng quát và có nghĩa là: “...sẽ được Đức Chúa Trời cai trị”. Hãy xem Ma 3:2 về **LỜI CHÚ THÍCH** của “**Nước Thiên Đàng**.” Hãy

Chúa Trời cai trị ⇔ sẽ được Đức Chúa Trời cai trị/hướng dẫn}, chỉ có những người đang làm theo/vâng theo {ý muốn của Cha Ta (ở) trên Thiên Đàng ⇔ điều (Đức Chúa Trời) Cha Ta ở Thiên Đàng muốn} ^{GTK} (sẽ vào Nước của Ngài ⇔ sẽ vào thiên đàng nơi Chúa cai trị ⇔ sẽ được Chúa cai trị/hướng dẫn). **22** ^{GTK579} {Trong ngày đó ⇔ Trong Ngày Đoán Xét đó ⇔ Vào ngày Đức Chúa Trời xét đoán tất cả mọi người} nhiều (người) (là những người không làm theo ý Chúa) sẽ nói với Ta: ⁵⁸⁰ {Chúa! Chúa! ⇔ Thầy! Thầy!} (Chắc chắn Chúa biết/nhớ chúng con!) ^{CH581} Không phải chúng con {nói tiên tri ⇔ giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời} (cho người ta/những người khác) {trong/dùng/nhân danh/thẩm quyền/quyền năng của Chúa ⇔ như là người đại diện cho Chúa}, và (không phải là chúng con) ^{NTT} đuổi/trừ {các quỷ ⇔ các tà linh} ra khỏi (người ta) {trong/dùng/nhân danh/thẩm quyền/quyền năng của Chúa ⇔ như là người đại diện cho Chúa}, và (không phải là chúng con) làm nhiều {phép lạ ⇔ làm những việc đầy quyền năng} ⁵⁸² {trong/dùng/nhân danh/thẩm quyền/quyền năng của Chúa ⇔ như là người đại diện cho Chúa sao? (Chúa biết chúng con đã làm những điều ấy!)} **23** {<V> rồi ⇔ Nhưng} Ta sẽ bảo thẳng chúng rằng: ^{NGT} {Ta chưa bao giờ ⁵⁸³ biết các người! ⇔ Các người không phải là môn đệ của Ta! ⇔ Ta không có quan hệ gì với các người!} Hãy tránh xa Ta, ⁵⁸⁴ {những người làm việc cho sự vô luật pháp/gian ác/tội lỗi ⇔ những người gian ác!}! ”

xem Ma 1:19 về **LỜI CHÚ THÍCH** nói đến điều phải làm khi các học giả có những **sự giải thích khác nhau**.

- 579** **7:22** Nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có ý tổng quát. Nó có thể có nghĩa là “vào **Ngày đó**” hay “vào **thời gian đó**”. Nhóm từ này muốn nói đến ngày hay lúc mà Đức Chúa Trời sẽ xét đoán mọi người. Đa số các bản dịch (và BDM, BDC, BCG, BDY) đều dùng “vào **Ngày đó**”.
- 580** **7:22** Nếu trong ngôn ngữ của bạn lập lại “**Chúa**” hai lần nghe không được tự nhiên, tốt hơn có thể nói: “**Chúa/Thầy**”. Hãy nhất quán với cách bạn dịch trong câu 21, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đây.
- 581** **7:22** Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng **câu hỏi tu từ** ở đây không thích hợp, bạn có thể dùng cách nói của câu tuyên bố trong suốt câu 22. Thí dụ, bạn có thể nói: “Chúng tôi nói tiên tri (cho người ta/người khác) trong/dùng/nhân danh/thẩm quyền/quyền năng của Chúa, và chúng tôi ^{NTT} đuổi/trừ quỷ ra khỏi ...”
- 582** **7:22** Cho một số ngôn ngữ có thể chỉ nhắc đến “**trong danh của Ngài**” một lần trong câu 22 nghe tự nhiên hơn là nhắc lại 3 lần. Thí dụ, bạn có thể nói: “Chúa/Thầy, không phải là trong danh/thẩm quyền/quyền năng của Ngài mà chúng tôi đã nói tiên tri, và đuổi/trừ các quỷ ra khỏi người ta và làm nhiều phép lạ khác sao?” Hay bạn có thể nói: “Chúa/Thầy, chúng tôi đã dùng danh/thẩm quyền/quyền năng của Ngài để {nói tiên tri ⇔ giảng sứ điệp của Đức Chúa Trời} (cho những người khác) và ^{NTT} đuổi/trừ ma quỷ ra khỏi người ta và làm nhiều {phép lạ khác ⇔ việc làm đầy quyền năng}!”
- 583** **7:23** Nhóm từ “**Ta chưa bao giờ biết các người!**” được các giáo sư Do Thái dùng để đuổi một người. Nhóm từ này có nghĩa là “Ta không có quan hệ gì với các người!” Nó **không** có nghĩa là: “Ta không biết tên của người!”
- 584** **7:23** Có thể tự nhiên hơn nếu dùng cách gọi đích danh ở đầu câu đối thoại này: “(**hỡi những kẻ**) làm việc cho sự vô luật pháp.”

7:24-29 ⁵⁸⁵{**Câu Chuyện Ngụ Ngôn Về Hai Người Xây Nhà ⇔ Hãy Giống Như Người Xây Nhà Khôn Ngoan ⇔ Hãy Lắng Nghe Lời Dạy Dỗ Của Chúa Giê-su Về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**}

Lu-ca 6:47-49

24 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói với ⁵⁸⁶đám đông:) “VẬY THÌ, HỂ AI {nghe/hiểu ⇔ lắng nghe} {những lời Ta nói ⇔ những lời ta đang nói/dạy dỗ} và {làm theo/vâng lời ⇔ vâng lời Ta} ⁵⁸⁷{sẽ/thì giống như ⇔ [Ta sẽ so sánh người với]} một người khôn ngoan xây nhà mình ⁵⁸⁸{trên một tảng đá (để làm cho nó đứng vững) ⇔ trên một nền đá ⇔ với một nền vững chắc}, **25** thế nên (ngay cả) (khi) {mưa xuống ⇔ trời mưa} (nhiều) và {nước lụt tới ⇔ các sông ngập nước} và gió <thổi và ^{GTK589}chúng> rơi xuống/đánh vào nhà của người ấy, <và> nó {không sập xuống ⇔ đứng vững vàng}, bởi vì {nhà được xây trên nền đá ⇔ nhà có một nền vững chắc}. **26** Nhưng hể ai nghe/hiểu {những lời này của Ta ⇔ lời ta đang nói/dạy dỗ}, nhưng không {làm theo/vâng lời ⇔ vâng lời Ta} sẽ/thì giống như một người dại dột xây nhà mình trên {cát ⇔ đất cát ⇔ nền xấu}/. **27** {thế nên (khi) ⇔ Khi} {mưa xuống ⇔ trời mưa} (nhiều) và {nước lụt tới ⇔ các sông ngập nước} và gió <thổi và ^{GTK590}chúng> đánh vào nhà của người ấy, <và> nhà sập xuống và {bị sập hết ⇔ bị hoàn toàn hư hại}.”

⁵⁸⁵ **(Tiểu Đề)** Hãy coi lại tất cả các **tiểu đề** trong bài giảng trên núi của Chúa Giê-su trong các đoạn 5–7. Hãy quyết định xem một số, hay tất cả, hay không có tiểu đề nào sẽ bắt đầu bằng “Chúa Giê-su Dạy Về ...” Hãy chắc chắn là tất cả các tiểu đề thích hợp với chủ đề mà Chúa Giê-su đang dạy dỗ các môn đệ của Ngài về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời.

⁵⁸⁶ **7:24** Hãy coi lại **cách bạn bắt đầu** mỗi tiêu đoạn của bài giảng trên núi của Chúa Giê-su trong các đoạn 5-7. hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong 5:2, 13, 27.

⁵⁸⁷ **7:24** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có “**sẽ/thì giống như**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số) có “**Ta sẽ so sánh người với**” thay vào đó.

⁵⁸⁸ **7:24** Nếu việc đề cập đến **phương cách xây nhà** này không phải là cách mà đồng hương trong địa bàn của bạn dùng để xây nhà cho chắc chắn, hay nếu nó có vẻ như là đề nghị đọc giả thay đổi cách họ xây nhà, có lẽ tốt hơn nên nói một cách tổng quát như là: “...xây nhà của người ấy trên một nền vững chắc”. Có thể nói một cách khác cho thích hợp với văn hóa như là: “...đào lỗ sâu và đóng cọc sâu xuống...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong câu chuyện ngụ ngôn này đá tảng tượng trưng cho việc vâng theo lời dạy dỗ của Chúa Giê-su (ý muốn của Đức Chúa Trời) và cát tượng trưng cho sự không vâng lời. Mưa, lụt và gió tượng trưng cho những khó khăn của cuộc sống và sự đoán xét của Đức Chúa Trời.

⁵⁸⁹ **7:25** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**chúng rơi xuống/đánh vào**” chỉ nói đến mưa là danh từ số nhiều ở trong bản Hy-lạp. Tuy nhiên, những người khác nghĩ rằng nó muốn nói đến mưa, lụt và gió. Điều này có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất, vì nếu không kể tới thì không có lý do gì nói đến mưa hay lụt cả.

⁵⁹⁰ **7:27** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**chúng**” trong câu 25.

28 <Và sau đó> khi (Chúa) Giê-su (nói/dạy) xong những lời đó (cho) ⁵⁹¹{nhiều đám đông ⇔ một đám đông lớn ⇔ tất cả mọi người}, họ {ngạc nhiên bởi ⇔ hoàn toàn kinh ngạc bởi} ^{GTK592}{sự dạy dỗ của Ngài ⇔ cách/điều Chúa dạy họ}, **29** bởi vì Chúa ⁵⁹³{dạy dỗ ⇔ đã dạy dỗ} họ giống như (một người) có ⁵⁹⁴thẩm quyền (lớn) (để nói điều Chúa nói),/. {và không ⇔ Chúa không dạy} giống như ⁵⁹⁵các chuyên gia Kinh Luật (Do Thái) ⁵⁹⁶(là người không dạy với thẩm quyền như vậy).

8:1-4 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Một ⁵⁹⁷{Người Phung ⇔ Người Bị Bệnh Cùi}

Mác 1:40-45; Lu-ca 5:12-16

8 1 ⁵⁹⁸<Sau đó> trong khi (Chúa) Giê-su từ trên ^{GTK599}núi/đồi đi xuống, ^{GTK600}{nhiều đám đông ⇔ một đám đông lớn ⇔ rất nhiều người} đi theo Ngài. **2** Rồi ⁶⁰¹<hãy nhìn>/kìa}, có một ⁶⁰²{người cùi ⇔ người bị bệnh cùi} đến với (Ngài/(Chúa) Giê-su), quỳ trước mặt Ngài (một cách kính trọng), (và) nói (với Ngài): “^{GTK603}{Lạy Chúa (của tôi) ⇔

⁵⁹¹ **7:28** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**nhiều đám đông**” trong Ma 5:1, cùng là những người được nói đến ở đây.

⁵⁹² **7:28** “**Sự dạy dỗ của Ngài**” có thể đề cập đến “cách Ngài dạy” hay “điều Ngài đã dạy”, hay cả hai.

⁵⁹³ **7:29** Vì Chúa Giê-su đã hoàn tất xong việc dạy dỗ, bạn có thể nói “**đã dạy**” ở đây.

⁵⁹⁴ **7:29** Các chuyên gia Kinh Luật có **thẩm quyền** để dạy người ta, nhưng Chúa Giê-su có thẩm quyền **lớn hơn**.

⁵⁹⁵ **7:29** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**các chuyên gia Kinh Luật**” ở **Ma 2:4**.

⁵⁹⁶ **7:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyên gia Kinh Luật sẽ dạy Kinh Thánh bằng cách trích dẫn các quan niệm của những người khác/các giáo sư về ý nghĩa của đoạn kinh văn. Tuy nhiên, Chúa Giê-su đã dạy Kinh Thánh một cách trực tiếp không phải đề cập đến quan niệm của các người khác.

⁵⁹⁷ **(Tiểu Đề) LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bệnh cùi có thể là một trong những bệnh ngoài da dễ sợ/kinh khủng/rất lây lan. Người bị bệnh cùi về phần lễ nghi tôn giáo họ bị coi như là ô uế/không tinh sạch. Điều đó có nghĩa là họ không thể sống hay ngay cả thờ phượng Đức Chúa Trời với những người không bị bệnh khác. Bất cứ người nào đụng đến người cùi cũng bị coi là “ô uế/không tinh sạch” (Lê-vi Ký 5:3). Những người cùi sống thành một cộng đồng xa lánh hẳn những người khác. Các luật lệ quan hệ đến bệnh cùi được tìm thấy ở trong Dân Số 5:1-3, Lê-vi Ký 13-14 và Phục Truyền 24:8. Những người Do Thái coi việc chữa lành bệnh cùi cũng khó như là kêu người chết sống lại (Dân Số 12:10-13; 2 Các Vua 5:7)—chỉ có Đức Chúa Trời mới chữa lành được cho người cùi.

⁵⁹⁸ **8:1** Vì câu này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “(Khi Chúa Giê-su giảng/dạy xong,) Ngài từ núi/đồi đi xuống và ...” Hay giản dị là: “Rồi Chúa Giê-su từ núi/đồi đi xuống...”

⁵⁹⁹ **8:1** Hãy nhất quán trong việc chuyển ngữ “**núi/đồi**” trong Ma 5:1.

⁶⁰⁰ **8:1** Nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “nhiều đám đông” (BDY) hay “một đám đông lớn” (BDM, BDC, BCG). Điểm chính ở đây là nhiều người đi theo Chúa Giê-su. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ điều này ở trong Ma 4:25.

⁶⁰¹ **8:2** Dựa trên điều được nói ở trong **LỜI CHÚ THÍCH** trong tiểu đề, người ta **ngạc nhiên** khi thấy người cùi này có can đảm đi tới giữa đám đông.

⁶⁰² **8:2** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**bệnh cùi**” ở trong tiểu đề.

⁶⁰³ **8:2** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Chúa**” trong Ma 7:21-22, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** quan trọng ở đây. Trong ngữ cảnh này, người cùi có lẽ **không** biết rằng mình đang nói chuyện với Đức Chúa Trời.

(Thưa) Thầy}, (tôi biết rằng) nếu Ngài muốn/đồng ý ⁶⁰⁴(làm ⇔ giúp tôi), Ngài có thể ⁶⁰⁵{làm cho tôi sạch ⇔ chữa lành cho tôi} ((để tôi có thể sống với những người khác và đi thờ phượng Đức Chúa Trời với họ trong ⁶⁰⁶đền thờ)). ⁶⁰⁷(Xin hãy làm cho tôi sạch! ⇔ Xin hãy chữa lành cho tôi!)” 3 Sau đó, ⁶⁰⁸(mặc dù mọi người khác tránh không sờ đến những người bị bệnh cùi,) ⁶⁰⁹[(Chúa) Giê-su/Chúa] giơ/đưa tay ra, ⁶¹⁰đụng đến người (và) phán: “Ta muốn (làm cho con sạch ⇔ chữa lành cho con). {Hãy ⇔ Ta khiến con} lành bệnh.” <Và> lập tức {bệnh cùi biến mất ⇔ ông ta được sạch/chữa lành khỏi bệnh cùi (bởi Chúa Giê-su) ⇔ ông không còn bị bệnh cùi nữa}. 4 Sau đó (Chúa) Giê-su bảo ông ta: “{Này ⇔ Hãy nhớ} đừng nói với ai (về việc này hết ⇔ về con đã được chữa lành như thế nào), nhưng hãy đi (đến đền thờ ở Giê-ru-sa-lem) (và) {trình diện với một ⁶¹¹thầy tế lễ ⇔ ^{NTT} để một thầy tế lễ khám xét con} ⁶¹²(chứng nhận/xác nhận rằng con đã được sạch/chữa lành/khỏe mạnh),/. ⁶¹³<và>/Rồi thì ^{NTT}⁶¹⁴(xin ông ta) dâng lễ vật theo như Môi-se đã chỉ dẫn/ra lệnh/đòi hỏi ⁶¹⁵(trong những sách luật pháp của ông), {làm bằng chứng cho ⇔ để

Có lẽ ông ta nghĩ rằng mình đang nói chuyện với một tiên tri của Đức Chúa Trời là người có quyền năng từ nơi Chúa để chữa bệnh.

- ⁶⁰⁴ **8:2** Có thể thay đổi **thứ tự** của câu này và nói như sau nghe có vẻ tự nhiên hơn: “...nếu Ngài muốn/bằng lòng **làm cho tôi sạch/chữa lành cho tôi**, Ngài có thể làm được điều này.”
- ⁶⁰⁵ **8:2** Bản Hy-lạp dùng “rửa sạch” vì người Do Thái coi những người cùi là “ô uế/không tinh sạch” không dự các nghi lễ được.
- ⁶⁰⁶ **8:2** Hãy xem Ma 4:5 về **LỜI CHÚ THÍCH** để chuyển ngữ “đền thờ”.
- ⁶⁰⁷ **8:2** Người cùi gián tiếp **xin** Chúa Giê-su làm cho ông ta sạch/chữa lành. **Không phải** ông ta chỉ có một lời tuyên bố về khả năng làm việc đó của Chúa Giê-su. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ lời yêu cầu.
- ⁶⁰⁸ **8:3** Thay vì nói rõ về **thông tin hàm ý** này trong đoạn kinh văn, có thể tốt hơn nên kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mọi người đều tránh không đụng đến người cùi để họ không trở nên “ô uế/không tinh sạch” (Lê-vi Ký 5:3). Vì vậy việc Chúa Giê-su đụng đến người cùi ở đây là rất quan trọng.
- ⁶⁰⁹ **8:3** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**Chúa Giê-su**” ở đây (BDM, BDC, BCG dùng đại từ). Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không có**, nhưng chỉ hàm ý. Hãy làm thế nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.
- ⁶¹⁰ **8:3** Nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi bạn phải nói rõ Chúa Giê-su **đụng** đến người đó **ở đâu**, bạn có thể nói là: “...đụng đến (đầu, vai, cánh tay) của người...” hay bất cứ chỗ nào có thể thích hợp để đụng đến được trong trường hợp này.
- ⁶¹¹ **8:4** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**thầy tế lễ**”, “**trưởng tế**” và “**thượng tế**” tại Ma 2:4.
- ⁶¹² **8:4** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp Môi-se, một thầy tế lễ phải tuyên bố là người bệnh được sạch bệnh cùi (Lê-vi Ký 14:2, 3, 11; Phục Truyền 24:8).
- ⁶¹³ **8:4** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “Sau đó (để ông ta ⇔ để thầy tế lễ) dâng...”
- ⁶¹⁴ **8:4** Của tế lễ được dâng bởi **thầy tế lễ**, **không** phải bởi người mang tế lễ đến.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lê-vi Ký 14:1–32 nói về của tế lễ mà người cùi phải dâng khi họ được lành bệnh. Trong thời Chúa Giê-su của tế lễ như vậy phải được thầy tế lễ thiêu ở đền thờ tại Giê-ru-sa-lem.
- ⁶¹⁵ **8:4** **Không** nên làm cho người đọc tưởng Môi-se còn sống ở đây.

cho} ^{GTK616}{họ/mọi người ⇔ các thầy tế lễ/các nhà lãnh đạo} (thấy rằng con đã được sạch/chữa lành/khỏe mạnh).”

8:5-13 {Đội Trưởng ⇔ Một Đại Úy Trong Quân Đội La-mã} Có Đức Tin/Tin Cây Nơ (Chúa) Giê-su

⁶¹⁷Lu-ca 7:1-10

5 ⁶¹⁸<Rồi> sau khi/khi Ngài/Chúa Giê-su đã vào/đến (thành) Ca-bê-na-um, một ⁶¹⁹{đội trưởng ⇔ một đại úy trong quân đội La-mã} đã đến với Ngài (và) ⁶²⁰{nài xin ⇔ cầu khẩn với} Chúa 6 <và nói>: “^{GTK621}{(Thưa) Chúa/Thầy (của tôi) ⇔ (Thưa) Ngài}, đây tở của tôi đang nằm (trên giường) tại nhà (của tôi) {bị bại liệt ⇔ không thể cử động được} (và) đau đớn vô cùng. ⁶²²(Xin vui lòng giúp đỡ tôi/nó. ⇔ Xin vui lòng chữa lành cho nó.)” 7 <Và> ⁶²³Chúa/[Chúa Giê-su] trả lời <ông ta>: “⁶²⁴(Được) {Ta sẽ đến/đi (tới nhà của ông) (và/để) chữa lành cho nó. ⇔ Ta có nên đến (nhà của ông) để chữa lành cho nó?}” 8 Nhưng {đội trưởng ⇔ đại úy} {trả lời ⇔ nói} (Ngài/Chúa Giê-su):

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Môi-se đã chết trước khi Chúa Giê-su được sanh ra hàng mấy trăm năm. Môi-se viết năm sách đầu tiên của Cựu Ước, bao gồm các luật pháp mà Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên để họ vâng theo.

⁶¹⁶ 8:4 Trong bản Hy-lạp đại từ “**họ**” được không được xác định rõ. Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC) nghĩ rằng nó đề cập đến các **thầy tế lễ**, vì trong câu vừa nhắc tới một thầy tế lễ. Tuy nhiên, đại từ số nhiều “**họ**” **không** xứng hợp với “**một thầy tế lễ**”, vậy nên nhiều học giả nghĩ rằng “**họ**” nói đến **các nhà lãnh đạo** của người Do Thái, hay **kẻ thù** của Chúa Giê-su hay nói về **người ta** một cách tổng quát. Mục tiêu (BDY, BCG) là để cho người cùi được chấp nhận trở lại sống với cộng đồng, vậy nên “**mọi người**” có thể thích hợp với ngữ cảnh nhất.

⁶¹⁷ (Tiểu Đề) Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Giăng 4:43–54 kể cùng một câu chuyện với Ma 8:5–13. Tuy nhiên, đa số học giả nghĩ là hai câu chuyện khác nhau.

⁶¹⁸ 8:5 Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Sau khi (Ngài/(Chúa) Giê-su chữa lành cho người cùi,) Chúa vào (thành) Ca-bê-na-um. (Rồi thì) một thầy đội trưởng...” Hay bạn chỉ cần nói một cách giản dị: “Sau đó Chúa Giê-su vào (thành) Ca-bê-na-um và một thầy đội trưởng ...”

⁶¹⁹ 8:5 Một **đội trưởng** là một đại úy trong quân đội La-mã chỉ huy một trăm binh sĩ.

⁶²⁰ 8:5 **Không** nên để người đọc hiểu là đội trưởng xin Chúa Giê-su tiền.

⁶²¹ 8:6 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Chúa**” trong câu 2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁶²² 8:6 Cần nên rõ là đội trưởng đang xin Chúa Giê-su **giúp đỡ** đây tở. Đây tương tự với Ma 8:2.

⁶²³ 8:7 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có “**Chúa Giê-su**” ở đây (và BDM, BCG, BDY) dùng đại từ để chỉ về Chúa Giê-su. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có như vậy, nhưng chỉ hàm ý. Hãy đề cập đến Chúa Giê-su như thế nào để nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁶²⁴ 8:7 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái không đi vào nhà của người ngoại quốc/đạo, nếu không họ sẽ bị coi là “ô uế/không tinh sạch”. Chúa Giê-su nói như vậy để thử đức tin của thầy đội trưởng La-mã/ngoại quốc—xem thầy đội trưởng sẽ cho phép/xin Chúa Giê-su phạm luật của người Do Thái mà đến nhà của ông ta không, hay ông ta sẽ tin rằng Chúa Giê-su có thể chữa lành cho đây tở ông từ đằng xa?

“⁶²⁵*GTK* {(Thưa) Chúa/Thầy (của tôi) ⇔ (Thưa) Thầy}, tôi không {xứng đáng ⇔ quan trọng đủ} để/được Thầy đến {dưới mái nhà của tôi ⇔ vào trong nhà tôi}. Thay vào đó, (Thầy) chỉ {nói một lời ⇔ ra lệnh} (từ đây) ^{NTT} (để ^{GTK} chữa lành cho đây tớ của tôi), và {đây tớ của tôi ⇔ nó} sẽ được lành bệnh. 9 ⁶²⁶ (Tôi biết Thầy có thể làm được,) bởi vì tôi cũng ở dưới quyền của người khác (và tôi) cũng có binh sĩ ở dưới {tôi ⇔ quyền của tôi}. <Và> (khi) tôi bảo/ra lệnh cho một (trong những người lính của tôi): ^{NGT} ⁶²⁷ ‘Hãy đi,’ <và> nó đi/vâng lệnh, và (khi tôi bảo/ra lệnh) cho một người khác: ^{NGT} ‘Hãy đến (với tôi ⇔ đây),’ <và> nó đến/vâng lệnh. <Và> (khi tôi bảo/ra lệnh cho một trong) những ⁶²⁸ nô lệ/đầy tớ của tôi: ^{NGT} ‘Hãy làm (việc) này,’ <và> nó làm.”

10 <Sau đó> khi Chúa Giê-su nghe (điều đó ⇔ lời đội trưởng/đại úy nói), Chúa {ngạc nhiên ⇔ kinh ngạc} và nói với {những người ⇔ đám đông/dân chúng} đi theo Ngài: “⁶²⁹*GTK* {A-men/Phải, Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con ⇔ Thật là ngạc nhiên}, {ngay cả trong ⁶³⁰ nước Y-sơ-ra-ên Ta cũng chưa tìm thấy/gặp được ai (một người) với đức tin/tin cậy nơi Ta (mạnh mẽ) như vậy! ⇔ người này/người ngoại quốc này có nhiều đức tin/tin cậy (nơi Ta) hơn bất cứ ai Ta đã gặp trong (nước/các chi tộc của) Y-sơ-ra-ên!} 11 <Và> Ta bảo các con (trong ⁶³¹ Ngày Đoán Xét ⇔ trong ngày mà Đức Chúa Trời đoán xét tất cả mọi người ⇔ trong lúc mà Đức Chúa Trời đoán xét mọi người) nhiều (người ngoại quốc) sẽ đến từ {phía đông và phía tây ⇔ khắp mọi nơi trên thế giới} ^{TD} ⁶³² {vào trong Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ khi Đức Chúa Trời cai trị (dân của

⁶²⁵ 8:8 Hãy nhất quán về cách bạn chuyển ngữ “Chúa” trong câu 6.

⁶²⁶ 8:9 Bạn có thể nói: “(Tôi biết rằng Chúa có thể điều khiển bệnh tật cũng như cách) tôi điều khiển các binh sĩ của tôi và ^{NTT} bảo/ra lệnh cho một binh sĩ đi ...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ý đội trưởng muốn nói là giống như binh sĩ vâng lệnh ông ta, tất cả các bệnh tật sẽ vâng lời Chúa Giê-su.

⁶²⁷ 8:9 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng **đối thoại gián tiếp** ở đây và nói như sau: “(Khi) tôi bảo/ra lệnh một (trong những binh sĩ của tôi) đi thì nó đi/vâng lệnh, và (khi tôi bảo/ra lệnh) cho một người khác hãy đến (với tôi) thì họ đến/vâng lệnh. (Khi tôi bảo/ra lệnh cho một trong) những nô lệ/đầy tớ của tôi làm việc này/một việc gì đó, thì nó làm.”

⁶²⁸ 8:9 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là (“*doulos*”) có thể chuyển ngữ là “**nô lệ**” hay “**đầy tớ**”, tùy theo ngữ cảnh và/hay ngôn ngữ. Một “*doulos*” được mua bởi một người khác và phải hết lòng phục vụ chủ. Trong một số ngôn ngữ “nô lệ” mang một sự liên kết tiêu cực với tra tấn và đối xử tàn nhẫn. Trong những trường hợp như vậy, tốt hơn nên dùng một từ tích cực hơn như là “đầy tớ”.

⁶²⁹ 8:10 Chúa Giê-su phê bình về đức tin lớn lao của đội trưởng La-mã bày tỏ. Hãy xem Ma 5:18 về **LỜI CHÚ THÍCH** nói về cách chuyển ngữ “A-men”.

⁶³⁰ 8:10 Vì Chúa Giê-su đang so sánh đức tin của người Y-sơ-ra-ên (Do Thái) với đức tin của người ngoại quốc này, bạn có thể chuyển ngữ “**trong Y-sơ-ra-ên**” là “**giữa vòng (dân/người) Y-sơ-ra-ên/Do Thái**”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đức Chúa Trời đã chọn người Y-sơ-ra-ên làm dân sự của Ngài. Vì vậy Chúa Giê-su mong đợi họ có đức tin/tin cậy mạnh mẽ nơi Ngài, nhưng ở đây một người ngoại quốc có đức tin nhiều/mạnh mẽ hơn là bất cứ người Do Thái nào mà Chúa đã gặp.

⁶³¹ 8:11 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Ngày/thời gian**” trong Ma 7:22, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁶³² 8:11 Trong bản Hy-lạp, nhóm từ “**trong Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**” được để cuối cùng của câu 11.

Ngài) (trên thiên đàng) ⇔ trong thiên đàng nơi mà Đức Chúa Trời/Chúa sẽ cai trị (họ) và họ sẽ ngồi ăn/dự tiệc với ((các tổ phụ vĩ đại của chúng ta)) ⁶³³ Áp-ra-ham, <và> Y-sác và Gia-cốp. **12** Nhưng (nhiều) ⁶³⁴ {con trai/con cái của Nước (Đức Chúa Trời) ⇔ những người đáng lẽ được Đức Chúa Trời cai trị ⇔ những người Do Thái ^{TVST} đáng lẽ được thừa hưởng thiên đàng} sẽ bị (Đức Chúa Trời/Chúa) ném ⁶³⁵ vào sự ⁶³⁶ tối tăm ở bên ngoài (thiên đàng), nơi mà (họ sẽ bị trừng phạt đến nỗi) {ở đó sẽ có sự khốc lóc và nghiền răng ⇔ khốc lóc một cách cay đắng và nghiền răng (trong sự đau đớn) ⇔ họ sẽ kêu khóc và chịu đau đớn kinh khủng}.” **13** Sau đó Chúa Giê-su/Chúa phán với {đội trưởng ⇔ vị đại úy}: ⁶³⁷“Ông hãy về đi, vì ông đã tin (rằng Ta/Đức Chúa Trời có thể chữa lành cho đây tớ của ông), ⁶³⁸ {hãy được lành bệnh ⇔ đây tớ của ông đã được chữa lành} (bởi Ta/Đức Chúa Trời) {cho ông ⇔ như ông đã yêu cầu}.” <Và> ^{TD639} vào giờ đó/lúc đó người đây tớ của đội trưởng {được Chúa Giê-su/Đức Chúa Trời chữa lành ⇔ trở nên mạnh khỏe}.

8:14-17 Chúa Giê-su Chữa Lành Cho Nhiều Người

Mác 1:29-34; Lu-ca 4:38-41

14 Rồi Chúa Giê-su đến nhà Phê-rô ((trong thành Ca-bê-na-um)),/. (Tại đó) Chúa thấy bà gia của Phê-rô ⁶⁴⁰ đang nằm (trên giường) <và> bị sốt. **15** <Và>/Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su đụng/nắm tay bà (để chữa lành cho bà), và {con sốt lui đi ⇔ cơn sốt biến mất ⇔ bà hết sốt ⇔ bà khỏe mạnh trở lại}. Vậy nên bà chỗi dậy và (bắt đầu) {hầu hạ ⇔ dọn ⁶⁴¹ (thức ăn) cho} Ngài/(Chúa) Giê-su.

16 <Rồi thì> tối hôm đó, họ/người ta đem nhiều người bị {quỷ ám ⇔ tà linh điều khiển} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (để Chúa cũng chữa lành cho họ nữa). <Và>

⁶³³ **8:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái chỉ ăn với những người họ cho là bạn. Nói rằng người ngoại quốc/đạo sẽ ăn với Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, ba tổ phụ lớn nhất của dân Do Thái, là cách nói rằng người ngoại quốc cũng được hoan nghênh ở trên thiên đàng như là người Do Thái. Người Do Thái coi thường người ngoại quốc, vậy nên họ cho là điều Chúa Giê-su nói trong câu 11 và 12 là tà giáo.

⁶³⁴ **8:12 “các con trai của Nước (Đức Chúa Trời)”** là một thành ngữ nói đến những người thuộc về Nước Đức Chúa Trời, tức là, những người Do Thái là dân sự của Đức Chúa Trời. Nói như vậy bao gồm cả đàn ông lẫn đàn bà, **không phải** chỉ đàn ông.

⁶³⁵ **8:12** Bạn có thể nói: “...**phía ngoài** (của thiên đàng), là nơi **tối tăm** và (họ sẽ bị trừng phạt đến nỗi) ...”

⁶³⁶ **8:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong ngữ cảnh này “sự tối tăm” nói đến Địa Ngục.

⁶³⁷ **8:13 Không** nên chuyển ngữ mệnh lệnh này một cách xằng xớm. Hãy **lễ phép**, bạn có thể cần phải nói: “(Ông có thể) đi về (nhà) ...”

⁶³⁸ **8:13** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “...Ta sẽ làm điều ông yêu cầu.”

⁶³⁹ **8:13** Trong bản Hy-lạp nhóm từ “**vào giờ/lúc đó**” được để ở cuối của câu 13.

⁶⁴⁰ **8:14** Xem cách bạn chuyển ngữ “**đang nằm (trên giường)**” trong câu 6.

⁶⁴¹ **8:15 Không** nên để người đọc hiểu là bà gia của Phê-rô nấu ăn. Chúng ta biết từ Mác 1:21, 29–34 và Lu-ca 4:31, 38–41 rằng Chúa Giê-su đã chữa lành cho bà trong Ngày Sa-bát/Ngày Nghỉ. Như vậy có nghĩa là thức ăn đã được nấu từ ngày hôm trước, vì người Do Thái bị cấm không được làm việc như nấu nướng trong Ngày Sa-bát/Ngày Nghỉ.

Ngài/(Chúa) Giê-su^{NTT642} đuổi/trừ {tà linh ra khỏi (họ) ⇔ chúng ra (khỏi người ta)} <bằng lời nói/mệnh lệnh> và chữa lành cho mọi người khác⁶⁴³ bị đau nặng. 17 Làm như vậy, lời Đức Chúa Trời phán (về Đấng Cứu Thế) (từ ngày xưa) qua tiên tri Ê-sai {được ứng nghiệm ⇔ trở thành sự thật ⇔ đã xảy ra} ông đã nói/viết: “Ngài⁶⁴⁴ {lấy đi ⇔ cất bỏ ⇔ giải phóng chúng ta khỏi} sự yếu đuối/bệnh tật và {mang đi ⇔ chữa lành chúng ta khỏi} các bệnh tật (của chúng ta).” (Ê-sai 53:4)

8:18-22 {Các Môn Đệ Lương Lự Đi Theo Chúa Giê-su
⇔ Sự Hy Sinh Để Đi Theo Chúa Giê-su}

Lu-ca 9:57-62

18 {Sau đó ⇔ Một lần kia},⁶⁴⁵ khi Chúa Giê-su thấy⁶⁴⁶ một đám đông tụ họp chung quanh Ngài, Chúa ra lệnh (cho các môn đệ)^{NTT647} {đi (với Ngài) ⇔ đem Chúa đi (với họ)} (xuống một chiếc thuyền) đi qua bờ bên kia/phía đông (của Biển/Hồ Ga-li-lê ⇔ hồ). 19 <Và> (khi họ sẵn sàng rời khỏi đó,) một thầy chuyên gia Kinh Luật đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (và) nói (với Ngài): “(Thưa) Thầy, tôi sẽ (làm môn đệ của Thầy và) đi theo/với Thầy bất cứ nơi nào Thầy đi.” 20 Nhưng (để xem thử người này thật lòng/thành thật/tận hiến trong việc theo Chúa như thế nào,) (Chúa) Giê-su nói với ông ta:⁶⁴⁸ “Con cáo {có ⇔ sống/ngủ trong} hang và⁶⁴⁹ chim trời (có ⇔ sống/ngủ ở trong) tổ, nhưng {(Ta,⁶⁵⁰ Con Người ⇔ Ta là Đấng đã trở nên con người} không có (ngay cả)⁶⁵¹ {một chỗ để gối

⁶⁴² 8:16 “đuổi/trừ tà linh ra (khỏi họ)” là một thành ngữ có nghĩa là Chúa Giê-su ra lệnh cho các tà linh ra khỏi người ta và chúng rời khỏi người ta. Một số ngôn ngữ khác có những thành ngữ khác để chỉ việc này, hay nói theo một cách khác, thí dụ: “trừ (tà) linh ra khỏi (họ)” hay “bắt buộc tà linh rời (họ)”. Cần nên rõ là các tà linh vâng lời Chúa Giê-su và rời khỏi người ta. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu tương tự ở trong Ma 7:22.

⁶⁴³ 8:16 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “bị đau nặng” trong Ma 4:24.

⁶⁴⁴ 8:17 “lấy đi sự yếu đuối và mang đi các bệnh tật (của chúng ta)” diễn tả cùng một ý bằng hai cách khác nhau để làm tăng sự quan trọng. Không nên để người đọc hiểu lầm là Chúa Giê-su mang bệnh của chúng ta và trở nên đau yếu. Hãy xem Ma 4:23 về LỜI CHÚ THÍCH.

⁶⁴⁵ 8:18 Vì nhóm từ này chứa đựng thông tin mới, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “{Sau đó ⇔ Một lần kia} Chúa Giê-su thấy ...nên Ngài ra lệnh ...”

⁶⁴⁶ 8:18 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “một đám đông lớn/nhiều đám đông” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản thảo chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có “một đám đông” thay vào đó. Đôi khi Ma-thi-ơ dùng các danh từ số nhiều để làm tăng sự quan trọng của điều ông đang nói, vậy nên bạn có thể nói: “một đám đông lớn” hay “nhiều người”.

⁶⁴⁷ 8:18 Hay bạn có thể nói: “... đi băng ngang qua (Biển/Hồ Ga-li-lê ⇔ hồ) (với Chúa).”

⁶⁴⁸ 8:20 Nếu trong địa bàn của bạn không có con cáo, bạn có thể nói một cách tổng quát hơn “thú rừng/hoang”. Hay bạn có thể thay thế bằng một sự thay thế thích hợp với văn hoá của bạn, tức là, nói đến một con thú hoang to bằng một con chó nhỏ và sống trong hang. Một số bản dịch nói đến cùng một thú vật ở trong Ma 7:15.

⁶⁴⁹ 8:20 “chim trời” là một thành ngữ nói đến các loại chim chóc ở ngoài trời.

⁶⁵⁰ 8:20 Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những người nghe Chúa Giê-su hiểu rõ “Con Người” là một tước vị của Đấng Cứu Thế, nhất là những nhà lãnh đạo Do Thái là người hiểu rõ Kinh Thánh.

đầu (để ngủ/ngủ ngơi) ⇔ một chỗ gọi là nhà ⇔ một cái nhà thường trực}, (và nếu con đi theo Ta thì cũng sẽ như vậy).”

21 <Sau đó/Và>, một môn đệ khác ⁶⁵²[của Ngài/(Chúa) Giê-su] nói với Ngài: “^{GTK653}{(Thưa) Thầy (của tôi) ⇔ (Thưa) Ngài}, {trước hết ⇔ trước khi con đến với Chúa,} hãy để cho con ^{GTK654}{về (nhà) và chôn cất cha của con (đã chết/qua đời) ⇔ chờ cho đến sau khi cha của con (chết và) được chôn cất}, (rồi con sẽ đi theo Ngài ⇔ rồi con sẽ làm môn đệ của Ngài).” 22 Nhưng (Chúa) Giê-su {nói với ông ta ⇔ trả lời (bằng cách dùng minh họa)}: ⁶⁵⁵“{Hãy theo Ta ⇔ Hãy làm môn đệ Ta} (bây giờ) và hãy để ⁶⁵⁶{kẻ

Tuy nhiên, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người Do Thái **không** coi đó là một tước vị của Đấng Cứu Thế. Ngoài ra, “Con Người” là một thành ngữ tiếng A-ram mà người ta có thể dùng để nói đến chính mình một cách khiêm tốn. (Hãy xem Danh Sách Các Từ Ngữ về sự giải thích về tiếng A-ram.) Có lẽ đây là cách mà hầu hết những người nghe Chúa nói có thể hiểu được. Theo sự kiện đó, Chúa Giê-su dùng “Con Người” như một tước hiệu để bày tỏ cho các môn đệ của Ngài rằng Chúa chính là Đấng Cứu Thế, nhưng cùng một lúc lại che dấu sự kiện đó với những người từ chối tin nơi Ngài—hãy để ý các câu chuyện ngụ ngôn của Chúa Giê-su có cùng một mục đích tương tự (Ma-thi-ơ 13:10–13). Đối với một số ngôn ngữ, “Con Người” không có ý nghĩa gì cả hay chỉ có ý nghĩa tầm thường, vì tất cả mọi người đàn ông hay đàn bà đều là con của người. Vậy nên tốt nhất là chuyển ngữ từng từ một (giống như tác giả trong bản Hy-lạp đã làm từ tiếng A-ram) và kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích ý nghĩa **đôi** của nó—**hay/và có thể để thông tin đó vào danh sách từ vựng**. Có thể dùng một cách nói khác là “Ta là Đấng **đã trở nên** một người”, cách này có thể giúp để truyền thông rằng Chúa đã hiện hữu trước khi trở nên một con người và Ngài không phải là một người thường. Cần nên **rõ** là Chúa Giê-su đang nói đến chính Ngài khi dùng nhóm từ đó, **không** phải nói về một ai khác. Trong nhiều ngôn ngữ có thể cần phải nói: “(Ta,) Con Người”. Tránh những cách chuyển ngữ làm cho người đọc thấy quá rõ rệt là Chúa Giê-su đang tuyên bố là Đấng Cứu Thế được Đức Chúa Trời sai đến.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Con Người” là một thành ngữ của tiếng A-ram mà người ta có thể dùng để nói đến chính mình một cách khiêm tốn—có nghĩa là “Tôi”. Chúa Giê-su cũng dùng nó như một tước vị cho chính Ngài để tuyên bố một cách kín đáo rằng Chúa là Đấng Cứu Thế. Chúa Giê-su lấy tước vị này từ lời tiên tri về Đấng Cứu Thế ở trong Đa-ni-ên 7:13–14. Có lẽ kẻ thù của Chúa Giê-su chỉ hiểu đây là một cách khiêm tốn để nói đến chính Ngài, nhưng sau này những người theo Chúa hiểu rằng đó là tước vị của Đấng Cứu Thế. Hãy chú ý tước vị này có cùng một mục đích tương tự như các câu chuyện ngụ ngôn của Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 13:10–13).

⁶⁵¹ 8:20 hành ngữ “**một chỗ để gói đầu**” hàm ý rằng Chúa Giê-su đi đây đi đó liên tục để làm việc, vì vậy Chúa không có nhà riêng.

⁶⁵² 8:21 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM) có từ “**Của Chúa**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo Hy-lạp chính (và BDC, BCG, BDY) **không** có từ đó, nhưng hàm ý.

⁶⁵³ 8:21 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 2 về cách chuyển ngữ “**Chúa**”.

⁶⁵⁴ 8:21 Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG) nghĩ rằng “**...hãy để cho con đi và chôn cha của con**” hàm ý rằng cha của người này vừa mới chết. Tuy nhiên, một số học giả (và BDY) nghĩ rằng đó là một thành ngữ có nghĩa là “...chờ cho đến sau khi cha tôi chết”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mỗi người con trai Do Thái đều có trách nhiệm chăm sóc cha mẹ của mình trong lúc tuổi già. Khi cha mẹ họ chết, họ có trách nhiệm chôn cất tử tế. Câu trả lời của Chúa Giê-su cho người này có lẽ làm cho mọi người sửng sốt/ngạc nhiên.

⁶⁵⁵ 8:22 Trong bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết có ai trong hai người này quyết định đi theo Chúa Giê-su hay không. Cũng vậy, **không nên** chuyển ngữ một cách rõ ràng là họ đi theo Chúa hay không. Đó **không** phải là điểm đoạn kinh văn này muốn nói.

chết ⇔ những người chết (về phần thuộc linh) ⇔ những người ở ngoài sự cai trị của Đức Chúa Trời} chôn {kẻ chết (của chính họ) ⇔ người chết ở giữa vòng họ}.”

8:23-27 (Chúa) Giê-su Khiến Bão Yên Lặng

Mác 4:35-41; Lu-ca 8:22-25

23 Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su xuống thuyền {(và) các môn đệ của Ngài đi theo ⇔ với các môn đệ của Ngài} (và họ bắt đầu băng ngang qua ⁶⁵⁷Biển/Hồ Ga-li-lê). 24 <Và> (khi họ đang đi ngang qua hồ,) <hãy nhìn>/đột nhiên, một ⁶⁵⁸con bão lớn {nổi lên ⇔ bắt đầu (thối)} trên mặt hồ đến nổi {⁶⁵⁹sóng phủ lên thuyền ⇔ sóng bắt đầu làm thuyền đầy nước/gần chìm}. Nhưng (bất kể đến con bão,) Ngài/(Chúa) Giê-su vẫn ngủ. 25 Vậy nên ⁶⁶⁰{(họ) ⇔ [các môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su]} ⁶⁶¹tới (chỗ Ngài) (và) đánh thức Ngài dậy ^{GTK662}{kêu lên ⇔ và nói} (với Ngài): “⁶⁶³Chúa ơi/Thầy ơi, hãy cứu chúng con! Chúng con sắp chết (đuối) rồi!” 26 Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su nói/hỏi họ: ^{CH664}“{Tại sao các con sợ ⇔ Các con không nên sợ hãi}, ⁶⁶⁵{(hỡi những kẻ) ít đức tin ⇔ và có ít đức tin/thiếu tin cậy (nơi ^{GTK}Ta/Đức Chúa Trời)}?!” Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su đứng dậy quở/ra

⁶⁵⁶ 8:22 Khi nói “**kẻ chết**” ở đây Chúa Giê-su đang đề cập đến những người chết về phần thuộc linh, **không** phải chết về phần thể xác. Ấn dụ này cũng nói đến những người không được Chúa cai trị. Thành ngữ này được dùng cùng một cách như vậy ở trong Lu-ca 15:24, 32 và Ê-phê-sô 2:1. Nếu chuyển ngữ từng từ một, bạn có thể để một số thông tin trong **LỜI CHÚ THÍCH** này vào một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hay nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH** với lời giải nghĩa hay không có lời giải nghĩa.

⁶⁵⁷ 8:23 Bạn có thể chuyển ngữ “**Biển Ga-li-lê**” là “**Hồ Ga-li-lê**”.

⁶⁵⁸ 8:24 **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Thường hay có bão lớn bất thường thổi từ các núi ở xung quanh xuống hồ Ga-li-lê.

⁶⁵⁹ 8:24 **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Các tín hữu đầu tiên so sánh cái thuyền với hội thánh và con bão là quyền lực của ma quỷ đe dọa hội thánh. Thi-thiên 107:23–32 nói tương tự như vậy về cách Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta trong cơn bão của đời sống.

⁶⁶⁰ 8:25 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**môn đệ của Ngài**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có các từ đó, nhưng hàm ý. Hãy làm thế nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁶⁶¹ 8:25 Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài ở trong thuyền, vậy nên khi chuyển ngữ “**đi**” **không** nên làm cho người đọc hiểu là họ đi một đoạn đường xa. Bạn có thể hàm ý và chỉ nói: “Sau đó/Vậy nên họ đánh thức Ngài dậy...”

⁶⁶² 8:25 Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ở đây nguyên văn muốn nói: “...đánh thức Ngài dậy **bằng cách** nói”. Tuy nhiên, những học giả khác nghĩ là các môn đệ đánh thức Chúa Giê-su dậy trước và **sau** đó nói với Ngài (như ở trong Mác 4:38).

⁶⁶³ 8:25 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 7:21 về cách chuyển ngữ “**Chúa/Thầy**.”

⁶⁶⁴ 8:26 **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Nếu chúng ta có đức tin nơi Chúa Giê-su, không cần phải sợ hãi bất cứ điều gì. Chúng ta cũng có thể ngủ một cách bình an (Thi-thiên 4:8). Mệnh lệnh thường thấy nhất ở trong Kinh Thánh là “Đừng sợ!”

⁶⁶⁵ 8:26 Nếu bạn quyết định dùng cách gọi đích danh “**(Hỡi các người) ít đức tin**”, có thể đặt nhóm từ ấy lên đầu câu nghe tự nhiên hơn.

lệnh ^{NTT} cho gió ⁶⁶⁶ {và sóng (ngừng lại) ⇔ ngưng thổi và sóng yên lặng}, và ⁶⁶⁷ {gió trở nên yên lặng ⇔ gió ngưng thổi ⁶⁶⁸ và sóng hoàn toàn yên lặng}. 27 <Nhưng> các môn đệ (của Chúa Giê-su) {ngưỡng mộ ⇔ kinh ngạc} (và) nói (với nhau): ^{CH}“{Người này là ai mà (mọi vật) ⇔ Người này thật phi thường! (Mọi vật) ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su không phải là một con người thường! (Mọi vật)} ngay cả gió và hồ/sóng đều vâng lệnh Ngài?!”

8:28-34 (Chúa) Giê-su {Chữa Lành Cho Hai Người Bị Quỷ Ám ⇔
^{NTT}Đuổi/Trừ Các Tà Linh Ra khỏi Hai Người Đàn Ông}

Mác 5:1-20; Lu-ca 8:26-39

28 <Và> ⁶⁶⁹ sau khi/khi Ngài/(Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) {đi đến ⇔ tới} bờ bên kia/phía đông (của Biển/Hồ Ga-li-lê ⇔ của hồ) tại đất/xứ {của ⇔ được điều khiển/sở hữu bởi} {người Ga-đa-ra ⇔ người của/từ (thành) Ga-đa-ra}, có hai (người đàn ông) bị {quỷ ám ⇔ tà linh điều khiển} đi ra khỏi ⁶⁷⁰ {các mồ mả/nghĩa địa ⇔ hang chôn người chết} (và) đối diện/gặp Ngài/(Chúa) Giê-su. (Họ rất) hung dữ/nguy hiểm/dữ tợn đến nỗi không có ai {có thể ⇔ muốn/dám} đi ngang qua đường đó. 29 {<Và hãy nhìn> ⇔ Khi (các quỷ/tà linh) thấy/nhận ra (Ngài/(Chúa) Giê-su)}, họ hét lên (với Ngài) <nói>: ^{GTK671}“{Con của Đức Chúa Trời, giữa chúng tôi với Ngài có chuyện gì chẳng! ⇔ Ngài muốn làm gì chúng tôi vậy! ⇔ ^{CH}Tại sao Ngài can thiệp vào chuyện của chúng tôi?} ⁶⁷²Có phải Ngài đến đây để hành hạ/trừng phạt chúng tôi trước {kỳ định ⇔ thời điểm (đúng/chỉ định) ⇔ thời gian (Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm/quyết định) ⇔ Ngày (Đoán

⁶⁶⁶ 8:26 Trong một vài ngôn ngữ phải dùng hai động từ riêng biệt để mô tả hành động của gió và sóng. Trong câu kế cũng như vậy.

⁶⁶⁷ 8:26 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phép lạ này cho thấy rằng Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời, bởi vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có quyền năng để điều khiển gió và biển (Thi-thiên 65:7, 89:9, 93:3-4, 107:25, 29).

⁶⁶⁸ 8:26 Bạn có thể nói: “...và không còn sóng nữa.”

⁶⁶⁹ 8:28 Vì nhóm từ này chứa đựng thông tin mới, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “(Khi Ngài/(Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài đã băng ngang) qua bờ bên kia/phía đông (của Biển Ga-li-lê ⇔ của hồ) xong, họ tới đất của người Ga-đa-ra”. (Rồi họ bước ra khỏi thuyền và) hai người đàn ông...”

⁶⁷⁰ 8:28 Một cái mộ là một chỗ ở trong một cái hang hay một phòng nhỏ đục ở trong sườn núi đá được dùng để chôn người chết. Không nên làm người đọc hiểu là người đàn ông từ dưới mồ đào sâu dưới đất chui lên.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái có phong tục chôn người chết ở trong hang tự nhiên hay trong những phòng nhỏ đục từ trong vách núi đá. Người Do Thái cho ma quỷ, mộ, heo và những khu vực của người ngoại quốc là “ô uế/không tinh sạch”.

⁶⁷¹ 8:29 Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp cho thấy là các tà linh sợ hãi và có nghĩa là: “Ngài (muốn) làm gì chúng tôi vậy?” Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ rằng nhóm từ này cho thấy về hung hăng và có nghĩa là: “Hãy để chúng tôi yên!” hay “Lo việc của Ông đi!” (như ở trong 2 Sa-mu-ên 16:10 và 19:22).

⁶⁷² 8:29 Trong bản Hy-lạp “[Giê-su,] Con Đức Chúa Trời” được để ở cuối câu hỏi. Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “Giê-su” ở đây. Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có nhóm từ đó.

Xét}} không? ⁶⁷³(Xin đừng làm hại chúng tôi!)” **30** <Lúc bấy giờ,> {ở đằng xa ⇔ cách đó không xa} có một đàn heo đang ăn. **31** Vậy nên/Vì vậy {các quỷ ⇔ các tà linh} ⁶⁷⁴{nài xin ⇔ kêu cầu với} Ngài/(Chúa) Giê-su <mà nói>: ⁶⁷⁵“Nếu/Vì Chúa sắp ^{NTT}đuổi/trừ chúng tôi ra khỏi (những người này), (xin) ^{NTT}⁶⁷⁶{sai chúng tôi (nhập vào) ⇔ [cho phép chúng tôi nhập]} vào đàn heo!” **32** <Và/Sau đó> Ngài/(Chúa) Giê-su nói với chúng: “Hãy xuất đi (nhập vào chúng nó).” Vậy chúng rời khỏi (mấy người đó) (và) nhập vào ⁶⁷⁷[đàn] heo. Sau đó <hãy nhìn>/đột nhiên, cả đàn (heo) chạy vội xuống sườn núi dốc rơi xuống hồ/nước và ^{GTK}⁶⁷⁸<chúng ⇔ đàn heo> chết đuối dưới nước. **33** <Sau đó> (khi) {những người chăn heo ⇔ những người canh giữ đàn heo} (thấy việc đã xảy ra, chúng sợ hãi và) bỏ chạy <và đi vào> ⁶⁷⁹thành (của chúng) (và) bảo (người ta) ^{NTT}(về) mọi việc (đã xảy ra), và luôn cả/nhất là việc (đã xảy ra) cho hai người đàn ông {(đã bị) quỷ ám ⇔ bị tà linh điều khiển}. **34** <Sau đó> <hãy nhìn>/lập tức ⇔ Ngay sau khi họ nghe về việc (Chúa) Giê-su đã làm}, ⁶⁸⁰tất cả (dân chúng trong) làng/thành đi ra đối chất/gặp (Chúa) Giê-su/Chúa. <Và> khi họ thấy Ngài/(Chúa) Giê-su, họ ⁶⁸¹nài xin {Chúa ^{NTT}rời khỏi vùng/khu/đất họ ở. ⇔ Chúa: “Xin hãy rời khỏi vùng/khu/xứ của chúng tôi!”}

⁶⁷³ **8:29** Phải làm cho người đọc thấy rõ là tà linh **sợ hãi**.

⁶⁷⁴ **8:31** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**nài xin**” trong câu 5.

⁶⁷⁵ **8:31** Thì hiện tại của động từ này cho thấy rằng các tà linh **biết chắc** rằng chúng sẽ bị đuổi ra khỏi hai người này. Để truyền thông sự **chắc chắn** này, tốt nhất nên nói: “Vì Ngài sắp ^{NTT}đuổi/trừ buộc chúng tôi ra khỏi ...”

⁶⁷⁶ **8:31** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “**sai chúng tôi**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số) có “**cho phép chúng tôi đi**”. BDM, BDC, BCG, BDY chuyển ngữ là “nhập vào”

⁶⁷⁷ **8:32** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**đàn**” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo chính (và Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm thế nào để nghe có vẻ tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Đàn heo mới được đề cập tới ở trong câu 31, và sau đó lại nói đến ở trong câu 32.

⁶⁷⁸ **8:32** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “**chúng**” ở đây chỉ nói đến **các con heo**. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nó bao gồm cả **các tà linh**. Theo truyền thống người Do Thái tin rằng tà linh có thể bị chết hay bị trời buộc.

⁶⁷⁹ **8:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thành phố này chắc ở trong vùng của người ngoại quốc, vì người Do Thái cho heo là “ô uế/không tinh sạch” và vì vậy sẽ không nuôi chúng (Lê-vi Ký 11:7–8, Phục Truyền 14:8).

⁶⁸⁰ **8:34** Đa số các ngôn ngữ có thể dùng từ “**tất cả**” và “mọi người”, ngay cả khi không kể đến từng người hay từng việc một. Trong ngữ cảnh này không phải mỗi một người ở Ga-đa-ra đi ra để đối chất với Chúa Giê-su, nhưng **nhieu** (hay **đa số**) mọi người đi ra. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự ở trong Ma 2:3.

⁶⁸¹ **8:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bản Hy-lạp không cho chúng ta biết tại sao dân chúng nài xin Chúa Giê-su rời khỏi địa bàn của họ. Họ có thể sợ hãi quyền lực của Ngài. Hay họ chỉ tức giận vì Chúa đã hủy diệt đàn heo của họ và lo ngại rằng Chúa có thể sẽ hủy hoại nhiều của cải của họ hơn.

9:1-8 {(Chúa) Giê-su Có Thảm Quyền Tha Thứ Tội Lỗi ⇔
(Chúa) Giê-su Chữa Lành Một Người Bại Và Tha Thứ Tội Lỗi Của Ông Ta}

Mác 2:1-12; Lu-ca 5:17-26

9 1 Sau đó/Vậy (Chúa) Giê-su/Ngài (và các môn đệ của Ngài) (lại) xuống ⁶⁸²thuyền (và) băng ngang qua (Biển/Hồ Ga-li-lê ⇔ hồ) (một lần nữa) <và đi/tới> ⁶⁸³{quê của Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ thành (Ca-bê-na-um) nơi Ngài sống}. 2 {Sau đó/Tại đó ⇔ Trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su ở tại đó,} ⁶⁸⁴{<hãy nhìn>, họ ⇔ một số người (từ thành phố)} đem tới cho Ngài/(Chúa) Giê-su một {người bị bại ⇔ một người không cử động được} nằm trên ⁶⁸⁵giường/cáng/chiếu. <Và> khi (Chúa) Giê-su/Ngài {thấy ⁶⁸⁶đức tin (mạnh mẽ) của họ ⇔ nhận thấy họ tin tưởng} (nơi Ngài ⇔ rằng Ngài có thể chữa lành cho người bệnh), Ngài phán với {người bại ⇔ người}: “{Hãy can đảm ⇔ Hãy vui lên}, ⁶⁸⁷{con trai/bạn (của Ta) ⇔ ông}, (bởi vì) {tội lỗi của con đã được tha ⇔ Ta tha thứ tội lỗi của con}.” 3 <Và> <hãy nhìn>/khi một số ⁶⁸⁸chuyên gia Kinh Luật (ở đó) ⁶⁸⁹(nghe vậy), họ ^{GTK690}{nói/suy nghĩ với nhau ⇔ nói với nhau}: ⁶⁹¹“{Người này ⇔ Ông ta} nói phạm thượng/bất kính với (Đức Chúa Trời)! ⁶⁹²(Chỉ có một mình Đức Chúa Trời có thể tha tội

⁶⁸² 9:1 Đây có thể cùng là chiếc **thuyền** được nói đến ở trong Ma 8:23–24, (28).

⁶⁸³ 9:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Quê của Ngài/Chúa Giê-su” nói đến Ca-bê-na-um là nơi Ngài ở và đi lui đi tới vào lúc đó. Đây không nói đến Bết-lê-hem, nơi Ngài sinh ra hay Na-xa-rét là nơi Ngài lớn lên.

⁶⁸⁴ 9:2 “**Hãy nhìn**” được dùng ở đây để giới thiệu nhân vật mới, vậy nên bạn có thể nói “một số người”.

⁶⁸⁵ 9:2 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có tính cách tổng quát và có thể nói đến nhiều vật khác nhau mà người ta có thể nằm lên. “**cáng**” hay “**chiếu**” có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất, vì Chúa Giê-su bảo người đó vác lên và đi về nhà (các câu 6–7).

⁶⁸⁶ 9:2 “**Họ**” ở đây nói đến cả người bại lẫn những người bạn của người ấy.

⁶⁸⁷ 9:2 “**Con trai (của Ta)**” là một cách lịch sự để cho một người có thẩm quyền gọi người kém hơn mình. **Không nên** nói có vẻ như Chúa Giê-su đang nói chuyện với một em bé trai hay với con trai của Ngài. Có thể tự nhiên hơn nếu gọi người bại này ở **đầu** câu đối thoại này.

⁶⁸⁸ 9:3 Hãy xem Ma 2:4 về cách chuyển ngữ “**chuyên gia Kinh Luật**”.

⁶⁸⁹ 9:3 Hay bạn có thể nói: “đã nghe điều Chúa Giê-su nói.”

⁶⁹⁰ 9:3 Bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn là một ý nghĩa. Có thể có nghĩa là họ yên lặng **nói** với nhau (BDM) hay họ **tự suy nghĩ** (BDC, BCG, BDY) như vậy. Mác 2:7–8 cho thấy là họ **đang suy nghĩ** những điều này.

⁶⁹¹ 9:3 Bạn có thể nói: “Người này nói như là ông ta nghĩ rằng mình là Đức Chúa Trời! Đó là phạm thượng!”

⁶⁹² 9:3 Đối với một số ngôn ngữ người đọc có thể **không hiểu rõ** tại sao các chuyên gia Kinh Luật nghĩ Chúa Giê-su phạm thượng/bất kính đối với Đức Chúa Trời. Chỉ nói rõ **thông tin hàm ý** sau đây **nếu** thấy là cần thiết.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các chuyên gia Kinh Luật không tin rằng Chúa Giê-su là Con của Đức Chúa Trời và không tin Ngài có quyền năng từ Đức Chúa Trời để tha tội cho con người. Đó là lý do tại sao họ tố cáo Ngài phạm thượng/bất kính với Đức Chúa Trời. Hình phạt của việc nói phạm thượng là tử hình (Lê-vi-ký 24:13–16, 1 Các Vua 21:13).

cho con người!)” 4 Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su⁶⁹³ thấy/[biết] {điều ⇔ điều gian ác mà} họ đang suy nghĩ, (nên) Ngài {nói (với họ) ⇔ hỏi (họ)}: “^{CH694}{Tại sao các ngươi ⇔ Các người không nên} suy nghĩ (những điều) gian ác trong lòng/trong đầu các ngươi?/!
5 <Vị> ^{CH695}điều nào ^{GTK696}để nói hơn (với người này) ⇔ có phải nói (với người này)}: ^{NGT697}{Tội lỗi con đã được tha ⇔ Ta tha tội cho con},’ thì để hơn là <nói ⇔ bảo (người)>: ‘Hãy đứng dậy và đi?’ 6 ^{GTK698}<Nhưng/Bây giờ> {(Ta sắp làm một điều) để các con có thể hiểu ⇔ Ta muốn các con biết ⇔ Ta sẽ chứng tỏ cho các con} rằng ⁶⁹⁹{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng đã trở nên con người} có thẩm quyền/quyền năng (từ Đức Chúa Trời) để ⁷⁰⁰tha tội lỗi cho (người ta) ở trên đất!” Sau đó/Vậy nên/Vì vậy

⁶⁹³ 9:4 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDY) có từ “**thấy**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và BDM, BDC, BCG) dùng “**đã biết**” thay vào đó. Trong ngữ cảnh này ý nghĩa cơ bản đều giống nhau.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chỉ có Đức Chúa Trời biết tấm lòng/sự suy nghĩ của con người (1 Các Vua 8:39, 1 Sa-mu-ên 16:7, Công Vụ 1:24). Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời.

⁶⁹⁴ 9:4 Chúa Giê-su dùng **câu hỏi tu từ** này để **mắng** các chuyên gia Kinh Luật và cho thấy là Ngài **thất vọng** với họ. Nếu người đọc **không** thấy được rõ ràng, bạn có thể nói: “Các ngươi đã **sai lầm** khi nghĩ gian ác như vậy!

⁶⁹⁵ 9:5 Đối với một số ngôn ngữ có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “điều nào để nói hơn” và để vào cuối câu 5.

⁶⁹⁶ 9:5 Nếu trong ngôn ngữ của bạn **câu hỏi tu từ không** được hiểu đúng nghĩa, và nếu bạn quyết định theo sự giải thích **đầu tiên** trong **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị dưới đây, bạn có thể chấm dứt câu 9 với một **câu trả lời** như là “Cả hai điều đều khó làm và chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể làm được.” Hay bạn có thể thay thế câu hỏi bằng **một lời tuyên bố** như là “Các ngươi biết chỉ có Đức Chúa Trời ban quyền năng để tha thứ tội lỗi cho người ta và chữa lành người bại!” Nếu bạn theo cách giải thích thứ nhì, bạn có thể nói: “Rất là dễ cho Ta bảo người này: ‘Ta tha tội cho con’, bởi vì các ngươi không thể thấy điều Ta nói xảy ra. Nhưng khó mà nói: ‘Hãy đứng dậy và đi’, bởi vì các ngươi có thể thấy được người đó được lành bệnh hay không.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một số học giả Kinh Thánh giải thích câu hỏi tu từ của Chúa Giê-su có nghĩa là vì chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể tha thứ tội lỗi hay chữa lành cho một người bại, điều nào cũng khó làm hết, loài người không thể làm cả hai điều nhưng đối với Đức Chúa Trời điều đó không khó cho Ngài. Tuy nhiên, các học giả khác nghĩ rằng Chúa Giê-su muốn nói, bảo một người tội lỗi họ đã được tha thì “dễ hơn” vì không ai có thể chứng tỏ được là tội lỗi đã thật sự được tha. Nhưng bảo người bại đứng dậy và đi thì “khó hơn” bởi vì người ta sẽ thấy rõ ràng là người ấy được chữa lành hay không. Kết luận của hai sự giải thích đều giống nhau, đó là nếu Chúa Giê-su có thể chữa lành bệnh cho một người, có nghĩa là Ngài có quyền năng từ Đức Chúa Trời để tha thứ tội lỗi cho người đó.

⁶⁹⁷ 9:5 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng **câu đối thoại gián tiếp** ở đây và nói: “...nói với người này tội lỗi họ đã được tha, hay bảo họ đứng dậy và đi?”

⁶⁹⁸ 9:6 Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ câu này là **lời của Chúa Giê-su**, là một phần câu trả lời cho câu hỏi của Ngài ở trong câu 5. Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng đây là lời chỉ dẫn của **Ma-thi-ơ** cho thánh giá của ông. Theo cách giải thích này bạn có thể nói: “<Nhưng> biết rằng...” hay “Rồi (điều này đang xảy ra) để cho các ngươi có thể biết rằng...”

⁶⁹⁹ 9:6 Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**Con Người**” trong Ma 8:20 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Cần nên rõ là Chúa Giê-su đang nói đến chính Ngài.

⁷⁰⁰ 9:6 **Tránh** hàm ý rằng Chúa Giê-su chỉ có thẩm quyền/quyền năng từ Đức Chúa Trời để tha tội chứ không chữa lành bệnh cho ai cả. Cần nên rõ là qua việc chữa lành người bại Chúa Giê-su đang chứng tỏ rằng Ngài **cũng** có quyền tha tội cho người đó.

Ngài/(Chúa) Giê-su (quay nhìn) ⁷⁰¹{(người) bại ⇔ người không thể cử động} (và) {nói (với người) ⇔ ra lệnh (cho người)}: ⁷⁰²“Hãy đứng dậy, vác giường/cáng/chiếu và đi về nhà.” ⁷⁰³<Và>/Vậy/Lập tức người ấy đứng dậy, (vác giường/cáng/chiếu và) đi về nhà. ⁷⁰⁴<Và> khi {các đám đông ⇔ đám đông lớn ⇔ tất cả mọi người} thấy (điều đó), họ đều sợ hãi/sùng sốt và ^{NTT}tôn vinh/ngợi khen Đức Chúa Trời ⁷⁰⁵{là người đã ⇔ vì đã} ban cho thẩm quyền/quyền năng như vậy đối với nhân loại.

9:9-13 (Chúa) Giê-su ^{NTT}Kêu Gọi/Mời {Ma-thi-ơ Trở Nên Môn Đệ
Của Ngài ⇔ Các Tội Nhân Đi Theo (Chúa) Giê-su}

Mác 2:13-17; Lu-ca 5:27-32

⁹ ⁷⁰⁶<Và> sau khi (Chúa) Giê-su/Ngài rời khỏi đó, Ngài thấy một người tên là ⁷⁰⁷Ma-thi-ơ {đang ngồi tại ⇔ đang làm việc tại} ⁷⁰⁸{văn phòng/bàn giấy thuế vụ ⇔ văn phòng/bàn giấy nơi ông thu thuế của dân chúng ((cho chính quyền La-mã))},/. và/Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su nói với ông ta/Ma-thi-ơ: “Hãy {theo Ta ⇔ trở nên môn đệ của Ta}.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Tất cả mọi bệnh tật và đau khổ, kể cả sự chết, là kết quả của tội lỗi trên thế gian này (Sáng-thế Ký 3). Vì vậy bất cứ khi nào Chúa Giê-su chữa lành cho người ta, Chúa chữa lành hậu quả của tội lỗi. Những sự chữa lành này quan hệ mật thiết với một sự chữa lành lớn lao khác, đó là sự tha tội, mà Chúa Giê-su đã làm cho mọi người bằng cách chết trên thập tự giá (Ma-thi-ơ 26:28; cũng hãy xem Ê-sai 33:24).

⁷⁰¹ **9:6** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ “bại” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:24, 8:6, 9:1 tiểu đề, 9:2, 6. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 4:24.

⁷⁰² **9:6** Mệnh lệnh này **không** nên có vẻ xằng xớm. Tuy nhiên, nên nói sao nghe cho có vẻ có oai quyền. Bạn có thể nói: “(Bạn của tôi ⇔ Ông), hãy đứng dậy...”

⁷⁰³ **9:7** Cần nên rõ là **không có thời gian kéo dài** giữa khi có mệnh lệnh của Chúa Giê-su và người bại được chữa lành.

⁷⁰⁴ **9:8** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “các đám đông” ở Ma 8:1.

⁷⁰⁵ **9:8** Bạn có thể nói: “... vì làm việc có quyền năng như vậy giữa nhân loại/họ.”

⁷⁰⁶ **9:9** Vì mệnh đề này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “(Sau khi Chúa Giê-su chữa lành cho người bại, Ngài rời) khỏi đó. Sau khi rời đó, Ngài thấy một người...” Hay bạn chỉ cần nói giản dị: “Rồi Chúa Giê-su rời khỏi đó và thấy...”

⁷⁰⁷ **9:9** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Mác 2:14, Ma-thi-ơ cũng còn có tên là Lê-vi. Rất nhiều người có hai tên.

⁷⁰⁸ **9:9** Cần nên rõ là Ma-thi-ơ **làm việc** tại văn phòng/bàn giấy thuế vụ này. Ông **không** phải là người đến đó để trả thuế hay thăm viếng người ta.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người La-mã đánh thuế người Do Thái và những dân tộc khác bị họ thống trị. Họ đầu giá quyền thu thuế tại mỗi địa phương cho người nào trả giá cao nhất. Người được quyền thu thuế thuê các người ở địa phương thu thuế. Có rất nhiều loại thuế, kể cả thuế đánh trên đầu người, thuế tài sản, thuế trên một số thức ăn và hàng hoá, cùng nhiều thứ thuế khác. Nhiều người thu thuế (kể cả Ma-thi-ơ) là người Do Thái. Những người thu thuế này bị các người Do Thái khác khinh thường/ghét (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma-thi-ơ 5:46 giải thích lý do tại sao).

<Và> ⁷⁰⁹(lập tức) ông ta/Ma-thi-ơ {đứng dậy ⇔ bỏ công việc (thu thuế) của ông ta} (và) {đi theo Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ trở nên môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su}.

10 Sau đó, {Ngài/(Chúa) Giê-su và (các môn đệ của Ngài) ⁷¹⁰đang nằm duỗi chân/ngồi ăn tại ^{GTK711}nhà của Ma-thi-ơ, <và> <hãy nhìn,> ⇔ (Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) đi đến ^{GTK}nhà của Ma-thi-ơ để ăn cơm},/. {<và hãy nhìn> ⇔ Có} nhiều ⁷¹²người thu thuế và ⁷¹³{các người phạm tội ⇔ những người (bị người Pha-ri-si) cho là/gọi là những kẻ phạm tội ⇔ những kẻ không sùng đạo ⇔ những người có tiếng tăm xấu} đến (cùng) ăn với {(Chúa) Giê-su/Ngài và các môn đệ của Ngài ⇔ họ}. **11** <Và> khi một số người Pha-ri-si thấy (như vậy ⇔ (Chúa) Giê-su ăn uống với những người họ cho là tội lỗi/không sùng đạo), họ hỏi/bảo ⁷¹⁴các môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su: ^{CH}“{Tại sao Thầy của các anh ⇔ Thầy của các anh không nên} ăn với ⁷¹⁵{những người thu thuế và những kẻ tội lỗi ⇔ những kẻ phạm tội, nhất là những người thu thuế ⇔ những người gian ác/đầy tội lỗi như mấy người đó ⇔ người như vậy} ⁷¹⁶(giống như Ngài là bạn họ vậy ⇔ giống như là Ngài đồng ý với cách sống tội lỗi của họ)?/!” **12** <Và> ⁷¹⁷Ngài/[(Chúa) Giê-su] nghe (câu hỏi/lời phê bình của họ ⇔ lời những người Pha-ri-si hỏi/nói) (và ⇔ nên Ngài) trả lời ⁷¹⁸[cho họ] (với một câu tục ngữ): “Những người khỏe mạnh không {cần

⁷⁰⁹ **9:9 Không nên** để người đọc nghĩ rằng Ma-thi-ơ chậm trễ trong việc trở nên môn đệ của Chúa Giê-su. Hãy xem điều bạn làm ở trong câu 7.

⁷¹⁰ **9:10** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 8:11 về “**nằm duỗi chân**”.

⁷¹¹ **9:10** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ đây là nhà của **Ma-thi-ơ** (Lu-ca 5:29 nói rõ đây là nhà của Ma-thi-ơ). Tuy nhiên, một vài học giả KT nghĩ đây là nhà của **Chúa Giê-su**, nhưng Ma 8:20 không hỗ trợ sự giải thích này.

⁷¹² **9:10** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở 5:4-6 về **LỜI CHÚ THÍCH** về “**những người thu thuế**”.

⁷¹³ **9:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Pha-ri-si rất nghiêm khắc trong việc giữ/vâng theo mọi chi tiết của Luật Pháp mà Đức Chúa Trời ban cho Môi-se để dạy dân Do Thái. Họ cũng cẩn thận tuân giữ các truyền thống/luật lệ của người Do Thái đã được soạn ra từ Luật Pháp của Môi-se. Họ cho những người không làm như họ là “người phạm tội”. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma-thi-ơ 3:7 về người Pha-ri-si.

⁷¹⁴ **9:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các Ra-bi/Giáo sư chịu trách nhiệm về hành động của môn đệ của mình và ngược lại.

⁷¹⁵ **9:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các người Do Thái tin là nếu họ ăn uống chung với một “người phạm tội”, họ sẽ trở nên “ô uế/không tinh sạch”.

⁷¹⁶ **9:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong văn hoá của người Do Thái ăn uống chung bày tỏ sự hiệp nhất và hoàn toàn chấp nhận lẫn nhau. Sự kiện Chúa Giê-su ăn với Ma-thi-ơ và “những người phạm tội” khác có thể cho thấy Ngài đã tha thứ tội lỗi của họ—cùng một ý nghĩa với lời Ngài nói trong câu 2.

⁷¹⁷ **9:12** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BCG, BDY) có “**Giê-su**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM) **không** có. Hãy đề cập đến Chúa Giê-su cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁷¹⁸ **9:12** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**cho họ**” ở đây. Tuy nhiên, đa số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm thế nào để nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⇔ đi tới} ⁷¹⁹bác sĩ, nhưng/chỉ những người ⁷²⁰{bị đau nhiều ⇔ đang bị đau} cần bác sĩ.
13 <Nhưng> ⁷²¹{hãy đi và học ⇔ cố gắng học ⇔ coi cẩn thận} Đức Chúa Trời muốn nói gì (trong Kinh Thánh khi Đức Chúa Trời/Chúa phán): ^{NGT722}{‘Ta muốn/ưa thích ⁷²³lòng thương xót/nhân từ hơn lễ vật.’ ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời muốn người ta có lòng thương xót/nhân từ với nhau hơn là Chúa muốn họ dâng lễ vật cho Ngài.}” (Ô-sê 6:6) ⁷²⁴(Chúa Giê-su tiếp tục:) “(Khi các người hiểu điều đó, ⁷²⁵các người sẽ hiểu tại sao Ta ăn uống/giao thiệp với những người có tội,) bởi vì ⁷²⁶{Ta không đến ^{GTK727}(đây) để ⇔ công việc của Ta không phải là để} kêu gọi/mời ^{GTK728}{những (người) công chính ⇔ (những người tưởng mình là) công chính} ⁷²⁹{ăn năn ⇔ từ bỏ các tội lỗi}, nhưng ⁷³⁰(Ta đến để kêu gọi/mời gọi) những kẻ phạm tội (ăn năn).”

⁷¹⁹ **9:12** Nên chuyển ngữ “**bác sĩ**” một cách kính trọng. Có thể nói đến một thầy thuốc hay người đã được huấn luyện chuyên môn về y khoa.

⁷²⁰ **9:12** Xem cách bạn chuyển ngữ “**bị đau nhiều**” như thế nào ở trong Ma 8:16.

⁷²¹ **9:13** Trong ngữ cảnh này “**đi**” **không** có nghĩa là đi du hành. Nó có nghĩa là hãy cố gắng.

⁷²² **9:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong Ô-sê 6:6 Đức Chúa Trời không từ khước tế lễ, nhưng nói rằng có lòng thương xót/nhân từ với nhau thì quan trọng hơn là tế lễ.

⁷²³ **9:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**lòng thương xót**” trong Ma 5:7, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁷²⁴ **9:13** Nên để người đọc thấy rõ là lời trích dẫn từ Ô-sê **không** tiếp tục ở các phần sau. Đối với một số ngôn ngữ có thể dễ hiểu quan hệ giữa câu 12 và 13 hơn nếu phần còn lại của câu 13 được để lên đầu câu và bắt đầu với “Cũng như vậy, Ta không đến...”

⁷²⁵ **9:13** Hay bạn có thể nói: “...các người sẽ biết câu trả lời cho câu hỏi,) bởi vì...”

⁷²⁶ **9:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ: “**Ta đã đến...**” và “**Ta không đến để...**” trong Ma 5:17 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Có thể cần phải nói: “{Ta đến ^{GTK}(đây) ⇔ Công việc của Ta là} kêu gọi/mời gọi những người có tội [ăn năn (và trở nên môn đệ của Ta)], **không phải** những người ^{GTK}{(đã) là công chính ⇔ nghĩ rằng mình là công chính}.”

⁷²⁷ **9:13** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ nơi Chúa Giê-su đến. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su đang nói đến việc Ngài ăn chung với những người có tội. Tuy nhiên, một số người khác nghĩ Ngài muốn nói đến **thế gian này**. Tốt nhất là nên chuyển ngữ một cách tổng quát nếu được.

⁷²⁸ **9:13** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su **nói một cách mỉa mai** ở đây và có nghĩa là “(những người **nghĩ** mình là) công chính”, nhưng thật ra thì không công chính (hãy xem La-mã 3:10). Tuy nhiên, những học giả khác nghĩ Ngài **không** nói một cách mỉa mai và muốn nói đến “(người) **công chính**”.

⁷²⁹ **9:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ăn năn**” trong Ma 3:1, và hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**sự ăn năn**” ở đó.

⁷³⁰ **9:13** Đối với một số ngôn ngữ cần phải **lập lại** “(Ta đến để kêu gọi/mời gọi)” ở đây, để cho câu được đầy đủ. Tuy nhiên, các ngôn ngữ khác để **hàm ý** giống như bản Hy-lạp. Hãy làm thế nào nghe cho tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn.

9:14-17 {SỰ DẠY ĐỒ MỚI CỦA (CHÚA) GIÊ-SU BỎ GẤM ⇔ ĐỪNG TRỘN LẤN SỰ DẠY ĐỒ CỦA (CHÚA) GIÊ-SU VỚI} CÁC TRUYỀN THỐNG CŨ

Mác 2:18-22; Lu-ca 5:33-39

14 {Vào lúc đó ⇔ Sau đó} ⁷³¹(một số) môn đệ của ⁷³²Giăng (Báp-tít) đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (và) hỏi (Ngài): ⁷³³“Tại sao chúng tôi và những người Pha-ri-si ⁷³⁴[thường xuyên] ⁷³⁵kiêng/nhịn ăn (để cầu nguyện/suy gẫm), nhưng môn đệ của Thầy không kiêng ăn?” 15 ⁷³⁶{<Và> (Chúa) Giê-su trả lời họ ⁷³⁷(dùng một số minh họa/thí dụ. Ngài phán:) ⇔ Vậy nên (Chúa) Giê-su hỏi họ: ⇔ Vậy (Chúa) Giê-su nói/trả lời với họ:} ^{CH}“(Khi có một đám cưới) ^{GTK738}{các phụ rể/bạn của chàng rể ⇔ các khách dự tiệc} không thể để tang/buồn trong khi chàng rể còn ở với họ (tại tiệc cưới), phải không? ⁷³⁹(Đối với các môn đệ Ta cũng giống như vậy bởi vì/trong khi Ta còn ở với họ.) Nhưng

⁷³¹ 9:14 Người ta nghi là không phải tất cả các môn đệ của Giăng Báp-tít đều đến gặp Chúa Giê-su ở đây.

⁷³² 9:14 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Giăng Báp-tít” trong Ma 3:2, 4:12 và 11:1.

⁷³³ 9:14 **Không nên** làm cho người đọc hiểu là các môn đệ của Giăng không biết lý do tại sao họ kiêng ăn. Họ muốn hiểu lý do tại sao các môn đệ của Chúa Giê-su không kiêng ăn như họ. Để làm cho rõ bạn có thể nói: “Tại sao các môn đệ của Thầy không [thường xuyên] {kiêng ăn ⇔ nhịn ăn} (để cầu nguyện/suy gẫm) **giống như** chúng tôi và người Pha-ri-si làm?” Hay bạn có thể nói: “Chúng tôi và các người Pha-ri-si [thường xuyên] kiêng ăn, nhưng các môn đệ của Thầy thì không. {**Tại sao lại không? ⇔ Ai đúng?**}”

⁷³⁴ 9:14 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “**thường xuyên**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và BDM, BDY, BDC, BCG) **không** có từ đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Chúa Giê-su, các người Do Thái sùng đạo kiêng ăn ít nhất hai ngày một tuần, vào Thứ Hai và Thứ Năm (hãy xem thí dụ ở trong Lu-ca 18:12).

⁷³⁵ 9:14 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 4:2 về các lý do kiêng ăn.

⁷³⁶ 9:15 Hãy cẩn thận đối xứng các **sự lựa chọn** trong câu 14–15.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su dùng minh họa/thí dụ sau đây để giải thích về việc không nên trộn lẫn sự dạy dỗ mới của Ngài với các sự dạy dỗ của người khác hay với các truyền thống/luật lệ về tôn giáo như là kiêng ăn. Ngài muốn nói cho các môn đệ của Giăng biết rằng đây là lúc họ phải đi theo Ngài, không phải theo Giăng, không phải theo các nhà lãnh đạo Do Thái hay một ai khác. Giăng đã làm xong mục đích chuẩn bị đường cho Chúa Giê-su.

⁷³⁷ 9:15 Bạn có thể cần phải nói rõ ra “(với một số minh họa)” để làm cho câu trả lời của Chúa Giê-su **không** có vẻ xằng xớm hay không hợp thời. Chỉ nói rõ các **thông tin hàm ý** nếu cần.

⁷³⁸ 9:15 Nhiều nhà học giả Kinh Thánh nghĩ rằng thành ngữ được dùng trong bản Hy-lạp đặc biệt đề cập đến các phụ rể (BDM). Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng thành ngữ này nói tổng quát đến **bạn hữu** của chàng rể (BDC, BDY) hay **khách** dự tiệc cưới (BCG). Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh.

⁷³⁹ 9:15 Bằng cách này hay cách khác, nên để người đọc hiểu rõ là Chúa Giê-su **đang so sánh** chính Ngài với chàng rể, và so sánh các môn đệ với ^{GTK}**những người phụ rể/bạn hữu/khách**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang so sánh chính mình Ngài với lại chàng rể, là người trong một ngày nào đó sẽ bị cất đi, tức là, bị giết (hãy xem Ê-sai 53:8). Ngài cũng đang so sánh các môn đệ của Ngài với ^{GTK}{**những phụ rể/bạn hữu/khách**} (hãy xem Giăng 16:16–20). Trong Cựu Ước đôi khi Đức Chúa Trời được so sánh với một chàng rể hay người chồng (Ê-sai 54:4–5, 62:4–5; Ô-sê 2:16–20).

sẽ đến ngày chàng rể sẽ bị ⁷⁴⁰{cắt đi khỏi họ ⇔ giết}. <Và> {lúc bấy giờ ⇔ sau đó} họ sẽ kiêng ăn (để tỏ ra là họ buồn rầu).

16 “{<Và> ⇔ Để cho các con một minh họa/thí dụ khác} {không ai dùng ⇔ ⁷⁴¹người ta không thể dùng} một miếng vải chưa co (để vá một chỗ rách) trong một chiếc áo cũ, bởi vì (nếu họ làm như vậy) miếng vải mới sẽ (co lại sau khi được giặt và) xé rách vải cũ và làm chỗ rách lớn (hơn chỗ rách đầu tiên ⇔ hơn trước). **17** {<Và> ⇔ Cũng như vậy,} {người ta không đổ ⇔ không ai ⁷⁴²đổ/đổ} ⁷⁴³rượu vang {mới ⇔ mới làm} vào ⁷⁴⁴{bầu da ⇔ bình đựng rượu} cũ/dòn cứng {nếu không ⇔ bởi vì nếu họ làm như vậy}, (khi rượu vang mới lên men và nở ra,) bầu da/bình đựng bằng da sẽ nứt nên {rượu vang sẽ chảy ra và bầu da/bình đựng sẽ bị hư ⇔ ⁷⁴⁵bầu da sẽ bị hư và rượu sẽ chảy hết}. Không/Thay vào đó, {họ ⇔ mọi người} đổ/đổ rượu vang mới vào bầu da/bình đựng mới (có thể giãn ra được), như vậy cả (rượu vang và bầu da/bình) đựng sẽ an toàn.”

9:18-26 (Chúa) Giê-su Cứu/Khiến ⁷⁴⁶Con Gái Của Một Nhà Lãnh Đạo Do Thái Sống Lại Và Chữa Lành Người Đàn Bà Bị Bệnh Xuất Huyết

Mác 5:21-43; Lu-ca 8:40-56

18 Trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su đang nói {điều này ⇔ chuyện} với {họ ⇔ các môn đệ của Giảng}, ⁷⁴⁷<hãy nhìn>/đột nhiên, một nhà lãnh đạo (người Do Thái) đến (với Ngài), (kính cẩn) quỳ xuống trước mặt Ngài (và) nói (với Ngài): “⁷⁴⁸(Thưa Ngài), ⁷⁴⁹con

⁷⁴⁰ **9:15** “cắt đi khỏi họ” là một thành ngữ có nghĩa là “bị giết”.

⁷⁴¹ **9:16** Chúa Giê-su đang nói đến một **nguyên tắc chung** ở đây. Đối với một số ngôn ngữ cần phải dùng “chúng ta” và “chúng tôi” hay “người ta” để nói về điều gì đó mà mọi người đều làm hay biết.

⁷⁴² **9:17** Bạn có thể nói: “...không ai **đổ đầy** {bầu da ⇔ bình rượu} cũ với rượu {mới ⇔ mới cất}, ...”

⁷⁴³ **9:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Rượu vang làm từ trái nho là thức uống thông thường của người Do Thái. Nó là một loại rượu nhẹ.

⁷⁴⁴ **9:17** Nếu thí dụ về việc đổ **rượu vang mới** vào **bầu da cũ không** được hiểu một cách đúng ở trong địa bàn của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát đề cập đến “một thứ gì lên men/nở rộng ra” và “bình đựng cũ”. Hay bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** và/hay **HÌNH ẢNH** dưới đây. Hoặc bạn có thể thay thế cho thích hợp với văn hóa của bạn, tức là, nói đến hai vật mà người ta không bao giờ để chung vào với nhau vì **không** hợp nhau và sẽ làm cả hai bị hư hỏng. Tuy nhiên, hãy xem lời cảnh cáo về việc thay thế cho thích hợp với văn hoá ở trong Ma 7:16.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bầu da được làm bằng da của một con dê để nguyên với cổ và các chân buộc chặt lại thành một cái bình để đựng rượu.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Hình một người đổ rượu từ bầu da ra.

⁷⁴⁵ **9:17** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu bỏ các từ “**bầu da sẽ bị hư và**”, vì “**bầu da sẽ bị nứt**” đã hàm ý điều này rồi. Tuy nhiên, hãy cẩn thận duy trì sự quan trọng trong nguyên văn về bầu da sẽ bị hư.

⁷⁴⁶ (Tiểu đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ sách Mác và Lu-ca chúng ta biết rằng người lãnh đạo này tên là Giai-ru và ông là chủ tịch của một hội đường của người Do Thái. Ma-thi-ơ không đề cập đến tên của ông.

⁷⁴⁷ **9:18** Hay bạn có thể nói: “... có một nhà lãnh đạo (Do Thái) đến...”

⁷⁴⁸ **9:18** Trong nhiều ngôn ngữ cần phải bắt đầu câu đối thoại này bằng cách gọi “**Thưa Ngài**”, để lời nói của viên chức này **không** có vẻ sảng sớm.

gái tôi vừa mới chết, nhưng (nếu Chúa vui lòng) đến/đi (với tôi ⇔ đến nhà tôi) (và) {đặt tay Chúa lên con tôi ⇔ đụng đến con gái tôi}, <và> (tôi biết) nó sẽ sống (lại).”

19 ⁷⁵⁰ <Và>/Vậy (Chúa) Giê-su/Ngài đứng dậy (và) {đi theo ông ta cùng với các môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ (Chúa) Giê-su/Ngài và các môn đệ của Ngài bắt đầu đi với nhà lãnh đạo Do Thái (tới nhà của ông ta)}.

20 <Và> (trong khi họ đang đi), ⁷⁵¹ <hãy nhìn>/đột nhiên, một người đàn bà có ⁷⁵² bệnh băng huyết nặng trong mười hai năm {đến phía sau (Ngài/Chúa Giê-su) ⇔ từ phía sau tiến tới} (để Ngài không chú ý đến bà) (và) ⁷⁵³ đụng đến ^{GTK754} gấu ⁷⁵⁵ áo choàng/tua áo của Ngài./ **21** (Bà làm như vậy) bởi vì bà {tự nhủ ⇔ tự suy nghĩ}: ^{NGT756} “Nếu/Khi ta đụng đến (Ngài/Chúa Giê-su, hay) ngay cả áo choàng/tua áo của Ngài/(Chúa) Giê-su, ta sẽ được (Chúa/Đức Chúa Trời) {cứu ⇔ chữa lành bệnh}.” **22** Rồi thì (Chúa) Giê-su {quay lại và thấy bà và nói ⇔ quay lại. Khi Ngài thấy bà, Ngài nói} (với bà): “{Hãy can đảm lên ⇔ Hãy vui lên}, ⁷⁵⁷ {con gái/bạn (của Ta) ⇔ bà}! {Đức tin của con (noi Ta) đã ⁷⁵⁸ cứu/chữa lành con (khỏi bệnh). ⇔ Con được cứu/chữa lành bởi vì con đã tin/tin cậy

⁷⁴⁹ **9:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 8:42, đây là đứa con gái duy nhất của viên chức này.

⁷⁵⁰ **9:19** Có thể tự nhiên hơn nếu nói như sau: “Nên Chúa Giê-su đứng dậy và đi theo ông ta, và các môn đệ của Ngài cùng (đi) với (Ngài).” Hay bạn có thể nói: “Vậy nên Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài đứng dậy và đi theo ông ấy.”

⁷⁵¹ **9:20** Một số bản dịch bỏ không chuyển ngữ “hãy nhìn” ở đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là đáng ngạc nhiên khi một người đàn bà bị bệnh xuất huyết dầm đi vào đám đông, lại còn muốn đụng đến một người nữa. Theo Lê-vi-ký 15:25–33, người đàn bà được coi là “ô uế/không tinh sạch” trong suốt mười hai năm bà bị bệnh xuất huyết. Bất cứ một người nào tiếp xúc với bà cũng trở thành “ô uế/không tinh sạch” (Lê-vi-ký 5:3).

⁷⁵² **9:20** Hãy chuyển ngữ “bệnh xuất huyết” ở đây và ở trong chủ đề cách nào mà **không** làm cho người ta mắc cỡ và khó chịu. **Không** nên làm cho người đọc tưởng là bà lúc nào cũng xuất huyết. Bà có nan đề về kinh nguyệt mỗi tháng làm bà phải khổ sở.

⁷⁵³ **9:20** Cần nên rõ là người đàn bà có ý định đụng đến áo choàng/áo của Chúa Giê-su **rất nhẹ**. Đây **không** phải một sự tình cờ.

⁷⁵⁴ **9:20** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể chỉ về “gấu/viên áo” hay một trong những “tua áo” của thất lưng mà người Do Thái thường thắt ở ngang lưng chạy dài xuống gấu của áo choàng (Dân Số Ký 15:37–41, Phục Truyền 22:12). Cái nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả. BDC, BDY dùng “trôn áo”, BDM dùng “gấu áo”, BCG dùng “tua”.

⁷⁵⁵ **9:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đàn ông thường mặc áo choàng dài tới cổ tay và cổ chân.

⁷⁵⁶ **9:21** Bạn có thể nói: “Nếu tôi chỉ sờ đến áo choàng/áo của Ngài/Chúa Giê-su.”

⁷⁵⁷ **9:22 “Con gái/bạn của Ta”** là cách lịch sự để một người có thẩm quyền gọi người kém hơn mình. **Không** nên làm cho người đọc hiểu là người đàn bà này là con gái ruột của Chúa Giê-su, hay giống như Chúa Giê-su đang nói chuyện với một em bé gái. Chắc chắn là **không** nên hàm ý có chút tình ý hay quan hệ tình dục gì. Một số ngôn ngữ không có từ nào thích hợp để dùng có thể chỉ để hàm ý thôi. Hãy xem bạn làm như thế nào với trường hợp tương tự ở trong câu 2. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu để từ này ngay **đầu** câu đối thoại.

⁷⁵⁸ **9:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Từ dùng trong bản Hy-lạp ở đây có thể dùng để nói tới việc được cứu về phần thuộc linh hay thể chất (tức là được chữa lành). Chúa Giê-su có thể muốn nói đến cả hai ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Từ này cũng có cả hai ý nghĩa như vậy ở trong Ma-thi-ơ 9:21, 14:36.

rằng Ta sẽ chữa lành/giúp đỡ cho con.}” <Và> {từ giờ phút đó ⇔ ngay lập tức} {người đàn bà ⇔ bà} được cứu/chữa lành/khỏe mạnh.

23 Rồi (Chúa) Giê-su (và những người ở với Ngài) {(tiếp tục đi cho tới khi họ) đến ⇔ tới} nhà người lãnh đạo Do Thái. <Và>/Tại đó (Ngài/họ) thấy ⁷⁵⁹ những người thổi sáo (đang chơi nhạc đám ma) và đám đông đang than khóc lớn tiếng. **24** (Nhưng) Ngài/(Chúa) Giê-su nói ⁷⁶⁰[với họ]: ⁷⁶¹“{Đi ⇔ Tất cả mọi người có thể đi} đi/về nhà, (không cần phải than khóc ở đây,) bởi vì {đứa ⁷⁶²con gái ⇔ cô bé} không chết, {nhưng đang ⇔ cô bé chỉ} ⁷⁶³ngủ.” <Và>/Nhưng (khi họ nghe điều đó,) họ cười/chế nhạo Ngài/(Chúa) Giê-su (bởi vì cô bé này đã chết ⇔ bởi vì họ biết rằng cô bé đã chết). **25** <Rồi> ⁷⁶⁴{sau khi đám đông đã bị ^{NTT}đuổi đi/ra lệnh đi ra (nhà) ⇔ sau khi Ngài/(Chúa) Giê-su ^{NTT}đuổi/ra lệnh cho đám đông ra khỏi}, (Ngài/Chúa Giê-su) đi vào (phòng của cô gái), cầm ⁷⁶⁵tay cô bé và cô bé ⁷⁶⁶{được nâng lên ⇔ đứng dậy ⇔ được sống lại}. **26** <Và> {tin này ⇔ tin tức (về cô bé) ⇔ tin tức (về điều Chúa Giê-su đã làm)} được đồn ra ^{GTK767}{khắp vùng/địa bàn ⇔ toàn tỉnh Ga-li-lê ⇔ vùng chung quanh (thành) Ca-bê-na-um}.

-
- ⁷⁵⁹ **9:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhạc sĩ và các người đàn bà khóc muốn được thuê để hướng dẫn những người còn lại trong đám tang than khóc. Ngay cả người nghèo nhất ít nhất phải có hai người thổi sáo và một người đàn bà khóc muộn trong tang lễ. Có thể có nhiều nhạc sĩ và người khóc muộn ở trong tang lễ của con gái viên chức trong hội đường này.
- ⁷⁶⁰ **9:24** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**với họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY, BCG) **không có**, nhưng hàm ý. Hãy làm thế nào nghe cho tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.
- ⁷⁶¹ **9:24** Hãy chuyển ngữ “**Đi/Về nhà**” một cách lễ phép, **không** xằng xớm.
- ⁷⁶² **9:24** Mác 5:42 cho biết cô gái này được **12 tuổi**. Hãy nói thế nào ở đây nghe cho thích hợp với một cô bé gái ở tuổi đó.
- ⁷⁶³ **9:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su biết rằng cô bé đã chết, nhưng chết giống như ngủ đối với Ngài. Ngài nói về việc La-xa-rô chết tương tự như vậy trong Giảng 11:11–14 (cũng hãy xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13–14; 5:10).
- ⁷⁶⁴ **9:25** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Chúa Giê-su ^{NTT}đuổi/ra lệnh cho đám đông ra khỏi nhà, rồi Ngài đi vào (phòng của cô bé)...”
- ⁷⁶⁵ **9:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, nếu một người đụng đến người chết, người ấy trở nên “ô uế” (Dân số 19:11–22). Vì Ngài làm cho cô bé sống lại, Ngài không bị ô uế.
- ⁷⁶⁶ **9:25** Động từ dùng trong bản Hy-lạp có nghĩa là “nâng lên”. Bản Hy-lạp dùng “cô bé được nâng lên”. Qua suốt Tân Ước động từ này có thể có nghĩa là: “đứng dậy” (Thí dụ: Ma 1: 24, 2:13-14, 8:15, 26; 25:7) hay “được sống lại” (Thí dụ Ma 11:5). Thông thường động từ này có nghĩa là “đứng dậy”. Các học giả Kinh Thánh nghĩ nó chỉ có nghĩa là “được làm cho sống lại” khi ngữ cảnh nói đến sự sống lại. Trong câu này cả hai ý nghĩa đều thích hợp với ngữ cảnh. Các bản tiếng Việt dùng “đứng/ngồi/chờ dậy” ở đây và ở trong Ma 12:42. Tuy nhiên cùng một động từ này được chuyển ngữ là “được sống lại” trong những chỗ khác (Thí dụ Ma 14:2; 20:19; 26:32; 27:52, 63-64; 28:6-7). Bạn có thể muốn dùng từ cho nhất quán và dùng “sống lại” trong câu này.
- ⁷⁶⁷ **9:26** Cụm từ “**khắp vùng/địa bàn**” được có hai ý nghĩa. Cụm từ này có thể nói đến “toàn tỉnh Ga-li-lê” hay “vùng/địa bàn chung quanh thành Ca-bê-na-um”. Có thể để thông tin đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

9:27-31 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Hai Người Mù

27 <Và> sau khi (Chúa) Giê-su rời khỏi {đó ⇔ nhà của người lãnh đạo (Do Thái)}, có hai người mù (bắt đầu) đi theo ⁷⁶⁸[Ngài] ⁷⁶⁹{la lớn và nói (với Ngài) ⇔ và kêu xin}: “(Xin) {hãy thương xót chúng tôi ⇔ nhân từ với chúng tôi} (và chữa lành/giúp đỡ chúng tôi), ⁷⁷⁰{Con cháu của (Vua) Đa-vít ⇔ Người Thừa Kế nước của (Vua) Đa-vít}!”

28 <Và/Nhưng> Ngài/(Chúa) Giê-su đi vào ^{GTK771}nhà (nơi Ngài trú ngụ). (Hai) người mù {đi đến với Ngài ở trong ⇔ đi theo Ngài vào trong} (nhà) (và cứ nài xin Ngài ^{NTT}chữa lành/giúp đỡ họ). Vậy nên (Chúa) Giê-su hỏi họ: “Các con có tin rằng Ta có thể {làm điều này (cho các con) ⇔ chữa lành cho con ⇔ làm cho các con sáng mắt} không?” Họ trả lời Ngài: “^{GTK772}(Thưa) Thầy/Ngài có ⁷⁷³(chúng con tin rằng Thầy có thể chữa lành mắt cho chúng con ⇔ chúng con tin rằng Ngài có thể làm cho chúng con sáng mắt).” 29 Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su sờ mắt họ (và) phán: “{Theo đức tin/sự tin tưởng (nơi Ta) của các con ⇔ Vì các con tin rằng Ta có thể chữa lành cho các con,} {hãy xảy ra như vậy cho các con ⇔ các con sẽ được chữa lành}.” 30 <Và> ⁷⁷⁴(lập tức) {mắt họ mở ra/được chữa lành ⇔ họ được sáng mắt}. Rồi (Chúa) Giê-su ⁷⁷⁵{ngghiêm dặn ⇔ ngghiêm khắc cảnh cáo} họ <bằng cách nói>: “{Đừng để ai phát hiện ⇔ Chắc chắn đừng nói cho ai biết} (về điều này

⁷⁶⁸ 9:27 Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC) có “Ngài” ở đây. Tuy nhiên, một số (và BDM, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

⁷⁶⁹ 9:27 Khi bạn chuyển ngữ là “la lớn” **không** nên hàm ý là những người mù này giận dữ hay nổi điên—họ chỉ cố gắng để lấy sự chú ý của Chúa Giê-su.

⁷⁷⁰ 9:27 “Con cháu của Đa-vít” là một tước hiệu đặc biệt được dùng để nói đến Đấng Cứu Thế, Đấng mà người Do Thái mong đợi sẽ thừa kế vương quốc của Vua Đa-vít, tức là, cai trị họ giống như Vua Đa-vít đã cai trị tổ tiên họ ngày xưa. Bạn có thể nói như sau cho rõ ràng: “Người thừa kế vương quốc của (Vua) Đa-vít”. Chúa Giê-su **không phải** là con ruột của Đa-vít, nhưng là dòng dõi của vua. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng cách gọi **đích danh** ở đầu câu đối thoại và nói: “(Đấng được gọi là) Con Cháu/Dòng Dối của (Vua) Đa-vít, (xin) hãy thương xót...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Khi người mù gọi Chúa Giê-su là “Con cháu/dòng dõi của Đa-vít”, họ dùng một tước vị mà người Do Thái ý thức là họ đề cập đến Đấng Cứu Thế. Người Do Thái mong đợi Đấng Cứu Thế chữa lành cho người ta và để cai trị họ như Vua Đa-vít đã cai trị tổ tiên của họ ngày xưa (Thi-thiên 89:3–37, Ê-sai 29:18–19, 35:5–6; Giê-rê-mi 23:5–6, Ê-xê-chi-ên 34:23–24).

⁷⁷¹ 9:28 Mặc dù bản Hy-lạp **không** nói, có lẽ **nhà** này ở tại Ca-bê-na-um (câu 1). Chúng ta **không** biết đó có phải là nhà của Ma-thi-ơ (câu 10) hay Phê-rô hay một ai khác, vậy nên tốt nhất nên chuyển ngữ từng từ một nếu được. Hay bạn có thể nói: “Ngài/Chúa Giê-su đi vào trong nhà”.

⁷⁷² 9:28 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Chúa” trong Ma 8:2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. “Thầy/Ngài” có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói “Thầy (của chúng tôi)”.

⁷⁷³ 9:28 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ ra **thông tin hàm ý** sau đây. Tuy nhiên, đối với nhiều ngôn ngữ khác tốt nhất là để hàm ý như bản Hy-lạp.

⁷⁷⁴ 9:30 Để nói rõ là **không có sự tri hoãn** nào giữa khi có mệnh lệnh của Chúa Giê-su và việc lành bệnh của hai người mù, bạn có thể nói: “(lập tức) mắt họ mở ra/được chữa lành.” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự ở trong 9:7.

⁷⁷⁵ 9:30 Chúa Giê-su ngghiêm khắc **cảnh cáo** hai người này, **không** đe dọa làm hại họ. Trong bản Hy-lạp dùng một thành ngữ để cho thấy Chúa Giê-su đây cảm xúc. Có lẽ Ngài **không** giận dữ, nhưng **rất ngghiêm trọng**. Bạn có thể nói: “Chúa Giê-su ngghiêm khắc ra lệnh cho họ: ‘Đừng nói với ai...’”

⇔ về cách các con được chữa lành ⇔ về ai đã chữa lành cho các con).” **31** Nhưng (thay vì vâng lời Chúa Giê-su,) {họ ⇔ hai người được chữa lành} {đi ra ⇔ rời khỏi nhà} (và ^{NTT776}loan (tin) về Ngài/(Chúa) Giê-su ^{GTK777}{khắp vùng/địa bàn ⇔ toàn tỉnh Ga-li-lê ⇔ vùng chung quanh (thành) Ca-bê-na-um}).

**9:32-34 (Chúa) Giê-su Chữa Lành {Một Người Câm
⇔ Một Người Không Thể Nói Được}**

32 <Sau đó> trong khi ^{GTK778}{họ ⇔ hai người được (Chúa) Giê-su chữa lành ⇔ (Chúa) Giê-su, các môn đệ của Ngài và đám đông} từ (đó/nhà) đi ra, {<hãy nhìn>, họ ⇔ một số người} đem đến cho Ngài/(Chúa) Giê-su {một người câm bị quỷ ám ⇔ một người không nói được vì bị tà linh điều khiển} ^{NTT}(để được chữa lành ⇔ và xin Ngài/(Chúa) Giê-su chữa lành cho người ấy). **33** ⁷⁷⁹<Và> {khi ⇔ ngay khi} (Ngài/Chúa Giê-su) ^{NTT}đuổi/trừ {quỷ ⇔ tà linh} ra (khỏi người câm), {người câm ⇔ người ấy} nói được, và ⁷⁸⁰{các đám đông ⇔ đám đông lớn ⇔ tất cả mọi người} {khâm phục ⇔ đều kinh ngạc} nói (với nhau): “{Không có việc gì ⇔ Đây là lần đầu tiên có việc} giống như việc này {được thấy ⇔ được xảy ra} trong (nước) Do Thái!” **34** Nhưng những người Pha-ri-si nói với nhau: “{Đó là với (quyền năng đến từ Sa-tan,) kẻ cai trị/lãnh đạo ma quỷ, (mà) Ngài/(Chúa) Giê-su ^{NTT}đuổi/trừ quỷ xuất ra khỏi (người ta)! ⇔ (Sa-tan,) kẻ cai trị/lãnh đạo các tà linh, cho Ngài/(Chúa) Giê-su quyền năng để ^{NTT}đuổi/trừ những tà linh khác xuất ra khỏi (người ta)!}”

**9:35-38 {Mùa Gặt Thì Trúng ⇔ Có Nhiều Người Sẵn Sàng
Nghe Về Nước/Sự Cai Trị Đức (Chúa) Trời}**

35 Sau đó (Chúa) Giê-su đi du hành ⁷⁸¹(với các môn đệ của Ngài) khắp các thành thị và làng mạc (và ⇔ Trong khi họ du hành, Ngài/Chúa Giê-su) đã dạy dỗ (dân chúng/người Do Thái) trong các {hội đường ⇔ nhà nguyện/nhà họp} và giảng/tuyên bố/thông báo (cho họ) về {Phúc Âm ⇔ sứ điệp/tin tức tốt lành} về {Nước/sự cai trị (Thiên Đàng/Đức Chúa

⁷⁷⁶ **9:31** Bạn có thể nói: “...nói với dân chúng ^{GTK} toàn vùng/địa bàn đó về điều Chúa Giê-su đã làm.”

⁷⁷⁷ **9:31** Hãy nhất quán trong việc chuyển ngữ “**khắp vùng**” ở trong câu 26.

⁷⁷⁸ **9:32** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**họ**” ở đây muốn nói đến hai người Chúa Giê-su vừa chữa lành, vì họ là chủ từ của câu 31. Tuy nhiên, một số khác nghĩ rằng nói đến Chúa Giê-su, các môn đệ của Ngài và đám đông.

⁷⁷⁹ **9:33** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Rồi thì (Ngài/Chúa Giê-su) ^{NTT}đuổi/trừ {quỷ ⇔ tà linh} ra khỏi (người này), và lập tức người ấy (bắt đầu) nói. Đám đông ngưỡng mộ (và) nói...”

⁷⁸⁰ **9:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**các đám đông**” trong Ma 9:8.

⁷⁸¹ **9:35** Đối với một số ngôn ngữ cần phải **giới thiệu các môn đệ** của Chúa Giê-su ở đây (hơn là ở trong câu 37) để tránh nhầm lẫn.

Trời) ⇔ cách Đức Chúa Trời cai trị (con người)}. ⁷⁸² {<Và> (Ngài) ⇔ Ngài cũng} chữa lành (cho người ta) khỏi ⁷⁸³ tất cả các thứ bệnh tật và <mọi loại> đau yếu. **36** <Sau đó> ⁷⁸⁴ khi (Ngài/Chúa Giê-su) thấy ^{GTK} {các đám đông ⇔ đám đông lớn ⇔ tất cả dân chúng} (đang đi theo Ngài), Ngài động lòng thương xót họ, bởi vì họ {bối rối/lo lắng và yếu đuối/hư mất về phần thuộc linh ⇔ không có ai dạy họ về Đức Chúa Trời và giúp đỡ họ về những nhu cầu thuộc linh, giống như} (một đàn) ⁷⁸⁵ chiên {mà không có ⇔ không có} ⁷⁸⁶ {người chăn/người chăm sóc/người lãnh đạo ⇔ một người nào hướng dẫn và chăm sóc họ}. **37** Rồi thì Ngài/(Chúa) Giê-su nói với các môn đệ của Ngài: “(Giống như) mùa gặt (trong những cánh đồng chung quanh chúng ta) (thì) trúng, ⁷⁸⁷ (có nhiều người sẵn sàng nghe/tin tưởng sứ điệp của Đức Chúa Trời) Nhưng (chỉ có) ít/không đủ {người làm việc/thợ gặt ⇔ những người đi ra} (nói cho họ biết về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ hướng dẫn họ tin cậy nơi Đức Chúa Trời). **38** Vì vậy ⁷⁸⁸ hãy xin (Đức Chúa Trời,) Chúa/Chủ của mùa gặt/đồng lúa/thế giới, ^{NTT} sai đến (nhiều) người làm việc {để gặt lúa ⇔ nói/dạy người ta/người khác về sứ điệp của Ngài}.”

⁷⁸² **9:35** Trong bản Hy-lạp câu sau đây thật ra là một phần của câu trước. Hãy quyết định xem để **một câu** như ở trong bản Hy-lạp hay chia ra làm **hai** câu nghe tự nhiên hơn. Hãy xem bạn làm như thế nào với cùng một câu tương tự ở trong Ma 4:23.

⁷⁸³ **9:35** “**mọi loại bệnh tật và mọi loại đau yếu**” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh. Hãy xem bạn làm như thế nào ở trong Ma 4:23.

⁷⁸⁴ **9:36** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Rồi thì> (Ngài/Chúa Giê-su) thấy đám đông (đi theo Ngài) (và) thương xót họ...”

⁷⁸⁵ **9:36** Khái niệm về **chiên** là một khái niệm thông thường và rất quan trọng trong Kinh Thánh đến nỗi bạn nên hết sức cố gắng giữ “chiên” ở đây (và ở những chỗ khác) trong bản dịch của bạn. Nếu trong địa bàn của bạn **không** có **chiên** bạn có thể nói “(các con vật gọi là) chiên”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nhiều đoạn trong Cựu Ước nói đến dân sự của Chúa như chiên và đề cập đến Đức Chúa Trời như người chăn chiên. Hãy xem thí dụ ở trong Thi-thiên 23 và Ê-xê-chi-ên 34:11–16. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về người chăn chiên ở trong Ma-thi-ơ 2:6.

HÌNH ẢNH đề nghị: Một đàn chiên với vài người chăn.

⁷⁸⁶ **9:36** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**người chăn**” ở Ma 2:6.

⁷⁸⁷ **9:37** Thay vì phải nói rõ ra quá nhiều **thông tin hàm ý**, bạn có thể theo sát nguyên văn bản Hy-lạp và kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su dùng cách nói tượng hình ở đây. Mùa gặt tượng trưng cho những người sẵn sàng nghe sứ điệp của Đức Chúa Trời, những thợ gặt tượng trưng cho con dân Chúa là những người đi ra nói về sứ điệp của Đức Chúa Trời, và người chủ mùa gặt tượng trưng cho Đức Chúa Trời.

⁷⁸⁸ **9:38** Bạn có thể **phối hợp** ẩn dụ sau đây với ý nghĩa của nó và nói: “Vì vậy, **giống như** một người nông dân gửi nhiều thợ gặt ra đồng để gặt lúa, **hãy xin/nài xin** (Đức Chúa Trời,) Chúa/Chủ của thế giới, sai nhiều thợ gặt/người làm việc tới để nói/dạy người ta/người khác về sứ điệp của Chúa.”

Bài Giảng 2: Chương 10 (Chúa) Giê-su^{NTT} Sai Mười Hai {Sứ Đồ ↔ Môn Đệ} Đi Ra Nói Cho Mọi Người Biết^{NTT} Về {Nước ↔ Sự Cai Trị} Của Đức Chúa Trời

Mác 3:13-19; Lu-ca 6:12-16

10 1 Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su^{NTT} gọi mười hai môn đệ của Ngài đến (và)^{NTT} ban cho họ¹ thẩm quyền/quyền năng {trên² uế/tà linh để họ có thể đuổi/trừ chúng xuất ra khỏi (người ta) ↔ để đuổi/trừ các uế/tà linh ra khỏi (người ta)} và (thẩm quyền/quyền năng) chữa lành³ các thứ bệnh tật và <mọi loại> đau yếu. 2 <Và> tên của⁴ mười hai⁵ {sứ đồ/sứ giả ↔ người mà Ngài/(Chúa) Giê-su sai đi với thẩm quyền của Ngài} là: ^{GTK6}{trước nhất, ↔ người lãnh đạo ↔ người đầu tiên trong danh sách là} Si-môn, cũng gọi là Phê-rơ,⁷ và/rồi đến⁸ Anh-rê em của Phê-rơ; và/rồi đến {Gia-cơ (con trai) của Xê-bê-đê và em Gia-

¹ 10:1 Khi chuyển ngữ “**thẩm quyền/quyền năng**” không nên đề cập đến một tài khéo có thể học được hay sức mạnh về thể chất.

² 10:1 “**uế linh**” là một tà linh (hay quỷ) làm việc cho Sa-tan là kẻ cai trị chúng. Linh này không phải do bản và **không** phải là linh hồn của một người chết.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Khi một người bị tà linh ám/điều khiển người đó được coi như là “ô uế/không tinh sạch”. Khi nói “ô uế/không tinh sạch” không có nghĩa là người đó do bản về phần thể chất, nhưng về phần thuộc linh không được giao thiệp hay thờ phượng Chúa với những người khác cho đến khi được giải phóng khỏi tà linh và dâng tế lễ để trở nên “tinh sạch” trở lại. Bất cứ ai đụng đến người “ô uế/không tinh sạch” cũng trở nên “ô uế/không tinh sạch”.

³ 10:1 “**mọi loại bệnh tật và mọi loại đau yếu**” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh. Hãy nhất quán về cách bạn chuyển ngữ ở 4:23, 8:17 và 9:35. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong Ma 4:23.

⁴ 10:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dân Y-sơ-ra-ên/Do Thái có mười hai tổ phụ, một số có cùng một tên với các môn đệ của Chúa Giê-su.

⁵ 10:2 Nên chắc chắn là mười hai **sứ đồ** được đề cập đến ở đây cũng chính là mười hai môn đệ được nhắc đến ở trong câu 1. Tước vị “**sứ đồ**” có nghĩa là “**người được sai đi**”. Trong tiếng Hy-lạp một “người được sai đi” có đầy đủ thẩm quyền của người sai họ đi. Chúa Giê-su sai các môn đệ của Ngài đi thi hành sứ mệnh là nói cho mọi người biết về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời. Bạn có thể chuyển ngữ là “**giáo sĩ**”. Tuy nhiên, có những nơi ở trên thế giới từ “giáo sĩ” có sự ám chỉ/ý nghĩa tiêu cực, tốt hơn nên nói là “sứ giả/đại diện/đại sứ”. Tuy nhiên, có lẽ tốt nhất là **tránh** dùng từ có ý nghĩa/ám chỉ về chính trị. Bạn nên phân biệt chắc chắn các bạn chuyển ngữ “**sứ đồ**” với cách bạn chuyển ngữ “**thiên sứ**” và “**tiên tri**” trong Kinh Thánh (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong Ma 1:20).

⁶ 10:2 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**trước nhất**” có nghĩa là Phê-rơ là người **lãnh đạo** ở giữa các môn đệ (cũng hãy xem Ma 16:18). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nó đề cập đến sự kiện Phê-rơ được nhắc đến đầu tiên trong danh sách các môn đệ. Điều này **không** có nghĩa Phê-rơ là người đầu tiên được Chúa Giê-su gọi để trở thành môn đệ của Ngài (Giăng 1:41–42).

⁷ 10:2 Có thể việc dùng liên từ “**và/rồi đến**” giữa các tên trong danh sách như thế này nghe tự nhiên hay có thể không tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. Đừng làm theo bản Hy-lạp hay bản tiếng Việt trong cách dùng liên từ. Thí dụ, bạn có thể để tên các môn đệ vào một cột, mỗi tên một hàng.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Tên các môn đệ của Chúa Giê-su được liệt kê ra từng đôi một, có lẽ đó là cách Ngài sai họ đi ra. Đó là cách Chúa Giê-su làm ở trong Mác 6:7 và Lu-ca 10:1.

⁸ 10:2 **Không** chắc chắn là Anh-rê già hơn hay trẻ hơn Si-môn Phê-rơ. Hãy xem cách bạn làm ở trong Ma-thi-ơ 4:18 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đây.

cơ là ⁹Giăng ⇔ Gia-cơ và Giăng là con trai của Xê-bê-đê}; **3** Phi-líp và ¹⁰Ba-tô-lô-my; Tô-ma và Ma-thi-ơ ¹¹người thu thuế; ¹²Gia-cơ (con trai) của A-phê, ¹³<và> ¹⁴Tha-đê; **4** Si-môn ^{GTK15}{(người thuộc đảng) Zealot ⇔ người cách mạng ⇔ tranh đấu cho tự do ⇔ là thuộc viên của một nhóm tranh đấu để giải phóng người Do Thái ra khỏi sự cai trị của người La-mã ⇔ [người Ca-na-an]}, và (sau hết là) Giu-đa ^{GTK16}Ích-ca-ri-ốt, ¹⁷<cũng> là người ¹⁸(sau này) phản/giao Ngài/(Chúa) Giê-su (cho kẻ thù của Ngài).

5 (Chúa) Giê-su/Chúa sai mười hai (sứ đồ/môn đệ/người) đi ra (khắp nơi/mọi thành phố) bằng ¹⁹cách ra lệnh/chỉ thị/bảo họ <(và) nói>: ²⁰“Đừng đi {vào đường dẫn tới dân

⁹ **10:2** Giăng có lẽ là em của Gia-cơ.

¹⁰ **10:3** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ba-tô-lô-my có nghĩa là “Con trai của Tô-lô-my”. Tên riêng của ông có thể là Na-tha-na-ên (hãy xem Giăng 1:43–51).

¹¹ **10:3** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải liệt kê tên của mười hai môn đệ **một cách riêng rẽ** khỏi các thông tin được nói đến ở trong các câu 2–4 để tránh lộn xộn.

¹² **10:3** Đây là một **Gia-cơ** khác hơn là Gia-cơ được nhắc đến ở câu 2. Đối với một số ngôn ngữ có thể bạn cần phải nói “một Gia-cơ (khác)”, nhưng không nên làm cho người đọc hiểu là A-phê có nhiều hơn là một người con tên Gia-cơ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su có hai môn đệ tên là Gia-cơ và hai môn đệ tên là Si-môn.

¹³ **10:3** Lê-ba-út là một môn đệ khác của Chúa Giê-su, **không** phải là cha của Gia-cơ.

¹⁴ **10:3** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Tha-đê (Ma-thi-ơ 9:3, Mác 3:18) và Giu-đa con của Gia-cơ là cùng một người.

¹⁵ **10:4** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có từ Hy-lạp “người Ca-na-an” ở đây, trong tiếng A-ram có nghĩa là “**Người quá khích**”. Từ này không có nghĩa là “người Ca-na-an”. Đa số các bản dịch (BDY dùng “đảng viên Xê-lốt” (như trong Lu-ca 6:15). (BCG dùng từ Quá Khích). Tuy nhiên, nhiều bản thảo chính khác (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) dùng “**người Ca-na-an**”, có nghĩa là “người từ (thành) Ca-na”. Trong bất cứ trường hợp nào, nhóm từ này được thêm vào ở đây để giúp phân biệt hai Si-môn với nhau.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Quá khích” hoặc là được dùng để mô tả sự tận hiến của Si-môn trong công việc hầu việc Chúa hay là tên của một nhóm võ trang người Do Thái muốn dành độc lập thoát khỏi sự cai trị của người La-mã. Nhóm Quá Khích được khởi đầu ở tại tỉnh Giu-đê khoảng năm 6 S.C. để chống lại việc đóng thuế cho Sê-sa (Hoàng Đế). Họ coi việc trả thuế cho một Vua ngoại giáo như là phản quốc đối với Đức Chúa Trời. Người La-mã đè bẹp nhóm cách mạng đó, nhưng trong năm 66 S.C đảng Quá Khích này hướng dẫn một cuộc cách mạng khác chống lại người La-mã làm cho thành Giê-ru-sa-lem hoàn toàn bị phá hủy vào năm 70 S.C.

¹⁶ **10:4** Đa số các bản dịch (và BDM, BDC, BCG, BDY) phiên âm “**ích-ca-ri-ốt**” như một phần trong tên của Giu-đa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa là “từ thành **Ga-ri-ốt**”— có hai thành ở trong Kinh Thánh có tên đó (Giô-suê 15:25, Giê-rê-mi 48:24). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ là nó có nghĩa là “kẻ nói dối”, “lừa gạt” hay “kẻ ám sát”.

¹⁷ **10:4** Trong ngữ cảnh này “**cũng**” có nghĩa là “ngoài việc là một trong mười hai môn đệ”. Từ này **không** có nghĩa là có những người khác nữa phản Chúa Giê-su ngoài Giu-đa.

¹⁸ **10:4** **Không** nên làm người đọc hiểu là Giu-đa đã phản Chúa Giê-su vào thời điểm này.

¹⁹ **10:5** Khi chuyển ngữ “**ra lệnh**” **không** nên hàm ý rằng Chúa Giê-su giận dữ. Ngài đang ban chỉ thị cho các môn đệ của Ngài.

²⁰ **10:5** Có thể rõ ràng hơn nếu **rút ngắn** phần còn lại của câu 5 và nói: “Đừng đi vào đất của dân ngoại quốc hay người Sa-ma-ri, ...”

ngoại quốc ⇔ vào nơi người ngoại quốc sống} và đừng đi vào {(các) làng/thành phố ²¹Sa-ma-ri ⇔ làng/thành phố nơi người Sa-ma-ri ở}, **6** ²² nhưng thay vào đó hãy đi đến {²³những chiên lạc/người lạc mất của nhà/nước Y-sơ-ra-ên ⇔ những người Y-sơ-ra-ên bị hư mất về phần thuộc linh giống như chiên đi lạc ⇔ những người Y-sơ-ra-ên đã lìa xa Đức Chúa Trời giống như chiên đã đi lạc xa khỏi người chăn/chủ/người chăm sóc chúng}. **7** <Sau đó> ²⁴ trong khi (các con) đi, giảng/tuyên bố/thông báo cho họ <nói> ^{NTT} rằng ^{GTK25}{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời đã đến gần ⇔ Đức Chúa Trời ở đây để cai trị/hướng dẫn (nhân loại/họ) ⇔ Đức Chúa Trời sắp cai trị/hướng dẫn (nhân loại/họ)}. **8** ²⁶ Hãy chữa lành (cho người) đau yếu, cứu kẻ chết sống lại, làm sạch/chữa lành ²⁷{người cùi ⇔ những người bị bệnh cùi}, (và) ^{NTT} đuổi/trừ {quỷ ⇔ tà linh} xuất ra khỏi (người ta). {Các con đã nhận ⇔ Ta đã ban cho các con ⇔ Đức Chúa Trời đã ban cho các con} (sự giúp đỡ/phước hạnh ⇔ quyền năng/thẩm quyền đó) một cách miễn phí, (cũng như vậy.) {cho (người khác) ⇔ giúp đỡ/chữa lành cho người ta ⇔ làm những việc đó cho người ta} miễn phí. **9** (Hãy đi mình không.) Đừng ^{GTK28} mang theo (chút) {vàng, bạc hay đồng ⇔ tiền} <trong bọc đựng tiền/túi ⇔ với các con> (khi đi đường)/. **10** {hay ⇔ Không đem

- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Kế hoạch của Đức Chúa Trời là ban cho nhân loại sự cứu rỗi bằng cách làm trọn giao ước với dân của Ngài (Sáng-thế Ký 22:18, 26:4; Giăng 4:22). Đó là lý do Chúa Giê-su đến thế gian này như một người Do Thái và khởi đầu chức vụ của Ngài giữa vòng người Do Thái (Ma-thi-ơ 15:24). Chúa Giê-su nói rộng chức vụ đó bao gồm tất cả mọi dân tộc, kể cả người ngoại quốc (Ma-thi-ơ 8:11, 21:43, 24:14, 28:19–20; Công Vụ 1:8, 13:46–48; La-mã 1:16; 11).
- ²¹ **10:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Sa-ma-ri là người Do Thái lai, không phải người Do Thái thuần chủng. Vào năm 722 T.C. người A-si-ri đem người Y-sơ-ra-ên (Do Thái) ở vương quốc phía bắc về lưu đày trên nước của họ, nhưng để lại một số người Do Thái tại nước Y-sơ-ra-ên. Những người Do Thái này kết hôn với những người ngoại quốc được người A-si-ri mang đến nước Y-sơ-ra-ên. Kết quả là dân Sa-ma-ri (2 Các Vua 17:24). Người Do Thái thuần chủng ghét người Sa-ma-ri và coi họ là “ô uế/không tinh sạch”.
- ²² **10:6** Đối với một số ngôn ngữ, có thể dùng cùng một từ để bắt đầu một **câu mới** nghe tự nhiên hơn.
- ²³ **10:6** Trong ngữ cảnh này “**chiên lạc**” đề cập đến những người đã **đi lạc** xa khỏi Đức Chúa Trời. Có thể để thông tin đó ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hoặc nếu **không** chuyển ngữ sát từng từ một, hãy để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.
- ²⁴ **10:7** Có thể tự nhiên hơn nếu để “**trong khi (các con) đi**” hàm ý ở đây, vì nó đã được đề cập đến ở trong câu 6.
- ²⁵ **10:7** Xem cách bạn chuyển ngữ “**Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời đã đến gần**” trong Ma 3:2 và 4:17. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở 3:2.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giăng Báp-tít, Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài công bố cùng một sứ điệp (Ma-thi-ơ 3:2, 4:17).
- ²⁶ **10:8** Có thể tự nhiên hơn nếu dùng một số **liên từ** trong những mệnh lệnh này. Làm thế nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.
- ²⁷ **10:8** Xem cách bạn chuyển ngữ “**người cùi**” trong Ma 8:2–4.
- ²⁸ **10:9** Từ Hy-lạp được dùng ở đây có nghĩa là “**mang theo**” hay “**chấp nhận**”. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “mang theo” thích hợp với ngữ cảnh nhất (và BDM, BDC, và BDY). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ “chấp nhận” thích hợp hơn. BCG dùng “sắm”, nhưng trong bản Hy-lạp có ý nói là “**đùng mang theo** vàng và bạc với con”.

ngay cả} túi hành lý hay {hai ²⁹áo ⇔ thêm một áo ⇔ quần áo để thay đổi} hay (thêm một đôi) dép/giày hay một cây gậy <khi đi đường>, bởi vì một người làm việc {đáng được hưởng lương thực/tiền lương ⇔ đáng được trả lương ⇔ được cung cấp} (bởi những người họ phục vụ).

11 “Khi nào các con đến một ³⁰{thành phố hay một làng ⇔ chỗ người ta ở}, hãy tìm một người ở đó là người {xứng đáng ⇔ hoan nghênh con} và ³¹hãy ở trọ {tại đó (với người) ⇔ trong nhà người} cho đến khi con đi sang (một thành phố/chỗ khác). **12** <Và> khi các con {đi vào một nhà ⇔ thăm một nhà/gia đình}, ^{NTT}{hãy chào thăm/chúc phước cho họ. ⇔ chào thăm/chúc phước cho người ở đó. ⇔ bảo họ: ³²‘Bình an cho quý vị.’} **13** <Và> {nếu nhà đó ³³xứng đáng ⇔ nếu họ hoan nghênh các con}, {hãy để sự bình an/phước hạnh của các con ở trên họ ⇔ sự bình an/phước hạnh mà Đức Chúa Trời đem lại cho nhà ấy sẽ được giữ lại}. Nhưng nếu họ {không ^{GTK}xứng đáng ⇔ không hoan nghênh các con}, (thì) {hãy lấy lại sự bình an/phước hạnh của các con ⇔ hãy xin Đức Chúa Trời ^{NTT}lấy lại sự bình an/phước hạnh mà các con đã xin Chúa ban cho nhà/gia đình đó}. **14** <Và> ³⁴nếu có ai (trong nhà hay làng) không đón tiếp/hoan nghênh các con và/hay {không ⇔ từ chối} nghe lời/sứ điệp của các con, ³⁵hãy rời khỏi {nhà hay làng đó ⇔ chỗ đó} (và) ³⁶phủ bụi dính vào chân các con (để cho/cảnh cáo họ biết là Đức Chúa Trời

²⁹ **10:10** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “áo” trong Ma 5:40. Chúa Giê-su muốn nói là họ **không** nên đem theo **thêm** quần áo.

³⁰ **10:11** Khi nói “**thành phố hay làng**” Chúa Giê-su đang đề cập tới bất cứ chỗ lớn nhỏ nào mà có người cư ngụ. Hãy tìm từ tương đương trong ngôn ngữ của bạn.

³¹ **10:11** Khi dịch “**hãy ở trọ tại đó**” **không** có nghĩa rằng các môn đệ của Chúa Giê-su phải ở trong nhà trong suốt thời gian họ ở trong một làng.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Không ai biết chắc/rõ tại sao Chúa Giê-su lại ra chỉ thị cho các môn đệ của Ngài chỉ ở trọ trong nhà một người trong suốt thời gian họ ở trong mỗi làng. Nếu họ trọ từ nhà này qua nhà kia, họ có thể ở lâu tại một làng dễ dàng. Một lý do khác nữa là họ không nên làm mất lòng người tiếp đãi họ, hoặc là họ không phải mất thì giờ để đi tìm chỗ trọ tốt hơn. Họ có một công việc quan trọng phải làm cho xong.

³² **10:12** Một câu chào tiêu biểu của người Do Thái là “**Bình an (ở với ông).**” Người Do Thái tin rằng lời chào thăm của họ, cũng là một **lời chúc phước**, có một hiệu quả ngay lập tức trên người mà họ chào. Bạn có thể nói: “Xin Chúa cho quý vị sự bình an.”

³³ **10:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**xứng đáng**” trong câu 11, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

³⁴ **10:14** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Và> nếu không có ai (ở một nhà hay một thành phố) hoan nghênh con hay nghe con, hãy rời...”

³⁵ **10:14** Nếu bạn muốn sắp đặt “**rời khỏi nhà đó hay làng đó**” ở cuối câu 14, vì “hãy phủ bụi dính chân...” phải làm trước.

³⁶ **10:14** **Không** nên thay thế “**phủ bụi dính chân**” bằng nhóm từ khác để thích hợp với văn hoá của bạn vì như vậy sẽ thay đổi sự kiện lịch sử. Nếu cần, tốt hơn là nói rõ lý do phải làm như vậy hay để thông tin trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Sau khi người Do Thái đi trong xứ của người ngoại quốc, họ cần thận phủ bụi dính ở chân và quần áo, bởi vì họ cho là người ngoại quốc và đất họ ở là “ô uest/không tinh sạch”. Chúa Giê-su bảo các môn đệ của Ngài làm như vậy cho những người Do Thái từ khước Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời cho họ thấy là Đức Chúa Trời coi họ là “ô uest/không tinh sạch” và sẽ trừng phạt họ nếu họ không ăn năn..

không đẹp lòng về họ ⇔ cho họ thấy là Đức Chúa Trời đã từ khước họ ⇔ cảnh cáo họ phải ăn năn). **15** ^{GTK37}{Amen/Phải, (hãy làm như vậy,) (và) Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} {trong ³⁸Ngày Đoán Xét ⇔ trong ngày Đức Chúa Trời đoán xét mọi người}, {(những người gian ác của) thành phố ³⁹Sô-đôm và Gô-mô-rơ sẽ được khoan dung hơn là (dân của) thành phố/chỗ đó ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người đó nặng hơn là Ngài sẽ trừng phạt (những người gian ác hồi xưa) sống ở trong tỉnh/thành phố Sô-đôm và Gô-mô-rơ}.”

10:16-31 **Đừng Sợ Những Người Bắt Bớ Các Con**

Mác 13:9-13; Lu-ca 12:2-7, 21:12-17

16 ⁴⁰(Chúa Giê-su tiếp tục nói với các sứ đồ/môn đệ của Ngài:) “<Hãy nhìn>/Hãy nghe, Ta sai các con đi ra (và các con sẽ bị nguy hiểm với kẻ thù của Ta) giống như ⁴¹chiên giữa (đàn) ⁴²chó sói. Vì thế hãy khôn khéo/nhạy cảm/cẩn thận như rắn và/nhưng (hãy) ngây thơ/thành thật/vô hại như các chim bồ câu. **17** <Và> {hãy coi chừng ⇔ hãy cảnh giác} về những người (muốn hại các con), bởi vì họ/một số người sẽ đem các con đến ⁴³các toà án (địa phương) và đánh đòn các con trong {hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/họp của họ}. **18** <Và> các con sẽ bị đem ra xét xử trước mặt ⁴⁴các thống đốc/các nhà lãnh đạo (của họ) và các vua/các nhà cầm quyền {vì có Ta ⇔ bởi vì các con đi

³⁷ **10:15** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “A-men” ở trong Ma 5:18.

³⁸ **10:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Ngày/giờ” trong Ma 7:22, 8:11, 29.

³⁹ **10:15** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dân chúng thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ gian ác đến độ Đức Chúa Trời dùng lửa hủy diệt họ (Sáng-thế Ký 18:17–19:29).

⁴⁰ **10:16** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 5:13 về công thức trích dẫn.

⁴¹ **10:16** Nếu những thú vật đề cập tới trong câu 16 không hiện hữu trong địa bàn của bạn, hay nếu chúng được nhìn với một quan điểm khác, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Nếu làm như vậy làm cho người đọc bối rối và hiểu lầm, bạn có thể để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH** và thay thế cho thích hợp với văn hoá bằng **thú vật** yếu đuối/không tự vệ được (như **chiên**), nguy hiểm/độc ác và phá hoại (như **chó sói** giết và ăn thịt chiên), khôn ngoan/nhạy cảm/cẩn thận (giống như **rắn**), và ngây thơ/thành thật/vô hại (như **chim bồ câu**). Nếu không có thú vật nào được coi như có các đặc tính trên, bạn có thể đặc biệt nói đến các đặc tính đó trong đoạn kinh văn mà không cần phải nói đến thú vật nào cả. Bạn có thể để nguyên văn trong **LỜI CHÚ THÍCH** cùng với lời giải thích sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái coi chiên là yếu đuối/không tự vệ, chó sói là nguy hiểm/độc ác và phá hoại, rắn là khôn ngoan/nhạy cảm/cẩn thận và chim bồ câu là ngây thơ/thành thật/vô hại.

⁴² **10:16** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “chó sói” ở Ma 7:15, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴³ **10:17** Trong bản dịch Tân Ước của bạn, có lẽ bạn muốn phân biệt **toà án địa phương** và **Hội Đồng Quốc Gia** (tức là, toà án cao nhất của người Do Thái) ở tại thành phố Giê-ru-sa-lem.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Toà án địa phương nối kết với hội đồng (nhà nguyện/nhà họp của người Do Thái) địa phương. Các quan toà của toà án này xử các tội nhẹ hơn và có quyền phạt đòn đến 40 roi (Phục 25:3). Hội Đồng Quốc Gia (toà cao nhất của người Do Thái) ở tại thành phố Giê-ru-sa-lem và xử các vụ án nghiêm trọng hơn.

⁴⁴ **10:18** Nhiều nhà học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu 17 cho biết người Do Thái sẽ làm gì và câu 18 cho biết người ngoại quốc sẽ làm gì.

theo/phục vụ Ta}, ⁴⁵{để cho ⇔ kết quả là} (các con sẽ) {là nhân chứng cho họ ⇔ nói với họ} và {người ngoại quốc ⇔ người của họ} (Phúc Âm ⇔ về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ về Ta). **19** <Và> khi/khi nào {chúng ⇔ các kẻ thù của các con/của Ta/chúng ta} {giao các con (cho toà xét xử) ⇔ bắt giam các con để đưa ra toà}, đừng ⁴⁶lo lắng (về) cách (con phải bênh vực mình) hay sẽ nói gì, bởi vì ⁴⁷Đức Chúa Trời {sẽ ban cho các con ⇔ sẽ cho các con biết} điều/lời các con phải nói {vào lúc đó ⇔ trong phiên toà}. **20** (Các con đừng/không cần phải lo lắng), vì các con không phải nói {một mình ⇔ theo ý mình nghĩ}, nhưng Đức (Thánh) Linh {của ⇔ được sai xuống từ/bởi} (Đức Chúa Trời) ⁴⁸Cha của các con {(sẽ là) người nói ⁴⁹qua con ⇔ sẽ khiến/giúp cho con biết điều mình phải nói}.

21 “<Và> ⁵⁰các anh em (là người không tin nơi Ta) sẽ giao anh em (mình) (là những người tin nơi Ta) cho (các nhà cầm quyền/người La-mã ⇔ các kẻ thù của họ/Ta) để bị xử tử/hành quyết./ <và/Và> các người cha (sẽ làm như vậy cho) con cái (của mình), ⁵¹<và> con cái sẽ nổi dậy/phản loạn lại với cha mẹ và ⁵²{giết họ ⇔ để họ bị xử tử}. **22** ⁵³<Và> các con sẽ bị ⁵⁴mọi người ghét/bất bớ/từ khước ⁵⁵{bởi vì danh Ta ⇔ bởi vì các con đi

⁴⁵ **10:18** Có thể bắt đầu một câu mới ở đây cho rõ ràng hơn và nói: “Đó sẽ là một **dịp tiện** cho các con làm chứng cho họ và...”

⁴⁶ **10:19** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đừng lo lắng**” trong Ma 6:25.

⁴⁷ **10:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời hứa với Môi-se một lời hứa tương tự ở trong Xuất 4:12.

⁴⁸ **10:20** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 5:16 về Đức Chúa Trời như là “**Cha (yêu dấu)**”.

⁴⁹ **10:20** Khi chuyển ngữ “**nói qua con**” không nên làm người đọc hiểu lầm là Đức Chúa Trời sẽ để tiếng nói của Ngài phán qua miệng các môn đệ của Chúa Giê-su hay giống như là các môn đệ của Chúa Giê-su im lặng trong khi Đức Chúa Trời phán. Đức Chúa Trời sẽ **khuyến** cho họ **biết** điều phải nói.

⁵⁰ **10:21 “anh em”** ở đây nói đến anh em ruột, **không** phải một anh em tín hữu. Nên nói rõ đây là một lời tuyên bố áp dụng cho **nhieu** anh em, **không** phải chỉ một. Tuy nhiên, **không** nên để người ta hiểu là tất cả các anh em hay các người cha hay các con cái đều như vậy cả. Bạn có thể nói: “**(nhieu)** anh em...**(nhieu)** người cha...**(nhieu)** con cái...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một trong những bốn phạm cao cả nhất của người Do Thái là yêu mến người thân trong gia đình, đặc biệt là cha mẹ, và trung thành với họ trong mọi hoàn cảnh. Điều Chúa Giê-su nói sẽ làm cho các môn đệ của Ngài sống sót/kinh ngạc.

⁵¹ **10:21** Một số bản dịch bắt đầu một câu mới ở đây (BDM, BDY) và/hay ở đầu câu 22 (BDC, BCG) dùng cùng một từ. Hãy quyết định **chiều dài của câu** như thế nào để nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Trong khi bạn chuyển ngữ Tân Ước, hãy nhớ đến **nguyên tắc** này: Trong một số ngữ cảnh câu dài thì không sao, nhưng có thể trong những ngữ cảnh khác câu dài quá khiến cho không rõ ràng và khó cho người đọc theo dõi. Trong một số ngữ cảnh câu **ngắn** thì không sao, nhưng trong ngữ cảnh khác nó có thể làm cho người đọc thấy câu cụt ngủn và khó hiểu cách các câu quan hệ với nhau. **Luôn luôn** cân nhắc dùng chiều dài của câu **theo ngữ cảnh**.

⁵² **10:21** Từ Hy-lạp được dùng ở đây “**giết**” hàm ý bị xử tử theo luật pháp.

⁵³ **10:22** Trong bản Hy-lạp câu này là một phần của câu trước. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** của câu 21 về **chiều dài của câu**.

⁵⁴ **10:22** Đa số các ngôn ngữ có thể dùng từ như là “**mọi người**” và “**tất cả**”, ngay cả khi không phải nói đến mỗi một người. Trong ngữ cảnh này không phải mỗi một người đều sẽ ghét các môn đệ của Ngài,

theo/hầu việc Ta}. Nhưng hễ ai {chịu đựng có (đức tin) kiên trì (nơi Ta) ⇔ trung tín với Ta ⇔ tiếp tục (nhờ cậy/đi theo Ta)} ^{GTK56}{cho tới cuối cùng (của sự bất bớ/chịu khổ) ⇔ cho tới cuối cùng (của đời họ trên đất) ⇔ không bỏ cuộc ⇔ qua mọi sự} sẽ được (Đức Chúa Trời) ^{GTK57}(cứu khỏi bị trừng phạt về tội lỗi của họ). **23** <Vậy nên> khi nào (các con đi đến một thành phố/làng để nói cho người ta về sứ điệp của Đức Chúa Trời và) người ta {bất bớ/làm khó ⇔ đối xử tàn tệ với các con} {trong thành phố/làng đó ⇔ tại đó}, {hãy chạy trốn ⇔ mau chóng rời khỏi đó} đến một (thành phố/làng) khác. <Vì> ^{GTK58}{a-men/phải, (hãy làm như vậy,) (và) Ta bảo các con, ⇔ thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} các con sẽ không hoàn tất việc (giảng/thông báo về sứ điệp của Đức Chúa Trời cho người trong tất cả ⇔ đi đến tất cả) những thành phố/làng của (nước) Do Thái trước khi ⁵⁹{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} ^{GTK60}{đến/trở lại ⇔ đi về (với Cha)}.

24 “(Các con biết rằng) ⁶¹{không có một môn đệ/học trò nào hơn thầy (của mình) hay một nô lệ/tôi tớ hơn chủ ⇔ thầy (được kính trọng) hơn học trò và chủ (được kính trọng) hơn nô lệ/đầy tớ}. **25** {Một môn đệ/học trò ⇔ Cao nhất là một môn đệ/học trò có thể} {trở thành ⇔ được đối xử tốt} như thầy và một nô lệ/đầy tớ (có thể trở nên ⇔ có thể được đối xử tốt) như chủ của mình là đủ rồi. (Vì/Cũng vậy,) nếu/vì {chúng ⇔ kẻ thù của Ta}

nhưng **nhieu** người sẽ ghét. Nói một cách, “**mọi người**” được dùng để làm tăng sự quan trọng của điều được nói đến

⁵⁵ **10:22** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ tương tự (“**vì có Ta**”) trong câu 18.

⁵⁶ **10:22** Trong bản Hy-lạp **không** chỉ rõ **cuối cùng** của cái gì. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ là muốn nói: “cuối cùng (của sự **bất bớ/đau khổ**)” (hãy xem các câu 17–21) hay “cuối cùng (của **đời sống**) người ấy/họ” (hãy xem câu 21). Một vài học giả nghĩ rằng “cuối cùng (của **thời đại/thế giới** này)”. Có thể là “**cho tới cuối cùng**” được dùng như một trạng từ ở đây và có nghĩa là “**không bỏ cuộc**”. Có lẽ tốt nhất là để mơ hồ và **không** nói rõ là cuối cùng của cái gì, ngoại trừ ngôn ngữ bạn đòi hỏi phải có. Thí dụ, bạn có thể nói: “**qua mọi sự**”.

⁵⁷ **10:22** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ dân sự của Chúa được cứu khỏi **cái gì**. Đối với các ngôn ngữ khác có thể để **hàm ý** như bản Hy-lạp. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**cứu khỏi**” đề cập đến cứu khỏi bị **trừng phạt** về tội lỗi. Tuy nhiên, một vài người nghĩ rằng nó đề cập đến được cứu khỏi bị **hại** trong khi bị bất bớ.

⁵⁸ **10:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**A-men**” trong câu 15.

⁵⁹ **10:23** Hãy nhất quán trong việc chuyển ngữ “**Con Người**” ở Ma 8:20 và 9:6. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở 8:20.

⁶⁰ **10:23** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp được có hai ý nghĩa. Có thể có nghĩa là “**đến**” hay “**đi**”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúng ta không biết chính xác Chúa Giê-su muốn nói gì ở đây. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói đến việc Ngài sống lại từ kẻ chết (tức là, sự phục sinh của Ngài). Tuy nhiên, các học giả khác nghĩ Ngài đang nói đến việc Giê-ru-sa-lem bị trừng phạt/hủy hoại vào năm 70 S.C. Nhiều học giả nghĩ rằng Ngài đang nói tới Ngày Đoán Xét khi Ngài sẽ trở lại để đoán xét/cai trị mọi người. Tuy nhiên, có vẻ tốt nhất là nên hiểu Chúa Giê-su đang nói tới việc trở lại với Cha của Ngài trước khi các môn đệ của Ngài hoàn tất xong sứ mệnh Ngài giao cho họ trong câu 6.

⁶¹ **10:24** Câu 25 cho thấy trọng tâm của đoạn này là các môn đệ của Chúa Giê-su không nên ngạc nhiên nếu họ bị kẻ thù của Ngài **đối xử tệ hơn** với họ. Trọng tâm ở đây **không** phải là một giáo sư thì khôn ngoan hơn học trò hay người chủ có quyền hơn người đầy tớ.

gọi {chủ gia đình ⇔ Ta (là Thầy/Chủ của các con)}⁶² Bê-ên-xê-bun, (kẻ cầm đầu các tà linh), (thì họ) (sẽ) còn nói tệ hơn nữa về {gia đình của Ta ⇔ các con (là môn đệ/dây tó của Ta)}. **26** Vậy nhưng đừng sợ {chúng ⇔ bất cứ ai ⇔ kẻ thù của Ta}, bởi vì⁶³ {không có gì bí mật (về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời) mà không bị bày tỏ ra và (không có gì) bí mật (về Nước Thiên Đàng) mà không bị tiết lộ ⇔ các con phải nói cho người ta biết mọi điều về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời mà nhân loại chưa hề nghe đến}. **27** (Vị vậy) điều Ta bảo các con {trong bóng tối ⇔⁶⁴ cách riêng tư} (về Nước Thiên Đàng/sự cai trị của Đức Chúa Trời), các con phải nói với (người ta) {giữa ban ngày ⇔ cách công khai}, và điều {các con nghe (Ta) (thì thầm) vào tai ⇔ Ta bảo các con cách riêng tư}, các con (phải) giảng/tuyên bố/Thông báo {từ⁶⁵ sân thượng ⇔ cách công khai cho tất cả mọi người}. **28** <Và> đừng sợ {những người ⇔ người ta. Họ} (chỉ có thể) giết/hủy diệt {thân thể (các con) ⇔ các con} nhưng không thể giết/hủy diệt được linh hồn (các con). Thay vào đó, hãy sợ (Đức Chúa Trời) là Đáng có thể (giết các con và) hủy diệt/trừng phạt⁶⁶ {cả linh hồn và thân thể ⇔ các con} (đời đời) trong⁶⁷ Địa Ngục.

29 CH⁶⁸ {Chẳng phải là hai⁶⁸ chim sẻ ⇔ (Mọi người đều biết rằng) hai con chim nhỏ được} bán {với giá một⁶⁹ đồng bạc ⇔ với giá vài xu ⇔ rất rẻ} sao?/. Nhưng (mặc dù chúng chẳng đáng giá gì đối với các con,) không một con nào⁷⁰ (chết và) rớt xuống đất ngoài (sự hiểu biết và ý muốn/ưng thuận của) (Đức Chúa Trời) Cha các con. **30** <Và> (đối với các con,) (Đức Chúa Trời/Chúa chăm sóc đến mọi chi tiết nhỏ của đời sống các con,) {ngay cả tóc trên đầu (các con) cũng đã được (Chúa/Đức Chúa Trời) đếm rồi ⇔ Chúa biết

⁶² **10:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Bê-ên-xê-bun” là một tên khác của quỷ vương. Nhiều học giả nghĩ nó có nghĩa là “người cai trị/lãnh đạo của các quỷ”. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng tước vị đó cho thấy sự khinh bỉ/không kính trọng và có nghĩa là “Chúa của phân”. Thân chính của người Phi-li-tin ở thành Êch-rôn được đặt tên là “Ba-anh-xê-bun” có nghĩa là “Chúa của ruồi” (2 Các vua 1:2).

⁶³ **10:26** Chúa Giê-su gián tiếp bảo các môn đệ của Ngài phải nói cho người ta về mọi việc thuộc về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời mà họ chưa từng biết đến.

⁶⁴ **10:27** Một cách khác để chuyển ngữ “điều Ta nói riêng với các con... (các con phải) nói với (người ta) công khai” là “điều Ta chỉ nói với các con... (các con phải) nói với mọi người...”

⁶⁵ **10:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái có thói quen đứng trên sân thượng để thông báo tin tức cho mọi người, sân thượng thường bằng phẳng.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một nhà có mái bằng và có một người đứng trên đó thông báo cho một đám đông đứng ở bên dưới nghe.

⁶⁶ **10:28** Nếu có nan đề trong việc phân biệt **thân thể** khỏi **linh hồn**, bạn có thể nói “các con”.

⁶⁷ **10:28** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Địa Ngục” ở Ma 5:22.

⁶⁸ **10:29** Nếu **không có chim sẻ** trong địa bàn của bạn, bạn có thể nói tổng quát là “các con chim nhỏ”. Hay bạn có thể thay thế cho thích hợp với văn hoá, tức là, nói đến một con chim nhỏ như chim sẻ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong các loài chim được bán để ăn hay nuôi, chim sẻ là rẻ nhất.

⁶⁹ **10:29** Vào thời Chúa Giê-su một **đồng bạc** là một đồng bạc các làm bằng đồng trị giá 1/16 của một Đơ-ni-ên. Một Đơ-ni-ên là tiền công một ngày của một người thợ. Trị giá đúng của đồng tiền không thành vấn đề. Từ này được dùng để chỉ đến một món tiền được coi là **rất nhỏ**.

⁷⁰ **10:29** Ở đây nên nói rõ là con chim **rớt** xuống đất bởi vì nó đã **chết**, **không** phải bởi vì nó mệt hay bị tai nạn.

ngay cả các con có bao nhiêu sợi tóc trên đầu}. **31** Vì vậy đừng sợ (bất cứ ai khi các con đi ra ⁷¹giảng/tuyên bố/thông báo sứ điệp của Ta cho mọi người), (bởi vì) (đối với Đức Chúa Trời) các con ⁷²{có giá trị hơn ⇔ quan trọng/có giá trị hơn} (nhiều) con chim sẻ. (Chúa chăm sóc chúng/các chim sẻ, nên chắc chắn Chúa sẽ chăm sóc các con tốt hơn.)”

**10:32-33 {Làm Chứng Cho Người Khác ⇔
(Chúa) Giê-su Bảo Các Sứ Đồ/Môn Đệ Nói Cho Người Khác Biết Về Ngài}**

Lu-ca 12:8-9

32 (Sau đó Chúa Giê-su nói với các sứ đồ/môn đệ của Ngài:) “<Vì vậy> hễ ai {xung nhận/làm chứng trước mặt ⇔ nói với} người ta/khác ^{NTT}{rằng người ấy tin} nơi Ta ⇔ rằng người ấy là môn đệ Ta ⇔ rằng Ta là Chúa/chủ của người ấy}, ⁷³(trong Ngày Đoán Xét), Ta cũng sẽ {xung nhận/làm chứng trước mặt ⇔ nói với} (Đức Chúa Trời) Cha của Ta trên thiên đàng, ^{NTT}rằng người ấy (là môn đệ Ta). **33** Nhưng hễ ai {chối trước mặt người ta/khác ^{NTT}(rằng người ấy tin nơi) Ta ⇔ bảo những người khác rằng họ không tin nơi Ta}, (trong Ngày Đoán Xét) Ta cũng sẽ không thừa nhận ^{NTT}{rằng người ấy là môn đệ Ta ⇔ rằng Ta là Chúa/chủ của người} trước mặt ⁷⁴(Đức Chúa Trời,) Cha Ta ở trên thiên đàng.”

**10:34-39 {Đức Cứu Thế Đem Đến/Khiến Có Sự Chia Rẽ/Tranh Chiến
Giữa Người Ta⇔ Sự Hy Sinh Khi Đi Theo (Chúa) Giê-su}**

Lu-ca 12:51-53; 14:26-27

34 (Chúa Giê-su tiếp tục nói với các sứ đồ/môn đệ của Ngài:) “{Đừng ⇔ Các con không nên} nghĩ rằng ^{GTK⁷⁵}{Ta đã đến (thế gian) ⇔ Mục đích/chương trình của Ta là} để ⁷⁶đem/tạo nên ⁷⁷sự hoà bình (giữa mọi người) trên thế gian. {Ta không đến để đem/tạo hoà bình, nhưng là ⁷⁸gươm giáo. ⇔ Ta đã đến để đem/tạo sự chia rẽ/tranh chiến giữa nhân

⁷¹ **10:31** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “giảng” trong câu 27.

⁷² **10:31** Chuyển ngữ “có giá trị hơn” không nên hàm ý là Đức Chúa Trời mua/bán hay sưu tầm chim hay con người.

⁷³ **10:32** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “trong Ngày Đoán Xét” trong câu 15.

⁷⁴ **10:33** Có thể không được tự nhiên khi lập lại nhóm từ “(Đức Chúa Trời,) Cha Ta ở trên thiên đàng”, vì nó đã được dùng ở trong câu 32.

⁷⁵ **10:34** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “Ta đã đến” trong Ma 5:17. Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH ở đó.

⁷⁶ **10:34** Bạn có thể nói: “...khiến cho (người ta sống trong) sự hoà bình (với nhau) ở trên đất”

⁷⁷ **10:34** Đối với những ngôn ngữ không có từ dùng cho “hoà bình” bạn có thể nói: “để người ta không còn tranh chiến.”

⁷⁸ **10:34** “gươm giáo” được dùng ở đây như một ẩn dụ để nói đến sự chia rẽ, tranh chiến hay xung đột, không phải gươm thật.

loại, không phải hoà bình.} **35** <V> Ta đã đến để khiến ⁷⁹ con trai nghịch với cha, <và> con gái nghịch với mẹ, và dâu nghịch lại mẹ chồng, **36** ⁸⁰ {và ⇔ đến nỗi} kẻ thù tệ nhất của một người (sẽ đến từ) chính gia đình của mình (bởi vì một số người sẽ tin Ta và một số người sẽ không tin). (Mi-chê 7:6)

37 ⁸¹ Hễ ai yêu {cha hay mẹ ⇔ cha mẹ} hơn là (yêu) Ta {thì không xứng đáng cho Ta ⇔ không xứng đáng làm môn đệ Ta}. <V> hễ ai yêu {con trai hay con gái ⇔ con cái} hơn Ta {thì không xứng đáng cho Ta ⇔ không xứng đáng làm môn đệ Ta}. **38** <V> bất cứ ai ⁸² {không vác thập tự giá mình và theo Ta ⇔ không sẵn lòng/sẵn sàng chịu đau đớn và chết vì theo Ta} {thì không xứng đáng cho Ta ⇔ thì không đáng làm môn đệ Ta}. **39** Bất cứ ai (từ chối theo Ta để) giữ gìn sự sống của mình {thì sẽ mất ⇔ sẽ không có sự sống (đời đời) (với Đức Chúa Trời)}. Nhưng hễ ai ^{GTK83} {vì cố Ta mà mất sự sống mình ⇔ gạt qua một bên các ước muốn của mình mà theo Ta ⇔ bị giết vì cố người ấy theo Ta} {thì sẽ tìm được sự sống (đời đời) ⇔ sẽ có sự sống (đời đời) ⇔ sẽ được Đức Chúa Trời ban cho sự sống (đời đời)}."

**10:40-42 {Đức Chúa Trời Ban Thưởng Cho Dân Sự Của Ngài ⇔
Hoan Nghênh Các Con Dân Của Đức Chúa Trời}**

Mác 9:41

40 ⁸⁴ (Sau đó Ngài nói với các ⁸⁵ sứ đồ/môn đệ của Ngài:) "{Hễ ai ⇔ Nếu một người} tiếp đón/hoan nghênh các con (và sứ điệp của các con), thì tiếp đón/hoan nghênh Ta, và

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hãy chú ý là trong các câu 34–36 Chúa Giê-su nói đến sự chia rẽ giữa người tin Chúa và người không tin Chúa, **không** phải giữa Đức Chúa Trời và nhân loại hay giữa những tín hữu (hãy xem Lu-ca 2:14 và Giăng 14:27 hay những thí dụ khác).

⁷⁹ **10:35** Đối với một số ngôn ngữ có thể dùng **thể số nhiều của các danh từ** trong suốt câu 35-37 nghe tự nhiên hơn: "các con trai...các người cha...các con gái...các con dâu..."

⁸⁰ **10:36** Một số bản dịch **sắp đặt** để câu 36 trước câu 35 để ý nghĩa tổng quát sẽ đến trước những thí dụ rõ rệt.

⁸¹ **10:37** Vì các nguyên tắc sau áp dụng cho **mọi người**, có thể dùng đại từ số nhiều hay ngôi thứ hai nghe tự nhiên hơn. Thí dụ, bạn có thể nói: "Những người yêu cha hay mẹ..." Hay bạn có thể nói: "Nếu các con yêu mến cha mẹ hay con cái nhiều hơn các con..."

⁸² **10:38** "**không vác thập tự giá mình mà theo Ta**" là một thành ngữ có nghĩa là: "**không sẵn lòng/sẵn sàng** chịu đau đớn và chết vì theo Ta". Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su không nói là mọi người phải bị đóng đinh trên thập tự giá giống như Ngài. Ngài muốn nói là mỗi một chúng ta phải đầu phục ý muốn của Chúa, có thể không, mà có thể phải chịu sỉ nhục, đau đớn và bị giết vì cố Ngài.

⁸³ **10:39** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích "**mất sự sống mình**" là một thành ngữ diễn tả sự từ chối chính mình và có nghĩa là gạt qua một bên tất cả những ao ước của mình". Điều đó có thể bao gồm cả bị giết. Tuy nhiên, các học giả khác nghĩ rằng nó có nghĩa là "bị giết". Chuyển ngữ nhóm từ này **không** nên hàm ý hay khuyến khích việc tự tử.

⁸⁴ **10:40** Hãy xem lại **cách** bạn **bắt đầu** mỗi tiểu đoạn ở trong chương 10. Hãy xem các câu 16, 32, 34, 40.

{hễ ai ⇔ nếu một người} tiếp đón/hoan nghênh Ta thì tiếp đón/hoan nghênh {Đấng ⇔ Đức Chúa Trời, Cha Ta} Đấng sai Ta đến (đây ⇔ thế giới này). **41** (Vì vậy,) hễ ai tiếp đón/hoan nghênh {một tiên tri ⇔ một trong những tiên tri của Đức Chúa Trời} ⁸⁶{trong danh của ⇔ bởi vì người ấy là} một tiên tri (của Đức Chúa Trời), {sẽ nhận được phần thưởng của một tiên tri ⇔ Đức Chúa Trời sẽ thưởng cho người ấy giống như Ngài sẽ ban thưởng cho các tiên tri của Ngài}. <Và> hễ ai tiếp nhận/hoan nghênh một người công chính {trong danh của một người công chính ⇔ bởi vì người ấy là người công chính/tốt}, {sẽ nhận được phần thưởng của người công chính/tốt ⇔ Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người ấy giống như Ngài sẽ ban thưởng cho người công chính/tốt}. **42** Thật, hễ ai ⁸⁷ban cho ⁸⁸(bất cứ cái gì,) ngay cả một ly ⁸⁹nước lạnh cho một người {nhỏ nhất ⇔ được người ta coi là nhỏ nhất} trong {những người này ⇔ các môn đệ của Ta} {trong danh của ⇔ bởi vì người ấy là} một môn đệ của Ta, ^{GTK90}{a-men/ (nếu người ấy làm như vậy) phải, Ta bảo các ngươi, ⇔ thật Ta bảo các ngươi, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với người rằng} ⁹¹{người ấy sẽ không bao giờ mất phần thưởng (từ Đức Chúa Trời) của mình ⇔ người ấy chắc chắn sẽ nhận được phần thưởng của Đức Chúa Trời ⇔ chắc chắn Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho người ấy}.”

⁸⁵ **10:40** Coi lại cách bạn chuyển ngữ “**các sứ đồ**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem tên của sách, 10:2 và tiêu đề của tiểu đoạn (5, 16, 32, 34, 40). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong 10:2.

⁸⁶ **10:41** Trong ngữ cảnh này thành ngữ Hy-lạp “**trong danh của**” có nghĩa là “bởi vì ông ấy là” và đề cập đến vị tiên tri, **không** phải là người tiếp đón tiên tri. Thành ngữ này cho thấy người hoan nghênh tiên tri **kính trọng** chức vụ và công việc của tiên tri.

⁸⁷ **10:42** Đối với một số ngôn ngữ cần phải **phân biệt** xem sự ban cho này có phải là sự ban cho mà **mong đợi** có sự trả lại, hay là sự ban cho để **giúp đỡ** người cần giúp đỡ. Trong ngữ cảnh này, không mong đợi sự trả lại và có lẽ sự ban cho này được làm để đáp ứng nhu cầu.

⁸⁸ **10:42** Chúa Giê-su **không phải** chỉ nói về việc cho người khác **nước uống**, Ngài đang đề cập đến **bất cứ** một việc làm tử tế nào và dùng việc cho uống nước làm thí dụ về một việc làm tử tế rất nhỏ. Để cho rõ ý, bạn có thể nói: “Thật ra, bất cứ ai (làm bất cứ việc tử tế nào) cho (bất cứ người nào đi theo Ta) <bởi vì họ là người đi theo Ta>, ngay cả nếu người ấy chỉ cho một ly nước lạnh cho người kém quan trọng nhất trong họ, a-men/(nếu người ấy làm như vậy) phải, Ta bảo các con...”

⁸⁹ **10:42** Phải biết chắc rằng “**nước lạnh**” được coi là một thứ đồ uống tốt để cho người đang khát nước. Nếu không, bạn có thể chỉ nói “nước”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Cho người nào một ly nước là một việc làm nhỏ để tỏ lòng hiếu khách cho người đó. Câu này tương tự như Ma-thi-ơ 25:35, 40.

⁹⁰ **10:42** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**a-men**” ở trong Ma 5:18.

⁹¹ **10:42** “người ấy sẽ **không bao giờ mất** phần thưởng của mình” là một cách nói phủ định để nhấn mạnh, tức là, một nhóm từ phủ định có ý nghĩa xác định. Nó được dùng để nhấn mạnh nhóm từ này và có nghĩa là “người ấy sẽ **chắc chắn nhận được** phần thưởng”. **Không nên** làm cho người đọc hiểu là đang nói về một phần thưởng bị lạc mất.

11:1-6 ⁹²**Giăng Báp-tít Tự Hỏi** ^{NTT}**Nếu (Chúa) Giê-su Thật Là Đấng Cứu Thế**

Lu-ca 7:18-23

11 1 Sau khi (Chúa) Giê-su chỉ dẫn/dạy dỗ mười hai môn đệ của Ngài xong, Ngài từ đó đi ⁹³dạy dỗ (đán chúng/người Do Thái) và giảng/tuyên bố/thông báo (sứ điệp của Đức Chúa Trời) (cho họ) trong các thành phố/làng của ^{GTK94}{họ ⇔ tỉnh Ga-li-lê/nước Do Thái}. 2 ^{GTK95}{<Sau đó> ⇔ Vào lúc đó,} Giăng (Báp-tít) ở trong tù {nghe ⇔ và người ta nói với ông} ^{NTT}về {công việc của Đấng Cứu Thế ⇔ những việc/phép lạ (Chúa Giê-su) Đấng Cứu Thế đang làm}, (nên) ông sai {các môn đệ của ông (hỏi Chúa Giê-su một số câu hỏi) ⇔ một số môn đệ của ông đi đến gặp (Chúa) Giê-su} 3 ⁹⁶{(và) ông/họ hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ hỏi Ngài}: ^{NGT96}“Ngài có phải (là Đấng Cứu Thế) ⁹⁷{là Đấng (phải) đến ⇔ là Đấng Đức Chúa Trời hứa sai đến ⇔ là Đấng chúng ta mong đợi phải đến} không? Hay (có còn ⇔ có phải chúng tôi nhầm và còn) ai khác mà chúng tôi/mọi người phải chờ/mong đợi không?” 4 <Và> (Chúa) Giê-su/Ngài trả lời họ: “Hãy đi và báo cáo cho Giăng về điều các con nghe ^{GTK98}(người ta nói về Ta ⇔ Ta giảng) và (điều ⇔ các phép lạ) các con thấy (Ta làm): 5 Những ⁹⁹(người trước đây ⇔ người đến với Ta) mù

⁹² (Tiểu đề) Hãy nhất quán về cách bạn chuyển ngữ “Giăng Báp-tít” trong Ma 3:1.

⁹³ 11:1 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đã dạy dỗ...và giảng...**” trong Ma 4:23, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁹⁴ 11:1 Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**thành phố của họ**” muốn nói đến các thành phố của nước **Y-sơ-ra-ên**, bởi vì đó là nơi Chúa Giê-su sai các môn đệ đi (Ma 10:5–6), và Ma-thi-ơ thường dùng “họ” để đề cập đến người Do Thái (thí dụ, hãy xem Ma 4:23, 7:29, 9:35, 10:17). Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDC, BDY) nghĩ đó là các thành phố của tỉnh **Ga-li-lê**, vì đó là nơi Chúa Giê-su đang ở. Một số học giả khác (và BDM) nghĩ rằng “các thành phố của họ” muốn nói đến quê của **các môn đệ**, vì vừa mới nói đến ở trong câu 1. Tất cả các môn đệ của Chúa Giê-su, ngoại trừ Giu-đa, đều đến từ Ga-li-lê, vậy nên cách giải thích này tương tự như cách giải thích ở trên.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong bản Hy-lạp dùng “các thành phố/làng của họ” ở đây, có thể nói đến “các thành phố/làng của nước Y-sơ-ra-ên” hay “các thành phố/làng của tỉnh Ga-li-lê” hay “quê của các môn đệ”. Tất cả các môn đệ của Chúa Giê-su, ngoại trừ Giu-đa, đều đến từ Ga-li-lê.

⁹⁵ 11:2 Một số bản dịch bắt đầu tiểu đoạn này với câu 2 và để câu 1 lên tiểu đoạn trước (và BDM, BDC, BCG). Các bản dịch khác (và BDY) bắt đầu tiểu đoạn ở câu 1.

⁹⁶ 11:3 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ là các môn đệ của Giăng **đến** chỗ Chúa Giê-su ở. Thí dụ bạn có thể bắt đầu một câu mới ở đây và nói: “(Sau khi họ đến gặp Chúa Giê-su,) họ hỏi Ngài...”

⁹⁷ 11:3 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái mong đợi Đấng Cứu Thế sẽ đến làm Vua và giải cứu họ khỏi sự cai trị của người La-mã. Họ không mong đợi Chúa đến làm Cứu Chúa về phần thuộc linh. Giăng biết những lời tiên tri về Đấng Cứu Thế như ở trong Ê-sai 42:7, 61:1 (cũng hãy xem Lu-ca 4:18), vậy nên có thể ông mong đợi Chúa Giê-su làm Vua và sẽ giải phóng ông cùng những người khác ra khỏi ngục.

⁹⁸ 11:4 Bản Hy-lạp **không** nói nghe **cái gì**. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ thông tin đó. Trong trường hợp như vậy, bạn có thể phải nói: “người ta nói về Ta” hay “Ta giảng dạy”. Sự chọn lựa nào cũng hợp với ngữ cảnh. Có thể chỉ cần nói: “...điều các con đã nghe và thấy (ở đây).”

⁹⁹ 11:5 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngày xưa Ê-sai tiên tri của Đức Chúa Trời đã tiên tri rằng Đấng Cứu Thế sẽ làm những phép lạ đó và giảng cho người nghèo (Ê-sai 29:18–19, 35:5–6, 61:1). Giăng Báp-tít được nhắc nhở bởi những lời tiên tri đó và tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế.

(bây giờ lại có thể) thấy được, <và> những (người trước đây ⇔ người đến với Ta) què (bây giờ lại có thể) đi, những người trước đây ¹⁰⁰ bị cùi được {sạch/lành bệnh ⇔ khỏe mạnh trở lại}, <và> những người (trước đây) bị điếc (có thể) nghe, <và> những (người đã) chết được sống lại và {những người nghèo được nghe giảng phúc âm ⇔ Ta đang giảng/thông báo Phúc Âm/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) cho người nghèo}. **6** Cũng (hãy bảo Giảng rằng) ai/những người ^{GTK101} {không vấp phạm vì có Ta ⇔ không ghét Ta ⇔ không nghi ngờ ¹⁰² về Ta ⇔ không bỏ đức tin nơi Ta} ^{TD103} được Đức Chúa Trời ban phước.”

11:7-15 (Chúa) Giê-su Nói Về Giảng Báp-tít

Lu-ca 7:24-30

7 <Sau đó> ¹⁰⁴ trong khi/sau khi {họ ⇔ các sứ giả của Giảng} rời khỏi đó, (Chúa) Giê-su {bắt đầu nói ⇔ nói} với ^{GTK} {các đám đông ⇔ đám đông lớn ⇔ tất cả mọi người} về Giảng (và hỏi họ ⇔ và nói với họ): ^{CH105} “{Các con đi vào đồng vắng/sa mạc để tìm ai/cái gì? ⇔ Khi các con đi vào đồng vắng/sa mạc (để nghe Giảng giảng), các con mong đợi nghe/thấy gì?} ^{GTK106} {Có phải để xem cây sậy bị gió lay không? ⇔ Một người mềm yếu không thể quyết định được? ⇔ Một người (dễ bị ảnh hưởng) như cây sậy bị gió lay?} (Dĩ nhiên là không!) **8** {Nhưng ⇔ Nếu không thì} ^{CH} các con {đi ra ngoài (đồng vắng/sa mạc) ⇔ mong đợi} để thấy gì/ai? Một người mặc ¹⁰⁷ [quần áo] tốt/câu kỳ/mắc tiền? (Dĩ

¹⁰⁰ **11:5** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “cùi” ở trong 8:2 và 10:8.

¹⁰¹ **11:6** Thành ngữ Hy-lạp “không vấp phạm vì có Ta” có thể có nhiều ý nghĩa. Thành ngữ này có thể có nghĩa là “không hổ thẹn bởi Ta” hay “không bỏ đức tin nơi Ta”. Cách giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh và được dùng trong nhiều bản dịch. Một trong những cách giải thích này có thể để trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

¹⁰² **11:6** Bạn có thể chuyển ngữ “về Ta” như là “về Ta là ai”.

¹⁰³ **11:6** Thứ tự đúng của câu 6 trong bản Hy-lạp là: “Phước cho {người không ⇔ những người không} ^{GTK} vấp phạm vì có Ta.” Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “phước” trong Ma 5:3–10.

¹⁰⁴ **11:7** Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Rồi {họ ⇔ các sứ giả của Giảng} rời khỏi đó và Chúa Giê-su bắt đầu...”

¹⁰⁵ **11:7** Nếu câu hỏi tu từ **không** thích hợp trong các câu 7–9 trong ngôn ngữ của bạn, bạn có thể nói: “Khi các con đi ra ngoài đồng vắng/sa mạc (để nghe Giảng giảng), **các con không mong đợi** thấy/nghe ^{GTK} {một cây sậy...}! **8** <Và> các con không {đi ra ⇔ mong đợi} thấy một người mặc quần áo tốt. Hãy nhìn ... **9** Không, các con đi ra ngoài (đồng vắng/sa mạc) để xem một tiên tri!”

¹⁰⁶ **11:7** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**một cây sậy bị gió lay**” là một thành ngữ có nghĩa là “một người yếu đuối/chậm chạp/chần chừ”. Tuy nhiên, một số nghĩ theo nghĩa đen: “Các con không đi ra ngoài đồng vắng/sa mạc để chỉ thấy (một việc hoàn toàn tầm thường, như) sậy bị gió lay, phải không?”

¹⁰⁷ **11:8** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có “**quần áo**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

nhiên là không!) ¹⁰⁸ <Hãy nhìn/Nghe này>, những người mặc quần áo tốt/câu kỳ/mác tiền ở trong cung điện/nhà của các vua, (không ở trong đồng vắng/sa mạc). ⁹ ^{CH} Nhưng/Vậy các con {đi ra ngoài (đồng vắng/sa mạc) ⇔ mong đợi} thấy gì/ai? {Một tiên tri ⇔ Một trong những tiên tri của Đức Chúa Trời}? {Đúng ⇔ Các con làm đúng}, (và/nhưng) Ta bảo các con (rằng) (ông ấy/Giăng) {cao trọng hơn là một ⇔ không phải chỉ là một} tiên tri, ¹⁰ ¹⁰⁹ [bởi vì] ông ấy là (sứ giả) người (Đức Chúa Trời) phán với Đấng Cứu Thế/Con Chúa (ở trong Kinh Thánh): ‘<Hãy nhìn/nghe,> ¹¹⁰ Ta (Đức Chúa Trời) sẽ sai sứ giả của Ta đi trước {mặt Con ⇔ Con} {người/ông ấy sẽ chuẩn bị ⇔ để chuẩn bị} {đường trước cho Con ⇔ đường cho Con ⇔ (người ta) về sự đến của Con}.’ ” (Ma-la-chi 3:1)

¹¹ ¹¹¹ (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su phán:) “^{GTK112} {A-men/Phải (ông ấy/Giăng đã làm đúng như thế) ⇔ Thật} Ta bảo các con (rằng) ¹¹³ {(không có ai) trong vòng những người được đàn bà sanh ra ⇔ từ trước đến giờ không có ai ⇔ không có ai dù chết hay sống} {vĩ đại hơn ⇔ quan trọng hơn} Giăng Báp-tít (trước mặt Đức Chúa Trời). Nhưng/Thế nhưng {(ngay cả một người được coi là) ít quan trọng nhất trong Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ (mọi người) dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời (dù ngay cả những người được coi là) không quan trọng} ^{GTK114} {cũng lớn hơn là Giăng ⇔ có đặc ân/phước hạnh lớn hơn Giăng}. ¹² <Nhưng> kể từ ngày/lúc Giăng Báp-tít (bắt đầu giảng về

¹⁰⁸ **11:8** Bạn có thể nói: “Các con sẽ chỉ thấy những người mặc quần áo tốt/câu kỳ/đất tiền ở trong cung Vua...”

¹⁰⁹ **11:10** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có “bởi vì” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) không có. Có thể bắt đầu một câu mới ở đây mà không có “bởi vì” nghe tự nhiên hơn.

¹¹⁰ **11:10** Trong câu này “Ta” nói đến Đức Chúa Trời, “sứ giả” nói đến Giăng và “Của Con” và “Con” nói đến Đấng Cứu Thế. Nếu chuyển ngữ câu 10 theo từng từ, có thể dùng **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong lời tiên tri này Đức Chúa Trời đang nói với Đấng Cứu Thế (Con Ngài).

¹¹¹ **11:11** Bạn nên để cho rõ ràng là câu trích dẫn Cựu Ước chấm dứt ở câu 10. Khi bạn chuyển ngữ một đoạn, đừng tự động nói rõ ra thông tin hàm ý trong bản dịch. Trước tiên cố gắng chuyển ngữ mà không nói rõ ra thông tin hàm ý. Nếu lời dịch chính xác và nghe tự nhiên, thì nên để thông tin hàm ý nguyên như vậy. Tuy nhiên, nếu thấy lời dịch không được chính xác và không tự nhiên, hãy nói rõ thông tin nào cần.

¹¹² **11:11** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

¹¹³ **11:11** Có thể rõ hơn nếu để trong thể xác định và nói: “(Theo quan niệm của Đức Chúa Trời) Giăng Báp-tít là người quan trọng nhất sống trên đất...”

¹¹⁴ **11:11** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các câu 9–11 cho thấy rõ ràng là Giăng Báp-tít rất vĩ đại. Khi nói là người nhỏ nhất trong Nước Thiên Đàng còn lớn hơn Giăng, Chúa Giê-su không có ý nói là Giăng không quan trọng, nhưng Ngài muốn nhấn mạnh rằng những người đi theo Ngài cũng rất vĩ đại. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ Chúa Giê-su đang nói đến những đặc ân/phước hạnh lớn mà những người đi theo Chúa có, chứ không phải là họ quan trọng. Thí dụ, Giăng không sống lâu đủ để nghe hay thấy Chúa Giê-su chết và sống lại từ trong kẻ chết, nhưng những người đi theo Chúa được thấy. Tuy nhiên, nhiều học giả nghĩ rằng “Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời” đề cập đến giao ước mới mà Chúa Cứu Thế đang thiết lập, vậy nên đoạn kinh văn này nói Giăng là vĩ đại nhất dưới giao ước cũ, tức là chuẩn bị cho Đấng Cứu Thế, nhưng Giăng không vĩ đại như những người ở dưới giao ước mới.

Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời) ¹¹⁵{cho tới ⇔ và tiếp tục cho đến} bây giờ, ^{GTK116}{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời bị cưỡng bức/tấn công và những người hung bạo (cố gắng) chiếm đoạt/lật đổ/phá hủy nó ⇔ những người gian ác đã chống đối cách hung bạo sự dạy dỗ về sự cai trị của Đức Chúa Trời và cố gắng tấn công để hủy diệt nó ⇔ Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời bị tràn ngập bởi những người hăng hái muốn vào ⇔ Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời đã tiến lên một cách đặc thắng và những người can đảm/quyết tâm hăng hái bước vào}. **13** <Vi> ^{TD117} cho tới khi/trước khi Giăng (bắt đầu chức vụ), {Kinh Luật (của Đức Chúa Trời) ⇔ Ngũ Kinh Môi-se đã viết} và tất cả các tiên tri của Đức Chúa Trời đã nói tiên tri ^{NTT}(về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời). **14** Thật, nếu các con {muốn ⇔ bằng lòng} {chấp nhận ⇔ tin (Ta)}, Giăng chính là (người được gọi/giống như) ¹¹⁸Ê-li mà (các tiên tri của Đức Chúa Trời đã phán/tiên tri) ^{NTT} là sẽ đến. **15** ^{GTK119}{Ai có tai ¹²⁰[để nghe] ⇔ Ai muốn hiểu (điều Ta đang nói) ⇔ Mọi người} nên cẩn thận lắng nghe (Ta)!”

11:16-19 Nhiều Người Từ Chối Nước/Sự Cai Trị Của Đức Chúa Trời

Lu-ca 7:31-35

16 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói:) “<Bây giờ/Nhung> ^{CH}Ta nên/có thể so sánh {thế hệ (gian ác) này ⇔ những người (gian ác) đang sống ngày hôm

-
- ¹¹⁵ **11:12** Chuyển ngữ “cho tới bây giờ” không nên hàm ý rằng điều được đề cập đến về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ở trong phần còn lại của câu 12 đã chấm dứt, nó vẫn còn tiếp tục.
- ¹¹⁶ **11:12** Có ít nhất ba cách khác nhau để giải thích phần còn lại của câu 12. (1) Đa số các học giả Kinh Thánh (BDM và BDC) để động từ ở thể thụ động và có nghĩa tiêu cực: “Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời bị cưỡng bức/tấn công và những người hung bạo (cố gắng) chiếm đoạt/lật đổ/phá hủy nó.” Sự giải thích này có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất. (2) Tuy nhiên, một số học giả giải thích động từ ở thể thụ động nhưng có một nghĩa tích cực: “Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời bị tràn ngập bởi những người hăng hái muốn vào.” (3) Những người khác (và BCG, BDY) giải thích động từ không ở thể thụ động và có ý nghĩa tích cực: “Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời đã tiến lên một cách đặc thắng và những người can đảm/quyết tâm hăng hái bước vào.”
- ¹¹⁷ **11:13** Giăng có vẻ được kể như là một trong những tiên tri của Đức Chúa Trời đã nói tiên tri về Nước Thiên Đàng, vậy nên bạn có thể nói: “<Vi> các sách Luật Pháp của Đức Chúa Trời và tất cả các tiên tri của Chúa, kể cả Giăng, đã nói tiên tri (về Nước/sự cai trị Thiên Đàng/Đức Chúa Trời).” **Thứ tự thật** của câu ở trong nguyên văn Hy-lạp là “<Vi> tất cả các tiên tri của Đức Chúa Trời và các sách Luật Pháp của Đức Chúa Trời cho tới đời Giăng đã nói tiên tri (về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời).”
- ¹¹⁸ **11:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về Giăng và Ê-li ở Ma-thi-ơ 3:4.
- ¹¹⁹ **11:15** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng trong câu 15 Chúa Giê-su đang khuyến khích **mọi người** xem điều Chúa vừa nói là nghiêm trọng. Nếu bạn theo cách giải thích đó, bạn không nên hàm ý rằng một số người không có tai hay có một số người không thể nghe. Đối với một số ngôn ngữ có thể dùng một câu hỏi tu từ ở đây. Thí dụ: “{Các con có tai không? ⇔ Các con có tai, phải không?} Vậy hãy nghe...” Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng một người “**có tai**” là một người **muốn** hiểu điều Chúa Giê-su đang nói về Nước Đức Chúa Trời.
- ¹²⁰ **11:15** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) “**để nghe**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) **không** có.

nay} với ai? Chúng giống như trẻ con ngồi/chơi ở ¹²¹chợ gọi (các trẻ con) khác ¹⁷ ¹²²[và] nói: ¹²³‘Bọn tao thổi {sáo ⇔ nhạc đám cưới/khiêu vũ/vui vẻ} cho bay, nhưng bay {không ⇔ từ chối} nhảy múa (theo nhạc của bọn tao). Bọn tao hát những bài nhạc buồn/đám ma ¹²⁴[cho bay], nhưng bay {không ⇔ từ chối} than khóc (với bọn tao).’ ¹⁸ {Vì ⇔ Cũng vậy,} Giảng đã đến (và giảng cho mọi người.) (Ông ta) ¹²⁵{không ăn hay uống ⇔ thường xuyên kiêng ăn và không uống (rượu vang/rượu)}, <và>/nhưng/nên chúng/các người (từ khước điều ông ta nói và làm, và rồi chúng/các người ⇔ từ chối nghe ông ta và) nói: ^{NGT}‘Ông ta {bị quỷ ám ⇔ bị tà linh điều khiển}.’ ¹⁹ {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) người đã trở nên một con người} đã đến (và giảng cho mọi người.) ¹²⁶{(Ngài)/Ta ăn và uống ⇔ (Ngài)/Ta không kiêng ăn và Ngài/Ta uống (rượu vang/rượu)} (như một người bình thường), nhưng chúng/các người (từ khước Ngài/Ta và ⇔ từ chối không nghe Ngài/Ta và) nói (về Ngài/Ta): ^{NGT}<Hãy nhìn>/Kìa, người (này) {(là) một người tham ăn và một người say ⇔ ăn và uống quá độ} (ngoài ra, Ngài còn là) bạn với ¹²⁷{những người thu thuế và các người tội lỗi (khác) ⇔ các tội nhân xấu xa hơn hết}.’ ¹²⁸Nhưng {Sự Khôn Ngoan ⇔ sự khôn ngoan (của Đức Chúa Trời) (mà Giảng và Ta đang dạy dỗ)} được {làm chứng ⇔ biện minh} ¹²⁹{bằng việc làm/kết quả của nó (trong đời sống của người ta) ⇔ bởi những người sống theo nó}.”

¹²¹ **11:16** Nếu trong địa bàn của bạn **không** có **chợ**, hay nếu trẻ con không thường hay chơi ở chợ, bạn có thể nói tổng quát hơn và nói “sân chơi”. Hay bạn có thể thay thế bằng một chỗ khác cho thích hợp với văn hoá của bạn, tức là, nói đến một chỗ mà con nít thường hay đến để chơi đùa. Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt nhất là không chuyển ngữ “ở chợ” và để ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

¹²² **11:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG) có “**và**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY) **không** có.

¹²³ **11:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những đứa trẻ đang gọi tượng trưng cho Chúa Giê-su và Giảng Báp-tít, và những trẻ con từ chối không nhảy múa và để tang tượng trưng cho các nhà lãnh đạo Do Thái là những người từ chối đi theo Chúa Giê-su. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng các trẻ con đang gọi tượng trưng cho các nhà lãnh đạo Do Thái đang chỉ trích Chúa Giê-su và Giảng không theo các truyền thống/luật lệ của họ.

¹²⁴ **11:17** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**cho bay**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm thế nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

¹²⁵ **11:18** Khi chuyển ngữ “**không ăn và uống**” **không** nên hàm ý rằng Giảng không bao giờ ăn và uống bất cứ thứ gì. Nó có nghĩa là ông ta thường xuyên **kiêng ăn** (tức là, nhịn ăn) và không uống rượu. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “kiêng ăn” ở trong Ma 4:2.

¹²⁶ **11:19** Nên rõ là Chúa Giê-su đang nói đến chính Ngài ở trong câu 19. Có thể cần phải dùng ngôi thứ nhất số ít và nói: “{(Ta) ăn và uống ⇔ (Ta) không kiêng ăn và Ta không uống rượu vang/rượu}...”

¹²⁷ **11:19** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**người thu thuế**” ở Ma 5:46, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

¹²⁸ **11:19** Đối với một số ngôn ngữ không thể nhân cách hoá “**Sự khôn ngoan**” được, tức là, trình bày sự khôn ngoan như là một con người. Bạn có thể nói: “Người ta sẽ thấy rằng sự khôn ngoan (của Đức Chúa Trời) là thật qua cách sống của những người có sự khôn ngoan ấy.”

¹²⁹ **11:19** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có “**công việc** của nó” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số) có “**con cái** của nó”. Ý nghĩa cơ bản cũng tương tự như nhau.

11:20-24 (Chúa) Giê-su {Lên Án ⇔ Nói Cách Đức Chúa Trời Sẽ Trừng Phạt}
 Người Gian Ác {Không ⇔ Không Chịu} Ăn Năn

Lu-ca 10:13-15

20 Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su {bắt đầu lên án ⇔ nói cách Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt} (người gian ác của) các thành phố/làng nơi {hầu hết ¹³⁰ các phép lạ đã xảy ra ⇔ Ngài đã làm hầu hết các phép lạ}, bởi vì họ {không ⇔ từ chối} ăn năn. 21 (Ngài phán:) “{Khốn thay cho ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt nghiêm trọng} ¹³¹những (người của) (thành) Cô-ra-xin, (và) ¹³²{khốn cho ⇔ Đức Chúa Trời (cũng) sẽ trừng phạt} những (người của) (thành) Bết-sai-đa, {bởi vì ⇔ bởi vì (các người từ chối ăn năn/tin).} {nếu/Nếu các phép lạ đã làm cho các người ^{TVST133} được làm ⇔ nếu/Nếu Ta ^{TVST} làm các việc làm đây quyền năng mà Ta làm cho các người} (cho) (các người gian ác tại thành phố của người ngoại quốc) ¹³⁴Ty-rơ và Si-đôn, ¹³⁵chắc họ ^{TVST} đã ăn năn lâu rồi {(và họ) đã mặc áo gai và phủ tro ⇔ và mặc quần áo tang và phủ người bằng tro ⇔ và than khóc} ¹³⁶(để tỏ sự buồn khổ vì tội lỗi của họ). 22 ^{GTK}Nhưng/Vì vậy {Ta bảo các người, ⇔ Ta bảo đảm/hứa

¹³⁰ 11:20 Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về chuyển ngữ “các phép lạ” ở trong Ma 7:22.

¹³¹ 11:21 Chúa Giê-su đang nói tới các thành Cô-ra-xin và Bết-sai-đa như nói với một người. Đó là lý do tại sao bản Hy-lạp dùng ngôi thứ hai số ít. Nên rõ là Chúa Giê-su đang nói tới người của những thành phố đó, nhưng khi Chúa Giê-su nói họ không thật sự có mặt tại đó với Ngài, vậy nên bạn cần phải nói “những (người)” thay vì “người”. Hãy nhất quán với sự lựa chọn của bạn qua suốt câu 21–24.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Cô-ra-xin, Bết-sai-đa và Ca-bê-na-um (câu 23) là thành phố của người Do Thái ở bờ phía bắc của Biển/Hồ Ga-li-lê. Mặc dù dân ở trong những thành phố đó có rất nhiều dịp tiện để nghe Chúa Giê-su dạy dỗ và xem Ngài làm phép lạ, nhưng hầu hết người sống ở đó không tin nơi sứ điệp của Đức Chúa Trời và không ăn năn. Chúa Giê-su so sánh dân ở trong ba thành phố Do Thái này với những người sống trong ba thành phố của người ngoại quốc (Ty-rơ, Si-đôn, và Sô-đôm) là những thành phố nổi tiếng về sự gian ác của họ.

¹³² 11:21 Có thể lập lại “khốn” nghe không được tự nhiên, bạn có thể phối hợp hai câu lại với nhau và nói: “Khốn thay cho các người của thành phố Cô-ra-xin và Bết-sai-đa,…”

¹³³ 11:21 Đây là “điều kiện trái với sự thật”, tức là, trái ngược lại với điều được hàm ý/hiểu. Nó hàm ý: “những phép lạ Ta làm cho các người Ta đã không làm cho người Ty-rơ và Si-đôn, vì vậy chúng không ăn năn…” Cần phải nghiên cứu cách nói “trái với sự thật” này trong ngôn ngữ của bạn và nó khác hơn với những mệnh đề điều kiện khác như thế nào.

¹³⁴ 11:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các thành phố Ty-rơ và Si-đôn là các thành phố lớn mạnh trong cả trăm năm. Những người ở trong các thành phố này từ khước Đức Chúa Trời và ý muốn của Ngài (Ê-sai 23, Ê-xê-chi-ên 26–28, A-mốt 1:9–19).

¹³⁵ 11:21 Có thể thay đổi thứ tự của phần còn lại của câu 21 nghe tự nhiên hơn: “...chúng ^{TVST} đã mặc {áo gai ⇔ quần áo tang} và bôi tro để cho thấy là họ đã ăn năn vì tội lỗi của họ lâu rồi.”

¹³⁶ 11:21 Những người sống vào thời của Chúa Giê-su mặc áo gai và rải tro trên người để cho thấy là họ buồn rầu. Nếu những đồng hương của bạn không để tang như vậy, hoặc họ mặc áo gai và rải tro lên người vì những lý do khác, bạn có thể nói rõ thông tin hàm ý, hay bạn có thể kèm theo một LỜI CHÚ THÍCH giải nghĩa phong tục để tang của người Do Thái. Đoạn kinh văn này chỉ chú ý đến thái độ ăn năn của người ta. Nên, nếu nói: “mặc áo gai và bôi tro” làm thay đổi trọng tâm của đoạn kinh văn, bạn có thể nói tổng quát hơn là “và để tang (cho tội lỗi của họ).”

với các người rắng} {trong ¹³⁷Ngày Đoán Xét ⇔ trong ngày Đức Chúa Trời đoán xét mọi người} {(¹³⁸người Ty-rơ và Si-đôn sẽ bị trừng phạt nhẹ hơn các người ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ trừng phạt các người nghiêm khắc hơn là Chúa sẽ trừng phạt họ), (bởi vì các người thấy phép lạ của Ta mà vẫn không chịu ăn năn/tin).

23 “<Và> ¹³⁹các người (người ở thành) Ca-bê-na-um, ^{CH140}{các người sẽ không được nâng lên thiên đàng, phải không? (Không,) ⇔ các người nghĩ rằng Đức Chúa Trời sẽ đem các người lên Thiên Đàng, nhưng} {các người sẽ ¹⁴¹bị hạ/[ném] xuống (bởi Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa sẽ ném các người xuống ⇔ Đức Chúa Trời/Ngài sẽ trừng phạt các người nơi} ¹⁴²{âm phủ/địa ngục ⇔ chỗ/thế giới của người chết}, ¹⁴³{bởi vì ⇔ bởi vì (các người từ chối không chịu ăn năn),/.} {nếu/Nếu những phép lạ làm ở đây cho các người ⇔ nếu/Nếu Ta ^{TVST}làm những việc đầy quyền năng mà Ta đã làm cho các người} ^{TVST}được làm (cho) (những người gian ác) của (thành phố) Sô-đôm, thì Sô-đôm ^{TVST}hãy còn cho đến ngày nay, (bởi vì chúng ^{TVST}đã ăn năn/tin)! **24** ¹⁴⁴Vậy nên/Nhưng/Vì vậy {Ta bảo các người, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các người rắng} ¹⁴⁵{trong Ngày Đoán Xét ⇔ trong ngày Đức Chúa Trời đoán xét mọi người} {(án phạt của) dân Sô-đôm sẽ nhẹ hơn các người ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa sẽ trừng phạt các người nặng hơn là họ), (bởi vì các người đã thấy các phép lạ của Ta mà vẫn không ăn năn/tin).”

11:25-30 {SỰ NGHĨ NGỢI THẬT ⇔ (CHÚA) GIÊ-SU GIÚP ĐỠ CHÚNG TA CÓ SỰ BÌNH AN (TRONG LÒNG)}

Lu-ca 10:21-22

25 {Lúc ấy ⇔ Sau đó} (Chúa) Giê-su <đáp lại> câu nguyện: “(Đức Chúa Trời) Cha (của Con), (là) Chúa/Đấng Cai Trị trên ¹⁴⁶{Thiên Đàng/trời và đất ⇔ vũ trụ ⇔ mọi người

¹³⁷ **11:22** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “Ngày Đoán Xét” ở Ma 7:22.

¹³⁸ **11:22** Có thể dùng “họ” nghe tự nhiên hơn là lặp lại “người Ty-rơ và Si-đôn.”

¹³⁹ **11:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các người” ở trong câu 21.

¹⁴⁰ **11:23** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**nâng lên Thiên Đàng**” là một thành ngữ có nghĩa là “được mọi người khen ngợi” (hãy xem Ê-sai 14:13–15). Thành ngữ này cho thấy là người Ca-bê-na-um **rất hành diện**. Bạn có thể nói: “Các người (người của thành) Ca-bê-na-um nghĩ rằng mình quan trọng, nhưng Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các người ở trong Địa Ngục! Bởi vì nếu...”

¹⁴¹ **11:23** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC) dùng “**bị hạ xuống**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số, BDY, BCG) dùng “**bị ném xuống**”.

¹⁴² **11:23** “**Âm Phủ**” một từ Hy-lạp được phiên âm có nghĩa là “chỗ/thế giới của người chết”. Đa số các học giả Kinh Thánh đề cập đặc biệt đến “chỗ trừng phạt” hay “Địa Ngục” trong ngữ cảnh này. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Địa Ngục” ở Ma 5:22. Về định nghĩa của “phiên âm”, hãy xem **Danh Sách Các Từ Ngữ** ở phần sau của sách này.

¹⁴³ **11:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu tương tự ở trong câu 21.

¹⁴⁴ **11:24** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**Đầu vậy**” trong câu 22.

¹⁴⁵ **11:24** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**trong Ngày Đoán Xét**” ở trong câu 22.

¹⁴⁶ **11:25** “**thiên đàng/trời và đất**” là một cách để nói đến “vũ trụ” hay “mọi người ở khắp mọi nơi”.

ở khắp mọi nơi}, ^{TD147} Con cảm tạ/ngợi khen Cha vì ¹⁴⁸ Cha {đã giấu những điều ấy khỏi ⇔ đã làm cho Nước/sự cai trị của Cha không được hiểu bởi} (những người nghĩ rằng họ) ¹⁴⁹ {khôn ngoan và thông sáng ⇔ rất khôn lanh} và/nhưng Cha {bày tỏ chúng cho ⇔ cho phép chúng được hiểu bởi} ¹⁵⁰ {(những người khiêm nhường như) các em nhỏ ⇔ kẻ bé mọn}. **26** Vàng, (Thưa) Cha (của Con), (Con cảm tạ/ngợi khen Cha) vì điều đó bởi vì {điều đó là tốt trước mặt Cha ⇔ điều đó là ý muốn/quyết định của Cha}.”

27 (Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su phán với dân chúng:) ¹⁵¹ “{Cha đã giao mọi sự cho Ta ⇔ (Đức Chúa Trời) Cha Ta đã giao tất cả (quyền năng và tri thức về chính Ngài) cho Ta}, và không ai {(thật sự) hiểu ⇔ hiểu (mọi sự về)} (Ta,) Con Ngài ngoại trừ (Đức Chúa Trời) Cha (của Ta), và không ai {(thật sự) hiểu ⇔ hiểu (mọi sự về)} Cha (của Ta) ngoại trừ Con/Ta và những người Con/Ta muốn/lựa chọn để bày tỏ (Cha/Cha Ta cho họ).

28 “Tất cả (các con) là những người ¹⁵² {làm việc cực nhọc và gánh nặng ⇔ mệt mỏi và mang gánh nặng}, ^{TD153} {hãy đến cùng Ta ⇔ tin/tin cậy nơi Ta ⇔ nhờ cậy Ta} và Ta sẽ {cất gánh nặng đi làm các con tươi mới lại ⇔ cho các con được yên nghỉ ⇔ giúp các con có sự bình an (trong lòng)}. **29** ¹⁵⁴ {Hãy mang lấy ách của Ta <trên các con> ⇔ Hãy vâng lời/đi theo/hầu việc Ta} và {học biết (ý muốn của Đức Chúa Trời) từ Ta ⇔ hãy để Ta dạy các con (ý muốn của Đức Chúa Trời)}, bởi vì Ta nhẹ nhàng/hay để ý/kiên nhẫn và khiêm

¹⁴⁷ **11:25** Trong bản Hy-lạp “**Con cảm tạ Cha**” được đề đầu tiên trong câu đối thoại này.

¹⁴⁸ **11:25** Bạn có thể nói: “**mặc dù** Cha giấu những điều này khỏi (những người nghĩ rằng mình) khôn ngoan và thông sáng, Cha bày tỏ chúng cho...”

¹⁴⁹ **11:25** “**khôn ngoan và thông sáng**” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Những người như các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si rất là hãnh diện và nghĩ rằng họ là những chuyên gia về Kinh Thánh, nhất là về Luật Pháp của Đức Chúa Trời, nhưng họ vẫn không hiểu được sứ điệp của Chúa Giê-su về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời và Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế đã được các tiên tri của Chúa thông báo từ ngày xưa.

¹⁵⁰ **11:25** Trong ngữ cảnh này “**trẻ con**” nói đến những người **khiêm nhường**. Không phải **chỉ** nói đến các trẻ con hay người không quan trọng hay không thông sáng, mặc dù những người này cũng có thể được kể vào đó.

¹⁵¹ **11:27** Trong ngữ cảnh này “**mọi sự**” đặc biệt nói đến tất cả quyền năng và tri thức về Đức Chúa Trời.

¹⁵² **11:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “làm việc cực nhọc và gánh nặng” đề cập đến việc cố gắng vâng theo các Luật Pháp của người Do Thái và các truyền thống/luật lệ mà các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si đòi hỏi người ta phải vâng theo (hãy xem Ma-thi-ơ 23:4). Cố gắng làm như vậy chỉ có thất bại và không có sự bình an, bởi vì không có con người nào có thể tuân theo Luật Pháp một cách hoàn toàn được.

¹⁵³ **11:28** Trong bản Hy-lạp nhóm từ “**hãy đến cùng Ta**” được đề ở đầu câu 28.

¹⁵⁴ **11:29** “**ách**” là một miếng gỗ nặng được đặt lên cổ của con bò để nó có thể kéo cây hay kéo xe. “**Hãy mang lấy ách của Ta**” là một thành ngữ có nghĩa là “Đầu phục Ta” hay “Đi theo/Hầu việc Ta” hay “để Ta hướng dẫn”. **Không** nên nói như là Chúa Giê-su muốn chúng ta mang cái ách trên cổ. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, nên để ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái nói về việc vâng theo Luật Pháp của Đức Chúa Trời như là mang ách của Luật Pháp (Công Vụ 5:1). Lý do mà ách của Chúa Giê-su dễ mang vì Ngài cung cấp tất cả mọi nhu cầu cho chúng ta—Ngài hướng dẫn, ban phước, an ủi, bảo vệ chúng ta và thêm sức cho chúng ta làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúa luôn luôn ở với chúng ta (Ma-thi-ơ 28:20).

nhường/nhân từ <trong lòng/tinh thần>. <Và>/Vì vậy các con sẽ ¹⁵⁵{tìm thấy sự yên nghỉ/tươi mới/giúp đỡ <cho ¹⁵⁶linh hồn> ⇔ có thể nghỉ ngơi ⇔ có sự bình an (trong lòng các con)}, **30** bởi vì ¹⁵⁷{ách ta dễ chịu/đầy lòng thương xót/ nhẹ nhàng ⇔ đi theo/hầu việc Ta thì dễ dàng/dễ chịu ⇔ tất cả mọi điều Ta đòi hỏi là có lợi ích cho các con} và ¹⁵⁸{gánh Ta (cho các con) ⇔ gánh Ta để các con (mang)} {thì nhẹ nhàng ⇔ không nặng nề ⇔ không khó mang}.”

12:1-8 ¹⁵⁹(Chúa) Giê-su {Là Chúa Của ⇔ Có Thấm Quyền Để Quyết Định Điều Gì Cần Phải Làm Trong} {Ngày Sa-bát/Ngày Nghỉ Ngơi ⇔ Ngày Đó}

Mác 2:23-28; Lu-ca 6:1-5

12 **1** {Lúc ấy ⇔ Sau đó không bao lâu}, (một) ¹⁶⁰(Ngày) Sa-bát/Nghỉ, (Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) đi ¹⁶¹(ngang qua) một ¹⁶²cánh đồng lúa mì. {Sau đó ⇔ Trong khi họ đi,} các môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su đói bụng, nên họ hái (một số) {gié lúa mì ⇔ hạt lúa} và ăn. **2** Nhưng (một số) người Pha-ri-si thấy (họ làm như vậy ⇔

¹⁵⁵ **11:29** Hãy chắc chắn là chuyển ngữ “tìm thấy sự yên nghỉ cho tâm hồn” không có nghĩa là bạn sẽ chết.

¹⁵⁶ **11:29** Bạn có thể chuyển ngữ “linh hồn của các con” là “chính các con”.

¹⁵⁷ **11:30** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “ách của Ta” trong câu 29, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. “ách Ta dễ chịu và gánh Ta nhẹ nhàng” dùng hai cách khác nhau để diễn tả cùng một ý để nhấn mạnh sự quan trọng. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ ở trong Ma 4:23.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lý do ách của Chúa Giê-su dễ chịu và gánh của Chúa nhẹ nhàng là vì Chúa dạy chúng ta ý muốn của Đức Chúa Trời và Đức Thánh Linh sống trong chúng ta và thêm sức để chúng ta có thể vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

¹⁵⁸ **11:30** Hay bạn có thể nói: “...không khó để làm/vâng theo điều ta đòi hỏi/ra lệnh cho các con làm.”

¹⁵⁹ (Tiểu Đề) Có thể dùng một tiểu đề khác là “Mục đích của Đức Chúa Trời trong ngày Sa-bát”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Tiểu đoạn này cho một thí dụ tốt về ách/sự đòi hỏi của Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 11:29–30) so sánh với cái ách/sự đòi hỏi của Kinh Luật mà các nhà lãnh đạo Do Thái bắt buộc người ta phải làm theo (Ma-thi-ơ 11:28). Các người Pha-ri-si nghĩ rằng ngày Sa-bát/Nghỉ Ngơi là một ngày để tôn vinh Chúa bằng cách tuân theo nhiều luật lệ. Tuy nhiên, Chúa Giê-su dạy họ đó là một ngày tôn trọng Chúa bằng cách làm việc thiện và giúp đỡ những người có nhu cầu.

¹⁶⁰ **12:1** Bạn có thể chuyển ngữ “ngày Sa-bát” là “ngày Nghỉ Ngơi/thờ phượng” hay “ngày của Đức Chúa Trời”, nhưng chắc chắn là không phải nói đến ngày chủ nhật. Cũng có thể phiên âm “Sabbath” như tiếng Việt.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ngày Sa-bát là mỗi ngày Thứ Bảy, ngày mà người Do Thái nghĩ ngơi không làm việc để thờ phượng Đức Chúa Trời. Chúa làm ra ngày thứ bảy của mỗi tuần như là một ngày nghỉ ngơi cho nhân loại, bởi vì chính Chúa sáng tạo ra vũ trụ trong sáu ngày và nghỉ ngày thứ bảy (Sáng 2:2–3, Xuất 20:8–11).

¹⁶¹ **12:1** Chúa Giê-su và các môn đệ đi trên một con đường mòn băng qua một cánh đồng. Họ không vi phạm luật lệ.

¹⁶² **12:1** Nếu trong địa bàn của bạn không có lúa mì/lúa mạch, bạn có thể nói hạt gọi là “lúa mì” hay nói tổng quát “lúa” hay “lúa để làm bột mì” hay “lúa giống như gạo”. Đừng nói “bắp” hay “gạo” bởi vì làm như vậy là thay đổi dữ kiện lịch sử trong Kinh Thánh.

vậy) (và) nói với ¹⁶³Ngài/(Chúa) Giê-su: “<Hãy nhìn>/Kìa, các môn đệ của Thầy ¹⁶⁴{làm (việc) ⇔ (hái lúa)} là điều {không được phép làm ⇔ sai/bị cấm} trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ!” ³ Nhưng/Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su {nói với ⇔ trả lời} {họ ⇔ người Pha-ri-si}: ^{CH165}“{Các ông chưa ⇔ Các ông bỏ qua điều các ông ⇔ Các ông nói chuyện/hành động như là các ông chưa} đọc (trong Kinh Thánh) việc ¹⁶⁶(Vua) Đa-vít đã làm (ngày xưa) khi Vua và {những người đi với vua ⇔ các người đồng hành/binh lính của vua} đối bụng sao? ⁴ ¹⁶⁷Vua đã vào trong ¹⁶⁸{nhà của Đức Chúa Trời/đền tạm/trại ⇔ trại lớn nhất mà các tổ tiên chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời} ¹⁶⁹(và lấy một số thức ăn cho họ ăn,/) {và ¹⁷⁰họ/[vua] ⇔ Họ/[Vua]} đã ăn ¹⁷¹{bánh thánh ⇔ bánh đã được dâng cho Đức Chúa Trời/Chúa} ¹⁷²Đa-vít và những người đi theo vua đã làm trái với Kinh Luật, bởi vì chỉ có những thầy tế lễ (mới được phép ăn). (Dẫu vậy, Đức Chúa Trời coi Đa-vít là vô tội trong việc làm đó. ⇔ Nhưng Đa-vít không có lỗi trước mặt Đức Chúa Trời.)

⁵ ^{CH 173}{Hay là các ông chưa ⇔ Các ông cũng bỏ qua việc các ông đã ⇔ Các ông đã nói/hành động như là các ông chưa} đọc trong Kinh Luật (của Đức Chúa Trời/Môi-se)

¹⁶³ **12:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong văn hoá của người Do Thái một Ra-bi/giáo sư phải chịu trách nhiệm về hành động của các môn đệ của mình và ngược lại. Đó là lý do người Pha-ri-si nói chuyện với Chúa Giê-su thay vì với các môn đệ của Ngài.

¹⁶⁴ **12:2** Các môn đệ của Chúa Giê-su **không** ăn cấp lúa, những người Pha-ri-si nổi giận vì các môn đệ **làm việc** đó là điều không được phép làm trong ngày Sa-bát.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Kinh Luật của người Do Thái cho phép người ta hái lúa khi đi ngang qua đồng (Phục 23:25). Người Pha-ri-si giận bởi vì các môn đệ của Chúa Giê-su làm công việc gặt lúa, là một trong 39 việc đặc biệt không được làm trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngợi (Xuất 20:8–11; 34:21; Phục 5:12–15).

¹⁶⁵ **12:3** Chúa Giê-su biết rằng người Pha-ri-si thường đọc điều vua Đa-vít đã làm Ngài dùng **câu hỏi tu từ** để chỉ trích việc họ đã bỏ qua những điều họ đã đọc.

¹⁶⁶ **12:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Câu chuyện này về vua Đa-vít được chép ở trong 1 Sa-mu-ên 21:1–6.

¹⁶⁷ **12:4** Trong bản Hy-lạp câu 3 và 4 là một câu hỏi tu từ dài.

¹⁶⁸ **12:4** Chuyển ngữ “**nhà của Đức Chúa Trời**” **không** nên nói đến thiên đàng ở đây. Cũng chắc chắn là chuyển ngữ nó khác hơn là “hội đường” (hãy xem Ma 4:23) và “đền thờ” (hãy xem Ma 4:5).

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Nhà Đức Chúa Trời” nói đến đền tạm, đó là một cái trại nơi người Do Thái thờ phượng và dâng tế lễ lên cho Chúa trước khi vua Sa-lô-môn xây đền thờ để thay thế nó.

¹⁶⁹ **12:4** **Không** nên để người đọc hiểu lầm là Đa-vít ăn cấp bánh của đền thờ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo Mác 2:22 thầy thượng tế đưa bánh cho Đa-vít.

¹⁷⁰ **12:4** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**vua** ăn” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) dùng “**họ** ăn”.

¹⁷¹ **12:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mỗi ngày Sa-bát người ta đặt mười hai ổ bánh mới lên cái bàn bằng vàng trong chỗ Thánh như một tế lễ cho Đức Chúa Trời. Các thầy tế lễ ăn bánh cũ. (Lê-vi-ký 24:5–9)

¹⁷² **12:4** Có thể rõ hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Theo Kinh Luật của Đức Chúa Trời,) Đa-vít và các quân lính của vua ^{TVST} không nên ăn bánh đó, bởi vì chỉ có các thầy tế lễ (mới được phép ăn).”

¹⁷³ **12:5** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu hỏi tu từ tương tự trong câu 3.

¹⁷⁴ rằng ¹⁷⁵ trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ ¹⁷⁶ các thầy tế lễ (làm việc) trong đền thờ (như vậy) {khinh thường ⇔ phạm luật cấm làm việc} trong (Ngày) Sa-bát/Nghỉ, nhưng họ (cũng) {vô tội ⇔ không phạm tội trước mặt Đức Chúa Trời sao?}/. **6** <Nhưng> Ta bảo các ông, ^{GTK177} {có một người/Đấng ⇔ Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời} ở đây bây giờ là người {lớn ⇔ quan trọng} hơn cả ¹⁷⁸ đền thờ đang ở đây. **7** <Và> nếu các ông ^{TVST} đã biết ý Đức Chúa Trời muốn nói (trong Kinh Thánh khi Đức Chúa Trời/Ngài nói): ^{NGT179} {‘Ta muốn lòng thương xót chứ không phải tế lễ,’ ⇔ Chúa/Đức Chúa Trời muốn người ta thương xót lẫn nhau hơn là Ngài muốn họ dâng của tế lễ lên cho Ngài,} (Ô-sê 6:6) các ông ^{TVST} sẽ không lên án người vô tội (như các môn đệ của Ta). **8** {Vì ⇔ Ngoài ra,} ¹⁸⁰ {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng đã trở nên con người} {là Chúa của ⇔ có thẩm quyền (quyết định điều có thể làm trong)} (Ngày) Sa-bát/Nghỉ.”

12:9-15a (Chúa) Giê-su Chữa Cánh Tay Của Một Người Trong Ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi, Nèn Các Người Pha-ri-si Dự Định Giết (Chúa) Giê-su

Mác 3:1-6; Lu-ca 6:6-11

9 Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su rời {khỏi đó ⇔ ruộng lúa mì} (và) đi đến ^{GTK181} {hội đường của họ ⇔ hội đường của (người) địa phương ⇔ nhà cầu nguyện nơi những người Pha-ri-si đến nhóm họp}. **10** <Và> ¹⁸² {<hãy nhìn> (ở đó) có một người ⇔ Chúa thấy một người (ở đó)} bị ¹⁸³ teo/bại ^{GTK184} tay ((phải)). Vậy {họ ⇔ những người Pha-ri-si} hỏi

¹⁷⁴ **12:5** Thay vì để cho câu hỏi/câu nói này kéo dài tới cuối câu 5 giống như ở trong bản Hy-lạp, có thể rõ hơn nếu chấm dứt câu hỏi/câu nói ở đây và bắt đầu một câu nói mới: “Trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi các thầy tế lễ...”

¹⁷⁵ **12:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dân số ký 28:9–10 nói về các thầy tế lễ dâng tế lễ tại đền tạm vào ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi.

¹⁷⁶ **12:5** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các thầy tế lễ” trong Ma 8:4 và 12:4–5. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong Ma 2:4 nói về sự khác biệt giữa “thầy tế lễ”, “thượng tế” và “trưởng tế”.

¹⁷⁷ **12:6** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su nói đến chính Ngài ở đây. Thật ra, chỉ có rất ít bản thảo chính (**không có** Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS] hay Văn Bản Đa Số) dùng “có một Người ở đây” (BDC, BDY, BDM dùng từ “đấng”). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói đến Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời.

¹⁷⁸ **12:6** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “đền thờ” ở Ma 4:5.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái sẽ ngạc nhiên nghe rằng có bất cứ điều gì hay bất cứ ai (ngoại trừ Đức Chúa Trời) có thể quan trọng hơn đền thờ, biểu hiệu của đức tin/tôn giáo của họ. Họ sẽ hiểu là Chúa Giê-su tuyên bố rằng Ngài ngang hàng với Đức Chúa Trời.

¹⁷⁹ **12:7** “Ta” nói đến Đức Chúa Trời ở đây, **không phải** Chúa Giê-su.

¹⁸⁰ **12:8** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “(Ta,) Con Người” ở trong Ma 8:20.

¹⁸¹ **12:9** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ “họ” nói đến **dân chúng** địa phương ở đây. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng “họ” nói đến **người Pha-ri-si** được nhắc đến ở trong câu 2.

¹⁸² **12:10** Trong ngữ cảnh này “hãy nhìn” được dùng để giới thiệu người đàn ông.

¹⁸³ **12:10** Tay của người đàn ông có lẽ bị teo lại hoàn toàn, tức là, hầu hết các bắp thịt của tay đã teo không còn nữa nên tay bị teo nhỏ lại và không cử động được nữa.

Ngài/(Chúa) Giê-su: ^{NGT}“Chúa nghĩ ¹⁸⁵ có theo đúng Kinh Luật khi chữa bệnh (cho một người) trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi không?/.” (Họ hỏi Ngài/Chúa Giê-su như vậy) để họ có thể {kết tội Ngài ⇔ tố cáo Ngài nói/làm một điều gì sai ⇔ tố cáo Ngài làm việc trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi}. **11** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ ¹⁸⁶ (bằng một minh họa/thí dụ): “Nếu một người trong các người có một con chiên và nó rớt xuống một ¹⁸⁷ cái hố trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi, ^{CH}{các ông có ⇔ chắc chắn các ông sẽ} <nhắm lấy nó và> nhắc nó lên/giúp đỡ nó (lên khỏi hố) không? **12** <Vậy> một ¹⁸⁸ người thì ¹⁸⁹ có giá trị/quan trọng hơn một con chiên (đối với Đức Chúa Trời)! Vì vậy {điều đó là đúng khi ⇔ Kinh Luật của Đức Chúa Trời cho phép chúng ta} làm việc thiện (cho một người) trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi.” **13** Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su bảo người (có tay bị ¹⁹⁰ teo/bại): “Hãy duỗi tay ra.” Vậy người đó duỗi {tay của ông ra ⇔ tay ra} và ¹⁹¹ (lập tức) nó {được (Đức Chúa Trời) phục hồi/chữa lành ⇔ trở nên} lành lặn như tay kia của ông.

14 {Sau đó/Nhưng ⇔ Thay vì (vui mừng về điều đó),} những người Pha-ri-si {rời (hội đường) ⇔ đi ⇔ có một buổi họp} (và) ^{NTT}{lên kế hoạch ⇔ âm mưu} nghịch lại Ngài/(Chúa) Giê-su làm thế nào để họ có thể hủy diệt/giết Chúa. **15** Nhưng (Chúa) Giê-su biết (điều họ đang lên kế hoạch/âm mưu làm), (nên) Chúa rời đó.

184 **12:10** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “**bàn tay**” hay “**cánh tay**”. Nếu trong ngôn ngữ của bạn cần phải nói tay **nào** bị teo, chúng ta biết từ Lu-ca 6:6 rằng ông ta bị teo tay **phải**.

185 **12:10** Những người Pha-ri-si cố gắng **lừa** Chúa Giê-su nói một điều gì sai ở đây. Họ muốn biết quan niệm của Chúa Giê-su, **không** phải Luật Pháp nói gì, vậy nên có lẽ tốt nhất là **không** đề cập đến “Kinh Luật” ở đây như một số bản dịch đã làm. Những người Pha-ri-si hy vọng rằng quan niệm của Chúa Giê-su sẽ khác biệt với Kinh Luật để họ có thể tố cáo Ngài.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo Kinh Luật Do Thái, chữa lành bệnh cho một người được coi như là làm việc và vì vậy không được phép làm trong ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi, trừ khi người bệnh có nguy cơ chết trong ngày hôm đó không chờ được đến ngày hôm sau. Phạm vào luật này rất là nghiêm trọng (Xuất 31:14–17).

186 **12:11** Bạn có thể cần phải nói rõ rằng Chúa Giê-su đang dùng **minh họa** ở đây, để cách trả lời của Ngài nghe không có vẻ sảng xóm.

187 **12:11** Bản Hy-lạp **không** nói rõ **hố** này tự nhiên mà có hay do người ta đào.

188 **12:12** Có thể tự nhiên hơn dùng danh từ **số nhiều** trong câu này và nói: “Đối với Đức Chúa Trời con người có giá trị/quan trọng hơn chiên nhiều.” Về định nghĩa của những từ như “số nhiều” hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau quyển sách này.

189 **12:12** Chuyển ngữ “**có giá trị**” **không** nên hàm ý bất cứ một giá trị nào về vật chất hay tiền bạc.

190 **12:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**teo**” trong câu 10. Nếu bạn chuyển ngữ câu này là “**bại**”, hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 9:6 cho thấy các vụ “bại” trong sách Ma-thi-ơ.

191 **12:13** Để nói cho rõ rằng **không có khoảng thời gian chờ đợi** nào giữa việc người này giơ tay ra và được chữa lành, bạn có thể nói: “(lập tức) tay được phục hồi”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ những trường hợp tương tự trong Ma 9:7, 9, 30.

12:15b-21 (Chúa) Giê-su Là Đầy Tớ Được Chọn Của Đức Chúa Trời

Mác 3:7-12

¹⁹²<Và> (khi Chúa Giê-su đi,) {nhiều đám đông ⇔ một đám đông lớn ⇔ nhiều người} đi theo Ngài/(Chúa) Giê-su, và Ngài chữa lành cho tất cả (những người bệnh). **16** Rồi/Nhưng Ngài khiển trách/cảnh cáo/ra lệnh cho họ ^{NTT}{rằng họ không nên ⇔ không được} ¹⁹³{<làm cho Ngài được biết tới> ⇔ nói với những người khác về Ngài ⇔ nói với những người khác rằng Ngài đã chữa lành cho họ}. **17** (Chúa Giê-su/Chúa bảo họ rằng ⇔ Chúa Giê-su/Ngài làm những phép lạ đó) để điều đã được Đức Chúa Trời phán (từ xưa) (về ¹⁹⁴Đấng Cứu Thế/Con của Ngài) ¹⁹⁵{qua tiên tri Ê-sai ⇔ và Ê-sai tiên tri (của Chúa) đã viết} sẽ {được ứng nghiệm ⇔ trở thành sự thật}. Ông viết: **18** “{<Hãy nhìn>/Kìa, ⇔ Đây là} Đầy tớ của Ta đã chọn (để hầu việc Ta), {(Người là) (con) yêu dấu của Ta ⇔ Ta yêu Người} (và) {linh hồn của Ta ⇔ Ta} rất vui lòng về Người. Ta sẽ {đặt Thần Linh của Ta trên Người ⇔ ban cho Người (quyền năng của) Thần Linh của Ta} và Người sẽ công bố cho ^{GTK196}các dân tộc/các dân ngoại quốc ^{GTK197}{công lý/công chính của Ta ⇔ cách ¹⁹⁸Ta làm cho mọi người trở nên công chính}. **19** {Người ⇔ Đầy Tớ của Ta} sẽ không cãi cọ (với bất cứ ai) hay la lớn tiếng (với ai), ¹⁹⁹{sẽ không có ai nghe tiếng Người ⇔ và Người sẽ không diễn thuyết lớn tiếng đầy kiêu ngạo cho dân chúng} ngoài đường phố. **20** {Người sẽ không bẻ ⇔ Người sẽ dịu dàng/thông cảm với (mọi người có đức tin nơi Ngài yếu đuối giống như)} một cây sậy sắp gãy, và Người {sẽ không dập tắt ⇔ sẽ giúp đỡ/khuyến khích (người có đức tin nơi Người yếu như)} một {ngọn đèn gần tắt ⇔ ngọn

¹⁹² **12:15** Nhiều bản dịch (và BDM, BDC) bắt đầu một đoạn khác ở đầu câu 15 nhưng không phải một tiểu đoạn mới. Tuy nhiên, phân đầu của câu 15 quan hệ mật thiết với câu 14.

¹⁹³ **12:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều lần Chúa Giê-su cảnh cáo người ta không được nói cho người khác biết rằng Ngài đã chữa lành cho họ hay Chúa chính là Đấng Cứu Thế (Ma-thi-ơ 8:4, 9:30, 12:16, 16:20, 17:9). Nếu Ngài trở nên quá phổ thông, sẽ khó cho Ngài làm công việc mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ngài làm. Người Do Thái, kể cả các môn đệ của Ngài, cũng trông đợi một Đấng Cứu Thế khác hơn là Đấng Cứu Thế giống như Chúa Giê-su (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở 11:3).

¹⁹⁴ **12:17** “Ngài” nói đến Đức Chúa Trời, **không** phải Chúa Giê-su.

¹⁹⁵ **12:17** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ **công thức trích dẫn** ở Ma 1:22.

¹⁹⁶ **12:18** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “Dân ngoại quốc” hay “các dân tộc” (tức là, “các sắc dân”, **không** phải các nước có biên giới địa lý hay chính trị). Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người Do Thái được kể đến như là một trong những sắc dân.

¹⁹⁷ **12:18** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có hơn một ý nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh giải thích theo nghĩa tiêu cực có nghĩa là “sự đoán xét/trùng phạt”. Tuy nhiên, đa số học giả nghĩ là từ này có ý nghĩa tích cực trong ngữ cảnh này và có nghĩa là “công lý.” Các câu 19-21 xác định lại sự giải thích này và cho thấy “công lý” được nói đến trong đoạn này là “công chính,” tức là, cách Đức Chúa Trời làm cho người ta trở nên công chính. Nói một cách khác, “công lý” được dùng ở đây để nói về “Phúc Âm/sứ điệp cứu rỗi”.

¹⁹⁸ **12:18** “Ta”, “Của Ta” trong câu 18 nói đến Đức Chúa Trời, **không** phải Chúa Giê-su hay Ê-sai.

¹⁹⁹ **12:19** Nhóm từ này có lẽ là một cách nói như một thành ngữ “Người sẽ không diễn thuyết lớn tiếng đầy kiêu ngạo.” Nó **không** có nghĩa rằng Chúa Giê-su hoàn toàn yên lặng trong khi Ngài ở trên các đường phố.

lửa nhỏ}, cho đến khi Người {mang công lý/công chính đến chiến thắng ⇔ khiến cho công lý/công chính chiến thắng (hơn gian ác) ⇔ khiến chúng trở nên công chính}.

21 <Và> ^{GTK200}{các dân tộc/những dân ngoại quốc ⇔ tất cả mọi sắc dân} sẽ tin cậy nơi {đanh của Người ⇔ Người}.” (Ê-sai 42:1-4)

12:22-37 ²⁰¹**Những Người Pha-ri-si** ^{NTT}**Tố Cáo (Chúa) Giê-su Dùng Quyền Năng Của {Bê-ên-xê-bun/Sa-tan ⇔ Quỷ Vương}**

Mác 3:20-30; Lu-ca 11:14-23; 12:10

22 Sau đó người ta đem đến cho Ngài/(Chúa) Giê-su một người bị tà linh ám/điều khiển khiến cho ông bị mù và ²⁰²câm. Và/Vậy nên Ngài/(Chúa) Giê-su ²⁰³{chữa lành cho ⇔ ^{NTT}đuổi/trừ quỷ ra khỏi} người để {người câm (và mù) ⇔ người này} (có thể) nói và (lại) nhìn thấy được. **23** <Và> (khi) ^{GTK204}{các đám đông ⇔ người ta trong một đám đông lớn} (thấy vậy ⇔ thấy điều Chúa Giê-su đã làm), họ ²⁰⁵{trố mắt ngạc nhiên ⇔ rất sững sốt ⇔ hoàn toàn kinh ngạc} và nói (với nhau) (về Chúa Giê-su/Ngài): ^{CH206}“{Có phải ²⁰⁷(người) này ⇔ Có thể (người) này là} ²⁰⁸{Con trai/Dòng dõi của (Vua) Đa-vít ⇔ Người Thừa Kế nước của (Vua) Đa-vít (đã được hứa ban)} không?” **24** Nhưng khi những người Pha-ri-si nghe ^{GTK209}(điều Chúa Giê-su đã làm ⇔ rằng Chúa Giê-su đã chữa lành người bị tà linh ám/điều khiển ⇔ dân chúng ngưỡng mộ điều Chúa Giê-su đã làm), họ ^{GTK210}{nói (với nhau) ⇔ nghĩ}: “{Người này không (có thể) ^{NTT}đuổi/trừ quỷ xuất khỏi

²⁰⁰ **12:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**dân ngoại quốc/các dân tộc**” trong câu 18, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

²⁰¹ (Tiểu Đề) Hay bạn có thể nói: “Giê-su đã đánh bại Sa-tan”.

²⁰² **12:22** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**mù/câm**” trong Ma 9:32–33.

²⁰³ **12:22** Nếu **không** chuyển ngữ “**được chữa lành**” từng từ một, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

²⁰⁴ **12:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**các đám đông**” trong câu 15.

²⁰⁵ **12:23** Thành ngữ được dùng trong bản Hy-lạp tương tự như thành ngữ “**trố mắt ngạc nhiên**”. Hãy tìm một thành ngữ tương tự trong ngôn ngữ của bạn.

²⁰⁶ **12:23** Nếu trong ngôn ngữ của bạn không dùng câu hỏi tu từ, bạn có thể nói: “Người này có thể là Con của Vua Đa-vít!”

²⁰⁷ **12:23** “(người) này” nói về Chúa Giê-su, **không** phải nói về người mù.

²⁰⁸ **12:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Con/Dòng dõi (Vua) Đa-vít**” ở Ma 9:27, hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Con của Đa-vít” ở Ma-thi-ơ 9:27.

²⁰⁹ **12:24** Bản Hy-lạp **không** nói rõ **điều** những người Pha-ri-si nghe. Họ có thể đã nghe: (1) Chúa Giê-su chữa lành cho người bị quỷ ám (hãy xem câu 22). (2) đám đông ngưỡng mộ điều Chúa Giê-su đã làm. (3) cả hai điều trên.

²¹⁰ **12:24** Bản Hy-lạp **không** nói rõ những người Pha-ri-si đang nói chuyện với ai. Họ có thể nói chuyện với nhau. Hay họ có thể suy nghĩ những điều này. Có vẻ như câu 25 xác định rằng họ suy nghĩ đến điều này.

(người ta) trừ khi ²¹¹ Bê-ên-xê-bun, quỷ vương, (cho Ngài quyền năng). ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su có thể ^{NTT} đuổi/trừ quỷ xuất khỏi người ta chỉ vì Bê-ên-xê-bun, quỷ vương, (cho Ngài quyền năng để làm).}” **25** <Nhưng> ²¹² [(Chúa) Giê-su] biết {tư tưởng của họ ⇔ điều người Pha-ri-si đang nghĩ/nói}, (nên) Ngài phán: “(Chắc chắn các ông biết rằng) bất cứ vương quốc/nước nào {tự chia rẽ ⇔ mà chia rẽ (ra làm nhiều nhóm) tranh chiến với nhau} sẽ {bị hư hoại ⇔ bị hủy diệt ⇔ tự hủy diệt ⇔ không tồn tại được!} {<Và>⇔ Cũng như vậy,} bất cứ làng hay nhà nào {tự chia rẽ ⇔ chia rẽ (thành từng nhóm) tranh chiến với nhau} {sẽ không tồn tại ⇔ sẽ tan rã}. **26** ²¹³ {<Và>/Vì vậy ⇔ Cũng như vậy,} {nếu (^{TVST}²¹⁴ thật như các ông nói, Sa-tan ban cho Ta quyền để đuổi/trừ tà linh xuất ra khỏi người ta, có nghĩa là) ⇔ nếu (điều các ông nói về Ta ^{TVST} là đúng, có nghĩa là)} Sa-tan đuổi/trừ {chính hắn ⇔ tà linh của hắn} ra khỏi (con người), (nói một cách khác,) {Sa-tan tự chia rẽ đánh lại chính mình ⇔ nước của hắn chia ra thành từng nhóm đánh lại nhau}. <Vì vậy,> (nếu điều đó ^{TVST} là thật,) ^{CH} {làm thế nào nước của hắn (có thể) đứng vững/tồn tại được? ⇔ hắn sẽ không thể tiếp tục cai trị (như hắn đang làm)!}

27 “{<Và> ⇔ Ngoài ra,} nếu Ta ^{TVST}²¹⁵ nhờ (quyền năng) của Bê-ên-xê-bun mà đuổi/trừ {quỷ ⇔ tà linh} ra khỏi (người ta) (như các ông nói) (thì bởi) ^{CH}²¹⁶ (quyền năng/thẩm quyền) của ai mà ²¹⁷ các con/môn đệ của các ông {đuổi/trừ (tà linh) ra khỏi (người ta) ⇔ cũng làm như vậy}? (Các ông không tố cáo họ dùng quyền năng của Bê-ên-xê-bun/Sa-tan!) {Vì vậy họ sẽ là người đoán xét các ông ⇔ Vậy thì, hãy để họ đoán xét/quyết định xem các ông đúng hay sai ⇔ Vậy nên những môn đệ của các ông cho thấy các ông sai ⇔ Sự kiện các ông không (tố cáo họ dùng quyền năng của Bê-ên-xê-bun/Sa-tan) cho thấy rằng các ông sai} (về việc này ⇔ về Ta đang dùng quyền năng của ai). **28** Nhưng ²¹⁸ nếu/vì ta (dùng) (quyền năng của/đến từ Đức Thánh Linh của) Đức Chúa

²¹¹ **12:24** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Bê-ên-xê-bun” ở Ma 10:25.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Bê-ên-xê-bun” (ở đây và trong câu 27) và “Sa-tan” (được dùng trong câu 26) là hai tên của Quỷ Vương (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma-thi-ơ 10:25).

²¹² **12:25** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “Chúa Giê-su” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản khác (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG) **không** có. BDM và BDY dùng “Ngài” hay “Chúa”. Hãy dùng cách tự nhiên nhất để nói đến Chúa Giê-su trong ngôn ngữ của bạn.

²¹³ **12:26** Một cách khác để chuyển ngữ câu 26 là “Vì vậy, nếu Sa-tan ^{TVST} thật sự ban cho Ta quyền năng để đuổi/trừ tà linh ra khỏi người ta, thì nó đã hủy diệt vương quốc của nó rồi. (Rõ ràng là nó sẽ không làm như vậy!)”

²¹⁴ **12:26** Nên nói rõ là Chúa Giê-su đang dùng **điều kiện trái-với-sự-thật** ở đây, có nghĩa là điều mà người Pha-ri-si tố cáo Ngài không thể nào là sự thật được dựa trên những lý do Ngài vừa mới nêu ra.

²¹⁵ **12:27** Đây là một **điều kiện trái-với-sự-thật**. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ ở trong câu 26.

²¹⁶ **12:27** Nếu không thích hợp để dùng một **câu hỏi tu từ** ở đây, bạn có thể dùng một câu nói như: “Ngoài ra, các ông tố cáo Ta dùng quyền năng của Bê-ên-xê-bun để đuổi/trừ quỷ ra khỏi người ta, nhưng các ông không tố cáo các con/môn đệ của các ông là những người cũng đuổi/trừ quỷ ra khỏi người ta!”

²¹⁷ **12:27** Trong ngữ cảnh này “**các con**” muốn nói đến các môn đệ, **không** phải con ruột.

²¹⁸ **12:28** Nên làm cho rõ ràng là Chúa Giê-su **đang** dùng quyền năng của Đức Thánh Linh. Bạn có thể nói: “Nhưng vì Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời là Đấng ban cho Ta quyền năng để đuổi/trừ...”

Trời để đuổi/trừ {quỷ ⇔ tà linh} ra khỏi (người ta), {thì Nước Đức Chúa Trời đã đến cùng các ông ⇔ có nghĩa là Đức Chúa Trời đang cai trị giữa các ông}. **29** {Hay ⇔ Nói một cách khác, ⇔ Thí dụ,} ^{CH} {làm thế nào một người ⇔ ²¹⁹ không ai} có thể vào nhà một người mạnh mẽ ((như Bê-ên-xê-bun/Sa-tan)) và ăn trộm của cải của người ấy trừ phi phải (đánh bại) người mạnh mẽ đó trước (và) rồi lấy dây thừng hay xích trói (người ấy) lại?/. Sau đó sẽ/có thể {ăn cắp ⇔ lấy} (mọi thứ trong) nhà của {người ấy ⇔ người mạnh mẽ} được. ²²⁰ (Cũng giống như vậy, Ta đã đánh bại Sa-tan và đó là lý do tại sao Ta có thể đuổi/trừ tà linh ra khỏi người ta.)

30 “Người nào/Hễ ai không {thuận với Ta ⇔ về phía của Ta ⇔ thích các điều Ta đang làm} thì {ngịch cùng Ta ⇔ là kẻ thù của Ta} và người nào/hễ ai không {gặt (lúa) với Ta thì đang phân tán/hủy diệt (mùa gặt) ⇔ giúp Ta dẫn người ta đến với Ta/Đức Chúa Trời là dẫn họ xa Ta/Đức Chúa Trời}. **31** {Vì thế ⇔ <Và> nên} {Ta bảo các ông, ⇔ các ông có thể chắc chắn rằng} ²²¹ {mọi (loại) tội lỗi và/kẻ cả ²²² lời phạm thượng đều được tha thứ ⇔ Đức Chúa Trời sẽ/có thể tha thứ cho người ta về mọi việc làm trái với ý muốn của Ngài và/kẻ cả mỗi lần họ phạm thượng/không tôn kính/khinh bỉ Ngài}, ²²³ {nhưng phạm thượng đến Đức (Thánh) Linh (của Đức Chúa Trời) sẽ không được tha thứ ⇔ nhưng Ngài sẽ không tha thứ cho họ nếu họ phạm thượng/không tôn kính/khinh bỉ Đức (Thánh) Linh}. **32** <Và> bất cứ ai nói phạm đến ²²⁴ {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên một con người ⇔ Ta} sẽ (được Đức Chúa Trời) tha thứ, (nếu người ấy ăn năn,) ²²⁵ nhưng hễ ai nói phạm đến Đức Thánh Linh sẽ ²²⁶ {không được tha cả đời này lẫn đời sau ⇔ không được tha thứ bây giờ hay trong tương lai ⇔ không bao giờ được Đức Chúa Trời tha thứ}!

²¹⁹ **12:29** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “...**người ta/các người** không thể vào...” Đối với một số ngôn ngữ khác có thể cần phải nói: “...một người **chỉ có thể...nếu** trước hết người ấy...”

²²⁰ **12:29** Có thể để **thông tin hàm ý** sau đây vào một **LỜI CHÚ THÍCH** thì tốt hơn.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su dùng minh họa này để cho thấy là Ngài đã đánh bại Sa-tan (người mạnh mẽ) và đó là lý do Ngài có thể đuổi/trừ tà linh xuất ra khỏi người ta. Chúa Giê-su đang làm điều Đức Chúa Trời đã hứa ở trong Ê-sai 49:24-26.

²²¹ **12:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong các câu 31–32 Chúa Giê-su đang đối chiếu tội phạm thượng/không tôn kính Đức Thánh Linh với tất cả những tội lỗi khác. Ngài không nói rằng Đức Chúa Trời sẽ tha thứ tất cả mọi tội lỗi dù người ta có ăn năn hay là không.

²²² **12:31 Phạm thượng** là bất cứ điều gì một người nói mà **không tôn kính** hay khinh bỉ Đức Chúa Trời.

²²³ **12:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Thánh Linh là Đấng ban cho Chúa Giê-su quyền năng để đuổi/trừ tà linh ra khỏi người ta. Các nhà lãnh đạo Do Thái đang phạm thượng/không tôn kính Đức Thánh Linh bằng cách nói là đây là Bê-ên-xê-bun ban cho Chúa Giê-su quyền năng đó.

²²⁴ **12:32** Nên nói rõ là “**Con Người**” muốn nói đến Chúa Giê-su ở đây, **không phải một người nào khác**. Nếu dùng tước vị đó ở đây nghe không được tự nhiên, bạn có thể để nó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Thỉnh thoảng có **LỜI CHÚ THÍCH** như vậy sẽ giúp cho người đọc cảm thấy **tự tin hơn** rằng bản dịch có chất lượng cao, **không** bê bối. Bạn không cần phải để nguyên văn vào **LỜI CHÚ THÍCH** mỗi lần bạn không chuyển ngữ từng từ một. Tuy nhiên, thỉnh thoảng **cần** phải làm như vậy hay trong trường hợp bạn thấy cần. .

²²⁵ **12:32** Đối với một số ngôn ngữ có thể dùng cùng một từ bắt đầu một câu **mới** ở đây nghe tự nhiên hơn.

²²⁶ **12:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phạm thượng/Không tôn kính Đức Thánh Linh có lẽ là “tội đưa đến sự chết” được nói đến ở trong 1 Giăng 5:16.

33 ^{GTK227} Trồng cây lành thì được quả lành, trồng cây ²²⁸độc thì được quả độc. ⇔ Nếu một cây sanh trái tốt đó là một cây tốt và nếu một cây sanh trái xấu biết là cây xấu.} Vì xem trái thì biết cây. ²²⁹(Cũng như vậy, các ông nên dứt khoát trong sự suy nghĩ của các ông rằng Ta là tốt hay gian ác bằng việc Ta làm.)

34 “(Các ông) (gian ác như) ²³⁰loài {rắn ⇔ rắn độc}! ^{CH}{Làm sao các ông có thể ⇔ Các ông không thể nào} nói được những điều tốt khi/vì (các ông) là gian ác, vì (điều) {miệng ⇔ một người} nói {(đến) từ điều đầy dẫy ở trong lòng ⇔ tùy thuộc vào người ấy là loại người gì}?/! **35** Một người công chính/tốt {đem đến điều tốt từ kho tàng tốt ⇔ nói lời tốt từ tấm lòng tốt ⇔ có tư tưởng tốt nên nói điều tốt}, nhưng một người gian ác {nói điều xấu từ kho tàng xấu ⇔ nói lời gian ác từ tấm lòng gian ác ⇔ có tư tưởng gian ác nên nói lời gian ác}. **36** <Nhưng> {Ta bảo các người ⇔ các người có thể chắc chắn} rằng ^{TD231}{trong Ngày Đoán Xét ⇔ trong ngày Đức Chúa Trời đoán xét tất cả mọi người ⇔ trong lúc Đức Chúa Trời đoán xét mọi người}, mọi người sẽ {(phải) khai trình cho Đức Chúa Trời/Ngài ⇔ chịu trách nhiệm với Đức Chúa Trời/Ngài về} (mọi điều họ đã nói, kể cả) mọi lời nhảm nhí/độc hại/gian ác <mà họ đã nói>. **37** <Vi> {bởi lời nói của các người ⇔ vì điều các người đã nói} ²³²{các người ⇔ (mỗi người) trong các người} sẽ (được Đức Chúa Trời) {xung công chính ⇔ phán xét là tốt/vô tội/công chính} hay (bị Đức Chúa Trời/Chúa) {lên án ⇔ phán xét là xấu/có tội/đầy tội lỗi} (bởi vì điều các người nói ²³³ cho thấy các người là loại người nào).”

²²⁷ **12:33** Trong các câu 33–37 Chúa Giê-su **vẫn đang quở trách** những người Pha-ri-si về việc họ tố cáo Ngài dùng quyền năng của Bê-ên-xê-bun, vậy nên tốt nhất là để những câu này chung với các câu 22–32. Tuy nhiên, nhiều bản dịch bắt đầu một tiểu đoạn mới ở câu 33 với tiểu đề như là “Xem Trái Thì Biết Cây”.

²²⁸ **12:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “cây xấu” ở Ma 7:17, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

²²⁹ **12:33** Nếu điều Chúa Giê-su nói ở trong câu 33 không được rõ ràng, bạn có thể kèm theo **thông tin hàm ý** sau đây trong bản dịch. Hoặc có thể tốt hơn là kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang so sánh việc Ngài làm với những trái/quả của một cây. Những người lãnh đạo Do Thái có thể quyết định/biết là Ngài toàn thiện hay gian ác bằng cách nhìn xem những việc Ngài làm.

²³⁰ **12:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “loài rắn độc” ở Ma 3:7, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đây.

²³¹ **12:36** “**Trong Ngày Đoán Xét**” ở cuối câu 36 trong bản Hy-lạp. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ nhóm từ này ở trong Ma 11:24.

²³² **12:37** Bạn có thể **tổng hợp** những nhóm từ này lại và nói: “<Vi> các người sẽ bị Đức Chúa Trời phán xét là vô tội hay có tội tùy theo những điều các người đã nói.”

²³³ **12:37** Bạn có thể nói “...cho thấy là lòng các người tốt hay là gian ác.”

**12:38-42 {Dấu Hiệu/Gương Của Giô-na Và Sự Phán
Xét Của Đức Chúa Trời Trên Những Người Không Tin}**

Mác 8:11-12; Lu-ca 11:29-32

38 Bảy giờ một số ²³⁴ chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si trả lời/nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: “(Thưa) Thầy, chúng tôi muốn {thấy một ²³⁵ dấu hiệu/phép lạ từ Thầy ⇔ xem Thầy làm một phép lạ} (để chúng tôi cho chúng tôi thấy rằng Thầy có thẩm quyền của Đức Chúa Trời).” **39** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ: “{(Các người) gian ác/vô tín và ²³⁶ thế hệ/những người <ngoại tình>/không trung tín này muốn ⇔ Các người là người gian ác từ chối tin Ta và các người xin} (Ta làm) một dấu lạ/phép lạ, nhưng {Đức Chúa Trời sẽ chứng tỏ cho các người biết Ta là ai chỉ qua ⇔ sẽ không có phép lạ nào được ban cho các người ngoại trừ ⇔ phép lạ duy nhất được ban cho các người là} ²³⁷ {(một dấu lạ/phép lạ giống như) dấu lạ/phép lạ của ⇔ một dấu lạ/phép lạ giống như Đức Chúa Trời đã ban cho ⇔ một dấu lạ/phép lạ sẽ xảy ra cho Ta giống như đã xảy ra cho} Giô-na là tiên tri (của Đức Chúa Trời) (ngày xưa). **40** <Vi> giống như (Kinh Thánh nói ⇔ Lời Chúa nói rằng) Giô-na ở trong bụng ²³⁸ {thủy quái ⇔ cá lớn ⇔ cá voi} trong ba {ngày và ba đêm ⇔ ngày} (Giô-na 1:17), {vậy nên ⇔ cũng như vậy} {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng trở nên con người} sẽ ở ^{GTK239} {trong lòng đất ⇔ trong đất ⇔ trong mồ mả ⇔ trong thế giới của kẻ chết} trong ba {ngày và ba đêm ⇔ ngày}.

41 ²⁴⁰ “{Trong (Ngày) Đoán Xét ⇔ Trong ngày mà Đức Chúa Trời đoán xét mọi người} dân chúng {của ⇔ những người sống trong} (thành phố) ²⁴¹ Ni-ni-ve (xưa kia) sẽ

²³⁴ **12:38** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**chuyên gia Kinh Luật**” trong Ma 9:3.

²³⁵ **12:38** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “các phép lạ” trong Ma 7:22 về cách chuyển ngữ “**dấu lạ**” ở đây.

²³⁶ **12:39** Hay bạn có thể nói: “Các người muốn Ta làm một phép lạ bởi vì các người là gian ác và từ chối không tin Ta, nhưng...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su gọi những người này là ngoại tình không phải vì Ngài tố cáo họ phạm tội tình dục, nhưng vì Ngài muốn nói với họ là họ không trung thành với Đức Chúa Trời như là một người vợ ngoại tình không trung thành với chồng. Trong Cựu Ước, các tiên tri đôi khi gọi Y-sơ-ra-ên là một quốc gia ngoại tình bởi vì dân chúng không trung thành với Đức Chúa Trời (Giê-rê-mi 3:8, Ê-xê-chi-ên 23:37, Ô-sê 2:2–10).

²³⁷ **12:39** Chúa Giê-su **không** nói rằng Ngài sẽ bị thủy quái nuốt như Giô-na. Thêm **LỜI CHÚ THÍCH** có thể làm cho người đọc hiểu rõ điều đó. .

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Cựu Ước một con cá rất lớn hay cá voi nuốt tiên tri Giô-na. Sau ba ngày, con cá/cá voi nhả ông lên bờ và ông còn sống. Nhưng khi Chúa Giê-su nói về “dấu lạ/phép lạ của Giô-na”, Ngài đang nói tới sự chết sắp đến của Ngài, bị chôn và sẽ sống lại vào ngày thứ ba.

²³⁸ **12:40** Hãy cẩn thận **đừng** chuyển ngữ “**thủy quái**” như thế nào để cho người đọc thấy rằng điều xảy ra cho Giô-na có vẻ không thật.

²³⁹ **12:40** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng thành ngữ “**trong lòng đất**” có nghĩa là “trong mồ mả”. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ nó có nghĩa là “trong thế giới của người chết”. Bạn có thể chỉ nói “**trong đất**” hay “**chết**”.

²⁴⁰ **12:41** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Vào Ngày Đoán Xét**” trong câu 36.

²⁴² đứng dậy trong tòa án của Chúa với {thế hệ (gian ác) này ⇔ các người} và họ sẽ ^{NTT} {làm chứng nghịch lại ⇔ kết án} các người, bởi vì {họ ⇔ dân thành Ni-ni-ve} đã ăn năn ²⁴³ {khi Giô-na giảng ⇔ khi (tiên tri) Giô-na nói cho họ nghe sứ điệp của Đức Chúa Trời}, nhưng <hãy nhìn,> (các người vẫn sẽ không ăn năn/nghe/tin ngay cả khi) có một người (ở) ngay đây (là người) {vĩ đại hơn ⇔ quan trọng hơn Giô-na}!

42 “{Trong (Ngày) Đoán Xét ⇔ Trong ngày Đức Chúa Trời phán xét mọi người} ²⁴⁴ Nữ Hoàng {từ phương nam ⇔ cai trị nước Sê-ba} (ngày xưa) (cũng) sẽ ²⁴⁵ đứng lên (trong tòa án của Chúa) với {thế hệ (gian ác) này ⇔ các người} và bà sẽ {làm chứng nghịch lại ⇔ kết án} các người, bởi vì bà đã đi ²⁴⁶ {từ đầu cùng đất ⇔ đường rất xa} (chỉ) để nghe {sự khôn ngoan ⇔ sự dạy dỗ khôn ngoan} của (Vua) Sa-lô-môn, nhưng <hãy nhìn,> (những người này/các người vẫn không ăn năn/nghe/tin ngay cả khi) ²⁴⁷ có một người ở đây (là người) {vĩ đại hơn ⇔ quan trọng hơn} Sa-lô-môn.”

**12:43-45 {Hãy Để Đức Chúa Trời Cai Trị Bạn, Chứ Không Phải
Uế Linh/Tà Linh ⇔ Câu Chuyện Ngụ Ngôn Về Một Tà Linh
Đã Xuất Ra Và Trở Lại}**

Lu-ca 11:24-26

43 (Sau đó Chúa Giê-su nói với các ²⁴⁸ chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si:) “<Và> khi nào ²⁴⁹ uế/tà linh ^{GTK250} {lìa khỏi ⇔ bị đuổi/trừ ra khỏi} một người, nó ²⁵¹ đi

²⁴¹ **12:41 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong thời của Giô-na, Ni-ni-ve là thủ đô của Đế Quốc A-sy-ri. Những người A-sy-ri rất gian ác và là kẻ tử thù của dân Y-so-ra-êni. Đức Chúa Trời sai Giô-na đến rao truyền sứ điệp của Đức Chúa Trời để họ ăn năn tội lỗi và không bị hủy diệt.

²⁴² **12:41** Đa số các học giả Kinh Thánh dùng “**sẽ đứng lên**”, vì trong ngữ cảnh này nói đến cảnh của một phiên tòa. Tuy nhiên, động từ này thường được dùng nói về sự sống lại, nên có một số cho là “sẽ sống lại (từ trong kẻ chết)”.

²⁴³ **12:41** Có thể tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của nhóm từ này và nói: “...bởi vì Giô-na giảng thì họ đã ăn năn, nhưng <hãy nhìn>...”

²⁴⁴ **12:42 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các học giả Do Thái biết rằng nữ hoàng này là một người ngoại quốc đã từ một nơi rất xa đến nghe sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời từ Vua Sa-lô-môn (1 Các vua 10:1-10, 2 Sử ký 9:1-9). Bà là nữ hoàng của nước Sê-ba có lẽ là nước Yemen ngày hôm nay. Điểm Chúa Giê-su muốn nêu lên là mặc dù người Do Thái nghĩ rằng họ là dân sự đặc biệt của Đức Chúa Trời và coi thường những người ngoại quốc này, họ sẽ bị những người ngoại quốc như bà nữ hoàng này lên án trước mặt Đức Chúa Trời trong Ngày Đoán Xét, nếu họ không ăn năn.

²⁴⁵ **12:42** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đứng dậy” trong câu 41 (trong bản Hy-lạp dùng một từ khác) và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở đó và **LỜI CHÚ THÍCH** quan trọng ở Ma 9:25.

²⁴⁶ **12:42** Thành ngữ “**từ đầu cùng trái đất**” có nghĩa là “từ vùng rất xa”.

²⁴⁷ **12:42** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**có một người**” trong câu 6 và 41.

²⁴⁸ **12:43** Chúa Giê-su vẫn còn đang nói với các **chuyên gia Kinh Luật** và **người Pha-ri-si** là người mà Ngài đã nói chuyện với ở trong các câu 38-42. Ngài đang nói chuyện với những người Pha-ri-si trong đám đông ở các câu 24-37.

²⁴⁹ **12:43** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**uế linh/tà linh**” trong Ma 10:1, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

qua {những chỗ khô hạn ⇔ đồng vắng/sa mạc ⇔ những chỗ hoang vu} tìm một chỗ để trú ngụ. Nhưng (nếu) nó không tìm được (một chỗ), **44** thì nó (sẽ) nói/suy nghĩ: ‘Ta sẽ quay trở lại ²⁵² nhà/chỗ/người mà ta mới ra khỏi.’ <Và> (nếu/khi) nó trở lại (và) tìm thấy (người ấy sẵn sàng) (giống như một ngôi nhà) trống/không có người ở, quét dọn sạch sẽ và ^{GTK253}{ngăn nắp ⇔ gọn gàng/sẵn sàng/trang hoàng đẹp}, **45** thì nó ²⁵⁴đi và {mang theo với nó ⇔ tìm thấy} bầy (uế linh/tà linh) gian ác hơn nó nữa, và {tất cả ²⁵⁵ chúng đều vào trong (người đó) (và) sống ở đó ⇔ nó đem chúng về sống lại trong người đó}. Rồi thì {tình trạng sau cùng của người bị (quỷ ám) còn tệ hơn tình trạng trước đó ⇔ tình trạng của người đó còn tệ hơn} (khi bị một con quỷ ám nhiều). {Thế hệ gian ác này ⇔ các người là người gian ác} cũng sẽ như vậy (nếu chúng/các người không ăn năn)!”

12:46-50 {Gia Đình Thật Sự Của (Chúa) Giê-su ⇔ Hãy Vâng Theo Ý Muốn Của Đức Chúa Trời}

Mác 3:31-35; Lu-ca 8:19-21

46 Trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su vẫn còn đang nói với đám đông/dân chúng ^{GTK256}(trong một căn nhà ⇔ những người ở xung quanh Ngài), <hãy nhìn,> mẹ Ngài và ^{GTK257}các anh em (của Ngài) (đến và) chờ ở phía ngoài ^{GTK258}(nhà ⇔ đám đông dân chúng) (và) hỏi/muốn ^{NTT}nói chuyện với Ngài. **47** ²⁵⁹[<Và>/Vậy nên có một người (trong

- ²⁵⁰ **12:43** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ là tà linh rời khỏi người đó vì muốn rời hay bị đuổi/trừ phải xuất ra. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng bị **đuổi ra khỏi**.
- ²⁵¹ **12:43** Trong bản Hy-lạp dùng **thì hiện tại** qua suốt hầu hết tiểu đoạn này để nói về việc các uế linh/tà linh thường hay làm.
- ²⁵² **12:44** Cần phải nói rõ “**nhà của ta**” muốn nói đến một con người, **không phải** là ngôi nhà.
- ²⁵³ **12:44** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “{ngăn nắp ⇔ gọn gàng/sẵn sàng}” hay “**được trang hoàng**” (BCG). Ý nghĩa nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả. Tuy nhiên, đa số các bản dịch dùng cách giải thích đầu tiên (và BDM, BDC, BDY).
- ²⁵⁴ **12:45** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “...rồi thì nó (sẽ) đi và {mang với nó ⇔ tìm} bầy con quỷ khác...và (tất cả) chúng (sẽ) vào trong (người đó)...”
- ²⁵⁵ **12:45** Bạn có thể cần phải kèm theo “**tất cả**” ở đây để kể cả tà linh đầu tiên.
- ²⁵⁶ **12:46** Bản Hy-lạp **không** nói rõ ở đây là Chúa Giê-su và đám đông đang ở trong nhà hay ngoài trời. Dựa theo Ma 13:1 và điều ghi lại tương tự ở trong Mác 3:20, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ họ đang ở **trong một căn nhà**. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng đám đông ở trong 12:23 thì ở **ngoài trời**. Có thể ở đây cần phải nói đám đông ở **đâu**, để sau này có thể nói rõ là mẹ và anh em của Chúa Giê-su chờ ở đâu trong câu 46.
- ²⁵⁷ **12:46** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**các anh em**” ở đây nói đến các con trai khác mà Ma-ri và Giô-sép có sau khi sanh Chúa Giê-su (hãy xem Ma 13:55 và Mác 6:3). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng Chúa Giê-su là con trai duy nhất mà Ma-ri có và “**các anh em**” ở đây hoặc nói đến anh em họ của Chúa Giê-su hay có thể con riêng của ông Giô-sép từ đời vợ trước mà chúng ta không được biết.
- ²⁵⁸ **12:46** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** trước ở trong câu 46 về đám đông ở **đâu**.
- ²⁵⁹ **12:47** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có **câu 47**. Tuy nhiên, một số bản (và BDY) **không** có câu đó.

đám đông) bảo Ngài/(Chúa) Giê-su: “{<Hãy nhìn> ⇔ Xin lỗi,} (Thưa Ngài), mẹ Thầy và anh em <của Thầy> đang đứng ở bên ngoài đòi/muốn nói chuyện với Thầy.”]

48 Nhưng/Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su <trả lời> {hãy hỏi/bảo ⇔ nói với} (người) nhân Ngài: ^{CH260}“{Ai (thật sự) là ²⁶¹mẹ Ta và ai (thật là) anh em Ta? ⇔ Ta sẽ cho các người biết ai (thật) là mẹ và anh em Ta.}” **49** Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su {giơ tay ra ⇔ quơ tay} về phía các ²⁶²môn đệ của Ngài (và) nói (với họ): “{Hãy nhìn ⇔ Kìa}, (các con) (giống như ⇔ đối với Ta quý như) {mẹ của Ta và anh em <của Ta> ⇔ gia đình thật của Ta}, **50** bởi vì hễ ai vâng theo ý muốn (Đức Chúa Trời) Cha Ta ở trên thiên đàng, (thì giống như) {người ấy là ⇔ họ là} {anh, chị, em và/hay mẹ của Ta ⇔ gia đình của Ta}.”

Bài Giảng 3: Chương 13 Các {Câu Chuyện Ngụ Ngôn ⇔ Minh Họa} Về {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Cách Đức Chúa Trời Cai Trị Nhân Loại}

13:1-9 Câu {²⁶³Chuyện Ngụ Ngôn ⇔ Minh Họa} Về ²⁶⁴{Một Người Gieo Giống ⇔ Một Người Nông Dân ⇔ Đi Gieo Giống ⇔ Các Loại Đất ⇔ Người Khác Nhau}

Mác 4:1-9; Lu-ca 8:4-8

13 **1** {Cùng trong ngày đó ⇔ Sau đó}, (Chúa) Giê-su/Chúa ²⁶⁵rời nhà đó (đi và) ngồi ²⁶⁶{bên cạnh ⇔ trên bờ} ²⁶⁷Biển/Hồ Ga-li-lê. **2** <Và> {nhiều đám đông/người ⇔ một đám đông lớn} đến với Ngài (tại đó) nên Chúa bước vào một cái thuyền (và) ngồi {đó ⇔ trong đó} ²⁶⁸(để Chúa có thể giảng cho họ mà không bị chen lấn), và/trong lúc {toàn thể đám đông ⇔ tất cả mọi người ⇔ họ} đứng trên bờ (lắng nghe Ngài giảng). **3** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su bảo/dạy {họ ⇔ dân chúng} nhiều điều/bài học dùng

²⁶⁰ **12:48** Chuyển ngữ câu hỏi tu từ không nên làm người đọc nghĩ rằng Chúa Giê-su không biết mẹ và các anh em của Ngài là ai và những người ở bên ngoài không phải là mẹ và các anh em của Ngài.

²⁶¹ **12:48** Nếu nói rằng các môn đệ của Chúa Giê-su là mẹ và các anh em thật của Ngài làm cho người đọc bối rối, qua các câu 48-50 có thể nói: “...(giống như ⇔ đối với Ta quý như ⇔ là những người như) mẹ và các anh em của Ta”.

²⁶² **12:49** Trong ngữ cảnh này “môn đệ” kể cả những người khác đi theo Ngài và cả mười hai môn đệ.

²⁶³ (Tiểu Đề) Một “câu chuyện ngụ ngôn” là một thí dụ/minh họa (thường là một câu chuyện) được Chúa Giê-su dùng để dạy dân chúng một điều gì quan trọng. Nó cũng được định nghĩa là “một câu chuyện ở thể gian/trần thế với một ý nghĩa/áp dụng về phần thuộc linh”.

²⁶⁴ (Tiểu Đề) Hầu hết tiểu đoạn này nói về các hạt giống và các loại đất khác nhau. Chúa Giê-su gọi đây là câu chuyện ngụ ngôn về người gieo giống/người nông dân trong câu 18, bởi vì một câu chuyện thường được đặt tên theo từ hay nhóm từ đầu tiên của câu chuyện.

²⁶⁵ **13:1** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “...Chúa Giê-su/Chúa đi từ nhà đến mé/bờ của Biển/Hồ (Ga-li-lê) (và) ngồi xuống.”

²⁶⁶ **13:1** Họ ở trên bờ phía tây của Hồ Ga-li-lê.

²⁶⁷ **13:1** Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về “Hồ Ga-li-lê” ở Ma 4:13.

²⁶⁸ **13:2** Chúa Giê-su bước vào thuyền để Ngài có thể dạy dỗ dân chúng mà không bị chen lấn. Chúa không đi khỏi chỗ đó.

²⁶⁹ các chuyện ngụ ngôn/các minh họa. (Chúa) nói: “<Hãy nhìn>/Một ngày kia có một người gieo giống/nông dân đi ra (ruộng của mình) để gieo (hạt giống). **4** <Và> trong khi người ấy ²⁷⁰ đang gieo/rãi (các hạt giống ⇔ chúng), một số (hạt giống) rơi ^{GTK271} trên/bên cạnh một đường mòn ^{GTK272} (bên cạnh/qua ruộng) (nơi dễ thấy), <và>/nên các con chim đến (và) ăn hết. **5** <Và/Nhưng> (các hạt giống) khác rơi vào ²⁷³ đất đá nơi {không có nhiều đất ⇔ nơi chỉ có một lớp đất mỏng}. <Và> chúng nảy mầm liền (và bắt đầu lớn lên), bởi vì {chúng không có (chôn sâu dưới) đất ⇔ đất cạn}. **6** Nhưng khi mặt trời ²⁷⁴ {mọc lên cao ⇔ nóng hơn}, {chúng bị khô héo, ⇔ nó làm cây mới này bị khô héo} {<và> ⇔ như vậy} chúng bị héo/khô, bởi vì {chúng không có rễ (tốt/sâu/đủ) ⇔ rễ của chúng không mọc sâu đủ}. **7** <Và> những (hạt giống) khác rơi giữa ²⁷⁵ (hạt/rễ của) bụi gai, {<và> ⇔ như vậy} (khi hạt giống tốt bắt đầu mọc,) cây gai (nảy mầm và) lớn lên và ^{GTK276} làm nghẹt ngòi/chen lán/ngăn cản/giết {chúng ⇔ những cây tốt} ^{GTK} (nên chúng không kết hạt được ⇔ nên chúng không thể lớn lên ⇔ nên chúng chết). **8** Nhưng một số (hạt giống) rơi vào nơi đất tốt/màu mỡ và (lớn lên) {kết hạt ⇔ có hoa màu tốt}. Một số (hạt giống/cây đó) (sinh ra ⇔ có những gié) một ²⁷⁷ trăm (hạt), một số khác ²⁷⁸ sáu chục

²⁶⁹ **13:3** Xem lại cách bạn chuyển ngữ “**Chuyện ngụ ngôn**” trong tiểu đề và chủ đề của phân đoạn.

²⁷⁰ **13:4** Nếu người trong địa bàn của bạn **không gieo giống** bằng cách rải hạt giống trên đất giống như người Do Thái làm, bạn có thể nói: “<Và> trong khi người ấy gieo (hạt giống) (theo **phong tục** gieo giống của họ), một số (hạt giống)...” Hay bạn có thể để kèm **LỜI CHÚ THÍCH** và **HÌNH ẢNH** dưới đây. Nếu trong địa bàn của bạn họ dùng cách này để gieo một loại hạt giống nào đó thì bạn nên nói rõ tên của loại hạt giống đó trong bản dịch của bạn. Nên chắc chắn là **không** phải người nông dân này đang gieo hạt giống vào những lỗ hay vì người ấy lười biếng, điền khùng hay ngu dại nên rải hạt giống ra xung quanh.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Để gieo giống, người Do Thái rải/ném các hạt giống lên trên mặt đất và rồi cày để phủ đất lên trên. Đôi khi người ta cày đất hai lần, cày một lần để nhỏ cỏ dại và chuẩn bị đất để gieo hạt giống và sau đó cày đất một lần nữa để phủ đất lên hạt giống vừa gieo.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một nông dân đang rải hạt giống trong ruộng với các con chim, một đường mòn, các bụi gai và đất tốt ở gần đó.

²⁷¹ **13:4** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa “**trên**” (như BDM, BDY, BCG) hay “**bên cạnh**” (như BDC). Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.

²⁷² **13:4** Đường mòn có thể “**ở bên cạnh**” cánh đồng, hay nó “**xuyên qua**” thửa ruộng.

²⁷³ **13:5** Có lẽ “**đất đá**” này là một lớp đất mỏng phủ trên đá, **không** phải đất có đá trộn ở trong đó. Bạn có thể nói: “...rơi vào một chỗ có ít đất phủ trên đá.”

²⁷⁴ **13:6** “khi mặt trời **mọc lên cao**” nói đến những ngày nóng khi **các cây** còn nhỏ. Nó **không** nói đến lúc mặt trời mới mọc hay ngày mà hạt giống mới được gieo ra. Bạn có thể để thông tin này vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

²⁷⁵ **13:7** Chúng ta có thể thấy trong phần cuối của câu 7 là các cây gai **chưa** bắt đầu mọc. Vậy nên có thể tốt hơn nên nói là: “(hạt/rễ của) cây gai”.

²⁷⁶ **13:7** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ “**làm nghẹt ngòi**” hàm ý rằng các cây này **không** sinh sản hoa màu, nhưng chúng vẫn sống và lớn chậm. Bạn có thể nói: “làm cho chúng không lớn được”. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng “**làm cho chúng nghẹt ngòi**” hàm ý rằng các cây này **chết** hay không mọc lên, vì các cây gai lấy đi hết chất bổ dưỡng cần thiết. Xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều phải làm khi các học giả có **sự giải thích khác nhau (GTK)** ở trong Ma 1:19.

²⁷⁷ **13:8** Đối với các ngôn ngữ không dùng **con số**, bạn có thể nói như: “một số (hạt/cây) (sinh ra) một ít (hạt), một số sinh ra nhiều (hạt) và một số sinh ra rất nhiều (hạt).”

(hạt) và một số gié có ba mươi (hạt).” 9 (Chúa) Giê-su kết luận: ^{GTK279}“{Ai có tai ²⁸⁰[để nghe] ⇔ Ai muốn hiểu (điều Ta đang nói) ⇔ Mọi người} hãy (cẩn thận) lắng nghe!”

13:10-17 (Chúa) Giê-su Giải Thích {Mục Đích Của ⇔
Lý Do Chúa Dừng ⇔ Kể} Các {Chuyện Ngụ Ngôn ⇔ Minh Họa}

Mác 4:10-12; Lu-ca 8:9-10

10 Sau đó các môn đệ (của Ngài/Chúa Giê-su) đến (gần) Ngài/(Chúa) Giê-su ^{GTK281}(ở trong thuyền) (và) hỏi Ngài: “Tại sao Thầy {nói chuyện với ⇔ dạy dỗ} {chúng ⇔ dân chúng} bằng các {chuyện ngụ ngôn ⇔ minh họa}?” 11 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời <(và) nói với> họ: ^{GTK282}“Bởi vì, {các con đã được (Đức Chúa Trời/Chúa) ban cho các con biết/hiểu ²⁸³ những sự huyền nhiệm về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời đang bày tỏ sự huyền nhiệm/bí mật về Nước/sự cai trị của Ngài cho các con}, nhưng {những sự huyền nhiệm này không được ban cho ⇔ Chúa không bày tỏ các điều/sự huyền nhiệm/bí mật đó cho} {chúng ⇔ những người khác}. 12 {Vì ⇔ Bởi vì} ²⁸⁴{hễ ai ⇔

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Tất cả những hoa mầu mà Chúa Giê-su nhắc tới đều rất tốt. Hoa mầu trung bình trong địa bàn Ga-li-lê và tỉnh Giu-đê là một hạt sinh ra mười hạt. Hoa mầu trội gấp một trăm lần có thể có được nhưng đó được coi là tốt ngoại hạng.

²⁷⁸ Đối với một số ngôn ngữ có thể tự nhiên hơn nếu **không** nhắc lại “(hạt)”. Tuy nhiên, với một số ngôn ngữ cần phải lập lại “(sinh ra/mọc lên/có)”. Hãy chuyển ngữ câu này cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

²⁷⁹ 13:9 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ Ma 11:15, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mệnh lệnh của Chúa Giê-su bảo mọi người phải lắng nghe hàm ý cảnh cáo rằng ai không nghe Chúa sẽ hối tiếc.

²⁸⁰ 13:9 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**để nghe**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

²⁸¹ 13:10 Dựa trên Ma 13:2, 34 và 36 có vẻ rõ ràng là các môn đệ của Chúa Giê-su hỏi những câu hỏi sau **trong khi** Chúa đang ngồi trong thuyền dạy dỗ đám đông. Điều đó có nghĩa là các môn đệ ở trong thuyền với Ngài và đến gần Ngài hơn (hay họ ở trên bờ và đến gần thuyền hơn) để hỏi Chúa. Mặc dù người ta có thể nghe được các câu trả lời của Chúa Giê-su cho các môn đệ của Ngài, các câu 11–23 có vẻ như chính là để hướng về các môn đệ, **không phải** cho đám đông. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 24 lúc này Chúa Giê-su hướng câu chuyện trở lại bao gồm cả đám đông ở trên bờ. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh có sự giải thích **khác nhau** và nghĩ rằng các môn đệ của Chúa Giê-su đến với Chúa **sau này** để hỏi Chúa về việc Chúa dừng các chuyện ngụ ngôn (như Mác 4:10 nói). Họ nghĩ rằng các câu 24–35 đã xảy ra ở một dịp khác. Họ sẽ nói: “<Và> (**sau đó**) các môn đệ của Chúa Giê-su đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (và) hỏi Ngài...”

²⁸² 13:11 Liên từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nhiều hơn một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Nó có thể là để đánh dấu **lời đối thoại trực tiếp** (BDY) hay nó có thể có nghĩa là “**bởi vì**” (BDM, BCG, BDC). Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả. Các người chuyển ngữ theo cách giải thích thứ nhất sẽ để hàm ý (giống như BDY). Nhưng người dùng ý nghĩa “bởi vì”, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “(Ta dừng các chuyện ngụ ngôn) bởi vì...”

²⁸³ 13:11 Bạn có thể chuyển ngữ “**những sự huyền nhiệm**” như là “những điều trước đây không được biết”.

²⁸⁴ 13:12 Để làm cho rõ ràng hơn là Chúa Giê-su đang kể cả các môn đệ của Chúa ở đây bạn có thể nói: “Những người **giống như các con** là người...”

những người} có (lòng ao ước hiểu biết về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời,) {thì (Đức Chúa Trời)/Chúa sẽ ban cho người ấy/họ và sẽ được tăng lên gấp bội ⇔ Đức Chúa Trời sẽ ban cho người ấy sự hiểu biết và tăng kiến thức/sự hiểu biết của họ lên}. Nhưng {hễ ai ⇔ những người} không có (sự ao ước nhiều để biết/hiểu về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời) sẽ bị cất đi ngay cả (một ít kiến thức/sự hiểu biết) mà họ đang có. **13** Đó là lý do Ta {đang nói với ⇔ dạy dỗ} {họ ⇔ người ta} bằng cách dùng các {chuyện ngụ ngôn ⇔ minh họa} {bởi vì ⇔ kết quả là ⇔ và lý do} họ nhìn (Ta ⇔ vào điều Ta làm) nhưng {không ⇔ từ chối} thấy/hiểu (ý nghĩa của điều họ thấy, và (họ) nghe (điều Ta nói) nhưng {không ⇔ từ chối} {nghe ⇔ chú ý} (tới Ta) hay hiểu biết (sứ điệp của Ta ⇔ sự dạy dỗ của Ta). **14** <Và> {lời tiên tri của I-sa đã được ứng nghiệm qua họ ⇔ ²⁸⁵ điều xảy đến cho những người này ²⁸⁶ làm ứng nghiệm điều tiên tri I-sa đã viết từ xưa}: ‘Các/Những (người này) sẽ nghe {(và) nghe ⇔ lập đi lập lại ⇔ gắn với} (điều Ta nói), <và>/nhưng {không bao giờ ⇔ từ chối} hiểu (sứ điệp của Ta),/. <và> các người/họ sẽ nhìn {(và) nhìn ⇔ đi nhìn lại ⇔ cẩn thận} (vào điều Ta làm), và/nhưng {không bao giờ ⇔ từ chối} hiểu (điều đó có nghĩa gì ⇔ lẽ thật). **15** {Vì ⇔ Lý do là} ²⁸⁷ {lòng/tâm trí những người này ⇔ các người này ⇔ họ} ²⁸⁸ {đã trở thành dây/chai lì/bướng bỉnh (đối với Ta) ⇔ từ chối học (từ Ta) ⇔ đã từ khước (Ta)}. Chúng {nghe ²⁸⁹ Ta một cách hững hờ <với tai của họ> ⇔ chúng nghe (Ta) với lỗ tai nặng/hững hờ ⇔ từ chối không nghe (Ta)}, và họ {đã nhắm mắt lại ⇔ bỏ qua (Ta)},/. ^{GTK290} {vậy nên ⇔ Kết quả là} họ sẽ không bao giờ {thấy/ý thức (sự quan trọng của việc Ta làm) <với mắt của (họ)> và/hay nghe (Ta) <với tai của (họ)> và/hay hiểu ²⁹¹ (Ta) <với tấm lòng/tâm trí của họ> và/hay ⇔ hiểu điều họ thấy (Ta làm) và

²⁸⁵ **13:14** Hay bạn có thể nói: “<Và> điều mà những người này đang làm ứng nghiệm...”

²⁸⁶ **13:14** Bạn có thể chuyển ngữ “**làm ứng nghiệm điều tiên tri I-sa đã viết từ xưa**” là “**làm điều tiên tri I-sa đã viết từ xưa trở nên sự thật**”.

²⁸⁷ **13:15** Trong bản Hy-lạp “**các người**” trong câu 14 đổi qua “**những người này**” trong câu 15. Có thể tốt hơn là nên dùng một từ nhất quán qua cả hai câu để nói rõ rằng Đức Chúa Trời đang nói đến cùng một nhóm người. Nếu bạn quyết định đổi từ “**các người**” qua “**những người này**” như bản Hy-lạp làm, bạn có thể để Đức Chúa Trời nói chuyện **với** những người này ở đầu câu 14 và rồi sau đó bắt đầu câu 15 với “(Rồi thì Đức Chúa Trời nói với I-sa về dân chúng)”.

²⁸⁸ **13:15** “**lòng những người này đã trở thành dây/chai lì**” là một thành ngữ. Nếu bạn **không** chuyển ngữ từng từ một, bạn có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

²⁸⁹ **13:15** Qua suốt câu trích dẫn này phải để cho rõ ràng là “**Ta**” đề cập đến **Đức Chúa Trời, không phải** I-sa.

²⁹⁰ **13:15** Liên từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp được để mơ hồ. Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích nó chỉ mục đích tiêu cực và nói: “**vậy nên** chúng sẽ **không bao giờ** thấy...” Tức là điều nói rõ ở trong Giăng 12:40. Tuy nhiên, một số học giả giải thích phần cuối của câu 15 có nghĩa là: “{**Trái lại** ⇔ Nếu ^{TVST} không phải như vậy ⇔ Nếu họ ^{TVST} đã không làm điều đó}, họ ^{TVST} **chắc đã** thấy (sự quan trọng của việc Ta làm) <với mắt của họ>, <và> ^{TVST} họ **chắc đã** lắng nghe (Ta) <với tai của họ> và họ ^{TVST} **chắc đã** hiểu Ta <với tấm lòng/tâm trí của họ>, {và ⇔ kết quả là} họ ^{TVST} **chắc đã** trở lại (với Ta) và Ta ^{TVST} **chắc đã** chữa lành/cứu họ.” (I-sa 6:9–10)” Các học giả này nghĩ rằng các nhóm từ sau được **so sánh** với nhóm từ trước.

²⁹¹ **13:15** Bạn có thể nói: “...hiểu (ý nghĩa của điều Ta làm và nói)...”

điều họ nghe (Ta nói), và họ sẽ không bao giờ {trở lại (với Ta) ⇔ ăn năn} ²⁹² và/để Ta sẽ chữa lành/cứu họ.’ (I-sa 6:9-10)”.

16 ²⁹³ (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục nói với các môn đệ:) “{Nhưng ⇔ Về phần các con, (môn đệ của Ta,)} ^{TD294} {mắt và tai các con ⇔ các con} được (Đức Chúa Trời) ban phước, bởi vì các con có thể ²⁹⁵ {thấy và nghe (điều Ta làm và nói) ⇔ hiểu điều các con thấy Ta làm và nghe Ta nói}. **17** <Vì> ^{GTK296} {a-men/phải, (các con được ban phước,)} (và) Ta bảo các con ⇔ thật Ta bảo các con ⇔ Ta bảo đảm với các con} rằng nhiều tiên tri (của Đức Chúa Trời) và {những người công chính ⇔ người hầu việc Chúa} (từ ngày xưa) {chờ đợi ⇔ rất muốn} thấy những điều các con đã thấy (Ta làm) và ^{TD297} nghe những lời các con đã nghe (Ta nói), <và>/nhưng họ ²⁹⁸ đã chẳng (có dịp tiện để <thấy hay nghe>.”

13:18-23 (Chúa) Giê-su Giải Thích {Chuyện Ngụ Ngôn ⇔ Minh Họa} Về
²⁹⁹ {Người Gieo Giống/Nông Dân ⇔ Các Loại Đất ⇔ Các Loại Người Khác Nhau}

Mác 4:13-20; Lu-ca 8:11-15

18 ³⁰⁰ (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ các môn đệ của Ngài:) “{Thế thì ⇔ Vì Đức Chúa Trời đã ban cho các con đặc ân đó,} hãy nghe (ý nghĩa/sự giải thích của ⇔ bây giờ và Ta sẽ giải thích cho các con ý nghĩa/sự giải thích của) chuyện ngụ ngôn/minh họa về người gieo giống/nông dân. **19** ³⁰¹ Khi ³⁰² bất cứ ai nghe {Lời ⇔ sứ điệp

²⁹² **13:15** Bạn có thể nói: “...và **hãy để cho Ta** chữa lành/cứu họ.”

²⁹³ **13:16** Để làm cho rõ ràng rằng Chúa Giê-su đã **chấm dứt** câu **trích dẫn** của Cựu Ước trong câu 15, bạn có thể kết luận câu 15 bằng cách nói “(Đức Chúa Trời phán vậy)”. Hay bạn có thể bắt đầu câu 16 với (Chúa Giê-su tiếp tục phán với các môn đệ của Ngài:).”

²⁹⁴ **13:16 Thứ tự** của câu ở trong bản Hy-lạp là: “...**con mắt** của các con được ban phước bởi vì chúng nhìn thấy **và tai của các con** được ban phước bởi vì chúng nghe.”

²⁹⁵ **13:16** Chúa Giê-su đang nói tới sự hiểu biết **về thuộc linh** ở đây.

²⁹⁶ **13:17** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “**a-men**” ở trong Ma 5:18.

²⁹⁷ **13:17 Thứ tự** của câu ở trong bản Hy-lạp là, “...và/nhưng **không thấy** (chúng) **và** (muốn) nghe những điều các con nghe (Ta nói) và/nhưng **không nghe** (chúng).”

²⁹⁸ **13:17** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ **lý do** tại sao các tiên tri của Chúa và các người công chính không thấy hay nghe điều Chúa Giê-su làm và nói. Thí dụ, bạn có thể nói: “...(bởi vì Ta đã không đến thế gian trong đời của họ).”

²⁹⁹ (**Tiểu Đề**) Bạn có thể nói: “Chúa Giê-su Giải Thích Các Loại Đất Khác Nhau Giống Như Các Loại Người Khác Nhau Như Thế Nào”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **tiểu đề** ở Ma 13:1.

³⁰⁰ **13:18** Trong một số ngôn ngữ có thể tự nhiên hơn nếu nói: “Vì vậy,” (**Chúa Giê-su phán,**) “hãy nghe...” Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **công thức trích dẫn** ở Ma 5:13.

³⁰¹ **13:19 Hạt giống** tượng trưng cho Lời (Đức Chúa Trời), **không** phải người ta. Các loại đất khác nhau tượng trưng cho các loại người khác nhau. **Điều đã xảy ra cho** hạt giống tượng trưng cho phản ứng của những người khác nhau về sứ điệp của Đức Chúa Trời về Nước Chúa. Để có thể làm cho rõ ràng, bạn có thể điều chỉnh lại các câu 19–23 và nói: “Mọi người nghe sứ điệp (của Đức Chúa Trời) về

(của Chúa)} về {Nước (Thiên Đàng/Đức Chúa Trời) ⇔ cách Đức Chúa Trời cai trị (nhân loại)} nhưng ³⁰³{không ⇔ từ chối để} {hiểu (nó) ⇔ coi nó là nghiêm trọng}, ³⁰⁴{kẻ gian ác ⇔ (quỷ vương là kẻ) gian ác} đến và ³⁰⁵cướp đi/lấy đi {điều ⇔ sứ điệp của Đức Chúa Trời mà} {đã trồng trong lòng họ ⇔ họ đã nghe}. ³⁰⁶{Đó ⇔ Những người đó} (là người) tượng trưng cho hạt giống {được gieo ⇔ rớt} ^{GTK307}trên đường mòn (^{GTK}bên cạnh/trong ruộng).

20 “<Và> (điều đã xảy ra cho) (hạt giống) {được gieo ⇔ đã rơi} trên đất đá {(thì giống như) ⇔ tượng trưng} ³⁰⁸{bất cứ ai ⇔ người} nghe Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) và lập tức tiếp nhận/tin nhận {với sự vui mừng ⇔ cách vui mừng ⇔ và vui mừng}.

21 ³⁰⁹{Nhưng người ấy không có rễ (tốt/sâu/đủ) <trong chính người đó>, nhưng/<và> ⇔ Nhưng người ấy không có (đức tin mạnh mẽ/sâu xa nên người ấy giống như các cây không có) rễ (tốt/sâu/đủ) và} người ấy {chỉ tạm thời ⇔ không bền lâu ⇔ (chỉ) tin Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) một thời gian ngắn},/. <và/Rồi> {khi ³¹⁰hoạn nạn và ³¹¹bất bớ xảy đến (cho người ấy) ⇔ khi người ấy chịu đau khổ và bị (người ta/những người không tin Chúa) bắt bớ} {bởi vì ⇔ vì tin/làm theo} Lời/sứ điệp của Đức Chúa Trời, lập tức người ấy ^{GTK312}{vấp ngã (trong đức tin) ⇔ bỏ đức tin của họ (nơi Đức Chúa Trời) ⇔ thôi không tin nơi Lời /sứ điệp (của Đức Chúa Trời) ⇔ có đức tin yếu đuối (nơi Đức Chúa Trời)}.

22 “<Và> (điều đã xảy ra cho) các (hạt giống) {được gieo ⇔ đã rơi} vào giữa ³¹³(hạt giống/rễ) cây gai {thì (giống như) ⇔ tượng trưng} {bất cứ ai ⇔ người} nghe/tin Lời/sứ

Nước/sự cai trị của Chúa nhưng không hiểu nó **giống như** đường mòn (bên cạnh/trong cánh đồng) là nơi có một số hạt giống rơi xuống. Kẻ gian ác đến và lấy đi điều được gieo trong lòng họ...”

³⁰² 13:19 Để làm cho rõ ràng mỗi phần của chuyện ngụ ngôn này áp dụng cho nhiều người, **không phải** chỉ cho một người, có thể trong một số ngôn ngữ cần phải dùng **số nhiều** qua suốt câu 19-23 và nói: “Tất cả **mọi người** là người nghe Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời)...”

³⁰³ 13:19 Ngữ cảnh này hàm ý rằng người này **không muốn** hiểu Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời).

³⁰⁴ 13:19 Mặc dù “**kẻ gian ác**” được để cách mơ hồ ở trong bản Hy-lạp, đoạn Kinh Thánh song song ở trong Mác 4:15 cho thấy rõ là nó nói đến Sa-tan, **không phải** là gian ác nói chung. Cùng một nhóm từ nói đến quỷ vương trong một chuyện ngụ ngôn tương tự ở trong Ma 13:38.

³⁰⁵ 13:19 Bạn có thể nói: “...khiến họ **quên/bỏ qua** điều...”

³⁰⁶ 13:19 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “{Đó (là những người) ⇔ Những người đó (là người)} **tượng trưng cho hạt giống**...”

³⁰⁷ 13:19 Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**trên/bên cạnh**” trong câu 4.

³⁰⁸ 13:20 Bạn có thể nói: “...bất cứ ai vui mừng tiếp nhận/tin sứ điệp của Đức Chúa Trời ngay khi người ấy nghe được.”

³⁰⁹ 13:21 Bạn có thể nói: “Nhưng người ấy giống như một cái cây không có rễ mạnh/tốt, nên đức tin của người ấy {chỉ tạm thời ⇔ không bền lâu}. Khi hoạn nạn ...”

³¹⁰ 13:21 Bạn có thể chuyển ngữ “**hoạn nạn**” là “những lúc khó khăn”.

³¹¹ 13:21 **Bất bớ** là bị kẻ thù của Chúa làm hại hay làm phiền.

³¹² 13:21 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng thành ngữ Hy-lạp “**vấp ngã**” có nghĩa là “bỏ đức tin (nơi Chúa)” trong ngữ cảnh này (hãy xem trường hợp tương tự ở trong Ma 5:29–30). Tuy nhiên một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người ấy vẫn còn có đức tin, nhưng yếu hơn lúc trước.

³¹³ 13:22 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**bụi gai**” trong câu 7.

điệp (của Đức Chúa Trời), ³¹⁴ nhưng những sự lo lắng/quan tâm của ³¹⁵ {đời [này] ⇔ đời sống hằng ngày} (làm chia trí) và {ham mê giàu sang làm cho nghẹt ngào/ngăn cản Lời/sứ điệp (của Chúa) nên ⇔ người ấy lừa dối chính mình vào sự nhờ cậy sự giàu có/của cải (thay vì nhờ cậy Đức Chúa Trời) nên người ấy bỏ qua Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) và} Lời/sứ điệp (của Chúa) ^{GTK316} {không có kết quả/sanh sản ⇔ không ảnh hưởng đến cách sống của họ ⇔ chết đi}.

23 “Nhưng (điều đã xảy ra cho) các (hạt giống) {được gieo ⇔ đã rơi} trên đất tốt {thì (giống như) ⇔ tượng trưng cho} {bất cứ ai ⇔ người} nghe Lời/sứ điệp (của Đức Chúa Trời) và {hiểu đạo ⇔ coi đạo là nghiêm trọng} và rồi thì {kết quả ⇔ sống theo lời Chúa} ³¹⁷ {và làm như vậy ⇔ nên ³¹⁸ người ấy} (giống như) các (hạt giống) sanh ra một trăm (hạt), <và một số> sáu chục ³¹⁹ (hạt) và <một số> ba chục (hạt).”

13:24-30 {Chuyện Ngụ Ngôn ⇔ Minh Họa} Về {Cỏ Lùng/Cỏ Dại ở Giữa Lúa Mì ⇔ Người Tốt Và Người Gian Ác Sống Chung Với Nhau}

24 ^{GTK320} (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su {đặt/kể một câu chuyện/ minh họa khác cho ⇔ kể một câu chuyện ngụ ngôn khác cho} ^{GTK321} {họ ⇔ đám đông ⇔ các môn đệ của Chúa} và nói: “{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Cách Đức Chúa Trời cai trị (nhân loại)} giống như (điều xảy ra trong câu chuyện này) {(về) một người ⇔ Một ngày kia có một người}

³¹⁴ **13:22** Để nói rõ là người ta có **trách nhiệm** cho việc không kết quả/không vâng lời, bạn có thể nói: “...nhưng **họ** bắt đầu lo lắng về những điều họ cần cho đời sống hằng ngày và **họ** muốn được giàu có quá đến nỗi **họ** quên về sứ điệp của Đức Chúa Trời và không vâng lời Ngài ⇔ hành xử theo ý muốn của Ngài.”

³¹⁵ **13:22** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có từ “**này**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không** có.

³¹⁶ **13:22** Cách bạn giải thích kết quả của **sự nghẹt ngào** như thế nào trong Ma 13:7 sẽ xác định cách bạn giải thích nghẹt ngào ở đây. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 7 giải thích về các sự giải thích khác nhau về điều này.

³¹⁷ **13:23** Có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây nghe tự nhiên hơn: “Người ấy (giống như)...”

³¹⁸ **13:23** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ các câu 19–23. Nếu bạn quyết định dùng đại từ **số nhiều**, hãy nhất quán qua suốt chuyện ngụ ngôn. Thí dụ, bạn có thể nói ở đây: “...nên **chúng (họ)** (giống như) các (hạt giống/cây)...”

³¹⁹ **13:23** Bạn có thể không cần phải nhắc lại “**(mỗi hạt)**”. Hãy xem cách bạn đã làm trong câu 8.

³²⁰ **13:24** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng cách giới thiệu chuyện ngụ ngôn này cho thấy rằng nó được kể cho các môn đệ của Chúa Giê-su vào một dịp khác với khi kể chuyện ngụ ngôn trước. Tuy nhiên, đa số học giả nghĩ rằng chuyện ngụ ngôn này được kể vào **cùng một ngày** với câu chuyện trước và Chúa Giê-su đổi từ chỉ nói chuyện với các môn đệ trong các câu 11–23 đến nói chuyện cả với đám đông được đề cập tới ở trong câu 2 và là những người Chúa Giê-su nói chuyện với ở trong các câu 3–9 và các câu 24–33. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong câu 10 để biết rõ hơn về vấn đề này.

³²¹ **13:24** Mặc dù một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói với các môn đệ của Chúa ở đây, đa số các học giả nghĩ rằng Chúa cũng đang nói với **đám đông**, trong đó bao gồm cả các môn đệ của Chúa (hãy xem câu 34). Xem **LỜI CHÚ THÍCH** trước đó về điều này ở trong câu 24.

³²²{gieo ⇔ sai đây tở gieo} (một số) hạt giống (lúa mì/lúa) tốt trong ruộng của mình.
25 Nhưng (một đêm,) trong khi ³²³{các người đàn ông ⇔ mọi người} đang ngủ, kẻ thù của ông ta đến (ruộng) và gieo (hạt) ³²⁴{cỏ dại ⇔ cỏ lùng (trông giống như lúa mì/lúa)} giữa lúa mì/lúa rồi đi khỏi đó. **26** <Rồi thì> (khi) các cây lúa mì/lúa lớn lên và (bắt đầu) kết hạt, <rồi thì> {cỏ lùng ⇔ cỏ <dại>} ³²⁵{cũng xuất hiện ⇔ (cũng lớn lên và người ta) có thể phân biệt được với lúa mì/lúa}.

27 “<Rồi thì> khi các đây tở của chủ ruộng (thấy cỏ dại/cỏ lùng), (chúng) đến với (ông ta ⇔ chủ ruộng ⇔ chủ của họ) (và) {hỏi ⇔ nói với} ông ta : ‘(Thưa) Chủ, ^{CH326}{có phải chủ (sai chúng tôi) gieo ⇔ chúng tôi chắc chắn rằng ông/chúng tôi đã gieo} hạt tốt trong ruộng của ông phải không? <Vậy> {cỏ dại/cỏ lùng ở đâu ra ⇔ tại sao lại có cỏ dại/cỏ lùng trong ruộng?}’ **28** <Sau đó> {ông ta ⇔ người chủ} trả lời họ: ‘Kẻ thù (của ta) {đã làm điều đó ⇔ gieo chúng}.’ Vậy các đây tở hỏi ông ta: ‘{Vậy thì ⇔ Vì có điều này xảy ra,} chủ có muốn chúng tôi đi ra (ruộng của chủ) (và) nhỏ {chúng ⇔ cỏ dại/cỏ lùng} đi không?’ **29** <Sau đó/Nhưng> chủ trả lời (họ): ‘Không, (đừng làm vậy), bởi vì nếu các người làm như vậy, khi các người nhỏ cỏ dại/cỏ lùng, các người có thể nhỏ lộn (một số) lúa mì/lúa {với cỏ ⇔ và giết lúa nữa}. **30** (Thay vào đó,) cứ để cho cả hai cùng mọc cho tới {mùa gặt ⇔ khi gặt (lúa mì/lúa)}. (Rồi thì) <trong lúc gặt> ta sẽ bảo các thợ gặt (của ta): ^{NGT327}“Trước hết hãy gặt cỏ dại/cỏ lùng và bỏ lại từng bó để đem đi đốt, {(và) rồi ⇔ nhưng} thu lúa mì/lúa {để vào ⇔ và để lúa mì/lúa trong} vựa/kho của ta.” ’ ”

³²² **13:24** Trong câu 27 nói rõ rằng chủ ruộng có nhiều đây tở. Các **đây tở** là người gieo giống ở trong ruộng.

³²³ **13:25** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**các người đàn ông**” ở đây nói đến tất cả mọi người một cách tổng quát. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nói đến các đây tở của người chủ ruộng.

³²⁴ **13:25** Điểm chính của chuyện ngụ ngôn này là **lúa mì** và **cỏ dại/độc** (có lẽ một loại cỏ dại/độc gọi là cỏ lùng) trông giống như nhau, nhưng lúa mì thì tốt và cỏ dại thì xấu. Từ từ, cái xấu sẽ bị hủy diệt. Nếu trong địa bàn của bạn đã coi cỏ dại là xấu, thì **không** cần phải nói là loại cỏ dại độc hại. Nếu trong địa bàn của bạn không có **lúa mì**, bạn có thể nói một cách tổng quát “**hạt lúa**” hay “hạt gọi là lúa mì” hay “hạt giống như gạo” (hãy xem điều bạn làm trong Ma 12:1). Hay nếu được người ta chấp nhận, bạn có thể dùng sự thay thế thích hợp với văn hoá ở đây, vì đây không phải là một câu chuyện thật. Trong nhiều quốc gia có thể dùng “gạo/lúa” thay vì “lúa mì”. Cũng có những loại cỏ dại mọc trong ruộng lúa trông giống như cây lúa gọi là “cỏ lùng” (BDM, BCG, BDC) và sẽ truyền thông được ý nghĩa của “cỏ dại” trong chuyện ngụ ngôn này. Hãy xem lời cảnh cáo ở trong Ma 7:16 về khi dùng sự thay thế thích hợp với văn hoá.

³²⁵ **13:26** “...cỏ dại **xuất hiện**” có nghĩa là có thể thấy hay phân biệt cỏ dại với lúa mì. Đây **không** nói đến cỏ dại lớn lên.

³²⁶ **13:27** Hãy nhất quán với **người** mà bạn nói là gieo hạt lúa tốt trong câu 24. Nếu không thích hợp để dùng câu hỏi tu từ ở đây, bạn có thể nói: “Chúng tôi chắc chắn rằng ông/chúng tôi chỉ gieo hạt giống tốt trong ruộng của ông!” Không nên làm cho người đọc nghĩ rằng các đây tở giận dữ với ông chủ.

³²⁷ **13:30** Một số ngôn ngữ không thể **đổi thoại trong câu đối thoại** được và sẽ đòi hỏi một câu đối thoại gián tiếp ở đây: “...Ta sẽ bảo các thợ gặt trước hết hãy nhỏ cỏ dại và bỏ lại...”

13:31-35 {Chuyện ³²⁸Ngụ Ngôn ⇔ Minh Họa} Về
 {Một Hạt Cải Và Men ⇔ Cách Nước Đức Chúa Trời Tăng Trưởng}

Mác 4:30-34; Lu-ca 13:18-21

31 ³²⁹Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su đặt/kể một {chuyện ngụ ngôn ⇔ minh họa} khác cho ^{GTK330}{họ ⇔ đám đông ⇔ các môn đệ của Ngài} (và) nói: “{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Cách Đức Chúa Trời cai trị (nhân loại)} giống như {một ³³¹hạt cải nhỏ bé mà một người <lấy (và)> gieo trong ruộng của mình ³³²(tăng trưởng rất nhiều về kích thước) ⇔ ³³³hạt cải (tăng trưởng nhiều) khi/sau khi chúng được trồng}. **32** Mặc dù {nó ⇔ hạt cải} là ³³⁴{nhỏ hơn tất cả các hạt khác ⇔ một trong những hạt nhỏ nhất}, khi nó (nảy mầm và) lớn lên, nó ^{TD335}trở thành (lớn như) một ³³⁶cây trong vườn, mà các ³³⁷chim trời đến và làm tổ trên cành của nó.”

328 (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các chuyện ngụ ngôn về hạt cải và men cho thấy cách Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời bắt đầu một cách âm thầm, không phải một cách rầm rộ với đầy quyền năng như người Do Thái mong đợi. Các chuyện ngụ ngôn này cũng dạy chúng ta: (1) cách Đức Chúa Trời cai trị một cách hoàn toàn trong đời sống những người thuộc về Ngài; và (2) cách Đức Chúa Trời cai trị thế giới, đem nhiều người đến với đức tin nơi Ngài. Cách Đức Chúa Trời bắt đầu sự cai trị nhân loại qua đời sống và sự chết của Chúa Giê-su có thể có vẻ như là nhỏ bé, yếu đuối và không quan trọng (nhất là cho những người Do Thái đang mong đợi một cách quyền uy, lớn lao), nhưng một ngày nào đó tất cả mọi người sẽ thấy sự vĩ đại và sự vinh quang/quyền năng của Ngài.

329 **13:31** Hay bạn có thể nói: “Đây là một {câu chuyện ngụ ngôn ⇔ minh họa} mà Ngài/(Chúa) Giê-su kể cho họ.”

330 **13:31** Chúa Giê-su đang nói với **cùng một nhóm người** như ở trong câu 24. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Hãy nhất quán với từ bạn dùng.

331 **13:31** Nếu trong địa bàn của bạn không có **hạt cải**, bạn có thể nói tổng quát là “một hạt giống **rất nhỏ**”. Hay bạn có thể nói: “một hạt giống gọi là hạt cải” và thêm một **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích rằng hạt cải là một hạt rất nhỏ nhưng trở nên một cây lớn. Hay bạn có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá của bạn, tức là, nói đến một hạt giống lúc người ta gieo thì rất nhỏ, nhưng rồi sẽ mọc lên thành một cây lớn đến nỗi chim có thể làm tổ trên cành của nó được. Tuy nhiên, **phải chắc chắn** là người ta sẽ chấp nhận sự thay thế này như một điều có thể nói trong Kinh Thánh được.

332 **13:31** Điểm so sánh trong chuyện ngụ ngôn này **không phải** là chính hạt cải, nhưng mà là một vật nhỏ bé **mọc lên** thành một vật lớn.

333 **13:31** Vì đây là một **dữ kiện tổng quát** về tất cả những hạt cải, bạn có thể muốn dùng đại từ **số nhiều** qua câu 32. Thí dụ, có thể chuyển ngữ câu 32: “Mặc dù các **hạt** cải nhỏ hơn trong tất cả các loại hạt giống, khi **chúng** lớn lên **chúng** trở nên (lớn) như các cây...”

334 **13:32** Có nhiều loại hạt còn nhỏ hơn hạt cải, có thể Chúa Giê-su muốn nói hạt cải là hạt nhỏ nhất mà dân chúng trông trong địa bàn đó. Hoặc có thể là Chúa dùng cách nói phóng đại để so sánh kích thước của hạt cải với cây lớn mọc lên sau này.

335 **13:32** **Thứ tự** của câu này trong bản Hy-lạp là “...khi nó lớn lên, nó **lớn hơn** bất cứ cây rau nào và **trở nên** một cây, để chim...”

336 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một cây cải lớn có thể cao từ 3 tới 4 mét.

337 **13:32** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**chim trời**” trong Ma 8:20.

33 (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su kể cho ^{GTK338}{họ ⇔ đám đông ⇔ các môn đệ của Ngài {chuyện ngụ ngôn ⇔ minh họa} khác: “{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Cách Đức Chúa Trời cai trị (con người)} thì giống như ³³⁹(điều ³⁴⁰xảy ra cho) (một ít) ³⁴¹men {mà người đàn bà <lấy (và)> ⇔ được} trộn vào ³⁴²{ba thùng ⇔ một số lượng lớn} bột ³⁴³{(và ủ dấy) cho tới khi ⇔ để} {cả đồng bột dậy lên ⇔ nó làm dậy cả khối bột lên}.”

34 ^{GTK344}(Chúa) Giê-su/Chúa kể cho đám đông/dân chúng về tất cả {những điều đó ⇔ các việc về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời} bằng cách dùng chuyện ngụ ngôn/minh họa. {<Và> ⇔ Thật ra,} Chúa ³⁴⁵không nói gì với họ (về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời) mà không dùng chuyện ngụ ngôn/minh họa. **35** Làm như vậy, điều mà Đức Chúa Trời đã nói (từ xưa) qua các tiên tri {đã được ứng nghiệm ⇔ đã trở thành sự thật} {người nói/viết ⇔ Chúa nói}: ‘Ta sẽ {mở ³⁴⁶miếng ta nói ⇔ nói với người ta dùng} các chuyện ngụ ngôn/minh họa. (Đó là cách) Ta sẽ {nói về ⇔ nói với chúng về} (những điều) {đã được giấu kín/giữ bí mật/chưa biết tới ⇔ Ta chưa bày tỏ cho bất cứ ai} từ (trước khi) {sáng tạo/bắt đầu của ⇔ Ta đã sáng tạo} thế giới.’ ” (Thi Thiên 78:2)

³³⁸ **13:33** Chúa Giê-su đang nói với **cùng một nhóm người** như ở trong các câu 24 và 31.

³³⁹ **13:33** Điểm so sánh trong chuyện ngụ ngôn này **không** phải là chính chất men, nhưng mà là **ảnh hưởng** của một số lượng nhỏ men làm dậy một đồng bột lớn.

³⁴⁰ **13:33** Bạn có thể phải làm cho rõ là Chúa Giê-su đang nói về **một sự kiện nhiều người biết, tổng quát** về bột hơn là về một việc chỉ xảy ra có một lần. Nếu bạn tổng quát hoá như vậy ở đây, bạn nên làm như vậy qua suốt câu chuyện này và câu chuyện ngụ ngôn trước ở trong các câu 31–32.

³⁴¹ **13:33** Mặc dù đa số các bản dịch để **“men”** ở đây, từ được dùng trong bản Hy-lạp có nghĩa là một miếng bột nhỏ của lúa bột trước được trộn vào với lúa bột mới để làm cho nó nổi dậy. Nếu trong địa bàn của bạn **không** dùng men, bạn có thể kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** giải thích cách xử dụng nó. Hay nếu người đọc chấp nhận, bạn có thể để nguyên văn trong **LỜI CHÚ THÍCH** và dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá trong kinh văn, tức là, nói đến một chất gì nhỏ mà có ảnh hưởng trên một số lượng lớn chất khác một cách tích cực.

³⁴² **13:33** Chúng tôi **không** biết dung tích của đơn vị đo lường người Hy-lạp dùng ở đây là bao nhiêu bột. Các học giả Kinh Thánh có nhiều phỏng đoán về chừng ấy bột sẽ làm được bao nhiêu bánh mì, từ đủ để dùng cho một gia đình đông người đến đủ dùng cho 160 người. BDM dùng “thùng”, BDC, BCG dùng “đầu”. Điểm mà chuyện ngụ ngôn muốn nói không phải là số lượng bột chính xác là bao nhiêu, nhưng mà là **một số lượng lớn** bột bị ảnh hưởng bằng một **số lượng nhỏ** men.

³⁴³ **13:33** Sau khi trộn men vào đồng bột, phải **ủ**(đợi cho lên men) để nó sẽ dậy lên. Nếu bạn tiếp tục trộn nó, nó sẽ không nổi lên.

³⁴⁴ **13:34** Một số bản dịch (BDM, BCG) bắt đầu một **tiểu đoạn** mới với câu 34 với tiểu đề “Lý do Chúa Giê-su dùng/kể chuyện ngụ ngôn”.

³⁴⁵ **13:34** Có thể rõ ràng hơn nếu bạn nói điều này mà không phải dùng thể phủ định như là: “Chúa chỉ nói/dạy họ (về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời) bằng cách dùng chuyện ngụ ngôn/minh họa.” Hay bạn có thể nói: “Chúa chỉ dùng chuyện ngụ ngôn/minh họa để kể/dạy họ (về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời).”

³⁴⁶ **13:35** Nên nói rõ là **“Ta”** và **“Của Ta”** nói đến Đức Chúa Trời trong lời trích dẫn về Cựu Ước này.

13:36-43 (Chúa) Giê-su Giải Thích Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về
³⁴⁷{Cỏ Lùng/Dại Giữa Lúa Mì/Lúa ⇔ Người Tốt Và
 Người Xấu Sống Chung Với Nhau}

36 <Rồi> ³⁴⁸[(Chúa) Giê-su] rời đám đông/dân chúng (và) đi vào ³⁴⁹{một cái nhà ⇔ nhà}. Sau đó các môn đệ đến (và) nói (với Ngài): ³⁵⁰“(Xin) giải thích cho chúng con (ý nghĩa) của chuyện ngụ ngôn/minh họa về cỏ lùng/cỏ dại trong ruộng.” **37** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su {trả lời/nói với ³⁵¹[họ] ⇔ trả lời}: “Người gieo hạt giống tốt {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} ³⁵²{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người ⇔ Ta}. **38** <Và> ruộng {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} thế gian, và hạt giống tốt {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} {các con của Nước (Đức Chúa Trời) ⇔ những người được Đức Chúa Trời cai trị}. <Và> các ³⁵³cỏ lùng/cỏ dại {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} {các con trai/môn đệ của ⇔ những người bị cai trị bởi} ³⁵⁴(kẻ ⇔ quý vương là kẻ) gian ác, **39** và kẻ thù gieo {chúng ⇔ cỏ dại} {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} quý vương. <Và> mùa gặt {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} {lúc tận thế ⇔ Ngày Đoán Xét}, và những thợ gặt {là/tượng trưng cho ⇔ giống như} ³⁵⁵{các thiên sứ (của Ta) ⇔ đầy tớ từ thiên đàng}. **40** <Vì vậy> cũng giống như <cỏ dại> bị (thợ gặt) nhổ lên bó lại và đốt trong lửa, điều này cũng sẽ xảy ra {vào khi tận thế ⇔ trong Ngày Đoán Xét}. **41** (Vào lúc đó) ³⁵⁶{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} sẽ sai các thiên sứ/đầy tớ của Ta ^{TD357}{(vào

³⁴⁷ (Tiểu Đề) Xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề ở Ma 13:24.

³⁴⁸ **13:36** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**Chúa Giê-su**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều học giả khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có. Hãy đề cập đến Chúa Giê-su theo cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

³⁴⁹ **13:36 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ đây là nhà được đề cập đến ở trong câu 1. Có lẽ nhà này ở trong thành Ca-bê-na-um và có thể là nhà của Phê-rô hay Ma-thi-ơ.

³⁵⁰ **13:36** Lời yêu cầu này nên có vẻ **lễ phép, không** xằng xớm hay hách dịch. Một số ngôn ngữ có từ dùng cho lễ phép như từ “**xin**” của tiếng Việt. Một số ngôn ngữ khác giống như tiếng Hy-lạp có thể nghe vẫn lễ phép mà không cần dùng từ giống như “xin”.

³⁵¹ **13:37** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**với họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm điều gì tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

³⁵² **13:37** Hãy xem cách bạn dùng “(Ta,) Con Người” trong Ma 12:32, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

³⁵³ **13:38** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**cỏ dại/cỏ lùng**” trong câu 25 và trong tiểu đề.

³⁵⁴ **13:38** Câu 39 nói rõ là “(kẻ) gian ác” nói đến quý vương. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ nhóm từ này trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:37, 6:13, 13:19, 38.

³⁵⁵ **13:39** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**các thiên sứ**” ở trong Ma 1:20.

³⁵⁶ **13:41** Nên làm cho rõ là Chúa Giê-su đang nói về chính Ngài là **Con Người** ở trong các câu 41–42. Nếu bạn chọn “(Ta)” ở đây, bạn nên nhất quán và dùng “**của Ta**” trong những câu này.

³⁵⁷ **13:41 Thứ tự** của câu ở trong bản Hy-lạp là: “...sẽ sai thiên sứ/đầy tớ của Ngài/Ta đi ra, và chúng sẽ tụ họp lại {từ Nước của Ngài/Ta ⇔ từ những người Ngài/Ta đang cai trị} mọi vật...”

trong Nước của Ta ⇔ đến giữa những người Ta đang cai trị} và họ sẽ tụ họp ³⁵⁸ mọi vật/mọi người {gây ra ⇔ khuyến khích người ta} phạm tội và (mọi người) là người {vô luật pháp ⇔ gian ác}. **42** Rồi thì {họ ⇔ các thiên sứ/đầy tớ (của Ta)} sẽ ném chúng vào trong {một lò lửa ⇔ Địa Ngục đầy lửa}, nơi (chúng sẽ bị trừng phạt nên) {sẽ có sự khóc lóc và nghiêng răng ⇔ chúng sẽ khóc cách cay đắng và nghiêng răng (trong sự đau đớn) ⇔ chúng/người ta sẽ kêu khóc và đau đớn kinh khủng}. **43** Rồi thì/nhưng những người công chính sẽ {chiếu sáng như mặt trời ⇔ được vinh quang/tôn trọng} {trong Nước của Cha (Đức Chúa Trời) ⇔ (trên thiên đàng) nơi (Đức Chúa Trời) Cha họ sẽ cai trị}. ^{GTK}{Ai có tai ⇔ Ai muốn hiểu (điều Ta đang nói) ⇔ Mọi người} nên cẩn thận lắng nghe (Ta)!”

**13:44-46 Hai Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về ³⁵⁹Giá Trị Của
{(Việc Trở Nên Thuộc Viên Của) Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời
⇔ Việc Được Đức Chúa Trời Cai Trị}**

44 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su phán với các môn đệ:) ³⁶⁰“{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Việc trở nên một thuộc viên/công dân của Nước Đức Chúa Trời ⇔ Việc được Đức Chúa Trời cai trị} giống như ³⁶¹(câu chuyện này về) ³⁶²{của báu ⇔ một vật rất có giá trị} được chôn giấu ở trong một thửa ruộng. (Sau đó không ai biết đến nó nữa.) (Một ngày kia) có một người tìm thấy của báu (và) {giấu (nó) (ở trong ruộng) ⇔ phủ đất lên lấp lại} (để không ai tìm được nó). <Và> {trong sự vui mừng ⇔ người ấy quá vui đến nỗi} ông ta đi và bán tất cả mọi thứ ông có và (dùng số tiền đó) mua thửa ruộng (để của báu sẽ thuộc về ông).

45 ”(Giá trị của ⇔ Cách người ta nên đánh giá) {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ việc trở nên một thuộc viên/công dân của Nước Đức Chúa Trời ⇔ việc được cai trị bởi Đức Chúa Trời} cũng giống như (câu chuyện về) một ^{GTK363}người thương gia/sưu tầm đi tìm kiếm ³⁶⁴hạt trai {quý ⇔ có phẩm chất cao} (để mua). **46** <Rồi> (một ngày kia,) khi

³⁵⁸ **13:41** Mặc dù bản Hy-lạp dùng “mọi vật” ở đây, câu 38 cho thấy câu này muốn nói đến người ta, không phải vật.

³⁵⁹ (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Hai chuyện ngụ ngôn này dạy chúng ta rằng Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời có giá trị hơn tất cả mọi sự (cũng hãy xem trong Ma-thi-ơ 10:37–39). Thật ra, đó là tất cả những điều chúng ta cần (Ma-thi-ơ 6:33).

³⁶⁰ **13:44** Hai chuyện ngụ ngôn ở trong các câu 44–46 về giá trị của Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời, không phải về cách Đức Chúa Trời cai trị nhân loại.

³⁶¹ **13:44** Điểm so sánh ở trong hai chuyện ngụ ngôn này là của báu và viên ngọc trai tượng trưng cho Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời được coi là rất có giá trị và xứng đáng để theo đuổi.

³⁶² **13:44** Bản Hy-lạp không nói của báu đó là gì. Có thể là tiền, nữ trang hay một thứ nào khác rất có giá trị. Của báu thường được chôn giấu cho an toàn.

³⁶³ **13:45** Đa số các bản dịch dùng “thương gia” ở đây. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ “người sưu tầm” thích hợp với ngữ cảnh nhất, vì trong câu 46 có vẻ người đàn ông bán hết của cải của mình để có thể mua được viên ngọc trai ông tìm thấy.

³⁶⁴ **13:45** Trong thời Chúa Giê-su ngọc trai được coi là rất có giá trị (giá trị hơn vàng nhiều) và thường được dùng làm nữ trang. Một số ngọc trai có giá trị hơn những loại khác. Nếu trong địa bàn của bạn không biết về ngọc trai, bạn có thể kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** về chúng. Hay bạn có thể nói

ông tìm được một hạt trai có giá trị ngoại hạng/đặc biệt, ông đi (và) bán hết mọi của cải (và dùng tiền đó) để mua hạt trai.”

**13:47-50 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn Về Thả Lưới Đánh Cá ⇔
Cách Đức Chúa Trời Phân Loại Người Tốt Khỏi Người Gian Ác}**

47 ³⁶⁵ (Rồi Chúa Giê-su phán: ⇔ Rồi Chúa Giê-su phán với các môn đệ:) “{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Cách Đức Chúa Trời cai trị (người ta)} cũng giống như (câu chuyện) {về cái lưới được thả ⇔ một số người đánh cá bỏ ³⁶⁶lưới chài} xuống một cái hồ và bắt được đủ loại (cá). **48** Khi đẩy lưới, {lưới được kéo lên ⇔ các người đánh cá kéo lưới} lên/ vào bờ. (Sau đó) họ ngồi xuống (và) lựa cá tốt/ăn được bỏ vào thùng/rổ/sò nhưng/và ném những (cá) xấu/không ăn được/không dùng được đi. **49** {Vậy nên cũng như vậy ⇔ Đức Chúa Trời sẽ phân loại người tốt với người gian ác cũng như vậy} ³⁶⁷ {vào ngày tận thế ⇔ trong Ngày Đoán Xét}. (Vào lúc đó) ³⁶⁸ {các thiên sứ ⇔ đầy tớ} của Ta sẽ ³⁶⁹ đi <ra> (khắp mọi nơi trên đất) và tុy hợp/phân loại kẻ ác ra khỏi {(người công chính)/tốt ⇔ những người có một quan hệ đúng với Đức Chúa Trời}. **50** Rồi thì các thiên sứ (của Ta) sẽ ném kẻ ác vào {một cái lò lửa ⇔ Địa Ngục đầy lửa} nơi đó (chúng sẽ bị trừng phạt nên) {ở đó sẽ có khóc lóc và nghiền răng ⇔ chúng/những người ấy sẽ khóc lóc cay đắng và nghiền răng (trong sự đau đớn) ⇔ chúng/người ta sẽ khóc lóc và đau đớn kinh khủng}.”

**13:51-52 Việc Hiểu Biết Sự Dạy Dỗ Cũ Và Sự Dạy Dỗ Mới
Của Chúa Rất Có Giá Trị**

51 ³⁷⁰ [(Sau đó) (Chúa) Giê-su hỏi {họ ⇔ các môn đệ của Ngài}:] ^{NGT}“Các con có hiểu các chuyện ngụ ngôn/minh họa (Ta đã kể cho các con nghe) không?” Họ trả lời

cách tổng quát hơn “{ngọc ⇔ đá quý}” hay “{ngọc ⇔ đá quý} gọi là ngọc trai”. Hay bạn có thể dùng sự thay thế thích hợp với văn hóa cho ngọc trai, nhưng hãy xem lời cảnh cáo ở Ma 7:16 về khi dùng sự thay thế thích hợp với văn hoá.

³⁶⁵ **13:47** Hãy coi lại **cách** bạn **bắt đầu** nhiều tiểu đoạn trong chương 13. Hãy xem các câu 16, 18, 44, 47.

³⁶⁶ **13:47 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lưới chài là một cái lưới dài dùng để bắt cá. Một bên có cột phao và bên đối diện cột chì. Tàu kéo lưới dưới nước một vòng. Sau đó lưới được kéo vào bờ hay lên thuyền để lấy cá ra.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một số người ngồi trên bờ với lưới chài đầy cá bên cạnh trong khi họ chọn lọc cá tốt bỏ vào rổ và cá xấu để dưới đất.

³⁶⁷ **13:49** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**tận thế**” trong các câu 39–40.

³⁶⁸ **13:49** Các **thiên sứ** này là thiên sứ của Chúa Giê-su (hãy xem câu 41), **không phải** thiên sứ của quý vương.

³⁶⁹ **13:49** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **thiên sứ** trong câu 39 và 41. Bạn có thể nói: “(Ta) sẽ sai các thiên sứ/người làm việc ...”

³⁷⁰ **13:51** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “(Sau đó) **Chúa Giê-su hỏi họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

<Ngài>: ^{NGT}“Dạ hiểu, ³⁷¹ [(thưa) Chúa].” **52** Rồi Chúa nói với họ: ³⁷²“(Tốt lắm,) vì các chuyên gia Kinh Luật {là môn đệ của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ người đã được dạy về sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ người đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời} (biết/dạy các lễ thật/sự dạy dỗ mới và cũ có giá trị, như vậy) giống như {người chủ nhà ⇔ người giàu có} đem các vật (quý giá) cả mới lẫn cũ {ra khỏi ⇔ trong} ^{GTK373} {kho ⇔ hộp đựng báu vật} của mình.”

**13:53-58 Dân Chúng (Thành) Na-xa-rét {Từ Khước (Chúa) Giê-su
⇔ Không Tin Rằng (Chúa) Giê-su Là Đáng Cứu Thế}**

Mác 6:1-6; Lu-ca 4:16-30

53 Sau khi (Chúa) Giê-su (kể) xong các chuyện ngụ ngôn/minh họa (cho các môn đệ của Ngài), Chúa rời {khỏi đó ⇔ Biển/Hồ Ga-li-lê} (cùng với môn đệ của Ngài) **54** và đi đến tỉnh nhà ³⁷⁴ ((Na-xa-rét)). (Tại đó) Chúa đã dạy dỗ {họ ⇔ dân chúng (ở Na-xa-rét)} trong {nhà hội ⇔ nhà cầu nguyện/hộp} của {họ ⇔ người Do Thái} {đến nỗi ⇔ khiến} {họ ⇔ dân chúng} {bật ngửa ⇔ sững sờ ⇔ hoàn toàn ngạc nhiên} ³⁷⁵ {và ⇔ nhưng họ} hỏi (nhau): “{³⁷⁶ Người này (lấy/học) sự khôn ngoan và ⇔ Ai đã dạy người này những điều kỳ diệu như vậy và đã ban cho Ngài} (quyền năng/khả năng) ở đâu (để làm) ³⁷⁷ {các phép lạ ⇔ các công việc lạ lùng} như vậy?! **55** ^{CH378} {Có phải người ấy ⇔ Ông ấy là} con người thợ mộc phải không? (Người ấy có gì đặc biệt? ⇔ Người như vậy không thể là một người đặc biệt/quan trọng được.) (Và) ^{CH} có phải mẹ ông ấy <tên là> Ma-ri, và ^{CH} (có phải)

³⁷¹ **13:51** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**Chúa**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không** có. Các môn đệ của Chúa Giê-su phải nói có về **lễ phép**.

³⁷² **13:52** Bạn có thể nói: “(Tốt lắm!) (Bởi vì vậy (các con giống như) các chuyên gia Kinh Luật...)” Hay bạn có thể nói: “(Tốt lắm,) bởi vì mọi người là những người biết Luật Pháp của Đức Chúa Trời và biết sự dạy dỗ mới của Ta về Nước/sự cai trị của Đức Chúa Trời thì giống như người chủ nhà...”

³⁷³ **13:52** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể nói đến “**của báu**” hay “**chỗ** chứa của báu”. Trong ngữ cảnh này chỗ như vậy có thể là nhà kho hay rương đựng của báu.

³⁷⁴ **13:54 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù Chúa Giê-su được sinh ra tại tỉnh Bết-lê-hem, Na-xa-rét trở nên tỉnh nhà của Chúa (Ma-thi-ơ 2:23; 3:1). Đó là lý do Chúa được gọi là “Giê-su người Na-xa-rét”. Na-xa-rét ở cách Ca-bê-na-um khoảng 32 km về phía tây nam.

³⁷⁵ **13:54** Dân chúng kinh ngạc về Chúa Giê-su, **nhưng** họ hỏi các câu hỏi về Ngài và họ đầy sự nghi ngờ và cuối cùng đi đến chỗ từ khước Ngài (các câu 54–57).

³⁷⁶ **13:54** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**người này**” bày tỏ sự khinh thường/không kính trọng Chúa Giê-su ở đây (như ở trong Ma 9:3).

³⁷⁷ **13:54** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**các phép lạ**” trong Ma 11:20.

³⁷⁸ **13:55** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải đổi **câu hỏi tu từ** trong các câu 55–56 ra lời nói. Thí dụ, bạn có thể nói: “(**Chúng tôi biết** ông ấy là ai.) Ông ấy (chỉ) là con trai người thợ mộc; mẹ ông ấy <tên là> Ma-ri, và anh em của ông ấy (là)...”

các anh em của ông ấy là ³⁷⁹Gia-cơ, <và> Giô-sép, <và> Si-môn và Giu-đa phải không? **56** <Và> ^{CH}có phải tất cả em gái của ông ấy (ở) (đây) <với chúng ta> phải không? Vậy thì, ông ấy (lấy/học) tất cả {những điều này ⇔ sự khôn ngoan và lấy quyền năng làm các phép lạ này} ở đâu?” **57** <Và> ³⁸⁰(vì họ chẳng hiểu làm thế nào Ngài có được sự khôn ngoan và quyền năng như vậy, ⇔ vì Chúa chẳng giống như Đấng Cứu Thế mà họ đang mong đợi, ⇔ vì Chúa trông có vẻ quá tầm thường để có sự khôn ngoan và quyền năng,) họ {nổi giận với ⇔ từ khước ⇔ không chịu tin} {Ngài ⇔ sứ điệp của Ngài}. Vì vậy (Chúa) Giê-su phán với họ: “³⁸¹Tiên tri (của Đức Chúa Trời) (giống như chính Ta) được tôn trọng/kính nể bởi mọi người ngoại trừ người trong quê hương và nhà mình!” **58** <Và> Ngài/(Chúa) Giê-su {không làm nhiều ⇔ chỉ làm ít} {phép lạ ⇔ việc đầy quyền năng} {tại đó ⇔ tại Na-xa-rét} ³⁸²bởi vì {sự không tin ⇔ họ đã không tin} (nơi Ngài ⇔ sứ điệp của Ngài).

14:1-12 ³⁸³*Hê-rốt An-ti-ba Nghĩ Rằng (Chúa) Giê-su Có Thể Là*
³⁸⁴*Giăng Báp-tít Sống Lại*

Mác 6:14-29; Lu-ca 9:7-9

14 **1** Trong/Vào lúc Hê-rốt ³⁸⁵((An-ti-ba)), Vua chư hầu của La-mã (ở tỉnh Ga-li-lê), nghe {tiếng (Chúa) Giê-su ⇔ điều (Chúa) Giê-su đang dạy dỗ và làm ⇔ sự dạy dỗ và các phép lạ của (Chúa) Giê-su} **2** và nói với các đầy tớ/cố vấn của vua: “{Đây là ⇔ Người này (dân chúng gọi là Chúa Giê-su) chắc thật là} Giăng Báp-tít. {Ông ta đã ⇔

³⁷⁹ **13:55 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Gia-cơ em của Chúa Giê-su trở nên một nhà lãnh đạo của Hội Thánh (Ga-la-ti 1:19) và viết Thư Tín/Sách Gia-cơ. Giu-đa em của Chúa (khác với Giu-đa người phản Chúa) có lẽ là người viết sách Giu-đe (xem Giu-đe 1:1). Hãy chú ý là Si-môn em Chúa không phải là Si-môn Phê-rô.

³⁸⁰ **13:57** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ lý do tại sao dân chúng Na-xa-rét từ khước Chúa Giê-su. Chỉ nói rõ nếu cần thiết.

³⁸¹ **13:57** Điều Chúa Giê-su nói ở đây là đúng về tất cả các tiên tri. Để làm cho rõ ràng hơn bạn có thể nói: “Các tiên tri (của Đức Chúa Trời) (giống như chính Ta) không...”

³⁸² **13:58** Bạn có thể nói: “...bởi vì họ đã từ khước Ngài.” Cũng có thể nghe tự nhiên hơn nếu bạn thay đổi thứ tự của câu 58 và nói: “<Và> bởi vì/vì {họ ⇔ dân chúng tại Na-xa-rét} {đã không tin nơi ⇔ từ khước} Ngài/(Chúa) Giê-su, Ngài/(Chúa) Giê-su đã không làm nhiều phép lạ {tại đó ⇔ tại Na-xa-rét}.”

³⁸³ (Tiểu Đề) Có thể dùng một tiểu đề ngắn hơn là “Cái Chết Của Giăng Báp-tít”.

³⁸⁴ (Tiểu Đề) Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “Giăng Báp-tít” trong Ma 3:1.

³⁸⁵ **14:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vua Hê-rốt này là Hê-rốt An-ti-ba. Cha của vua là Hê-rốt Đại Đế đã cố gắng giết con trẻ Giê-su ở trong Ma-thi-ơ 2:16–18. Hê-rốt An-ti-ba là người bắt giam Giăng trong Ma-thi-ơ 4:12. Ông là một trong các vua chư hầu, tức là, một thống đốc của La-mã cai trị một phần tư lãnh thổ mà vua cha đã cai trị. Vua cai trị tỉnh Ga-li-lê và Phê-rê từ 4 T.C. cho tới 39 S.C.

Chắc ông ta đã ^{GTK386}{sống lại ⇔ (được Đức Chúa Trời) làm cho sống lại từ kẻ chết}
<Và> đó là lý do ³⁸⁷ông ta có thể làm các phép lạ.”

3 (Hê-rốt đã nghĩ như vậy) bởi vì (trước đó) (vua) ³⁸⁸Hê-rốt ³⁸⁹{đã bắt Giăng,
^{GTK390}trói/xiềng lại ⇔ đã (ra lệnh cho lính của vua) ^{NTT}bắt Giăng, ^{GTK}trói/xiềng ông lại}
và bỏ ông vào ³⁹¹tù,/. (Vua/Hê-rốt đã làm như vậy) {vì cơ ⇔ vì ^{NTT392}sự nài nỉ của ⇔ để
làm vui lòng} (vợ của vua) ³⁹³Hê-rô-đia, trước là vợ của em vua là Phi-líp. 4 {Vì ⇔ (Hê-
rô-đia giận dữ với Giăng,) bởi vì} Giăng cứ nói với vua/Hê-rốt là: ^{NGT394}“{Đó là một điều
³⁹⁵không hợp pháp ⇔ Đó là một điều sai ⇔ Đó là một tội} khi vua lấy/cưới {Hê-rô-đia
⇔ vợ của em vua}!” 5 <Và>/Bây giờ/Vì vậy, mặc dù (Vua/Hê-rốt) đã muốn giết Giăng,
Hê-rốt sợ {dân chúng/dân Do Thái ⇔ rằng nếu vua làm như vậy, dân chúng/dân Do Thái
sẽ trả thù vua}, bởi vì họ đã cho/tin rằng Giăng là một tiên tri của Đức Chúa Trời. (Vậy
nên vua/Hê-rốt giam Giăng trong ngục.)

³⁸⁶ 14:2 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “sống lại” ở Ma 9:25, và coi lại cách bạn chuyển ngữ từ này ở trong tiểu đề.

³⁸⁷ 14:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giăng không có làm phép lạ khi ông còn sống (Giăng 10:41). Có lẽ Hê-rốt nghĩ rằng nếu Giăng đã sống lại từ kẻ chết (một phép lạ khó xảy ra nhất), ông có thể làm các phép lạ khác một cách dễ dàng.

³⁸⁸ 14:3 Bạn có thể cần phải sắp đặt câu 3 và 4 theo **thứ tự diễn tiến** của mọi việc (Hãy xem **Danh Sách Từ Ngữ** ở phía sau của sách này). Thí dụ, bạn có thể nói: “Hê-rốt (đã nghĩ rằng) bởi vì (trước đó) ông đã lấy Hê-rô-đia là vợ của ông Phi-líp em vua, nhưng Giăng đã bảo vua/Hê-rốt ^{NTT}rằng như vậy là {sai ⇔ trái với ý muốn của Đức Chúa Trời}. Hê-rô-đia rất căm giận về điều đó, nên Hê-rốt sai (lính của vua) bắt Giăng, ^{GTK}trói/xiềng và bỏ ông vào ngục.”

³⁸⁹ 14:3 Chính vua Hê-rốt **không** bắt Giăng, nhưng sai **các quân lính của vua** làm.

³⁹⁰ 14:3 Bản Hy-lạp **không** nói rõ là Giăng bị trói bằng dây thừng hay với dây xích và cũng **không** nói phần nào của thân thể bị trói. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ một phần của thông tin đó. Có lẽ các quân lính của Hê-rốt trói **tay** Giăng, nhưng họ cũng có thể trói chân ông ở ngay cổ chân với một sợi dây thừng hay dây xích dài. Đối với nhiều ngôn ngữ khác có thể chỉ nói tổng quát như trong bản Hy-lạp.

³⁹¹ 14:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo ông Josephus, một sử gia sống vào thời đó, Giăng bị giam và chặt đầu ở Đôn Machaerus ở phía đông của Biển Chết trong tỉnh Pê-rê.

³⁹² 14:3 Bạn có thể nói: “...**bởi vì** Hê-rô-đia (vợ vua Hê-rốt), (nguyên là) vợ của ông Phi-líp em vua, (**nài nỉ**).”

³⁹³ 14:3 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bà Hê-rô-đia là cháu của vua Hê-rốt Đại Đế. Bà lấy chú của mình là Hê-rốt Phi-líp I, là anh em cùng cha khác mẹ với Hê-rốt An-ti-ba và Hê-rốt Phi-líp II (Lu-ca 3:1). Con gái của bà Hê-rô-đia Salome và vua Phi-líp I lấy chú của mình vua Phi-líp II. Hê-rốt An-ti-ba lấy con gái vua Aretas IV, nhưng rồi yêu bà Hê-rô-đia. Bà Hê-rô-đia bỏ Phi-líp và lấy An-ti-ba. Điều đó khiến cho con gái của Aretas về nhà với cha mình. Sau đó vua Aretas tuyên chiến với An-ti-ba và thắng trận. Người La-mã can thiệp để phục hồi lại trật tự.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một biểu đồ chỉ về các vua Hê-rốt khác nhau, quan hệ giữa họ với nhau và xứ mà họ cai trị. Có thể để biểu đồ ở tại đây hay ở một phụ bản.

³⁹⁴ 14:4 Bạn có thể nói: “**Bởi vì** lấy {Hê-rô-đia ⇔ vợ của em vua}, vua **phạm** Luật Pháp của Đức Chúa Trời!”

³⁹⁵ 14:4 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời cấm một người không được lấy vợ của anh em mình (Lê-vi-ký 18:16, 20:21). Chỉ có một ngoại lệ là nếu người anh em ấy chết đi mà không có con nối dõi (Phục 25:5-6).

6 Rồi/Nhưng trong ngày sinh nhật của Hê-rốt con gái của Hê-rô-đia ³⁹⁶ nhảy múa (trong tiệc sinh nhật) {trước mặt ⇔ cho ⇔ để mua vui cho} (họ ⇔ Hê-rốt và các quan khách). <Và> cô đã ³⁹⁷ làm cho Hê-rốt say mê 7 đến nỗi vua ^{NTT398} {đã thề hứa ⇔ thề} cho cô bất cứ điều gì cô {xin (vua) ⇔ muốn}. 8 Rồi/Sau đó ^{NTT} {(cô) được mẹ cô xúi bảo ⇔ mẹ cô bảo cô ^{NTT} điều phải xin}, cô tâm với (vua/Hê-rốt): “{Xin cho con cái đầu của Giăng Báp-tít ⇔ (Hãy chặt) đầu của Giăng Báp-tít (và)} đặt lên một cái khay cho con ³⁹⁹ (để con biết rằng ông ta đã chết ⇔ chúng tỏ rằng ông ta đã chết).” 9 <Và> (khi) Vua (Hê-rốt) ⁴⁰⁰ (nghe như vậy, vua ⇔ nghe điều cô gái yêu cầu, vua) rất buồn rầu, ⁴⁰¹ [nhưng] bởi vì {lời thề của vua ⇔ vua đã ⁴⁰² thề hứa với cô} {và (bởi vì) ⇔ trước mặt} {các khách dự tiệc ⇔ những người dự tiệc}, ⁴⁰³ (nếu vua thay đổi hay không làm theo lời thề hứa thì sẽ bị mắc cỡ, nên) vua ra lệnh ^{NTT} {cho (cô ta) cái đầu của Giăng ⇔ chặt đầu Giăng và đem đến cho (cô ta) ⇔ làm như vậy} ⁴⁰⁴ (ngay lập tức). 10 <Và> (vua/Hê-rốt) ^{NTT405} sai (lính vào trong ngục, và) (lấy gươm) chặt đầu Giăng {trong tù ⇔ tại đó},/. 11 <và>/Rồi {đem cái đầu của Giăng đặt lên ⁴⁰⁶ một cái khay và đem cho ⁴⁰⁷ cô ta ⇔ quân lính đem cái đầu của

-
- ³⁹⁶ **14:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc một người quan trọng như con gái của Hê-rô-đia nhảy múa tại một bữa tiệc như vậy là khác thường—thường là các cô gái điếm nhảy múa. Đó có lẽ là lý do tại sao Hê-rốt phản ứng như vậy.
- ³⁹⁷ **14:6 “hài lòng”** có ý nói đến sự tham muốn ở đây, tuy nhiên đừng dùng từ có thể làm cho người đọc mắc cỡ. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng con gái của Hê-rô-đia nhảy một cách hờ hang, khiêu gợi.
- ³⁹⁸ **14:7** Nếu dùng **đối thoại trực tiếp** trong câu 7 nghe tự nhiên hơn, bạn có thể nói: “Hãy xin ta bất cứ điều gì con muốn và ta hứa/thề rằng sẽ cho con điều ấy. Nguyện Đức Chúa Trời phạt ta nếu ta không làm như vậy.”
- ³⁹⁹ **14:8** Hê-rô-đia muốn thấy đầu Giăng để trên cái khay để bà biết chắc là ông đã chết. Có thể không cần phải nói rõ **thông tin hàm ý** này ra, nhưng **đừng** hàm ý là bà muốn ăn cái đầu của ông. Có thể tốt hơn là để thông tin này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.
- ⁴⁰⁰ **14:9** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ vua Hê-rốt buồn về **điều gì**. Thí dụ, bạn có thể nói: “<Và> {vua ⇔ Hê-rốt} rất buồn (vì cô con gái **đã xin** giết Giăng), [nhưng]...”
- ⁴⁰¹ **14:9** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (Văn Bản Đa Số, BCG, BDY) có **“nhưng”** ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC) **không** có.
- ⁴⁰² **14:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **“thề hứa”** trong câu 7.
- ⁴⁰³ **14:9** Thay vì nói rõ **thông tin hàm ý** dưới đây trong bản dịch, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hê-rốt không muốn bị “mất mặt”.
- ⁴⁰⁴ **14:9** Một số bản dịch cần phải nói **“(lập tức)”** ở đây để tránh làm cho người đọc hiểu là có một thời gian trì hoãn giữa khi Hê-rốt ra lệnh và khi quân lính đi ra chặt đầu Giăng.
- ⁴⁰⁵ **14:10** Phải chắc chắn là người đọc **không** hiểu là Hê-rốt đã ra lệnh giết Giăng hai lần trong các câu 9–10.
- ⁴⁰⁶ **14:11** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ **“khay”** trong câu 8.
- ⁴⁰⁷ **14:11** Bạn có thể cần phải nói rõ **“con gái của Hê-rô-đia”** ở đây để làm cho người đọc thấy rõ là bạn đang nói đến ai.

Giăng đặt trên một cái khay đưa cho cô ta},/. và/Rồi cô ta ⁴⁰⁸ đem cho mẹ cô ta xem.
12 {Rồi ⇔ Sau đó,} ⁴⁰⁹ các môn đệ của Giăng đi đến ⁴¹⁰ (nhà tù ⇔ Hê-rốt, ^{NTT} xin phép vua đem xác Giăng về,) (và) chôn/đặt xác của Giăng ⁴¹¹ (trong một ngôi mộ ⇔ trong một hang để chôn). Sau đó họ đi (và) báo cáo cho (Chúa) Giê-su ^{NTT} {về (điều đã xảy ra) ⇔ rằng Giăng đã chết ⇔ rằng vua Hê-rốt đã giết/chặt đầu Giăng}.

14:13-21 (Chúa) Giê-su ⁴¹² Làm Phép Lạ Cung Cấp Thức Ăn Cho 5,000 Người Đàn Ông ⇔ Hơn 5,000 Người}

Mác 6:30-44; Lu-ca 9:10-17; Giăng 6:1-14

13 <Và> khi (Chúa) Giê-su nghe ^{NTT} (tin ⇔ về cái chết của Giăng), Chúa (và các môn đệ của Ngài) xuống thuyền (và) lánh khỏi ⁴¹³ nơi đó tới một ⁴¹⁴ chỗ hoang vắng/không người ở {một mình ⇔ riêng một chỗ}. Nhưng khi đám đông/dân chúng từ các thành phố/tỉnh (lân cận) ^{NTT} {nghe được (điều đó) ⇔ biết được chỗ Chúa đi tới}, họ đi bộ (dọc theo bờ hồ) để đi theo Ngài. **14** <Và> khi (Ngài/(Chúa) Giê-su) bước ra (khỏi thuyền) (trên bờ bên kia/phía đông bắc), Chúa thấy (một) đám đông lớn và động lòng ⁴¹⁵ thương xót (nên) Ngài đã chữa lành cho những người bệnh <ở giữa họ>.

15 <Rồi> ⁴¹⁶ chiều hôm đó, các môn đệ (của Ngài/Chúa Giê-su) đến gần Chúa (và) nói: “Đây là một sa mạc/chỗ vắng vẻ/chỗ không người ở và trời sắp tối rồi. ⁴¹⁷ (Có lẽ Chúa nên ⇔ ^{CH}Chúa có nên) ^{NTT} giải tán đám đông/dân chúng để họ có thể vào các làng (chung

⁴⁰⁸ **14:11** Trong một số ngôn ngữ khi nói về đi lại hay di động người ta nói tới nơi họ đi đến. Họ sẽ nói “đem” ở đây. Tuy nhiên, trong những ngôn ngữ khác người ta nói tới nơi họ từ đó đi ra, họ sẽ nói “lấy” ở đây.

⁴⁰⁹ **14:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có vẻ như là sau khi Giăng chết, các môn đệ của ông tiếp tục hoạt động như một nhóm riêng rẽ trong một thời gian (Công vụ 18:24–25, 19:1–3).

⁴¹⁰ **14:12 Không** nên để người đọc hiểu là môn đệ của Giăng ăn cấp xác của Giăng hay phải dùng bạo lực để lấy xác từ Hê-rốt.

⁴¹¹ **14:12** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “mộ” trong Ma 8:28.

⁴¹² (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc Chúa Giê-su cho 5,000 người ăn nhắc nhở người Do Thái nhớ lại Đức Chúa Trời đã cung cấp ma-na cho tổ phụ của họ trong khi những người này đi lang thang trong sa mạc trong 40 năm (Xuất 16). Nó cũng có thể nhắc nhở họ Đức Chúa Trời đã hoá bánh ra nhiều cho Ê-li có đủ bánh cho 100 người đàn ông ăn no mà vẫn còn ít bánh dư (2 Các vua 4:42–44).

⁴¹³ **14:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Không rõ “tại đó” là ở vị trí nào nhưng có lẽ là ở bờ phía tây của Biển Ga-li-lê, không phải là thành Na-xa-rét mà họ ở trước đó.

⁴¹⁴ **14:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** So sánh với Mác 6:32, Lu-ca 9:10 và Giăng 6:1 cho thấy là Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài đi tới một chỗ hoang vắng/không người ở về phía đông bắc của Hồ Ga-li-lê, không xa thành Bết-sai-đa lắm.

⁴¹⁵ **14:14** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “động lòng thương xót” trong Ma 9:36.

⁴¹⁶ **14:15 Thời gian** dùng ở đây phải là lúc sớm hơn thời gian được dùng ở trong 14:23.

⁴¹⁷ **14:15** Lời yêu cầu của các môn đệ nên có vẻ **lễ phép, không** xằng xớm hay đòi hỏi.

quanh) đây mua thức ăn cho họ không?” **16** Nhưng ⁴¹⁸[(Chúa) Giê-su]/Chúa nói với {họ ⇔ các môn đệ của Ngài}: “{Họ không cần phải đi. ⇔ Họ có thể ở đây.} Chính các con hãy cho họ ăn.” **17** Nhưng/Rồi {họ ⇔ các môn đệ của Chúa} trả lời Ngài: “{Chúng tôi không có (thức ăn gì cả) ngoại trừ ⇔ Chúng tôi chỉ có} năm ⁴¹⁹ ổ bánh (nhỏ) và hai ⁴²⁰ con cá (khô).” **18** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su ^{NGT} bảo (họ): “Hãy đem {chúng ⇔ cá và bánh} lại đây cho Ta.” **19** ⁴²¹Sau khi Chúa ra lệnh/bảo ^{NTT}<các> đám đông/dân chúng ^{422NTT}ngồi xuống bãi ⁴²³cỏ, (Chúa) lấy năm ổ (bánh) và hai con cá (cầm trên tay), nhìn lên ^{GTK} trời (cầu nguyện) (và) ^{NTT,GTK424}{chúc phước (cho họ) ⇔ ngợi khen/cảm tạ (Đức Chúa Trời vì chúng)}. Rồi Chúa bẻ (bánh và cá ra từng miếng nhỏ) (và) Chúa đưa {(các miếng) bánh (và cá) ⇔ các miếng này} cho môn đệ (của Ngài), và {các môn đệ (của Ngài) ⇔ họ} (phân phát/đưa cho) <các> đám đông/dân chúng (ăn). **20** <Và> ⁴²⁵(Chúa Giê-su làm phép lạ hóa bánh và cá ra nhiều ⁴²⁶để cho) mọi người ăn {no nê ⇔ cho tới khi họ no ⇔ theo sức của họ},/. {và/Sau đó ⇔ Sau khi họ đã ăn xong,} ^{GTK427}{các môn đệ của

⁴¹⁸ **14:16** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “**Chúa Giê-su**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản không có (BDY dùng “Chúa”. Nên nói rõ là đang đề cập đến Chúa Giê-su.

⁴¹⁹ **14:17** Cần thận **dùng** thay đổi sự kiện lịch sử là **bánh** và **cá** được đề cập tới ở đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bánh và cá là thức ăn chính của người Do Thái. Các ổ bánh mì này tròn, dầy và phẳng. Năm ổ bánh có thể đủ làm bữa ăn cho hai người.

⁴²⁰ **14:17** Người ta **không** ăn cá sống, nhưng hoặc là nấu hay thường phơi khô, sấy, muối mặn hay làm chua để dành ăn.

⁴²¹ **14:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ăn chung với nhau là biểu hiệu của sự hiệp nhất, như trong một gia đình. Các người cha Do Thái có bốn phận quan trọng là cảm ơn Đức Chúa Trời về thức ăn trong mỗi bữa ăn và phân phát đồ ăn, giống như Chúa Giê-su làm ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh còn nghĩ rằng việc Chúa hoá bánh cho hơn 5,000 người ăn là hình ảnh của bữa tiệc lớn sẽ có ở trên thiên đàng vào một ngày nào đó, như đã được đề cập đến ở trong Ê-sai 25:6–9, Ma-thi-ơ 8:11, 26:29.

⁴²² **14:19** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**ngồi duỗi chân**” ở Ma 8:11.

⁴²³ **14:19** Khi chuyển ngữ “**cỏ**” chọn loại cỏ hay rau mà khi ngồi lên thấy êm. Đối với một số ngôn ngữ tốt nhất nên để “**trên cỏ**” hàm ý.

⁴²⁴ **4:19** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**chúc phước**” hay “**ngợi khen**”, tùy thuộc vào ngữ cảnh (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 21:9). Mặc dù hầu hết các bản dịch dùng “chúc phước (cho chúng)” ở đây, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng trong ngữ cảnh này, nó có nghĩa là “ngợi khen/cảm ơn (Đức Chúa Trời vì chúng)”. Người Do Thái **không** chúc phước cho thức ăn hay xin Đức Chúa Trời chúc phước cho thức ăn của họ (chỉ chúc phước cho người thôi), họ **ngợi khen/cảm tạ** Đức Chúa Trời về thức ăn Ngài cung cấp cho họ. Không nên làm người đọc hiểu lầm là Chúa Giê-su xin Đức Chúa Trời làm cho đồ ăn trở nên thánh khiết.

⁴²⁵ **14:20** Phải làm cho rõ là Chúa Giê-su đã làm **một phép lạ**. Một số bản dịch cần phải nói rõ ra ở đây hay trong câu 19 là phép lạ xảy ra trong khi Chúa bẻ bánh và cá ra từng miếng nhỏ một. Hay có lẽ tốt nhất là để thông tin này vào một **LỜI CHÚ THÍCH**. Dù trong bất cứ trường hợp nào, **không** nên làm người đọc nghĩ là người ta ăn một miếng nhỏ và cảm thấy no một cách kỳ diệu.

⁴²⁶ **14:20** Bạn có thể nói: “...nên) **có đủ** thức ăn cho mọi người ăn {cho tới khi họ no nê ⇔ theo sức của họ}.

⁴²⁷ **14:20** Đa số các học giả Kinh Thánh cho rằng “**họ**” đây nói tới các môn đệ của Chúa Giê-su, như trong Lu-ca 9:17 và Giảng 6:12–13 nói. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ là nói **tổng quát** hơn và kể cả các người khác nữa.

Ngài/Chúa ⇔ một số người} ⁴²⁸ thu lại (thức ăn ⁴²⁹ còn dư ⇔ bánh và cá), đầy mười hai ⁴³⁰ giỏ. **21** <Và> có khoảng 5,000 người đàn ông/người ăn, không (đếm)/ kể đàn bà và trẻ con (cũng được ăn).

14:22-33 (Chúa) Giê-su ⁴³¹ Đi Bộ Trên {Mặt Nước
⇔ Biển/Hồ Ga-li-lê} Và Phê-rô Gài Chìm

Mác 6:45-52; Giăng 6:15-21

22 <Và> ngay (sau đó ⇔ sau khi cho dân chúng ăn), Ngài/(Chúa) Giê-su ra lệnh/bảo các môn đệ (của Ngài) ^{NTT} xuống thuyền (của họ) và đi trước Ngài qua bờ bên kia (của hồ ⇔ của Biển/Hồ Ga-li-lê), trong khi Chúa ⁴³² {đuổi dân chúng về ⇔ giải tán <các> đám đông/dân chúng}. (Vậy nên họ rời đó.) **23** <Sau khi> Ngài/(Chúa) Giê-su ^{NTT}⁴³³ {đuổi <các> đám đông/dân chúng về ⇔ giải tán <các> đám đông/dân chúng ⇔ bảo <các> đám đông/dân chúng họ có thể về nhà} (và họ đã rời khỏi đó), Chúa trèo lên (đỉnh của) một ngọn núi/cái đồi gần đó một mình ⁴³⁴ để/và cầu nguyện. ⁴³⁵ <Và> {vào lúc ⁴³⁶ chiều tối ⇔ sau khi mặt trời đã lặn}, chỉ còn một mình Ngài ở đó. **24** Trong lúc ấy, {thuyền (mà các môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su đang chèo) ở ⇔ các môn đệ (của Ngài) đã ở trong thuyền} ⁴³⁷ {cách xa bờ vài cây số ⇔ cách xa bờ ⇔ [ở giữa hồ]} {đang bị sóng đánh, bởi

⁴²⁸ **14:20** Bạn có thể nói: “Sau đó ^{GTK} họ thu được mười hai rổ đầy (thức ăn ⇔ bánh và cá) (từ dân chúng).”

⁴²⁹ **14:20** Đây là những miếng bánh và cá thừa, không phải bánh và cá vụn. Có lẽ họ thu lại từ người ta chứ không phải nhặt từ mặt đất.

⁴³⁰ **14:20** Giỏ được dùng ở đây sau khi cho 5,000 người ăn là loại giỏ dùng để mang thức ăn đem bán hay để ăn. Chúng ta không biết chính xác nó lớn như thế nào. Thật ra, chúng có thể có hình dạng và lớn nhỏ khác nhau. Các giỏ này có lẽ khá lớn, nhưng nhỏ hơn loại giỏ dùng sau khi cho 4,000 người ăn ở trong Ma 15:37.

⁴³¹ (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc Chúa Giê-su đi bộ trên mặt nước nhắc nhở người Do Thái nhớ lại tổ tiên họ đã băng ngang qua Biển Đỏ (Xuất 14).

⁴³² **14:22** Chuyển ngữ “đuổi ... về” không nên hàm ý là Chúa Giê-su xẵng xớm và muốn loại bỏ dân chúng. Nếu bạn có nan đề đó, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các giáo sư có thói quen đuổi các người nghe về khi họ đã dạy xong.

⁴³³ **14:23** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “đuổi về” trong câu 22.

⁴³⁴ **14:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “cầu nguyện” trong Ma 6:5.

⁴³⁵ **14:23** Bạn có thể tổng hợp câu này với câu trước và nói: “... để cầu nguyện, và ở đó một mình suốt buổi tối.”

⁴³⁶ **14:23** Có lẽ vào lúc chiều tối đã quá 6 giờ chiều. Thời gian dùng ở đây phải trẻ hơn là thời gian dùng ở trong câu 15.

⁴³⁷ **14:24** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có “ở giữa hồ” ở đây. Tuy nhiên, một số ít bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) dùng “cách bờ khá xa”. Bản Hy-lạp dùng “stadia”. Một stadion là một khoảng cách chừng 185 m. Hồ Ga-li-lê dài 20 km và rộng 13 km. Nếu bạn theo Bản Thánh Kinh Hội [UBS], bạn có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn

vì có một ⁴³⁸ luồng gió ngược thổi mạnh ⇔ và họ gặp gió ngược khiến cho sóng lớn đánh vào thuyền}.

25 <Sau đó> {vào khoảng ⁴³⁹ canh tư ⇔ vào khoảng 3 giờ cho tới 6 giờ sáng ⇔ trước bình minh}, Ngài/(Chúa) Giê-su ⁴⁴⁰ (từ núi/đồi đi xuống và) {đi trên mặt nước đến với các môn đệ ⇔ đi ra với các môn đệ} trên ⁴⁴¹ mặt hồ. 26 <Nhưng> khi {các môn đệ (của Chúa) ⇔ họ} thấy {Ngài/(Chúa) Giê-su đi bộ trên mặt hồ/nước ⇔ vậy}, họ {hoảng sợ ⇔ rất sợ hãi} (và) kêu/la lên: “⁴⁴²Ma kìa!/Ma kìa!” <Và>/Rồi họ la lên {vì sợ ⇔ trong sự kinh hoàng}. 27 Tức thì ⁴⁴³ [(Chúa) Giê-su]/Chúa nói với họ: “{Hãy can đảm! ⇔ Hãy yên tâm!} ⁴⁴⁴ Ta đây. Đừng sợ!” 28 Rồi Phê-rô nói với Chúa: “Lạy Chúa, nếu (thật là) Ngài, xin hãy truyền/khiến cho con ^{NTT} đi trên mặt nước đến với Ngài.” 29 ⁴⁴⁵ Vậy Ngài/(Chúa) Giê-su nói với ông/Phê-rô: “Hãy đến đây (với Ta).” Vậy Phê-rô bước ra khỏi thuyền {(và) đi trên mặt nước đến với ⇔ và bắt đầu đi trên mặt nước để đến với} (Chúa) Giê-su/Ngài. 30 Nhưng khi (ông/Phê-rô) thấy/để ý đến {(sóng lớn do) gió/bão thổi ⇔ gió/bão như thế nào}, ông sợ hãi và bắt đầu chìm (xuống nước), (vì vậy) ông kêu/la lên: ⁴⁴⁶“Chúa/Thầy ơi, cứu/giúp con!” 31 <Rồi thì/Nhưng> lập tức (Chúa) Giê-su/Chúa gơ <tay (của Ngài)> (và) {nắm lấy ông ⇔ kéo Phê-rô lên} và nói <với ông>: ⁴⁴⁷“{(Hỡi kẻ) ít đức tin! ⇔ Con có đức tin/tin cậy ít/yếu đuối (nơi Ta)!} ^{CH}{Tại sao con nghi ngờ ⇔ Con không nên nghi ngờ ⇔ Tại sao con thôi tin cậy} (rằng Ta sẽ giữ con được an toàn)?/!” 32 <Và> khi

hoá của bạn như là “một khoảng xa” hay “vài ki-lô-mét”. Điều quan trọng ở đây không phải là tính khoảng cách cho chính xác.

- ⁴³⁸ 14:24 Gió ngược là ngọn gió thổi từ hướng ngược lại với hướng đi của thuyền.
- ⁴³⁹ 14:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người La-mã chia một đêm ra làm bốn canh mỗi canh ba giờ đồng hồ. Người Do Thái chia ban đêm làm ba canh mỗi canh bốn giờ đồng hồ. Cả người La-mã lẫn người Do Thái bắt đầu canh đầu tiên vào lúc 6 giờ chiều.
- ⁴⁴⁰ 14:25 Đối với một số ngôn ngữ cần phải kèm theo sự kiện là Chúa Giê-su từ núi/đồi đi xuống. Chỉ nói rõ thông tin này nếu cần thiết.
- ⁴⁴¹ 14:25 Chúa Giê-su đi bộ trên mặt nước giống như đi trên mặt đất. Phải chắc chắn là không hàm ý rằng Chúa lội dưới nước hay đi trong một chiếc thuyền khác hay Chúa nổi trên mặt nước. Hồ Ga-li-lê rất sâu.
- ⁴⁴² 14:26 Ma có thể là linh hồn của một người chết hay bất cứ loại thần linh nào khác mà các môn đệ của Chúa Giê-su sợ là ma sẽ làm hại họ. Một số ngôn ngữ có từ đặc biệt, thí dụ như “thần nước/hà bá”, thích hợp để dùng ở đây.
- ⁴⁴³ 14:28 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “Chúa Giê-su” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo chính (và BDY) không có. Hãy nói đến Chúa Giê-su theo cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.
- ⁴⁴⁴ 14:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp cũng có thể có nghĩa là “Ta là” đó là ý nghĩa của “Yahweh” tên của Đức Chúa Trời trong tiếng Hy-bá (Xuất 3:14). Chúa Giê-su muốn các môn đệ của Chúa hiểu rằng Chúa là Đức Chúa Trời (hãy xem câu hỏi trong 8:27).
- ⁴⁴⁵ 14:29 Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Hãy đến (với Ta),” Chúa Giê-su phán. Vậy Phê-rô đi ra...”
- ⁴⁴⁶ 14:30 Xem cách bạn chuyển ngữ “Chúa” trong Ma 7:21, và xem LỜI CHÚ THÍCH ở đó. Có lẽ Phê-rô nói đến Chúa Giê-su một cách kính trọng ở đây. Có lẽ ông không nghĩ rằng ông đang nói chuyện với Đức Chúa Trời. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ “Chúa Của tôi”.
- ⁴⁴⁷ 14:31 Có thể để “(Hỡi kẻ) ít đức tin!” ở cuối câu đối thoại sau câu hỏi tu từ nghe tự nhiên hơn.

(Chúa) Giê-su và (ông) Phê-rô trèo vào thuyền, gió ngưng thổi. **33** Rồi thì ⁴⁴⁸{những người đó ⇔ các môn đệ còn lại} (là người ở lại) trong thuyền thờ phượng/tôn kính Ngài/(Chúa) Giê-su và nói (với Ngài): “{Thầy thật là ⇔ Chắc chắn Thầy là ⇔ Không nghi ngờ gì cả, Thầy là} Con của Đức Chúa Trời!”

14:34-36 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Nhiều Người Bệnh

Mác 6:53-56

34 <Rồi thì> ⁴⁴⁹ sau khi (Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài) băng ngang (hồ ⇔ Biển/Hồ Ga-li-lê), họ lên bờ tại ^{GTK450}(một chỗ gọi là) Ghê-nê-sa-rét. **35** <Và> (ngay lập tức) (một số) người {ở chỗ đó ⇔ sống ở đó} nhận ra Ngài/(Chúa) Giê-su (và) ^{NTT}báo (tin Ngài ở đó) cho tất cả (những người sống ở) các vùng lân cận. Rồi/Vì vậy {họ ⇔ những người ở địa bàn đó} đem mọi người ⁴⁵¹{đau nặng ⇔ đang bị đau/bệnh} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su, **36** và nài xin Ngài ^{NTT}hãy để {họ ⇔ những người đau} đụng đến (Ngài, hay ngay cả) chỉ đụng đến ^{GTK452}gấu áo của Ngài (để họ được chữa lành). <Và> mọi người đụng đến (Ngài/Chúa Giê-su ⇔ quần áo của Ngài ⇔ Chúa Giê-su hay quần áo của Ngài) {được hoàn toàn ⁴⁵³lành bệnh ⇔ trở nên hoàn toàn mạnh khỏe}.

⁴⁴⁸ **14:33** Chuyển ngữ “là người ở lại trong thuyền” không nên hàm ý rằng có một số môn đệ ở ngoài thuyền. Trong kinh văn có vẻ như đối chiếu Chúa Giê-su và Phê-rô (người đã ra khỏi thuyền) với các môn đệ còn ở lại trong thuyền. Có lẽ Phê-rô cùng với các môn đệ khác thờ phượng Chúa Giê-su. Không nên làm người đọc hiểu lầm là Phê-rô không tin Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời.

⁴⁴⁹ **14:34** Vì nhóm từ này chứa đựng thông tin mới, có thể tự nhiên hơn nếu nói: “<Sau đó> (Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài) băng ngang qua (Hồ Ga-li-lê) (và) lên bờ tại...”

⁴⁵⁰ **14:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ Ghê-nê-sa-rét nói đến một giải đất phì nhiêu (dài khoảng 5 km và rộng khoảng 1.5 km) ở bên cạnh bờ tây bắc của Hồ Ga-li-lê giữa các thành Ma-đa-la và Ca-bê-na-um. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng đây nói tới thành Ghê-nê-sa-rét ở đâu đó giữa vùng đồng bằng đó.

⁴⁵¹ **14:35** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đau nặng” ở trong Ma 9:12. Hãy coi lại bạn nói gì trong tiểu đề này.

⁴⁵² **14:36** Hãy nhất quán trong cách chuyển ngữ “gấu áo” trong Ma 9:20.

⁴⁵³ **14:36 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bệnh tật là một biểu hiệu/kết quả của tội lỗi. Khi Chúa Giê-su cứu người ta khỏi bệnh tật về thân thể (tức là, chữa lành cho họ), đó là biểu tượng cho sứ mệnh lớn hơn của Ngài là cứu mọi người khỏi sự trừng phạt đời đời về tội lỗi của họ (bệnh tật về phần thuộc linh). Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về “được cứu” ở Ma-thi-ơ 9:22.

15:1-9 Các Truyền Thống Luật Lệ Của Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Khiến Cho Người Ta Vi Phạm/Không Tuân Theo Các Mệnh Lệnh Của Đức Chúa Trời

Mác 7:1-13

15 1 Sau đó (một số) ⁴⁵⁴ người Pha-ri-si và ⁴⁵⁵ chuyên gia Kinh Luật từ (thành) Giê-ru-sa-lem đã đến với (Chúa) Giê-su và {nói (với Chúa) ⇔ hỏi Ngài}:
 2 “^{GTK456}{Tại sao các môn đệ của Ngài vi phạm/không tuân theo ⇔ Các môn đệ của Ngài đang vi phạm/không tuân theo} các ⁴⁵⁷ truyền thống/luật lệ {của ⇔ đã được đặt ra từ xưa bởi ⇔ được truyền lại cho chúng ta từ} các tổ phụ/nhà lãnh đạo?! <Vi> họ không ⁴⁵⁸ rửa ⁴⁵⁹ tay [của họ] ⁴⁶⁰ (theo phong tục của chúng ta ⇔ đúng cách) khi/trước khi họ ăn <bánh mì/thức ăn>!” 3 <Rồi/Nhưng> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ: ^{CH461}“{Tại sao chính các ông ⁴⁶² <cũng> ⇔ Còn các ông thì sao? Tại sao các ông ⇔ (Các ông không nên chỉ trích các môn đệ của Ta, bởi vì) các ông còn làm điều tệ hơn thế rất nhiều khi các ông} vi phạm/không tuân theo mệnh lệnh/luật pháp của Đức Chúa Trời để (đi theo/tuân theo) các truyền thống/luật lệ riêng của các ông?! 4 Thí dụ, Đức Chúa Trời phán: ^{NGT463}‘Hãy {hiếu kính ⇔ yêu mến và kính trọng} cha mẹ các con,’ (Xuất 20:12, Phục Truyền 5:16) và: ‘Hễ ai {nói ác về/chống lại ⇔ rửa sả} {cha hay mẹ ⇔ cha mẹ (mình)} sẽ phải {chết ⇔ chắc

⁴⁵⁴ **15:1 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Pha-ri-si và chuyên gia Kinh Luật này có lẽ được các nhà lãnh đạo sai đi để dò xét các lời Chúa nói và các việc Chúa làm.

⁴⁵⁵ **15:1** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) có “**người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo (và Văn Bản Đa Số, BDY) lại dùng “**các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si.**”

⁴⁵⁶ **15:2** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây là một câu hỏi thật. Tuy nhiên, nhiều người nghĩ rằng một **câu hỏi tu từ** có thể hiểu là một lời lên án: “Các môn đệ của Ngài đang vi phạm...” hay một mệnh lệnh: “Các môn đệ của Ngài nên ngừng vi phạm...”

⁴⁵⁷ **15:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những “truyền thống” này được truyền khẩu dùng để điều khiển đời sống hàng ngày. Chúng được trích ra từ (và thêm vào) luật pháp của Đức Chúa Trời ban cho dân Y-sơ-ra-ên qua Môi-se. Vào khoảng 200 S.C, các luật lệ này được viết vào một cuốn sách gọi là Mishnah.

⁴⁵⁸ **15:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các người Do Thái tin rằng nếu một người đụng đến một vật “không tinh sạch/ô uế”, tay của họ trở nên “ô uế”. Nếu sau đó họ đụng đến thức ăn, thức ăn cũng trở nên “ô uế”. Và nếu họ ăn thức ăn “ô uế”, toàn thể con người họ trở nên “ô uế”. Vì vậy người Do Thái có truyền thống đổ nước rửa tay họ ^{GTK}{**bằng cách xoa tay vào với nhau ⇔ rửa lên tới cùi chỏ ⇔ theo một cách nhất định**} trước mỗi bữa ăn để rửa hết mọi “sự không tinh sạch/ô uế”.

⁴⁵⁹ **15:2** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Văn Bản Đa Số) có “**của họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

⁴⁶⁰ **15:2** Các người Pha-ri-si đang tố cáo các môn đệ của Chúa Giê-su không rửa tay **đúng cách**, không phải là họ không rửa tay.

⁴⁶¹ **15:3 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trả lời một câu hỏi bằng cách đặt một câu hỏi khác ngược lại là cách tranh luận thông thường của giáo sư Do Thái. Chúa Giê-su không nói cách xằng sớm ở đây.

⁴⁶² **15:3 Không nên** làm người đọc hiểu là Chúa hay các môn đệ của Ngài làm điều gì sai.

⁴⁶³ **15:4 “Hiếu kính cha mẹ”** là một mạng lệnh cho con cái ở mọi lứa tuổi, kể cả những người lớn tuổi mà cha mẹ còn sống. Hiếu kính cha mẹ là **làm** những điều cho thấy là bạn hiếu kính cha mẹ.

chấn phải chết ⇔ bị xử tử}.’ (Xuất 21:17, Lê-vi Ký 20:9) **5** {Nhưng các ông nói: ^{NGT}464 ‘Bất cứ ai có thể nói với cha hay mẹ: ^{NGT}465 ‘Điều gì cha mẹ được hưởng từ nơi con (đã) là ⁴⁶⁶ quà tặng (cho Đức Chúa Trời),’ ⇔ Nhưng các ông nói: “Ai nói với cha mẹ rằng điều gì con có thể báo hiếu/giúp đỡ cha mẹ thì con đã dâng cho Chúa} **6** ⁴⁶⁷ (thì) người ấy ^{GTK}468 không (cần)/phải báo hiếu {cha mình hay/và mẹ mình ⇔ cha mẹ mình ⇔ họ} (cho cha mẹ ⇔ giúp đỡ cha mẹ bằng thú/tiền đó).’ {Vì vậy ⇔ Như thế,} các ông đã hủy bỏ/không tuân theo ⁴⁶⁹ lời/[luật pháp/mạng lệnh] của Đức Chúa Trời để (làm theo/tuân theo) các truyền thống/luật lệ của các ông!

7 “(Các ông) {những người đạo đức giả ⇔ đây tở giả của Đức Chúa Trời}, (tiên tri của Đức Chúa Trời) Ê-sai đã nói đúng khi ông {tiên tri ⇔ phán sứ điệp của Đức Chúa Trời} về các ông ⁴⁷⁰ (từ xưa) (và ông) đã nói/viết: **8** ⁴⁷¹ {Dân tộc này/nước này ⇔ Những dân này ⇔ Những người như vậy} {ngoài miệng tôn kính/ngợi khen ⁴⁷² Ta/Đức Chúa Trời ⇔ nói/tuyên bố rằng họ kính trọng/làm theo Ta/Đức Chúa Trời}, nhưng {⁴⁷³ lòng/tâm trí của chúng xa Ta lắm ⇔ chúng không thật sự làm theo lời chúng nói ⇔ chúng không muốn tuân theo/phục vụ Ta/Đức Chúa Trời ⇔ chúng không yêu mến Ta}. **9** <Và> {chúng thờ phượng/tôn kính Ta/Đức Chúa Trời vô ích ⇔ sự thờ phượng của chúng không có ý nghĩa gì đối với Ta/Đức Chúa Trời}, bởi vì ⁴⁷⁴ chúng dạy (người ta tuân theo) các luật lệ do con người làm ra (giống như các luật lệ đó ⇔ và gọi những điều đó) là giáo lý/luật lệ (của Ta/Chúa).’ ” (Ê-sai 29:13)

⁴⁶⁴ **15:5** Đối với một số ngôn ngữ không có thể có một câu đối thoại trong một câu đối thoại ở câu 5.

⁴⁶⁵ **15:5** Hay bạn có thể nói: “Điều con có thể **biếu** cho cha mẹ...”

⁴⁶⁶ **15:5** Bạn có thể nói: “...(đã được) **dâng/hứa** (cho Đức Chúa Trời) rồi,...”

⁴⁶⁷ **15:6** Có thể bắt đầu một câu mới ở đây thì rõ ràng hơn: “(Rồi các ông nói rằng) người ấy không (cần) báo hiếu...”

⁴⁶⁸ **15:6** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người đó có sự **lựa chọn** báo hiếu cha mẹ mình với điều mình đã dâng/hứa cho Đức Chúa Trời hay không. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng một khi một người đã dâng/hứa một vật gì cho Đức Chúa Trời theo luật pháp người ấy **bị cấm** không được dùng vật đó để giúp đỡ cha mẹ mình nữa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Truyền thống này được dựa trên Dân Số Ký 30:1–2 đòi hỏi người ta phải giữ lời thề hứa. Nhưng truyền thống dùng một luật lệ để bác bỏ một luật lệ khác và phá hủy mục đích của luật lệ là giúp ích cho nhân loại. Đức Chúa Trời muốn con cái hiếu kính cha mẹ, kể cả việc giúp đỡ tài chánh khi cha mẹ cần (hãy xem Châm Ngôn 28:24 và 1 Ti-mô-thê 5:4).

⁴⁶⁹ **15:6** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**luật pháp**” hay “**mạng lệnh**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) dùng “**lời**”.

⁴⁷⁰ **15:7** **Đừng** hàm ý là Ê-sai còn sống trong thời Chúa Giê-su còn ở trên thế gian.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ê-sai đã chết trước khi Chúa Giê-su sanh ra bảy trăm năm.

⁴⁷¹ **15:8** Mặc dù trong sách Ê-sai “**Dân này**” đề cập đến nước Y-sơ-ra-ên, ở đây Chúa Giê-su dùng để nói đến những nhà lãnh đạo Do Thái.

⁴⁷² **15:8** Phải làm cho rõ là “**Ta**” và “**Của Ta**” trong câu đối thoại này nói đến Đức Chúa Trời, **không phải** Ê-sai. Ê-sai đang viết lời của Đức Chúa Trời.

⁴⁷³ **15:8** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **lòng** ở trong Ma 5:8, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁷⁴ **15:9** Bạn có thể nói: “...họ **thay thế** (My/His) giáo lý/luật lệ (của Ta/Chúa) bằng luật lệ do con người đặt ra.”

15:10-20 {Điều Gì Làm Cho Một Người Bị Ô Uế? ⇔
(Chúa) Giê-su Dạy Về Điều Làm Cho Một Người Bị Ô Uế}

Mác 7:14-23

10 Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su gọi ⁴⁷⁵đám đông/dân chúng tụ họp lại (và) phán với họ: “{Hãy lắng nghe (Ta) ⇔ Hãy chú ý} để các con hiểu/học (điều này ⇔ điều Ta sắp nói với các con). 11 ⁴⁷⁶((Trái ngược lại với điều các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật dạy,)) {cái gì/thức ăn đi qua ⁴⁷⁷miệng một người không phải là điều ⇔ không phải cái mà người ta ăn hay uống} ⁴⁷⁸{làm cho người đó bị ô uest ⇔ làm cho người ấy ô uest/tội lỗi} (trước mặt Đức Chúa Trời), nhưng/chính là những điều/lời gian ác {ra từ miệng người ấy ⇔ mà người ấy nói}-là điều làm cho người ấy bị ô uest/tội lỗi.”

12 Sau đó các môn đệ (của Chúa Giê-su) đến với Ngài (và) {hỏi ⇔ nói với} (Ngài): *CH*“{Thầy có biết/nhận thức rằng các người Pha-ri-si bị tổn thương/buồn bực/sỉ nhục khi họ nghe lời Thầy nói ⁴⁷⁹(về các truyền thống/luật lệ của họ không)? ⇔ Điều Thầy nói (về các truyền thống/luật lệ của người Pha-ri-si) làm cho họ giận dữ!}” 13 <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời <(và) nói với> {(các môn đệ của Ngài) (bằng một câu tục ngữ): “Mọi ⁴⁸⁰cây/sự dạy dỗ mà (Đức Chúa Trời) Thiên Phụ Ta không trồng/thiết lập sẽ bị (Ngài) nhổ lên. ⇔ (Các môn đệ của Ngài): “Các người Pha-ri-si giống như các cây/cỏ dại mà Đức Chúa Trời, Thiên Phụ của Ta, không trồng. Ngài sẽ trừng phạt nặng nề tất cả những người ấy (là người không vâng lời Ngài)}. 14 {Để mặc họ. ⇔ Đừng lo về họ. ⇔ Hãy tránh xa họ.} {Họ là ⁴⁸¹những người hướng dẫn/lãnh đạo mù loà/rồ dại (về phần

⁴⁷⁵ 15:10 “đám đông” có vẻ là đám đông tụ họp ở trong Ma 14:35. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải giới thiệu họ lại ở đây như là “một số người”.

⁴⁷⁶ 15:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đặc biệt là các người Pha-ri-si và các chuyên gia Kinh Luật có rất nhiều luật lệ và truyền thống về thức ăn và cách ăn uống (xem câu 2) và điều gì làm cho một người bị ô uest. Chúa Giê-su dạy trái lại với những điều họ dạy và cho biết điều gì mà Đức Chúa Trời nghĩ là làm cho một người bị ô uest.

⁴⁷⁷ 15:11 Phải nói rõ là Chúa Giê-su không đặc biệt nói đến một người nào, nhưng chỉ nói tổng quát mọi người. Để làm cho rõ nghĩa bạn có thể nói “miệng của chúng ta”, hay “miệng của người ta”, hay “miệng các con”. Hãy nhất quán với sự lựa chọn từ để dùng trong suốt câu 11.

⁴⁷⁸ 15:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo Luật Pháp của người Do Thái, người ta phải “tinh sạch” mới thích hợp/xúng đáng để cùng với những người khác thờ phượng Đức Chúa Trời. Nếu một người không tuân theo bất cứ luật lệ hay phong tục tôn giáo nào, người ấy trở nên ô uest (không tinh sạch để dự các nghi lễ), có nghĩa là người ấy không được phép thờ phượng Đức Chúa Trời với những người khác cho tới khi dâng tế lễ làm cho mình “tinh sạch” trở lại.

⁴⁷⁹ 15:12 Các môn đệ nói đến điều Chúa Giê-su phán ở trong các câu 3–9, không phải các câu 10–11.

⁴⁸⁰ 15:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang so sánh những người Pha-ri-si như là những cây bị Đức Chúa Trời hủy diệt. Hãy xem câu chuyện ngụ ngôn về điều này ở trong Ma-thi-ơ 13:27-30, 38-42.

⁴⁸¹ 15:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: các giáo sư Do Thái thích được gọi là “các người lãnh đạo của những người mù”, vì như vậy có nghĩa là những người theo họ không hiểu biết gì về lẽ thật thuộc linh chỉ có họ, những người lãnh đạo, mới có đặc ân hiểu được những lẽ thật đó. Tuy nhiên, Chúa Giê-su

thuộc linh) ⁴⁸²[của những người mù loà (về phần thuộc linh)] ⇔ Họ giống như người mù đang cố gắng hướng dẫn/dẫn đường [cho những người mù khác]. <Và> khi/nếu một (người) mù hướng dẫn/dẫn đường cho một người mù khác, cả hai sẽ rơi xuống hố.”

15 Sau đó Phê-rô (đại diện cho các môn đệ) thưa với Ngài: ⁴⁸³“(Xin) hãy giải thích cho chúng tôi ⁴⁸⁴{câu chuyện ngụ ngôn/câu tục ngữ [đó] ⇔ Chúa muốn nói gì khi} (Chúa nói với đám đông về điều gì làm cho một người bị ô uế).” 16 <Sau đó> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời (cho họ ⇔ cho các môn đệ): ^{CH}“(Vây) ngay cả các con cũng không hiểu (Ta) sao?! (Ta thật thất vọng!) 17 ^{CH}{Các con không ⇔ Ta chắc chắn là các con} hiểu/biết rằng bất cứ thức ăn gì ⁴⁸⁵{vào miệng một người ⇔ mà một người ăn hay uống} đi qua dạ dày người đó (và) rồi {bị thải ra ⇔ đi ra ngoài} ⁴⁸⁶{trong câu tiêu ⇔ thân thể của người ấy}?! 18 Nhưng những điều/lời (gian ác) {ra khỏi miệng người ấy ⇔ người ấy nói} {đến từ tấm lòng/tâm trí của người ấy ⇔ được phát xuất từ tấm lòng/tư tưởng của người ấy}. <Và> {đó là những điều ⇔ (cư xử như vậy) là (điều)} ⁴⁸⁷{làm cho một người bị ô uế ⇔ khiến cho người ta trở nên ô uế/tội lỗi} (trước mặt Đức Chúa Trời), 19 bởi vì ^{GTK488} các tư tưởng gian ác, {sát nhân ⇔ giết người}, ⁴⁸⁹{ngoại tình ⇔ có quan hệ tình dục với vợ/chồng của người khác}, ⁴⁹⁰{tà dâm ⇔ (và) các tội về tình dục (khác)}, ăn cắp (đồ của người ta), {làm chứng dối ⇔ nói dối về người khác} (và) ^{GTK491}{phỉ báng ⇔ phạm thượng ⇔ nói tục/không tôn kính (người khác) ⇔ nói những điều xấu về người khác} (tất cả) ^{TD492}{đều đến từ lòng/tâm trí (của người ta) ⇔ được phát xuất từ tấm lòng/tư tưởng (của

đang nói ở đây là các nhà lãnh đạo Do Thái hiểu sai ý muốn của Đức Chúa Trời, vì vậy họ đang dẫn những người theo họ đi đến chỗ hủy diệt.

⁴⁸² 15:14 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) có “**của những người mù loà (về phần thuộc linh)**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và BDC) **không** có nhóm từ này.

⁴⁸³ 15:15 Lời yêu cầu của Phê-rô **không** nên có vẻ xằng sớm hay đòi hỏi. Bạn có thể nói: “(Xin) hãy giải thích cho chúng tôi...”

⁴⁸⁴ 15:15 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC) có “**đó**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác **không** có (và BDY và BCG). BDM dùng “**này**”.

⁴⁸⁵ 15:17 Qua suốt các câu 17–20 phải chắc chắn là điều Chúa Giê-su dạy áp dụng cho **mọi người, không** phải chỉ cho một người nào đặc biệt. Hãy xem cách bạn làm trong câu 11.

⁴⁸⁶ 15:17 Hãy chuyển ngữ “trong **câu tiêu**” cách nào để **không** làm người đọc mắc cở.

⁴⁸⁷ 15:18 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ô uế**” trong các câu 11 và 15.

⁴⁸⁸ 15:19 Một vài nhà học giả Kinh Thánh chuyển ngữ là: “Vì các tư tưởng gian ác đến từ tấm lòng của họ (**dẫn** họ tới chỗ) giết người...”

⁴⁸⁹ 15:19 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ngoại tình**” ở trong Ma 5:27, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁹⁰ 15:19 Từ được dùng trong bản Hy-lạp có nghĩa tổng quát và kể đến tất cả các tội về tình dục.

⁴⁹¹ 15:19 Hầu hết các học giả Kinh Thánh (BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng “**phỉ báng**” ở đây muốn nói đến chửi tục **những người khác**, vì tất cả các tội được liệt kê ở trong câu 19 là các tội đối với người ta. Một số ngôn ngữ có thành ngữ riêng để mô tả điều này, như là “hạ tên người khác xuống”. Tuy nhiên, có thể là Chúa Giê-su đang nói đến phạm thượng với Đức Chúa Trời hay người khác (BCG), có thể nói một cách tổng quát là tốt nhất.

⁴⁹² 15:19 Trong bản Hy-lạp câu 19 bắt đầu với “**Vì** từ lòng/tâm trí ra những tư tưởng gian ác, sát nhân, ngoại tình...”

con người)}. 20⁴⁹³ Đó là những điều làm {một người bị ô uế ⇔ cho người ta ô uế/tội lỗi ⇔ cho người ta không được Đức Chúa Trời chấp nhận}. Nhưng⁴⁹⁴ {ăn với tay chưa rửa ⇔ rửa tay (không đúng cách) trước khi ăn ⇔ cách một người rửa tay trước khi ăn} không⁴⁹⁵ {làm cho một người bị ô uế ⇔ khiến cho một người trở nên ô uế/tội lỗi ⇔ khiến người đó không được Đức Chúa Trời chấp nhận}.”

15:21-28 Đức Tin Mạnh/Lớn Của Một Người Đan Bà Ca-na-an/Ngoại Quốc

Mác 7:24-30

21 Rồi thì (Chúa) Giê-su (và các môn đệ của Ngài) rời khỏi {đó/^{GTK496}Ghê-nê-sa-rét ⇔ chỗ Ngài đã ở} (và)⁴⁹⁷ rút lui/đi về⁴⁹⁸ địa bàn gần (thành phố) Ty-rơ và Si-đôn.
22 <Và>⁴⁹⁹ <hãy nhìn>,⁵⁰⁰ {một người đan bà Ca-na-an từ địa bàn/xứ đó ⇔ một người đan bà sống tại địa bàn/xứ đó tổ phụ của bà đến từ nước Ca-na-an ((tên của địa bàn đó trước kia))} đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (và) khởi sự {la lớn lên ⇔ lớn tiếng nài nỉ Ngài} <nói> (lập đi lập lại): “^{GTK501}(Thưa) Thầy/Ngài,⁵⁰² {con/dòng dõi của (vua) Đa-vít ⇔ Người thừa kế vương quốc của Đa-vít}, (xin) {hãy thương xót tôi ⇔ nhân từ với tôi}

⁴⁹³ 15:20 “Đó là những điều” ở đây muốn đề cập đến những tội lỗi được liệt kê ở trong câu 19. Vì một **tấm lòng/tâm trí gian ác** là nguồn gốc của các tư tưởng gian ác, bạn có thể nói: “Một tấm lòng/tâm trí gian ác là điều làm cho một người bị ô uế.”

⁴⁹⁴ 15:20 Hãy xem lời những người Pha-ri-si tố cáo các môn đệ của Chúa Giê-su ở trong câu 2, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁹⁵ 15:20 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**làm cho bị ô uế**” trong các câu 11, và 15.

⁴⁹⁶ 15:21 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **Ghê-nê-sa-rét** ở Ma 14:34.

⁴⁹⁷ 15:21 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**rút lui**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 2:14, 22, 4:12, 12:15, 14:13, 15:21.

⁴⁹⁸ 15:21 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Hầu hết những người ngoại quốc sống ở vùng/địa bàn xung quanh thành phố Ty-rơ và Si-đôn.

⁴⁹⁹ 15:22 Một số bản dịch (BDY) bỏ “**hãy nhìn**” ở đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là đáng ngạc nhiên một người Ca-na-an, nhất là một người đan bà, đến gần một người Do Thái. Người Do Thái ghét người Ca-na-an. Trong thời Cựu Ước người Ca-na-an gian ác quá đến nỗi Đức Chúa Trời bảo dân Y-sơ-ra-ên hoàn toàn tiêu diệt họ (Phục 20:17), nhưng người Y-sơ-ra-ên không vâng lời Chúa. Mặc dù trong thời Chúa Giê-su người Ca-na-an không còn là một quốc gia nữa, nhưng người Do Thái vẫn gọi con cháu của họ là người Ca-na-an.

⁵⁰⁰ 15:22 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Nhiều năm trước đó Ê-li làm phép lạ cho một người đan bà goá ngoại quốc ở trong cùng một địa bàn này (1 Các Vua 17:7–24).

⁵⁰¹ 15:22 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**Thầy/Ngài**” ở Ma 8:2. Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói “Chúa (của tôi)”. Người đan bà nghĩ là bà đang nói chuyện với một vị thầy khả kính. Vào thời điểm này, người ta chưa nhận thức rằng Chúa Giê-su là Đức Chúa Trời. Có thể dùng “Thầy” thay vì “Chúa” như BDY đã dùng.

⁵⁰² 15:22 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu tương tự ở trong Ma 9:27.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Gọi Chúa Giê-su là Con của Đa-vít người đan bà này công nhận Chúa là Đấng Cứu Thế.

⁵⁰³(và giúp đỡ tôi)! Con gái tôi {bị quỷ ám ⇔ bị tà linh điều khiển} (và chịu đau đớn) kinh khủng!” ²³ Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su ⁵⁰⁴(cứ đi và) không nói {một lời ⇔ gì} với bà. Sau hết, các môn đệ của Ngài/(Chúa) Giê-su đến với Ngài (và) {thúc giục ⇔ yêu cầu}: ⁵⁰⁵“(Xin) {hãy đuổi bà này đi ⇔ bảo bà ấy ^{NTT} đi (về) đi}, bởi vì bà {la lối sau lưng chúng ta ⇔ đi theo chúng ta và làm ồn ào}!”

²⁴ ^{GTK506}Rồi/Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su <trả lời> ^{GTK507}(người đàn bà ⇔ các môn đệ của Ngài ⇔ người đàn bà và các môn đệ của Ngài): “{Ta chỉ được Đức Chúa Trời sai đến cho ⇔ Đức Chúa Trời sai Ta đến để chỉ giúp đỡ ⇔ Đức Chúa Trời không sai Ta đến để giúp đỡ người ngoại quốc, nhưng để giúp đỡ} {chiên/người lạc mắt của nhà/nước Y-sơ-ra-ên ⇔ người Y-sơ-ra-ên hư mất (về phần thuộc linh) như chiên đi lạc ⇔ người Y-sơ-ra-ên đã lìa khỏi Đức Chúa Trời như chiên đi lạc xa người chăn/chăm sóc}. (Và ⁵⁰⁸con không phải là người Y-sơ-ra-ên.)” ²⁵ Rồi thì {bà ⇔ người đàn bà} đến (gần Chúa Giê-su), quỳ xuống trước mặt Ngài/(Chúa) Giê-su (một cách kính trọng), (và) nói (với Ngài):

“^{GTK509}Lạy Chúa, (xin) hãy giúp đỡ con ⁵¹⁰(và chữa lành cho con gái của con)!”

²⁶ Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời {(bà) (bằng một câu tục ngữ): “Không nên lấy ⁵¹¹bánh/thức ăn/phước hạnh ⁵¹²(của con cái/dân tộc mình) và ném/đưa cho ⁵¹³chó nuôi

⁵⁰³ **15:22** Phải nói rõ là người đàn bà đang xin Chúa Giê-su **giúp** bà bằng cách **đuổi/trừ** quỷ ra khỏi con gái của bà.

⁵⁰⁴ **15:23** Lời phê bình của các môn đệ sau này trong câu 23 hàm ý rằng họ **đang đi trên đường** và người đàn bà đi theo la lối.

⁵⁰⁵ **15:23** Lời yêu cầu của các môn đệ **không nên** có vẻ xằng sớm hay đòi hỏi.

⁵⁰⁶ **15:24** Từ dùng ở trong bản Hy-lạp ở chỗ này không rõ nghĩa, vì vậy **không** rõ là Chúa Giê-su có làm theo điều các môn đệ yêu cầu ở trong câu 23 hay là Chúa làm ngược lại. Sự quyết định này tùy thuộc vào những sự lựa chọn khác bạn làm trong các câu 23–24. Một số bản dịch (kể cả BDM, BDC, BCG, BDY) bỏ từ “**Rồi/Nhưng**” ở đây.

⁵⁰⁷ **15:24** Mặc dù bản Hy-lạp không nói rõ Chúa Giê-su đang nói chuyện với **ai** ở đây, hầu hết các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đó là **người đàn bà**. Câu 26 có vẻ hỗ trợ ý đó. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói với các môn đệ của Ngài, hay có lẽ cả hai: người đàn bà và các môn đệ của Ngài.

⁵⁰⁸ **15:24** “**con**” ở đây nói đến người đàn bà Ca-na-an. Nếu bạn chọn để cho Chúa Giê-su nói chuyện với các môn đệ trong câu đối thoại này, thay vì người đàn bà, bạn có thể nói “(người đàn bà này)” ở đây. Hãy xem bạn làm gì ở câu 24 trước đó.

⁵⁰⁹ **15:25** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**Chúa**” trong câu 22.

⁵¹⁰ **15:25** Hãy nhớ là **chỉ** nói rõ **thông tin hàm ý** trong bản dịch nếu cần. Thí dụ, trong ngữ cảnh đã thấy rõ là người đàn bà muốn Chúa Giê-su chữa lành cho con gái bà ta, bạn có thể để thông tin này hàm ý. Tuy nhiên, nếu **không** rõ lý do tại sao người đàn bà xin Chúa Giê-su giúp đỡ, bạn có thể cần phải nói rõ lý do.

⁵¹¹ **15:26** **Không nên** làm người đọc hiểu lầm là con cái/dân tộc đã mua bánh/phước hạnh. Bạn có thể nói: “bánh/thức ăn/phước hạnh mà {**đã được ban cho** ⇔ đã được **chuẩn bị** cho} con cái/dân tộc của Ta”

⁵¹² **15:26** **Không nên** làm cho người đọc hiểu là Chúa Giê-su có con cái thật.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái nghĩ rằng họ tốt hơn người ngoại quốc và đôi khi gọi những người ngoại quốc là chó hoang. Khi so sánh người Do Thái như “con cái” và người ngoại quốc như “chó nuôi trong nhà” Chúa Giê-su đã làm nhẹ bớt sự nhục mạ. Thật ra, Chúa có thể mỉm cười hay thay đổi giọng nói để đối ngược lại ý nghĩa nhục mạ. **Mục tiêu của Chúa Giê-su là để thử đức tin của người đàn bà, chứ không phải để nhục mạ bà.**

trong nhà (ăn). ⇔ (với bà): “Nếu Ta giúp đỡ con, một người ⁵¹⁴ngoại quốc, thì giống như một người cha lấy bánh của con cái mình và đưa cho chó nuôi trong nhà ăn. Làm như vậy không đúng.” ²⁷ ⁵¹⁵(Người đàn bà hiểu rằng Chúa Giê-su đang nói đến những người ngoại quốc như là chó và những người Do Thái như là con cái,) nên bà nói (với Ngài): “⁵¹⁶{Đúng ⇔ Chúa nói đúng}, ^{GTK517}lạy Chúa, nhưng ngay cả chó <nuôi trong nhà> (được phép để) ăn ⁵¹⁸{bánh vụn từ bàn rớt xuống ⇔ đồ ăn thừa mà chủ nó ném/đưa cho nó (ăn)}. ⁵¹⁹(Vậy xin hãy giúp con một chút thôi!)” ²⁸ Sau đó (Chúa) Giê-su/Ngài trả lời bà: “⁵²⁰Này, con, {có đức tin lớn ⇔ con tin tưởng/tin cậy rằng Ta có thể giúp đỡ con!} {Sự việc ấy hãy xảy ra cho con ⇔ Quý sẽ bị đuổi/trừ ra khỏi con gái của con ⇔ Việc ấy sẽ xảy ra} như ý con muốn.” <Và/Vậy> {từ lúc đó ⇔ ngay lập tức} con gái bà {(được Chúa Giê-su) chữa lành ⇔ khỏi bệnh}.

15:29-31 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Nhiều Người Bệnh

²⁹ <Và> ⁵²¹khi (Chúa) Giê-su/Ngài (và các môn đệ của Ngài) rời khỏi {đó ⇔ vùng/địa bàn chung quanh (thành phố) Ty-rơ và Si-đôn}, Chúa/họ đi bộ {bên cạnh ⇔ dọc theo bờ phía đông của} (Biển/Hồ Ga-li-lê). {Rời thì ⇔ Sau đó một lúc, ⇔ Một ngày kia} Ngài/(Chúa) Giê-su đi/trèo lên ^{GTK522}một ngọn núi/đồi (ở gần đó) (và) ngồi xuống đó.

⁵¹³ Nếu trong địa bàn của bạn chó thường được **nuôi trong nhà**, bạn có thể hàm ý “nuôi trong nhà”.

⁵¹⁴ **15:26** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**người ngoại quốc**” trong sách Ma-thi-ơ. Cụm từ này có nghĩa là “**không phải là người Do Thái**” trong Ma 4:15, (8:10, 11) 10:5, 18: (11,21), 15: (22, 24), 26 và tiểu đề. Tuy nhiên, cụm từ có nghĩa là “**người ngoại giáo**” trong Ma 5:47, 6:7, 32; 20, 25 (23:15). Hãy cẩn thận đừng chuyển ngữ theo cách này khi nó có nghĩa như vậy, bởi vì một người ngoại quốc **không nhất thiết** là người ngoại giáo. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở 5:47.

⁵¹⁵ **15:27** Phải nói rõ là Chúa Giê-su **không** đề cập đến “**con cái**” và “**chó**” thật trong câu 26. Nếu bạn dùng sự lựa chọn thứ nhì trong câu 26, có lẽ bạn không cần phải nói đến **thông tin hàm ý** bắt đầu câu 27.

⁵¹⁶ **15:27** Đối với một số ngôn ngữ có thể truyền thông cùng một ý bằng cách nói: “Không, (thưa) Chúa, (điều đó không đúng,) (nhưng)...”

⁵¹⁷ **15:27** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Chúa**” trong các câu 22, 25.

⁵¹⁸ **15:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người đàn bà cho thấy đức tin của mình khi bày tỏ là chỉ cần một chút quyền năng của Chúa Giê-su là có thể chữa lành cho con gái bà được. Bà đồng ý rằng người ngoại quốc không có cùng quyền lợi như người Do Thái, nhưng “**ăn bánh vụn**” sẽ không làm dở “**bữa ăn của con cái**,” bà nghĩ Chúa Giê-su nên chữa lành cho con gái của bà.

⁵¹⁹ **15:27** Nên nói rõ là người đàn bà vẫn xin Chúa Giê-su **giúp đỡ** bà.

⁵²⁰ **15:28** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp được dùng để truyền thông nhiều tình cảm khác nhau, tùy theo ngữ cảnh. Trong ngữ cảnh này cho thấy Chúa **chú ý** đến đức tin mạnh mẽ của bà.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có một sự tương phản lớn giữa đức tin mà người ngoại quốc có nơi Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 2:2, 8:10, 15:28) và sự thiếu đức tin của những người Do Thái (và bà con của họ), kể cả vua Hê-rốt (2:1-8, 16), các nhà lãnh đạo Do Thái (9:34, 12:14, 24, 39), dân chúng trong nhiều thành phố của người Do Thái (11:20-24) kể cả quê của Chúa Giê-su (13:54-58), và các môn đệ của Chúa (14:31, 16:8, 23).

⁵²¹ **15:29** Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Sau đó> Chúa Giê-su/Chúa (và các môn đệ của Ngài) rời khỏi... (và) đi...”

⁵²² **15:29** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**núi/đồi**” ở Ma 5:1.

30 <Rồi thì> {một đám đông lớn ⇔ nhiều người} {đến với Chúa đem theo ⇔ đem, đến cho Ngài} (những người bị) ⁵²³ què, mù, tật nguyên, câm và nhiều người bệnh khác (để được chữa lành bệnh). <Và> họ ⁵²⁴ {ném ⇔ vùi vàng đặt} những người bệnh này {nơi chân (Chúa) Giê-su ⇔ trước mặt Ngài} và Ngài chữa lành cho họ. **31** <Đến nỗi> khi {đám đông/[những đám đông] ⇔ họ} ⁵²⁵ thấy người ⁵²⁶ câm nói được, người tật nguyên được chữa lành, <và> người què đi được và người mù lại nhìn thấy, ^{TD 527} họ {ngưỡng mộ ⇔ ngạc nhiên} và ^{NTT} ngợi khen Đức Chúa Trời {của (con cháu) ⁵²⁸ Y-sơ-ra-ên ⇔ Đấng mà người Y-sơ-ra-ên thờ phượng/phục vụ}.

15:32-39 (Chúa) Giê-su Làm Phép Lạ Cung Cấp Thức Ăn Cho
⁵²⁹ {4,000 Người Đàn Ông ⇔ Hơn 4,000 Người}

Mác 8:1-10

32 Sau đó (Chúa) Giê-su gọi/tụ họp các môn đệ của Ngài lại (và) bảo (họ): “Ta cảm thương cho {đám đông ⇔ những người này}, bởi vì ⁵³⁰ {họ đã ⇔ sau khi} (ở đây) với Ta ba ngày <và> {họ không còn gì để ăn ⇔ đã cạn thức ăn}. <Và> Ta không muốn để họ đi về {bụng đói ⇔ bụng trống rỗng ⇔ mà không ăn gì cả}, bởi vì nếu Ta làm như vậy, họ có thể siu (vì yếu ⇔ vì thiếu ăn) trên đường về (nhà).” **33** <Và> {các môn đệ (của Chúa Giê-su) ⇔ họ} {hỏi ⇔ nói với} Ngài: ^{CH}“{Làm thế nào và chúng tôi (tìm) ở đâu ⇔ Chúng tôi không thể (tìm)} đủ bánh/thức ăn trong ⁵³¹ {chỗ hẻo lánh/hoang vắng này ⇔ chỗ xa xôi này ⇔ đồng vắng/sa mạc} để nuôi {một đám đông (lớn) như thế này ⇔ tất cả những người này}?/!” **34** <Rồi/Vậy> (Chúa) Giê-su hỏi họ: “Các con có {bao nhiêu ổ (bánh) ⇔

⁵²³ **15:30** “què” muốn nói đến việc mất cử động của chân, nhưng “tật nguyên” có nghĩa tổng quát hơn và bao gồm cả những khuyết tật tạo ra nan đề trong việc cử động tay, chân, bàn chân, lưng và mặt.

⁵²⁴ **15:30** Mặc dù trong bản Hy-lạp dùng từ “ném/quăng” ở đây, dùng hàm ý rằng người ta quăng người đau trước mặt Chúa Giê-su. Đoạn kinh văn này muốn nói đến sự kiện người ta **nhanh nhẹn đặt người đau** trước mặt Chúa Giê-su, có lẽ bởi vì có nhiều người chờ được chữa lành.

⁵²⁵ **15:31** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Khi đám đông **nghe** người câm nói được và **thấy** người tật nguyên được chữa lành...”

⁵²⁶ **15:31** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “câm” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 9:32–33 và tiểu đề, 12:22, 15:30–31. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 9:32.

⁵²⁷ **15:31** “họ ngưỡng mộ” được đặt ở đầu câu 31 trong bản Hy-lạp.

⁵²⁸ **15:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Gia-cốp, một tổ phụ người Do Thái, được Đức Chúa Trời đặt tên là Y-sơ-ra-ên (Sáng 32:28). Tên Y-sơ-ra-ên có nghĩa là “Hoàng tử ở với Đức Chúa Trời”. Người Do Thái được gọi là “con cháu/dòng dõi/dân Y-sơ-ra-ên”, hay “người Y-sơ-ra-ên”.

⁵²⁹ (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vì có lẽ Chúa Giê-su hoá bánh cho 4,000 người ăn ở bờ phía đông của Hồ Ga-li-lê trong một khu vực mà đa số dân cư là người ngoại quốc. Nhiều nhà học giả Kinh Thánh nghĩ rằng 4,000 (hay hầu hết) người này có lẽ là người ngoại quốc.

⁵³⁰ **15:32** Phải nói rõ là Chúa Giê-su cảm thấy ái ngại cho dân chúng **bởi vì** họ không còn thức ăn để ăn, **không phải** vì họ đã ở với Chúa trong ba ngày.

⁵³¹ **15:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bờ hồ phía đông của Hồ Ga-li-lê ít dân cư ngụ hơn bờ hồ phía tây nơi Chúa Giê-su hoá bánh cho 5,000 người ăn (Ma-thi-ơ 14:15).

bao nhiêu bánh/thức ăn}?” <Sau đó> họ trả lời (Ngài): “(Chúng tôi có) bảy (ổ bánh) và vài con cá (khô) nhỏ.” **35** <Rồi> (Ngài/(Chúa) Giê-su) (quay qua đám đông và) ra lệnh/bảo {đám đông ⇔ họ} ^{NTT532}ngồi duỗi chân/ngồi xuống đất. **36** (Sau đó, ⇔ Trong khi họ làm như vậy,) Chúa cầm bảy ổ (bánh) và mấy con cá (trong tay Ngài). Rồi (Chúa) ^{NTT}cầm tạ (Đức Chúa Trời vì chúng) (và) bẻ (chúng ra thành từng miếng nhỏ). Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su ⁵³³{cứ tiếp tục đưa ⇔ đưa/phân phát} (các miếng thức ăn) cho các môn đệ (của Ngài) và {các môn đệ (của Ngài) ⇔ họ} (phân phát chúng) cho (đám đông)/dân chúng (ăn). **37** <Và> mọi người đã ăn {no ⇔ cho đến khi họ no ⇔ theo sức họ muốn/cần}. {Rồi thì ⇔ Sau đó ⇔ Sau khi họ đã ăn xong,} ^{GTK534}{họ ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su ⇔ một số người} ⁵³⁵ thu lại các miếng (thức ăn thừa ⇔ bánh và cá) (từ dân chúng), (đủ để làm đầy) bảy ⁵³⁶giỏ (lớn). **38** <Và> có ⁵³⁷[khoảng] 4,000 người đàn ông/người ăn, không đếm/kể đến đàn bà và trẻ con (cũng được ăn). **39** <Và> ⁵³⁸sau khi Ngài/(Chúa) Giê-su ^{NTT539}{đuổi đám đông về ⇔ giải tán đám đông/dân chúng ⇔ bảo đám đông/dân chúng có thể đi về nhà} (và họ rời Chúa), Chúa bước vào một chiếc thuyền (với các môn đệ của Ngài) và <Chúa/họ> băng (ngang hồ ⇔ ngang qua Biển/Hồ Ga-li-lê) đến địa bàn {gần ⇔ của (dân chúng)} (thành) Ma-ga-đan.

⁵³² **15:35** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một từ tương tự có nghĩa là “ngồi duỗi chân” trong Ma 14:19.

⁵³³ **15:36** Hình thức của động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “tiếp tục đưa” hay “đưa/phân phát”. Ý nghĩa nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả, nhưng hai ý nghĩa đầu tiên có vẻ thích hợp nhất vì nó giúp truyền thông được việc Chúa Giê-su hoá bánh ra nhiều.

⁵³⁴ **15:37** Hầu hết các học giả Kinh Thánh cho rằng “họ” nói đến các môn đệ của Chúa Giê-su (hãy xem Ma 16:10 và tình trạng tương tự ở trong Ma 14:20 và Giảng 6:12–13). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng từ này có nghĩa tổng quát hơn và muốn nói đến những người khác nữa.

⁵³⁵ **15:37** Bạn có thể nói: “Sau đó ^{GTK} người ta (thu lại) đầy bảy giỏ (lớn) những (thức ăn ⇔ bánh và cá) thừa.”

⁵³⁶ **15:37** Các giỏ được dùng để bánh cho 4,000 người ăn có lẽ lớn hơn những giỏ được dùng để thu lại bánh cho 5,000 người ăn ở trong Ma 14:20. Trong Công Vụ 9:25 sứ đồ Phao-lô dùng một giỏ giống như giỏ này để trốn ra khỏi thành Đa-mách.

⁵³⁷ **15:38** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính có từ “khoảng” ở đây. BCG dùng “tới bốn ngàn”. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) không có từ đó.

⁵³⁸ **15:39** Vì nhóm từ này chứa đựng thông tin mới, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su giải tán/đuổi đám đông đi, (và) Chúa (cùng với các môn đệ) trèo vào một cái thuyền...”

⁵³⁹ **15:39** Chuyển ngữ “Chúa đuổi/giải tán đám đông” không nên làm cho Chúa Giê-su có vẻ xằng sớm. Hãy xem bạn chuyển ngữ điều này như thế nào ở trong Ma 14:23.

**16:1-4 Các Kẻ Thù Của (Chúa) Giê-su Đòi/Yêu Cầu^{NTT} {Một Phép Lạ
Từ Trời/Đức Chúa Trời ⇔ Chúa Chứng Tỏ Cho Họ Thấy Là
Đức Chúa Trời Sai (Chúa) Giê-su Đến}**

Mác 8:11-13; Lu-ca 12:54-56

16 **1** Sau đó một số người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đến gặp (Ngài/Chúa Giê-su) (để ⇔ cố gắng để) ^{GTK540}{thử (Ngài) ⇔ gài bẫy/hạ uy tín (Ngài) (một cách công khai) (để dân chúng không tin tưởng/theo Ngài nữa) ⇔ khiến Ngài nói một điều gì (có hại cho uy tín của Ngài)}. Họ đòi Ngài ^{NTT}{cho họ thấy một ^{GTK541}dấu lạ từ ^{GTK}Trời/Đức Chúa Trời ⇔ cho thấy bằng chứng từ Đức Chúa Trời ⇔ chứng tỏ cho họ thấy là Đức Chúa Trời sai (Chúa) Giê-su/Ngài đến ⇔ làm một dấu lạ/phép lạ từ trời}. **2** Nhưng (Chúa) Giê-su trả lời họ, ⁵⁴²[(“Đôi khi) {vào lúc chiều tối ⇔ khi mặt trời lặn} các ông nói: ^{NGT}‘(Chúng tôi biết rằng ngày mai) thời tiết sẽ tốt, bởi vì bầu trời ⁵⁴³mâu đỏ.’ **3** <Và> (đôi khi) vào buổi sáng (các ông nói): ^{NGT}‘Hôm nay (trời sẽ bão) vì bầu trời mâu đỏ và đây vẻ đe dọa.’ {Các ông biết cách ⇔ Các ông có thể} nhìn bầu trời để tiên đoán thời tiết, nhưng các ông

⁵⁴⁰ **16:1** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “để thử” (BDM, BDC, BCG) hay “(cố gắng) gài bẫy” (BDY). Các người Pha-ri-si đã từ khước Chúa Giê-su và đang tìm cách để giết Ngài (hãy xem Ma 12:14, 24), vậy nên có lẽ họ đang cố gắng gài bẫy/làm mất uy tín Ngài trong những lời Ngài nói để họ có thể chứng tỏ rằng Chúa không phải đến từ Đức Chúa Trời.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các người Pha-ri-si đã từ khước Chúa Giê-su và không còn thử xem có phải Ngài đến từ Đức Chúa Trời không (như đòi hỏi ở trong Phục Truyền 13:2-6, 18:18-22). Họ muốn hủy hoại uy tín của Chúa Giê-su và tìm bằng cứ để họ có thể dùng để xử tử Ngài (hãy xem Ma-thi-ơ 12:14). Có lẽ họ nghĩ rằng họ gài bẫy được Chúa ở đây; nếu Chúa từ chối sự thách thức của họ, Ngài sẽ mất những người đi theo Ngài; nếu Ngài chấp nhận, họ nghĩ Chúa sẽ thất bại.

⁵⁴¹ **16:1** Bản Hy-lạp không nói rõ ở đây. Nhiều học giả (BDC, BDY) nghĩ rằng “một dấu lạ từ Trời” có nghĩa là “một phép lạ...trên trời” (tương phản lại với các phép lạ Chúa Giê-su đang làm trên đất). Tuy nhiên, đa số học giả (và BDM, BCG) nghĩ rằng “Trời” là một cách nói gián tiếp về Đức Chúa Trời và người Pha-ri-si muốn “bằng chứng” hay “sự xác định” hay “bằng chứng thuyết phục” từ chính Đức Chúa Trời, hoặc là bằng phép lạ hay bằng một phương cách nào khác, rằng Đức Chúa Trời đã sai Chúa Giê-su (hãy xem thí dụ ở trong 2 Vua 20:1-11). Về cách chuyển ngữ “dấu lạ” hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “các phép lạ” ở Ma 7:22. **Hãy xem** lại cách bạn chuyển ngữ nhóm từ này ở trong tiểu đề.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đã phán và làm nhiều điều để chứng tỏ rằng Ngài là Đấng Cứu Thế. Các người Pha-ri-si nghiên cứu Lời Chúa hơn bất cứ ai khác nên họ đáng lẽ phải là người đầu tiên nhận ra mọi điều mà Chúa Giê-su đã làm và nói để chứng tỏ rằng Ngài là Đấng Cứu Thế mà các tiên tri của Đức Chúa Trời đã nói là sẽ đến. Thay vào đó, họ từ chối không chịu tin Ngài.

⁵⁴² **16:2** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có phần còn lại của câu 2 và cả câu 3. Tuy nhiên, nhiều bản thảo không có. Cũng không nên làm cho có vẻ là người ta phê bình về thời tiết mỗi buổi tối và buổi sáng, họ chỉ nói khi bầu trời đỏ và đây vẻ đe dọa. Bạn có thể cần phải nói lại như sau: “Nếu bầu trời đỏ vào chiều tối, các ông nói: ‘(Chúng ta biết ngày mai) khí hậu sẽ tốt.’ **3** Và nếu vào buổi sáng bầu trời mâu đỏ và đây vẻ đe dọa, các ông nói: ‘Hôm nay (trời sẽ) bão.’ ”

⁵⁴³ **16:2** Có thể bạn cần phải bao gồm một hay hai **LỜI CHÚ THÍCH** trong câu 2-3 để giải thích về khí hậu ở nơi Chúa Giê-su sống. Hay bạn có thể thay thế bằng sự tiên đoán về thời tiết tương tự cho thích hợp với văn hoá của bạn và để nguyên văn trong **LỜI CHÚ THÍCH**. Tuy nhiên, **phải biết chắc** rằng sự thay thế đó được chấp nhận.

không thể {(giải thích) ⁵⁴⁴ các dấu hiệu của thời đại ⇔ (hiểu) ý nghĩa của các việc đang xảy ra bây giờ ⇔ (hiểu) điều Ta làm và Ta là ai!}] **4** ⁵⁴⁵ {Thế hệ gian ác và ⁵⁴⁶ tà dâm/không trung tín này muốn ⇔ Các ông là những người gian ác từ chối tin tưởng nơi Ta và các ông đòi} (Ta làm) một dấu lạ/phép lạ (trước khi các ông tin tưởng nơi Ta), ⁵⁴⁷ nhưng {sẽ không có một dấu lạ/phép lạ nào được ban cho các ông ngoại trừ ⇔ dấu hiệu/phép lạ duy nhất được ban cho các ông là ⇔ Đức Chúa Trời sẽ chứng tỏ cho các ông biết Ta là ai chỉ qua} ⁵⁴⁸ {(một dấu lạ/phép lạ giống như) dấu lạ/phép lạ của ⇔ một dấu lạ/phép lạ giống như Đức Chúa Trời đã ban cho ⇔ một dấu lạ/phép lạ đã xảy ra cho Ta giống như điều đã xảy ra cho} (tiên tri của Đức Chúa Trời) Giô-na (ngày xưa).” Rồi thì Ngài/(Chúa) Giê-su rời khỏi {họ ⇔ người Pha-ri-si và Sa-đu-sê} <(và) đi chỗ khác>.

16:5-12 {Hãy Cảnh Giác Về ⇔ Đừng Bị Lừa Gạt Bởi} {Men/Sự Dạy Dỗ Của Người Pha-ri-si Và Sa-đu-sê ⇔ Sự Dạy Dỗ Giả Mạo}

Mác 8:14-21

5 Sau đó ^{GTK549} (Chúa Giê-su và) ⁵⁵⁰ các môn đệ [của Ngài] {đi (bằng thuyền) ⇔ (rời đó) (trong một chiếc thuyền) để đi} qua bờ bên kia/phía đông (của Biển/Hồ Ga-li-lê ⇔ của hồ), (và/nhưng) {họ ⇔ các môn đệ} đã quên mang theo bánh/đồ ăn (với họ). **6** <Rồi thì> ^{GTK551} (sau khi họ tới đó, ⇔ khi họ đang đi trong thuyền,) (Chúa) Giê-su bảo họ:

⁵⁴⁴ **16:3** “**dấu lạ của thời đại**” ở đây nói tới sự dạy dỗ của Chúa Giê-su về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời và điều Ngài đang làm, nhất là các phép lạ của Chúa (hãy xem Ma 15:29–39).

⁵⁴⁵ **16:4** Hãy nhất quán trong cách lựa chọn dùng ngôi thứ ba (“điều này”, “họ”, “chúng”) hay ngôi thứ nhì (“các ông”) trong suốt câu 4. Nên làm cho rõ là Chúa Giê-su muốn đề cập đến những người Ngài đang nói chuyện với.

⁵⁴⁶ **16:4** Khi Chúa Giê-su gọi dân chúng là **tà dâm**, Chúa **không** tố cáo về tội tình dục, nhưng Chúa muốn nói là họ **không trung tín** với Đức Chúa Trời giống như một người vợ tà dâm không trung tín với chồng mình. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “thế hệ tà dâm/không trung tín” trong Ma 12:39.

⁵⁴⁷ **16:4** Bạn có thể dùng cùng một từ ngữ để bắt đầu một câu **mới** ở đây cho dễ đọc.

⁵⁴⁸ **16:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về dấu lạ/phép lạ của Giô-na ở Ma-thi-ơ 12:39.

⁵⁴⁹ **16:5** Có thể là trong bản Hy-lạp muốn nói rằng các môn đệ của Chúa Giê-su đi (**riêng**) (trong một chiếc thuyền) để qua bờ hồ bên kia (nơi Chúa Giê-su đang ở). Tuy nhiên, có vẻ như là Chúa Giê-su cùng đi **với** các môn đệ của Ngài (như đoạn Kinh Thánh song song ở trong Mác 8:13–21 cho thấy) và trong câu 5 chú trọng đến các môn đệ nên chỉ nói đến Chúa Giê-su trong câu 6 (trong Mác 8:13–14 thì lại làm ngược lại).

⁵⁵⁰ **16:5** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**của Ngài**” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không** có, nhưng hàm ý.

⁵⁵¹ **16:6 Không** rõ là cuộc đối thoại sau đây xảy ra **sau khi** Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài đã đến bờ hồ bên kia hay trong khi họ vẫn còn **ở trong thuyền** (như Mác 8:13–22 cho thấy). Nếu được **tốt nhất** nên để hàm ý chi tiết này trong bản dịch.

“⁵⁵²{Hãy coi chừng và cảnh giác ⇔ Hãy rất cẩn thận} {về ⇔ để các con không bị lừa gạt bởi} ⁵⁵³men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê.” 7 <Rồi> {họ ⇔ các môn đệ (của Chúa Giê-su)} ^{GTK554}{nói với nhau ⇔ tự suy nghĩ về} (điều Ngài/Chúa Giê-su) (vừa) nói/quyết định: ^{NGT}“(Chắc Ngài phải nói vậy ⇔ Ngài phải quan tâm/lo lắng rằng chúng ta sẽ bị dối) bởi vì chúng ta đã không mang theo bánh (để ăn trong khi đi).” 8 ⁵⁵⁵Nhưng (Chúa) Giê-su biết (điều họ suy nghĩ, nên) Ngài {nói với họ ⇔ hỏi (họ)}: “{(Hỡi những kẻ) ít đức tin, ⇔ Các con có ít đức tin (nơi Ta) quá!} ^{CH556}{tại sao các con ⇔ Các con không nên} {^{GTK}thảo luận/quan tâm/suy nghĩ <giữa vòng các con> rằng các con không/[đã không] ⁵⁵⁷[đem] ⇔ ^{GTK}nói/suy nghĩ về việc không [mang theo]} bánh?/! (Đó không phải là điều Ta đang nói đến.) 9 ^{CH}{Các con vẫn không ⇔ Tới bây giờ thì các con nên} hiểu (điều đó/Ta) sao?/! ^{CH}{Hay các con không nhớ ⇔ Các con đã quên ⇔ Chắc chắn các con còn nhớ} (khi/cách Ta đã dùng ⇔ khi/cách Ta đã hoá bánh ra nhiều từ} năm ổ bánh {cho ⇔ cấp thức ăn} cho 5,000 (người đàn ông) và các con đã thu lại bao nhiêu ⁵⁵⁸giò (đầy thức ăn thừa)?/! 10 <Và> ^{CH}{các con không nhớ ⇔ các con đã quên} (lúc Ta đã dùng ⇔ lúc Ta đã hoá bánh ra nhiều) từ bảy ổ bánh {cho ⇔ cấp thức ăn cho} 4,000 (người đàn ông) và các con đã thu lại bao nhiêu giò (lớn) (đầy thức ăn thừa/còn lại)?/! 11 ^{CH}{Tại sao các con (vẫn) không ⇔ Tới bây giờ thì các con nên} ⁵⁵⁹hiểu rằng ⁵⁶⁰Ta không phải nói với các con về

⁵⁵² 16:6 “Hãy coi chừng và cảnh giác...” dùng hai cách khác nhau để nói về cùng một việc để nhấn mạnh mệnh lệnh. Đối với một số ngôn ngữ có thể dùng một động từ và nhấn mạnh bằng một cách khác nghe tự nhiên hơn.

⁵⁵³ 16:6 Tốt nhất nên chuyển ngữ là **men** ở đây, để làm cho rõ lý do các môn đệ của Chúa Giê-su hiểu lầm điều Ngài nói. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**men**” trong Ma 13:33, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái dùng “men” như một thành ngữ để nói đến sự lan truyền ảnh hưởng, dù đó là sự lan truyền ảnh hưởng tốt (như ở trong Ma-thi-ơ 13:33) hay là sự lan truyền hư hoại hay ảnh hưởng xấu nào khác. Chúa Giê-su dùng nó ở đây để nói đến ảnh hưởng xấu của sự vô tín và dạy dỗ giả mạo của các người Pha-ri-si và Sa-đu-sê trên nhiều người. Tuy nhiên, các môn đệ của Chúa Giê-su hiểu lầm điều Chúa nói.

⁵⁵⁴ 16:7 Bản Hy-lạp không nói rõ ở đây. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC) nghĩ rằng nó có nghĩa là “thảo luận **giữa vòng họ**” (như ở trong Mác 8:16 đã nói rõ). Tuy nhiên, một vài học giả (và BDY, BCG) cho rằng nó có nghĩa là “**tự suy nghĩ giữa họ với nhau**”.

⁵⁵⁵ 16:8 Có 1,071 câu trong sách Ma-thi-ơ. Ma 16:8 là câu ở **chính giữa** của sách.

⁵⁵⁶ 16:8 Phải nói rõ trong các câu 8–11 là Chúa Giê-su **đang la rầy** các môn đệ của Ngài.

⁵⁵⁷ 16:8 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BCG, BDY) có từ “**không có**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số, BDM) có các từ “**không mang theo**”.

⁵⁵⁸ 16:9 Hãy nhất quán về cách bạn chuyển ngữ “**giò**” trong Ma 14:20. Giò được dùng sau khi Chúa hoá bánh cho 4,000 người ăn có lẽ **lớn hơn** là những giò dùng khi Chúa hoá bánh cho 5,000 người ăn được nhắc đến ở trong câu 10. Hãy nhất quán trong câu 10 về cách bạn chuyển ngữ “**giò (lớn)**” trong Ma 15:37.

⁵⁵⁹ 16:11 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các môn đệ của Chúa Giê-su đã thấy Ngài dùng năm ổ bánh mì để cho 5,000 người ăn và dùng bảy ổ bánh mì để cho 4,000 người ăn. Thế nhưng sự kiện họ còn hiểu lầm lời cảnh cáo của Chúa Giê-su (trong câu 5) cho thấy là đức tin họ của họ có trong Chúa rất yếu/nhỏ. Cho tới lúc này, họ nên biết rằng Chúa Giê-su có thể cung cấp cho họ đồ ăn họ cần (và như vậy Chúa đang nói về điều gì khác khi Chúa cảnh cáo họ về men), nhưng họ vẫn không hiểu/nhận thức được Chúa là ai, Ngài là Đấng Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời.

bánh?! <Nhưng> (Ta lặp lại,) hãy coi chừng về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê!”
12 Lúc ấy {họ ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su} mới hiểu rằng Ngài không bảo họ nên cảnh giác về men ⁵⁶¹ được dùng để làm bánh mì, nhưng {(hãy cảnh giác) về ⇔ đừng bị lừa dối/ảnh hưởng bởi} ⁵⁶² sự dạy dỗ (giả mạo) của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê ⁵⁶³ (lan rộng như men ⇔ các sự dạy dỗ này ảnh hưởng sự suy nghĩ của con người giống như men làm dậy cả một đồng bột).

16:13-20 {**Phê-rô Tuyên Bó/Làm Chứng** ^{NTT} **Rằng (Chúa) Giê-su Là Đấng Cứu Thế**
 ⇔ **(Chúa) Giê-su Thiết Lập Hội Thánh/Cộng Đồng/Dân Sự Của Ngài Trên Đất**}

Mác 8:27-30; Lu-ca 9:18-21

13 <Sau đó> ⁵⁶⁴ khi (Chúa) Giê-su/Ngài (và các môn đệ của Ngài) đến địa phận gần (thành phố tên là) ⁵⁶⁵ Sê-sa-rê Phi-líp, Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {các môn đệ của Ngài ⇔ họ}: “(Khi người ta nói về Ta,) dân chúng/họ nói/nghĩ rằng ⁵⁶⁶ {[Ta,] ⁵⁶⁷ Con Người ⇔ [Ta] Đấng đã trở nên con người} là ai?” **14** <Rồi> họ trả lời (Ngài): “Một số người (nói rằng) ^{NTT} (Thầy là) Giảng Báp-tít (sống lại), một số (nói ^{NTT} Thầy là) ⁵⁶⁸ Ê-li (tiên tri của

⁵⁶⁰ **16:11** Bạn có thể **phối hợp** hai phần trong câu 11 và nói: “... Ta không phải nói về bánh (khi Ta bảo các con) cảnh giác về men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê?!”

⁵⁶¹ **16:12** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Văn Bản Đa Số, và BDM, BDC, BCG, BDY) có “**của bánh mì**” ở đây. Tuy nhiên, một số ít bản thảo có “của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê”.

⁵⁶² **16:12** Mặc dù Lu-ca 12:1 cho thấy men của người Pha-ri-si là sự đạo đức giả, sự tập trung vào “các sự dạy dỗ” thì khác hơn ở đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các người Pha-ri-si và Sa-đu-sê có sự mong đợi và dạy dỗ sai lầm về Đấng Cứu Thế. Vì Chúa Giê-su không đáp ứng lại đúng như điều họ mong đợi, họ từ chối tin Ngài (16:1-4). Chúa Giê-su đang cảnh cáo các môn đệ của Ngài đừng để bị lừa dối như vậy.

⁵⁶³ **16:12** Bạn có thể chuyển ngữ “**ảnh hưởng** sự suy nghĩ của con người...” như là “**lan rộng** trong dân chúng...”

⁵⁶⁴ **16:13** Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Sau đó Chúa Giê-su (và các môn đệ của Ngài) đi đến... Sê-sa-rê Phi-líp (và) Chúa hỏi...”

⁵⁶⁵ **16:13** Hãy chắc chắn là có nhiều **bản đồ** ở phía trước hay phía sau trong Kinh Thánh của bạn. Bây giờ là thời điểm tốt để **bắt đầu** làm một **danh sách** của tất cả những tên (với cách viết trong ngôn ngữ của bạn) của tất cả các làng, thành phố, tỉnh, quốc gia, v.v... cần phải để vào trong các bản đồ đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Sê-sa-rê Phi-líp là một thành phố quan trọng ở cách hồ Ga-li-lê khoảng 40 km về phía bắc (hãy xem bản đồ ở phần trước/sau của sách này). Người Do Thái coi nó như là ở về biên giới phía bắc của Đất Hứa và lãnh thổ của người ngoại quốc. Còn có một thành phố khác có tên là Sê-sa-rê ở trong tỉnh Sa-ma-ri.

⁵⁶⁶ **16:13** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**Ta là ai**” ở đây. Tuy nhiên một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không** có. Nên nói rõ là Chúa Giê-su đang đề cập đến chính Ngài.

⁵⁶⁷ **16:13** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Con Người” trong Ma-thi-ơ 8:20.

⁵⁶⁸ **16:14** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ê-li sống vào khoảng năm 850 T.C. và Giê-rê-mi sống khoảng năm 600 T.C. Đức Chúa Trời cất Ê-li lên trời trong một xe ngựa rục lửa và gió lốc trong khi

Đức Chúa Trời), và/nhưng những người khác (nói) ^{NTT} (rằng Thầy là) Giê-rê-mi hay một tiên tri (khác của Đức Chúa Trời) ⁵⁶⁹ (đã có từ xưa và/nhưng bây giờ trở lại thế giới này).” **15** (Rồi) Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi {họ ⇔ các môn đệ}: “Nhưng (còn) chính các con thì sao? Các con nói/nghĩ Ta là ai?” **16** <Sau đó> Si-môn Phê-rô <đáp ứng> trả lời (Ngài): “Thầy là {Đấng Cứu Thế ⇔ Đấng được Đức Chúa Trời xúc dầu ⇔ Cứu Chúa/Vua đã hứa ban}, Con của {Đức Chúa Trời ⁵⁷⁰ Hằng Sống/Chân Thật ⇔ Đức Chúa Trời Đấng sống đời đời}!” **17** (Chúa) Giê-su trả lời {ông ⇔ Si-môn Phê-rô}: “{Si-môn ⁵⁷¹ Ba-giô-na, ⇔ Si-môn, con Giô-na,} ⁵⁷² phước cho con, bởi vì ^{GTK573} {thịt và huyết ⇔ con người} đã không {bày tỏ ⇔ dạy} con (lẽ thật đó về Ta ⇔ rằng Ta là Đấng Cứu Thế), nhưng (Đức Chúa Trời) Cha Ta (ở) trên thiên đàng (đã bày tỏ cho con ⇔ là Đấng khiến cho con nhận biết điều ấy). **18** <Và>/Vì vậy ⁵⁷⁴ Ta bảo con rằng ^{GTK575} {con là ⁵⁷⁶ Phê-rô, (Đá,) ⇔ (tên của) con là Phê-rô, (tức là “Đá”,)} và trên ^{GTK577} đá (nên) này Ta sẽ xây/thiết lập ⁵⁷⁸ Hội

ông còn đang sống (2 Vua 2:11). Người Do Thái mong đợi ông trở lại trái đất để chuẩn bị đường cho Đấng Cứu Thế (Ma-la-chi 4:5-6).

- ⁵⁶⁹ **16:14** Hãy nhớ rằng Ê-li được cất lên trời trong lúc ông còn đang sống, vậy nên nói “chết cách đây khá lâu” không thích hợp ở đây. Chỉ nói rõ thông tin này trong bản dịch nếu thấy là cần thiết.
- ⁵⁷⁰ **16:16** Hãy xem đoạn kinh văn tương tự ở trong Giê-rê-mi 10:10 về thí dụ “Đức Chúa Trời Hằng Sống” có nghĩa là “Đức Chúa Trời Chân Thật” trong thời Cựu Ước. Không có thần nào hằng sống, chỉ có Đức Chúa Trời chân thật là hằng sống mà thôi.
- ⁵⁷¹ **16:17** “Ba-giô-na” là cách nói trong tiếng Do Thái “con trai của Giô-na”, là cách mà đa số các học giả Kinh Thánh đã chuyển ngữ.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giô-na được đề cập đến ở đây khác với Giô-na trong Cựu Ước.
- ⁵⁷² **16:17** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “Phước” trong Ma 5:3-11.
- ⁵⁷³ **16:17** Đa số các học giả Kinh Thánh (BDC, BDY) nghĩ rằng “thịt và huyết” có nghĩa là “loài người”. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng nó có nghĩa là “tự con” và như vậy nhóm từ này có nghĩa là “...bởi vì không phải tự con đã học lẽ thật ấy (về Ta)”.
- ⁵⁷⁴ **16:18** Để tránh hàm ý rằng Chúa Giê-su cho Si-môn một tên mới ở đây hay Chúa đang nói với Si-môn về một điều mà ông không biết, có thể nói như sau thì tốt hơn: “Và/Vì vậy, Phê-rô (có nghĩa là đá) Ta sẽ dùng con để xây/thiết lập Hội Thánh/cộng đồng/dân sự của Ta...” Chúng ta được biết từ Giăng 1:42 rằng Chúa Giê-su đặt cho Si-môn tên Phê-rô ngay sau khi kêu gọi ông làm môn đệ của Ngài.
- ⁵⁷⁵ **16:18** Đa số các học giả Kinh Thánh (BDY, BCG) nghĩ rằng Chúa Giê-su đang gọi Si-môn bằng tên Phê-rô, có nghĩa là đá. Tuy nhiên, có một vài học giả (BDC, BDM) nghĩ rằng Chúa Giê-su đang gọi Si-môn là đá, hay bảo rằng ông “(giống như) đá”.
- ⁵⁷⁶ **16:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tên Phê-rô (*petros* trong tiếng Hy-lạp) có nghĩa là “Đá”. Tên “Phê-rô” và từ dùng cho “đá” (*petra* trong tiếng Hy-lạp) được dùng trong câu 18 sau này gần như là cùng một chữ ở trong tiếng Hy-lạp, ngôn ngữ gốc mà Tân Ước được ghi chép. Sự khác nhau về ý nghĩa là *petros* (Phê-rô) nói đến một hòn đá rời, trong khi *petra* nói đến một vầng đá lớn.
- ⁵⁷⁷ **16:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có những sự giải thích khác nhau về sự nhắc lại lần thứ nhì về từ “đá” trong câu 18 (hơi khác với từ được dùng trong lần trước trong bản Hy-lạp) muốn đề cập đến Phê-rô (hay lời tuyên bố của ông), với tất cả các môn đệ của Chúa Giê-su (xem Ê-phê-sô 2:20 và Khải Huyền 21:14) hay với Chúa Giê-su (hay sự dạy dỗ của Ngài). Đa số các học giả nghĩ nó đề cập đến Phê-rô và lời tuyên bố của ông về Chúa Giê-su.
- ⁵⁷⁸ **16:18** “Hội Thánh” chỉ được nhắc tới một lần nữa trong các sách Phúc Âm ở Ma 18:17. Khi chuyển ngữ “Hội Thánh” nên nói đến các người đi theo Chúa Giê-su, không phải là cơ sở nơi người ta nhóm họp.

Thánh/cộng đồng/dân sự của Ta. (Không có điều gì,) ngay cả cửa/quyền năng của ^{GTK579}Âm Phủ/Sự Chết/Địa Ngục/Sa-tan sẽ (có thể) chiến thắng/đánh bại {nó/chúng được ⇔ Hội Thánh/cộng đồng/dân sự của Ta được}. **19** Ta sẽ cho con ^{GTK580}{chìa khóa của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ quyền năng từ Đức Chúa Trời để cai trị Hội Thánh/cộng đồng/dân sự của Ta} {và ⇔ như vậy} ^{GTK581}{hễ điều gì con buộc trên đất ⁵⁸²cũng sẽ bị buộc ở trên Trời ⇔ hễ điều gì con cấm (người ta làm) trên đất thì Đức Chúa Trời cũng chấp thuận quyết định của con ⇔ hễ ai không được con tha thứ thì Đức Chúa Trời cũng không tha thứ}, ^{GTK583}{và điều gì các con mở trên đất cũng sẽ được mở ở trên thiên đàng ⇔ và điều gì con cho phép (người ta làm) trên đất thì Chúa/Đức Chúa Trời cũng chấp thuận ⇔ và hễ ai được con tha thứ thì Đức Chúa Trời cũng tha thứ}.” **20** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su truyền cho các môn đệ (của Ngài) ^{NTT}khoan nói cho ai biết rằng Ngài

⁵⁷⁹ **16:18** Trong ngữ cảnh này “cửa của Âm Phủ” (BDM, BDC) là một thành ngữ/ẩn dụ. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BCG) nghĩ nó đề cập đến quyền năng mà **Sự Chết** có trên con người cho đến khi nó phải bỏ cuộc (như trong Khải Huyền 20:13 đã nói). Tuy nhiên, một số khác (và BDY) nghĩ là nó đề cập đến quyền lực gian ác mà **Địa Ngục** (tượng trưng cho **Sa-tan**) chống lại với Hội Thánh/dân sự của Đức Chúa Trời. Khải Huyền 20:10, 14 nói cho chúng ta biết rằng cả Sa-tan và Âm Phủ/Sự Chết sẽ bị Đức Chúa Trời ném vào hồ lửa để bị trừng phạt đến đời đời. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **Âm Phủ** ở trong Ma 11:23, chỗ duy nhất khác nhắc đến Âm Phủ ở trong sách Ma-thi-ơ.

⁵⁸⁰ **16:19** Nhóm từ “**Ta sẽ ban cho con chìa khóa của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**” là một thành ngữ được giải thích bằng nhiều cách khác nhau và được bàn cãi nhiều về thần học. Vì vậy, nếu bạn không thể dùng cùng một thành ngữ/ẩn dụ, **tốt nhất** là chuyển ngữ một cách tổng quát hơn để có thể giải thích bằng nhiều cách khác nhau. Thí dụ, bạn có thể nói: “Ta ban cho con quyền năng/thẩm quyền trên dân sự của Đức Chúa Trời...” Chúa Giê-su đang đề cập đến **quyền năng/thẩm quyền**, **không phải chìa khoá** thật. Tránh chuyển ngữ hàm ý quyền năng/thẩm quyền gian ác, áp bức. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một được, hãy để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nhóm từ “Ta sẽ ban cho con chìa khóa của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời” có nghĩa là Chúa Giê-su ban cho Phê-rô (và Hội Thánh/cộng đồng/dân sự của Ngài) quyền năng tha thứ hay không tha thứ tội cho người ta (hãy xem Giăng 20:22–23 và Ê-sai 22:22). Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng Chúa Giê-su ban cho Phê-rô thẩm quyền tổng quát hơn để quyết định điều gì được phép và bị cấm trong Hội Thánh trên đất. Có lẽ Chúa Giê-su ban cho Phê-rô thẩm quyền và trách nhiệm của cả hai công tác nói trên. Chúa Giê-su ban cho tất cả các môn đệ thẩm quyền ấy ở trong Ma-thi-ơ 18:18.

⁵⁸¹ **16:19** Cách bạn chuyển ngữ phần còn lại của câu 19 tùy thuộc vào cách bạn chuyển ngữ “Ta sẽ ban cho con chìa khóa của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời” (xem **LỜI CHÚ THÍCH** trước về điều đó). Khi chuyển ngữ “**buộc**” và “**mở**” **không nên** nói đến việc trói vật hay người ta lại hay thả vật và người ta ra. Đây là một thành ngữ/ẩn dụ đi với phần trước của câu 19. Như đã đề cập đến trước đây, có nhiều cách giải thích khác nhau về câu 19, vậy nên **tốt nhất** hãy chuyển ngữ nó một cách tổng quát để có thể giải thích nhiều cách khác nhau.

⁵⁸² **16:18** Trong bản Hy-lạp dùng “sẽ bị buộc” cho thấy rằng Chúa sẽ chắc chắn và ngay lập tức cho phép/chấp thuận quyết định của Phê-rô về những điều ông “buộc” hay “mở” trên đất. Nói một cách khác, quyết định của Phê-rô sẽ hợp với quyết định của Đức Chúa Trời. Điều này **không** có nghĩa rằng Đức Chúa Trời sẽ “buộc” những người sống trên thiên đàng giống như cách Phê-rô “buộc” người trên đất. Và điều này **không** có nghĩa rằng quyết định của Phê-rô sẽ xác định sự quyết định của Đức Chúa Trời. Để làm cho rõ bạn có thể nói: “điều con cấm (người ta làm) trên đất sẽ là những điều mà Đức Chúa Trời (đã) ủy quyền/chấp thuận...” Hay bạn có thể nói: “những người mà con tha thứ sẽ là những người đã được Đức Chúa Trời tha thứ...”

⁵⁸³ **16:19** Hãy chắc chắn là sự lựa chọn của bạn phù hợp với sự lựa chọn bạn làm trong nửa câu đầu của câu 19.

là ⁵⁸⁴[Giê-su] {Đấng Cứu Thế ⇔ Đấng được xúc dầu (của Đức Chúa Trời/Cứu Chúa/Vua) được hứa ban}.

16:21-23 {(Chúa) Giê-su ⁵⁸⁵Nói Tiên Tri Về Sự Chết Và Sống Lại Của Ngài ⇔ (Chúa) Giê-su Bảo Các Môn Đệ ^{NTT}Rằng Ngài Sẽ Bị Giết, Nhưng Rồi Sẽ Được Sống Lại Bởi Đức Chúa Trời}

Mác 8:31-33; Lu-ca 9:22

21 {Từ đó ⇔ Bắt đầu từ đó} ⁵⁸⁶(Chúa) Giê-su bắt đầu {bày tỏ/giải thích cho ⇔ nói với} các môn đệ ^{NTT}rằng ⁵⁸⁷{Ngài cần phải ⇔ đó là ý muốn (của Đức Chúa Trời) cho Ngài} đi đến (thành) Giê-ru-sa-lem {và ⁵⁸⁸chịu nhiều điều đau đớn bởi ⁵⁸⁹các trưởng lão/nhà lãnh đạo (của dân Do Thái), và/kể cả ⁵⁹⁰thầy thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật ⇔ noi các trưởng lão/nhà lãnh đạo (Do Thái), và/kể cả các thầy thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật, sẽ khiến cho Ngài phải chịu đau đớn rất nhiều}. ⁵⁹¹Rồi (Ngài sẽ) ⁵⁹²bị giết/xử tử, và/nhưng vào ⁵⁹³ngày thứ ba ^{GTK594}{(Ngài sẽ) được (Đức Chúa Trời) làm

⁵⁸⁴ 16:20 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có “Chúa Giê-su” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) **không** có. Điểm chính của đoạn kinh văn này là Chúa Giê-su **chưa** muốn các môn đệ của Ngài nói với mọi người rằng Ngài là **Chúa Cứu Thế**, Đấng mà người Do Thái đang mong đợi đến và cứu họ.

⁵⁸⁵ (Tiểu Đề) Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**nói tiên tri**” ở Ma 1:22.

⁵⁸⁶ 16:21 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Các Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có “Chúa Giê-su” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản thảo (và BCG) có “Chúa Cứu Thế Giê-su”.

⁵⁸⁷ 16:21 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su nói tiên tri với các môn đệ của Ngài về sự chết và sống lại của Ngài để sau này họ có thể hiểu là Đức Chúa Trời đã dự định điều đó.

⁵⁸⁸ 16:21 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái mong đợi Đấng Cứu Thế đến làm một vị vua vĩ đại sẽ đánh bại tất cả kẻ thù và cai trị với quyền năng lớn lao. Có lẽ các môn đệ của Chúa rất ngạc nhiên (như phản ứng của Phê-rô đã cho thấy) khi nghe Chúa Giê-su nói rằng công việc chính của Ngài, Đấng Cứu Thế, là chịu đau đớn.

⁵⁸⁹ 16:21 “**trưởng lão**” là một tước vị cho tất cả các nhà lãnh đạo Do Thái. Các thầy thượng tế và chuyên gia Kinh Luật cũng là những nhà lãnh đạo—có lẽ họ được nhắc đến một cách đặc biệt ở đây là để nói nhấn mạnh đến vai trò của họ trong việc giết Chúa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các trưởng lão/nhà lãnh đạo Do Thái, kể cả các thầy thượng tế và chuyên gia Kinh Luật được nhắc đến ở đây có lẽ là hội viên của Hội Đồng Quốc Gia (Sanhedrin).

⁵⁹⁰ 16:21 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thầy thượng tế**” ở trong Ma 2:4 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁵⁹¹ Trong bản Hy-lạp câu 21 là một câu dài. Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng câu dài làm cho người đọc nhầm lẫn, bạn có thể bắt đầu một câu mới ở đây.

⁵⁹² Chuyển ngữ “**bị giết/xử tử**” **không** nên hàm ý là Chúa Giê-su đáng tội phải chết.

⁵⁹³ 16:21 “**vào ngày thứ ba**” trong bản Hy-lạp có nghĩa là “trong khoảng thời gian hai ngày” trong tiếng Việt, bởi vì người Do Thái tính một phần của một ngày là như cả ngày và như vậy họ tính ngày họ đang ở là ngày thứ nhất. Vì vậy, Chúa Giê-su bị đóng đinh vào ngày thứ sáu và sống lại vào ngày Chúa Nhật, người Do Thái sẽ nói là: “Chúa sống lại vào ngày thứ ba”, nhưng trong tiếng Việt chúng

cho sống lại ⇔ Ngài sẽ sống lại} (từ kẻ chết). **22** Rồi thì Phê-rơ kéo Ngài/(Chúa) Giê-su qua một bên và <bắt đầu> trách Ngài ⁵⁹⁵ (vì Ngài nói mình sẽ chịu đau đớn và bị giết). Ông nói: “(Thưa) Thầy, (Xin Thầy đừng nói như vậy!) ⁵⁹⁶ {(Xin Đức Chúa Trời) thương xót Thầy (và giữ cho đừng xảy ra như vậy)! ⇔ Đức Chúa Trời cấm không cho điều đó xảy ra!} Thầy sẽ không bị như thế đâu!” **23** Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su quay (lại ⇔ về phía Phê-rơ) (và) nói với Phê-rơ/ông: “^{GTK597} {Hãy ⁵⁹⁸ lui ra sau Ta, ⁵⁹⁹ Sa-tan! ⇔ Hãy đi đi, Sa-tan! ⇔ Sa-tan, đừng cám dỗ Ta! ⇔ Đừng giống như Sa-tan!} {Con là hòn đá vấp ngã cho Ta ⇔ Con là sự ngăn trở cho Ta ⇔ Con cố gắng giữ/ngăn Ta làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời}, bởi vì ⁶⁰⁰ con không suy nghĩ {các việc của Đức Chúa Trời ⇔ theo cách Đức Chúa Trời nghĩ} nhưng (suy nghĩ) {về các việc của con người ⇔ theo cách suy nghĩ của con người}!”

ta sẽ nói là: “Chúa sống lại sau hai ngày.” Tuy nhiên, để tránh làm rắc rối cho mọi người tốt nhất là nói “ngày **thứ ba**” vì ai cũng biết như vậy. Cũng hãy xem ở Ma 12:40 nói là “ba ngày ba đêm”.

⁵⁹⁴ **16:21** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**sống lại từ kẻ chết**” ở Ma 9:25. Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

⁵⁹⁵ **16:22** Chỉ nói rõ thông tin này nếu không rõ lý do Phê-rơ trách Chúa Giê-su.

⁵⁹⁶ **16:22** Một số bản dịch phối hợp hai câu kể lại với nhau và nói: “(Nguyện xin Đức Chúa Trời ⇔ Chắc chắn là Đức Chúa Trời sẽ) ngăn cản việc như vậy xảy đến cho Chúa!”

⁵⁹⁷ **16:23** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su thật sự nói chuyện với Sa-tan là kẻ đang dùng Phê-rơ để cám dỗ Chúa. Tuy nhiên, một số học giả khác nghĩ rằng Chúa Giê-su đang bảo Phê-rơ hành động **giống như** Sa-tan khi ông cố gắng ngăn cản Ngài/Chúa Giê-su thực hiện chương trình của Đức Chúa Trời. Nếu không chuyển ngữ từng từ một nên để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Phê-rơ vô tình cám dỗ Chúa Giê-su không theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Sa-tan cố ý làm như vậy ở trong Ma-thi-ơ 4:1-11. Phê-rơ “hòn đá” (câu 17) đã trở nên hòn đá gây vấp ngã cho Chúa Giê-su.

⁵⁹⁸ **16:23** “Hãy lui ra sau Ta” có lẽ là một thành ngữ có nghĩa là “Hãy đi cho khuất mắt” hay “Đi xa ra khỏi Ta”. Chúa Giê-su **không** muốn Sa-tan trở nên môn đệ của Ngài, nhưng muốn nó **ngung** cám dỗ Chúa.

⁵⁹⁹ **16:23** Có thể gọi tên “**Sa-tan**” ở đâu câu đối thoại nghe tự nhiên hơn.

⁶⁰⁰ **16:23** Bạn có thể nói: “...con không quan tâm đến điều Đức Chúa Trời **muốn** nhưng lại quan tâm đến điều người ta **muốn**.” Hay có thể nghe tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của nhóm từ này và nói: “...con đang suy nghĩ theo cách con người suy nghĩ {thay vì ⇔ không phải} cách Đức Chúa Trời suy nghĩ!”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ý tưởng của Đức Chúa Trời thì rất khác với ý tưởng của con người (Ê-sai 55:8-9).

16:24-28 {Sự Hy Sinh Khi Đi Theo (Chúa) Giê-su ⇔
 Những Người Theo (Chúa) Giê-su Phải Sẵn Sàng/Bằng Lòng Chịu Đau Đớn}

Mác 8:34-9:1; Lu-ca 9:23-27

24 Rồi (Chúa) Giê-su nói với (tất cả) các môn đệ: “Nếu ⁶⁰¹ có ai muốn ⁶⁰² {đến sau lưng Ta ⇔ đi theo Ta ⇔ trở thành môn đệ của Ta}, người ấy phải ⁶⁰³ {từ chối chính mình ⇔ bỏ đi các kế hoạch và sự ao ước của riêng mình ⇔ để chương trình và ước muốn của người ấy sau chương trình và ý muốn của Ta} và ⁶⁰⁴ {(rồi) vác thập tự giá của mình và theo Ta ⇔ bằng lòng/sẵn sàng chịu đau đớn và ngay cả chết vì đi theo Ta}. 25 <Bởi vì> hễ ai (không đi theo Ta bởi vì người ấy) muốn ^{GTK605} {cứu sự sống mình thì ⇔ khỏi bị giết ⇔ đi theo lợi ích/ước muốn của riêng mình ⇔ sống theo cách họ muốn sống} sẽ ⁶⁰⁶ {mất ⇔ không có} sự sống (đời đời), nhưng hễ ai ^{GTK607} {mất/hy sinh sự sống mình ⇔ bỏ sự lợi ích/ước muốn của mình ⇔ bị giết ⇔ chết} {vì cố Ta ⇔ bởi vì người ấy đi theo/hầu việc Ta ⇔ bởi vì người ấy đặt sự lợi ích/ước muốn của Ta lên trước} ⁶⁰⁸ thì sẽ tìm được/có sự sống (đời đời). 26 {<Vì> ⇔ Sau hết,} người nào dù được/có {cả thế giới ⇔ tất cả sự giàu

⁶⁰¹ 16:24 Điều Chúa Giê-su nói trong tiểu đoạn này áp dụng cho **mọi người**. Đối với một số ngôn ngữ có thể tự nhiên hơn nếu dùng **số nhiều** và nói: “Nếu **người ta/các con** muốn đến sau lưng Ta, **họ/các con** phải...” Hãy theo cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁶⁰² 16:24 “**đến sau lưng Ta**” là một thành ngữ có nghĩa là “hãy trở nên môn đệ của Ta”.

⁶⁰³ 16:24 “**từ chối chính mình**” không có nghĩa là từ bỏ cá tính hay từ chối ăn uống và quyền sở hữu.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mục tiêu của chúng ta phải là phục vụ Đức Chúa Trời và người khác (Ma-thi-ơ 22:37–40), không chú trọng đến chính mình và ước muốn của mình.

⁶⁰⁴ 16:24 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**hãy vác thập tự giá mình và theo Ta**” trong Ma 10:38.

⁶⁰⁵ 16:25 Nhiều học giả Kinh Thánh hiểu “**muốn cứu sự sống mình**” có nghĩa là “muốn khỏi bị giết/tử đạo”. Bạn có thể nói: “không muốn bị giết”. Tuy nhiên, nhiều học giả khác hiểu đó là một **thành ngữ** có nghĩa là “theo lợi ích/ước muốn của riêng mình” hay “tiếp tục sống theo cách họ muốn”.

⁶⁰⁶ 16:25 Bạn có thể nói: “...đang bỏ sự sống (đời đời) đi” hay “...sẽ **chết** (đời đời)”. Hay có thể tốt nhất là chuyển ngữ từng từ một theo nguyên bản và kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang nói qua nói lại về sự sống thể chất trên đất và sự sống đời đời trong Vương Quốc của Đức Chúa Trời. Nếu một người không đi theo Chúa Giê-su bởi vì muốn sống theo cách riêng của mình, người ấy sẽ mất sự sống đời đời.

⁶⁰⁷ 16:25 Từ bạn dùng ở đây phải phù hợp với cách bạn chuyển ngữ “muốn cứu sự sống mình” trước đó ở trong câu 25. Nhiều học giả Kinh Thánh hiểu “**mất sự sống mình**” theo **nghĩa đen** nói đến sự tử đạo, tức là, chết vì cố Chúa Cứu Thế. Tuy nhiên, nhiều người khác hiểu đó là một **thành ngữ** có nghĩa là “bỏ lợi ích/ước muốn riêng của mình” hay “đặt lợi ích/ước muốn của Ta lên trước” hay “sẵn lòng để chết”. Sự giải thích này có vẻ thích hợp với ngữ cảnh hơn và cũng bao gồm cả việc tử đạo. Bản dịch **không nên** hàm ý rằng người ta nên tự tử hay đánh giá trị mình thấp. Nếu bạn chuyển ngữ từng từ một “cứu sự sống mình” và “mất sự sống mình, có thể để cách chuyển ngữ khác trong một **LỜI CHÚ THÍCH** với lời giải nghĩa. Nếu bạn không chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁶⁰⁸ 16:25 Bạn có thể nói: “...sẽ được (Đức Chúa Trời) **ban cho** sự sống (đời đời).”

có/của cái trên thế gian ⇔ mọi điều người ấy muốn} nhưng mất ⁶⁰⁹{sự sống (đời đời) ⇔ linh hồn} thì có lợi lộc gì?! {Hay ⇔ Nói một cách khác,} ^{CH610}{có ai có thể lấy gì ⇔ không có điều gì mà một người có thể trả} {để đổi lấy ⇔ để chuộc lại} {sự sống (đời đời) ⇔ linh hồn} của mình (sau khi đã đánh mất nó)?/! **27** (Vì vậy hãy hy sinh tất cả mà theo Ta, ⇔ Vì vậy hãy theo Ta không kể điều mình phải bỏ,) bởi vì ⁶¹¹{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng trở nên con người} sẽ/sấp (rời khỏi đây và rồi) trở lại (trái đất) ⁶¹²{với ⇔ cùng với} các thiên sứ của Chúa/Ta ^{GTK613}{trong/với ⁶¹⁴sự vinh quang của/từ ⇔ với sự bày tỏ quyền năng/thẩm quyền lớn lao đã được ban cho Ta bởi ⇔ với sự hiện diện huy hoàng của} (Đức Chúa Trời) Cha Ta. Rồi Ngài/Ta sẽ ⁶¹⁵thưởng phạt/báo trả cho mọi người tùy theo công việc của họ. **28** ^{GTK616}{A-men/Phải, (điều này sẽ xảy ra,) (và) Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm với con rằng} {có một số người đang đứng tại đây ⇔ một số các con đang ở đây (ngày hôm nay)} ⁶¹⁷sẽ không {ném/kinh nghiệm sự chết ⇔ chết} trước khi các con thấy ⁶¹⁸{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng trở nên con người} ^{GTK619}trở lại {với vương quốc của Ta ⇔ như một vị Vua ⇔ để cai trị nhân loại}.”

-
- ⁶⁰⁹ **16:26** Đa số các bản dịch tiếng Việt (BDM, BDC, BDY) đều dùng “**linh hồn**” cả hai lần trong câu 26 như một thành ngữ để chỉ “sự sống đời đời”. Tuy nhiên, sự nối kết các câu 25–26 có thể sẽ rõ ràng hơn nếu dùng “**sự sống (đời đời)**”. Hãy xem điều bạn đã làm trong câu 25.
- ⁶¹⁰ **16:26** Bạn có thể nói: “...(nếu một người mất) {sự sống (đời đời) ⇔ linh hồn}, ^{CH}{thì người ấy lấy gì ⇔ không có gì mà người ấy có thể} trả {để đổi nó ⇔ để mua lại nó}?/!”
- ⁶¹¹ **16:27** Như thường lệ, phải nói rõ là Chúa Giê-su đề cập đến chính Ngài như là “**Con Người**”.
- ⁶¹² **16:27** Trong bản Hy-lạp nhóm từ này được đặt ở cuối câu. Hãy xem BDM, BDC, BCG.
- ⁶¹³ **16:27** “**trong sự vinh quang của Cha Ngài**” không được nói rõ trong ngữ cảnh này. Nhóm từ này có thể đề cập đến sự vinh quang mà Đức Chúa Trời **đã ban** cho Chúa Giê-su (như nói ở trong Ma 24:30). Hay nó có thể nói đến sự vinh quang của **Đức Chúa Trời** khi Chúa ở cùng với Chúa Giê-su. Bạn có thể nói: “...(và) được (Đức Chúa Trời) Cha **vinh hiển** đi cùng.” Hay bạn có thể nói: “...cho thấy quyền năng/thẩm quyền lớn lao/lạ lùng mà Đức Chúa Trời đã ban cho Ta (để đoán xét/cai trị mọi người).”
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ma-thi-ơ 24:29–31, 25:31–46 nói nhiều hơn về Chúa Giê-su trở lại đoán xét và cai trị nhân loại.
- ⁶¹⁴ **16:27** “**vinh quang**” có thể nói đến quyền năng/thẩm quyền, sự hiện diện hay sự chói sáng. Vì ngữ cảnh nói đến sự đoán xét, nhiều bản dịch dùng “**quyền năng**” hay “**thẩm quyền**” ở đây.
- ⁶¹⁵ **16:27** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp “**thưởng phạt**” bao gồm cả sự ban thưởng và trừng phạt.
- ⁶¹⁶ **16:28** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “**A-men**” ở trong Ma 5:18.
- ⁶¹⁷ **16:28** Bạn có thể nói: “...sẽ **sống để thấy**...”
- ⁶¹⁸ **16:28** Có thể **không** lặp lại “Con Người” ở đây nghe tự nhiên hơn, vì đã dùng ở trong câu 27.
- ⁶¹⁹ **16:28** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ ở đây Chúa Giê-su đang đề cập đến sự sống lại của Ngài (hãy xem Rô-ma 1:4) và/hay sự thăng thiên của Ngài, được tiếp theo bởi sự giáng xuống của Đức Thánh Linh trong Lễ Ngũ Tuần. Tuy nhiên, những người khác nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói đến sự hoá hình (tức là, sự biến hoá về hình dáng bên ngoài) xảy ra một tuần sau (Ma-thi-ơ 17:1–8; xem 2 Phê-rô 1:16–18), hay sự chết, hay sự phá hủy thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 S.C., hay sự tăng trưởng của Hội Thánh, hay sự trở lại của Chúa Giê-su, hay tất cả những điều nói trên.

17:1-8 {(Chúa) Giê-su Hoá Hình ⇔ (Chúa) Giê-su Nói Chuyện Với Môi-se
Và Ê-li} Trên Đỉnh Núi

Mác 9:2-8; Lu-ca 9:28-36

17 1 <Và> sáu ngày sau (Chúa) Giê-su ⁶²⁰ đem (ông) Phê-rô {<và> (ông) Gia-cơ và em của (ông) Gia-cơ là ⁶²¹ (ông) Giăng ⇔ và hai anh em Gia-cơ và Giăng} {<và dẫn/đem họ lên> ⇔ và trèo với họ} lên (đỉnh của) một ⁶²² ngọn núi cao ở riêng (với Ngài). 2 <Và>/Tại đó ⁶²³ Ngài/(Chúa) Giê-su ⁶²⁴ hoá hình {ngay trước mặt họ ⇔ trong khi họ nhìn},/. {vậy nên ⁶²⁵ mặt của Ngài chiếu (sáng loà) như mặt trời và quần áo của Ngài trở nên {(trắng) như ánh nắng mặt trời ⇔ trắng xoá lên}. 3 <Rồi thì>/< hãy nhìn>/đột nhiên, ⁶²⁶ {(các tiên tri) Môi-se và Ê-li ⁶²⁷ xuất hiện trước mặt họ và ⇔ ba môn đệ (của Chúa Giê-su) thấy Môi-se và Ê-li xuất hiện} và nói chuyện với Ngài/(Chúa) Giê-su. 4 {Rồi thì ⇔ Khi Phê-rô thấy vậy,} Phê-rô/ông <đáp ứng> nói với (Chúa) Giê-su/Ngài: “Thưa Chúa, ⁶²⁸ (chúng ta/chúng tôi) ở đây thì tốt quá. Nếu Chúa muốn, ⁶²⁹ con/[chúng con] sẽ làm

⁶²⁰ 17:1 Bạn có thể nói: “...Chúa Giê-su bảo Phê-rô, ...Giăng đến với Chúa, vậy họ đi với Ngài và leo lên (đỉnh...” hay bạn có thể nói: “...đem/mang Phê-rô, ...Giăng đi riêng với (Chúa) lên (đỉnh) một núi cao.”

⁶²¹ 17:1 Có lẽ Giăng là em của Gia-cơ.

⁶²² 17:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mặc dù chúng ta không biết chắc là ngọn núi nào, đa số học giả nghĩ rằng đó là Núi Hết-môn ở cách thành phố Sê-sa-rê Phi-líp 19 km về phía đông bắc (thành phố được nhắc đến ở trong Mác 8:27) và cao hơn 2,750 mét. Truyền thống cho rằng ở núi Ta-bo, nhưng có lẽ không phải như vậy.

⁶²³ 17:2 Chỉ có hình dáng bên ngoài của Chúa thay đổi, không phải cá tính của Ngài. Tuy nhiên, hãy cẩn thận không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su trông giống như một quái vật.

⁶²⁴ 17:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sự hoá hình lớn nhất của Chúa Giê-su là khi Chúa, là Đức Chúa Trời, mang hình thể của một con người (Phi-líp 2:6-7).

⁶²⁵ 17:2 Có lẽ thu ngắn phần cuối của câu 2 nghe tự nhiên hơn: “...vậy nên mặt và quần áo của Ngài sáng loà như mặt trời.”

⁶²⁶ 17:3 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng một từ đặc biệt hay một cấu trúc văn phạm để nói đến một người đã chết từ lâu hay đã lên thiên đàng.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Môi-se và Ê-li là các tiên tri Cựu Ước đã sống hàng cả trăm năm trước khi Chúa Giê-su được sinh ra. Nhiều học giả nghĩ rằng trong ngữ cảnh này Môi-se tượng trưng cho “Luật Pháp” (tức là, năm sách của Môi-se viết) và Ê-li tượng trưng cho những sách còn lại của Cựu Ước mà đôi khi được người Do Thái gọi là “Kinh Tiên Tri”. Những sách này hợp lại thành Cựu Ước đã làm chứng/tiên tri về Đấng Cứu Thế bằng chữ viết, và bây giờ Môi-se và Ê-li chứng kiến tận mặt Đấng Cứu Thế.

⁶²⁷ 17:3 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Môi-se và Ê-li từ thiên đàng xuống nói chuyện với Chúa Giê-su. Môi-se đã chết và được Đức Chúa Trời chôn hằng trăm năm trước khi Chúa Giê-su giáng thế (Phục 34:5-6). Đức Chúa Trời cất Ê-li thăng lên thiên đàng trong một xe ngựa rục lửa và gió lốc (2 Vua 2:11).

⁶²⁸ 17:4 Đa số các học giả (BDM, BDC) nghĩ rằng “chúng ta” bao gồm cả Chúa Giê-su ở đây và có nghĩa là “(tất cả) chúng ta ở đây thì tốt quá.” Tuy nhiên, một số học giả (và BCG) nghĩ rằng ở đây không kể đến Chúa Giê-su và có nghĩa là: “chúng tôi nên ở đây (với Chúa, Môi-se và Ê-li thì hay quá!).”

ba ⁶³⁰{cái trại/lều ⇔ chỗ ở tạm} ở đây, một cái cho Chúa, <và> một cái cho Môi-se và một cái cho Ê-li.” 5 Trong khi ông/Phê-rơ còn đang nói, <hãy nhìn>/<đột nhiên> một ⁶³¹đám mây sáng rực ^{GTK632}{bao phủ ⇔ xuất hiện ⇔ vây quanh/bao trùm} (tất cả) mọi người, và <hãy nhìn>/<đột nhiên>, ⁶³³{có tiếng phán (của Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời phán ⇔ (các môn đệ nghe) Đức Chúa Trời phán (với họ)} từ (trong) đám mây: “Đây là ^{GTK634}{Con yêu dấu của Ta ⇔ Con mà Ta yêu} Người mà Ta rất đẹp lòng. Hãy nghe lời/ vâng lời Ngài!” 6 <Và> khi ba môn đệ (của Ngài) nghe (tiếng của Đức Chúa Trời ⇔ điều đó), họ ⁶³⁵{té sấp xuống đất kinh hãi vô cùng ⇔ sợ hãi đến nỗi ngã xấp mặt xuống đất}. 7 Rồi thì/Nhưng (Chúa) Giê-su đến chỗ họ, <và> vỗ vào họ, bảo: “Hãy đứng dậy, và {đùng ⇔ hãy thôi} sợ hãi!” 8 <Sau đó> khi (họ) {ngước mắt nhìn lên ⇔ nhìn lên chung quanh}, ⁶³⁶họ không thấy {ai cả ngoại trừ <một mình> (Chúa) Giê-su ⇔ Môi-se và Ê-li đâu cả, chỉ có (Chúa) Giê-su}.

17:9-13 {Câu Hỏi ⇔ Các Môn Đệ Của (Chúa) Giê-su Hỏi Ngài} Về Ê-li

Mác 9:9-13

9 <Và> trong khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và ba môn đệ của Ngài} trên đường xuống núi, (Chúa) Giê-su/Ngài dặn các môn đệ: ^{NGT637}“{Hãy ⁶³⁸khohan nói cho ai biết về ⇔ Hãy

⁶²⁹ 17:4 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY, BCG) có “**Ta**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số) có “**chúng tôi**”. Trong Mac 9:5 và Luca 9:33 nói rõ rằng Gia-cơ và Giăng sẽ giúp Phê-rơ.

⁶³⁰ 17:4 Những **trại/lều** này được làm bằng các cành cây khô và nhánh lá cây mà các môn đệ có thể tìm được ở trên núi.

⁶³¹ 17:5 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một đám mây cũng là dấu hiệu của sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong Xuất 13:21–22, 16:10, 19:9, 34:5, 40:34–38; Sách Lê-vi 16:2 và Dân Số 9:15–22; 11:25. Đặc biệt là điều này sẽ nhắc nhở cho người Do Thái nhớ lại khi Đức Chúa Trời hiện ra với Môi-se trên Núi Si-nai trong Xuất 24:15–18.

⁶³² 17:5 Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC) nghĩ rằng đám mây xuất hiện **che phủ** tất cả mọi người có mặt. Tuy nhiên, nhiều người nghĩ (và BDY, BCG) rằng đám mây **vây quanh/bao phủ** tất cả mọi người, hay có lẽ chỉ bao phủ Chúa Giê-su, Ê-li và Môi-se, vì tiếng phán của Đức Chúa Trời phát ra từ đám mây.

⁶³³ 17:5 Cần nên rõ là **Đức Chúa Trời** phán ở đây, **không phải** người ta hay thiên sứ. Hãy xem điều bạn làm trong một trường hợp tương tự trong Ma 3:17.

⁶³⁴ 17:5 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Con yêu dấu**” trong Ma 3:17, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁶³⁵ 17:6 Vì **sợ hãi** là điều **khiến** các môn đệ của Chúa Giê-su **ngã** xuống đất, một số bản dịch thay đổi **thứ tự** của câu này để cho thấy rõ điều đó. **Không nên** làm người đọc hiểu là các môn đệ ngã xuống vì một tai nạn.

⁶³⁶ 17:8 Hay bạn có thể nói: “...không có ai, ngoại trừ Chúa Giê-su, ở đó.” Hay bạn có thể nói: “...Môi-se và Ê-li đã đi rồi, và chỉ còn Chúa Giê-su ở đó.”

⁶³⁷ 17:9 Nếu dùng một **câu đối thoại gián tiếp** ở đây, bạn có thể nói: “Chúa Giê-su bảo/ra lệnh cho họ (khoan) nói cho ai biết về ...”

⁶³⁸ 17:9 Sau này các môn đệ có thể nói cho những người khác biết, nhưng **không phải** lúc này.

chờ đợi đừng nói cho người khác biết về} ⁶³⁹{khả tượng ⇔ điều các con vừa thấy xảy ra} (trên núi) ⁶⁴⁰ cho tới sau khi {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} ^{GTK641} được (Đức Chúa Trời) làm cho sống lại từ kẻ chết.” **10** Rồi thì ⁶⁴²{các môn đệ [của Ngài] ⇔ họ} hỏi Chúa: “Vậy tại sao các chuyên gia Kinh Luật nói rằng ^{NTT}(tiên tri) ⁶⁴³Ê-li phải trở lại trước (và rồi) (Đấng Cứu Thế sẽ đến)?” **11** <Sau đó> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ <và nói>: “(Đúng/Thật như vậy,) Ê-li phải đến (trước) {và <sẽ đến> ⇔ để} {phục hồi lại mọi sự ⇔ chuẩn bị người ta ⇔ chuẩn bị mọi sự sẵn sàng} (cho sự đến của Đấng Cứu Thế ⇔ cho Ta đến). **12** Nhưng (thật ra,) Ta bảo các con {Ê-li ⇔ Ê-li mà họ đang chờ đợi} đã đến rồi, <và>/nhưng ⁶⁴⁴{chúng/người ta ⇔ một số người} đã không nhận ra {người ⇔ rằng người là Ê-li phải đến}, {thay vào đó ⇔ và vậy nên} họ {làm cho người bất cứ điều gian ác nào họ muốn ⇔ đối xử với người tàn tệ}. Cũng như vậy, ⁶⁴⁵{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} cũng sắp chịu đau đớn {bởi họ ⇔ trong tay họ}.” **13** Lúc ấy các môn đệ (của Chúa Giê-su) hiểu rằng ⁶⁴⁶{(Chúa) Giê-su đang nói với họ về Giăng Báp-tít (là người giống như Ê-li) ⇔ Giăng Báp-tít (là Ê-li) mà (Chúa) Giê-su đang nói với họ ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su đang nói đến Giăng Báp-tít (là Ê-li mà họ đang chờ đợi)}.

⁶³⁹ **17:9** Hãy chắc chắn rằng khi chuyển ngữ “khả tượng” thì cho thấy rõ là điều họ đã thấy thật sự xảy ra.

⁶⁴⁰ **17:9** Một số ngôn ngữ không thể nói “cho tới khi” một cách trực tiếp và vì vậy họ nói: “...trong khi (Ta,) Con Người chưa sống lại từ kẻ chết.”

⁶⁴¹ **17:9** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích động từ này ở thể thụ động có nghĩa là “được (Đức Chúa Trời) làm cho) sống lại” ở đây. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng thể thụ động ở đây được dùng như thể chủ động nên có nghĩa là “sống lại”. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 9:25.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các môn đệ của Chúa Giê-su không hiểu được công việc của Chúa như là Con Đức Chúa Trời cho tới sau khi Chúa đã chết và được sống lại.

⁶⁴² **17:10** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “của Ngài” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁶⁴³ **17:10** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dựa trên Ma-la-chi 3:1, 4:5–6 người Do Thái đang trông đợi Ê-li trở lại thế gian ngay trước khi Đấng Cứu Thế sẽ đến. Tuy nhiên, họ không mong đợi Ê-li đến để chịu đau đớn.

⁶⁴⁴ **17:12** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ở đây Chúa Giê-su đặc biệt nghĩ đến những nhà lãnh đạo Do Thái là những người không tin sứ điệp của Giăng. Đa số những người khác tin rằng Giăng là một tiên tri của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 14:5, 21:26), nhưng họ có thể không ý thức rằng Giăng là Ê-li mà Đức Chúa Trời nói là sẽ sai đến.

⁶⁴⁵ **17:12** Bạn có thể nói: “...chúng sắp làm cho (Ta,) Con Người phải chịu đau đớn.”

⁶⁴⁶ **17:13** Bạn có thể muốn lặp lại ở đây một phần **LỜI CHÚ THÍCH** về Giăng Báp-tít trong Ma 3:4. Hay bạn có thể muốn dùng **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Vì Giăng Báp-tít là Ê-li, có nghĩa là Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về Giăng ở Ma-thi-ơ 3:4.

17:14-21 (Chúa) Giê-su ⁶⁴⁷Chữa Lành Một Cậu Bé Bị Quỷ ⁶⁴⁸Ám/Điều Khiển,
Và Dạy Về Sự Quan Trọng Của Đức Tin

Mác 9:14-29; Lu-ca 9:37-43a

14 Sau đó (họ ⇔ (Chúa) Giê-su và ba môn đệ của Ngài) (đã từ trên núi đi xuống và) đến (một nơi mà) đám đông đã (tụ họp). Một người (từ trong đám đông) đến với Ngài/(Chúa) Giê-su, quỳ xuống (trước mặt Ngài), 15 và xin: “^{GTK649}(Thưa) Thầy/Ngài, (xin) {hãy thương xót ⇔ hãy nhân từ với} con của tôi (và chữa lành cho nó), bởi vì ⁶⁵⁰nó đang mắc bệnh kinh phong đau đớn lắm! <V> {nó thường té ⇔ cơn động kinh thường làm nó té ⇔ bệnh của nó thường khiến nó té} vào trong lửa (nấu ăn) và ⁶⁵¹<thường> té xuống nước/sông. 16 <V> tôi đã đem nó đến cho ^{GTK652}các môn đệ của Ngài, nhưng họ không ⁶⁵³chữa trị nổi.” 17 {<Sau đó> (Chúa) Giê-su/Ngài <trả lời> ⇔ Khi (Chúa) Giê-su/Ngài nghe vậy, Ngài} nói ^{GTK654}(với mọi người ⇔ với các môn đệ ⇔ về các người thời đó): ⁶⁵⁵“{Ôi ⇔ Thật là ⇔ Các người là} một thế hệ không có đức tin/vô tín và gian ác! ^{CH656}Ta còn phải ở với các người cho đến bao giờ (thì mới tin nơi Ta)? ^{CH}Ta phải {kiên nhẫn với ⇔ chịu đựng} {các người ⇔ sự vô tín của các người} cho đến chừng nào? Hãy

⁶⁴⁷ (Tiểu Đề) Bạn có thể nói: “Chúa Giê-su Đuổi/Trừ Tà Linh Ra khỏi Thành Bé Và...”

⁶⁴⁸ (Tiểu Đề) Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “bị quỷ ám/điều khiển” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:24, 8:16, 28, 33 và tiểu đề; tiểu đề ở 9:32, (11:18), 12:22, (45); 15:22, 17:14. Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về điều này ở trong Ma-thi-ơ 4:24.

⁶⁴⁹ 17:15 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “(Thưa) Thầy/Ngài” ở trong Ma 15:22.

⁶⁵⁰ 17:15 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “động kinh” ở trong Ma 4:24, và xem LỜI CHÚ THÍCH ở đó. Đôi khi, giống như ở đây, tà linh gây ra bệnh động kinh.

⁶⁵¹ 17:15 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa **tổng quát** và có thể nói đến sông, hồ, ao hay giếng nước.

⁶⁵² 17:16 Bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết rõ “các môn đệ của Ngài” ở đây có kể tất cả các môn đệ của Chúa Giê-su hay không. Nếu có kể, thì có nghĩa là ông này đã xin các môn đệ giúp đỡ ông ta trước hay sau khi ba môn đệ lên núi với Chúa Giê-su. Tuy nhiên, nếu người đàn ông này xin giúp đỡ trong khi Chúa Giê-su và ba môn đệ ở trên núi (giống như Mác 9:14–17 cho thấy), thì chỉ có chín môn đệ được kể đến thôi. Theo cách giải thích đó bạn có thể nói “(một số) các môn đệ của Ngài”.

⁶⁵³ 17:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trước đó các môn đệ của Chúa Giê-su đã có thể chữa lành cho người ta và đuổi/trừ tà linh ra khỏi người ta (Ma-thi-ơ 10:1).

⁶⁵⁴ 17:17 Bản Hy-lạp **không** nói rõ Chúa Giê-su đang nói chuyện với ai ở đây. Chúng tôi nghĩ là Chúa trả lời cho người vừa mới nói. Tuy nhiên, có vẻ như sự không tin của các môn đệ của Ngài nhắc nhở Chúa nhớ đến sự vô tín chung của mọi người mà Chúa đang gặp phải, vậy nên hoặc Chúa nói chuyện với các môn đệ của Ngài hay cho mọi người ở đó về sự vô tín chung. Chỉ nói rõ Chúa Giê-su đang nói chuyện với ai nếu cần.

⁶⁵⁵ 17:17 “Ôi” là một lời **thán từ** cho thấy sự buồn chán và thất vọng. Hãy dùng một từ như vậy ở trong ngôn ngữ của bạn nghe cho có vẻ tự nhiên. Bạn có thể nói: “{Thế hệ này ⇔ Các người} **thật** là gian ác và vô tín!” Hãy xem “thán từ” trong **Danh Sách Từ Ngữ**.

⁶⁵⁶ 17:17 Nếu trong ngôn ngữ của bạn dùng **câu hỏi tu từ** ở đây **không** thích hợp, bạn có thể chuyển sang **một lời tuyên bố** từ câu hỏi sau đây và nói: “Thật là đáng buồn vì các người vẫn không tin Ta mặc dù Ta đã ở với các người bao lâu nay!”

đem {nó ⇔ thằng bé} đến đây <cho Ta>!” **18** <Và> (sau khi ⁶⁵⁷ họ đã mang đứa bé/nó đến), (Chúa) Giê-su/Ngài ^{NTT}{quở ⁶⁵⁸ nó ⇔ ra lệnh cho ⁶⁵⁹ con quỷ (khiến cho thằng bé bị động kinh) (xuất khỏi thằng bé)} và {con quỷ ⇔ nó} xuất ra khỏi thằng bé, {và ⇔ như vậy} {kể từ đó ⇔ lập tức} thằng bé được (Chúa Giê-su) chữa lành/giải phóng (khỏi bệnh động kinh ⇔ khỏi con quỷ và ảnh hưởng của nó).

19 {Sau đó ⇔ Sau đó một chút,} các môn đệ (của Chúa Giê-su) đến gặp riêng Chúa (và) (một người trong các môn đệ) hỏi (Ngài): “Tại sao chúng con không thể đuổi/trừ con quỷ ra (khỏi thằng bé) được?” **20** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ: “(Các con không thể làm được điều ấy,) bởi vì ⁶⁶⁰ {đức tin yếu đuối/nhỏ bé của các con ⇔ [sự vô tín]} của các con ⇔ các con không có đủ đức tin/tin cậy nơi Đức Chúa Trời ⇔ các con đã không thật sự tin rằng Đức Chúa Trời có thể làm được điều ấy}. ^{GTK661}{A-men/Phải, (đó là lý do các con không thể làm được,) vì/nhưng Ta bảo các con, ⇔ Vì/Nhưng thật Ta bảo các con, ⇔ Vì/Nhưng Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} nếu các con có {đức tin (dù) chỉ (nhỏ) bằng ⁶⁶² hạt cải/rất nhỏ ⇔ ngay cả đức tin nhỏ/yếu nhất (nơi Đức Chúa Trời)}, các con có thể bảo núi này, ^{NGT}‘Hãy dời khỏi chỗ này qua chỗ kia, thì nó sẽ {dời qua đó ⇔ vâng lời các con}. <Và> (nếu các con có đức tin nhỏ bé/yếu đuối trong Đức Chúa Trời,) ⁶⁶³{không có điều gì các con không làm được ⇔ các con có thể làm bất cứ điều gì}. **21** ⁶⁶⁴{[Nhưng

⁶⁵⁷ **17:18** Lu-ca 9:41–42 nói rằng cha của thằng bé bị quỷ ám đem nó đến với Chúa Giê-su. Sứ đồ Ma-thi-ơ và môn đệ Mác cho thấy là ông ta được những người khác giúp đỡ.

⁶⁵⁸ **17:18** Trong bản Hy-lạp đại từ dùng ở đây có thể nói đến **thằng bé** hay **con quỷ**. Theo văn phạm, có vẻ như đại từ này nói đến thằng bé. Tuy nhiên, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó nói đến con quỷ (như đã được nói rõ ở trong Mác 9:25).

⁶⁵⁹ **17:18** Cần nên rõ là một con quỷ **khiến cho** thằng bé bị động kinh (câu 15). Qua suốt tiểu đoạn này bạn có thể chuyển ngữ “quỷ” là “tà linh”.

⁶⁶⁰ **17:20** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “bởi vì sự **vô tín**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) dùng “bởi vì các con ít **đức tin**”. “**Vô tín**” thích hợp với ngữ cảnh nhất, vì sau này trong câu 20 chỉ cần “một ít đức tin” là có thể dời núi được.

⁶⁶¹ **17:20** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “**A-men**” ở Ma 5:18.

⁶⁶² **17:20** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **hột cải** trong Ma 13:31, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Nếu **không thể** so sánh đức tin với lại kích thước của một hạt giống, bạn có thể chỉ nói: “nếu các con tin/tin cậy nơi Đức Chúa Trời một chút, các con có thể bảo...”

⁶⁶³ **17:20** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: “không có điều gì” muốn nói đến bất cứ điều gì theo ý muốn của Đức Chúa Trời, chứ không phải bất cứ điều gì.

⁶⁶⁴ **17:21** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY, BCG) có **câu 21**. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có câu đó. BDM và BDC để vào **LỜI CHÚ THÍCH**. Ủy ban phiên dịch có thể: (1) để câu 21 trong đoạn kinh văn; (2) để câu 21 trong một **LỜI CHÚ THÍCH**; hay (3) bỏ qua không để vào. Nếu câu 21 được để vào trong đoạn kinh văn, bạn có thể: (1) để nó vào trong ngoặc vuông (hay dùng một cách nào khác để đánh dấu); (2) kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** giải nghĩa về câu đó; hay (3) không đánh dấu bằng cách nào hết. Muốn biết thêm chi tiết xin xem mục số 6 trong phần **Chú Giải Ký Hiệu** ở phía trước của sách này và “cách viết khác nhau” trong **Danh Sách Từ Ngữ** ở phần sau của sách này.

⇔ Có một lý do khác nữa (mà các con không thể ⁶⁶⁵đuổi/trừ ⁶⁶⁶con quỷ xuất ra) là ^{GTK667}loại (quỷ) đó chỉ trừ được bằng sự cầu nguyện và ⁶⁶⁸kiêng ăn.”

17:22-23 (Chúa) Giê-su ⁶⁶⁹Lại ⁶⁷⁰{Nói Tiên Tri Về Sự Chết Và Sự Sống Lại Của Ngài ⇔ Nói Với Các Môn Đệ ^{NTT}Rằng Chúa Sẽ Bị Giết Nhưng Sẽ Được Đức Chúa Trời Làm Cho Sống Lại}

Mác 9:30-32; Lu-ca 9:43-45

22 <Sau đó> khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài} ⁶⁷¹{tụ họp lại ⇔ [đang ở tại]} (tỉnh) Ga-li-lê, (Chúa) Giê-su/Ngài phán: “{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng đã trở nên một con người} sắp bị ^{GTK672}{(Đức Chúa Trời) giao nộp ⇔ (một người) phản bội giao} vào tay của loài người/người ta. 23 <Và> họ sẽ giết Ngài/Ta, nhưng ⁶⁷³vào ngày

⁶⁶⁵ 17:21 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “đuổi/trừ...ra khỏi”, khi nói về tà linh trong sách Ma-thi-ơ.

Hãy xem Ma 7:22, 8:16, 8:31 và tiểu đề, 9:33–34, 10:1, 8; 12:(22), 24, 26–29, (43); (15:28), 17:(18), 19, (21). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 8:16. Cùng một động từ được dùng để nói về Chúa Giê-su đuổi người ta ra khỏi đền thờ ở Ma 21:12 và tiểu đề.

⁶⁶⁶ 17:21 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “quỷ” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:24, 7:22, 8:16, 28–33 và tiểu đề; 9:32–34; 10:8, 11:18, 12:22, 24, 26–29; 15:22, (28); 17:18, (19, 21) và tiểu đề. So sánh với cách bạn chuyển ngữ “uế linh” ở Ma 10:1, 12:43, (45) và tiểu đề. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 10:1.

⁶⁶⁷ 17:21 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “loại đó” đề cập tới một loại quỷ nhất định. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ là nó chỉ nói tổng quát: “các quỷ không rời khỏi...”

⁶⁶⁸ 17:21 “Kiêng ăn” là nhịn không ăn, để tỏ lòng khiêm nhường nhờ cậy Đức Chúa Trời. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** chi tiết về kiêng ăn ở Ma 4:12, 6:16.

⁶⁶⁹ (Tiểu Đề) Một số bản dịch nói rằng đây là lần thứ hai Chúa Giê-su nói về sự đau đớn mà Chúa sắp phải trải qua. Tuy nhiên, Chúa Giê-su đã đề cập tới điều này ở trong Ma 16:21 và 17:12 và Chúa có thể nói vào những lúc khác nữa mà không được Ma-thi-ơ ghi lại.

⁶⁷⁰ (Tiểu Đề) Hãy xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề tương tự ở Ma 16:21.

⁶⁷¹ 17:22 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “đang ở” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) có “tụ họp”.

⁶⁷² 17:22 Bản Hy-lạp có thể nhiều hơn một ý nghĩa trong ngữ cảnh này. Nhiều học giả Kinh Thánh (BDM, BDC, BCG) nghĩ rằng “(Đức Chúa Trời) giao nộp”, có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất, vì Chúa Giê-su bị giao vào tay loài người. Tuy nhiên, nhiều học giả khác (BDY) nghĩ rằng nó có nghĩa là “bị (một người) phản bội”, muốn nói đến Giu-đa. Nó có thể có cả hai ý nghĩa. Trong trường hợp quan trọng như thế này khi mà mỗi sự giải thích đều có nhiều học giả hỗ trợ, có lẽ tốt nhất là để cả hai sự giải thích trong bản dịch, một trong kinh văn và một trong **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bản Hy-lạp không nói rõ ở đây. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “(một người) phản bội giao”, đề cập tới Giu-đa. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng “(Đức Chúa Trời) giao nộp”. Đức Chúa Trời là Đấng hy sinh Con Ngài Chúa Giê-su cho toàn thể nhân loại. Đức Chúa Trời là Đấng giao nộp Chúa Giê-su vào tay loài người (hãy xem Giảng 3:16, Công Vụ 2:23, Rô-ma 8:32).

⁶⁷³ 17:23 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “vào ngày thứ ba” trong Ma 16:21, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

thứ ba Ngài/Ta sẽ được (Đức Chúa Trời) làm cho sống lại (từ kẻ chết).” {<Và> ⁶⁷⁴(khi các môn đệ của Ngài/Chúa Giê-su nghe nói rằng Ngài/Chúa Giê-su sẽ bị giết,) ⇔ Vì có đó} {họ ⇔ các môn đệ của (Chúa) Giê-su} rất buồn rầu.

17:24-27 (Chúa) Giê-su Trả Thuế Đền Thờ

24 Sau đó {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài} trở lại (thành phố) Ca-bê-na-um. (Tại đó ⇔ Một ngày kia) những người thu ⁶⁷⁵ thuế đền thờ đến gặp Phê-rô và hỏi ông: ⁶⁷⁶“Thầy của các ông có trả thuế đền thờ, phải không?” 25 Ông/Phê-rô ^{NGT}{trả lời (họ): “Phải.” ⇔ bảo đảm với họ rằng (Chúa) Giê-su ⁶⁷⁷ đã/sẽ trả thuế.}

Sau đó, ^{GTK678} ông/Phê-rô đi vào nhà (nơi Chúa Giê-su ở), (nhưng) {(Chúa) Giê-su hỏi Phê-rô trước ⇔ trước khi Phê-rô đề cập đến vấn đề thuế, (Chúa) Giê-su hỏi ông}: “Si-môn {con nghĩ sao? ⇔ Ta có một câu hỏi cho con.} Các vua thế gian thu thuế của ai? {Từ ^{GTK679} con trai/con cái/công dân của họ hay từ ^{GTK} người lạ/người ngoại quốc? ⇔ Từ người nhà hay người lạ?}” 26 <Sau đó> ⁶⁸⁰[Phê-rô/ông] trả lời ⁶⁸¹[Ngài]: “(Họ chỉ thu thuế) của ^{GTK682} người lạ/người ngoại quốc/người khác.” (Chúa) Giê-su nói với ông: “(Đúng như

⁶⁷⁴ 17:23 Các môn đệ của Chúa Giê-su buồn bã vì Chúa Giê-su phải chịu đau đớn và chết, **không** phải vì Chúa sẽ được sống lại.

⁶⁷⁵ 17:24 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mọi người đàn ông Do Thái, từ 20 tuổi trở lên, bị bắt buộc phải trả thuế đền thờ hằng năm một số tiền tương đương với lương của hai ngày làm việc. Thuế này được dùng để bảo trì đền thờ. Thuế này được nhắc đến ở trong Xuất 30:13–16, 2 Sử Ký 24:9–14 và Nê-hê-mi 10:32.

⁶⁷⁶ 17:24 Hình thức của câu hỏi được dùng ở đây trong bản Hy-lạp cho thấy là các người thu thuế nghĩ là Phê-rô sẽ trả lời: “Phải, Ngài trả thuế.” Nếu trong ngôn ngữ của bạn không thể hỏi câu hỏi như vậy, bạn có thể nói: “Thầy của các ông có trả thuế đền thờ không?”

⁶⁷⁷ 17:25 Chúa Giê-su **chưa** trả thuế đền thờ cho năm này. Phê-rô đang nói với các người thu thuế rằng Chúa Giê-su vẫn hằng trả tiền thuế.

⁶⁷⁸ 17:25 Bản Hy-lạp **không** nói rõ là Phê-rô với Chúa Giê-su và các môn đệ khác cùng đi về nhà, hay Chúa Giê-su đã ở nhà sẵn khi Phê-rô tới. Cả hai điều này đều có thể xảy ra. Nếu bạn chọn cách thứ nhất bạn có thể nói: “Sau khi {họ ⇔ Chúa Giê-su và các môn đệ} đi vào nhà (nơi họ đang ở), (nhưng) trước khi (Phê-rô nói về thuế đền thờ), Chúa Giê-su hỏi ông...”

⁶⁷⁹ 17:25 Nhiều học giả Kinh Thánh giải thích “**các con trai... người lạ**” như là một thành ngữ đề cập đến “công dân... người ngoại quốc”. Tuy nhiên, nhiều học giả khác (BDM, BDC, BDY, BCG) giải thích từng từ một theo nghĩa “người nhà... người khác”. Các vua thường đánh thuế các công dân và người ngoại quốc đang sống trong nước của họ, nhưng thường họ không đánh thuế những người trong gia đình, vậy nên cách giải thích thứ nhì có lẽ đúng. Có thể để một số thông tin này vào **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁶⁸⁰ 17:26 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BCG, BDY) có “**Phê-rô**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều người khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy dùng cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn để nói đến Phê-rô.

⁶⁸¹ 17:26 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**Ngài**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm theo cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁶⁸² 17:26 Trong câu 26, hãy nhất quán với các sự chọn lựa của bạn ở trong câu 25.

vậy,) vậy nên ^{GTK}các con trai/con cái/công dân (của họ) được ⁶⁸³miễn thuế. 27 Nhưng để chúng ta không ⁶⁸⁴làm tổn thương/bực bội cho {họ/người khác ⇔ những người thu thuế đền thờ} (bằng cách không đóng thuế), hãy đi ra ⁶⁸⁵Biển/Hồ Ga-li-lê và câu cá. <Và> <lấy> con cá đầu tiên (con) bắt được, <và> mở miệng nó ra con sẽ thấy ⁶⁸⁶{một đồng bạc ⇔ một đồng bạc đủ để trả thuế đền thờ cho hai người ⇔ đủ tiền để trả thuế cho chúng ta}. ⁶⁸⁷Hãy lấy đồng bạc ấy và đưa cho {họ ⇔ những người thu thuế} (để trả thuế) cho {Ta và con ⇔ chúng ta}.” ^{GTK688}(Vậy Phê-rô làm theo điều Chúa Giê-su bảo ông làm.)

⁶⁸³ **17:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Điều Chúa Giê-su nói ở đây cho thấy rõ Chúa là Con Đức Chúa Trời và các môn đệ của Ngài là con cái Đức Chúa Trời, vậy nên họ không cần phải trả thuế đền thờ. Thật ra, Chúa Giê-su còn lớn hơn là đền thờ nữa (Ma-thi-ơ 12:6); Ngài là Đấng mà Y-sơ-ra-ên đang chờ đợi. Người ta nên tôn kính Chúa, không phải đền thờ.

⁶⁸⁴ **17:27** Bạn có thể nói: “Nhưng chúng ta không muốn người ta nổi giận với chúng ta, vậy nên hãy đi tới Hồ Ga-li-lê...”

⁶⁸⁵ **17:27** Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “**hồ**” và “**Biển Ga-li-lê**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:13, 15, 18; 8:18, 23–24, 26 và tiểu đề, 28, 32; 9:1, 13:1, 47, (53); 14:22 và tiểu đề, 14.[24]–26, (34) và 15:29, 39; 16:5, 17:27. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 4:13.

⁶⁸⁶ **17:27** Một **đồng bạc** đủ để trả thuế đền thờ cho Chúa Giê-su và Phê-rô.

⁶⁸⁷ **17:27** Có thể **rút ngắn** câu này và nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Hãy dùng nó để trả thuế đền thờ cho chúng ta.”

⁶⁸⁸ **17:26** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Phê-rô thật sự **làm** điều Chúa Giê-su bảo ông làm. Tuy nhiên, một số học giả cho rằng Chúa Giê-su chỉ nói đùa và cách mà Chúa nói để lấy tiền cho thấy rõ ý này hơn. Vì bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết việc gì đã xảy ra, tốt nhất là không nên nói rõ điều gì đã xảy ra, trừ khi ngôn ngữ của bạn đòi hỏi.

Bài Giảng 4: Chương 18 (Chúa) Giê-su Dạy Riêng Các Môn Đệ Về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời

18:1-6 ¹ Ai là người {Lớn Hơn Hết ⇔ Quan Trọng Hơn Hết} {Trong Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Được Đức Chúa Trời Cai Trị}?

Mác 9:33-42; Lu-ca 9:46-48, 17:1-2

18 ¹ {Lúc ấy ⇔ Ngay sau đó} Các môn đệ (của Chúa Giê-su) đến với Chúa và hỏi (Ngài): “<Vậy thì> ai là người {lớn nhất ⇔ quan trọng nhất} {trên Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ trong những người Đức Chúa Trời cai trị}?” ² Vậy (Chúa Giê-su/Chúa) ^{NTT} gọi một ² đứa trẻ (gần đó) (đến với Ngài), {đặt nó ⇔ để nó đứng ⇔ bảo nó ^{NTT} đứng} (kế bên Ngài) ở {giữa ⇔ trước mặt} {họ ⇔ các môn đệ của Chúa}, ³ và đáp: “^{GTK3} {A-men/Phải (đây là một đứa trẻ), (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} nếu các con không {thay đổi ⇔ ăn năn} và trở nên (khiêm nhường) giống như trẻ thơ, {các con sẽ không bao giờ vào được Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ cai trị các con ⇔ các con sẽ không bao giờ kinh nghiệm sự cai trị của Đức Chúa Trời trong đời sống của các con}. ⁴ Vì thế/Nhưng bất cứ ai {khiêm nhường (và trở nên) giống ⇔ trở nên khiêm nhường giống ⇔ giống} như đứa trẻ này <người ấy> là một trong những người lớn nhất {trong Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ được Đức Chúa Trời cai trị}. ⁵ {<Và> ⇔ Thí dụ,} nếu ai (khiêm nhường và) đón tiếp/tiếp nhận ⁴ (bất cứ ai là người không quan trọng, ngay cả) một đứa trẻ như đứa trẻ này ^{GTK5} {trong danh của Ta ⇔ vì có Ta ⇔ bởi vì đứa trẻ/người ấy tin cậy nơi Ta}, người ấy (cũng) tiếp nhận/hoan nghênh Ta. ⁶ Nhưng nếu ai khiến cho ^{TD6} (một người) tin nơi Ta ^{GTK7} {vấp phạm (trong đức tin) ⇔ từ bỏ đức tin (nơi

¹ (Tiểu Đề) Tiểu đoạn này có thể có một tiểu đề khác là “Hãy khiêm nhường”.

² “đứa trẻ” này có lẽ không trên 10 tuổi.

³ **18:2** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

⁴ **18:5** Điều Chúa Giê-su đang nói ở đây áp dụng cho **mọi người** ở trong giai cấp thấp kém **không** phải chỉ với trẻ con. Chúa dùng **đứa trẻ** làm một thí dụ cho một người không quan trọng. Có thể tự nhiên hơn nếu nói: “...tiếp nhận (bất cứ ai) ^{GTK} trong danh của Ta, (ngay cả) một người kém quan trọng) như đứa trẻ này,...” Hãy chắc chắn rằng **không quan trọng** có nghĩa là “địa vị thấp trong xã hội”, **không phải** “không có giá trị”.

⁵ **18:5** Ý nghĩa của thành ngữ “**trong danh của Ta**” không rõ nghĩa trong ngữ cảnh này. Nó có thể có nghĩa là “**vì có Ta**” hay “**bởi vì đứa trẻ/người này tin nơi Ta**”. Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.

⁶ **18:6** Thứ tự của các từ theo bản Hy-lạp là “Nhưng hễ bất cứ ai khiến/làm cho một trong những đứa trẻ này tin nơi Ta ^{GTK} vấp phạm...Chúa Giê-su dùng “**một trong những đứa trẻ này**” như một thí dụ cho mọi người tin cậy nơi Ngài.

⁷ **18:6** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**khiến cho...vấp phạm**” ở Ma 5:29, tương tự như đoạn này, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.

Ta) ⇔ không tin tưởng (nơi Ta) ⇔ phạm tội}, (ngay cả) {một trong những đứa trẻ này ⇔ một người không quan trọng giống như đứa trẻ này}, {(thay vì bị Đức Chúa Trời trừng phạt,) tốt hơn cho người ấy là ⇔ sự trừng phạt Đức Chúa Trời dành cho người ấy về việc làm của mình còn tệ hơn là ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt người ấy nghiêm trọng hơn là} đeo/buộc ⁸{cối xay do lừa (kéo) ⇔ một cối đá lớn/nặng} ⁹vào chung quanh cổ và (ném xuống) biển sâu cho chết đuối.”

18:7-9 ^{GTK10}**Hãy Tránh Bất Cứ Điều Gì Khiến/Cám Đồ Các Con**
^{GTK}{Vấp Phạm (Trong Đức Tin Nơi Chúa Giê-su) ⇔ Phạm Tội ⇔
 Từ Bỏ Đức Tin (Nơi Chúa Giê-su)}

Mác 9:43-48

7 ¹¹(Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài:)
 “¹²{Khốn cho ⇔ Thật là kinh khủng cho} (người của) thế gian bởi vì (có rất nhiều) điều
 khiến cho (họ/người ta) ^{GTK13}{vấp phạm (trong đức tin nơi Ta) ⇔ phạm tội ⇔ từ bỏ đức
 tin của họ (nơi Ta) ⇔ thôi không tin tưởng (nơi Ta)}. <Vi> ¹⁴{việc đó tất nhiên phải xảy
 ra ⇔ chắc chắn sẽ có việc đó xảy ra} khiến/cám đồ người ta ^{GTK}{vấp phạm (trong đức tin)
 ⇔ phạm tội ⇔ từ bỏ đức tin nơi Ta ⇔ thôi không tin tưởng Ta}, nhưng {khốn thay ⇔ sự
 trừng phạt sẽ thật khủng khiếp cho ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt nặng nề} {người ⇔
 người ấy/bất cứ ai/những người} ^{GTK}{gây vấp phạm ⇔ khiến cho người khác vấp
 phạm/phạm tội ⇔ khiến cho người khác từ bỏ đức tin nơi Ta! 8 {<Và> ⇔ Thật ra, ⇔
 Thêm vào đó,} nếu ¹⁵bàn tay hay bàn chân của con ¹⁶khiến cho con ^{GTK17}{vấp phạm

⁸ **18:6** Loại **cối xay** này là một miếng đá hình tròn có một miếng gỗ được gắn vào đó để có thể buộc con lừa vào miếng gỗ này. Rồi thì khi con lừa đi vòng vòng, cối xay này quay trên một miếng đá tròn ở dưới xay các hạt lúa mì ở giữa ra thành bột. Cối xay có một lỗ tròn khoét ở chính giữa, và có thể cân nặng hàng trăm kí lô. Nếu trong địa bàn của bạn, không có cối xay như vậy, bạn có thể để thông tin ở trên vào một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hay bạn có thể nói: “nếu **đeo/buộc** một tảng đá **lớn/nặng** chung quanh cổ của người ấy”, để bạn khỏi đi xa khỏi điểm chính mà đoạn kinh văn muốn nói.

⁹ **18:6** Không nên làm người đọc hiểu lầm là cối xay được đeo vào như một vòng hoa. Nó được buộc vào cổ người ta.

¹⁰ (**Tiểu Đê**) Một số bản dịch (và BCG) bắt đầu **tiểu đoạn** này với câu 5 và một số người khác (và BDM) bắt đầu với câu 6 hay câu 8. Tuy nhiên, trong bản Hy-lạp câu 5 liên kết chặt chẽ với câu 4 và câu 6 tương phản với câu 5, nên có lẽ tốt hơn là để chung những câu ấy lại với nhau trong cùng một tiểu đoạn. Câu 8 liên hệ chặt chẽ đến câu 7, vậy nên để chung các câu này lại với nhau. BCG và BDY bắt đầu một đoạn mới ở câu 7 nhưng phối hợp tiểu đoạn này với tiểu đoạn trước.

¹¹ **18:7** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **công thức trích dẫn** ở Ma 5:13.

¹² **18:7** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Khốn**” trong Ma 11:21.

¹³ **18:7** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**vấp phạm**” trong câu 6. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

¹⁴ **18:7** Khi chuyển ngữ “**cần phải xảy ra**” không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su muốn cấm đồ đến hay sự cấm đồ là tốt. Chúa muốn nói là việc đó sẽ xảy ra.

¹⁵ **18:8** Chúa Giê-su nói một cách tổng quát ở đây, **không** phải nói riêng một người nào. Để cho rõ ý bạn có thể nói: “nếu tay của một người...” hay “bất cứ ai trong các con có tay...” hay “nếu tay người ta...”

(trong đức tin) ⇔ phạm tội ⇔ từ bỏ đức tin (nơi Ta) ⇔ không còn tin tưởng (nơi Ta)},
¹⁸hãy chặt nó đi và ném ra xa khỏi con, (bởi vì) tốt hơn cho con được {¹⁹vào sự sống (đời đời) mà thiếu tay hay thiếu chân ⇔ bị mất tay hay chân nhưng vẫn có sự sống (đời đời) (trong thiên đàng)} còn hơn là có cả hai bàn tay và cả hai bàn chân (mà) bị (Đức Chúa Trời) ném vào {lửa đời đời ⇔ địa ngục cháy đời đời}. 9 <Và>/Cũng vậy {nếu ²⁰một con mắt khiến/cám dỗ con ⇔ nếu con bị cám dỗ ²¹do nơi con mắt mà khiến con} ^{GTK22}{vấp phạm (trong đức tin nơi Ta) ⇔ phạm tội/đi xa ⇔ từ bỏ đức tin (nơi Ta) ⇔ thôi không tin tưởng (nơi Ta)}, hãy lấy/móc nó ra và ném (nó) xa khỏi con, bởi vì tốt hơn cho con ²³{còn/mù/mất một mắt ⇔ bị mù} (nhưng vẫn còn) ²⁴{được vào sự sống (đời đời) ⇔ sống (đời đời) (trên thiên đàng) ⇔ lên thiên đàng} hơn là {có cả hai mắt ⇔ có thể nhìn rõ} (mà) bị (Đức Chúa Trời) ném vào lửa địa ngục.”

**18:10-14 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn Về Một Con Chiên Đi Lạc ⇔
 Đùng Coi Thường Bất Cứ Ai ⇔ Đùng Khinh Thường Bất Cứ Người Nào}**

Lu-ca 15:3-7

10 (Rồi Chúa Giê-su nói: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài:) “{Hãy coi chừng ⇔ Hãy cẩn thận} đùng {coi thường ⇔ khinh bỉ ⇔ coi là không quan trọng} ²⁵(bất cứ ai là người theo Ta, ngay cả) {một trong (những đứa trẻ này) ⇔ người bị người

¹⁶ **18:8** Cần nên rõ là người ấy phải chịu trách nhiệm về tội lỗi của họ. Bàn tay và bàn chân (và mắt) không làm cho người ấy phạm tội. Bạn có thể nói: “Vì vậy nếu các con ^{GTK}vấp phạm/phạm tội do dùng bàn tay hay chân...” Hãy xem cách bạn dùng cho một trường hợp tương tự ở trong Ma 5:29–30, và xem các LỜI CHÚ THÍCH ở đó.

¹⁷ **18:8** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “vấp phạm” trong các câu 6–7.

¹⁸ **18:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong câu 8–9 Chúa Giê-su dùng cách nói phóng đại để cho thấy tội lỗi nghiêm trọng đến mức nào. Chúa Giê-su không muốn con người thật sự chặt tay hay chân hay móc mắt và ném đi (làm như vậy không giải quyết được vấn đề gì cả). Chúa muốn họ bỏ đi nguồn gốc của tội lỗi là điều ở trong tấm lòng/tâm trí của họ. Nói một cách khác, họ phải ăn năn, quay lại với Đức Chúa Trời, và sống theo ý Ngài. Hãy xem sự dạy dỗ tương tự ở trong Ma-thi-ơ 5:29–30.

¹⁹ **18:8** Chuyển ngữ “vào sự sống” không nên có nghĩa là “sanh ra”.

²⁰ **18:9** Trong bản Hy-lạp hàm ý rằng dùng cả hai mắt—không phải mắt bên phải nhìn một cách độc lập với mắt trái. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “Cũng vậy, nếu mắt của con khiến cho con ... thì tốt hơn là con mù mà được vào sự sống (đời đời)...” Để cho thấy rõ là con người, chứ không phải mắt, chịu trách nhiệm về tội lỗi, bạn có thể nói: “Cũng vậy, nếu con nhìn vào một cái gì khiến cho con phạm tội...” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một trường hợp tương tự ở trong 5:29.

²¹ **18:9** Bạn có thể nói: “...nhìn vào một vật gì mà...”

²² **18:9** Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về “vấp phạm” trong câu 6. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ nó qua các câu 6–9.

²³ **18:9** Bạn có thể nói: “...{còn một mắt ⇔ mất một mắt ⇔ mù một mắt ⇔ mù}...”

²⁴ **18:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “vào sự sống đời đời” trong câu 8.

²⁵ **18:10** Như trong câu 6, “một trong những đứa trẻ này” là một thí dụ của mọi người tin nơi Chúa Giê-su.

khác cho là không quan trọng}, vì Ta bảo các con ²⁶{các thiên sứ của chúng ⇔ các thiên sứ chăm sóc chúng} (ở) trên thiên đàng luôn luôn {nhìn vào mặt của ⇔ ở trong sự hiện diện của ⇔ có thể kêu nài cho chúng trước mặt} (Đức Chúa Trời,) ²⁷Cha của Ta <Đấng ở trên thiên đàng>. **11** ²⁸<Vì> {(Ta,) ²⁹Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} đã đến (thế gian này) để cứu những người {hư mất (trong tội lỗi của họ) ⇔ đang sống trong tội lỗi/sự vô tín ⇔ phân cách khỏi Đức Chúa Trời}.]

12 “{Các con nghĩ thế nào? ⇔ Hãy nghĩ tới thí dụ này:} Nếu ³⁰một người có ³¹{một trăm ⇔ nhiều} chiên và có một con đi lạc, ^{CH}người ấy chắc hẳn sẽ bỏ {99 con chiên ⇔ bảy chiên còn lại} ³²trên đồi/núi ³³(trong một chỗ an toàn ⇔ với những người chăn khác) và rồi đi tìm một con chiên đã đi lạc không?/. **13** <Và> nếu/khi người ấy tìm được, ^{GTK34}{a-men/phải, (khi người ấy đã tìm được con chiên đi lạc,) Ta bảo các con ⇔ thật Ta bảo các con ⇔ Ta bảo đảm với các con} rằng {người ấy ³⁵vui mừng vì (đã tìm được) con chiên đi lạc nhiều hơn là về ⇔ người ấy sẽ sung sướng vì (đã tìm được) một con chiên đó hơn là về} 99/nhiều ³⁶con không đi lạc. **14** Cũng thế, Cha các con ở trên trời/thiên đàng không muốn ^{TD37}(một người nào trong dân sự của Ngài) {bị hư mất ⇔ mất sự sống đời

²⁶ **18:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời chỉ định thiên sứ để canh gác/giúp đỡ họ. Thi thiên 91:11 và Hê-bơ-rơ 1:14 xác nhận điều đó.

²⁷ **18:10** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về Đức Chúa Trời là Cha (yêu thương) ở trong Ma 5:16.

²⁸ **18:11** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG, BDY) có **câu 11**. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có câu đó. BDM, BDC để vào trong **LỜI CHÚ THÍCH**. Hãy đọc phần trước của sách này để biết chi tiết về cách xử dụng ngoặc vuông [].

²⁹ **18:11** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Con Người” trong Ma 17:9, 12. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 8:20.

³⁰ **18:12** Có thể dùng ngôi thứ nhì hay ngôi thứ nhất số nhiều qua câu 12 và 13 nghe tự nhiên hơn, bạn có thể nói: “Nếu các con/chúng ta có 100 con chiên...”

³¹ **18:12** Chúa Giê-su dùng con số **100** và **99** để chỉ nhiều con chiên. Nếu con số nhiều như vậy khó dùng trong ngôn ngữ của bạn, có thể tốt hơn là nói tổng quát: “Nếu một người có **nhiều** chiên và...bỏ đám chiên **còn lại** trên núi/đồi...”

³² **18:12 Không** nên làm người đọc hiểu là người chủ dẫn đàn chiên đi rất xa để lên đồi. Nước Y-sơ-ra-ên có rất nhiều đồi. Đó là nơi chiên thường đến để ăn cỏ. Bạn có thể để thông tin này trong **LỜI CHÚ THÍCH**, nếu cần.

³³ **18:12** Thông thường đàn chiên có nhiều người chăn (hãy xem thí dụ ở trong Lu-ca 2:8). Có lẽ người chủ để 99 con chiên ở lại với những người phụ giúp chăn chiên ở một nơi an toàn. Ông ta **không** để chiên ở chỗ nguy hiểm.

³⁴ **18:13** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “a-men” ở Ma 5:18.

³⁵ **18:13** Bạn có thể nói: “người ấy (sẽ) vui mừng...” Hãy chắc chắn là **không** làm người đọc hiểu lầm là người chủ không vui với 99 con chiên kia. Thí dụ có thể cần phải nói: “...người ấy sẽ vui mừng vì 99 con chiên không đi lạc, nhưng người ấy sẽ vui hơn nhiều khi tìm được con chiên đi lạc.”

³⁶ **18:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đi lạc” hai lần trong câu 12.

³⁷ **18:14 Thứ tự** của các từ ở trong bản Hy-lạp là, “...một trong những đứa trẻ này bị phân cách (khỏi Ngài)”. Ở đây Chúa Giê-su dùng “**một trong những đứa trẻ này**” như là một thí dụ của dân sự của Đức Chúa Trời. Hãy xem bạn làm gì với trường hợp tương tự ở trong các câu 6 và 10.

đòi}, (ngay cả) {một trong những đứa trẻ này ⇔ một người mà người ta coi là không quan trọng}.³⁸ (Vây nên đừng coi thường bất cứ người nào theo Ta.)”

18:15-20 Các Con Nèn Làm Gì Khi Một Tín Hữu Có Lỗi Với Con

Lu-ca 17:3

15³⁹ (Rồi thì Chúa Giê-su nói: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy các môn đệ của Ngài và nói:) “<Rồi thì> bất cứ khi nào⁴⁰ {anh em (hay chị em)⁴¹ của con ⇔ một tín hữu ⇔ một trong những người theo ta} {phạm tội ⇔ có lỗi gì}⁴² [với con], {hãy đi gặp riêng họ ⇔ nói chuyện riêng với họ} (và)^{NTT}⁴³ {quở trách/đối chất với họ ⇔ cho họ thấy lỗi của họ}. Nếu người ấy {nghe lời ⇔ đồng ý với} con (và ăn năn), con⁴⁴ đã đem {anh em con ⇔ một người theo Ta ⇔ người ấy} về (khỏi lỗi lầm của họ ⇔ với Đức Chúa Trời ⇔ sự tương giao với con). **16** Nhưng nếu người ấy {không nghe (con) ⇔ từ chối không chịu ăn năn}, {đem theo một hay hai (anh em khác/tín hữu khác) với con ⇔ hãy trở lại với một hay hai (người khác/tín hữu khác)} (để^{NTT} quở trách/đối chất với họ ⇔ cho họ thấy lỗi của họ), để⁴⁵ (như Kinh Thánh đã nói/đòi hỏi: ⇔ như Lời Chúa nói/đòi hỏi:) {‘Mọi lời tố cáo sẽ được xác nhận bởi miệng của hai hay ba người làm chứng.’ ⇔ (ít nhất) sẽ có⁴⁶ một hay hai người khác xác nhận mọi sự con đã tố cáo người ấy.} (Phục 19:15) **17** <Sau đó> nếu

³⁸ **18:14** Mạng lệnh “đừng coi thường bất cứ môn đệ nào của Ta” được nói rõ ở trong câu 10. Một số bản dịch cần phải lập lại mạng lệnh đó ở đây hay trong một **LỜI CHÚ THÍCH** để làm cho rõ là Chúa Giê-su vẫn còn đang nói về vấn đề đó ở trong các câu 11–14. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**coi thường**” trong câu 10. Chỉ nói rõ **thông tin hàm ý** nếu cần phải làm như vậy cho bản dịch được chính xác hay tự nhiên hơn. Hãy xem thêm chi tiết về cách dùng những thông tin trong ngoặc đơn trong phần **Chú Giải Ký Hiệu** ở phía trước của sách này.

³⁹ **18:15** Hãy coi lại **cách** bạn **bắt đầu** nhiều tiểu đoạn trong đoạn 18. Hãy xem các câu 7, 10, 15.

⁴⁰ **18:15** Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài như là nói với một người. Bạn có thể nói như sau cho rõ ràng: “<Rồi thì> khi nào (**một người trong**) **các con** có một {anh em...có lỗi...”

⁴¹ **18:15** Trong ngữ cảnh này “**anh em**” đề cập đến các tín hữu, tức là, thuộc viên của gia đình thuộc linh của Đức Chúa Trời. Có thể có mà cũng có thể không kể đến người trong cùng một gia đình.

⁴² **18:15** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Văn Bản Đa Số, BDM, BDY, BDC) có “**với con**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và BCG) **không** có. Tiểu đề phải nhất quán với sự chọn lựa của bạn.

⁴³ **18:15** Trong ngữ cảnh này “**quở trách**” có nghĩa là nói một người nào đó về lỗi của họ. **Không** có nghĩa là la mắng hay chửi bới họ.

⁴⁴ **18:15** Bạn có thể nói: “...các con sẽ có thể lại gọi nhau là anh em/bạn hữu.” Hay bạn có thể nói: “...các con đã giúp họ lại trở nên bạn hữu của các con.”

⁴⁵ **18:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo luật pháp của người Do Thái, một người bị kết án làm một lỗi gì, phải có ít nhất hai hay ba người làm chứng về lỗi đó (Phục 19:15).

⁴⁶ **18:16** Người tố cáo là một trong “**hai hay ba người làm chứng**”. Để làm cho rõ nghĩa bạn có thể nói: “một hay hai người khác xác nhận tất cả mọi lời buộc tội.”

người ấy {không để ý ⇔ từ chối không nghe} các con, hãy trình (vấn đề) cho (cả) ⁴⁷hội thánh/hội chúng. <Và> nếu người ấy {không để ý ⇔ từ chối không nghe} ngay cả hội thánh/hội chúng, ⁴⁸(đừng giao tiếp với người ấy nữa, mà nên ⇔ tránh/không để ý đến người ấy và) ⁴⁹{đối với con người ấy như là ⇔ đối xử với người ấy như cách con/các con đối xử với} {người ngoại giáo hay ⁵⁰người thu thuế ⇔ người thu thuế và những người gian ác/vô tín khác ⇔ người tội lỗi hơn hết}. **18** ^{GTK51}{A-men/Phải, (hãy đối xử với người ấy như vậy,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} ^{GTK52}{bất cứ điều gì các con buộc dưới đất sẽ bị buộc trên thiên đàng ⇔ hễ điều gì/hễ ai các con không tha thứ Đức Chúa Trời cũng không tha thứ ⇔ điều gì các con cấm (người ta làm) trên đất Đức Chúa Trời cũng cấm}, và ^{GTK53}{điều gì các con mở dưới đất cũng sẽ được mở ở trên thiên đàng ⇔ hễ điều gì/hễ ai các con tha thứ Đức Chúa Trời cũng tha thứ ⇔ điều gì các con cho phép (người ta làm) trên đất Chúa/Đức Chúa Trời cũng cho phép}. **19** ^{GTK54, GTK55}[A-men/Phải, (đó là điều Đức Chúa Trời làm,) (và)] {một lần nữa ⇔ ngoài điều đó ra,} Ta bảo các con, khi nào ⁵⁶{có hai ⇔ có hơn hai} người <trên

⁴⁷ **18:17** Trong ngữ cảnh này “**hội thánh**” nói đến hội chúng. Phải chắc chắn là bạn nói đến một nhóm người, **không** phải nhà thờ. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ cùng một từ ở trong Ma 16:18 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁸ **18:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái tránh không giao thiệp với người thu thuế và {người ngoại giáo ⇔ các tội nhân khác}, và khai trừ họ khỏi sinh hoạt tôn giáo trong cộng đồng của họ.

⁴⁹ **18:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** 1 Cô-rinh-tô 5:9–13 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:14–15 có cùng một sự dạy dỗ về những tín hữu từ chối không chịu ăn năn tội.

⁵⁰ **18:17 Người thu thuế** thường gian lận và vì vậy đa số mọi người đều ghét họ. Họ được nhắc đến ở đây tượng trưng cho những người tội lỗi trong tâm trí của mọi người. Nếu điều này không được hiểu rõ như vậy, bạn có thể để thông tin đó vào một **LỜI CHÚ THÍCH**, hay bạn có thể nói “người tội lỗi hơn hết” (hãy xem Ma 5:46 và **LỜI CHÚ THÍCH** khác ở đó).

⁵¹ **18:18** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**A-men**” ở Ma 5:18.

⁵² **18:18** Ma 16:19 chứa đựng một câu tương tự như phần cuối của câu 18. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 16:19 về các sự giải thích khác nhau của các học giả Kinh Thánh. Trong ngữ cảnh này **tha thứ** có vẻ thích hợp nhất với ngữ cảnh—hãy xem các câu 15–17 và câu hỏi của Phê-rô trong câu 21 về phải tha thứ người khác bao nhiêu lần.

⁵³ **18:18** Hãy chắc chắn là sự lựa chọn của bạn trong câu 18 phù hợp với nhau một cách đúng.

⁵⁴ **18:19** Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng các câu 19–20 (và các câu 21–35) **tiếp tục** nói về **chủ đề** mà Chúa Giê-su bắt đầu ở trong các câu 15–18 về cách đối phó với các nạn đề trong hội thánh (hãy xem Ma 19:24 nơi dùng “**lại/một lần nữa**” để tiếp tục nói về chủ đề). Tuy nhiên, nhiều học giả KT (và BCG) nghĩ rằng các câu 19–20 là một đoạn riêng và nói về cầu nguyện một cách tổng quát.

⁵⁵ **18:19** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “**a-men**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thảo Uy Tín, BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**a-men**” ở Ma 5:18. Theo cách giải thích cho là các câu 19–20 tiếp tục cùng một chủ đề với các câu 15–18 (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** trước đây về điều này), bạn có thể nói: “[Một lần nữa ⇔ Ngoài điều đó ra,] {[thật] Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} khi nào...”

⁵⁶ **18:19** Có vẻ như đây nói đến “hai hay ba người làm chứng” của câu 16. Nhiều người hơn cũng được, nhưng **ít nhất** là hai người. **Không** có nghĩa là có hai hay ba người không đồng ý với hội thánh, Đức

đất> đồng ý (xin Đức Chúa Trời, Cha Ta ở trên thiên đàng), {⁵⁷ bất cứ điều gì các con xin, ⇔ phân xử các sự tranh cãi/nạn đề giữa dân sự của Ngài,} {nó sẽ được ⁵⁸ (Đức Chúa Trời,) Cha Ta ở trên thiên đàng làm cho các con ⇔ chắc chắn Ngài sẽ giúp các con (phân xử các sự tranh cãi/nạn đề)}, **20** bởi vì ở đâu/khi nào có hai hay ba người (trong các con) ⁵⁹ họp nhau lại {nhơn danh Ta ⇔ như là môn đệ của Ta} (để cầu nguyện ⇔ để xin Đức Chúa Trời giúp đỡ), Ta sẽ ở với/giữa họ (để giúp đỡ họ).”

**18:21-35 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn Về Một Người Đầy Tớ Không Có
Lòng Thương Xót ⇔ Hủy Tha Thứ Nhau}**

21 Rồi Phê-rô đến (gân) Ngài/(Chúa) Giê-su (và) hỏi (Ngài): “(Thưa) Thầy, ^{TD60} (nếu) ⁶¹ {anh em con ⇔ một người ⇔ một tín hữu (của Chúa)} cứ tiếp tục làm lỗi với con, con nên tha thứ người đó bao nhiêu lần? {(Con có nên tha thứ họ) tới ⁶² bảy lần không? ⇔ Bảy lần có đủ không?}” **22** (Chúa) Giê-su/Ngài trả lời ông/Phê-rô: “Ta bảo con, ⁶³ (con phải tha thứ người đó) không phải (chỉ) <tới> bảy lần nhưng ^{GTK64} {<tới> bảy mươi lần bảy ⇔ bảy mươi bảy lần ⇔ luôn luôn ⇔ mỗi lần họ làm lỗi với con}. **23** {Vì thế, ⇔ Điều đó là thật bởi vì} {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ cách Đức Chúa Trời cai trị người ta} giống như (câu chuyện về) một vị vua muốn/quyết định {tính sổ với ⇔ đòi nợ từ ⇔ thu tiền nợ của} ⁶⁵ các đầy tớ/quan của ông (vậy nên vua bảo quân lính của mình ^{NTT} đem

Chúa Trời sẽ trả lời câu nguyện của họ. Đây có nghĩa là nếu có sự quan tâm trong hội thánh và nếu chỉ có hai hay ba người phải đối phó với mối quan tâm ấy, Đức Chúa Trời sẽ giúp đỡ họ.

- ⁵⁷ **18:19** Trong ngữ cảnh này “bất cứ điều gì các con cầu xin” có lẽ muốn nói đến lời cầu nguyện về sự giúp đỡ hay sự hướng dẫn để đối phó với nạn đề trong hội thánh, không phải cầu nguyện cho tiền bạc và của cải. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở phần đầu của câu 19.
- ⁵⁸ **18:19** Nếu nhóm từ “Đức Chúa Trời, Cha Ta ở trên thiên đàng” được dùng trước đó ở trong câu 19, có thể tự nhiên hơn nếu chỉ dùng đại từ “Chúa/Ngài” ở đây, thay vì lặp lại cả nhóm từ.
- ⁵⁹ **18:20** Trong một số ngữ cảnh “họp nhau lại nhơn danh Ta” có nghĩa là nhóm họp để thờ phượng Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, trong ngữ cảnh này có nghĩa là nhóm họp lại như những người theo Chúa Giê-su để cầu nguyện với Đức Chúa Trời.
- ⁶⁰ **18:21** Thứ tự của câu ở trong bản Hy-lạp là: “Thầy, bao nhiêu lần anh em tôi phạm lỗi với tôi và tôi nên tha thứ cho họ?”
- ⁶¹ **18:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “anh em” trong câu 15, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.
- ⁶² **18:21** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Một số giáo sư Do Thái đã dạy rằng một người phải tha thứ cho người khác về một lỗi nào đó chỉ ba lần. Có lẽ Phê-rô nghĩ là ông đã rộng rãi lắm khi đề nghị bảy lần.
- ⁶³ **18:22** Đối với một số ngôn ngữ có thể nghe tự nhiên hơn nếu để “(con phải tha thứ cho người ấy)” hàm ý ở đây. Tuy nhiên, đối với các ngôn ngữ khác cần phải nói rõ ra để làm trọn câu.
- ⁶⁴ **18:22** Trong bản Hy-lạp có thể có nhiều ý. Nó có thể là “bảy mươi lần bảy” (như BDM, BDC, BDY, BCG) hay “bảy mươi bảy lần”. Dù theo cách nào đi nữa thì Chúa Giê-su dùng con số lớn như vậy để nói: “...các con phải luôn luôn tha thứ người khác”, không phải chỉ một số lần nào mà thôi.
- LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Khi nói là chúng ta nên tha thứ người ta ^{GTK} {bảy mươi lần bảy ⇔ bảy mươi bảy lần}, Chúa Giê-su muốn nói chúng ta nên luôn luôn tha thứ người khác.
- ⁶⁵ **18:23** Trong ngữ cảnh này “các đầy tớ” nói đến các nhân viên cao cấp mà vua đã đặt khắp nơi trong nước. Họ không phải nô lệ.

những người nợ tiền của vua đến). **24** <Rôi> vua vừa bắt đầu {tính sổ ⇔ đòi nợ ⇔ làm như vậy} {một người bị ⁶⁶ đem đến ⇔ các quân lính của vua đem một người đầy tớ/quan đến} cho vua người này ⁶⁷ nợ (vua) ⁶⁸ {mười ngàn ta-lâng ⇔ mười ngàn túi vàng/tiền ⇔ cả tỉ đô-la ⇔ một số tiền lớn kinh khủng}, **25** nhưng {ông ta ⇔ người đầy tớ ⇔ vị quan} {không có (đủ tiền) ⇔ không thể} trả (nợ), nên vua ra lệnh ^{NTT} {bán ông ta, <và> ⁶⁹ vợ, con của ông ta ⇔ (cho quân lính của mình) bán ông ta, vợ và con của ông ta} (làm nô lệ), và (cũng) (bán) tất cả các thứ ông có, để lấy tiền trả (nợ). **26** Vì thế người đầy tớ/vị quan ⁷⁰ {sấp mặt (xuống đất) ⇔ quỳ xuống} (trước mặt vua) (và) {nài xin ⇔ nài nỉ}: ‘(Tôi xin lỗi,) ⁷¹ [chủ (của tôi)]! (Xin hãy) {kiên nhẫn với tôi ⇔ cho tôi một thời gian} và tôi sẽ trả lại chủ/vua tất cả mọi tiền (tôi nợ chủ/vua)!’ **27** <Rôi thì> (khi) ⁷² chủ/vua (thấy vậy, chủ/vua) động lòng thương xót {ông ta ⇔ người đầy tớ/vị quan} (và) ^{NTT} {thả ông ta ra về và ⁷³ tha nợ cho ⇔ chủ/vua tha nợ và thả ông ra về tự do}.

⁶⁶ **18:24** Có thể người này tự nguyện đến, nhưng dường như người này bị **bắt buộc** phải đến.

⁶⁷ **18:24** Bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết tại sao người đầy tớ này **nợ** vua nhiều tiền đến như vậy. Ông ta có thể mượn tiền hay ăn cắp bằng cách này hay cách khác. Hoặc ông ta có thể chịu trách nhiệm thu thuế cho nhà vua trong một khu vực nào đó. Lý do mượn tiền này không quan trọng đối với Chúa Giê-su nên chúng ta không cần phải đề cập đến ở trong bản dịch.

⁶⁸ **18:24** Trong thời của Chúa Giê-su “10,000” là con số cao nhất và “ta-lâng” là đơn vị tiền tệ lớn nhất. Tuy nhiên, giá trị chính xác của 10,000 ta-lâng **không** quan trọng ở đây. Điểm muốn nói ở đây là “**một số tiền rất lớn**”. Một số bản dịch dùng đơn vị tiền tệ địa phương và tính theo giá trị của tiền địa phương. Tuy nhiên, trước khi bạn cũng làm như vậy, bạn có thể nghĩ đến việc làm như thế sẽ đem bạn xa khỏi đơn vị tiền tệ mà họ dùng trong ngữ cảnh của Kinh Thánh. Ngoài ra, giá trị của đơn vị tiền tệ địa phương có thể thay đổi nhanh chóng nên chỉ vài năm là giá trị của tiền trong bản dịch sẽ sai. Vì vậy có thể tốt nhất nên chuyển ngữ từng từ một “**ta-lâng**” ở đây và kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Trong nhiều địa phương, cần phải **giữ** con số (10,000) theo như bản Hy-lạp, để người ta không nghĩ rằng bản dịch không chính xác. Nếu không chuyển ngữ từng từ một, để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái coi tội lỗi như là nợ đối với Đức Chúa Trời. Người đầy tớ này không có hy vọng gì trả nợ. Một ta-lâng có giá trị tương đương với tiền công trong 15 năm. Vậy nên ông ấy nợ đủ tiền để trả 10,000 người trong hơn 15 năm. Ngay cả lợi nhuận hàng năm của vua Hê-rốt chỉ khoảng 900 ta-lâng.

⁶⁹ **18:25** Phải chắc chắn là chuyển ngữ “**vợ và con (ông ta)**” nói đến vợ và con của người đầy tớ/ông quan, **không** phải vợ và con của vua.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Chúa Giê-su vợ và con của một người được coi như là của cải của người ấy.

⁷⁰ **18:26** Người đầy tớ/vị quan đến với vua với một thái độ rất **khiêm nhường** để nài nỉ xin được thương xót. Hãy làm thế nào để người đọc hiểu rõ điều này. Ông ta **không** phải bị té, nhưng ông cố ý sấp mình xuống đất.

⁷¹ **18:26** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**chủ (của tôi)**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. Nhiều ngôn ngữ sẽ đòi hỏi phải gọi tên/tước vị ở đây để tỏ **lòng kính trọng**.

⁷² **18:27** Trong bản Hy-lạp nhóm từ “chủ của đầy tớ” được dùng trong các câu 27, 31–34 thay vì “vua” trong các câu 23–25. Trong nhiều ngôn ngữ, giống như tiếng Việt, từ “chủ” nghe có vẻ như là một người khác ngoài “vua”. Đối với một số ngôn ngữ sẽ phải quyết định dùng từ nào trong hai từ này và dùng từ ấy trong suốt câu chuyện ngụ ngôn. BDM và BDY dùng “vua” và BDC và BCG đổi là “chủ” trong các câu 27-34 giống như bản Hy-lạp.

⁷³ **18:27** Bạn có thể chuyển ngữ “tha nợ” là “bảo ông ta ^{NTT} rằng ông không phải trả nợ.”

28 “Nhưng (ngay khi) người đầy tớ/vị quan ấy {ra ngoài đường ⇔ rời khỏi cung vua}, ông ta ^{GTK74}{gặp ⇔ tình cờ gặp} một người đầy tớ/vị quan khác nợ ông ta {(chỉ) một ⁷⁵trăm đơ-na-ri ⇔ khoảng bốn tháng lương ⇔ một số tiền nhỏ}. Ông ta nắm cổ {người này ⇔ người đầy tớ kia} bóp cổ người và nói: ‘Hãy trả cho (tôi) tiền anh nợ (tôi)!’ 29 Vì thế người đầy tớ/vị quan này ⁷⁶{sấp mặt (xuống đất) ⇔ quỳ xuống} (trước mặt ông ta) (và) {nài xin ⇔ nài nỉ}: ‘(Tôi xin lỗi!) (Xin) {hãy kiên nhẫn với tôi ⇔ cho tôi một thời gian} và tôi sẽ trả lại ông (tiền tôi nợ ông)!’ 30 Nhưng {ông ta ⇔ người đầy tớ/vị quan kia} {không bằng lòng ⇔ không muốn ⇔ ^{NTT}từ chối} (chờ đợi/nghe theo lời),/. thay vào đó ông ta <đi (và)> {ném ⁷⁷người này ⇔ ^{NTT}ra lệnh ném ông ta} vào ngục cho tới khi ông ta ⁷⁸trả hết nợ.

31 ⁷⁹<Vì vậy/[Nhưng]> khi {bạn của ông ta ⇔ một số} người đầy tớ/vị quan khác thấy/nghe ^{NTT}{điều đã xảy ra ⇔ điều đó}, họ rất là bất mãn/buồn bực nên (họ) đến ⁸⁰gặp chủ/vua (và) {trình bày ⇔ nói lại} ^{NTT}mọi sự {đã xảy ra ⇔ người đầy tớ/vị quan gian ác kia đã làm}. 32 <Rồi> (khi) chủ/vua (nghe điều đó, chủ/vua ⇔ nghe về điều ông ta đã làm, chủ/vua) ^{NTT}{gọi ông ta (lại) ⇔ ra lệnh cho ông ta phải đến ⇔ ra lệnh cho người ta/quân lính đem người đầy tớ/vị quan đến}. (Rồi) chủ/vua bảo {ông ta ⇔ đầy tớ/vị quan}: ‘(Người) đầy tớ/vị quan/người gian ác kia! Ta đã tha cho người một món nợ rất lớn bởi vì người đã nài nỉ ta (thương xót/nhân từ với người,) (phải không)?/! 33 ^{CH,TVST}Người nên thương xót/nhân từ với người đầy tớ bạn/vị quan bạn cũng như ta đã thương xót/nhân từ với người!’ 34 <Và> chủ/vua tức giận đến nỗi {giao ông ta ⇔ ra lệnh cho lính ^{NTT}đem người đầy tớ/vị quan này giao} cho người tra tấn/cai ngục (để bị ⁸¹tra tấn/trừng phạt) cho đến khi người ấy trả hết tiền nợ/chủ/ vua (nợ trước đó được chủ/vua tha).”

⁷⁴ 18:28 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người đầy tớ/vị quan tình cờ gặp người đầy tớ bạn. Tuy nhiên, có thể là ông ta chủ ý đi tìm người nợ mình tiền.

⁷⁵ 18:28 Như trong câu 24 số tiền chính xác không quan trọng ở đây. Điểm muốn nói là đó là một **món tiền rất nhỏ** so sánh với món tiền mà người đầy tớ đầu tiên nợ vua.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một trăm đơ-na-ri có giá trị bằng bốn tháng tiền lương trung bình, vào khoảng 600,000 lần nhỏ hơn số tiền 10,000 ta-lâng mà người đầu tiên nợ vua ở trong câu 24.

⁷⁶ 18:29 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**sấp mặt xuống đất**” trong câu 27.

⁷⁷ 18:30 “**người này**” nói đến “người đầy tớ/vị quan bạn”.

⁷⁸ 18:30 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường gia đình và bạn hữu sẽ giúp đỡ người như vậy trả nợ, để được ra khỏi tù.

⁷⁹ 18:31 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) có “**Vì vậy**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số) có “**Nhưng**”. BDM, BDC, BCG, BDY không chuyển ngữ từ đó.

⁸⁰ 18:31 Cần nên rõ **chủ** ở đây là **cùng một vị vua** ở trong các câu 2–27. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về dùng từ “chủ” hay “vua” trong câu 27.

⁸¹ 18:34 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Không có hy vọng gì trả một số nợ lớn như vậy, nên sự trừng phạt này sẽ không bao giờ chấm dứt.

35⁸² (Chúa Giê-su kết luận câu chuyện ngụ ngôn:) “(Đức Chúa Trời) Cha Ta ở trên thiên đàng sẽ <cũng> {làm như vậy đối với các con ⇔ đối xử/trùng phạt mỗi người trong các con như vậy}, {nếu mỗi người trong các con không tha thứ⁸³ anh em (hay chị) của mình từ trong lòng ⇔ nếu các con không hoàn toàn tha thứ cho mọi người/các tín hữu} (có lỗi với các con).”

19:1-12 {Các Người Pha-ri-si Hỏi (Chúa) Giê-su^{NTT} Về Ly Dị ⇔ (Chúa) Giê-su Dạy Về Hôn Nhân Và Ly Dị}

Mác 10:1-12

19 **1** Sau khi (Chúa) Giê-su/Ngài (nói) xong những điều ấy (cho các môn đệ của Ngài), Ngài rời (tỉnh) Ga-li-lê và đi đến {tỉnh Giu-đê ⇔ địa bàn (gần) (tỉnh) Giu-đê} ở phía bên kia của (sông) Giô-đanh. **2** <Và>/Có {đám đông lớn ⇔ nhiều người} đi theo Ngài/(Chúa) Giê-su, và Ngài chữa lành⁸⁴ {cho họ <tại đó> ⇔ những người bị bệnh}.

3 <Và/Rồi thì> (một ngày kia) (một số) người Pha-ri-si đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (để ⇔ cố gắng)^{GTK85} {thử Ngài ⇔ gài bẫy/hạ uy tín Ngài (một cách công khai) (để người ta không tin/đi theo Ngài nữa) ⇔ làm cho Ngài nói một điều gì (mà sẽ làm mất uy tín của Ngài)},. và/Họ hỏi (Ngài): ⁸⁶“(Thầy nghĩ)⁸⁷ có hợp lệ/pháp⁸⁸ [cho một người đàn ông]⁸⁹ {đuổi ⇔ ly dị} vợ ông ta vì bất cứ lý do gì không?” **4** <Nhưng> Ngài/(Chúa) Giê-su <trả lời> {hỏi⁹⁰ [họ] ⇔ nói [với họ]}: ^{CH91}“{Các ông không ⇔ Các ông không để ý điều

⁸² **18:35** Chúa Giê-su chấm dứt câu chuyện ngụ ngôn ở câu 34 và bây giờ áp dụng câu 35 cho các môn đệ của Ngài.

⁸³ **18:35** Trong ngữ cảnh này “**anh em**” nói đến người ngoài hay tín hữu. Hãy xem bạn đã làm gì trong câu 21.

⁸⁴ **19:2** **Không** nên làm cho người đọc hiểu là mọi người trong đám đông đều có bệnh hết.

⁸⁵ **19:3** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thử nghiệm/gài bẫy/hạ uy tín**” trong Ma 16:1.

⁸⁶ **19:3** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một số người Do Thái nghĩ rằng một người đàn ông chỉ có thể ly dị vợ mình nếu người ấy phạm tội ngoại tình. Tuy nhiên những người Do Thái khác nghĩ họ có thể ly dị vợ vì bất cứ lý do gì, ngay cả vì nấu ăn làm cháy đồ ăn. Có lẽ người Pha-ri-si nghĩ rằng dù Chúa Giê-su trả lời cách nào đi nữa thì cũng làm mất lòng nhiều người và mất một số người đi theo. Ngoài ra, họ có thể còn hy vọng là câu trả lời của Chúa Giê-su sẽ làm Ngài gặp rắc rối với Hê-rốt An-ti-pa (thống đốc của tỉnh Ga-li-lê và Bê-rê) như Giảng Báp-tít trước đây (Ma-thi-ơ 14:4).

⁸⁷ **19:3** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**có hợp lệ/pháp**” trong Ma 12:10, 12.

⁸⁸ **19:3** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDY) có “**cho một người đàn ông**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và BDM, BDC, BCG) **không** có nhưng hàm ý.

⁸⁹ **19:3** Cần nên nói rõ là “**đuổi vợ đi**” có nghĩa là “**ly dị vợ**”. Nhiều ngôn ngữ có thành ngữ riêng để diễn tả điều này cho thích hợp với ngữ cảnh ở đây.

⁹⁰ **19:4** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính có “**họ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. Hãy làm theo cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁹¹ **19:4** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Các ông chưa đọc**” trong Ma 12:3, 5. Trong bản Hy-lạp, nhóm từ này được viết như một câu hỏi. Chúa Giê-su đã hỏi: “Các ông chưa từng đọc, phải không?”. Chúa Giê-su biết họ đã đọc Kinh Thánh nhưng Ngài muốn họ ý thức rằng họ đã bỏ qua điều họ đã đọc.

các ông đã ⇔ Các ông nói như là các ông chưa có} đọc (trong Kinh Thánh ⇔ trong Lời Chúa) sao?” (Kinh Thánh chép rằng) {từ ⇔ ngay từ} lúc khởi đầu (của thế giới), (Đức Chúa Trời) {Đấng Tạo Hoá ⇔ Đấng đã sáng tạo [làm ra] mọi người và mọi sự} làm ra con người (cả) nam lẫn nữ, (Sáng Thế Ký 1:27, 5:2) **5**⁹² và (sau đó) Chúa/Đức Chúa Trời phán: ^{NGT} “Đó là lý do khi người nam (lấy vợ, người ấy) sẽ/phải {lia ⇔ thôi không ở với} {cha mình và mẹ < mình > ⇔ cha mẹ} và {đính liú với ⇔ sống với} vợ mình, và/để cả hai sẽ (kết hợp với nhau) trở nên ⁹³ một thịt/thân.’ ” (Sáng Thế Ký 2:24) **6** (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su phán:) “Kết quả là họ không còn là hai (người) trước mặt Đức Chúa Trời, nhưng giống như một <thịt/thân>. Vì vậy {những người Đức Chúa Trời ⁹⁴ đã phối hợp, ^{GTK95} người đàn ông/người chồng/người ta không được phân rẽ ⇔ sau khi Đức Chúa Trời đã phối hợp một người nam và một người nữ với nhau (qua hôn nhân), ^{GTK96} người ta/người đàn ông/người chồng không được ly dị vợ mình}!”

7 (Rồi thì) {họ ⇔ các người Pha-ri-si} hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: “{Vậy thì ⇔ Như vậy, theo Thầy, ly dị là sai, ⇔ Nếu thật như vậy,} tại sao Môi-se (làm) luật ⁹⁷ ^{NTT} cho phép người đàn ông cho (vợ mình) ⁹⁸ giấy ly dị và (rồi) {đuổi nàng đi ⇔ ly dị vợ} (nếu người ấy muốn)?” (Phục 24:1) **8** Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ: “{Môi-se cho phép ⇔ (Đức Chúa Trời bảo) Môi-se ^{NTT} cho phép} ⁹⁹ {người ta ⇔ (tổ phụ các ông và) các ông} ly dị vợ mình bởi vì {tấm lòng cứng cõi của các ông ⇔ các ông cứng đầu/tội lỗi ⇔ các ông

⁹² **19:5** Thay vì tiếp tục câu này cho tới cuối câu 5 như ở trong bản Hy-lạp, có thể nghe tự nhiên hơn nếu bạn bắt đầu một câu mới ở đây. Thí dụ, bạn có thể đặt lại lời của câu 4 như sau: “Các ông chưa có đọc (trong Kinh Thánh) về cách Đức Chúa Trời tạo nên loài người hay sao? Chúa làm cả hai người nam và người nữ. **Đó là lý do** (Chúa/Đức Chúa Trời) nói (về họ): ‘(Khi nào) người đàn ông (lấy vợ người ấy) sẽ lia...’ ”

⁹³ **19:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “một thịt/thân” là một thành ngữ nói đến quan hệ mật thiết nhất mà một người có thể có được. Đây không những chỉ nói đến quan hệ vợ chồng/tình dục nhưng cũng nói đến việc chung thủy với nhau và hiệp nhất trong tư tưởng và hành động. Trong Ê-phê-sô 5:30-32 hôn nhân được dùng như hình ảnh của tương quan mật thiết mà Chúa Cứu Thế có với hội thánh của Ngài.

⁹⁴ **19:6** Hãy chuyển ngữ “**phối hợp**” theo cách nào mà **không** làm người ta mắc cỡ.

⁹⁵ **19:6** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một nghĩa. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó đề cập đến **loài người/con người** một cách tổng quát, nên câu này đối chiếu điều Đức Chúa Trời làm với điều con người không nên làm. Thật ra, BDM, BDC, BCG dùng “**loài người**” và BDY dùng “**chẳng ai**”. Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa là “**người đàn ông/người chồng**”, vì đó là đề tài của đoạn này (hãy xem câu hỏi của người Pha-ri-si trong câu 3), và đó là ý nghĩa của cùng một từ trong câu 3 và câu 5. Theo phong tục Do Thái, chỉ có **người chồng** có quyền ly dị, **không** phải quan tòa hay bất cứ ai khác. Có thể để sự giải thích nào không theo đoạn kinh văn ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁹⁶ **19:6** Bạn có thể nói: “...**họ** không được ly dị!” Hay nếu bạn giải thích là “loài người” (xem lời giải nghĩa trước), bạn có thể nói: “...{**không ai** được ⇔ **người khác** không được} khiến cho họ phân rẽ/ly dị!”

⁹⁷ **19:7** Câu **7** **không** có nghĩa rằng Môi-se ra lệnh cho các người đàn ông ly dị vợ của họ. Ông cho họ một đạo luật **cho phép** họ ly dị vợ mình, nếu họ muốn.

⁹⁸ **19:7** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**giấy ly dị**” trong Ma 5:31.

⁹⁹ **19:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Môi-se chết hàng trăm năm trước khi những người này ra đời. Khi Môi-se cho phép tổ tiên của họ ly dị vợ mình, ông cũng cho phép các thế hệ tương lai làm như vậy. Luật này được ban ra không phải để khuyến khích ly dị, nhưng để bảo vệ đàn bà khỏi bị chồng bạo hành.

từ chối vâng lời Đức Chúa Trời}, nhưng từ ¹⁰⁰{lúc khởi đầu/sáng tạo (của thế giới) ⇔ lúc Đức Chúa Trời tạo nên trái đất} {nó không phải như vậy ⇔ Đức Chúa Trời không dự định như vậy ⇔ Đức Chúa Trời/Chúa không muốn có ly dị}. **9** Thật ra, Ta bảo các ông hãy ai ¹⁰¹{đuối ⇔ ly dị} vợ mình, ¹⁰²trừ khi ^{GTK103}(người vợ) {không chung thủy ⇔ phạm tội tà dâm}, và (rồi) cưới {một người (đàn bà) khác ⇔ một người khác}, ¹⁰⁴là phạm tội ngoại tình (trước mặt Đức Chúa Trời). ¹⁰⁵[<Và> {bất cứ ai ⇔ nếu một người đàn ông khác} cưới {người vợ bị ly dị ⇔ một người đàn bà ly dị}, người ấy (cũng) phạm tội ngoại tình.}]”

10 (Rồi thì) các môn đệ (của Chúa Giê-su) nói với Ngài: “Nếu chỉ có lý do đó để chồng được ly dị vợ, thì thà đừng lấy vợ còn hơn!” **11** <Sau đó> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời họ: “Không phải tất cả mọi người {đều chấp nhận ^{GTK106}lời tuyên bố/sự dạy dỗ đó được ⇔ có thể sống ^{GTK}độc thân được ⇔ đều quyết định lập gia đình},/. {nhưng chỉ những người đã được Đức Chúa Trời ban cho ơn ấy. ⇔ Chỉ những người Đức Chúa Trời ban cho khả năng để sống như vậy mới làm được.} **12** Vì một số người ¹⁰⁷{hoạn ⇔

¹⁰⁰ **19:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi nào có hai đoạn Kinh Thánh có vẻ như trái ngược nhau, người Do Thái coi đoạn Kinh Thánh xưa hơn có thẩm quyền hơn. Vì vậy các người Pha-ri-si sẽ kính trọng việc Chúa Giê-su trích dẫn Sáng Thế Ký như là một sự giải thích đúng hơn về ý muốn của Đức Chúa Trời trong hôn nhân và ly dị.

¹⁰¹ **19:9** Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “đuối đi” trong các câu 3, 7 và 9. Một số bản dịch (BDM, BDC, BDY, BCG) dùng cùng một từ trong cả ba câu. Tuy nhiên, nhiều bản dịch khác dùng cùng một từ trong câu 3 và câu 9 (“ly dị”), và dùng một từ khác ở câu 7 (“đuối đi”).

¹⁰² **19:9** Có lẽ để “trừ khi (người vợ) không chung thủy” ở đầu hay ở cuối cùng trong câu 9 thì rõ ràng hơn và không làm ngắt câu. Thí dụ, bạn có thể nói: “Người đàn ông chỉ có thể {đuối ⇔ ly dị} vợ nếu vợ {không chung thủy ⇔ phạm tội ngoại tình}.” Xem bạn đã làm gì trong một trường hợp tương tự ở trong Ma 5.32.

¹⁰² **19:9 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su hàm ý ở đây rằng nếu vợ ngoại tình, người đàn ông có quyền ly dị vợ mình và cưới người khác. Đức Chúa Trời không coi đó là phạm tội tà dâm.

¹⁰³ **19:9** Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng nhóm từ này có nghĩa “trừ khi (người vợ) không chung thủy” hay “trừ khi (người vợ đã) phạm tội tà dâm”. Tuy nhiên, một vài người (và BCG) nghĩ rằng “trừ khi hôn nhân không hợp pháp.” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một nhóm từ tương tự ở trong Ma 5.32.

¹⁰⁴ **19:9** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “đang phạm tội tà dâm” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác dùng “khiến cho nàng phạm tội tà dâm”.

¹⁰⁵ **19:9** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC) có câu “<Và> bất cứ ai cưới người vợ bị ly dị thì phạm tội tà dâm.” Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) không có câu đó. BDY để vào **LỜI CHÚ THÍCH**. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ cùng một câu ở Ma 5:32.

¹⁰⁶ **19:11** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “lời tuyên bố/sự dạy dỗ [đó]” đề cập đến điều Chúa Giê-su nói về đời sống vợ chồng trong các câu 4–9. Tuy nhiên, nhiều học giả (và BDY) nghĩ nhóm từ này nói đến điều các môn đệ vừa nói trong câu 10 về việc không lấy vợ. Một vài học giả cho rằng nó đề cập trước đến điều Chúa Giê-su nói ở trong câu 12 về bị hoạn.

¹⁰⁷ **19:12** Một người hoạn là một người đàn ông bất lực về sinh lý, tức là, người ấy không thể có con hay quan hệ vợ chồng/tình dục được. Hãy chuyển ngữ như thế nào để không làm người đọc mắc cỡ.

không lấy vợ} ¹⁰⁸ (bởi vì) họ được sanh <từ trong bụng mẹ> {như vậy ⇔ không có thể lấy vợ được ⇔ bất lực}, <và> một số người {hoạn ⇔ không lấy vợ} (bởi vì) họ đã bị người ta ^{GTK109} {thiến ⇔ làm cho không thể lấy vợ ⇔ bắt buộc không lấy vợ} và một số người {hoạn ⇔ không lấy vợ} (bởi vì) họ {đã tự thiến ⇔ đã tự làm họ trở nên như vậy ⇔ quyết định không lấy vợ} {vì cố Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ để họ có thể tận hiến hầu việc Chúa (không bị chi phối bởi trách nhiệm hay lo lắng của người có gia đình) ⇔ để họ có thể hầu việc Chúa tốt hơn}. {Ai ⇔ Những người} có thể {nhận (điều Ta đang nói) ⇔ sống ^{GTK110} độc thân ⇔ lập gia đình} thì hãy nhận/làm.”

**19:13-15 {(Chúa) Giê-su Chúc Phước Cho Một Số Trẻ Em
⇔ Hãy Khiêm Nhường Như Những Trẻ Em}**

Mác 10:13-16; Lu-ca 18:15-17

13 Lúc đó ^{GTK111} {trẻ con ⇔ trẻ em} được đem đến cho Chúa (Giê-su) để Ngài ¹¹² {đặt tay trên ⇔ sờ đến} ¹¹³ {chúng ⇔ đầu/vai của chúng} và ^{NTT} {câu nguyện ⇔ xin Đức Chúa Trời (ban phước cho chúng)}, nhưng các môn đệ (của Ngài) ^{NTT} {quở trách/la chúng/họ (vì đã đến với (Chúa) Giê-su/Ngài) ⇔ ra lệnh/bảo người ta thôi làm phiền (Chúa) Giê-su/Ngài ⇔ ngăn cản người ta (đến với Chúa Giê-su/Ngài)}. **14** Nhưng/Nên (Chúa) Giê-su/Chúa nói với (các môn đệ của Ngài): “Hãy cho phép/để những ^{GTK114} {con trẻ ⇔ trẻ em} đến cùng Ta! <Và> {đừng ngăn cản/ngăn chúng ⇔ đừng giữ chúng ở xa}, bởi vì

¹⁰⁸ **19:12** Bạn có thể thu ngắn phần còn lại của câu và nói: “...(bởi vì) khuyết tật bẩm sinh hay bởi vì họ bị người khác thiến hay tự thiến {vì cố Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời...”

¹⁰⁹ **19:12** Nhiều học giả Kinh Thánh giải thích “bị thiến” nói đến việc chặt bỏ dương hoàn của người đàn ông. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng có có ý nghĩa tổng quát hơn “quyết định không lấy vợ”. Hãy chuyển ngữ “bị thiến” cách nào để **không** làm người đọc mắc cỡ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong thời Chúa Giê-su có nhiều người đàn ông bị thiến. Thí dụ, những vị vua thường thiến các người đầy tớ làm việc ở trong cung của các bà hoàng hay cung phi ở. Đôi khi thiến cũng là một hình thức trừng phạt. Người Do Thái coi việc thiến là việc đáng ghê tởm, bởi vì những hoạn quan bị loại ra khỏi dân sự của Đức Chúa Trời (Phục 23:1). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời cho các hoạn quan hy vọng ở trong Ê-sai 56:3–5.

¹¹⁰ **19:12** Hãy nhất quán với sự lựa chọn của bạn trong câu 11.

¹¹¹ **19:13** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể nói đến trẻ em từ 8 ngày cho đến 12 tuổi, vậy nên có thể chuyển ngữ là “con trẻ” (như BDM, BDC, BDY) hay “trẻ em” (như BCG). Ý nào cũng thích hợp với ngữ cảnh và được nhiều bản dịch dùng. Tuy nhiên, đoạn Kinh Thánh song ở trong Lu-ca 18:15 dùng từ chỉ các em bé, vậy nên có thể tốt hơn là dùng con trẻ ở đây.

¹¹² **19:13** Chuyển ngữ “đặt tay trên/sờ đến” **không** nên có ý hướng về tình dục hay có nghĩa là Chúa Giê-su tấn công các trẻ em. Chúa Giê-su đụng đến chúng để **ban phước** cho chúng (hãy xem câu 15). Nếu cần bạn có thể nói: “...để Ngài **ban phước** cho chúng...”

¹¹³ **19:13** Bản Hy-lạp không nói rõ là Chúa Giê-su đụng đến các trẻ em ở **chỗ nào**. **Nếu được**, tốt nhất là cũng để mơ hồ như vậy ở trong bản dịch của bạn. Tuy nhiên, nếu ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải nói rõ đụng đến ở chỗ nào, bạn có thể nói “**đầu của chúng**” (hãy xem Sáng Thế Ký 48:13–22). Nếu người ta kiêng cử không sờ/đụng vào đầu, bạn có thể nói “vai của chúng”. Hãy xem bạn làm gì với những trường hợp tương tự ở trong Ma 8:3 và 9:18.

¹¹⁴ **19:14** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “con trẻ” trong câu 13.

GTK115 {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời thuộc về (những người) ⇔ chúng là những người khiêm nhường/tin cậy được Đức Chúa Trời cai trị ⇔ Nước Thiên Đàng được gồm những người như vậy ⇔ công dân của Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời là người (khiêm nhường/tin cậy) như chúng}.” **15** Sau đó (Ngài/Chúa Giê-su) ¹¹⁶ đặt tay của (Ngài) trên các em, ^{NTT117} (cầu nguyện cho chúng ⇔ ban phước cho chúng) (và rồi) rời khỏi nơi đó.

19:16-29 {**Một Thanh Niên Giàu Có Hỏi (Chúa) Giê-su Về Sự Sống Đời Đời ⇔ Người Ta Không Thể Nào Đầu Phục Sự Cai Trị Của Đức Chúa Trời Nếu Không Có Quyền Năng Của Ngài ⇔ Sự Nguy Hiểm Của Giàu Có**}

Mác 10:17-31; Lu-ca 18:18-30

16 {<Sau đó, hãy nhìn/đột nhiên> ⇔ Cùng một ngày đó} có một ¹¹⁸ thanh niên đến với Ngài/(Chúa) Giê-su (và) hỏi (Ngài): “(Thưa) Thầy ¹¹⁹ [toàn thiện], ¹²⁰ tôi phải làm điều thiện gì để {tôi sẽ ¹²¹ được có sự sống đời đời ⇔ Đức Chúa Trời sẽ cho tôi sự sống đời đời ⇔ tôi sẽ sống đời đời} (với Đức Chúa Trời/Chúa) (ở trên Thiên Đàng)?” **17** <Rồi>/Nhưng Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi/bảo anh ta: ^{CH} {Tại sao con ⇔ Hãy suy nghĩ về điều con đang <nói>} ¹²² {hỏi ¹²³ Ta về điều thiện ⇔ [gọi Ta là Toàn Thiện]?/! ¹²⁴ {Chỉ có một Đấng Toàn

¹¹⁵ **19:14** Bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một nghĩa ở đây. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây là một thành ngữ (“Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời thuộc về những người ấy”) có nghĩa là “họ là loại người mà Đức Chúa Trời cai trị”. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ rằng nó có nghĩa “Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời gồm có những người như vậy”.

¹¹⁶ **19:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đặt tay (Ngài) trên**” trong câu 13.

¹¹⁷ **19:15** Câu 13 cho chúng ta thấy **mục đích** của việc đặt tay trên trẻ em là để cầu nguyện hay chúc phước cho chúng. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ ở đó.

¹¹⁸ **19:16** Trong câu 20 người này được gọi là một “**thanh niên**” có nghĩa là anh ta khoảng 20, 30 tuổi.

¹¹⁹ **19:16** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “Toàn Thiện” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội (UBS), BDM, BDC, BDY, BCG) không có.

¹²⁰ **19:16** Khi chuyển ngữ “**tôi phải làm điều thiện gì**” **không** nên hàm ý là người thanh niên này chưa bao giờ làm điều thiện nào cả. Anh ta muốn biết những điều thiện anh ta đã làm có đủ với sự đòi hỏi của Chúa Giê-su không. Trong bản Hy-lạp **không** cho chúng ta biết là anh ta nghĩ anh ta đã làm tất cả mọi điều cần thiết hay không.

¹²¹ **19:16** Khi chuyển ngữ “**có sự sống đời đời**” **không** nên nói đến việc sống trên đất đời đời, nhưng mà là sống đời đời với Đức Chúa Trời trên thiên đàng sau khi đã chấm dứt đời sống trên đất.

¹²² **19:17** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội, BDM, BDC, BDY, BCG) có câu hỏi “**Tại sao con hỏi Ta về điều thiện?**” Tuy nhiên, nhiều người khác (và Văn Bản Đa Số) dùng một câu hỏi tu từ khác “**Tại sao con gọi Ta là Toàn Thiện?**” Sau đó, các bản thảo Hy-lạp có câu “**Không có ai toàn thiện, chỉ có Đức Chúa Trời mà thôi**” thay vì “**Chỉ có một Đấng là Toàn Thiện.**”

¹²³ **19:17** Trong bản Hy-lạp từ “**Ta**” được để gần đầu câu để tăng sự quan trọng của nó. Từ “**Đấng**” trong câu kế tiếp cũng vậy.

¹²⁴ **19:17** Khi chuyển ngữ câu 17 **không** nên hàm ý rằng Chúa Giê-su không toàn thiện.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người này và những người Do Thái khác nghĩ rằng nếu họ {tốt ⇔ làm điều phải}, họ sẽ được cứu khỏi sự trừng phạt đời đời (Thi-thiên 15, 24). Chúa Giê-su cho thấy chỉ có Đức Chúa Trời là toàn thiện (với ý “không có tội lỗi”), hàm ý rằng không có ai (kể cả người

Thiện. ⇔ Chỉ có Đức Chúa Trời là Toàn Thiện ⇔ ¹²⁵[Không có ai toàn thiện, chỉ có Đức Chúa Trời mà thôi.] <Nhưng/Và> nếu con muốn {vào sự sống (đời đời) ⇔ sống (đời đời) (với Đức Chúa Trời)}, (thì) ¹²⁶{hãy làm theo các điều răn/luật pháp (của Chúa/Đức Chúa Trời) ⇔ hãy vâng lời Đức Chúa Trời/Ngài}.” **18** {Anh ta ⇔ Người thanh niên} hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: “{Tôi (phải giữ/làm theo) (những điều răn) nào? ⇔ (Tôi phải vâng lời Đức Chúa Trời) như thế nào?}” <Sau đó> (Chúa) Giê-su trả lời (anh ta): ¹²⁷“(Đức Chúa Trời ra lệnh cho mọi người:): ¹²⁸‘Đừng giết người, {đừng phạm tội ¹²⁹tà dâm ⇔ đừng có quan hệ tình dục với vợ/chồng của người khác ⇔ Hãy chung thủy với vợ/chồng của mình}, đừng ăn cắp (cái gì của ai), ¹³⁰{đừng làm chứng dối (trước tòa) ⇔ đừng vu cáo cho ai ⇔ đừng nói dối}, **19** ¹³¹Hãy hiếu kính cha mẹ, và yêu ¹³²{người lân cận ⇔ mọi người mà con tiếp xúc với ⇔ người khác} như mình.’ ” (Xuất 20:12-16, Phục 5:16-20, Lê-vi-ký 19:18) **20** ¹³³(Sau đó) người thanh niên nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: “Tôi đã ¹³⁴giữ/làm theo tất cả (những điều răn/luật pháp) đó ¹³⁵[từ thuở nhỏ ⇔ từ khi tôi còn nhỏ].

thanh niên) có thể toàn thiện đủ để tự cứu chính mình (La Mã 3:23). Đức tin nơi Chúa Giê-su cứu người ta, và đức tin là một món quà từ Đức Chúa Trời chứ không thể tự kiếm lấy được (La Mã 3:27–28, E-phê-sô 2:8–9). Chúa Giê-su muốn người thanh niên nhận thức rằng sự sống đời đời tùy thuộc vào điều Đức Chúa Trời làm, không phải nơi việc của con người làm (hãy xem 19:26, 30–20:16).

¹²⁵ **19:17** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về các sự giải thích khác nhau ở trong câu 17.

¹²⁶ **19:17** Mệnh lệnh “**hãy giữ/làm theo các điều răn của Đức Chúa Trời**” muốn nói đến một việc được **tiếp tục làm, không phải chỉ làm một lần**.

¹²⁷ **19:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các điều răn Chúa Giê-su nhắc đến ở đây là một số điều răn trong 10 điều răn mà Đức Chúa Trời ban cho Môi-se trên núi Si-nai (Hãy xem Xuất 20:1–17 và Phục 5:6–22) và phải làm với lòng yêu thương người khác (điều này có vẻ như là yếu điểm của người thanh niên này). Chúng đại diện cho tất cả các điều răn của Đức Chúa Trời.

¹²⁸ **19:18** Các điều răn ở trong các câu 18 và 19 áp dụng cho tất cả mọi người và nên diễn tả dưới hình thức một **điều răn tổng quát**. Để làm như vậy một cách tự nhiên một số ngôn ngữ có thể đòi hỏi phải thay đổi đại từ hay số chủ từ của câu. Thí dụ, bạn có thể nói: “con/các con không được...”, hay “Một người không được...”, hay “Người ta không được...”, hay “Không ai được...”

¹²⁹ **19:18** Chuyển ngữ “**tà dâm**” theo cách nào để người đọc **không** mắc cỡ. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về tà dâm ở Ma 5:27.

¹³⁰ **19:18** “**Đừng làm chứng dối**” đặc biệt nói đến việc làm chứng trong tòa án. Tuy nhiên, nhiều bản dịch để một cách tổng quát “**đừng nói dối**”.

¹³¹ **19:19** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Hiếu kính cha mẹ**” trong Ma 15:4.

¹³² **19:19** Trong ngữ cảnh này “**người lân cận**” nói đến người mà bạn tương tác với, **không** phải chỉ là ông hàng xóm ở bên cạnh nhà (hãy xem Lu-ca 10:29–37).

¹³³ **19:20** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Tôi đã giữ/làm theo...,” người thanh niên trả lời: “Tôi còn thiếu gì nữa...”

¹³⁴ **19:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sứ đồ Phao-lô nói tương tự như vậy ở trong Phi-líp 3:6. Cả hai người đều nói về vâng lời Đức Chúa Trời về phần bên ngoài, tức là, điều họ làm hay không làm. Nhưng Đức Chúa Trời chú trọng đến vâng lời về bên trong, tức là, tư tưởng và tấm lòng.

¹³⁵ **19:20** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**từ thuở nhỏ**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có lẽ người thanh niên giàu có này muốn nói đến lúc anh ta khoảng 13 tuổi, là tuổi mà các em bé trai Do Thái bắt đầu chịu trách nhiệm về làm theo Kinh Luật Môi-se.

¹³⁶{Tôi còn thiếu điều gì ⇔ Còn có điều gì khác tôi cần phải làm} (để được sự sống đời đời ⇔ để sống đời đời với Đức Chúa Trời)?” **21** (Chúa) Giê-su trả lời anh ta: “Nếu con muốn {được ¹³⁷toàn hảo (trước mặt Đức Chúa Trời) ⇔ được toàn hảo theo như Đức Chúa Trời muốn ⇔ yêu mến người ta theo cách của Đức Chúa Trời ⇔ được trưởng thành về phần đạo đức và thuộc linh}, hãy đi (và) ¹³⁸bán tất cả điều gì con có và đem phân phát (tiền) cho người nghèo, thì {con sẽ có ¹³⁹của cải/phần thưởng (từ Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời sẽ ban thưởng cho con} trên Thiên Đàng. {Rồi thì ⇔ Sau khi con làm điều đó,} hãy đến (và) ¹⁴⁰{theo Ta ⇔ trở nên môn đệ của Ta}.” **22** <Nhưng> khi người thanh niên nghe {lời/trả lời/lời chỉ dẫn (của Chúa Giê-su) ⇔ nói thế ⇔ điều (Chúa) Giê-su nói}, anh ta {bỏ đi (rất là) ¹⁴¹buồn/thất vọng ⇔ rất là buồn/thất vọng và bỏ đi, ¹⁴²bởi vì anh ta {có nhiều ¹⁴³của cải lắm (và không muốn từ bỏ chúng) ⇔ rất giàu (và không muốn bỏ sự giàu có của mình)}.

23 Rồi thì (Chúa) Giê-su nói với các môn đệ của Ngài: “^{GTK144}{A-men/Phải, ¹⁴⁵(đó là điều đã xảy ra,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con là} thật là khó khăn ¹⁴⁶cho người giàu ^{GTK147}{vào Nước Thiên Đàng ⇔ trở nên công

¹³⁶ **19:20** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu hỏi “tôi còn thiếu điều gì?” hàm ý người thanh niên này nghĩ rằng anh ta vẫn còn thiếu một điều gì nữa. Tuy nhiên, cũng có thể là anh ta chỉ hỏi cho biết, có lẽ hy vọng rằng Chúa Giê-su sẽ khen ngợi anh ta và nói rằng anh ta đã làm đủ mọi điều đòi hỏi.

¹³⁷ **19:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ma-thi-ơ 5:43–48 và 19:17–19 cho thấy rằng được toàn thiện có nghĩa là phải yêu người khác như Đức Chúa Trời yêu họ. Hai điều răn lớn nhất của Đức Chúa Trời là phải yêu Chúa và yêu người khác—tất cả các điều răn khác đều ra từ hai điều răn này.

¹³⁸ **19:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mệnh lệnh này không phải là mệnh lệnh cho tất cả những người giàu có, nhưng cho những ai có cùng một nan đề với người thanh niên này. Chúa Giê-su biết rằng thanh niên này yêu của cải mình có hơn là yêu mến Đức Chúa Trời. Bảo cậu ta bán hết của cải và phân phát tiền, Chúa Giê-su chỉ muốn làm cho cậu ta suy nghĩ về thứ tự ưu tiên và nhận thức rằng sự quan hệ của cậu với Đức Chúa Trời chỉ đúng khi cậu đặt Đức Chúa Trời là ưu tiên một.

¹³⁹ **19:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “của cải ...trên thiên đàng” ở Ma 6:20.

¹⁴⁰ **19:21** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “theo Ta” ở Ma 9:9.

¹⁴¹ **19:22** Chuyển ngữ “buồn” ở đây không nên hàm ý là có người chết.

¹⁴² **19:22** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải thay đổi **thứ tự** của câu 22 và nói: “<Sau đó> người thanh niên có nhiều của cải (và không muốn từ bỏ chúng). Vì vậy khi cậu nghe Chúa Giê-su nói, cậu buồn bã/thất vọng bỏ đi.

¹⁴³ **19:22** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp thường được dùng để nói đến **đất**, nhưng cũng có thể bao gồm các của cải khác.

¹⁴⁴ **19:23** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

¹⁴⁵ **19:23** Chúa Giê-su đang phê bình về người thanh niên giàu có bỏ đi cách buồn bã.

¹⁴⁶ **19:23** Vì đây là một **nguyên tắc tổng quát** áp dụng cho tất cả những người giàu có, có thể tốt hơn nên nói: “thật rất khó cho người giàu có đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời.”

¹⁴⁷ **19:23** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “vào Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời” có nghĩa là “đầu phục dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời” ở đây, hay “để cho Đức Chúa Trời cai trị/hướng dẫn.” Tuy nhiên, dựa trên ngữ cảnh, nhất là các câu 17 và 25, nhiều học giả khác nghĩ rằng nó có nghĩa là “có sự sống đời đời” hay “vào Nước Thiên Đàng”. Nếu không chuyển ngữ từng từ một, hãy để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH** với cách giải thích không được dùng ở trong đoạn kinh văn.

dân trong nước Đức Chúa Trời ⇔ đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời ⇔ cho phép Đức Chúa Trời cai trị ⇔ có sự sống đời đời}. 24 {Một lần nữa ⇔ Thật,} Ta bảo các con ¹⁴⁸{¹⁴⁹lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu có vào Nước Đức Chúa Trời ⇔ khó cho người giàu có ¹⁵⁰đầu phục sự cai trị/thảm quyền của Đức Chúa Trời hơn là cho lạc đà chui qua lỗ kim ⇔ ¹⁵¹thật là bất khả dĩ cho người giàu có đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời}.”

25 <Bây giờ/Và> khi ¹⁵²các môn đệ [của Chúa]/(Chúa) Giê-su nghe (Ngài/(Chúa) Giê-su nói ^{NTT}vậy), họ hoàn toàn/rất là ¹⁵³sửng sốt/ngạc nhiên (và) hỏi (Chúa): “(Nếu điều Ngài nói là thật, ⇔ Nếu khó cho người giàu có được cứu,) ^{CH}{thì ai có thể ⇔ làm thế nào cho một người có thể ⇔ thì chắc chắn không ai có thể} ¹⁵⁴{được cứu (khỏi bị trừng phạt vì tội lỗi của họ) ⇔ vào Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ có sự sống đời

¹⁴⁸ 19:24 Hãy để ý là Chúa Giê-su dùng cách nói phóng đại ở đây. Chúa **không** chỉ nói là người giàu không thể nào vào được Nước Đức Chúa Trời; Chúa nói rằng **còn hơn là bất khả dĩ** cho họ làm được. Hãy quyết định cách nào tự nhiên nhất để **so sánh** một con lạc đà và lỗ kim với người giàu vào Nước Đức Chúa Trời. Thí dụ, với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “thật là **bất khả dĩ** cho một con lạc đà chui qua lỗ kim, nhưng **thật {còn khó hơn ⇔ hơn là bất khả dĩ}** cho người giàu có...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là bất khả dĩ cho một con lạc đà (con vật lớn nhất của người Do Thái) đi qua một lỗ kim. Chúa Giê-su dùng minh họa này để nói rằng thật càng bất khả dĩ hơn cho người giàu có đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời bằng sức riêng của họ. Chỉ có Đức Chúa Trời mới làm điều đó được (câu 26).

¹⁴⁹ 19:24 Nếu trong địa bàn của bạn không có **lạc đà**, bạn có thể nói tổng quát hơn “một con vật rất lớn”. Hay bạn có thể nói “một con vật lớn (có gù ở lưng) gọi là lạc đà”. Hay bạn có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH** và dùng sự thay thế thích hợp với văn hoá trong đoạn kinh văn. Lạc đà lớn hơn con bò. Khi nào bạn dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá, **phải chắc chắn** là người ta sẽ chấp nhận đó là một điều có thể nói được ở trong Kinh Thánh.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một con lạc đà đứng bên cạnh một người để cho thấy sự khác biệt về kích thước. Hay một người đang cưỡi lạc đà theo sau là một đoàn người chớ hành lý trên lưng lạc đà.

¹⁵⁰ 19:24 Bạn có thể chuyển ngữ “đầu phục sự cai trị của Đức Chúa Trời” như là “có sự sống đời đời”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ cùng một nhóm từ ở trong câu 23.

¹⁵¹ 19:24 Nếu dùng cách giải thích này trong bản dịch, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

¹⁵² 19:25 Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**của Chúa**” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý. Hãy làm cách nào cho tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

¹⁵³ 19:25 Để có thể làm cho rõ ràng **tại sao** các môn đệ của Chúa Giê-su rất là **ngạc nhiên** về điều Chúa nói về người giàu có, bạn có thể bắt đầu câu 25 bằng cách nói: “<Bây giờ/Và> (người Do Thái tin/ngĩ rằng sự giàu có là dấu hiệu Đức Chúa Trời chấp nhận một người, vì vậy) khi các môn đệ [của Chúa] Giê-su nghe...” Tuy nhiên, nhiều dịch giả sẽ muốn bản dịch của họ sát với nguyên văn và vậy nên họ sẽ kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái tin rằng giàu có là một dấu hiệu chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời chấp thuận một người và ban phước cho người đó (Thi-thiên 128, Châm Ngôn 10:22). Đó là lý do tại sao các môn đệ của Chúa Giê-su rất là ngạc nhiên ở đây.

¹⁵⁴ 19:25 **Không** nên làm cho người đọc hiểu rằng các môn đệ của Chúa Giê-su thay đổi đề tài khác với điều Chúa Giê-su nói đến ở trong các câu 23–24. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, nên để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “được cứu” là một cách khác để nói “vào Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời” (hãy xem câu 23) hay “có sự sống đời đời” (hãy xem câu 16).

đòi}?!” **26** <Rồi thì> (Chúa) Giê-su/Ngài nhìn họ (và) {nói ⇔ trả lời} họ: “{Với loài người ¹⁵⁵việc này không ai làm nổi ⇔ Con người không thể nào tự cứu mình được}, {nhưng với Đức Chúa Trời ¹⁵⁶mọi việc đều có thể được ⇔ nhưng Đức Chúa Trời có thể cứu họ vì Chúa có thể làm bất cứ điều gì}.”

27 Rồi Phê-rô <trả lời> nói/hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: “{<Hãy nhìn,> ⇔ Về phần chúng con thì sao?} ¹⁵⁷(không giống như người giàu có kia ⇔ không giống như những người giàu có) chúng con đã bỏ hết mọi sự (chúng con có) {và đi theo Chúa ⇔ để trở nên môn đệ của Chúa}. ¹⁵⁸{<Vậy> Đức Chúa Trời sẽ (ban cho) chúng con điều gì ⇔ Chúng con sẽ được (Đức Chúa Trời) ban thưởng như thế nào} (vì chúng con đã làm như vậy)?”

28 <Rồi> (Chúa) Giê-su/Ngài nói với {họ ⇔ các môn đệ của Ngài}: “^{GTK159}{A-men/Phải, (các con đã bỏ hết mọi sự,) (và) Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con} rằng {trong thời đại mới/nước (mà Đức Chúa Trời sẽ thành lập) khi ⇔ khi Đức Chúa Trời làm mọi sự mới và} {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} ngồi trên ¹⁶⁰{ngai vinh hiển của Ngài/Ta (để đoán xét/cai trị mọi người) ⇔ ngai của Ngài/Ta (để đoán xét/cai trị mọi người) với thẩm quyền của Đức Chúa Trời}, các con (mười hai) người đã {theo Ta ⇔ làm môn đệ của Ta} cũng sẽ {ngồi trên mười hai ngai ⇔ mỗi người ngồi trên một ngai} (và/để) ¹⁶¹đ đoán xét/cai trị ^{GTK162}{mười hai chi tộc của Y-sơ-ra-ên ⇔ tất cả dân sự của Đức Chúa Trời} (với Ta). **29** <Và>/Thật, mọi người đã từ bỏ nhà cửa hay anh chị em hay cha mẹ ¹⁶³[hay vợ] hay con cái hay ruộng đất {vì danh Ta ⇔ để đi theo/hậu việc Ta ⇔ để đặt ý muốn của Ta lên trước}, sẽ nhận được (phước hạnh từ

¹⁵⁵ **19:26** “Việc này” nói đến việc vào Nước Đức Chúa Trời (câu 24), cũng giống như được cứu khỏi sự trừng phạt vì tội lỗi (câu 25).

¹⁵⁶ **19:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “nhưng với Đức Chúa Trời mọi việc đều có thể được” là một chủ đề qua cả Cựu Ước, bắt đầu từ Sáng 1:1 (hãy xem câu tuyên bố đặc biệt ở Sáng 18:14 và Gióp 42:2).

¹⁵⁷ **19:27** Vị trí của đại từ “chúng con” trong bản Hy-lạp cho thấy rằng Phê-rô đang so sánh chính mình và các môn đệ còn lại của Chúa Giê-su với người thanh niên giàu có, hay có thể là với người giàu có nói chung.

¹⁵⁸ **19:27** Dựa trên ngữ cảnh (các câu 16–26) bạn có thể nói: “{Chúng con sẽ có ⇔ Đức Chúa Trời sẽ ban cho chúng con} sự sống đời đời (vì chúng con đã làm như vậy)?”

¹⁵⁹ **19:28** Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

¹⁶⁰ **19:28** Bạn có thể nói: “ngai của Chúa / Ta trong sự huy hoàng của thiên đàng” hay “ngai của Chúa/Ta từ thiên đàng/Đức Chúa Trời”. Ngai là một cái ghế đặc biệt để cho vua ngồi đoán xét hay cai trị dân của mình. Trong ngữ cảnh này nó biểu tượng cho thời kỳ Chúa Giê-su sẽ đoán xét/cai trị mọi người.

¹⁶¹ **19:28** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có ý nghĩa đặc biệt “quan toà” hay một ý nghĩa tổng quát hơn “cai trị”, có thể bao gồm cả đoán xét. Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả, mặc dù nhiều học giả thích “cai trị” hơn, vì đó là việc các quan toà/thẩm phán làm trong thời Cựu Ước.

¹⁶² **19:28** Nhiều học giả Kinh Thánh giải thích “mười hai chi tộc của Y-sơ-ra-ên” theo nghĩa đen ở đây. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng mười hai chi tộc đại diện cho tất cả dân sự của Đức Chúa Trời (tức là, Y-sơ-ra-ên mới theo nghĩa thuộc linh) (hãy xem Ma 8:11–12). Có lẽ tốt nhất là nên chuyển ngữ từng từ một và để thông tin đó vào một LỜI CHÚ THÍCH.

¹⁶³ **19:29** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “hay vợ” ở đây. Tuy nhiên, một vài học giả (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có.

Đức Chúa Trời) ¹⁶⁴{gấp trăm lần ⇔ gấp [nhiều]} lần (điều mà người ấy đã từ bỏ) và người ấy cũng ¹⁶⁵{được thừa hưởng/tiếp nhận sự sống đời đời (từ Đức Chúa Trời) ⇔ sống (với Đức Chúa Trời) đời đời}.”

19:30-20:16 Sự Sống Đời Đời Tùy Thuộc Vào Sự Rộng Lượng Của Đức Chúa Trời, Chứ Không Phải Việc Người Ta Làm

30 (Chúa Giê-su tiếp tục ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ): “<Và/Nhưng> nhiều người ¹⁶⁶đang đứng đầu/quan trọng sẽ trở nên cuối/không quan trọng, và (nhiều người) cuối/không quan trọng (sẽ trở nên) đầu/quan trọng./.

20 1 ¹⁶⁷bởi vì<Vi> {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ cách Đức Chúa Trời cai trị (con người)} giống như (câu chuyện về) một {điền chủ ⇔ người có một ¹⁶⁸vườn nho/ruộng} đi ra ¹⁶⁹(chợ) ¹⁷⁰{vào sáng sớm ⇔ khoảng 6:00 giờ sáng} để thuê (một số) {thợ ⇔ công nhân làm việc trong} vườn nho/ruộng của ông. 2 <Rồi thì> (khi ông tìm được một số thợ), (ông) ^{NTT}bằng lòng (trả cho) {những người thợ ⇔ họ} (mỗi người) {một ¹⁷¹đơ-ni-ê một ngày ⇔ lương thường trả cho một ngày công} (và) ^{NTT172}sai

¹⁶⁴ 19:29 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDY) có “gấp trăm lần hơn” ở đây. Tuy nhiên, một vài học giả (và BCG, BDC) có “nhiều lần hơn.” Ý nghĩa cơ bản của cả hai đều giống nhau. Nếu trong ngôn ngữ của bạn không thường dùng con số trong khi so sánh, có thể tốt hơn là dùng “nhiều” ở đây.

¹⁶⁵ 19:29 Chuyển ngữ “thừa hưởng” không nên hàm ý rằng Đức Chúa Trời sẽ chết. Trọng tâm của đoạn kinh văn là tiếp nhận những quyền lợi mà con cái có vì là con của cha mình. Bạn có thể nói: “... và Đức Chúa Trời sẽ ban cho người ấy sự sống đời đời.”

¹⁶⁶ 19:30 “đầu...cuối...cuối...đầu” tương phản với quan niệm của loài người về con người (được dựa trên sự quan trọng/địa vị) với quan niệm của Đức Chúa Trời về con người (được dựa trên đức tin/sự tin cậy nơi Ngài).

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang bảo đảm với các môn đệ là họ có sự sống đời đời. Những người giống như họ, là những người mà người ta cho là không quan trọng, sẽ là “đầu” (tức là, có sự sống đời đời), nhưng những người như là người thanh niên giàu có (câu 22), người được người ta cho là quan trọng, sẽ là “cuối” (tức là, không có sự sống đời đời). Điều đó sẽ xảy ra bởi vì nhiều người (giống như người giàu có này) sẽ từ chối tin cậy nơi Đức Chúa Trời (so sánh với câu 26).

¹⁶⁷ 20:1 Nhiều bản dịch (và BCG, BDY) bắt đầu tiểu đoạn này với 20:1 và để 19:30 vào tiểu đoạn trước (như trong Mác 10:31). Tuy nhiên, bản Hy-lạp (cũng như BDM, BDC) bắt đầu 20:1 với từ “bởi vì” nối kết chặt chẽ đoạn kinh văn với 19:30 (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở 19:30).

¹⁶⁸ 20:1 Bạn có thể chuyển ngữ “vườn nho” là “trại nho” hay “ruộng nho” hay “một ruộng trồng những cây sinh trái gọi là trái nho”. Loại ruộng gì không quan trọng trong câu chuyện ngụ ngôn này, vậy nên nếu tại địa bàn của bạn không biết vườn nho, bạn có thể nói tổng quát là “ruộng” hay “nông trại”.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một vườn nho.

¹⁶⁹ 20:1 Câu 3 cho chúng ta thấy rằng có lẽ ông này đi ra chợ để thuê công nhân về làm việc.

¹⁷⁰ 20:1 Hãy dùng cách nói về giờ giấc nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. Đừng chỉ làm theo bản tiếng Việt, đặc biệt là khi nó có thể làm người đọc lẩn lộn.

¹⁷¹ 20:2 Một “đơ-ni-ê” là tiền lương trung bình của một ngày công. Hãy coi lại **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 18:24 để quyết định xem bạn có nên dùng một loại tiền nào nhất định không.

họ vào (làm việc trong vườn nho của ông). **3** <Và> vào khoảng {giờ thứ ba (sau khi mặt trời mọc) ⇔ 9:00 giờ sáng ⇔ giữa buổi sáng} {ông ta ⇔ người chủ ruộng ⇔ người chủ vườn nho} (lại) đi ra ¹⁷³chợ (và) thấy mấy người đứng {không ⇔ không làm gì ⇔ không có việc làm} (chờ người mướn). **4** <Và> ông ta nói với {những (người) ấy ⇔ họ}: ‘{Các anh cũng đi ⇔ Hãy đi} (và làm việc) trong vườn nho/ruộng (của tôi) và tôi sẽ {trả công ¹⁷⁴xúng đáng cho các anh ⇔ trả lương một cách công bình cho các anh}.’ **5** Vậy họ ^{NTT}(bằng lòng và) đi (làm việc trong vườn nho/ruộng của ông ta). <Rồi> ông ta lại đi ra (chợ) vào khoảng {giờ thứ sáu và giờ thứ chín ⇔ 12:00 giờ trưa và 3:00 giờ chiều ⇔ trưa và giữa buổi chiều} {(và) cũng làm như vậy ⇔ và thuê thêm người (và ^{NTT}gửi họ vào làm việc trong vườn nho/ruộng của ông ta)}. **6** <Rồi> {vào khoảng (giờ) thứ mười một ⇔ khoảng 5:00 giờ chiều ⇔ vào buổi chiều} {ông ta ⇔ điền chủ} lại đi ra (và) gặp (người ta) ¹⁷⁵[ở chợ] {vẫn đứng loanh quanh ở đó ⇔ không có việc làm}. Vậy ông ta hỏi họ: ‘Tại sao anh đứng ở đây cả ngày {ở không ⇔ không làm gì hết ⇔ không có việc làm}?’ **7** Họ trả lời ông ta: ‘Bởi vì không có ai thuê chúng tôi (làm việc).’ (Vậy) ông ta bảo họ: ‘{Các anh cũng có thể đi (và làm việc) ⇔ Tôi cũng sẽ mướn anh làm việc} trong vườn nho/ruộng (của tôi). ¹⁷⁶[Tôi sẽ trả anh đúng giá.]’ (Vậy họ ^{NTT}đồng ý và đi làm việc ở trong vườn nho/ruộng của ông ta.)

8 “<Rồi thì> ¹⁷⁷{đến chiều tối ⇔ vào khoảng 6:00 chiều ⇔ đến cuối ngày}, người chủ vườn nho/ruộng bảo {cai thợ ⇔ quản lý}: ‘Hãy gọi tất cả các công nhân tới và trả lương cho họ. {Bắt đầu ⇔ Trước hết hãy} trả lương cho những người (tôi thuê) sau cùng (và) {sau hết ⇔ cuối cùng} hãy trả lương cho những người (tôi thuê) sớm nhất.’ **9** <Và> những người bắt đầu làm việc {vào ¹⁷⁸giờ thứ mười một ⇔ trễ nhất ⇔ vào khoảng 5:00 giờ chiều ⇔ từ buổi chiều} đến (nhận tiền lương), mỗi người nhận được {một đơ-ni-ê ⇔ tiền lương cho cả ngày}. **10** <Và>/Vì vậy khi những người bắt đầu làm việc sớm nhất {đến nhận tiền lương ⇔ được trả lương}, họ nghĩ rằng họ sẽ được trả lương nhiều

¹⁷² **20:2** Hãy nhớ là bất cứ khi nào bạn thấy ^{NTT}trong đoạn kinh văn, có nghĩa là bản Hy-lạp dùng lối nói gián tiếp, nhưng bạn phải cân nhắc xem dùng **lời nói trực tiếp** nghe có tự nhiên trong bản dịch của bạn không.

¹⁷³ **20:3** Nếu trong địa bàn của bạn **không có chợ**, bạn có thể nói một cách tổng quát hơn là “để mướn thêm người”. Hay bạn có thể thay thế cho thích hợp với văn hoá, tức là, nói đến một nơi mà người ta đi đến để thuê người làm việc.

¹⁷⁴ **20:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người được mướn vào lúc 9:00 giờ sáng, và sau đó nghĩ là sẽ nhận được tiền lương ít hơn là tiền công cho trọn ngày.

¹⁷⁵ **20:6** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) có “**ở chợ**” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý (hãy xem các câu 3, 5). Hãy làm theo cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

¹⁷⁶ **20:7** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có câu “**Tôi sẽ trả lương anh đúng giá.**” Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có nhóm từ đó.

¹⁷⁷ **20:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trả lương cho công nhân trước khi mặt trời lặn là làm theo luật lệ ở trong Lê-vi Ký 19:13 và Phục Truyền 24:15.

¹⁷⁸ **20:9** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**giờ thứ mười một**” trong câu 6. Hãy coi lại tất cả các giờ khác nhau mà bạn dùng trong câu chuyện ngụ ngôn này trong các câu 1, 3, 5, 6, 8 và 9.

(hơn thế ⇔ hơn là tiền lương cho một ngày ⇔ hơn những người được thuê sau họ), nhưng mỗi người cũng nhận được {một đơ-ni-ê ⇔ tiền công cho một ngày ⇔ cùng một số tiền}. **11** Vì vậy sau khi (họ) đã nhận (tiền lương), {họ ⇔ những người được thuê làm sớm nhất} phàn nàn {người chủ ⇔ điền chủ} **12** và nói: ‘(Chủ không công bình!) những người được thuê sau cùng họ (chỉ) làm có một giờ đồng hồ và chủ {cho ⇔ trả lương} họ bằng chúng tôi, {là những người ⇔ nhưng chúng tôi} ¹⁷⁹{đã làm việc nặng nhọc dưới trời nóng nực ⇔ làm việc vất vả và đang nắng suốt ngày}!’ **13** <Nhưng> ¹⁸⁰{ông ta ⇔ điền chủ} <trả lời> nói với một người trong bọn họ: ‘Các bạn ơi, (các anh không nên than phiền.) Tôi không có {làm (gì) sai với ⇔ lừa gạt} các anh.’ ^{CH181}{Cố phải là các anh đã đồng ý ⇔ Hãy nhớ là các anh đồng ý} làm cho tôi với tiền công là {một đơ-ni-ê ⇔ công thường trả cho một ngày} không?/! **14** Hãy lấy (tiền lương) của mình và đi! <Và> (có can hệ gì đến anh nếu tôi muốn/quyết định cho/trả lương những người (đến ⇔ bắt đầu làm việc) sau cùng bằng lương tôi trả cho các anh. **15** ^{CH182}[Hay] tôi không có quyền dùng tiền của tôi theo ý tôi muốn hay sao?/! ^{CH}{Hay ¹⁸³con mắt anh gian ác ⇔ Có phải các anh ghen tị ⇔ Có vẻ như các anh ghen tị} bởi vì tôi tử tế/rộng rãi (với người khác ⇔ với những người được thuê làm sau cùng) phải không?/!’ ” **16** ¹⁸⁴(Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài: ⇔ Rồi Chúa Giê-su kết luận:){“VẬY ⇔ Cũng vậy,} những người ¹⁸⁵cuối/không quan trọng (sẽ trở nên) đầu/quan trọng và những người đầu/quan trọng (sẽ trở nên) cuối/không quan trọng, ¹⁸⁶[bởi vì ^{GTK187}có nhiều (người) được (Đức Chúa Trời) mời/kêu gọi ¹⁸⁸(để có sự sống đời đời), nhưng ^{GTK}{sẽ có ít người ⇔ không phải tất cả} (được) Chúa chọn.]}’

¹⁷⁹ **20:12** Trong bản Hy-lạp có một thành ngữ được dùng, chuyển ngữ từng từ một sẽ là “để mang gánh nặng và sức nóng của một ngày”. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có một thành ngữ tương tự bạn có thể dùng để chuyển ngữ ý trên.

¹⁸⁰ **20:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong câu chuyện ngụ ngôn này người chủ tượng trưng cho Chúa Giê-su, các người công nhân tượng trưng cho những người đi theo Chúa Giê-su, những người công nhân không được ai muốn có lẽ tượng trưng cho người thu thuế và các cô điếm là những người bị các nhà lãnh đạo Do Thái từ khước (21:31), lúc trả lương tượng trưng cho Ngày Đoán Xét và tiền lương giống nhau tượng trưng cho sự sống đời đời. Cũng có thể là những người được thuê đầu tiên tượng trưng cho người Do Thái và những người được thuê cuối cùng đại diện cho người ngoại quốc.

¹⁸¹ **20:13** Bạn có thể nói: “Tôi trả các anh đúng theo điều chúng ta đã đồng ý sáng nay!”

¹⁸² **20:15** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) có “**Hay**” ở đây. Tuy nhiên, một số khác (và BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

¹⁸³ **20:15** Thành ngữ “**con mắt anh gian ác**” có nghĩa là bạn ghen tị với người khác, tức là, bạn khao khát có điều mà người khác có. Hãy xem một thí dụ khác ở trong Ma 6:22–23.

¹⁸⁴ **20:16** Cần nên rõ ràng là chủ vườn nho không còn nói nữa và đây là lời **kết luận** của Chúa Giê-su về câu chuyện ngụ ngôn.

¹⁸⁵ **20:16** Hãy nhất quán về cách chuyển ngữ “**cuối**” và “**đầu**” trong câu 16 và ở Ma 19:30.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở 19:17, 30 về sự sống đời đời là một món quà từ Đức Chúa Trời.

¹⁸⁶ **20:16** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG) có **câu** sau đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY) **không** có câu ấy.

¹⁸⁷ **20:16** Mặc dù nửa phần cuối của câu 16 thường được chuyển ngữ từng từ một, đây có lẽ là một thành ngữ Do Thái có nghĩa là “**tất cả** (mọi người) đều được (Đức Chúa Trời) mời, nhưng {ít người ⇔ **không phải tất cả**} (được) chọn.” Đối với một số ngôn ngữ có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Đức Chúa

20:17-19 (Chúa) Giê-su Lại ¹⁸⁹ {Nói Tiên Tri Về Sự Chết Và Sống Lại Của Ngài ⇔
 Bảo Các Môn Đệ Của Ngài Rằng Chúa Sẽ Bị Giết Nhưng
 Được Đức Chúa Trời ^{GTK} Làm Cho Sống Lại}

Mác 10:32-34; Lu-ca 18:31-34

17 Sau đó, trong khi (Chúa) Giê-su đi ¹⁹⁰ <lên> (thành) Giê-ru-sa-lem (với mười hai môn đệ của Ngài và một số người khác), Chúa đem riêng ¹⁹¹ mười hai môn đệ (của Ngài) ra ^{GTK192} { ¹⁹³ [và] trên đường đi ⇔ một nơi} nói với họ: 18 “<Hãy nhìn/Hãy nghe>, chúng ta đang đi <lên> Giê-ru-sa-lem. <Và>/Tại đó {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đáng trở nên con người} sẽ ^{GTK194} {bị (Đức Chúa Trời) giao cho ⇔ (một người) phản bội giao cho} các thầy thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật. <Và> họ sẽ (đưa Ngài/Ta ra toà,) ^{NTT} kết án ¹⁹⁵ Ngài/Ta tử hình 19 và (rồi) giao Ngài/Ta cho người ngoại quốc/người La-mã để (chúng) chế nhạo (Ngài/Ta), <và> ¹⁹⁶ đánh đập (Ngài/Ta) và ¹⁹⁷ đóng đinh (Ngài/Ta) trên

Trời mời tất cả mọi người..., nhưng Ngài không chọn tất cả mọi người.” Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, nên để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH** với lời giải thích.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nguyên văn trong bản Hy-lạp là “nhiều (người) được mời, nhưng ít (người) được chọn.” Tuy nhiên, có lẽ đó là một thành ngữ Hy-bá có nghĩa là “tất cả (mọi người) được mời, nhưng không phải tất cả (mọi người) đều được chọn.”

¹⁸⁸ 20:16 Nếu trong ngôn ngữ của bạn đòi hỏi bạn phải kể ra Đức Chúa Trời mời để **làm gì**, theo ngữ cảnh thì là về **sự sống đời đời**.

¹⁸⁹ (Tiểu Đề) Hãy xem cách bạn chuyển ngữ tiểu đề tương tự ở Ma 16:21 và 17:22. Đây **không** phải là lần thứ ba Chúa Giê-su tiên tri về sự chết và sự sống lại của Ngài (như một số bản dịch nói); một lần khác mà Chúa nói về việc này là ở trong Ma 17:9–12.

¹⁹⁰ 20:17 Chúa Giê-su (và các môn đệ của Ngài) đi **“lên”** theo cao độ, có lẽ về hướng tây hay tây nam (từ gần thành Giê-ri-cô; câu 29). Nhiều dịch giả để điều đó hàm ý. Giê-ru-sa-lem được xây dựng trên hai ngọn đồi/núi của một rặng núi.

¹⁹¹ 20:17 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có **“mười hai môn đệ (của Ngài)”** ở đây. Tuy nhiên một số bản thảo (và BCG) dùng “nhóm Mười Hai”. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về tước vị đó ở Ma 26:14.

¹⁹² 20:17 Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ là Chúa Giê-su và các môn đệ của Chúa **đứng lại** hay **đang đi** khi Chúa nói với họ.

¹⁹³ 20:17 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) đặt **“và”** ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số) đặt nó ở sau “trên đường”. BDC, BDY không chuyển ngữ. Hãy làm theo cách nào tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

¹⁹⁴ 20:18 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một nhóm từ tương tự ở Ma 17:22, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đây.

¹⁹⁵ 20:18 Trong các câu 18–19 Chúa Giê-su dùng ngôi thứ ba (“Ngài, Chúa”) để chỉ về chính Ngài. Một số ngôn ngữ khác đòi hỏi phải dùng ngôi thứ nhất (“Ta, của Ta”) để làm cho rõ nghĩa.

¹⁹⁶ 20:19 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **“đánh đòn”** ở Ma 27:26.

¹⁹⁷ 20:19 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người La-mã xử tử tội nhân bằng cách đóng đinh trên thập tự giá. Cây thập tự giá làm bằng hai thanh gỗ lớn đóng lại với nhau. Nạn nhân bị đóng đinh vào thập tự giá (với đinh lớn đóng qua cổ tay và cổ chân) và để treo như vậy, đôi khi trong nhiều ngày, cho tới khi chết. Theo luật pháp người Do Thái không có quyền xử tử người, vì họ ở dưới sự cai trị của người La-mã (hãy xem Giăng 18:31–32). Phương pháp xử tử của người Do Thái là ném đá cho đến chết.

¹⁹⁸thập tự giá. Nhưng ¹⁹⁹đến ngày thứ ba sau khi Ngài/Ta đã chết ²⁰⁰Ngài/Ta sẽ (được Đức Chúa Trời làm cho) ^{GTK201}sống lại (từ kẻ chết).”

**20:20-28 {Mẹ của Gia-cơ và Giăng Đến Yêu Cầu (Chúa) Giê-su ⇔
 Chỗ Ngồi Danh Dự Trong Nước Đức Chúa Trời
 ⇔ Hãy Khiêm Nhường Và Phục Vụ Người Khác}**

Mác 10:35-45

20 {Bấy giờ mẹ của ²⁰²(Gia-cơ và Giăng,) con trai của Xê-bê-đê đến gặp Ngài/(Chúa) Giê-su với (hai) con trai của bà. ⇔ Sau đó vợ của Xê-bê-đê đến gặp Ngài/(Chúa) Giê-su với (hai) con trai của bà (Gia-cơ và Giăng).} (Bà) quỳ xuống trước mặt (Ngài/(Chúa) Giê-su) (với sự tôn kính) và ^{NTT}xin Ngài một đặc ân. **21** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi bà: ^{NGT203}“Bà muốn (Ta làm gì cho bà)?” Bà trả lời Ngài: ²⁰⁴“(Xin) hãy nói/ hứa rằng {trong Nước Của Ngài ⇔ khi Ngài cai trị nhân loại,} hai con trai <này> của tôi sẽ (cai trị với Ngài và) ngồi (trên ngai), ((ở chỗ ngồi danh dự nhất,)) ²⁰⁵{một đứa ngồi bên phải Ngài và đứa kia ngồi bên trái của Ngài ⇔ sát bên Ngài}.” **22** Nhưng (Chúa) Giê-su <trả lời> nói (với họ ⇔ với hai con trai của bà ⇔ với Gia-cơ và Giăng): “Các con ²⁰⁶không biết/hiểu điều (phải xảy đến cho các con để được điều) ⇔ (loại trách nhiệm/địa vị) mà các con xin Ta. ²⁰⁷Các con có thể ²⁰⁸{uống chén (đau khổ) mà Ta sắp uống ⇔ ²⁰⁹[hay (các con có thể

¹⁹⁸ **20:19** Bạn có thể chuyển ngữ “**thập tự giá**” là “hai cây bắt ngang lại với nhau”.

¹⁹⁹ **20:19** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**đến ngày thứ ba**” ở Ma 16:22.

²⁰⁰ **20:19** Qua các câu 18–19 cần nên rõ là Chúa Giê-su dùng danh hiệu Con Người để nói đến **chính Ngài**. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ trường hợp tương tự trong Ma 13:41–42, 16:27–28 và 17:22–23. Hãy nhất quán với sự chọn lựa dùng ngôi thứ ba hay ngôi thứ nhất.

²⁰¹ **20:19** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**sống lại**” ở Ma 9:25 và 17:9.

²⁰² **20:20** Qua suốt tiểu đoạn này “**các con trai**” nói đến Gia-cơ và Giăng. Một số dịch giả nói rõ ra, nhưng Ma-thi-ơ tránh dùng tên của họ, vậy nên tốt nhất là để các thông tin đó vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các con trai của Xê-bê-đê là Gia-cơ và Giăng. Cả hai đều là môn đệ của Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 4:21, 10:2) và có thể là anh em bà con của Chúa (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma-thi-ơ 27:56).

²⁰³ **20:21** Câu hỏi của Chúa Giê-su nên có vẻ lễ phép, **không** xằng sớm.

²⁰⁴ **20:21** Lời yêu cầu của vợ Xê-bê-đê nên có vẻ lễ phép, **không** xằng sớm hay đòi hỏi.

²⁰⁵ **20:21** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vị trí kế bên cạnh vua (trong trường hợp này là Chúa Giê-su) là chỗ danh dự và có thẩm quyền cao nhất. Chúa Giê-su đã hứa rằng các môn đệ sẽ cùng cai trị với Ngài (19:28). Gia-cơ và Giăng muốn có địa vị cao nhất.

²⁰⁶ **20:22** Trong câu trả lời đầu tiên của Chúa Giê-su, không rõ là Chúa nói chuyện với Gia-cơ, Giăng và mẹ của họ hay chỉ nói với Gia-cơ và Giăng như trong câu hỏi tiếp theo sau đó.

²⁰⁷ **20:22** Chúa Giê-su có thể muốn để câu này như là một **câu hỏi tu từ**. Tuy nhiên, vì các môn đệ của Chúa trả lời Ngài như một **câu hỏi**, nên chuyển ngữ như một câu hỏi thông thường.

²⁰⁸ **20:22** Thành ngữ “**uống chén mà Ta sắp uống**” có nghĩa là “chịu đau đớn như Ta sắp chịu” hay “**kinh nghiệm** điều Ta sắp kinh nghiệm”. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

chịu phép báp tem mà ta (sấp chịu)] ⇔ chịu đau đớn như Ta sấp chịu đau đớn} không?” Họ trả lời Ngài: ²¹⁰“{Chúng tôi có thể làm được. ⇔ Được, (thưa) Ngài.}” **23** Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ: “Các con sẽ ²¹¹{uống chén (đau khổ) của Ta ⇔ chịu đau đớn như Ta sấp chịu đau đớn}, nhưng Ta không phải là Đấng quyết định/chọn} ai sẽ ngồi ²¹²{(trên ngai) ở bên tay phải hay bên tay trái của Ta ⇔ trên ngai bên cạnh Ta} (khi Ta cai trị ⇔ cai trị với Ta). <Nhưng> ²¹³(những chỗ đó đã được dành sẵn) cho những người đã được (Đức Chúa Trời) Cha Ta {chuẩn bị cho ⇔ chỉ định cho}.”

24 <Và> khi mười môn đệ kia (của Chúa Giê-su) nghe ^{NTT}(điều đó ⇔ điều hai anh em xin Chúa Giê-su), họ ²¹⁴giận dữ với {hai anh em ⇔ hai người}. **25** Nhưng/Vậy (Chúa) Giê-su/Chúa ^{NTT}kêu {(tất cả) họ ⇔ (tất cả) các môn đệ của Ngài} lại và nói (với họ): “Các con biết rằng ²¹⁵những nhà cầm quyền/lãnh đạo của ^{GTK216}người ngoại quốc ²¹⁷{thống trị ⇔ lấy quyền hành trị} ²¹⁸{dân ⇔ dân của họ} và các nhà lãnh đạo/quan quyền (người ngoại quốc) {cai trị (hà khắc) trên ⇔ đàn áp/bóc lột} {họ ⇔ dân của họ}. **26** (Nhưng)

209 **20:22** Nhiều bản Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**hay (các con có thể) chịu phép báp tem mà Ta (sấp chịu) không?**” Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BDY, BCG) **không** có. Các bản thảo có nhóm từ trên cũng có những từ tương tự với các từ ở trong câu 13. Đây là một **thành ngữ** tương tự như ý nghĩa của thành ngữ “uống (từ) chén mà Ta sấp uống”.

210 **20:22** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải có một câu trả lời đầy đủ hơn như: “(Đã được,) chúng con có thể (làm được điều đó).”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Gia-cơ và Giăng không hiểu Chúa Giê-su nói đến sự đau đớn gì.

211 **20:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cả hai Gia-cơ và Giăng đều bị bắt bớ vì phục vụ Chúa Giê-su. Giăng bị đẩy ra đảo Bát-mô (Khải Huyền 1:9) và sau đó chết vì tuổi già (vào khoảng 90 tuổi). Gia-cơ tử đạo tại Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 12:2).

212 **20:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “...**bên mặt...bên trái...**” trong câu 21, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

213 **20:23** Bạn có thể nói: “<Nhưng> (Đức Chúa Trời) Cha Ta đã **quyết định** ai sẽ ngồi trong những chỗ đó.”

214 **20:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mười môn đệ này có lẽ giận bởi vì họ lo rằng chính họ đã mất mát quyền lợi gì từ Chúa Giê-su.

215 **20:25** “**những nhà cầm quyền/lãnh đạo của người ngoại quốc**” được dùng ở đây để đối chiếu cách hướng dẫn/cai trị con người của Chúa Cứu Thế với cách cai trị của những người ngoại quốc.

216 **20:25** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một nghĩa. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng nó có nghĩa là **ngoại quốc/ngoại giáo ⇔ không phải là người Do Thái ⇔ người không biết và không hầu việc Đức Chúa Trời**” (hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**người ngoại quốc**” ở trong Ma 5.47). Tuy nhiên, một vài học giả Kinh Thánh (và BCG) nghĩ rằng nó có vẻ tổng quát hơn và kể cả **tất cả các quốc gia** (tức là, tất cả các sắc dân), kể cả người Do Thái (BCG).

217 **20:25** Trong bản Hy-lạp dùng một thành ngữ có nghĩa là “**thống trị**”, hàm ý là người cai trị chỉ để ý đến quyền lợi của chính mình, không để ý đến nhu cầu của dân. Thành ngữ này đi kèm với “**lấy quyền hành trị dân**” dùng hai cách khác nhau để nói về cùng một ý cho thấy các nhà cầm quyền cai trị dân một cách **hà khắc/khắc nghiệt**. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 4:23.

218 **20:25** “**họ**” ở đây nói đến những người bị cai trị.

{²¹⁹ giữa vòng các con thì không được như vậy ⇔ các con không nên như thế ⇔ các con không được (tham quyền) như họ ⇔ các con không nên chạy theo quyền lực và sự quan trọng}. Thay vào đó, nếu có ai trong các con muốn làm lớn ²²⁰ (trước mặt Đức Chúa Trời), người ấy/con phải (khiêm nhường và) {làm đây tớ cho các con ⇔ phục vụ/giúp đỡ người khác}. **27** <Và> nếu ai trong các con muốn trở nên {đầu/quan trọng ⇔ một người lãnh đạo}, {người ấy phải làm ²²¹ nô lệ/đầy tớ cho các con ⇔ con phải (khiêm nhường và) phục vụ/giúp đỡ người khác}. **28** (Người ấy/Con phải) giống như {(Ta,) Con Người (là Đấng) ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người (và)} ²²² không đến (đây ⇔ thế gian này) để được (người khác) phục vụ, nhưng (Ngài/Ta đã đến) để ²²³ phục vụ (người khác) và {ban cho/hy sinh mạng sống mình ⇔ chết} {(làm) ²²⁴ giá chuộc cho ^{GTK225} nhiều (người) ⇔ thay cho

²¹⁹ **20:26** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số) dùng “**không được**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và BDC, BDY) dùng “**không**”. BDM dùng “không nên” và BCG dùng “không được”.

²²⁰ **20:26** Có thể tốt nhất là để thông tin này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang nói về làm lớn/quan trọng theo quan niệm của Đức Chúa Trời có nghĩa là gì. Chúa thảo luận về cùng một vấn đề ở trong Ma-thi-ơ 18:1–5.

²²¹ **20:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một người nô lệ/đầy tớ thường không có quyền lợi gì và không được trả tiền công. Người chủ sở hữu họ và họ chỉ có việc sẵn lòng và khiêm nhường phục vụ chủ. Cũng như vậy, chúng ta phải hầu việc Đức Chúa Trời (chủ của chúng ta) và phục vụ những người khác (Ma-thi-ơ 22:37–40, Giảng 15:9–17). Khi chúng ta phục vụ người khác, chúng ta cũng phục vụ Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 10:40).

²²² **20:28** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**không đến**” ở Ma 9:13. **Không** nên nói có vẻ như là Chúa Giê-su không đến. Đối với một vài ngôn ngữ có thể cần phải nói: “**đã đến** (đây ⇔ thế gian này) **không** phải để người khác phục vụ, nhưng để phục vụ...” Hay bạn có thể nói: “**Công việc** của {Con Người ⇔ Ta} không phải là để được phục vụ...”

²²³ **20:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su chịu đau đớn và chết thay cho loài người tội lỗi, Chúa đã làm ứng nghiệm lời tiên tri ở trong Ê-sai 53 đã mô tả công việc của Ngài như công việc của Đầy Tớ Đức Chúa Trời.

²²⁴ **20:28 Tiên chuộc** là giá phải trả để cho một người bị cầm giữ được trả tự do. Thí dụ, những người nô lệ hay các tù nhân chiến tranh có thể được tha nếu trả tiền chuộc.

²²⁵ **20:28** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY) nghĩ “**nhiều**” có nghĩa là “không phải tất cả” và ở đây nó chỉ nói đến dân sự của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, nhiều học giả khác (và BCG) nghĩ rằng “**nhiều**” được dùng trong câu này như là một thành ngữ của Do Thái có nghĩa là “**tất cả**” (cũng hãy xem câu 16, 22:14 và 26:28), nhất là vì Chúa Giê-su có lẽ nói bằng tiếng A-ram hay Do Thái. Trong tiếng A-ram và Do Thái “**nhiều**” thường được dùng trong thành ngữ để **đối chiếu** một người với những người khác còn lại (hãy xem La Mã 5:15, 18–19 về các thí dụ khác). Theo cách dùng này, “**nhiều**” **không** có nghĩa là “không phải tất cả”, nhưng mà nó nói đến một số đông người được đối chiếu với một người. Nhiều học giả là những người cho rằng “**nhiều**” là một thành ngữ có nghĩa là “**tất cả**”, nghĩ rằng nó có nghĩa là **tất cả dân sự của Đức Chúa Trời**. Nhiều học giả khác chuyển ngữ “**nhiều**” là “**tất cả**” nghĩ rằng từ này nói đến **tất cả mọi dân tộc** hay **tất cả các chủng tộc** một cách tổng quát. Vì không có một điều gì nói ở trong câu này giới hạn người ta chỉ là dân sự của Đức Chúa Trời, “**tất cả mọi dân tộc**” có vẻ thích hợp với ngữ cảnh nhất. Điều này cũng phù hợp với 1 Ti-mô-thê 2:6 là câu không dùng thành ngữ Do Thái: “...Chúa Giê-su, Ngài đã hiến chính mình làm giá chuộc **mọi người**”. Tuy nhiên, các bản dịch tiếng Việt (BDM, BDC, BCG, BDY) dùng “**nhiều**” trong đoạn kinh văn, có lẽ tốt nhất nên làm như vậy và thêm **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Nếu bạn **không** chuyển ngữ từng từ một, hãy để nguyên văn trong một **LỜI CHÚ THÍCH** với lời giải thích ngắn.

GTK nhiều người để giải phóng họ khỏi (bị trừng phạt vì tội lỗi của họ) ⇔ để trả án phạt mà Đức Chúa Trời đòi hỏi vì tội lỗi mà mọi người đã phạm}.”

20:29-34 (Chúa) Giê-su Chữa Lành Hai Người Mù Ở Thành Giê-ri-cô

Mác 10:46-52; Lu-ca 18:35-43

29 <Sau đó> khi ²²⁶{họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài} rời khỏi (thành phố) ²²⁷ Giê-ri-cô, một ²²⁸ đám đông lớn đi theo Ngài. 30 {<Và hãy nhìn,> ⇔ Cũng có hai người mù ngồi ở bên đường ^{NTT}(xin tiền người ta). Khi ²²⁹(họ) nghe (người ta nói) ^{NTT}rằng (Chúa) Giê-su đi qua chỗ họ, họ ²³⁰ kêu lớn lên (với Ngài) <nói>: “(Xin) ²³¹{hãy thương xót chúng tôi ⇔ hãy nhân từ với chúng tôi} ²³²(và chữa lành/giúp đỡ chúng tôi), ²³³Lại Ngài/Thầy, ²³⁴{Con/Dòng dõi (Vua) Đa-vít ⇔ người thừa kế Vương Quốc của

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “nhiều” được dùng ở đây như một thành ngữ của Do Thái (tức là, một thành ngữ mượn từ tiếng Do Thái hay A-ram) có nghĩa là “tất cả”. 1 Ti-mô-thê 2:6 cũng nói về sự chết của Chúa Giê-su như là giá chuộc cho tất cả mọi người. Mặc dù Đức Chúa Trời yêu thương tất cả mọi người và hy sinh Con Ngài cho họ, chỉ có những người tin cậy nơi Chúa Giê-su mới được cứu khỏi sự trừng phạt đời đời về tội lỗi của họ. Thí dụ, hãy xem Giăng 3:16, 18, 36; Mác 16:15–16; Công Vụ 4:12, 16:31; 2 Cô-rinh-tô 5:14–15; và Ê-phê-sô 2:8–9, 1 Ti-mô-thê 4.10 và 2 Phê-rơ 3.9.

²²⁶ 20:29 Hãy xem cách bạn bắt đầu Ma 2:13, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó về **giới thiệu lại** người ta và nơi chốn trong từng tiểu đoạn một.

²²⁷ 20:29 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thành phố Giê-ri-cô cách sông Giô-đanh khoảng 8 km về phía tây và cách Giê-ru-sa-lem 24 km về hướng đông bắc.

²²⁸ 20:29 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ có hàng ngàn người đi từ tỉnh Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua và nhiều người trong đám người này đã gia nhập vào đám đông đi theo Chúa Giê-su.

²²⁹ 20:30 Một số ngôn ngữ có một đại từ đặc biệt chỉ về hai người. Nếu trong ngôn ngữ của bạn có như vậy nên dùng nó để chỉ về **hai** người mù qua suốt tiểu đoạn này. Nhiều ngôn ngữ không có đại từ như vậy.

²³⁰ 20:30 Chuyển ngữ “**kêu lớn lên**” **không** nên hàm ý rằng hai người mù này giận dữ. Họ muốn Chúa Giê-su nghe được tiếng của họ giữa những tiếng ồn ào của đám đông.

²³¹ 20:30 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Hãy thương xót chúng tôi!” là một lời yêu cầu Đức Chúa Trời thường được thấy ở trong sách Thi-thiên. Thí dụ, hãy xem Thi-thiên 4:1, 6:2, 41:4, 10; 51:1, 109:26, 123:3.

²³² 20:30 Cần nên rõ là hai người mù này đang xin **giúp đỡ**.

²³³ 20:30 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**Chúa/Thầy**” ở đây. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói như sau: “Chúa, Con (Vua) Đa-vít” ở **đầu câu** đối thoại này (hãy xem cách bạn làm trong Ma 9:27). Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói “Chúa/Thầy **của chúng tôi**”. Hãy xem bạn đã làm gì ở Ma 15:22.

²³⁴ 20:30 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Con trai của Đa-vít**” trong Ma 9:27, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là đáng chú ý vì hai người mù kia ở trong Ma-thi-ơ 9:27 cũng gọi Chúa Giê-su là Con/Dòng dõi vua Đa-vít (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về ý nghĩa của tước vị này ở đó).

(Vua Đa-vít)!” **31** <Rồi> đám đông ^{NTT235}quở/la rầy họ ^{NTT}bảo họ nên im đi, nhưng họ càng kêu lớn hơn <nói>: ²³⁶“(Xin) {thương xót chúng tôi} ⇔ hãy nhân từ với chúng tôi} (và chữa lành/giúp đỡ chúng tôi), Chúa/Thầy, {Con trai/Dòng dõi của (Vua) Đa-vít ⇔ người thừa kế Vương Quốc của (Vua) Đa-vít}!” **32** Rồi/Vậy (Chúa) Giê-su/Chúa dùng chân lại (và) gọi {họ ⇔ hai người mù} <và hỏi (họ)>: ^{NGT237}“Các con muốn Ta làm gì cho các con?” **33** Họ trả lời Chúa: “(Lạy) Chúa, (xin) {hãy mở/chữa lành mắt chúng tôi ⇔ chữa lành cho chúng tôi} (để chúng tôi có thể ^{GTK}nhìn thấy)!” **34** <Và> (Chúa) Giê-su/Chúa ²³⁸động lòng thương xót (họ, nên) Ngài đụng vào mắt họ và {lập tức ⇔ ngay lúc đó} ²³⁹{họ ⇔ [mắt họ]} ²⁴⁰có thể ^{GTK241}{nhìn thấy ⇔ lại nhìn thấy} được! Sau đó họ ^{GTK242}{đi theo Ngài ⇔ đi với Ngài (và đám đông) (đi về hướng Giê-ru-sa-lem) ⇔ trở nên môn đệ của Ngài}. ²⁴³

²³⁵ **20:31** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**quở/la rầy**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 8:26, 12:16, 16:22, 17:18, 19:13 và 20:31. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải chuyển ngữ từ này một cách hơi khác, tùy theo ngữ cảnh.

²³⁶ **20:31** Các từ dùng trong câu đối thoại này **giống y** như câu đối thoại ở trong câu 30. Hãy xem cách bạn dùng từ ở đó.

²³⁷ **20:32** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu hỏi tương tự ở trong câu 21.

²³⁸ Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**động lòng thương xót**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 9:36, 14:14, 15:32, 18:27, 20:34. Bạn có thể nói: “Chúa Giê-su/Chúa **thương xót** (họ, nên)...”

²³⁹ Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) có “**họ có thể thấy**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**mắt họ có thể thấy được**”.

²⁴⁰ **20:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã cứu những người này khỏi sự tối tăm về thể xác. Phép lạ này cho thấy Chúa sắp cứu tất cả nhân loại khỏi sự tối tăm về thuộc linh, tức là, quyền năng của tội lỗi và sự chết.

²⁴¹ **20:34** Động từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp (và hàm ý ở trong câu 33) có thể có nhiều hơn một nghĩa. Nó có thể hàm ý người mù này trong quá khứ có thể có hay có thể không nhìn thấy được (như BDM, BDC, BDY, BCG). Sự giải thích nào cũng phù hợp với ngữ cảnh và được dùng trong nhiều bản dịch.

²⁴² **20:34** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**đi theo Ngài**” có nghĩa là “đi với Chúa (và đám đông về hướng Giê-ru-sa-lem)”. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ rằng nó được dùng như một thành ngữ ở đây có nghĩa là “trở nên môn đệ của Chúa”. Hãy cố gắng chuyển ngữ thế nào để người đọc có thể hiểu cả hai ý nghĩa.

²⁴³ **20:34** Hãy nhớ rằng để có thể có được một bản dịch tốt nhất, thỉnh thoảng **rất cần phải** ngưng chuyển ngữ để bạn có thể đọc lại và **cẩn thận duyệt làm tất cả** những gì bạn đã dịch. Như vậy mọi điều bạn chuyển ngữ có chất lượng cao.

Phân Đoạn I. Những Ngày Cuối Cùng Trên Đất Của (Chúa) Giê-su, Tại Thành Giê-ru-sa-lem

Các Chương 21-28:15

21:1-11 (Chúa) Giê-su {Vào ⇔ Được Tiếp Đón Vào} (Thành) Giê-ru-sa-lem

Mác 11:1-11; Lu-ca 19:28-38; Giăng 12:12-19

21 1 <Và> khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài} tới gần (thành) Giê-ru-sa-lem, <và> họ đến gần (làng/thành) ²⁴⁴Bết-pha-giê (ở) trên (sườn) ²⁴⁵Núi/Đồi Ô-liu. Rồi (Chúa) Giê-su sai hai môn đệ đi trước **2** {bảo ⇔ sau khi nói} với ²⁴⁶họ: “Hãy đi vào ²⁴⁷làng/thành ở trước mặt các con/chúng ta và {lập tức ⇔ ngay khi vào làng} các con sẽ thấy ²⁴⁸một con lừa mẹ ²⁴⁹cột (vào một cái cột) và con lừa con bên cạnh nó. Hãy cởi giày cột ²⁵⁰(chúng) ra (và) đem/dẫn về đây cho Ta. **3** <Và> nếu có ai ^{NTT}{nói gì với con ⇔ hỏi các con tại sao lại làm vậy ⇔ cố gắng ngăn cản con}, hãy bảo/trả lời (họ): ^{NGT} ‘Thầy (của chúng tôi) cần chúng’ và ^{GTK251}{họ sẽ để cho chúng đi với con ngay lập tức.’ ⇔ họ sẽ lập tức để cho các con đem lừa đi. ⇔ Thầy chúng tôi sẽ trả lại lừa ngay.’” **4** <Và> {điều đó đã xảy ra ⇔ (Chúa) Giê-su sẽ cưỡi lừa đi vào Giê-ru-sa-lem} vì vậy điều (Đức Chúa Trời) đã phán (từ xưa) qua các tiên tri (của Ngài) ((Ê-sai)) đã được

²⁴⁴ **21:1** Trong một số ngôn ngữ **làng** trong một địa bàn này có thể coi là một **thành** trong địa bàn khác. Dân làng Bết-pha-giê có khoảng 50-150 người.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Làng/thành Bết-pha-giê ở cách Giê-ru-sa-lem khoảng 2 km, gần làng/thành phố Bê-tha-ni (câu 17).

²⁴⁵ **21:1** Trong một số địa bàn cái được gọi là **núi** có thể gọi là **đồi** trong các địa bàn khác. Đỉnh ngọn núi Ô-liu cao khoảng 830 mét trên mặt biển, nhưng chỉ cao hơn thành phố Giê-ru-sa-lem 60m, thành phố này được xây bắc ngang thung lũng sâu 140m. Phải làm cho rõ là núi này có tên là “Ô-liu”, **không** phải là một đống cao trái ô-liu. Núi được đặt tên như vậy vì có nhiều cây ô-liu mọc trên núi.

²⁴⁶ **21:2** Đối với một số ngôn ngữ có **đại từ đặc biệt** được dùng để chỉ **hai** môn đệ qua suốt tiểu đoạn này. Hãy xem bạn nói đến hai người mù như thế nào ở trong tiểu đoạn trước. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở trong Ma 20:30.

²⁴⁷ **21:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ đây là làng/thành Bết-pha-giê (so sánh với các câu 1-2 và Giăng 12:1, 12, 14).

²⁴⁸ **21:2 HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một con lừa cái được buộc vào cột bên cạnh con lừa con lớn đủ để cho Chúa Giê-su cưỡi lên.

²⁴⁹ **21:2** Có lẽ con lừa có một dây thừng buộc chung quanh cổ và dây thừng này được buộc vào một **cái cột**. Không nên làm người đọc hiểu là con lừa bị cột chân lại không di chuyển được.

²⁵⁰ **21:2** Theo Mác 11:2 và Lu-ca 19:30, con lừa con cũng được buộc vào cột.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Khi một con lừa con được cưỡi lần đầu tiên, người ta thường đem theo mẹ nó để cho nó không hoảng sợ.

²⁵¹ **21:3** Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng đó là **một câu đối thoại ở trong một câu đối thoại** (tức là, điều Chúa Giê-su đang bảo các môn đệ nói với chủ của con lừa) chấm dứt sau “thầy của chúng tôi cần chúng” và như vậy **“họ”** đây nói đến người chủ của các con lừa. Tuy nhiên, một số học giả (và BCG) nghĩ rằng câu đối thoại kéo dài cho đến cuối câu 3.

{ứng nghiệm ⇔ trở thành sự thật ⇔ thật sự xảy ra}. Ông nói/viết: **5** ”Hãy nói ²⁵²{cho con gái Si-ôn ⇔ những người sống tại (thành phố) Si-ôn/Giê-ru-sa-lem ⇔ con cháu của ²⁵³Y-sơ-ra-ên}: ‘<Hãy nhìn>/Kìa, Vua người ngự đến cùng người khiêm nhu cưỡi trên lưng {một ²⁵⁴con lừa, tức là, một con lừa con ⇔ một con lừa con}.’ ” (Ê-sai 62:11, Xa-cha-ri 9:9) **6** Rồi hai môn đệ (của Chúa Giê-su) đi đến (Bết-pha-giê) và làm đúng theo như lời (Chúa) Giê-su đã dặn/bảo họ. **7** Họ đem/dẫn con lừa (đến cho Ngài/(Chúa) Giê-su) và con lừa con và trải ²⁵⁵{áo choàng của họ ⇔ áo ngoài của họ} lên trên ²⁵⁶{chúng ⇔ lưng lừa} ²⁵⁷(để làm cái yên/đệm ⇔ cho Ngài/(Chúa) Giê-su ngồi lên trên),/. <và>/Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su ngồi/leo lên {lưng lừa ⇔ ngồi trên áo choàng} (và bắt đầu cưỡi lừa đi về phía Giê-ru-sa-lem). **8** {Sau đó ⇔ Trong khi (Chúa) Giê-su (đang) cưỡi lừa (đi trên đường),} {một đám đông lớn ⇔ rất nhiều người} trải ²⁵⁸{áo choàng ⇔ áo ngoài} của họ trên đường, (trước mặt Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ cho con lừa bước lên), <và> những người khác chặt các cành lá ²⁵⁹cây (chà là) và trải (chúng) trên đường (để trang hoàng đường cho (Chúa) Giê-su ⇔ làm đẹp cho đường Chúa đi ⇔ để tôn vinh và hoan nghênh Ngài). **9** <Và> các đám đông đi trước mặt Ngài/(Chúa) Giê-su và (đám đông/người ta) đi theo sau (Chúa) ²⁶⁰hô to/la lớn (những lời ngợi khen) Chúa <nói>: “²⁶¹{Hô-sa-na ⇔ Ngợi khen} ²⁶²{Con/Dòng dõi (Vua) Đa-vít ⇔ Người thừa kế Vương Quốc của (Vua) Đa-vít}!”

²⁵² **21:5** Có thể để nguyên văn vào trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Hay, thay vì đổi điều tiên tri Ê-sai nói, có lẽ **tốt nhất** nên chuyển ngữ sát từng từ một và kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** để giải thích điều ông muốn nói.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Giê-ru-sa-lem cũng được gọi là thành phố Si-ôn, vậy nên “con gái Si-ôn” là một thành ngữ đề cập đến người Giê-ru-sa-lem, cũng là đại diện cho nước Y-sơ-ra-ên.

²⁵³ **21:5** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Y-sơ-ra-ên” ở Ma 2:6.

²⁵⁴ **21:5 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái coi các con lừa là loại súc vật tầm thường để chở người hay đồ vật. Hiếm khi có vua cưỡi lừa. Các vua thường cưỡi ngựa chiến. Cưỡi lừa là biểu hiệu của Chúa Giê-su đến trong sự hoà bình như một vị vua khiêm nhường.

²⁵⁵ **21:7 Không** nên làm cho người ta hiểu rằng các môn đệ cởi hết cả quần áo ra. Họ chỉ cởi **áo choàng**, tức là, áo ngoài của họ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái có thể mặc áo tu-níc không có áo ngoài. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** mô tả về quần áo mà người Do Thái mặc ở Ma-thi-ơ 5:40.

²⁵⁶ **21:7 Không** nên nói như là các môn đệ của Chúa Giê-su mặc quần áo cho lừa giống như một người hay phủ quần áo lên đầu chúng. Họ chỉ để áo lên trên **lưng** lừa.

²⁵⁷ **21:7** Bạn có thể nói: “(giống như một cái nệm/yên cho Chúa ngồi lên trên).”

²⁵⁸ **21:8** Người ta chỉ cởi **áo choàng**, họ **không** cởi hết quần áo ra. Hãy xem điều bạn làm ở trong câu 7.

²⁵⁹ **21:8 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giăng 12:13, đây là những cành lá cây chà là. Đối với người Do Thái, cành lá chà là biểu hiệu cho chiến thắng và tự do.

²⁶⁰ **21:9** Khi chuyển ngữ “**hô lớn/la lớn**” **không** nên hàm ý rằng người ta giận dữ. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “hô lớn/la lớn **một cách vui vẻ**”.

²⁶¹ **21:9 “Hô-sa-na”** là một từ của tiếng A-ram có nghĩa là “Hãy cứu (chúng tôi) bây giờ”, nhưng sau này nó được dùng để hoan nghênh và **khen ngợi** người ta—trong ngữ cảnh này là Chúa Giê-su.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong câu 9 người ta trích dẫn từ Thi-thiên 118 là một trong những Thi Thiên dùng để ngợi khen và được hát trong dịp lễ Vượt Qua.

²⁶² **21:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Con của Đa-vít**” trong Ma 20:30, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

GTK263 {Phước cho Đấng ⇔ Ngợi khen Đấng ⇔ **264** (Đức Chúa Trời) ban phước cho Đấng} {nhân danh Chúa (Đức Chúa Trời) mà đến ⇔ đến với thẩm quyền/quyền năng của Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ đến như Đại Diện của Chúa (Đức Chúa Trời)! **GTK265** {Hô-sa-na tận chốn trời cao! ⇔ Hoan hô trên các tầng trời! ⇔ Ngợi khen (Đức Chúa Trời Đấng ở) trên thiên đàng! ⇔ Hãy để (mọi người) trên thiên đàng ngợi khen **GTK** (Ngài/Chúa Giê-su/Đức Chúa Trời)!}” (Thi Thiên 118:25-26) **10** <Và> khi Ngài/(Chúa) Giê-su vào Giê-ru-sa-lem, {**266** cả thành phố náo động (và) ⇔ mọi người trong thành phố trở nên kích động và ồn ào} hỏi (đám đông/những người đi với Chúa Giê-su): “Người này là ai?” **11** <Và> {đám đông/người ta ⇔ họ} {trả lời ⇔ lớn tiếng trả lời}: “Đây là/Chúa là Giê-su tiên tri (của Đức Chúa Trời) từ (thành) Na-xa-rét trong (tỉnh) Ga-li-lê!”

21:12-17 (Chúa) Giê-su {Dẹp Sạch ⇔ Đuổi Những Người Mua Bán Ra Khỏi} Sân Đền Thờ

Mác 11:15-19; Lu-ca 19:45-48; Giăng 2:13-22

12 Sau đó (Chúa) Giê-su đi vào **267** sân **268** đền thờ ((chỗ được dành riêng để cầu nguyện và thờ phượng Đức Chúa Trời)) và **269** ném/đuổi/dẹp sạch mọi người {trong

-
- 263** **21:9** Động từ/từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “**phước**” khi Đức Chúa Trời hành xử với con người, và nó có nghĩa là “**khen ngợi**” khi người ta hành xử với Đức Chúa Trời hay một đại diện của Ngài. Nhóm từ “**trong danh Chúa (Đức Chúa Trời)**” cho thấy là người ta ý thức rằng Chúa Giê-su đến từ Đức Chúa Trời, vậy nên có lẽ tốt nhất là dùng “khen ngợi” ở đây (giống như BDC, BDY, BCG). Tuy nhiên, nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa là “Xin Đức Chúa Trời ban phước cho Ngài...” BDM dùng “Phước cho Đấng...”
- 264** **21:9** Nếu bạn theo sự giải thích này, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Câu xin **Chúa (Đức Chúa Trời)** ban phước cho Ngài là Đấng {đến ⇔ đang đến} {trong danh **Chúa** ⇔ với thẩm quyền/quyền năng của **Chúa** ⇔ như là Đại Diện của **Chúa**}!”
- 265** **21:9** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**Hô-sa-na tận chốn trời cao**” có nghĩa là “Ngợi khen (Đức Chúa Trời Đấng ngự) trên thiên đàng!” Tuy nhiên, nhiều học giả nghĩ rằng nó có nghĩa là “Hãy để (mọi người) trên thiên đàng ngợi khen **GTK** (Ngài/Chúa) Giê-su/Đức Chúa Trời!” Nó **không** có nghĩa là “Ngợi khen (Chúa) đến (mức độ) tốt đỉnh!” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Hô-sa-na**” ở trong câu 9 trước đó. BCG và BDY dùng “hoan hô”.
- 266** **21:10** “**cả thành phố**” được dùng như một cách nói phóng đại. Nó có nghĩa là “**nhiều/hầu hết dân chúng** trong thành phố”. Nó **không** có nghĩa là mỗi một người sống ở trong thành Giê-ru-sa-lem đều náo động. Với nhiều ngôn ngữ có thể dùng cùng một nhóm từ ở đây như ở trong bản Hy-lạp. Hãy xem bạn làm gì trong các trường hợp tương tự ở trong Ma 2:3, 8:34.
- 267** **21:12** Trong ngữ cảnh này “**đền thờ**” nói đến tất cả những nhà và sân làm thành toàn khuôn viên của đền thờ, **không** phải chỉ chính đền thờ mà thôi. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**đền thờ**” ở Ma 4:5.
- 268** **21:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không vào trong chính đền thờ, nhưng vào khuôn viên chung quanh, có lẽ là sân dành cho người ngoại quốc, là nơi được dành ra để cho dân chúng, kể cả người ngoại quốc, cầu nguyện và thờ phượng Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, người Do Thái đã biến sân/khu vực đó thành một cái chợ nơi người ta có thể mua bán súc vật tốt và những thứ khác như dầu, rượu vang và muối được dùng làm của tế lễ. Chợ này rất thuận tiện cho những người từ xa đến thờ phượng tại đền thờ.

(sân/khuôn viên) đền thờ ⇔ ở đó} là những người ²⁷⁰ mua bán (các súc vật và các vật khác được dùng để làm của lễ). Ngài cũng lật đổ ²⁷¹ {bàn của những người đổi tiền và ⇔ bàn của những người đổi tiền ngoại quốc ra tiền dùng ở trong đền thờ, và (Ngài lật)} ghé của những người bán ²⁷² chim bồ câu (để làm của lễ). **13** Rồi Ngài phán cùng ^{GTK273} {họ ⇔ những người đổi tiền và bán súc vật và các thứ khác dùng làm của lễ ⇔ những người mua bán ⇔ những người Ngài đang đuổi đi}: ²⁷⁴“(Trong Kinh Thánh) đã chép rằng (Đức Chúa Trời phán: ⇔ Đức Chúa Trời đã phán về đền thờ của Ngài:)^{NGT275} ‘Nhà/Đền thờ Ta ²⁷⁶ {sẽ được gọi là/coi là ⇔ sẽ/phải là} nhà/chỗ {câu nguyện/thờ phượng ⇔ nơi người ta có thể cầu nguyện/nói chuyện với Ta}!’ (Ê-sai 56:7) ²⁷⁷ Nhưng các người ²⁷⁸ {đang biến nó thành ra ⇔ [đã biến đổi nó thành]} ²⁷⁹ {hang/chỗ trú ẩn/trụ sở của kẻ ăn cắp ⇔ một chỗ mà các kẻ ăn cắp/lừa gạt sống/làm việc ⇔ một chỗ lừa gạt ⇔ một chỗ buôn bán gian dối}!”

HÌNH ẢNH được đề nghị: Đền thờ và những sân ở chung quanh. Bạn có thể đề tên vào những phần khác nhau của HÌNH ẢNH, kể cả sân của người ngoại quốc, sân của đàn bà, sân của Y-sơ-ra-ên và Chỗ Chí Thánh.

- ²⁶⁹ **21:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi đuổi/đẹp những người mua bán ra khỏi đền thờ, Chúa Giê-su đã làm ứng nghiệm lời tiên tri của Xa-cha-ri 14:21 (cũng hãy xem Giê-rê-mi 26:1–15, Ô-sê 9:15–16 và Ma-la-chi 3:1–5).
- ²⁷⁰ **21:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bán các súc vật và các thứ được dùng làm của lễ là một dịch vụ rất có lời. Vì đây là tuần lễ của Lễ Vượt Qua, có lẽ có nhiều người đến hơn lúc bình thường, và cũng có nhiều súc vật và các thứ khác được bày ra để bán.
- ²⁷¹ **21:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái coi hình người được chạm trên đồng tiền La-mã và Hy-lạp là hình tượng (hãy xem Ma-thi-ơ 22:20–21). Người đổi tiền ở đền thờ đổi tiền ngoại quốc ra tiền không có hình chạm khắc và là loại tiền mà luật lệ Do Thái đòi hỏi phải dùng ở trong đền thờ (Xuất 30:13). Như vậy người ta có thể trả tiền thuế của đền thờ và mua của tế lễ với loại tiền đúng.
- ²⁷² **21:12** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **“chim bồ câu”** trong Ma 3:16.
- ²⁷³ **21:13** Một số học giả nghĩ rằng **“họ”** ở đây nói đến “những người mua và người bán”. Tuy nhiên, Chúa Giê-su buộc tội **“họ”** là kẻ ăn cắp, nên có lẽ Chúa đang nói với “những người đổi tiền và bán súc vật và các thứ dùng làm của tế lễ”.
- ²⁷⁴ **21:13** Bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời **nói** về đền thờ của Chúa (trong Kinh Thánh) và nói...”
- ²⁷⁵ **21:13** Phải làm cho rõ ràng là **“Ta”** nói đến Đức Chúa Trời trong câu trích dẫn này, **không** phải là Chúa Giê-su hay Ê-sai.
- ²⁷⁶ **21:13** **“sẽ được gọi”** là một thành ngữ có nghĩa là **“sẽ là”**.
- ²⁷⁷ **21:13** Bạn có thể nói: “ ‘Nhưng,’ (Chúa Giê-su **nói/tiếp tục**):...” để làm cho rõ là Chúa Giê-su không còn trích dẫn Ê-sai 56:7 nữa.
- ²⁷⁸ **21:13** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) dùng **“đã biến”** ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) dùng **“đang biến”**. BDM, BDC, BCG, BDY không dùng thì quá khứ nhưng hàm ý.
- ²⁷⁹ **21:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su buộc tội những người đổi tiền và những người bán hàng tội biến khuôn viên của đền thờ thành một hang/chỗ trú ẩn/trụ sở của những kẻ ăn cắp, bởi vì họ đã cướp đi sự thờ phượng Đức Chúa Trời. Họ cũng lừa gạt người mua bằng cách đòi người mua giá cao để đổi tiền và mua của tế lễ—làm như vậy cũng như là ăn cướp của những người mua. Có lẽ khi nói những lời này Chúa Giê-su nhớ đến Giê-rê-mi 7:11–15.

14 Rồi (một số) (người) mù và (một số) (người) ²⁸⁰què đến với Ngài/(Chúa) Giê-su ²⁸¹trong (sân/khuôn viên) của đền thờ và Chúa chữa lành cho họ. **15** Nhưng những thầy thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật ^{TD}²⁸²nổi giận khi họ thấy những việc kỳ diệu/phép lạ Ngài/(Chúa) Giê-su đang làm và (nghe) các trẻ con trong (sân/khuôn viên) của đền thờ <là những người đang> ²⁸³reo lên: ²⁸⁴“{Hô-sa-na ⇔ Ngợi khen} {Con/Dòng dõi của (Vua) Đa-vít ⇔ Người Thừa Kế nước của (Vua) Đa-vít}!” **16** Nên {họ ⇔ những thầy thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật} {nói với ⇔ hỏi} Ngài/(Chúa) Giê-su: ^{CH}“{Ông có nghe ⇔ Hãy nghe} những lời {chúng ⇔ các trẻ con} đang nói không? (Ông nên ngăn cản chúng! ⇔ Điều đó là sai!)” <Sau đó/Nhưng> (Chúa) Giê-su trả lời họ: “Có, (Ta nghe chúng). ^{CH}(Nhưng) ²⁸⁵{các người chưa bao giờ đọc ⇔ các người bỏ qua điều các người đọc ⇔ các người nói/hành xử như các người chưa bao giờ đọc} (trong Kinh Thánh khi/điều Vua Đa-vít nói với Đức Chúa Trời): ‘{Chúa ²⁸⁶đã được miệng trẻ thơ và em bé còn bú ca ngợi ⇔ Chúa sẽ khiến cho các trẻ em và em bé ca ngợi Chúa ⇔ Chúa đã dạy trẻ em và các em bé ca ngợi Chúa}’ sao?/!” (Thi Thiên 8:2) **17** Sau đó Ngài/(Chúa) Giê-su rời {họ ⇔ sân/khuôn viên đền thờ} (và) đi ra ngoài thành phố (Giê-ru-sa-lem) đến (làng) ²⁸⁷Bê-tha-ni và Ngài {ở lại qua đêm ⇔ ngủ đêm tại đó}.

²⁸⁰ **21:14** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “què” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 11:5, 15:30–31, 18:8, 21:14. So sánh điều này với cách bạn chuyển ngữ là “tật nguyên” trong Ma (5:30), 15:30–31; 18:8, “bại liệt” trong Ma 4:24, 8:6, 9:2, 6 và tiểu đề, và “teo” trong Ma 12:10, 13. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 15:30.

²⁸¹ **21:14 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Bình thường những người mù và tật nguyên không được phép vào đền thờ, bởi vì họ “ô uế” và như vậy họ sẽ làm cho đền thờ trở nên ô uế (Lê-vi Ký 21:18, 23; 2 Sa-mu-ên 5:8). Khi chữa bệnh cho những người ấy ở trong khuôn viên của đền thờ, Chúa Giê-su đã phá đổ hàng rào ngăn cản về nghi lễ và hoan nghênh tất cả mọi người đến thờ phượng Đức Chúa Trời.

²⁸² **21:15** Nhóm từ “(họ) nổi giận” được để ở cuối câu 15 trong bản Hy-lạp.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lý do các nhà lãnh đạo Do Thái phản ứng quá tiêu cực là vì họ không tin Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế. Họ cũng sợ là nếu Chúa trở nên quá phổ thông Ngài có thể khiến dân chúng chống lại họ. Ngoài ra, họ được lợi từ công việc buôn bán ở trong khuôn viên đền thờ và có lẽ họ là chủ của một số (có thể là tất cả) quầy/cửa hàng bán ở đó.

²⁸³ **21:15** Dân chúng vui mừng khi họ reo lên những lời ngợi khen Chúa Giê-su.

²⁸⁴ **21:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Hô-sa-na Con (Vua) Đa-vít” trong câu 9.

²⁸⁵ **21:16** Chúa Giê-su đã biết rằng các thầy thượng tế và các chuyên gia Kinh Luật đã đọc đoạn Kinh Thánh mà Chúa đang nói đến. Chúa đang chỉ trích họ đã không để ý đến điều Kinh Thánh nói.

²⁸⁶ **21:16** Bởi vì Chúa Giê-su đang trích dẫn một lời tiên tri, có thể dùng thì tương lai để làm cho rõ ý và nói: “Chúa sẽ đem sự khen ngợi...”

²⁸⁷ **21:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Làng Bê-tha-ni ở cách Giê-ru-sa-lem 3 km, gần Bết-pha-giê (câu 1).

21:18-22 (Chúa) Giê-su^{NTT288} Rửa Sả/Kết Tội Cây Vả Và Dạy Về
Đức Tin Nơi Đức Chúa Trời

Mác 11:12-14, 20-24

18 <Rồi> sáng sớm hôm (sau) khi (Ngài/(Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài) {trở lại ⇔ đi trở lại} {thành phố ⇔ Giê-ru-sa-lem}, Ngài/(Chúa) Giê-su đói bụng.
19 <Và>/Nên khi (Chúa) thấy một²⁸⁹ cây vả ở bên cạnh đường, Chúa đi lại gần (để tìm/hái một số trái vả để ăn), nhưng Chúa {²⁹⁰ không tìm thấy gì hết ngoại trừ²⁹¹ lá thối ⇔ chỉ tìm thấy lá, không có trái}. <Và>/Vì vậy Chúa phán với {nó ⇔ cái cây},²⁹² “Mày sẽ không bao giờ ra trái nữa!” và lập tức cây (vả)²⁹³ héo/khô đi (và chết). 20 <Và> khi các môn đệ (của Chúa Giê-su) thấy (vậy ⇔ rằng cái cây đã héo/chết), họ {ngưỡng mộ ⇔ sững sờ/ngạc nhiên} (và) hỏi (Chúa): “Làm thế nào/Tại sao cây (vả) {héo/chết ⇔ khô đi} {ngay lập tức ⇔ cách nhanh chóng} (như vậy)?” 21 <Rồi> (Chúa) Giê-su/Chúa trả lời họ <(và) nói>: “^{GTK294}{A-men/Phải, (cái cây héo/chết một cách nhanh chóng,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} nếu các con {tin/tin cậy ⇔ có đức tin} (nơi Đức Chúa Trời) và đừng nghi ngờ (thì Chúa sẽ làm điều các con xin), {không những các con sẽ ⇔ các con sẽ} (có thể) làm (như điều Ta vừa làm)

²⁸⁸ (Tiểu Đề) Khi chuyển ngữ là “Rửa Sả” không nên hàm ý rằng Chúa Giê-su đã dùng ma thuật hay vì Chúa ghen tị.

²⁸⁹ 21:19 Nếu trong địa bàn của bạn không có cây vả, bạn có thể nói “một cây ăn trái gọi là vả”. Cần phải giữ sự kiện lịch sử ở đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Cây vả là một cây rất phổ thông trong tỉnh Giu-đê và Ga-li-lê. Các trái của nó là một nguồn thực phẩm quan trọng cho người Do Thái.

²⁹⁰ 21:19 Trong ngữ cảnh này “không có gì hết” muốn nói đến trái cây, không phải cành cây, chim hay các súc vật khác.

²⁹¹ 21:19 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cây vả trở bông trước khi lá xuất hiện. Vào lúc lá đã mọc hết (vào tháng ba), đã có trái vả non được coi là một thức ăn quý (Ô-sê 9:10). Tuy nhiên, đôi khi côn trùng khiến cho các trái vả non rụng khỏi cây. Cây vả này đáng lẽ phải có trái vả non trên cây, nhưng nó lại không có trái. Cũng như vậy, những người Do Thái (nhất là các nhà lãnh đạo) phải hầu việc Đức Chúa Trời, nhưng họ đã không làm.

²⁹² 21:19 Nên nói rõ là Chúa Giê-su đang rửa sả cây vả. Đối với một số ngôn ngữ người ta không thể nói với cái cây như nói với một người được.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có lẽ Chúa Giê-su khiến cho cây vả héo khô để cho thấy là các nhà lãnh đạo Do Thái, và mọi người khác nếu không có bông trái thuộc linh, sẽ bị trừng phạt, Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt những người không vâng lời/hầu việc Ngài (Ê-sai 5:1-7 và Giê-rê-mi 8:4-13 cùng có một sứ điệp tương tự; hãy xem Ma-thi-ơ 24:2 và **LỜI CHÚ THÍCH**). Chúa Giê-su làm như vậy với một lý do khác nữa là để dạy các môn đệ của Ngài về đức tin, tức là, sự quan hệ của họ với Đức Chúa Trời.

²⁹³ 21:19 Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “đã héo” có nghĩa là “(bắt đầu) héo”. Sự giải thích đó sẽ giữ cho Ma-thi-ơ không trái ngược lại với Mác 11:12-14, 20-24, nhưng đó không phải là điều bản Hy Lạp nói đến ở đây. Có lẽ Ma-thi-ơ không kể đến một số chi tiết ở đây để nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời sẽ sớm trừng phạt những người không có bông trái về thuộc linh.

²⁹⁴ 21:21 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

cho cây vả này, nhưng/<và> các con còn có thể bảo ²⁹⁵ núi/đồi (này ⇔ mà chúng ta đang đứng): ^{NGT}{Hãy cất mình lên và ném ⇔ Hãy dời chỗ đi và nhào} xuống ²⁹⁶biển, (và) nó sẽ {xảy ra ⇔ ném mình xuống biển ⇔ vâng lời các con}. **22** {<Và> ⇔ Thật ra,} ²⁹⁷{bất cứ điều gì con cầu xin, (nếu con) tin/tin cậy (nơi Ngài), các con sẽ nhận được. ⇔ nếu các con tin/tin cậy (nơi Chúa) Ngài sẽ ban cho các con bất cứ điều gì các con cầu xin.}

21:23-27 Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái

^{NTT}{Thắc Mắc Về Thẩm Quyền Của (Chúa) Giê-su ⇔ Từ Khước (Chúa) Giê-su}

Mác 11:27-33; Lu-ca 20:1-8

23 Rồi thì Ngài/(Chúa) Giê-su trở lại ²⁹⁸(sân/khuôn viên) đền thờ (và bắt đầu) dạy dỗ (những người ở đó). (Trong khi Chúa làm như vậy,) một số thầy thượng tế và một số các trưởng lão/nhà lãnh đạo Do Thái đến với Chúa (và) {hỏi (Ngài) ⇔ hạch hỏi}: ²⁹⁹“{Bởi ³⁰⁰thẩm quyền của ai mà ông ⇔ Ông có quyền gì mà} ^{GTK301}{làm những điều này ⇔ làm điều ông đang làm (và nói những điều ông đang nói) ⇔ làm việc Ông làm ngày hôm qua ⇔ đuổi người ta ra khỏi sân/khuôn viên đền thờ}? <Và> ai cho ông thẩm quyền/quyền đó?” **24** Nhưng (Chúa) Giê-su/Chúa <đáp ứng> {nói với họ ⇔ trả lời}: “Trước hết Ta sẽ

²⁹⁵ **21:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su dùng việc dời núi như là một thí dụ cho việc mà người ta không thể làm được. Việc gì cũng có thể làm được cho người có đức tin nơi Đức Chúa Trời.

²⁹⁶ **21:21 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ngọn núi/đồi mà Chúa Giê-su nói đến ở đây có lẽ là Núi/Đồi Ô-liu và có lẽ biển là Biển Mặn, có thể thấy được khi đứng ở trên núi/đồi này.

²⁹⁷ **21:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Bất cứ điều gì các con xin Đức Chúa Trời” không nói đến bất cứ điều gì một người có thể nghĩ tới. Những người đi theo Chúa Giê-su sẽ xin những điều hợp với ý muốn của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 26:39, Giảng 14:12-14; 1 Giảng 5:14-15).

²⁹⁸ **21:23** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “(sân/khuôn viên) đền thờ” trong Ma 21:12-17. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong 21:12.

²⁹⁹ **21:23 Hai câu hỏi** trong câu đối thoại này hỏi về cùng một điều. Nếu khó chuyển ngữ, bạn có thể nói: “Ai sai/gửi Ông đến để làm những việc này? {Ai sai ông? ⇔ Ông đại diện cho ai?}”

³⁰⁰ **21:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái chỉ huy mọi sinh hoạt ở trong sân/khuôn viên đền thờ, nên họ coi hành động của Chúa Giê-su như là một sự thách thức trực tiếp với thẩm quyền của họ.

³⁰¹ **21:23** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**làm những điều này**” có nghĩa là “làm điều ông làm và nói điều ông nói”. Tuy nhiên, một số học giả KT khác nghĩ rằng nó nói đến điều xảy ra vào ngày hôm trước (trong các câu 12-13) và có nghĩa là “đuổi những người mua và người bán ra khỏi sân/khuôn viên của đền thờ”. Sự giải thích này được hỗ trợ vì việc cấm mua và bán của Chúa Giê-su vẫn được áp dụng cho đến ngày nay. Tuy nhiên, “những việc này” có thể bao gồm cả cách Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem và việc Chúa chữa lành cho những người bệnh ở trong khuôn viên của đền thờ, vậy nên có lẽ **tốt nhất** là chuyển ngữ một cách tổng quát. Nếu **không chuyển ngữ** từng từ một, hãy để nguyên văn ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “những điều này” có lẽ đặc biệt nói đến việc Chúa Giê-su đuổi những người mua và người bán ra khỏi sân/khuôn viên của đền thờ. Nó có thể bao gồm những việc khác nữa, như là cách Chúa Giê-su vào thành Giê-ru-sa-lem, và việc Chúa chữa lành cho người ta ở trong sân/khuôn viên của đền thờ.

hỏi các ông một ³⁰² câu hỏi./ . Nếu các ông trả lời Ta (đúng), thì Ta sẽ nói cho các ông biết ³⁰³ bởi thẩm quyền nào/của ai mà ^{GTK}³⁰⁴ {Ta đang làm những điều này ⇔ Ta làm điều Ta làm (và nói điều Ta nói) ⇔ Ta đui các người buôn bán ra khỏi sân/khuôn viên đền thờ}. **25** {³⁰⁵ Phép báp-tem của Giăng làm ³⁰⁶ từ đâu mà đến, từ ³⁰⁷ Trời/Đức Chúa Trời hay từ loài người? ⇔ ³⁰⁸ Ai cho phép Giăng (Báp-tít) làm phép báp-tem cho người ta, Đức Chúa Trời hay con người?}” <Rồi thì> {họ ⇔ những người lãnh đạo Do Thái} thảo luận/tranh luận với nhau và nói: ³⁰⁹ “Nếu chúng ta nói/trả lời: ^{NGT} ‘{(thẩm quyền của Giăng đến) từ ³¹⁰ Trời/Đức Chúa Trời ⇔ Đức Chúa Trời (ban thẩm quyền cho ông ấy/Giăng)},’ Ngài/(Chúa) Giê-su sẽ {(kết án chúng ta và) hỏi chúng ta: ^{NGT,CH} ‘Vậy tại sao các ông không tin ông ta/Giăng?’ ⇔ bảo chúng ta ^{NTT} là sai vì ³¹¹ không tin nơi sứ điệp của Giăng!} **26** Nhưng ³¹² nếu chúng ta nói: ^{NGT} ‘(Thẩm quyền của Giăng đến từ) con người,’ chúng ta (sẽ) {sợ ⇔ bị nguy hiểm} dám đồng sẽ (tán công) chúng ta, bởi vì mọi người {tin ⇔ chắc chắn/tin quyết} rằng Giăng ³¹³ {là tiên tri của Đức Chúa Trời ⇔ được Đức Chúa Trời sai đến để tuyên bố sứ điệp của Ngài (cho người ta)}!” **27** Vì vậy (họ ⇔ những nhà lãnh đạo Do Thái) trả lời (Chúa) Giê-su: “Chúng tôi không biết ³¹⁴ (câu trả lời cho câu hỏi của Ông ⇔ ai cho Giăng thẩm quyền làm phép báp-tem cho người ta).” Vậy nên

³⁰² **21:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi Chúa Giê-su hỏi câu hỏi thay vì trả lời những câu hỏi của các nhà lãnh đạo Do Thái, Chúa không bất lịch sự đối với họ, nhưng dùng kiểu tranh luận của các thầy Ra-bi/giáo sư Do Thái đã dùng (hãy xem một thí dụ nữa ở trong Ma-thi-ơ 15:3).

³⁰³ **21:24** Bạn có thể nói: “...thì Ta sẽ bảo cho các ông biết ai {đã cho Ta thẩm quyền/quyền ⇔ đã ủy quyền cho Ta} để...”

³⁰⁴ **21:24** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu hỏi ở trong câu 23 tương tự như câu này.

³⁰⁵ **21:25** Trong nhóm từ này Giăng là người làm phép báp-tem cho dân chúng. **Không** phải ông đang chịu báp-tem.

³⁰⁶ **21:25** Bạn có thể nói: “Giăng (Báp-tít) lấy thẩm quyền ở đâu mà làm phép báp-tem cho (người ta),...”

³⁰⁷ **21:25** “Trời” ở đây nói về **Đức Chúa Trời**. **Không** nên làm người đọc hiểu lầm rằng nước từ trời đổ xuống trên Giăng.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái thường nói đến Đức Chúa Trời một cách gián tiếp để tỏ lòng tôn trọng Chúa. Phong tục này liên hệ đến mệnh lệnh của Đức Chúa Trời ở trong Xuất 20:7 nói về không được dùng tên Chúa một cách sai lầm.

³⁰⁸ **21:25** Bạn có thể nói: “Ai **sai** Giăng làm phép báp-tem (cho người ta),...?”

³⁰⁹ **21:25** Bạn có thể nói: “Chúng ta **không thể** nói ^{NTT} rằng Đức Chúa Trời cho Giăng thẩm quyền, **nếu không** Ngài/(Chúa) Giê-su sẽ...”

³¹⁰ **21:25 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái nhận thức rằng nếu họ thú nhận rằng thẩm quyền của Giăng đến từ Trời/Đức Chúa Trời, họ sẽ phải tin vào sự dạy dỗ của Giăng về Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 3:7–12, Lu-ca 3:15–18 và Giăng 1:24–34), có nghĩa là họ cũng sẽ thú nhận rằng thẩm quyền của Chúa Giê-su đến từ Trời/Đức Chúa Trời. Tất cả mọi câu trả lời câu hỏi của Chúa Giê-su đều đưa đến hậu quả nghiêm trọng (Phục 13:18–20; Ma-thi-ơ 10:40).

³¹¹ **21:25** Bạn có thể nói: “...chúng ta đã sai lầm khi **từ khước** sứ điệp của Giăng!”

³¹² **21:26** Bạn có thể nói: “Chúng ta (cũng) **không thể** nói,..., (**nếu không**) chúng ta...”

³¹³ **21:26** Vào lúc này Giăng Báp-tít đã **chết** rồi.

³¹⁴ **21:27** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ **điều** các nhà lãnh đạo không hiểu. Đối với các ngôn ngữ khác có thể để hàm ý như bản Hy-lạp đã làm.

Ngài/(Chúa) Giê-su bảo họ: “(Vì các ông từ chối trả lời câu hỏi của Ta ³¹⁵ một cách đúng,) thì {Ta không nói cho các ông biết bởi ³¹⁶ thẩm quyền nào/của ai mà Ta làm ^{GTK317} những điều này ⇔ Ta sẽ không trả lời câu hỏi của các ông về thẩm quyền Ta có là của ai}.”

21:28-32 {**Câu Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về Hai Người Con Trai**
⇔ **(Chúa) Giê-su So Sánh Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái**
Với Người Con Trai Không Vâng Lời Cha Mình}

28 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói với các nhà lãnh đạo Do Thái:) “<Rồi thì/Bây Giờ> ^{CH}{các ông nghĩ sao về (câu chuyện ngụ ngôn/minh họa này)? ⇔ câu trả lời của các ông cho câu chuyện này là gì? ⇔ hãy nghe câu chuyện ngụ ngôn này!} Một người kia có hai ³¹⁸ con trai. <Và> (một ngày kia) ông ta đến nói với người con trưởng: ‘Này con, hôm nay hãy đi ra (và) làm việc {trong ³¹⁹ vườn nho/ruộng (của ta) ⇔ trong nông trại}.’ **29** ³²⁰ Nhưng {cậu ta ⇔ con của ông ta} {<trả lời> nói (với ông ta) ⇔ trả lời}: ^{GTK321} (Không,) ³²² {con không muốn (đi) ⇔ con sẽ không (đi)},’ nhưng sau đó cậu {hối hận ⇔ đổi ý} (và) đi ra (làm việc trong vườn nho/ruộng). **30** Sau đó (ông

³¹⁵ **21:27** Nếu bạn dùng từ “**đúng**” trong câu 24, bạn có thể cần hay không cần phải lập lại ở đây. Theo ngữ cảnh người đọc có thể thấy rõ **tại sao** Chúa Giê-su cho câu trả lời này, tốt nhất là hãy để tất cả những **thông tin hàm ý** nguyên như vậy để câu đối thoại này bắt đầu với “{Rồi thì ⇔ Trong trường hợp đó,} Ta không bảo các ông...”

³¹⁶ **21:27** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thẩm quyền nào/của ai...**” trong các câu 23–24.

³¹⁷ **21:27** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**những điều này**” trong các câu 23–24.

³¹⁸ **21:28** Mặc dù bản Hy-lạp dùng “**các con**” ở đây, nhưng theo ngữ cảnh cho thấy rõ là họ là **con trai** lớn đủ để làm việc ngoài vườn nho/ruộng.

³¹⁹ **21:28** Sự kiện đây là một **vườn nho** không quan trọng trong tiểu đoạn này, vậy nên bạn có thể nói một cách tổng quát “ruộng” hay “nông trại”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**vườn nho**” trong Ma 20:1.

³²⁰ **21:29** Có thể không để từ “**nhưng**” ở đây nghe tự nhiên hơn, vì có một từ “**nhưng**” nữa được dùng sau này ở trong cùng một câu.

³²¹ **21:29** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) dùng các từ được dùng ở trên. Tuy nhiên, một vài bản thảo (và BDC) **đổi ngược** các câu trả lời và hành động của người con trai trưởng và người con trai thứ hai qua suốt tiểu đoạn này. Những câu này được bắt đầu như sau: “ ‘(Thưa) cha, con sẽ đi,’ nhưng [cậu ta không đi]. **30** Sau đó (người cha) đi gặp người con trai [thứ hai]/kia/thứ (và) bảo (cậu ta ^{NTT} làm) như vậy. Và người con <trả lời> cha: ‘Con [không muốn đi], (thưa) cha,’ nhưng [sau đó cậu hối tiếc và đi]. **31** (Vây,) trong hai đứa con đó đứa nào đã làm theo ý cha? Họ trả lời (Ngài/Chúa Giê-su): ‘Người con [sau/thứ hai/thứ].’ ”

Một vài học giả Kinh Thánh chọn thứ tự này bởi vì họ nghĩ tốt hơn là so sánh các nhà lãnh đạo Do Thái với người con trưởng là người con không vâng lời cha. Các học giả này cũng nghĩ rằng tốt hơn là so sánh người ngoại quốc, nhất là các người thu thuế, các cô điếm với người con thứ hai là người ăn năn và vâng lời cha. Nếu bạn muốn làm theo những bản thảo Hy-lạp này, phải nhớ đối người con trai được nói đến trong **thông tin hàm ý** ở trong câu 45.

³²² **21:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong văn hoá của người Do Thái con trai bị đòi hỏi phải vâng lời cha mình. Câu trả lời của người con cả với cha là hoàn toàn không chấp nhận được.

ta/người cha) đi gặp ³²³ người con kia/[thứ hai] (và) bảo (cậu) ^{NTT} {cũng làm như vậy ⇔ đi ra làm việc ở trong ³²⁴ vườn nho/ruộng}. ³²⁵ <Và> {cậu ta ⇔ con trai ông ta} <trả lời>: ‘(Thưa) cha, con sẽ đi,’ nhưng cậu không đi. **31** (Vây,) {trong hai đứa con đó đứa nào ⇔ ai} làm theo {ý muốn của cha mình ⇔ điều cha muốn/bảo họ làm}?” {Họ ⇔ Các nhà lãnh đạo Do Thái} trả lời (Ngài/Chúa Giê-su): “Người con trưởng.” (Chúa) Giê-su nói với họ: “^{GTK326} {A-men/Phải, (các ông nói đúng) (và) Ta bảo các ông, ⇔ Thật Ta bảo các ông, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các ông rằng} (cũng như vậy, những người tội lỗi như) ³²⁷ người thu thuế và các cô điếm (là những người giống như người con trai trưởng) sẽ {vào Nước Đức Chúa Trời ⇔ được Đức Chúa Trời cai trị ⇔ lên thiên đàng} ^{GTK328} trước/thay vì các ông, **32** ³²⁹ bởi vì (khi) ³³⁰ Giảng (Báp-tít) đến để dạy các ông ^{GTK331} {con đường công chính ⇔ cách Đức Chúa Trời khiến cho con người trở nên công chính ⇔ cách Đức Chúa Trời khiến người ta trở nên dân sự của Ngài ⇔ làm thế nào để sống theo cách Đức Chúa Trời muốn các ông/người ta sống}, <và> các ông {đã không ⇔ từ chối} (ăn năn và) tin {ông ta ⇔ sứ điệp của ông}, nhưng {những người thu thuế và các cô điếm ⇔ họ} (ăn năn và) tin ông ta. Rồi thì (ngay cả) sau khi các ông đã thấy/biết rõ (họ đã tin), các ông vẫn {không ⇔ từ chối} {đổi ý ⇔ ăn năn} (và) tin {ông ta ⇔ sứ điệp của ông ta}!”

³²³ **21:30** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDY, BDC, BCG) dùng “con trai **khác/thứ**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Bản Thảo Uy Tín, BDM) dùng “con trai **thứ hai**”.

³²⁴ **21:30** Xem cách bạn chuyển ngữ “vườn nho” trong câu 28, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

³²⁵ **21:30** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu này và nói: “ ‘Thưa cha, con sẽ đi,’ {cậu ta ⇔ con trai ông ấy} nói/trả lời, nhưng (sau đó) cậu lại không đi.”

³²⁶ **21:31** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**A-men**” ở Ma 5:18.

³²⁷ **21:31** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**các người thu thuế**” ở Ma 5:46.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các nhà lãnh đạo Do Thái khinh bỉ những người thu thuế và các cô điếm và nghĩ rằng những người này sẽ đi địa ngục. Điều Chúa Giê-su nói làm cho họ sững sốt và tức giận.

³²⁸ **21:31** Nhóm từ “**trước các ông**” ở trong bản Hy-lạp để không rõ ý. Đa số các học giả KT nghĩ rằng nó có nghĩa là “**thay vì các ông**” (hãy xem câu 32). Chúa Giê-su nói rằng các nhà lãnh đạo Do Thái **không** vào Nước Đức Chúa Trời được bởi vì họ từ chối không chịu ăn năn. Tuy nhiên một số học giả (và BDM, BDC, BCG, BDY) chuyển ngữ để cho thấy là có chỗ cho các nhà lãnh đạo có thể ăn năn. Họ nói: “...sẽ vào Nước Đức Chúa Trời trước các ông,...” hay “...có cơ may vào Nước Đức Chúa Trời hơn là các ông...”

³²⁹ **21:32** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu bạn để câu 32 trước câu 31 và dùng “vì vậy” để nối liền hai câu lại với nhau. Hay bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Ta nói như vậy) bởi vì (khi) Giảng...”

³³⁰ **21:32** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Giảng Báp-tít**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:1 và tiểu đề, 4:12, (9:14), 11:(2) và tiểu đề, 11:7, 11–12 và tiểu đề; 14:2, 8 và tiểu đề; 16:14, 17:13, (21:25, 32). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 3:1.

³³¹ **21:32** Một số học giả Kinh Thánh (và BDM, BCG) nghĩ rằng “**cách công chính**” nói đến sứ điệp của Giảng và có nghĩa là “cách Đức Chúa Trời khiến cho người ta trở thành công chính” hay “cách Đức Chúa Trời khiến người ta trở nên dân sự của Ngài”, đó là bởi đức tin nơi Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh (và BDC) nghĩ nhóm từ trên đi với Giảng và có nghĩa là “Giảng đến với các ông như một gương mẫu về cách sống đúng” (hãy xem Châm Ngôn 8:20, 12:28).

**21:33-46 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về ⇔
(Chúa) Giê-su So Sánh Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Với}
Một Số Tá Điền Gian Ác Và Một Số Thợ Nê Gian Ác**

Mác 12:1-12; Lu-ca 20:9-19

33 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Sau đó Chúa Giê-su nói với các nhà lãnh đạo Do Thái:) “Hãy nghe một câu chuyện ngụ ngôn/minh họa khác. Có một người kia {là điền chủ ⇔ có một lô đất} ông dùng đất ấy ³³²{trồng ⇔ cho các người đầy tớ trồng} một ³³³{vườn nho ⇔ trại nho/ruộng nho ⇔ ruộng với những cây có trái gọi là trái nho}. <Và> ông ta xây một tường (bằng đá) xung quanh vườn, <và> đào/làm một {chỗ để ép nho trong vườn ⇔ chỗ để ép nho lấy nước ⇔ ³³⁴một lỗ trong một tảng đá lớn để ép nho lấy nước}, và xây một ³³⁵tháp canh ³³⁶(để bảo vệ vườn nho khỏi bị ăn trộm và thú vật vào phá). Sau đó ông ta cho một số ³³⁷tá điền ³³⁸thuê vườn/ruộng nho rồi ông ta ^{GTK339}{đi xa ⇔ trở về (một chỗ/nước khác) ⇔ rời khỏi (nước)}. **34** <Sau đó> {đến lúc có trái ⇔ đến mùa hái nho}, {ông ta ⇔ người chủ vườn} ^{NTT}sai ³⁴⁰một số đầy tớ đi đến gặp các tá điền để ³⁴¹thu

³³² **21:33** Có lẽ người này có các đầy tớ làm tất cả công việc này cho ông ta (như ở trong câu 34).

³³³ **21:33** Bạn sẽ cần phải tìm cách nói về “vườn nho” ở đây, bởi vì câu chuyện ngụ ngôn kể đến các chi tiết của một vườn nho.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một vườn nho là một ruộng trồng những cây sẽ sinh ra trái gọi là trái nho. Nho là một thứ trái quan trọng đối với người Do Thái bởi vì nó được dùng để làm rượu vang, một thức uống thông thường. Người ta sẽ đập nho ở trong chỗ ép nho để lấy nước. Nước nho này được để cho lên men và trở thành rượu vang.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một vườn nho có tường đá bao quanh, một chỗ ép nho, một tháp canh và người ta đang làm việc trong vườn nho.

³³⁴ **21:33** Cái hố dùng để ép nho có lẽ rộng khoảng 1-1.5 mét và sâu 0.6-1, mét.

³³⁵ **21:33** Một **tháp canh** thường là một tháp hình tròn làm bằng đá cao khoảng 4.5 tới 6.0 mét và đường kính khoảng 2 mét. Nó có mái bằng và được lợp bằng cành lá để cho người canh có thể ngồi trong bóng mát.

³³⁶ **21:33** **Tháp canh** được dùng để canh giữ cho vườn nho khỏi bị ăn trộm, bị súc vật phá hại kể cả chim. Có thể để thông tin này vào một **LỜI CHÚ THÍCH** thay vì đoạn kinh văn.

³³⁷ **21:33** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa tổng quát là (“**tá điền/người làm vườn**”) hay có nghĩa đặc biệt là (“**người trồng nho**”, tức là, một người biết cách trồng nho).

³³⁸ **21:33** Từ câu 34 có vẻ như là người chủ vườn làm theo lối **làm chia**, có nghĩa là ông ta cho người ta trông nom vườn nho và cho phép họ giữ lại một phần hoa lợi như là tiền công của họ. Chuyển ngữ “**cho thuê**” bạn có thể nói: {“ông ta tìm được ⇔ làm hợp đồng với} một số người bằng lòng trông nom vườn/ruộng nho để đổi lấy một phần hoa lợi”.

³³⁹ **21:33** Động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**đi xa**” hay “**trở lại** (một chỗ khác/nước khác)”. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ông chủ này là một người ngoại quốc và trở lại nước của mình. Trong trường hợp nào đi nữa, nên nói rõ là ông chủ vườn **đi xa**.

³⁴⁰ **21:34** Các câu 35–36 cho thấy là trong lần đầu tiên ông chủ gửi đến ba người đầy tớ **đi chung với nhau**. Họ **không** đi từng người một.

³⁴¹ **21:34** Chuyển ngữ “**thu**” **không** nên hàm ý là xử dụng sức mạnh.

³⁴²(phần) {hoa lợi ⇔ tiền bán nho}. **35** Nhưng (khi các dây tở của ông tới vườn/ruộng nho,) các tá điền túm lấy {các dây tở của ông ⇔ họ} (và) đánh người này, <rồi thì> giết người kia và ^{GTK343}{ném đá (người khác) cho (đến chết) ⇔ dùng đá tấn công (người khác)}. **36** Vậy (khi người chủ vườn ^{NTT}biết chuyện,) ông ^{NTT}sai nhiều dây tở hơn lần trước (để thu hoa lợi), nhưng các tá điền ³⁴⁴{cũng làm như vậy với họ ⇔ đối xử với các dây tở này cũng như vậy}. **37** <Sau đó> cuối cùng, {ông ta ⇔ người chủ vườn} sai con trai (duy nhất) của mình đi đến với {họ ⇔ các người tá điền} (và ⇔ bởi vì ông) nói/nghĩ: ‘(Chắc chắn ⇔ Ta biết chắc là) chúng sẽ kính nể con trai ta (và sẽ đưa cho nó hoa lợi chúng nợ ta).’ **38** Nhưng, khi {các tá điền ⇔ họ} thấy {con trai (của chủ vườn) ⇔ con trai của ông} (đi về phía họ), họ bảo nhau: Đây là ³⁴⁵người thừa kế (vườn/trại nho này) chúng ta cùng nhau giết nó đi và/để {chúng ta sẽ thừa hưởng gia sản của nó ⇔ vườn/ruộng nho sẽ thuộc về chúng ta}. **39** Vậy nên (khi cậu ta đến,) chúng túm lấy cậu, ném/đem cậu ra khỏi vườn/ruộng nho và ³⁴⁶giết (cậu). **40** {Vậy ⇔ Vậy nên}: ³⁴⁷(Chúa Giê-su hỏi: ⇔ Chúa Giê-su hỏi ^{GTK}các nhà lãnh đạo Do Thái:) “Khi người chủ vườn ^{NTT}(phát hiện điều đã xảy ra và) trở lại vườn/ruộng nho của ông ta, {ông ta sẽ làm gì ⇔ các ông nghĩ ông ta sẽ đối xử thế nào} với các tá điền đó?” **41** ^{GTK348}{Họ ⇔ Các nhà lãnh đạo Do Thái ⇔ Dân chúng ở tại đó} trả lời Ngài: “Ông ta sẽ {hủy diệt/giết những người gian ác đó một cách thật đau đớn ⇔ tra tấn những người gian ác đó cho tới chết} và cho các ³⁴⁹{tá điền khác ⇔ tá điền (luơng thiện) ³⁵⁰thuê vườn là người} sẽ nạp cho ông ta ³⁵¹(phần) hoa lợi của ông vào mỗi mùa hái nho!”

³⁴² **21:34 Phần hoa lợi** của chủ vườn có thể bao gồm tất cả hoa lợi thu được hay chỉ một phần thôi (như các đoạn Kinh Thánh song song trong Mác 12:2 và Lu-ca 20:10 cho thấy).

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Phần hoa lợi của người chủ và lớn hay nhỏ tùy thuộc vào điều mà các tá điền đã đồng ý. Ông ta có thể mong đợi họ chia nho, nho khô, rượu vang và có lẽ các trái cây của các cây ăn trái khác trồng ở trong vườn. Hay ông ta có thể mong đợi họ chia tiền bán các thứ được kể ở trên.

³⁴³ **21:35** Theo Kinh Thánh thường thường khi một người bị “ném đá”, có nghĩa là người này bị ném đá cho đến chết. Tuy nhiên, có thể người đó không bị chết, nên bạn có thể nói “dùng đá tấn công (người khác)”.

³⁴⁴ **21:36** Việc lập lại hay để hàm ý bao nhiêu thông tin thì thay đổi khác nhau tùy theo ngôn ngữ, đối với một số ngôn ngữ có thể lập lại thông tin từ câu 35 nghe tự nhiên hơn: “...nhưng chúng đối xử tàn tệ với các người dây tở này như đối với những người trước và chúng giết một số người dây tở này nữa.”

³⁴⁵ **21:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ các tá điền nghĩ rằng người chủ vườn đã chết và người con trai đến để nhận đất làm gia tài. Bất cứ ai cũng có thể nhận đất không có chủ làm đất của mình.

³⁴⁶ **21:39 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đang bảo với các nhà lãnh đạo Do Thái là Chúa biết họ sẽ giết Ngài.

³⁴⁷ **21:40** Nên làm cho rõ là Chúa Giê-su đã kể xong câu chuyện ngụ ngôn và bây giờ đang hỏi các nhà lãnh đạo hay dân chúng một câu hỏi (hãy xem câu 4). Đừng nói rõ chi tiết này (hay bất cứ thông tin hàm ý nào khác), trừ khi cần phải làm như vậy.

³⁴⁸ **21:41** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “họ” nói đến “các nhà lãnh đạo Do Thái”. So sánh điều này với các câu 23, 28 và 33. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ nó có tính cách tổng quát hơn và nói đến “dân chúng ở tại đó”, bao gồm cả những người lãnh đạo.

³⁴⁹ **21:41 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong câu chuyện ngụ ngôn này, người chủ vườn tượng trưng cho Đức Chúa Trời; các tá điền gian ác tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên/Do Thái, nhất là các người

42 (Chúa) Giê-su phán với ^{GTK352}{họ ⇔ các nhà lãnh đạo/dân chúng}: “(Điều đó/Các ông nói đúng, nhưng) ^{CH353}{có phải các ông chưa hề ⇔ các ông bỏ qua điều các ông đã ⇔ các ông nói/hành động như là các ông chưa bao giờ} đọc trong {Kinh Thánh ⇔ Lời của Đức Chúa Trời} (về Đấng Cứu Thế ⇔ nơi mà Đấng Cứu Thế được so sánh với một viên đá) sao?! (Lời đó chép:) ‘³⁵⁴Viên đá (xây nhà) đã bị thợ nề ³⁵⁵bỏ ra lại trở nên ³⁵⁶phiến đá góc nhà. ⇔ (Ngài giống như) một viên đá bị thợ nề bỏ ra ngoài nhưng sau này trở nên viên đá quan trọng nhất của toà nhà. ³⁵⁷{Điều này đã được Chúa (Đức Chúa Trời) làm ⇔ Chúa (Đức Chúa Trời) đã khiến điều này xảy ra ⇔ Chúa (Đức Chúa Trời) khiến viên đá/người trở nên quan trọng} và ³⁵⁸{là việc kỳ diệu ³⁵⁹trước mắt chúng ta ⇔ chúng ta

lãnh đạo, là những người không làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời; hoa lợi tượng trưng cho điều họ nợ Chúa, tức là sống cách công chính. Các cây tổ của vườn nho tượng trưng cho các tiên tri của Đức Chúa Trời và sự kiên nhẫn của Ngài; người con trai của chủ vườn tượng trưng cho Con Đức Chúa Trời là Chúa Giê-su (sứ giả cuối cùng của Đức Chúa Trời; sự trừng phạt những người tá điền gian ác tượng trưng cho sự trừng phạt của Đức Chúa Trời đối với người Do Thái; và những người tá điền khác là người sẽ được thuê vườn về sau này tượng trưng cho những người ngoại quốc là những người tin vào sứ điệp của Đức Chúa Trời và làm theo ý muốn của Ngài. Câu chuyện ngụ ngôn này nhắc nhở người Do Thái nhớ đến vườn nho được đề cập tới ở trong Ê-sai 5:1–7 là tượng trưng cho dân Y-sơ-ra-ên.

- ³⁵⁰ 21:41 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**cho thuê**” trong câu 33.
- ³⁵¹ 21:41 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “(phân) **hoa lợi (của ông ta)**” trong câu 34.
- ³⁵² 21:42 “**họ**” đề cập đến những người được nói đến ở trong câu 41. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.
- ³⁵³ 21:42 Phải nói rõ là Chúa Giê-su **đã biết** các nhà lãnh đạo Do Thái đã đọc phần kinh văn mà Chúa trích dẫn. Chúa đang **chỉ trích** họ vì đã bỏ qua điều Kinh Thánh nói. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ điều tương tự ở trong câu 16.
- ³⁵⁴ 21:42 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Lời tiên tri này được áp dụng cho dân Do Thái (hay vua của nước Y-sơ-ra-ên) là những người bị từ khước bởi các nước khác vào thời bấy giờ. Lời tiên tri này được ứng nghiệm nơi Chúa Giê-su khi người ta từ khước Ngài và giết Ngài, nhưng Đức Chúa Trời làm cho Ngài sống lại và ngồi bên hữu của Chúa. Khi tác giả Thi Thiên nói “mắt chúng ta”, ông đang nói đến chính ông và dân sự của mình. Câu này cũng có thể áp dụng một cách rộng rãi cho chúng ta ngày hôm nay. Hãy xem lời tiên tri quan hệ đến lời tiên tri này ở trong Ê-sai 28:16.
- ³⁵⁵ 21:42 Bạn có thể chuyển ngữ “**bỏ ra**” như là “ném đi”.
- ³⁵⁶ 21:42 Nguyên văn trong bản Hy-lạp là “(cái) **đầu của (cái) góc**”, có nghĩa là “**hòn đá góc nhà**”. Nó là hòn đá **quan trọng nhất** của một tòa nhà mà tất cả việc xây cất dựa vào hòn đá đó để được vững vàng. Nếu trong địa bàn của bạn, người ta không dùng đá để làm nhà, hay quan niệm về hòn đá góc nhà không có ai biết, bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây. Có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hóa ở đây. Thí dụ, trong một vài địa bàn người ta dùng cột để giữ cho nhà được vững vàng.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Người Do Thái thường đục từng khối đá một để dùng xây nhà. Hòn đá quan trọng nhất trong việc xây nhà là hòn đá góc nhà. Hòn đá góc nhà là một tảng đá lớn được đặt ở góc của nền nhà nơi hai bức tường gặp nhau. Nó là một phần của nền nhà và giữ các bức tường liền với nhau để cho nhà được vững. Chúa Giê-su là hòn đá góc nhà của Đền Thờ Mới của Đức Chúa Trời, tức là Hội Thánh (Ê-phê-sô 2:19–21, Ê-sai 28:16).
- ³⁵⁷ 21:42 Chúa **không** khiến cho những thợ xây nhà loại bỏ hòn đá, nhưng khiến hòn đá trở nên hòn đá quan trọng nhất.
- ³⁵⁸ 21:42 Sự **kinh ngạc** đến từ việc nhìn thấy hòn đá bị loại bỏ trở nên hòn đá quan trọng nhất của toà nhà.
- ³⁵⁹ 21:42 Bạn có thể chuyển ngữ “**trước mắt chúng ta**” là “cho chúng ta thấy”.

kinh ngạc trước điều Chúa đã làm!’ ” (Thi Thiên 118:22-23) **43** ³⁶⁰ (Rồi Chúa Giê-su phán: “{Bởi vì vậy, ⇔ Các ông đã từ khước ³⁶¹ Đấng Cứu Thế, vì vậy} Ta bảo các người, {(đặc ân được thuộc về) Nước Đức Chúa Trời sẽ được cất khỏi các người và ban cho) một dân tộc khác. ⇔ Đức Chúa Trời sẽ thôi không cai trị các người là người gian ác/không vâng lời/phản loạn và sẽ cai trị những người} sẽ ³⁶² {sanh trái ⇔ làm theo/vâng theo ý muốn của Ngài}. **44** ^{GTK363} [<Và> {hễ ai ngã trên ³⁶⁴ đá ấy sẽ bị tan nát và khi đá rơi trên ai, ³⁶⁵ sẽ nghiền nát/giết người ấy. ⇔ ³⁶⁶ những người ³⁶⁷ từ khước ta sẽ chịu rất nhiều đau đớn và bị trừng phạt nặng nề.}]”

45 <Và> khi các thầy thượng tế và các người Pha-ri-si nghe các câu chuyện ngụ ngôn/minh họa của (Chúa) Giê-su, họ biết/hiểu rằng Chúa ³⁶⁸ {đang nói về họ (trong các câu chuyện ngụ ngôn) ⇔ đang tố cáo họ ³⁶⁹ (giống như ³⁷⁰ người con trai thứ hai không vâng lời cha mình, và giống như các tá điền gian ác, và giống như các thợ nề loại bỏ hòn đá góc nhà)}. **46** <Và>/Vì vậy họ ^{GTK371} muốn/cố gắng ³⁷² {bắt ⇔ để cho quân lính bắt} Ngài/(Chúa) Giê-su, (nhưng họ không làm, bởi vì ⇔ nhưng họ để cho Ngài yên, bởi vì) họ sợ {đám đông/dân chúng ⇔ rằng đám đông/dân chúng (sẽ tấn công/phản đối họ nếu họ làm)}, bởi vì dân chúng {coi Ngài/(Chúa) Giê-su là ⇔ tin rằng Ngài/(Chúa) Giê-su là} tiên tri của Đức Chúa Trời.

³⁶⁰ **21:43** Nên nói rõ là Chúa Giê-su đã chấm dứt việc trích dẫn Kinh Thánh Cựu Ước trong câu 42 và bây giờ nói với lời của chính Ngài.

³⁶¹ **21:43** Nếu nói “**Đấng Cứu Thế**” ở đây làm người đọc thấy Chúa Giê-su không phải là Đấng Cứu Thế, bạn có thể nói “**Ta như là Đấng Cứu Thế**”.

³⁶² **21:43** Trong ngữ cảnh này “**sanh trái**” là một thành ngữ có nghĩa là “sống theo cách Đức Chúa Trời muốn” hay “vâng lời Ngài”. Nó **không** có nghĩa là trông và hái trái cây thật.

³⁶³ **21:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hòn đá tượng trưng cho Chúa Giê-su, một số học giả Kinh Thánh nghĩ những người ngã trên hòn đá tượng trưng cho những người đến với Đấng Cứu Thế, và những người bị hòn đá đè tượng trưng cho những người từ khước Đấng Cứu Thế và sẽ bị Ngài trừng phạt trong Ngày Đoán Xét. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh khác nghĩ rằng những người từ khước Đấng Cứu Thế tượng trưng cho cả hai nhóm người này. Họ chỉ làm hại cho chính họ và họ sẽ bị trừng phạt trong Ngày Đoán Xét. (Hãy xem Ê-sai 8:14–15, Đa-ni-ên 2:34–35, 44–45.)

³⁶⁴ **21:44** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “**đá**” trong câu 42.

³⁶⁵ **21:44** Có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn “...hễ ai bị hòn đá rơi trúng sẽ bị nghiền nát/giết chết.”

³⁶⁶ **21:44** Nếu theo sự chọn lựa này trong bản dịch, hãy để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

³⁶⁷ **21:44** Bạn có thể chuyển ngữ “**từ khước Ta**” là “từ chối tin/tin cậy nơi Ta”.

³⁶⁸ **21:45** Phải chắc chắn là **không** làm người đọc hiểu rằng các nhà lãnh đạo Do Thái là đá.

³⁶⁹ **21:45** Một số dịch giả có thể thấy tốt nhất là để **thông tin hàm ý** này trong một **LỜI CHÚ THÍCH** hơn là để trong kinh văn.

³⁷⁰ **21:45** Hãy nhất quán với bản thảo Hy-lạp nào bạn đã theo trong câu 29–31 về việc đặt người con **trưởng** hay người con **thứ** là đứa con không vâng lời. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở câu 29.

³⁷¹ **21:46** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**cố gắng**” hay “**muốn**”. Trong ngữ cảnh này có vẻ như “**muốn**” thích hợp nhất.

³⁷² **21:46** Chính các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ **không** bắt giam Chúa Giê-su, nhưng sẽ để **quân lính** làm điều đó.

22:1-14 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về Tiệc Cưới ⇔ Đức Chúa Trời
^{NTT}Mời Tất Cả Mọi Người Trở Nên Dân Sự Của Ngài}

³⁷³Lu-ca 14:15-24

22 1 Sau đó (Chúa) lại <đáp ứng> dùng/kể ³⁷⁴{các chuyện ngụ ngôn/minh họa ⇔ thêm các chuyện ngụ ngôn/minh họa} cho {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái}:
 2 “{Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ Cách Đức Chúa Trời cai trị (người ta)} giống như (câu chuyện về) một ³⁷⁵vị vua ³⁷⁶{chuẩn bị ⇔ ^{NTT}sai các đây tở chuẩn bị} một tiệc cưới cho con trai của mình. 3 <Rồi thì> vua ^{NTT}sai các đây tở/sứ giả đi kêu gọi/nói với mọi người được vua mời ăn tiệc cưới ^{NTT}(rằng đã tới giờ ăn tiệc), nhưng (khi các đây tở/sứ giả làm như vậy, ⇔ khi các đây tở/sứ giả đi ra và bảo các khách đã được mời ^{NTT}đến,) {họ ⇔ các khách của tiệc cưới} ^{NTT}{không muốn ⇔ từ chối} đến dự. 4 {Một lần nữa ⇔ Vậy nên ⇔ Khi những đây tở/sứ giả trở về và nói cho vua biết ^{NTT}điều đã xảy ra,} vua sai các đây tở/sứ giả khác đi ra và nói với họ: ‘(Hãy đi và) bảo những người đã được mời: ^{NGT}“<Hãy nhìn,>/<Hãy nghe,> {bữa tiệc của ta ⇔ tiệc cưới của con trai ta} đã được chuẩn bị sẵn sàng. Bò và ³⁷⁷bê mập đã được làm rồi ³⁷⁸(và đã quay) và mọi sự sẵn sàng. Hãy đến dự tiệc cưới.” ’ 5 (Các đây tở/sứ giả của vua đã đi ra và mời mọi người ^{NTT}đến,) nhưng {họ ⇔ những người được mời} {không lưu ý ⇔ không để ý} (và) bỏ đi. Người đi ra ruộng và người thì ra tiệm, 6 nhưng (những người khách được mời) còn lại túm lấy ³⁷⁹các đây tở/sứ giả, {^{GTK380}hành hạ/đánh đập ⇔ làm tổn thương} và giết (họ) đi. 7 <Rồi> (khi) vua ^{NTT}(nghe việc đã xảy ra), vua tức giận đến nỗi ^{NTT}sai quân lính đến hủy

³⁷³ (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có rất nhiều sự khác biệt giữa câu chuyện ngụ ngôn này và câu chuyện ngụ ngôn ở trong Lu-ca 14:15–24 đến nỗi nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đó là một câu chuyện ngụ ngôn tương tự mà Chúa Giê-su kể vào một dịp khác.

³⁷⁴ **22:1** Mặc dù câu 1 nói rằng Chúa Giê-su kể các câu chuyện ngụ ngôn, chỉ có một câu chuyện được ghi lại ở đây.

³⁷⁵ **22:2 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong câu chuyện ngụ ngôn này vua tượng trưng cho Đức Chúa Trời, con trai của vua tượng trưng cho Chúa Giê-su, và các đây tở/sứ giả của vua tượng trưng cho các tiên tri của Đức Chúa Trời, kể cả Giăng Báp-tít. Những người khách được mời đầu tiên tượng trưng cho người Do Thái là những người từ khước lời mời của Đức Chúa Trời. Những người khách về sau này tượng trưng cho bất cứ ai, nhất là những người ngoại quốc, là người chấp nhận lời mời của Đức Chúa Trời. Lễ phục tượng trưng cho sự công chính.

³⁷⁶ **22:2** Thông thường khi nói vua làm một việc gì thì được hiểu là các đây tở làm việc ấy cho vua.

³⁷⁷ **22:4 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các gia đình cho một số con bê ăn đồ ăn đặc biệt để nó sẽ được mập béo và thịt ăn ngon cho các dịp đặc biệt.

³⁷⁸ **22:4** Người ta **không** ăn thịt bê sống. Họ phải nấu hay quay thịt bê/bò con.

³⁷⁹ **22:6 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một đây tở/sứ giả của vua đại diện cho vua nên họ có địa vị cao hơn những thường dân khác. Không lưu ý tới lời mời của vua là thất lễ. Tấn công đại diện của vua là hành động nổi loạn và phản quốc. Thế nhưng đó là cách dân sự Chúa đối xử với các đại diện của Đức Chúa Trời.

³⁸⁰ **22:6** Động từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**hành hạ**” hay có thể nói rõ hơn là “**đánh đập**” (như BDM) hay “**làm tổn thương**” (như BDC, BDY, BCG).

diệt {những kẻ sát nhân ⇔ những kẻ đã giết các đầy tớ/sứ giả của vua} và đốt ³⁸¹ thành của họ. **8** Thế rồi vua nói với (một số) đầy tớ (khác): ‘Tiệc cưới đã sẵn sàng, nhưng những người được mời ³⁸² không xứng đáng để được (dự). **9** Vì vậy hãy đi ra ^{GTK383} {trên/dọc theo các đường phố chính ⇔ các góc đường ⇔ mọi nơi ⇔ khắp thành phố} và mời bất cứ ai các người gặp vào dự ^{NTT} tiệc cưới.’ **10** Vậy nên những người đầy tớ/sứ giả của vua đi ra {các đường phố ⇔ khắp mọi nơi} (và) ^{NTT} tụ họp/mời ³⁸⁴ mọi người họ gặp, kể (cả) {kẻ xấu cũng như người tốt ⇔ người tốt lẫn người gian ác} đến nổi phòng tiệc đầy {người ³⁸⁵ ngồi duỗi chân (ăn tiệc) ⇔ những người đến dự tiệc ⇔ khách}. **11** Nhưng khi vua đến gặp/thăm/hoan nghênh {những người ngồi duỗi chân (để ăn) ⇔ họ ⇔ những người khách}, vua chợt thấy có một người {không mặc ³⁸⁶ lễ phục ⇔ không mặc quần áo đàng hoàng để ăn tiệc cưới ⇔ mặc quần áo cũ/dơ dáy}. **12** <Và>/Vậy nên vua {hỏi ⇔ nói với} người ấy: ³⁸⁷ ‘<Bạn (của tôi)> ⇔ Ông, ^{CH} {làm thế nào ông vào được ⇔ ông không được ở đây mà không mặc lễ phục?!’ Nhưng người này (biết mình có lỗi nên) {không nói một lời nào được ⇔ không có lý do gì để trả lời/bào chữa}. **13** Rồi/Vậy nên vua bảo các đầy tớ: ‘Hãy trói chân tay nó lại, (rồi) ³⁸⁸ [đem ra ngoài và] ném nó vào ³⁸⁹ chỗ tối tăm, là nơi (người ta/hắn sẽ bị trừng phạt đến nỗi) {khóc lóc và nghiêng răng ⇔ chúng/hắn ta sẽ khóc lóc đặng cay và nghiêng răng (trong sự đau đớn) ⇔ người ta/hắn sẽ khóc lóc và đau đớn

³⁸¹ 22:7 Nhóm từ “thành của họ” nói đến thành phố của những kẻ sát nhân, không phải thành phố của các quân lính.

³⁸² 22:8 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “xứng đáng” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:8, 11; 8:8, 10:10, 11, 13, 37–38; 22:8.

³⁸³ 22:9 Ý nghĩa của nhóm từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp không chắc chắn. Một số học giả Kinh Thánh (và BDY) nghĩ rằng nó có nghĩa là “đi trên/dọc theo các đường phố chính (trong thành phố)”. Tuy nhiên, những người khác nghĩ rằng nó có nghĩa là “tới đường dẫn vào thành phố”, và những người khác (và BDM, BDC, BCG) nghĩ rằng nó có nghĩa là “đi tới các ngã tư/góc đường”. Hiển nhiên là vua nói đến những chỗ có mặt người nghèo, có lẽ để ăn mày, và nơi có nhiều người đi qua đi lại. Bất cứ trong trường hợp nào, nên làm cho người đọc thấy rõ là vua muốn tìm kiếm khách một cách rộng rãi, không giới hạn. Vì vậy có thể tốt hơn nên nói “mọi nơi” hay “trong khắp thành phố” ở đây và trong câu 10.

³⁸⁴ 22:10 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nếu không có khách tới dự bữa tiệc lớn đã được sửa soạn đó là một sự khinh bỉ con trai của vua. Tiệc cưới thường kéo dài tới bảy ngày.

³⁸⁵ 22:10 Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH về “ngồi duỗi chân” ở Ma 8:11.

³⁸⁶ 22:11 “lễ phục” ở đây nói đến quần áo mà khách đến dự tiệc cưới mặc, không phải quần áo của cô dâu hay chú rể mặc.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng vua cung cấp áo quần để dự tiệc cưới cho mọi người, nhất là vì nhiều người ở ngoài đường phố được mời. Nhưng người này quyết định không mặc lễ phục đã được cung cấp cho mình—một dấu hiệu tỏ ra không tôn trọng vua và con trai của vua.

³⁸⁷ 22:12 Vua bày tỏ sự lịch sự ở đây. Người này không phải thật là bạn của vua.

³⁸⁸ 22:13 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “đem (ra ngoài) và” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có, nhưng hàm ý.

³⁸⁹ 22:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đôi khi người Do Thái dùng “sự tối tăm” để chỉ về địa ngục.

kinh khủng}.’ ” **14** ³⁹⁰ (Chúa Giê-su kết luận:) “{<Vi> ⇔ Cũng như vậy,} ^{GTK391} nhiều người được (Đức Chúa Trời) mời/gọi ³⁹² (để hưởng phước hạnh của Ngài ⇔ để vào Vương Quốc của Ngài ⇔ được Chúa cai trị), nhưng ^{GTK} {có ít người ⇔ không phải tất cả ⇔ (chỉ có một) số ít (người)} (được) chọn.”

22:15-22 Các Người Pha-ri-si Cố Gắng Làm Cho (Chúa) Giê-su Nói Chống Lại Việc Trả Thuế Cho {Sê-sa ⇔ Hoàng Đế/Vua La-mã}

Mác 12:13-17; Lu-ca 20:20-26

15 Sau đó ³⁹³ các/một số người Pha-ri-si {đến/tụ họp (lại) ⇔ có một buổi họp} (và ³⁹⁴ {lên kế hoạch ⇔ âm mưu} ^{NTT} tìm cách {gài bẫy Ngài/(Chúa) Giê-su với lời nói (của chính Ngài) ⇔ khiến Chúa lầm lỗi trong lời nói} ³⁹⁵ (để họ có thể dùng nó chống lại Ngài). **16** {<Sau đó> họ ⇔ ³⁹⁶ (Các người Pha-ra-si là nhóm người cho rằng trả thuế cho ³⁹⁷ Sê-sa là sai,) vậy nên họ} sai (một số) người của họ đến với Ngài/(Chúa) Giê-su và (một số) ³⁹⁸ người của ³⁹⁹ Vua Hê-rốt (người chịu trả thuế cho Sê-sa), (và họ) nói (với

³⁹⁰ **22:14** Bạn có thể cần phải kèm theo nhóm từ “(Chúa Giê-su kết luận,)” để nói rõ là Chúa Giê-su đang kết luận câu chuyện ngụ ngôn, **không** phải tiếp tục lời nói của vua.

³⁹¹ **22:14** Mặc dù câu 14 thường được chuyển ngữ từng từ một, đây có lẽ là một thành ngữ Do Thái có nghĩa là “**tất cả** (mọi người) được Đức Chúa Trời mời, nhưng {ít người ⇔ **không phải tất cả** (đều)} được chọn.” Sự giải thích này được **xác nhận** bởi “bất cứ ai/mọi người” trong câu 9. Đối với một số ngôn ngữ có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “Đức Chúa Trời mời tất cả mọi người... , nhưng Chúa không chọn tất cả mọi người.” Hãy xem cách bạn chuyển ngữ Ma 20:16 và “**nhiều/tất cả**” trong Ma 20:28.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nguyên văn trong bản Hy-lạp là “nhiều (người) được mời, nhưng ít (người) được chọn.” Tuy nhiên, có lẽ đó là một thành ngữ Hy-bá có nghĩa là “tất cả (mọi người) được mời, nhưng không phải tất cả (mọi người) đều được chọn.”

³⁹² **22:14** Nếu trong ngôn ngữ của bạn đòi hỏi bạn phải nói rõ Đức Chúa Trời mời **về cái gì**, bất cứ sự giải thích nào trong kinh văn đều có thể dùng được.

³⁹³ **22:15** Có lẽ **không** phải tất cả các người Pha-ri-si đều đến bữa họp này, nên bạn có thể nói “**một số** người Pha-ri-si”.

³⁹⁴ **22:15** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**lên kế hoạch**” ở Ma 12:14.

³⁹⁵ **22:15** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ **lý do** tại sao các người Pha-ri-si cố gắng để gài Chúa Giê-su nói một điều sai lầm. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong câu 18.

³⁹⁶ **22:16** Các người Pha-ri-si và các người của vua Hê-rốt có **quan niệm trái ngược nhau** về việc trả thuế cho chính phủ La-mã. Sự kiện này rất quan trọng trong kế hoạch gài bẫy Chúa Giê-su của họ. Tuy nhiên, có thể tốt nhất nên để thông tin này trong một **LỜI CHÚ THÍCH**, hơn là nói rõ ra ở trong kinh văn. Hoạch để **LỜI CHÚ THÍCH** ở đầu câu 18 là đủ rồi.

³⁹⁷ **22:16** Sê-sa được dùng ở đây như một tước vị đề cập đến “Hoàng Đế /Vua La-mã”. **Hoàng Đế/Vua** là người cai trị cao nhất trong một nước.

³⁹⁸ **22:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người của vua Hê-rốt là một nhóm người Do Thái quyền thế hỗ trợ sự cai trị của La-mã và là bạn của vua Hê-rốt. Các người Pha-ri-si và các người của vua Hê-rốt không phải là bạn với nhau và họ chỉ cùng làm việc trong những trường hợp ngoại lệ. Cả hai nhóm này đều sợ ảnh hưởng của Chúa Giê-su.

Ngài): “(Thưa) Thầy, chúng tôi biết rằng Thầy là người chân thật và Thầy dạy (người ta) {đường lối của Đức Chúa Trời một cách chân thật ⇔ sự thật về cách Đức Chúa Trời muốn người ta sống}. <Và> ⁴⁰⁰{Thầy không để ý đến (quan niệm của) bất cứ ai (về Thầy) ⇔ Thầy nói điều đúng mà không cần phải quan tâm đến việc người ta nghĩ như thế nào về nó ⇔ Thầy không để quan niệm của những người khác quyết định/ảnh hưởng điều Thầy nói (hay làm) ⇔ Thầy không có thành kiến}, bởi vì Thầy {không nhìn đến diện mạo/địa vị/cấp bậc của con người ⇔ không để ý đến việc người ta có quan trọng hay không ⇔ không thiên vị người quan trọng ⇔ không thiên vị ⇔ đối xử với mọi người bằng nhau}. **17** Vì vậy, {hãy nói cho chúng tôi biết, Thầy nghĩ sao? ⇔ hãy nói cho chúng tôi biết quan niệm của thầy.} ⁴⁰¹Trả thuế ⁴⁰²cho ⁴⁰³{(Hoàng Đế) Sê-sa ⇔ Hoàng Đế/Vua La-mã}, có đúng/hợp lệ hay không?” **18** ⁴⁰⁴Nhưng (Chúa) Giê-su đã biết/nhận thức được {ác ý của họ ⇔ rằng họ đang cố gắng lừa gạt Ngài (nói lời sai lầm)}, (nên) Chúa ⁴⁰⁵hỏi/bảo (họ): *CH*“{Tại sao các người thử Ta ⇔ Các người không nên cố gắng thử/gài bẫy Ta ⇔ Ước gì các người không cố gắng thử/gài bẫy Ta}, ⁴⁰⁶(các người) ⁴⁰⁷{đạo đức giả ⇔ đây tở giả mạo của Đức Chúa Trời}?! **19** Hãy đưa/đem đến cho Ta xem ⁴⁰⁸(loại) ⁴⁰⁹đồng tiền (được dùng để) trả thuế thân.” <Rồi thì> (sau khi) họ đem đến cho Ngài {một đơ-ni-ê ⇔ một đồng bạc các}, **20** <và> Chúa (giơ nó lên và) hỏi họ: “Hình ảnh của ai và ⁴¹⁰tên của ai

³⁹⁹ **22:16** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Vua Hê-rốt**” trong Ma 14:1, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁰⁰ **22:16** Chuyển ngữ “**Thầy không để ý...**” không nên để người đọc hiểu là Chúa Giê-su là người không quan tâm đến người khác.

⁴⁰¹ **22:17** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Có đúng/hợp lệ**” trong Ma 12:10, 12; 19:3, và xem những nhóm từ quan hệ ở trong Ma 12:2, 14:4 và 20:15.

⁴⁰² **22:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Mỗi năm một lần những người trưởng thành phải nộp thuế thân cho Sê-sa.

⁴⁰³ **22:17** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Sê-sa**” trong tiểu đề và trong câu 16.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Sê-sa” là tên của một trong những Hoàng Đế đầu tiên của La-mã. Tên của ông ta được dùng làm tước vị cho các Hoàng Đế sau ông ta. Ti-bê-ri-út Sê-sa cai trị đế quốc La-mã khoảng 14-37 S.C., vậy nên ông là Hoàng Đế/Vua khi người Pha-ri-si hỏi Chúa Giê-su câu hỏi này.

⁴⁰⁴ **22:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái nghĩ họ đã gài bẫy được Chúa Giê-su. Nếu Chúa nói trả thuế cho Sê-sa là đúng, Ngài sẽ chống lại luật lệ của người Do Thái cấm trả thuế cho người ngoại quốc. Làm như vậy sẽ có nhiều người Do Thái không đi theo Ngài nữa. Tuy nhiên, nếu Chúa nói trả thuế là sai, những người theo vua Hê-rốt hỗ trợ sự cai trị của người La-mã, sẽ báo cáo với thống đốc La-mã và Chúa Giê-su sẽ bị bắt giam hay có thể bị xử tử về tội phản quốc.

⁴⁰⁵ **22:18** Cách bạn chuyển ngữ **câu hỏi tu từ** sẽ xác định bạn dùng “**hỏi**” hay “**bảo**” ở đây.

⁴⁰⁶ **22:18** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu để “**các người là những kẻ đạo đức giả**” ở đầu câu đối thoại.

⁴⁰⁷ **22:18** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đạo đức giả**” ở Ma 6:2 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁰⁸ **22:19** Chúa Giê-su muốn xem một **kiểu mẫu** của loại đồng bạc các mà mọi người dùng để trả thuế. Chúa **không** muốn nói là chỉ có một đồng bạc duy nhất đó mà thôi.

⁴⁰⁹ **22:19 HÌNH ẢNH được đề nghị:** Mặt trước và mặt sau của đồng “đơ-ni-ê”, loại đồng tiền mà chính phủ La-mã đòi hỏi người ta dùng để trả thuế, là thuế thân mà mỗi người phải trả mỗi năm.

⁴¹⁰ **22:20 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những chữ được khắc trên đồng bạc là chữ La-tin, quốc ngữ của Đế Quốc La-mã, và nói như sau “Tiberius Caesar Augustus, Con Trai của Thiên Tử Augustus”.

được chạm khắc (trên) (đồng bạc) này?” **21** {Họ ⇔ Các môn đệ của người Pha-ri-si và các người của vua Hê-rốt} trả lời Ngài: ⁴¹¹“(Hình và tên của) {Sê-sa ⇔ Hoàng Đế La-mã}.” Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nói với họ: “{VẬY./VẬY thì, ⇔ Để trả lời câu hỏi của các người,} hãy nộp cho {Sê-sa ⇔ Hoàng Đế La-mã} những vật gì {của Sê-sa ⇔ thuộc về Sê-sa ⇔ điều vua đòi hỏi các người phải nộp} và (nộp cho) Đức Chúa Trời những vật gì {của Đức Chúa Trời ⇔ thuộc về Đức Chúa Trời ⇔ Ngài đòi hỏi}.” **22** <Và> khi (họ ⇔ các người Pha-ri-si và các người của vua Hê-rốt) nghe (điều đó ⇔ câu trả lời của Chúa Giê-su), họ {ngưỡng mộ ⇔ ngạc nhiên} ⁴¹²(về Ngài ⇔ về cách Chúa Giê-su/Ngài ⁴¹³thoát khỏi bẫy của họ). Sau đó họ bỏ Ngài mà đi.

22:23-33 Một Số Người Sa-đu-sê Cố Gắng Chứng Tỏ Rằng {Không Có Sự Phục Sinh ⇔ Đức Chúa Trời Sẽ Không Khiến Cho Người Ta Sống Lại ⇔ Người Ta Sẽ Không Sống Lại Sau Khi Chết}

Mác 12:18-27; Lu-ca 20:27-40

23 Cũng trong ngày ấy (một số thuộc viên của nhóm tôn giáo Do Thái gọi là ⁴¹⁴người Sa-đu-sê đến với Ngài/(Chúa) Giê-su. (Họ ⇔ Những người Sa-đu-sê) nói/dạy/tin ^{NTT}(rằng) (sau khi chết ⇔ sau khi người ta chết) {không có sự phục sinh ⇔ Đức Chúa Trời sẽ không khiến người ta sống lại}, <và>/vậy nên họ hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su **24** <bằng cách nói (với Ngài)>: “(Thưa) Thầy, (ngày xưa) Môi-se đã nói/chép (trong Kinh Thánh rằng) ^{NTT}nếu một người đàn ông (có vợ ⇔ lấy vợ, nhưng sau đó) ⁴¹⁵chết mà không có con, anh/em của người đó phải cưới vợ/goá phụ {của ông ta ⇔ của người chết} và ⁴¹⁶{có con nối dõi ⇔ sanh con cái} cho {người anh/em (đã chết) ⇔ ông ta}. (Phục 25:5-6) **25** ⁴¹⁷Bây giờ/Một ngày kia có bảy anh em (sống ở đây) <với chúng tôi>. <Và> người anh

Mặt sau của đồng bạc nói về Sê-sa như “Trưởng Tế”. Người La-mã thờ phượng Sê-sa như một thần. Người Do Thái cho điều này là thờ hình tượng.

⁴¹¹ **22:20** Trong nhiều ngôn ngữ có thể dùng một câu trả lời ngắn như trong tiếng Hy-lạp. Tuy nhiên, một số ngôn ngữ khác đòi hỏi phải dùng nguyên một câu hay một nhóm từ. Thí dụ, “(Những gì của) Sê-sa,” hay “(Hình và tên của) Sê-sa.”

⁴¹² **22:22** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ người Pha-ri-si và các người của vua Hê-rốt ngạc nhiên về **điều gì**. Chỉ nói rõ thông tin này nếu cần.

⁴¹³ **22:22** Bạn có thể nói: “...đã trả lời câu hỏi của họ mà không mắc bẫy/bị lừa.”

⁴¹⁴ **22:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma-thi-ơ 3:7 để biết nhiều hơn về người Sa-đu-sê.

⁴¹⁵ **22:24** Có thể nói như sau sẽ rõ ràng hơn: “...nếu một người **có (vợ và)** không có con và rồi chết, anh/em của người...”

⁴¹⁶ **22:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Rất là quan trọng cho một gia đình có con trai để nối dõi và thừa hưởng gia tài. Nếu một người có vợ chết mà không có con, anh em của người ấy, hay người bà con gần nhất, phải cưới **người vợ goá** của ông ta. Người con trai đầu lòng của cuộc hôn nhân ấy sẽ mang tên người đã chết và được coi như con và người thừa kế của người đó (Phục 25:5-6). Hãy xem một thí dụ ở trong Sáng Thế Ký 38.

⁴¹⁷ **22:25** Từ “**Bây giờ**” được dùng ở đây **không** phải nói đến thời gian, nhưng để chuyển câu đối thoại từ Phục Truyền qua câu chuyện bảy anh em, là câu chuyện được kể như là một **câu chuyện có thật**.

cả cưới (vợ) <và>/nhưng {(rồi) chết không có con cái gì cả ⇔ họ không có con và người ấy chết}. (Vây) {anh ta để lại vợ/goá phụ của mình cho người em kế ⇔ người em kế cưới vợ goá của anh mình}. **26** ⁴¹⁸ Cùng một việc (xảy ra) cho người anh thứ hai và người thứ ba (và tiếp tục như vậy) cho đến người thứ bảy. ⁴¹⁹ (Từng người một lần lượt cưới người đàn bà này nhưng/và chết mà không có con cái.) **27** <Rồi> {sau cùng ⇔ cuối cùng}, người đàn bà (cũng) chết. **28** Vì vậy, {trong ngày sống lại ⇔ sau khi Đức Chúa Trời khiến cho người ta sống lại}, ⁴²⁰ {ai trong bảy anh em này sẽ là chồng của bà ta ⇔ bà ta sẽ là vợ của ai}, ⁴²¹ vì tất cả bảy anh em {đã làm chồng bà ⇔ đã cưới bà làm vợ} (ở đây ⇔ trên đất này)?”

29 <Rồi> (Chúa) Giê-su trả lời {họ ⇔ các người Sa-đu-sê} <(và) nói>: “Các ông *GTK*⁴²² {đã lầm ⇔ hoàn toàn sai ⇔ lừa dối chính mình} (về đời sống sau sự chết ⇔ khi nói/tin *NTT* rằng Đức Chúa Trời sẽ không khiến cho người ta sống lại), (bởi vì các ông không biết/hiểu) {Kinh Thánh ⇔ Lời Chúa} (đã nói về điều này), {hay ⇔ và các ông không biết/hiểu} {quyền năng của Đức Chúa Trời/Ngài ⇔ điều Đức Chúa Trời có thể làm}! **30** <Vi> {trong ngày sống lại ⇔ sau khi Đức Chúa Trời khiến người ta sống lại} {(đàn ông) (sẽ) không cưới (vợ) và đàn bà (sẽ) không được gả chồng ⇔ người ta sẽ không cưới nhau}, nhưng/thay vào đó họ ⁴²³ {giống ⇔ sẽ giống như} ⁴²⁴ thiên sứ ⁴²⁵ của [Đức Chúa Trời] trên thiên đàng (là người không cưới gả). **31** <Nhưng/Và> về {sự sống lại của người chết ⇔ Đức Chúa Trời có khiến người chết sống lại hay không ⇔ bằng chứng về Đức Chúa Trời sẽ khiến người chết sống lại}, *CH*⁴²⁶ {các ông chưa đọc ⇔ các ông bỏ qua điều các ông đã đọc ⇔ các ông nói/hành động như các ông chưa từng đọc} (trong Kinh Thánh về ⇔ trong Lời của Đức Chúa Trời về) điều Đức Chúa Trời/Chúa đã phán với

⁴¹⁸ **22:26** Một số ngôn ngữ thích **lặp lại** điều đã xảy ra cho người anh cả với các người em sau.

⁴¹⁹ **22:26** Các người em này lần lượt lấy người vợ goá, **không** phải tất cả cùng lấy một lúc.

⁴²⁰ **22:28 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái cho phép một người đàn ông có nhiều hơn là một người vợ, nhưng họ không cho người đàn bà có nhiều hơn là một người chồng cùng một lúc. Người Sa-đu-sê nghĩ rằng câu chuyện họ kể sẽ chứng tỏ là không có sự sống lại, bởi vì nếu có sự sống lại, họ nghĩ người đàn bà sẽ có đến bảy người chồng, là điều mà họ nghĩ là Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ cho phép. Các người Pha-ri-si sẽ trả lời là người đàn bà thuộc về người chồng thứ nhất.

⁴²¹ **22:28** Hay bạn có thể nói: “... vì **bà ấy** {là vợ của ⇔ lấy} {mỗi người/tất cả ⇔ cả bảy} anh em (khi còn sống trên đất)” như BDM, BDC, BDY, BCG.

⁴²² **22:29** Động từ/từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “Các ông đã **lầm**” hay “Các ông đang **lừa dối chính mình**”. Ý nghĩa nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.

⁴²³ **22:30** **Không** nên làm cho người đọc hiểu là người ta trông sẽ giống như thiên sứ. Họ sẽ sống như thiên sứ và không cưới gả.

⁴²⁴ **22:30 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Sa-đu-sê không tin nơi thiên sứ hay thần linh (Công Vụ 23:8). Sự kiện Chúa Giê-su nhắc đến các thiên sứ ở đây hàm ý rằng các người Sa-đu-sê cũng sai lầm về thiên sứ. Người Do Thái không thuộc về nhóm Sa-đu-sê tin rằng thiên sứ {bất tử ⇔ không bao giờ chết} và vì vậy không cần phải lập gia đình và có con cái.

⁴²⁵ **22:30** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**của Đức Chúa Trời**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo khác không có. Nên nói rõ đây là thiên sứ của Đức Chúa Trời.

⁴²⁶ **22:31** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ câu hỏi tu từ “**các ông chưa từng đọc**” trong Ma 12:3, 5; 19:4 và 22:31. Cũng hãy xem 21:16, 42 “các ông **chưa từng đọc**”, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴²⁷{các ông (con người) ⇔ (các tổ phụ và) các ông} (ngày xưa) sao?! (Sau khi Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp qua đời rất lâu) (Chúa/Đức Chúa Trời) đã phán rằng: **32**^{NGT}·Ta ⁴²⁸là ⁴²⁹{Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, <và> Đức Chúa Trời của Y-sác và Đức Chúa Trời của Gia-cốp ⇔ Đức Chúa Trời của (tổ phụ các con) Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp hầu việc/thờ phượng}!’ (Xuất 3.6) ⁴³⁰{Chúa ⇔ [Đức Chúa Trời]} ⁴³¹không phải là Đức Chúa Trời {của ⇔ được phục vụ/thờ phượng bởi} {kẻ chết ⇔ những người đã chết}, nhưng bởi {kẻ sống ⇔ những người còn sống} (ngay cả sau khi họ đã chết)! ⁴³²(Điều này cho thấy là sẽ có sự sống lại! ⇔ Điều này chứng tỏ rằng Đức Chúa Trời sẽ khiến người ta sống lại!)” **33** <Và> khi ⁴³³đám đông/người ta nghe (điều đó ⇔ điều Chúa Giê-su phán cho người Sa-đu-sê), họ {sững sờ vì ⇔ kinh ngạc vì ⇔ hoàn toàn ngạc nhiên vì ⇔ hoàn toàn khâm phục về} ^{GTK}⁴³⁴{sự dạy dỗ của Ngài ⇔ điều/cách Chúa đã dạy họ}.

⁴²⁷ **22:31** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các người/các ông (người ta)” trong Ma 19:8

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Điều Đức Chúa Trời nói với các tổ phụ của người Do Thái cũng áp dụng cho những người Do Thái sống trong thời của Chúa Giê-su. Người Sa-đu-sê tin rằng chỉ có Ngũ Kinh (năm sách của Môi-se chép) là Lời của Đức Chúa Trời. Vì vậy họ không tin nơi sự phục sinh của người chết bởi vì họ nghĩ rằng điều đó không được nhắc đến ở trong Ngũ Kinh. Tuy nhiên Chúa Giê-su trích dẫn ở trong Xuất 3:6, 15–16 và chứng tỏ rằng có sự sống sau khi chết.

⁴²⁸ **22:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Động từ “Ta là” ở trong thì hiện tại. Điểm chính ở đây là Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của người sống, ngay cả khi họ đã chết rồi. Vậy nên khi Chúa nói “Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham...”, có nghĩa là Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp vẫn còn sống với Đức Chúa Trời sau khi họ đã chấm dứt đời sống trên đất. Đức Chúa Trời hứa với dân sự của Ngài rằng Chúa sẽ hướng dẫn, giúp đỡ, ban phước, cứu và bảo vệ họ. Những lời hứa này không chấm dứt khi họ chấm dứt đời sống trên đất. Điều đó chứng tỏ rằng một ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ khiến mọi người sống lại từ kẻ chết (cũng hãy xem 1 Cô-rinh-tô 15:12-58, Phi-líp 3:20-21 và 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18).

⁴²⁹ **22:32** Hãy chắc chắn là lặp lại “Đức Chúa Trời” ba lần **không** có nghĩa là có ba Đức Chúa Trời khác nhau. Chúa Giê-su đang nói đến **một** Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời của ba người khác nhau.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp là ba tổ phụ vĩ đại nhất của người Do Thái.

⁴³⁰ **22:32** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG, BDY) có “**Chúa**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản thảo (và Văn Bản Đa Số, BDC) có “**Đức Chúa Trời**”. Hãy dùng cách nào tự nhiên nhất để nói đến Đức Chúa Trời trong ngôn ngữ của bạn.

⁴³¹ **22:32 Không** nên làm người đọc hiểu là Đức Chúa Trời không muốn nghĩ gì đến những người đã chết. Nó có nghĩa là những con dân Chúa đã chấm dứt đời sống của họ trên đất vẫn còn đang sống với Ngài. Bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời {là Đức Chúa Trời của ⇔ chỉ cai trị} những người còn sống, bởi vì ngay cả những người đã chết vẫn còn đang sống (với Ngài ⇔ trên thiên đàng)!” Hay bạn có thể nói: “Điều đó có nghĩa là tất cả con dân của Đức Chúa Trời vẫn còn sống, ngay cả những người đã chết!”

⁴³² **22:32** Nên nói rõ là Chúa Giê-su đang chứng tỏ là có sự phục sinh. Có thể tốt nhất là để thông tin này hàm ý và kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** giống như những **LỜI CHÚ THÍCH** ở các câu 31–32.

⁴³³ **22:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các đám đông” ở Ma 19:2 và 21:9–11.

⁴³⁴ **22:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “sự dạy dỗ của Ngài” trong Ma 7:28, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

22:34-40 {**Những Điều Răn Quan Trọng Nhất Của Đức Chúa Trời ⇔
Hãy Yêu Mến Đức Chúa Trời Và Những Người Khác**}

Mác 12:28-34; Lu-ca 10:25-28

34 <Sau đó> khi các người Pha-ri-si nghe ^{NTT} rằng Ngài/(Chúa) Giê-su đã ⁴³⁵ làm im miệng/khôn hơn/tranh luận thắng hơn người ⁴³⁶ Sa-đu-sê, họ họp lại {bàn về chuyện ấy ⇔ để lên kế hoạch về phải làm gì kế tiếp}. 35 Rồi một người trong bọn họ (là) chuyên gia Kinh Luật (đi/đến với Ngài/Chúa Giê-su) để ⁴³⁷ thử/gài bẫy/hạ uy tín của Ngài <và> hỏi: 36 ”(Thưa) Thầy, ⁴³⁸ trong các điều răn của Đức Chúa Trời điều răn nào (là) {lớn nhất ⇔ quan trọng nhất?}” 37 <Sau đó> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời ông ta: “(Kinh Thánh chép: ⇔ Lời của Đức Chúa Trời phán:) ⁴³⁹ ‘Hãy yêu mến Chúa ⁴⁴⁰ {Đức Chúa Trời của con/các con ⇔ Đức Chúa Trời mà con phục vụ/thờ phượng,} ⁴⁴¹ {với hết cả tấm lòng, hết cả linh hồn/và hết cả tâm trí ⇔ với tất cả tấm lòng/sự ao ước, linh hồn và tâm trí ⇔ trong mọi việc các con làm, suy nghĩ và nói ⇔ với tất cả điều con có và cả con người của con}.’ (Phục 6:5) 38 ⁴⁴² Đó là điều răn ⁴⁴³ {lớn nhất và đầu tiên ⇔ quan trọng nhất} (mà chúng ta phải làm theo). 39 <Sau đó> điều răn (quan trọng) thứ hai/kế đến tương tự như (điều răn

⁴³⁵ 22:34 “**làm im miệng**” có nghĩa là Chúa Giê-su trả lời người Sa-đu-sê hay quá đến nỗi họ không còn cãi thêm được nữa.

⁴³⁶ 22:34 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Sa-đu-sê**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:7, 16:1, (4)–6, 11–12; 22:23 và tiểu đề, 22:(29, 33), 34. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Sa-đu-sê” ở Ma 3:7.

⁴³⁷ 22:35 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thử nghiệm/gài bẫy/hạ uy tín**” trong Ma 16:1, 19:3, 22:18.

⁴³⁸ 22:36 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chuyên gia Kinh Luật hỏi Chúa Giê-su một câu hỏi mà các người Do Thái chia làm nhiều phe với nhiều quan niệm khác nhau. Có lẽ ông ta nghĩ bất kể Chúa Giê-su trả lời như thế nào, Chúa sẽ làm cho một số người đi theo Ngài nổi giận và họ sẽ không đi theo Ngài nữa. Có tất cả 613 mạng lệnh trong Kinh Luật Môi-se. Nhiều người Do Thái coi tất cả các mạng lệnh này đều quan trọng như nhau. Tuy nhiên, nhiều người khác tranh luận cho rằng một số các mạng lệnh này, nhất là mười điều răn, quan trọng hơn những mạng lệnh khác. Thí dụ, nhiều người Do Thái nghĩ rằng một trong những điều răn quan trọng nhất là phải hiếu kính cha mẹ.

⁴³⁹ 22:37 Điều răn này áp dụng cho tất cả các con dân Đức Chúa Trời, **không** phải chỉ cho một người. Để làm cho rõ ý, có thể cần phải nói là “**các con**”, thay vì “**con**”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Từ Hy-lạp dùng ở đây cho động từ “yêu” có nghĩa là bao gồm cả sự tận hiến lẫn hành động, không phải chỉ có tình cảm và cảm xúc. Các nhà lãnh đạo Do Thái đã coi câu trả lời của Chúa Giê-su là một câu trả lời hay.

⁴⁴⁰ 22:37 Trong một số nơi trên thế giới người ta coi là không tôn kính với Đức Chúa Trời khi đặt “của con” và “Đức Chúa Trời” trong cùng một câu (như “Đức Chúa Trời” của con). Trong những trường hợp ấy, có thể tốt nhất nên nói như là “Đức Chúa Trời mà các con phục vụ/thờ phượng”.

⁴⁴¹ 22:37 Không có sự khác biệt rõ ràng về ý nghĩa giữa “**tấm lòng**”, “**linh hồn**” và “**tâm trí**”. Tất cả ba điều này được liệt kê ra để cho thấy rằng một người nên yêu mến Đức Chúa Trời với toàn thể đời sống của mình, **không** phải chỉ một phần.

⁴⁴² 22:38 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu chúng ta **hợp chung** các câu 37 và 38 và bắt đầu câu trả lời của Chúa Giê-su như sau: “Điều răn thứ nhất và lớn nhất là ‘Hãy yêu mến Chúa Đức Chúa Trời của con/các con...’”

⁴⁴³ 22:38 Nhóm từ “**lớn nhất và đầu tiên**” là **thuyết song hành**, tức là, dùng hai cách khác nhau để nói về cùng một ý để nhấn mạnh. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ **thuyết song hành** ở Ma 4:23.

thứ nhất/lớn nhất). Đó là, ⁴⁴⁴“Hãy yêu ⁴⁴⁵{kẻ lân cận ⇔ mọi người các con gặp ⇔ những người khác/mọi người} {(nhiều) như ⇔ cũng như} (các con yêu) chính mình.” (Lê-vi Ký 19:18) **40** ⁴⁴⁶Tất cả các Kinh Luật (Môi-se) và các sách tiên tri ⁴⁴⁷{đều tùy thuộc vào ⇔ đều lấy ra từ ⇔ được dựa vào} hai điều răn này.”

22:41-46 (Chúa) Giê-su Hỏi Các Người Pha-ri-si Một Câu Hỏi Về
{⁴⁴⁸Con/Dòng Dõi Của Vua Đa-vít ⇔ Đấng Cứu Thế}

Mác 12:35-37; Lu-ca 20:41-44

41 <Sau đó> trong khi người Pha-ri-si vẫn còn tụ họp ở đó, (Chúa) Giê-su hỏi họ **42** <bằng cách nói>: “{Các ông nghĩ/tin thế nào ⇔ Hãy cho Ta biết các ông nghĩ/tin gì} về {Đấng Cứu Thế ⇔ Đấng được (Đức Chúa Trời Xức) Hứa Ban}?. Ngài là con/dòng dõi của ai?” {Họ ⇔ Các người Pha-ri-si} trả lời Ngài: “(Ngài sẽ là Con/Dòng dõi của) (Vua) ⁴⁴⁹Đa-vít.” **43** Ngài/(Chúa) Giê-su hỏi họ: “{Vậy thì ⇔ Nếu đúng như vậy,} tại sao Đa-vít gọi {Ngài ⇔ Đấng Cứu Thế} Chúa/Chủ (của vua) ⁴⁵⁰(từ ngày xưa) (khi ⁴⁵¹vua được) ⁴⁵²{đầy dẫy ⇔ ở dưới ảnh hưởng/quyền năng của ⇔ được thần cảm/hướng dẫn bởi} Đức Thánh Linh (và) nói: **44** ^{NGT}{⁴⁵³Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ Đức Chúa Trời} phán

⁴⁴⁴ 22:39 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “yêu mến” trong Ma 5:43.

⁴⁴⁵ 22:39 Trong ngữ cảnh này “người lân cận” nói đến con người, tức là, **mọi người** bạn tương tác với, **không** phải chỉ là người ở nhà kế bên (hãy xem Lu-ca 10:29–37). Có thể để thông tin này trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁴⁴⁶ 22:40 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Điều mà người Do Thái gọi là “Kinh Luật và Kinh Tiên Tri” làm thành Cựu Ước. “Kinh Luật” nói đến năm sách mà Môi-se chép, và “Kinh Tiên Tri” nói đến những sách còn lại, nhiều sách trong những sách này được viết bởi các tiên tri của Đức Chúa Trời.

⁴⁴⁷ 22:40 Bạn có thể nói: “(Ý nghĩa của) tất cả Kinh Luật Môi-se và các sách tiên tri **được tóm tắt** bởi/trong hai điều răn này.”

⁴⁴⁸ (Tiểu Đề) Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ tước vị “**Con (Vua) Đa-vít**” trong sách của Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:1, 9:27, 12:23, 15:22, 20:30, 31; 21:9, 15; 22:(42) và tiểu đề. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở trong Ma 9:27.

⁴⁴⁹ 22:42 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Tất cả các người Do Thái đều hiểu rằng Đấng Cứu Thế sẽ là dòng dõi của vua Đa-vít. Thí dụ, xem 2 Sa-mu-ên 7:12–13, Thi-thiên 89:3–37, 132:11–18; Ê-sai 9:6–7, 11:1–11; Giê-rê-mi 23:5–6, 30:8–9, 33:15–17; Ê-xê-chi-ên 34:23–31, 37:24–28. Một trong những lý do mà các người lãnh đạo Do Thái từ khước không nhận Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế vì họ mong đợi Đấng Cứu Thế sẽ là một đại tướng và một vị vua giống như vua Đa-vít (đối chiếu điều này với Ma-thi-ơ 20:30).

⁴⁵⁰ 22:43 Nếu các mệnh đề ở trong các câu 43–44 quá dài và phức tạp, bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Vua đã làm điều đó) (từ ngày xưa) (khi...)”

⁴⁵¹ 22:43 Hãy cẩn thận trong suốt câu 43–44 để nói cho rõ là đang nhắc đến ai.

⁴⁵² 22:43 Bạn có thể nói: “...(khi) Đức Thánh Linh **hướng dẫn/kiến** vua nói...”

⁴⁵³ 22:44 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ là đang nói đến Chúa **của ai** và nói: “(Đức Chúa Trời) Chúa/Chủ (**của tôi**)”. Đối với một số ngôn ngữ cần phải chuyển ngữ là “Chúa (Đức Chúa Trời) (Đấng **ta** thờ phượng)”.

cùng ⁴⁵⁴Chúa/Chủ của tôi: ^{NGT}“Hãy ngự ⁴⁵⁵bên phải Ta cho tới khi Ta (đánh bại các kẻ thù của Con và) đặt {các kẻ thù của Con ↔ chúng} ⁴⁵⁶dưới chân/sự kiểm soát/thẩm quyền của Con” ? (Thi Thiên 110:1) **45** <Vì vậy,> nếu/vì Đa-vít đã gọi {Ngài ↔ Đấng Cứu Thế} là Chúa/Chủ của vua, làm thế nào {Ngài ↔ Đấng Cứu Thế} có thể ⁴⁵⁷là ⁴⁵⁸Con/Dòng Dõi của Đa-vít?” **46** <Và> {không ai ↔ không một người Pha-ri-si nào} có thể trả lời Ngài/(Chúa) Giê-su được, và từ ngày đó {không ai giám ↔ không ai có đủ can đảm ↔ mọi người đều sợ} {hỏi Chúa (các câu hỏi để ⁴⁵⁹thử/gài bẫy/hạ uy tín Ngài) ↔ cố gắng thử/gài bẫy/hạ uy tín Ngài} nữa.

**23:1-36 (Chúa) Giê-su ^{NTT}{Tố Cáo/Lên Án ↔
Nói Chống Lại} Các Chuyên Gia Kinh Luật Và Người Pha-ri-si**

Mác 12:38-40; Lu-ca 11:37-52; 20:45-47

23 **1** {Bấy giờ ↔ Sau đó} (Chúa) Giê-su/Chúa nói với đám đông/dân chúng và các môn đệ của Ngài: **2** “Các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si ⁴⁶⁰{ngồi trong ghế của Môi-se ↔ là những người tiếp nối Môi-se được có thẩm quyền như là các chuyên gia Kinh Luật ↔ có thẩm quyền để giải thích Kinh Luật Môi-se và dạy cho những người khác ↔ có/ thừa kế thẩm quyền của Môi-se}. **3** Vì vậy hãy làm mọi điều họ bảo các con {và vâng lời (họ) ↔ một cách trọn vẹn}, nhưng đừng {làm/bắt chước điều/hành động họ làm ↔ sống/hành xử theo cách họ sống/hành xử ↔ theo gương của họ}, bởi vì họ nói/dạy (điều đúng nên làm), nhưng họ không làm (điều đúng ↔ theo điều họ nói/dạy),/. **4** {thay

⁴⁵⁴ **22:44** Trong nhóm từ “Chúa/Chủ của tôi”, nên làm cho rõ là “của tôi” đề cập tới Đa-vít và “Chúa/Chủ” đề cập đến Đấng Cứu Thế.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Đức Chúa Trời đang nói tới ở đây là Đấng Cứu Thế, là Chúa/Chủ của vua Đa-vít.

⁴⁵⁵ **22:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chỗ ngồi ở bên tay phải của Đức Chúa Trời (cũng như đối với một vị vua) là chỗ ngồi danh dự và quan trọng nhất.

⁴⁵⁶ **22:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong thời cổ những người chiến thắng sẽ để chân lên cổ của kẻ thù mà họ đã đánh bại để biểu tượng cho quyền lực của họ trên người bị đánh bại (hãy xem Giô-suê 10:24). Cùng một lý do đó các nhà cầm quyền thường khắc hay thêu HÌNH ANH của người họ đánh bại vào kệ để chân.

⁴⁵⁷ **22:45** Một số bản dịch thêm “chỉ là” ở đây. Tuy nhiên, không ai có thể trả lời được câu hỏi của Chúa Giê-su, vậy nên chúng ta **không** nên thêm vào “chỉ là” vì nó sẽ làm cho người ta nghĩ tới câu trả lời.

⁴⁵⁸ **22:45 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su không phủ nhận rằng Đấng Cứu Thế là dòng dõi của vua Đa-vít. Chúa đang nói rằng Đấng Cứu Thế vừa là con người (dòng dõi vua Đa-vít) vừa là Đức Chúa Trời (Chúa của Đa-vít) (hãy xem La Mã 1:3-4). Người Do Thái không mong đợi Đấng Cứu Thế là Đức Chúa Trời, nên họ không thể trả lời câu hỏi của Chúa Giê-su.

⁴⁵⁹ **22:46** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thử nghiệm/gài bẫy**” trong câu 35.

⁴⁶⁰ **23:2** “ngồi trong ghế của Môi-se” là một thành ngữ có nghĩa là các chuyên gia Kinh Luật và những người Pha-ri-si có cùng một thẩm quyền như Môi-se để giải thích và dạy cho người ta các Luật Pháp mà Đức Chúa Trời đã ban cho Môi-se. “**Ghế của Môi-se**” không nói đến cái ghế ngồi hay một thứ đồ đạc nào khác.

vào đó ⇔ Thí dụ,} ⁴⁶¹{họ buộc ⁴⁶²những gánh nặng [và khó mang] và đặt chúng trên vai/lưng người khác ⇔ họ làm tất cả mọi thứ luật lệ về cách phục vụ Đức Chúa Trời là những luật lệ khó cho người ta làm theo}, nhưng họ ^{GTK463}{không muốn đụng đến một ngón tay (giúp) để cất chúng đi ⇔ không làm một điều gì để làm cho người ta dễ làm theo những luật lệ này hơn ⇔ không cố gắng làm theo luật lệ của chính họ}. **5** <Và> ⁴⁶⁴{họ ⇔ các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si} làm tất cả mọi ⁴⁶⁵{việc ⇔ hành động (công chính/tôn giáo)} {để được dân chúng/người khác thấy/chú ý (và để được họ khen ngợi) ⇔ để dân chúng/người khác sẽ thấy/chú ý (và khen ngợi họ)}. Thí dụ, họ mang ⁴⁶⁶{thẻ bài cho to ⇔ đồ cột trên trán và tay có những câu Kinh Thánh được chép trên đó} và họ làm ⁴⁶⁷các tua (áo) cho dài. **6** <Và> họ ⁴⁶⁸thích/ưa thích (ngồi trong) ⁴⁶⁹{ghế quan trọng nhất ⇔ ghế dành cho những người quan trọng ⇔ các chỗ ngồi danh

⁴⁶¹ **23:4** Nếu không chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁴⁶² **23:4** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC) có “**và khó mang**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và BDM, BCG, BDY) **không** có hay là có “gánh nặng”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Gánh nặng mà Chúa Giê-su nói đến tượng trưng cho tất cả các luật lệ mà các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si đặt ra, là những luật lệ rất khó cho người ta làm theo.

⁴⁶³ **23:4** Nhóm từ “**Họ không muốn đụng đến một ngón tay để cất chúng đi**” là một thành ngữ. Một số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG) nghĩ rằng nó có nghĩa là các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si sẽ không làm một điều gì để khiến cho **người ta** dễ làm theo các luật lệ họ đặt ra. Tuy nhiên, một số học giả khác (và BDY) nghĩ rằng nó có nghĩa là họ sẽ không cố gắng làm theo luật lệ của chính họ. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều phải làm khi các học giả Kinh Thánh có các **sự giải thích khác nhau** ở Ma 1:19.

⁴⁶⁴ **23:5** Bạn có thể nói: “<Và> **họ làm mọi việc** {để...”

⁴⁶⁵ **23:5** Trọng tâm của những “**việc làm**” là vào “những hành động (công chính/sùng đạo)”, **không** phải các hành động gian ác.

⁴⁶⁶ **23:5** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Thẻ bài” Do Thái là những hộp da nhỏ chứa đựng bốn đoạn kinh văn trong Cựu Ước: Xuất 13:1–10, 13:11–16; Phục Truyền 6:4–9, 11:13–21. Vì làm theo các câu Kinh Thánh như Phục Truyền 6:8 và 11:18, tất cả những người đàn ông và con trai Do Thái từ 13 tuổi trở lên phải đeo những hộp da nhỏ này, đặc biệt là trong những lúc cầu nguyện hằng ngày. Họ dùng dây da nhỏ buộc một trong những hộp da nhỏ này lên trán và một hộp nữa trên bàn tay trái.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Hình một người đàn ông mang hộp da nhỏ trên trán và trên tay trái, và mặc áo dài có tua ở mỗi góc.

⁴⁶⁷ **23:5** Mặc dù từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp cùng là một từ được dùng ở trong Ma 9:20 và 14:36, đa số các bản dịch (và BDM, BDC, BCG, BDY) dùng “**tua áo**” ở đây và “**gấu áo**” ở 9:20 và 14:36.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người đàn ông Do Thái mang một tua áo màu xanh lơ ở bốn góc áo choàng của họ để cho thấy là họ đang hầu việc Đức Chúa Trời và để nhắc nhở họ vâng theo các điều răn của Chúa. Đức Chúa Trời ra chỉ thị về việc mặc tua áo này ở trong Dân Số 15:37–41 và Phục Truyền 22:12. Các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si mặc áo có tua dài hơn người khác để làm cho người ta nghĩ rằng họ sùng đạo/sốt sáng/tốt.

⁴⁶⁸ Bạn có thể nói “**thích ăn trên ngồi trước.**”

⁴⁶⁹ **23:6** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chỗ ngồi quan trọng nhất trong bàn tiệc là ngồi kế bên người chủ tiệc. Chỗ quan trọng nhất trong hội đường là phía đằng trước, trước mặt rương đựng các cuộn sách thánh. Các chuyên gia Kinh Luật và những người quan trọng khác ngồi tại đó đối diện với các người khác trong buổi nhóm.

dự⁴⁷⁰ tại bàn tiệc và (họ thích ngồi trong) {những ghế quan trọng nhất ⇔ những ghế dành cho những người quan trọng ⇔ các ghế phía trước} trong {hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/họp}. 7 (Họ) cũng (thích/muốn)^{NTT471} {được chào hỏi (đặc biệt) ⇔ người ta chào họ (với sự tôn kính)} {ở chợ ⇔ ở nơi công cộng ⇔ trước mặt những người khác} và (họ thích/muốn) được người ta gọi là ‘{Thầy ⇔ Đại sư}.’

8 “Nhưng các con không nên {được gọi là ⇔ để người ta tôn kính/khen ngợi các con bằng cách gọi các con}: ‘{Thầy ⇔ Đại sư}’ (như họ), bởi vì⁴⁷² {các con chỉ có một Thầy ⇔ Ta là Thầy duy nhất} và các con tất cả⁴⁷³ (đều là) {anh em (và chị em) ⇔ môn đệ của Ta}. 9 <Và> đừng {gọi (các tín hữu) trên đất này ⇔ tôn sùng/khen ngợi bất cứ ai bằng cách gọi họ}^{NTT474} là Cha, bởi vì {(chỉ) có một Đấng (là)⁴⁷⁵ Cha Thiên Thượng của các con ⇔ chỉ có Đức Chúa Trời là Đấng ở trên thiên đàng là Cha (thuộc linh) của các con} (và chỉ gọi một mình Ngài như vậy thôi). 10 <Và> đừng để người khác tôn kính/khen ngợi con bằng cách gọi con: ⁴⁷⁶‘Vị lãnh đạo/Chủ/Thầy’⁴⁷⁷ bởi vì chỉ có ⁴⁷⁸(Ta,) {Đấng Cứu Thế ⇔ Cứu Chúa được (Đức Chúa Trời) hứa ban} là Vị Lãnh Đạo/Chủ/Thầy của các con. 11 <Và/Như vậy> (ai muốn làm) người⁴⁷⁹ {lớn nhất ⇔ quan trọng} giữa vòng các con sẽ/phải {làm đầy tớ/người giúp đỡ ⇔ (hãy khiêm nhường và) hầu việc/giúp đỡ các người khác},/. 12 {<và>/bởi vì hễ ai ⇔ Bất cứ ai} {(cố gắng) tôn mình lên ⇔ hành động làm như là lớn/quan trọng/quyền thế} sẽ bị Đức Chúa Trời hạ xuống, và/nhưng bất cứ ai hạ mình xuống, sẽ được tôn cao.”

⁴⁷⁰ 23:6 Có thể thay đổi **thứ tự** của câu 6 nghe cho tự nhiên hơn: “<Và> trong bàn tiệc và buổi nhóm thờ phượng họ thích ngồi trong {ghế/chỗ quan trọng nhất ⇔ những chỗ/ghế dành cho người quan trọng ⇔ các chỗ danh dự}.”

⁴⁷¹ 23:7 **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Nếu có một chuyên gia Kinh Luật đi qua, người ta sẽ đứng dậy để tỏ lòng tôn trọng và chào là “Thầy”, “Cha” hay “Ra-bi”

⁴⁷² 23:8 Các môn đệ hiểu rằng Chúa Giê-su đang nói đến chính Ngài là “**Thầy duy nhất**” của họ.

⁴⁷³ 23:8 Chúa Giê-su đang bảo người ta là họ **bằng nhau** như anh em, tức là, không có ai nên coi mình là quan trọng hơn người khác. Chúa Giê-su **không** nói là mọi người là anh em ruột.

⁴⁷⁴ 23:9 Trong ngữ cảnh này “**Cha**” nói đến “Cha (thiên liêng)”, **không** phải cha ruột. Có thể để thông tin này trong một **LỜI CHÚ THÍCH**, hơn là trong đoạn kinh văn.

⁴⁷⁵ 23:9 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Cha Thiên Thượng/trên trời**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:48, 6:14, (15), 26, 32; 15:13, 18:14, 35; 23:9.

⁴⁷⁶ 23:10 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**Vị lãnh đạo**” (BDM, BCG), “**Chủ**” (BDC, BDY) hay “**Thầy**”. Vì cùng một chữ tương tự có nghĩa là “Thầy” vừa được dùng trong câu 8, có thể tốt nhất là nên dùng một từ khác ở đây.

⁴⁷⁷ 23:10 Bạn có thể nói: “...bởi vì {các con chỉ có một Vị lãnh đạo/Chủ/Thầy ⇔ chỉ có một Đấng là Vị lãnh đạo/Chủ/Thầy của các con}, (tức là) (Ta,) Đấng Cứu Thế.”

⁴⁷⁸ 23:10 Nên nói rõ là ở đây Chúa Giê-su nói đến chính Ngài như là “**Đấng Cứu Thế**”.

⁴⁷⁹ 23:11 **Không nên** chuyển ngữ câu 11 như thế nào mà để người ta hiểu rằng làm đầy tớ là một sự trừng phạt của những người lớn nhất. Tốt hơn có thể nói như sau: “ở giữa các con những người phục vụ người khác sẽ là người lớn nhất...”

13 (Sau đó Chúa Giê-su phán:) “<Nhưng> {khốn cho các ông ⇔ sẽ rất là khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông một cách nghiêm trọng} ⁴⁸⁰ chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) ⁴⁸¹ {đạo đức giả ⇔ đây tố giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì ⁴⁸² {các ông đóng/khóa (lối vào/cửa/cổng) ⁴⁸³ Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời trước mặt những người khác ⇔ sự dạy dỗ giả dối/sai của các ông giữ người khác không được Đức Chúa Trời cai trị}. <Vì> {chính các ông sẽ không được vào (Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời) ⇔ các ông không để cho Đức Chúa Trời cai trị các ông} và các ông ⁴⁸⁴ không cho {những người muốn vào, được vào ⇔ những người muốn, được Đức Chúa Trời cai trị}.

14 ⁴⁸⁵ “[{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ rất là khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông nặng nề} các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) {kẻ đạo đức giả ⇔ đây tố giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì các ông ⁴⁸⁶ {nuốt nhà của các bà goá, ⇔ cướp nhà của các bà goá, ⇔ lừa gạt những người goá để họ cho các ông của cải của họ, ngay cả nhà của họ nữa,} và (rồi) {vì cố bề ngoài các ông cầu nguyện dài (ở nơi công cộng) ⇔ các ông cầu nguyện dài (ở nơi công cộng) ⁴⁸⁷ để người ta nghĩ rằng các ông là công chính}. Vì vậy ^{GTK488} {các ông sẽ bị Đức Chúa Trời đoán xét/trừng phạt nặng hơn là (các ông không làm như vậy)! ⇔ (Đức Chúa Trời) sẽ đoán xét/trừng phạt các ông nặng nề hơn là (Ngài sẽ đoán xét/trừng phạt những người gian ác khác)! ⇔ (Đức Chúa Trời) sẽ đoán xét/trừng phạt các ông rất là nặng nề!}]

⁴⁸⁰ **23:13** Qua suốt tiểu đoạn này, có thể tự nhiên hơn nếu **bắt đầu** mỗi đoạn bằng cách nêu danh ra: “Các ông là những chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, khốn thay cho các ông!”

⁴⁸¹ **23:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đạo đức giả**” trong Ma 22:18.

⁴⁸² **23:13 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời được mô tả ở đây như một thành phố có những chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si giữ cổng thành. Chia khoá vào thành phố là Lời Chúa mà họ đã dùng sai cho mục đích của họ và như vậy họ giữ người ta không được Đức Chúa Trời cai trị. Một trong những lỗi lầm lớn nhất của họ là dạy dỗ và ép buộc người ta vâng theo các luật lệ do người đặt ra, hơn là dạy họ đầu phục Đức Chúa Trời.

⁴⁸³ **23:13** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**” trong Ma 3:2, và xem các **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁸⁴ **23:13** Bạn có thể nói: “...và các ông ngăn cản người khác vào là những người (đang cố gắng) để vào.”

⁴⁸⁵ **23:14** Một số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BCG, BDY) có **câu 14**. Tuy nhiên, đa số bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có. BDM và BDC để vào **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁴⁸⁶ **23:14** Thành ngữ “**nuốt nhà của các bà goá**” có nghĩa là các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si lợi dụng các người không có người giúp đỡ và cần sự giúp đỡ như các bà goá. Thay vì giúp đỡ các bà goá, họ lừa gạt các bà goá này cho họ của cải, ngay cả nhà của các bà goá này nữa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Những chuyên gia Kinh Luật không được trả lương, vậy nên họ sống nhờ vào những người khác dâng tiền cho họ. Những chuyên gia Kinh Luật đã biết rằng Đức Chúa Trời đặc biệt quan tâm đến người nghèo, nhất là các bà goá (Xuất 22:22–24, Thi-thiên 146:9, Ê-sai 1:17). Họ nên giúp đỡ người nghèo thay vì lợi dụng họ. Có rất nhiều bà goá, bởi vì các thiếu nữ thường hay bị gả cho những người đàn ông già hơn họ rất nhiều tuổi.

⁴⁸⁷ **23:14** Bạn có thể nói: “...để làm cho các ông có vẻ tốt đẹp.” hay “...để **che đậy** sự gian ác của các ông.”

⁴⁸⁸ **23:14** Bản Hy-lạp không nói rõ sự trừng phạt **nào** sẽ **nặng nề hơn**. Có thể là “(hơn là nếu các ông không làm điều đó)” hay “(hơn là Ngài sẽ trừng phạt những người gian ác khác)”.

15 “{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ rất là khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông cách nặng nề} các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) {đạo đức giả ⇔ đây tở giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì các ông {đi (khắp nơi) trên ⁴⁸⁹biển và trên đất ⇔ đi khắp mọi nơi ⇔ làm tận sức mình} để khiến một ⁴⁹⁰{người cải đạo ⇔ người theo đạo ⇔ người tin đạo như người Do Thái}, và khi/sau khi người ấy {đã tin rồi ⇔ tin giống như các ông}, các ông khiến họ trở thành ⁴⁹¹{con trai/con của Hoả Ngục gian ác gấp đôi các ông ⇔ một người làm việc cho quỷ vương gấp đôi các ông ⇔ xứng đáng để bị trừng phạt trong Địa Ngục hơn là các ông ⇔ gian ác gấp đôi các ông}.

16 “{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ rất khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông nặng nề} ⁴⁹²là những người hướng dẫn/lãnh đạo đui mù (về thuộc linh) ⁴⁹³{là người/các ông ⇔ (bởi vì) các ông} {nói ⇔ dạy/bảo người ta}: ^{NGT}{Bất cứ ai ⇔ Nếu một người} chỉ ⁴⁹⁴{đền thờ ⇔ nhà của Đức Chúa Trời ⇔ nhà lớn của Đức Chúa Trời để dâng của tế lễ và thờ phượng} ^{NTT495}mà thê (là sẽ làm một điều gì đó), {thì không sao (nếu người ấy bỏ lời thê/lời hứa) ⇔ thì người ấy không bị bắt buộc phải làm trọn/giữ lời thê/hứa của mình}, nhưng {bất cứ ai ⇔ nếu ai} ^{NTT}chỉ đồ bằng vàng (chén và ly) trong đến thờ mà thê ⁴⁹⁶(rằng người ấy sẽ làm một điều gì), thì ông ta bị bắt buộc phải (làm trọn/giữ lời thê/hứa của mình).’ **17** (Các ông là) ⁴⁹⁷{điên dại và mù loà (về thuộc linh) ⇔ thàng điên mù loà (về thuộc linh) ⇔ hoàn toàn sai lầm/lừa gạt} (khi nói như vậy)! {<Vì> ^{CH}vàng hay là đền thờ làm vàng ⁴⁹⁸ra thánh khiết cái nào trọng hơn? ⇔ (Đền thờ là trọng hơn,) bởi vì chính đền thờ là thánh và làm cho các chén và ly vàng đặt ở trong ấy trở nên

⁴⁸⁹ **23:15** Có thể thay đổi **thứ tự** của nhóm từ này và nói “**đất và biển**” nghe tự nhiên hơn. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**biển**” trong Ma 18:6 và 21:21. So sánh từ đó với cách bạn chuyển ngữ “**hồ**” và “**Biển Ga-li-lê**” (hãy xem danh sách các sự việc xảy ra ở trong Ma 17:27).

⁴⁹⁰ **23:15** Trong câu 15 **người cải đạo/người theo đạo** là một người theo đạo Do Thái, kể cả việc cắt bì. Đây **không** nói đến một người trở nên Cơ Đốc Nhân.

⁴⁹¹ **23:15** Thành ngữ “**con trai/con của Địa Ngục**” nói đến một người đang làm việc cho quỷ vương và đáng bị trừng phạt nơi địa ngục.

⁴⁹² **23:16** Chúa Giê-su đang tố cáo những người lãnh đạo Do Thái là những người mù về **phần thuộc linh**, tức là, họ không hiểu ý muốn của Đức Chúa Trời. Chúa Giê-su **không** nói là họ bị mù về thể xác hay họ không thể thấy thần linh. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ điều này trong Ma 15:14.

⁴⁹³ **23:16** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “Các ông nói...” Hay bạn có thể tiếp tục câu này bằng cách nói: “(bởi vì) các ông nói...”

⁴⁹⁴ **23:16** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**đền thờ**” trong Ma 4:5. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁹⁵ **23:16** Để giúp bạn chuyển ngữ “**thê**” hãy xem bạn đã làm gì ở trong Ma 5:33, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁴⁹⁶ **23:16** Đối với một số ngôn ngữ **không** cần phải lập lại “(rằng người ấy sẽ làm một việc gì)” trong câu 16. Các ngôn ngữ khác cần phải lập lại, và có những ngôn ngữ để nó hàm ý ở cả hai chỗ.

⁴⁹⁷ **23:17** Có thể dùng một **câu hỏi tu từ** ở đây nghe tự nhiên hơn và nói: “Các ông có phải là những thàng điên mù loà không?” Hay bạn có thể nói: “Các ông hành động giống như những thàng điên mù loà!”

⁴⁹⁸ **23:17** “**thánh**” có nghĩa là “{để riêng ra ⇔ dành riêng} để {hầu việc/thờ phượng Đức Chúa Trời ⇔ cho Đức Chúa Trời}”.

thánh.} ^{CH499} (Các ông không biết vậy sao? ⇔ Các ông biết điều đó! ⇔ Các ông làm như là các ông không biết điều đó!) **18** ⁵⁰⁰ (Các ông) cũng (nói): ^{NGT} {Bất cứ ai ⇔ Nếu ai} ^{NTT} chỉ ⁵⁰¹ bàn thờ (trong đền thờ) mà thề (rằng sẽ làm một điều gì đó), {thì không sao (nếu người ấy bỏ lời thề/hứa) ⇔ người ấy không bị bắt buộc phải làm trọn/giữ lời thề/hứa}, nhưng {bất cứ ai ⇔ nếu ai} ^{NTT} chỉ các lễ vật trên bàn thờ mà thề (rằng sẽ làm một điều gì đó) thì người ấy bắt buộc phải (làm trọn/giữ lời thề hứa).’ **19** (Các ông là) ⁵⁰² {điên dại và] mù loà (về thuộc linh) ⇔ mù loà (về thuộc linh) ⇔ hoàn toàn sai lầm/lừa gạt} (khi nói như vậy)! {<Vi> ^{CH} lễ vật và bàn thờ làm cho các lễ vật (người ta đặt lên) được nên ⁵⁰³ thánh thì cái nào trọng hơn? ⇔ (Bàn thờ trọng hơn,) bởi vì chính là bàn thờ là thánh khiết và nó làm cho các của lễ (được đặt trên đó) trở thành thánh khiết!} **20** Vậy ai chỉ bàn thờ mà ^{NTT} thề là chỉ cả bàn thờ lẫn tất cả lễ vật trên bàn thờ mà thề, **21** <và> ai ^{NTT} chỉ đền thờ mà thề là chỉ cả đền thờ lẫn {Đấng ⇔ Đức Chúa Trời} ngự trong đền thờ mà thề, **22** và hễ ai ^{NTT} chỉ trời mà thề là lấy ⁵⁰⁴ ngai Đức Chúa Trời và ⁵⁰⁵ {Đấng ⇔ Đức Chúa Trời} ngự trên ngai ấy mà thề.

23 “{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ rất là khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông cách nặng nề} các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) {đạo đức giả ⇔ đây tởm giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì các ông ⁵⁰⁶ {dâng một phần mười ⇔ dâng cho (Đức Chúa Trời) một phần mười của} (tất cả mọi vật các ông có, kể cả những vật nhỏ nhất như là) ⁵⁰⁷ {bạc hà, <và> thì là, và rau cần (và những gia vị khác mà các ông trồng được) ⇔ các gia vị thức ăn (mà các ông trồng)}, nhưng các ông từ bỏ/bỏ qua (những sự đòi hỏi/dạy dỗ) quan trọng hơn của Luật Pháp Đức Chúa Trời (như

⁴⁹⁹ **23:17** Chúa Giê-su đang **chỉ trích** các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si về cách họ thay đổi Lời Chúa và dạy những người khác điều sai lầm. Một số bản dịch bao gồm một câu hỏi tu từ hay một lời tuyên bố ở đây để làm cho rõ nghĩa.

⁵⁰⁰ **23:18** Các câu 18 và 19 tương tự với các câu 16 và 17.

⁵⁰¹ **23:18** Hãy nhất quán ở đây về cách bạn chuyển ngữ “**bàn thờ**” trong Ma 5:23–24. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁵⁰² **23:19** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**điên khùng/ngu dại và**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

⁵⁰³ Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thánh**” trong câu 17.

⁵⁰⁴ **23:22** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**ngai**” trong Ma 19:28, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁵⁰⁵ **23:22 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đang nói rằng những lời thề/hứa mà những người lãnh đạo Do Thái không cho là nghiêm trọng/phải giữ thật ra cũng nghiêm trọng/phải giữ như là thề với chính Đức Chúa Trời. Nói một cách khác, tất cả mọi lời thề/hứa đều phải giữ vì đã thề/hứa trước sự hiện diện của Đức Chúa Trời.

⁵⁰⁶ **23:23 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Áp-ra-ham là người đầu tiên dâng một phần mười trong Kinh Thánh (Sáng 14:20). Sau này Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân sự của Ngài dâng một phần mười (Lê-vi Ký 27:30–33, Phục 14:22–23).

⁵⁰⁷ **23:23** Nếu các gia vị **bạc hà, thì là, và rau cần** không có ở trong địa bàn của bạn, bạn có thể nói tổng quát “gia vị cho thức ăn”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bạc hà, thì là và rau cần là những cây rau thơm và được dùng làm gia vị cho thức ăn và để làm thuốc. Các loại gia vị này rất rẻ tiền.

là) {công bằng, ⁵⁰⁸ lòng thương xót và đức tin ⇔ đối xử tử tế với mọi người, thương xót/tử tế với người khác và trung tín (với Đức Chúa Trời)}. <Nhưng> {cần phải làm các điều đó và không bỏ qua/quên đi ⇔ các ông nên làm những điều quan trọng cũng như là} các điều khác (kém quan trọng hơn). **24** (Các ông ⇔ Các ông là) ⁵⁰⁹ những người hướng dẫn/lãnh đạo mù loà (về phần thuộc linh)! {Các ông ⁵¹⁰ lọc một con ruồi nhỏ (ra khỏi đồ uống của các ông) nhưng lại ⁵¹¹ nuốt (cả) con lạc đà! ⇔ Các ông giống như một người cẩn thận lấy con ruồi ra khỏi ly nước, nhưng rồi lại nuốt một con lạc đà! ⇔ Các ông rất cẩn thận vâng theo những luật lệ nhỏ nhặt/không quan trọng như là lọc ruồi ra khỏi đồ uống, nhưng rồi các ông lại bỏ qua/không vâng theo những mạng lệnh quan trọng của Đức Chúa Trời! Đó giống như là nuốt con lạc đà!}

25 “{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ rất là khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông nặng nề} các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) {đạo đức giả ⇔ đầy tớ giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì các ông (rất cẩn thận) ⁵¹² {lau chùi phía ngoài chén và đĩa ⇔ làm những điều khiến cho người khác thấy là các ông tốt/công chính ⇔ giả bộ là các ông hầu việc Đức Chúa Trời}, nhưng bên trong {chúng ⇔ chén đĩa (của các ông) ⇔ tấm lòng/sự suy nghĩ đầy những} tổng tiền/ép buộc/bạo hành và ^{GTK513} {trụỵ lạc/chỉ chú tâm về mình ⇔ (các ông) không có sự tự kiểm chế ⇔ các ông chỉ cố gắng làm hài lòng chính mình!} **26** {(Các ông) những người Pha-ri-si mù loà/điên khùng (về phần thuộc linh)! ⇔ Các ông những người Pha-ri-si mù loà!} ⁵¹⁴ {Trước hết hãy

⁵⁰⁸ **23:23** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “lòng thương xót” và “có lòng thương xót” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:7, 9:13, 27; 12:7, 15:22, 16:22 17:15, 18:(32), 33 (2 lần), 20:30–31; 23:23. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 5:7.

⁵⁰⁹ **23:24** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “người hướng dẫn mù” trong câu 16.

⁵¹⁰ **23:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Con ruồi là một vật ô ւế nhỏ nhất theo luật Do Thái (Lê-vi Ký 11:20–23, 41). Nhưng, bỏ qua không làm những điều thật quan trọng trong Luật Pháp của Đức Chúa Trời, giống như người Pha-ri-si đã nuốt con lạc đà, con vật ô ւế lớn nhất của người Do Thái (Lê-vi Ký 11:4).

⁵¹¹ **23:24** Không thể nào nuốt con lạc đà được, người Do Thái cũng không ăn thịt lạc đà. Chúa dùng cách nói tượng hình để nhấn mạnh đến sự kiện các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si đang **bỏ qua** các việc đặc biệt quan trọng đối với Đức Chúa Trời.

⁵¹² **23:25** Chúa Giê-su **không** nói đến chén đĩa thật ở đây, nhưng muốn nói rằng các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si là những người **giống** như một cái chén hay một cái đĩa trông bề ngoài thì tốt đẹp nhưng ở trong thì dơ bẩn. Nếu người đọc **không** hiểu được như vậy, bạn có thể để thông tin này vào một **LỜI CHÚ THÍCH**, hay bạn có thể nói: “...các ông làm các việc để cho người khác/người ta nghĩ rằng các ông là tốt/công chính, nhưng thật ra các ông gian lận/tham lam và {ích kỷ ⇔ chỉ nghĩ tới mình}!”

⁵¹³ **23:25** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “{thỏa mãn dục vọng cá nhân ⇔ chỉ chú trọng đến mình}” hay “(các ông) không tự chủ”.

⁵¹⁴ **23:26** Như trong câu 25, phải nói rõ là Chúa Giê-su **không** nói đến việc lau chùi chén đĩa thật. Chúa đang nói rằng các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si nên thay đổi về sự suy nghĩ/tấm lòng gian ác. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là vô dụng cho một người hành động như là tốt mà tấm lòng thì xấu xa (hãy xem Ma-thi-ơ 15:11, 19–20). Chúa Giê-su muốn các chuyên gia Kinh Luật và các người Pha-ri-si ăn ăn và suy nghĩ, sống theo đường lối của Đức Chúa Trời. Nếu tấm lòng/sự suy nghĩ của họ đúng, thì mọi việc họ làm sẽ đúng.

chùi bên trong chén ⁵¹⁵[và đĩa] để bên ngoài của nó/[chúng] cũng sẽ được sạch. ⇔
⁵¹⁶Trước hết hãy quay khỏi tấm lòng/tư tưởng gian ác của các ông, rồi thì điều các ông làm và nói cũng sẽ tốt lành.}

27 “{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ rất là khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông nặng nề} các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) {đạo đức giả ⇔ đây tố giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì các ông giống như ⁵¹⁷mô mã sơn trắng bên ngoài có vẻ đẹp đẽ, nhưng bên trong đầy những hài cốt và mọi thứ dơ bẩn. 28 Cũng như vậy, {<ở phía ngoài> các ông làm cho mình có vẻ ⇔ các ông làm những việc để người ta tưởng các ông là} {công chính/tốt ⇔ hầu việc Đức Chúa Trời}, nhưng (thật ra), {trong lòng các ông đầy đạo đức giả và vô luật pháp ⇔ các ông là đây tố giả mạo của Đức Chúa Trời và là tội nhân không chịu ăn năn ⇔ các ông thích phạm tội và làm bộ là các ông hầu việc Đức Chúa Trời}.

29 ⁵¹⁸“{Khốn cho các ông ⇔ Sẽ thật khốn khổ cho các ông ⇔ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông cách nặng nề} các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si, (các ông ⇔ là người) {đạo đức giả ⇔ đây tố giả mạo của Đức Chúa Trời}, bởi vì (để che đậy sự gian ác của các ông ⇔ để làm cho những người khác nghĩ rằng các ông là công chính) các ông xây (đài tưởng niệm để đánh dấu) mộ của các tiên tri của Đức Chúa Trời (người mà tổ phụ các ông đã giết từ hồi xưa) và các ông trang hoàng các mộ/đài tưởng niệm của {người công chính khác ⇔ những người khác vâng lời Đức Chúa Trời} (để tôn kính họ). 30 Rồi thì (làm như ^{TVST} các ông tốt hơn các tổ phụ của các ông,) các ông nói (với nhau): ^{NGT519}“Nếu chúng ta ^{TVST} sống trong thời các tổ phụ, thì chúng ta ^{TVST} đã không {hợp với họ để làm đổ máu/giết ⇔ giúp đỡ họ giết} các tiên tri (của Đức Chúa Trời).” 31 {Như vậy ⇔ Vì kiêu hãnh ⇔ Vì cố gắng để che đậy sự gian ác của mình} các ông {làm chứng nghịch lại ⇔ kết tội} chính các ông ^{NTT} là ⁵²⁰{các con trai/con cái của ⇔ cũng giống như ⇔ cũng gian ác như} {những người đó ⇔ tổ phụ của các ông} là những người đã giết các tiên tri của Đức Chúa Trời (hồi xưa). 32 ⁵²¹{(Hãy làm đi) rồi ⇔ Ta biết rằng các ông sắp}

⁵¹⁵ 23:26 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “và đĩa...chúng” ở đây. Tuy nhiên, rất ít bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) không có.

⁵¹⁶ 23:26 Nếu dùng sự lựa chọn này trong bản dịch, có thể thêm vào sự so sánh và nói: “...giống như khi các ông lau chùi bên trong một cái chén [hay đĩa] thì bên ngoài cũng được sạch.” Hay, bạn có thể để nguyên văn vào một LỜI CHÚ THÍCH.

⁵¹⁷ 23:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các mô mã ở xung quanh Giê-ru-sa-lem được sơn trắng, đặc biệt trước Lễ Vượt Qua, để các du khách có thể thấy các mô mã một cách dễ dàng và tránh đụng phải một cách tình cờ và trở nên “ô uế” (Dân số 19:16).

⁵¹⁸ 23:29 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “Khốn cho các ông” trong Ma 23:13–16, 23, 25 và 27. Bạn có thể nói: “Các ông bị rắc rối lớn!”

⁵¹⁹ 23:30 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng đối thoại gián tiếp ở đây và nói: “...các ông nói rằng nếu các ông sống ở trong thời của các tổ phụ các ông, các ông đã không hợp với họ...”

⁵²⁰ 23:31 Trong ngữ cảnh này “các con trai của” là một thành ngữ có nghĩa là “chỉ giống như” hay “cũng gian ác như”. Có thể để nguyên văn vào một LỜI CHÚ THÍCH.

⁵²¹ 23:32 Chúa Giê-su đang dùng cách nói mỉa mai ở đây. Chúa không ra lệnh cho các nhà lãnh đạo Do Thái hoàn thành điều các tổ phụ đã khởi đầu, và Ngài không muốn họ làm như vậy.

{làm ứng nghiệm những điều tỏ tiên các ông đã làm ⇔ hoàn tất điều mà các tỏ phụ các ông đã bắt đầu ⇔ làm trọn điều gian ác mà tỏ phụ các ông đã bắt đầu}.

33 “{Hỡi loài rắn và ⁵²²dòng dãi ⇔ (Các ông gian ác như) gia đình của} rắn độc!
^{CH523}{Làm thế nào các ông sẽ thoát khỏi ⇔ Các ông đang ở trong sự nguy hiểm của} {sự đoán xét/trừng phạt của ⁵²⁴địa ngục ⇔ Đức Chúa Trời ^{NTT}kết tội/gửi các ông đi địa ngục để bị trừng phạt}?/!
34 Vì thế <hãy nhìn>/ kìa, {Ta sai ⇔ Ta sẽ sai} các tiên tri của Đức Chúa Trời và các người khôn ngoan và các chuyên gia Kinh Luật <đến với các ông> (để giúp đỡ các ông ⁵²⁵ăn năn ⇔ để giúp các ông quay khỏi đường lối gian ác ⇔ giúp các ông quay lại với Đức Chúa Trời). (Nhưng) các ông sẽ giết một số người, và (một số các ông sẽ để cho người La-mã) ⁵²⁶{đóng đinh trên thập tự ⇔ xử tử/giết bằng cách đóng đinh trên thập tự giá}, <và> các ông sẽ ⁵²⁷đánh đòn một số người trong ⁵²⁸{các hội đường ⇔ nhà cầu nguyện/hộp} của các ông và (các ông sẽ) săn đuổi/lùng bắt một số (người khác) từ thành này qua thành khác (để giết họ).
35 {Vì vậy ⇔ Đó là lý do} {(sự trừng phạt về) tất cả máu của người công chính đã đổ ra trên đất sẽ đổ lên các ông ⇔ các ông sẽ bị trừng phạt vì đã giết tất cả những người công chính/vô tội}, từ máu A-bên là người công chính ((sự giết người đầu tiên được ghi lại trong Kinh Thánh)) cho đến ⁵²⁹máu của Xa-cha-ri,

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su nói lời tuyên bố sau đây để cho các nhà lãnh đạo Do Thái biết rằng Ngài có biết đến kế hoạch giết Ngài của họ—cũng giống như các tỏ phụ của họ đã giết các tiên tri của Đức Chúa Trời hồi xưa. Chúa cố gắng làm cho họ suy nghĩ lại về điều gian ác mà họ định làm. Nhưng Chúa biết rằng hầu hết những người ấy sẽ tiếp tục giết các tiên tri của Đức Chúa Trời và chính Ngài.

- ⁵²² **23:33** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**dòng dãi rắn độc**” trong Ma 3:7 và 12:34, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở 3:7.
- ⁵²³ **23:33** Chúa Giê-su **không** mong đợi câu trả lời cho câu hỏi này. Chúa đang dùng một **câu hỏi tu từ** để bảo những nhà lãnh đạo Do Thái là ngoại trừ họ ăn năn, không có cách nào họ tránh khỏi bị Đức Chúa Trời trừng phạt trong địa ngục.
- ⁵²⁴ **23:33** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**địa ngục**” và “**âm phủ**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:22, 29, 30; (7:13), 10:28, (13:42, 50); 16:18, 18:(8), 9; 23:15, 33. So sánh các câu đó với 1:23 và 16:18. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 5:22 và 11:23. Địa ngục cũng còn được gọi là “lửa đời đời” trong Ma 25:41 và “sự tối tăm” trong Ma 8:12, 22:13, 25:30.
- ⁵²⁵ **23:34** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**ăn năn**” và “**sự ăn năn**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:2, 7–12; 4:17, (9:13), (10:14), 11:20–24 và chủ đề của tiểu đoạn, 12:(31, 32), 41, (42, 45); (18:15, 16); (21:32), (23:28, 34). Hãy so sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ “**quay lại**” trong Ma 13:15, 18:3. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở trong Ma 3.2. Nếu trong ngôn ngữ của bạn chuyển ngữ “ăn năn” có nói đến “**tám lòng**”, hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “tám lòng” (hãy xem Ma 24:48 về danh sách liệt kê những chỗ có dùng từ này).
- ⁵²⁶ **23:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đóng đinh trên thập tự giá**” trong Ma 20:19, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.
- ⁵²⁷ **23:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đánh đòn**” trong Ma 10:17.
- ⁵²⁸ **23:34** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**hội đường**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:23, 6:2, 5; 9:35, 10:17, 12:9, 13:54, 23:6, 34. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 4:23.
- ⁵²⁹ **23:35** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** A-bên là người đầu tiên bị giết ở trong Cựu Ước (Sáng 4:8). Xa-cha-ri là người cuối cùng bị giết ở trong Cựu Ước (2 Sứ Ký 24:20–22). Trong Kinh Thánh Hy-bá (Do Thái) sách Sứ Ký được để vào cuối Cựu Ước thay vì sách Ma-la-chi. Cha của Xa-cha-ri có thể có hai tên, Ba-ra-chi và Giê-hô-a-đa. Có 31 người khác nhau ở trong Kinh Thánh có tên là Xa-cha-ri.

con trai của Ba-ra-chi ((vụ giết người cuối cùng được ghi lại trong Kinh Thánh)), là người ⁵³⁰{các ông ⇔ các tổ phụ của các ông} đã giết (trong khuôn viên đền thờ) giữa đền thờ và ⁵³¹bàn thờ ⁵³²(dâng lễ vật). **36** ^{GTK533}{A-men/Phải, (các ông có tội về tất cả mọi việc đó,) (và) Ta bảo các ông, ⇔ Thật Ta bảo các ông, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các ông rằng} {(sự trừng phạt cho) tất cả ⁵³⁴các điều này sẽ đến/roi xuống ⇔ vì tất cả những sự giết người đó Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt} ^{GTK535}{thế hệ này ⇔ những người/người Do Thái sống ngày hôm nay ⇔ những người gian ác giống như các ông (các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si)}!”

**23:37-39 (Chúa) Giê-su Than Khóc Cho {Dân Chúng Của
Thành Giê-ru-sa-lem ⇔ Người Do Thái}**

Lu-ca 13:34-35

37 (Rồi Chúa Giê-su nói:) “(Hỡi dân) ⁵³⁶Giê-ru-sa-lem, (hỡi dân) Giê-ru-sa-lem, {người giết ⇔ các người giết} tiên tri (của Đức Chúa Trời) và ném đá (đến chết) {những người ⇔ người khác} (Đức Chúa Trời/Ngài) sai đến với ⁵³⁷nàng/các người! (Ta yêu mến các người và) nhiều lần Ta {muốn ⇔ mong muốn} {tụ họp/bảo vệ ⇔ chăm sóc} {các

⁵³⁰ **23:35** Nếu không chuyển ngữ từng từ một ở đây, có thể để nguyên văn ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si không phải là người giết Xa-cha-ri, tổ tiên của họ đã làm như vậy. Chúa Giê-su bảo họ chịu trách nhiệm về điều tổ phụ họ làm bởi vì họ cũng gian ác như tổ phụ của họ vậy.

⁵³¹ **23:35** Hãy xem bạn đã chuyển ngữ “bàn thờ” như thế nào ở trong các câu 18–20. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 5:23.

⁵³² **23:35** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “món quà” và “của tế lễ” ở trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:23–24, 8:4, 9:13, 12:7, 15:5, (20:28), 21:12–13, 23:18–19, (35). So sánh những câu đó với cách bạn chuyển ngữ “bánh thánh” trong Ma 12:4.

⁵³³ **23:36** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

⁵³⁴ **23:36** Nhóm từ “tất cả những điều đó” có thể nói đến các vụ giết người hay các điều gian ác được đề cập đến ở trong các câu 29–35. Bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt các ông về những điều gian ác mà các ông và tổ phụ các ông đã làm!”

⁵³⁵ **23:36** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “thế hệ này” nói đến một cách tổng quát về những người Do Thái sống trong thời của Chúa Giê-su, vì hầu hết họ từ khước Ngài. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nó nói đến “những người gian ác như các ông (các chuyên gia Kinh Luật và người Pha-ri-si)”.

⁵³⁶ **23:37** Những người của thành Giê-ru-sa-lem không có mặt ở đó trong khi Chúa Giê-su đang nói. Chúa Giê-su đang nói với họ bằng cách nói tới thành Giê-ru-sa-lem như là Ngài đang nói chuyện với một người (nhân cách hoá). Dân thành Giê-ru-sa-lem tượng trưng cho tất cả người Do Thái, vậy Chúa Giê-su thật sự đang nói chuyện với tất cả người Y-sơ-ra-ên. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các người sống trong thành Giê-ru-sa-lem đại diện cho tất cả người Y-sơ-ra-ên/Do Thái.

⁵³⁷ **23:37** Trong câu 37 “nàng” nói đến thành Giê-ru-sa-lem. Nên làm cho rõ là Chúa Giê-su đang nói với, hay về, dân thành Giê-ru-sa-lem, mặc dù họ không có mặt tại đó.

⁵³⁸ con cái/dân sự của người ⇔ các người} như một ⁵³⁹ gà mẹ {tụ họp/bảo vệ ⇔ chăm sóc} các con gà con của nó ở dưới cánh, nhưng các người {không muốn ⇔ không để cho Ta ⇔ từ khước Ta}. **38** (Vì vậy) <hãy nhìn>/kìa, ^{GTK540} nhà/đền thờ của các người {bị ⇔ sẽ bị} ^{GTK541} {hoang phế ⇔ Đức Chúa Trời bỏ rơi}. **39** {Bởi vì ⇔ Thật ra,} {Ta bảo đảm/hứa với các người, ⇔ các người có thể chắc chắn rằng} các người sẽ không thấy Ta {từ nay ⇔ nữa} cho tới (ngày Ta trở lại và) ⁵⁴² các người nói (về Ta): ^{GTK543} {Phước cho Người ⇔ Ngợi khen Người ⇔ Cầu xin Đức Chúa Trời ban phước cho Người} ⁵⁴⁴ đến {trong danh của Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ với thẩm quyền/quyền năng của Chúa (Đức Chúa Trời) ⇔ như là Đại Diện của Chúa (Đức Chúa Trời)}!’ ” (Thi Thiên 118:26)

Bài Giảng 5: Ch--ng 24-25 (Chúa) Giê-su Dạy Các Môn Đệ Về Tận Thế

24:1-2 (Chúa) Giê-su Nói Tiên Tri ^{NTT} Rằng Đền Thờ Sẽ Bị Phá Hủy

Mác 13:1-2; Lu-ca 21:5-6

24 **1** Khi (Chúa) Giê-su rời (khuôn viên) đền thờ (và) đi khỏi (đó), <sau đó> các môn đệ của Ngài đến (gần) (và) ^{NTT} chỉ cho Ngài {các tòa nhà của đền thờ ⇔ đền thờ (và) (tất cả) các tòa nhà xung quanh (vĩ đại/huy hoàng như thế nào)} ⁵⁴⁵ (được xây bằng những khối đá lớn). **2** Nhưng Chúa {<đáp lời> ⇔ trả lời} họ: ^{CH546} “{Các con có

⁵³⁸ **23:37** Tất cả các công dân của một thành phố, kể cả người lớn, được coi là “các con cái” của thành phố đó.

⁵³⁹ **23:37 HÌNH ẢNH được đề nghị:** Một con gà mẹ với gà con núp dưới cánh của nó.

⁵⁴⁰ **23:38** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “nhà” nói đến đền thờ ở gần đó. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng nó nói đến toàn thể thành Giê-ru-sa-lem, kể cả đền thờ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “nhà của các người” có lẽ nói đến đền thờ ở đây, là tượng trưng cho quan hệ của Đức Chúa Trời với các người Do Thái và tuyển dân của Ngài. Khi người Do Thái từ khước Chúa Giê-su, quan hệ này bị gãy đổ.

⁵⁴¹ **23:38** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “sẽ bị hoang phế” có nghĩa là “bị Đức Chúa Trời bỏ rơi”, điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời không còn sống giữa vòng người Y-sơ-ra-ên/Do Thái. Nhiều người nghĩ rằng đó là ý nghĩa của sự ra khỏi đền thờ của Chúa Giê-su ở trong 24:1. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng “sẽ bị hoang phế” có nghĩa là “bị hủy diệt”, điều này nói trước đến sự hủy diệt của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 S.C.

⁵⁴² **23:39 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa số các học giả Kinh Thánh giải thích câu trích dẫn trong Cựu Ước này có nghĩa là ngay cả những người tội lỗi là người từ chối không chịu ăn năn cũng sẽ hối tiếc và ngợi khen Đấng Cứu Thế trong Ngày Đoán Xét. Tuy nhiên, một số nghĩ rằng Chúa Giê-su đang nói tiên tri về sự cải đạo trong tương lai của nước Y-sơ-ra-ên.

⁵⁴³ **23:39** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Phước cho Người” trong Ma 21:9, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁵⁴⁴ **23:39** Bạn có thể nói: “...Đấng được Chúa (Đức Chúa Trời) sai đến (với chúng ta)!”

⁵⁴⁵ **24:1** Để có thể hiểu được lời tuyên bố kế tiếp của Chúa Giê-su, cần phải biết rằng đền thờ và các cơ sở trong khuôn viên đền thờ được xây bằng những khối đá lớn.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đền thờ và các cơ sở còn lại trong khuôn viên đền thờ được xây bằng những khối đá lớn. Một số khối đá nặng 45,500 ki-lô. Đền thờ được coi như là một trong những công trình xây cất đẹp nhất từ trước đến giờ.

nhìn tất cả (những toà nhà) này không? ⇔ Hãy nhìn tất cả (những toà nhà) này!^{GTK547} {A-men/Phải, (chúng thật là lớn/huy hoàng) (nhưng) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} (rồi đây)⁵⁴⁸ {sẽ không còn một khối đá nào chồng trên khối đá nào mà không bị đổ xuống⁵⁴⁹ (bởi kẻ thù của người Do Thái) ⇔ mọi toà nhà sẽ (bị người ta) phá đổ đến nỗi không còn một khối đá nào chồng lên một khối đá khác ⇔ mỗi một toà nhà này sẽ bị phá hủy hoàn toàn đến nỗi không còn một khối đá nào còn ở tại chỗ!}”

24:3-14 Người Ta Sẽ Khổ Khủng Khiếp, Nhưng Đừng Sợ Hãi, Hãy Trung Tín Với (Chúa) Giê-su

Mác 13:3-13; Lu-ca 21:7-19

3 Sau đó, trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su⁵⁵⁰ đang ngồi trên⁵⁵¹ Núi/Đồi Ô-liu, các môn đệ (của Ngài) đến gần với Chúa (và) {nói riêng (với Ngài) ⇔ hỏi riêng (Ngài)}: “(Xin) hãy cho chúng tôi biết, {khi nào thì những điều mà (Thầy vừa mới nói) sẽ xảy ra ⇔ khi nào thì đền thờ sẽ bị phá hủy} và {có dấu hiệu gì báo trước ngày Thầy⁵⁵² quang lâm và kỳ⁵⁵³ tận thế ⇔ có điều gì⁵⁵⁴ sẽ cảnh cáo (chúng tôi/người ta) rằng Thầy sẽ đến và thời đại/thế giới này sẽ chấm dứt?}” 4 <Và> (Chúa) Giê-su/Chúa <đáp ứng> bảo/trả lời họ: “{Hãy coi chừng ⇔ Hãy cẩn thận} đừng để ai lừa dối/lừa gạt/dẫn dắt các con đi sai 5 bởi

⁵⁴⁶ 24:2 Chúa Giê-su biết rằng các môn đệ thấy các cơ sở trong đền thờ; Ngài làm cho họ chú ý đến những cơ sở họ chỉ cho Ngài. Hãy quyết định xem có thể dùng câu hỏi tu từ để truyền thông ý nghĩa một cách đúng ở trong ngôn ngữ của bạn hay không.

⁵⁴⁷ 24:2 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

⁵⁴⁸ 24:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vào khoảng 40 năm sau, 70 S.C. quân lính La-mã phá hủy hoàn toàn thành phố Giê-ru-sa-lem, kể cả đền thờ. Sau khi Chúa Giê-su chết trên thập tự giá, không còn nhu cầu về dâng tế lễ, đền thờ hay các thầy tế lễ nữa (Hê-bơ-rơ 9:11–15, 1 Phê-rơ 3:18). Hãy xem lời tiên tri tương tự về sự phá hủy đền thờ ở trong Mi-ca 3:12 và Giê-rê-mi 26:18.

⁵⁴⁹ 24:2 Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ ai sẽ phá hủy đền thờ. Các ngôn ngữ khác có thể để hàm ý như trong bản Hy-lạp.

⁵⁵⁰ 24:3 Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Rồi Chúa Giê-su (đi) lên Núi/Đồi... (và ngồi xuống). Trong khi Chúa ngồi tại đó, các môn đệ của Ngài đến...”

⁵⁵¹ 24:3 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Núi/Đồi Ô-liu ở về phía đông của thành Giê-ru-sa-lem đối diện Thung Lũng Kidron, nên Chúa Giê-su và các môn đệ có thể thấy rõ thành Giê-ru-sa-lem từ chỗ họ ngồi.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Thành Giê-ru-sa-lem nhìn từ Núi Ô-liu.

⁵⁵² 24:3 Sự trở lại của Chúa Giê-su được đề cập tới nhiều lần trong Ma 23:39–25:46. Một số học giả tranh luận dữ dội cho rằng các bản dịch nên nói về sự **đến** của Chúa Giê-su, **không phải sự trở lại** của Ngài. Tuy nhiên, “**trở lại**” hợp với ngữ cảnh nói về Chúa Giê-su lìa bỏ thế gian và rồi sẽ **trở lại** trong tương lai (hãy xem câu chuyện ngụ ngôn trong Ma 25:14–30, nhất là các câu 19 và 27). Hãy để ý là đoạn kinh văn chú trọng đến **sự đến** của Chúa Giê-su, **không** chú trọng đến nơi chốn và Chúa có ở lại hay không khi Chúa đến.

⁵⁵³ 24:3 Bạn có thể chuyển ngữ “**kỳ tận thế**” là “**sự chấm dứt lịch sử mà chúng ta biết**”. **Tránh** chuyển ngữ cách nào mà chỉ nói đến sự hủy diệt của thế gian này, vì ở đây nói đến nhiều hơn là sự hủy diệt đó.

⁵⁵⁴ 24:3 Bạn có thể nói: “...điều sẽ **xảy ra trước** để chúng ta/người ta biết Ngài...”

vì nhiều người sẽ {dùng danh Ta mà đến ⇔ giả là Ta ⇔ tuyên bố^{NTT} có quyền lực của Ta} (và) {nói:^{NGT} ‘Ta là Đấng Cứu Thế’ ⇔ tuyên bố/nói dối^{NTT} họ là Cứu Chúa/Vua được (Đức Chúa Trời) hứa ban ⇔ tuyên bố/nói dối^{NTT} họ là Ta}, và chúng sẽ lừa dối/lừa gạt nhiều (người) (đi theo chúng). **6** <Và> các con sẽ nghe về chiến tranh (ở gần) và tin đồn về chiến tranh^{GTK555} (ở xa ⇔ sắp xảy ra). (Nhưng) {hãy chắc chắn là các con không ⇔ đừng} ⁵⁵⁶ sợ hãi/kinh hoàng, bởi vì {⁵⁵⁷ [tất cả] (những việc ấy) phải xảy đến ⇔ (Đức Chúa Trời đã quyết định rằng) [tất cả] (những điều đó/chiến tranh) phải xảy ra}. Nhưng chưa phải là tận thế đâu. **7** <Vì > ⁵⁵⁸ dân này sẽ nổi dậy chống nghịch dân khác, và nước nọ chống lại nước kia. Cũng sẽ có {đói kém ⇔ người chết đói} ⁵⁵⁹ [và các dịch lệ] và động đất {tại (nhiều) nơi ⇔ ở mọi nơi ⇔ trên toàn thế giới}. **8** <Nhưng> tất cả những điều này {(giống như) bắt đầu cơn đau đẻ. ⇔ chỉ là khởi đầu của (thời kỳ khó khăn. Chúng sẽ tệ hơn và đến thường xuyên hơn) như cơn đau đẻ vậy.}

9 “{Bấy giờ ⇔ Trong suốt những thời kỳ khó khăn đó} ⁵⁶⁰ {chúng/người ta ⇔ kẻ thù của các con/Ta/chúng ta} sẽ bắt bớ/tra tấn và giết các con. <Và> các con sẽ bị ⁵⁶¹ ghét bỏ bởi (dân chúng từ) tất cả ⁵⁶² {các nước ⇔ các sắc dân} vì có {danh của Ta ⇔ các con đang theo/hầu việc Ta}. **10** <Và> trong lúc đó nhiều (môn đệ của Ta) sẽ {bị ⁵⁶³ vấp phạm (trong đức tin) ⇔ sẽ bỏ đức tin (nơi Ta) ⇔ ngưng không tin (nơi Ta)},/. và/<Và> họ sẽ {phản bội và ghét nhau ⇔ ghét nhau và giao nộp nhau cho các kẻ thù}. **11** <Và> {nhiều tiên tri giả sẽ xuất hiện ⇔ nhiều người sẽ giả bộ làm tiên tri của Đức Chúa Trời} và họ sẽ lừa gạt/hướng dẫn sai lạc nhiều (người) (đi theo/tin họ). **12** <Và> {bởi vì sự vô luật pháp/gian ác/tội lỗi sẽ gia tăng ⇔ sẽ có nhiều sự vô luật pháp/gian ác/tội lỗi (trên thế giới) đến nỗi

⁵⁵⁵ **24:5** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng **tin đồn** về các trận chiến tranh ở xa. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng tin đồn này nói về các trận chiến tranh **sắp xảy ra**.

⁵⁵⁶ **24:5** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là **sợ hãi** và **ngạc nhiên** cùng một lúc.

⁵⁵⁷ **24:6** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**tất cả**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có từ này nhưng hàm ý.

⁵⁵⁸ **24:7** “**dân này** sẽ nổi lên chống lại dân khác, và **nước nọ** sẽ chống lại nước kia” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh. Đối với một số ngôn ngữ có thể kỳ cục hay không thể nào phân biệt giữa “dân” và “nước”, vậy bạn có thể nói như sau các quốc gia/các nước ở **khắp nơi** sẽ nổi lên chống nghịch lẫn nhau.” Hay bạn có thể nói: “Sẽ có chiến tranh và chia rẽ/chống đối ở khắp mọi nơi.”

⁵⁵⁹ **24:7** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**và các dịch lệ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều học giả khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. **Dịch lệ** là một bệnh lây lan và giết hại nhiều người.

⁵⁶⁰ **24:9** “**chúng**” đề cập một cách tổng quát về người ta/kẻ thù là những người sẽ bắt bớ các môn đệ của Chúa Giê-su.

⁵⁶¹ **24:9** Vì sự **thù ghét** trong mệnh đề này sẽ đến trước khi người ta bị xử tử, nên đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải sắp lại thứ tự để mệnh đề này trước mệnh đề trước ở trong câu 9 và nói: “Bấy giờ các con sẽ bị ghét bỏ... vì có danh Ta. <Và>...”

⁵⁶² **24:9** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**dân**” trong câu 7.

⁵⁶³ **24:10** “**bị làm cho vấp ngã**” là cùng một thành ngữ được dùng ở trong Ma 5:29 (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó). Tuy nhiên, ở đây các học giả Kinh Thánh có vẻ đồng ý rằng nó có nghĩa là “**bỏ đức tin** (nơi Ta)” hay “**ngưng không tin** (Ta)”.

⇔ sẽ có nhiều người gian ác (trên thế giới) đến nỗi⁵⁶⁴ {tình yêu thương của nhiều người cũng phai nhạt dần ⇔ nhiều người sẽ thôi không yêu mến (Đức Chúa Trời và những người khác nữa)}. 13 Nhưng ai⁵⁶⁵ {chịu đựng/kiên trì (trong đức tin nơi Ta) ⇔ giữ (lòng trung tín với Ta) ⇔ tiếp tục (tin cậy/đi theo Ta)}^{GTK566} {cho tới cuối cùng (của thời đại khó khăn) ⇔ tới cuối cùng (của đời người sống trên đất) ⇔ không bỏ cuộc ⇔ chịu được mọi sự} sẽ được (Đức Chúa Trời) cứu^{GTK567} (khỏi bị trừng phạt vì tội lỗi của họ).

14 <Và>⁵⁶⁸ {Phúc Âm ⇔ sứ điệp tốt lành} về Nước/sự cai trị (của Đức Chúa Trời) sẽ được giảng/công bố/ tuyên bố cho khắp thế giới {để làm chứng cho⁵⁶⁹ muôn^{GTK570} dân ⇔ để⁵⁷¹ người của các sắc dân sẽ có cơ hội nghe/tin/chấp nhận nó ⇔ để tất cả mọi người được nghe sứ điệp của Đức Chúa Trời},/. <và/Và> {bấy giờ ⇔ lúc đó ⇔ sau khi điều đó xảy ra,} {kỳ tận thế sẽ đến/xảy ra ⇔ (Đức Chúa Trời) sẽ làm cho thế giới này chấm dứt}.

⁵⁶⁴ 24:12 Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “tình yêu” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:17, 5:43–46, (48) và tiểu đề; 6:24, 10:37, 12:18, 17:5, 19:19, 21; 22:34, 37, 39 và tiểu đề; (23:37), 24:12. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “tình yêu” ở tiểu đề của Ma 5:43. So sánh loại “tình yêu” này với “tình yêu/ước muốn” trong Ma 6:5, 13:22, 23:6, (7, 28).

⁵⁶⁵ 24:13 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su muốn chuẩn bị các môn đệ của Ngài trước cho thời kỳ khó khăn để họ sẽ kiên nhẫn và giữ được đức tin mạnh mẽ nơi Ngài. Sau khi Chúa sống lại từ kẻ chết và trở về thiên đàng không lâu, các nhà lãnh đạo người Do Thái bắt đầu bắt bớ các môn đệ của Ngài (thí dụ, Công Vụ 4:1–22, 5:17–42, 6:8–8:3, 12:1–4). Trong năm 64 S.C. hầu hết Ro-ma (thủ đô của Đế Quốc La-mã) bị lửa thiêu hủy. Để khỏi bị chèn trách, Hoàng Đế Nê-rô đổ lỗi cho các Cơ Đốc Nhân đã gây nên cơn hỏa hoạn và bắt đầu tra tấn và giết hàng ngàn người. Qua suốt nhiều thế kỷ còn có nhiều sự bắt bớ khác nữa. Lời của Chúa Giê-su và thí dụ Chúa dùng khích lệ chúng ta vì biết rằng đây là tất cả mọi phần trong kế hoạch của Đức Chúa Trời.

⁵⁶⁶ 24:13 Bản Hy-lạp không nói rõ rằng đây là **cuối cùng** của cái gì. Đa số các học giả nghĩ rằng nó có nghĩa là “thời cuối cùng (của **con đại nạn**)” (hãy xem các câu 6–12) hay “sự chấm dứt (của **đời sống họ**)” (hãy xem câu 9). Một vài học giả nghĩ rằng nó có nghĩa là “kỳ **tận (thế)**”. Có lẽ tốt nhất là để mờ hồ (như BDM, BDC, BDY, BCG) và không nói rõ là nói đến cái gì, trừ khi ngôn ngữ của bạn đòi hỏi phải nói rõ. Thí dụ, bạn có thể nói “**qua mọi sự**”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu tương tự ở trong Ma 10:22.

⁵⁶⁷ 24:13 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ các con dân Chúa được cứu khỏi **cái gì**. Đối với các ngôn ngữ khác có thể để **hàm ý** giống như trong bản Hy-lạp. Đa số các học giả nghĩ “**sẽ được cứu**” nói đến được cứu khỏi bị **trừng phạt** vì tội lỗi. Tuy nhiên, một vài học giả KT nghĩ rằng nó nói đến được cứu khỏi bị **hại** trong suốt cơn hoạn nạn. Một số bản dịch dùng “**được cứu (khỏi tội lỗi)**”, nhưng điều đó **không** nên có nghĩa là người đó không còn phạm tội hay tội lỗi đang theo đuổi, kiểm soát họ.

⁵⁶⁸ 24:14 Bạn có thể nói: “...(Các môn đệ của Ta) phải (**đi**) khắp thế gian và **giảng/tuyên bố/thông báo** Phúc Âm này về Nước Đức Chúa Trời cho tất cả^{GTK} mọi dân tộc.”

⁵⁶⁹ 24:14 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Kể từ khi A-đam và Ê-va phạm tội, Đức Chúa Trời đã quan tâm cho tất cả mọi sắc dân. Thí dụ, xem Sáng Thế Ký 12:3, 18:18, 22:18, 26:4, 28:14; Thi-thiên 72:17, 96; Ê-sai 42:6–7, 49:6, 12; 52:10, 56:3; Ma-thi-ơ 28:19; Ga-la-ti 3:8, 1 Ti-mô-thê 2:4 và 2 Phê-rô 3:9.

⁵⁷⁰ 24:14 Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**các dân ngoại quốc**” (như BCG) hay “**các dân tộc**” (như BDM, BDC, BDY). Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng người Do Thái được kể ở đây như là một sắc dân. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**dân**” trong các câu 7 và 9.

⁵⁷¹ 24:14 Hay bạn có thể nói: “**người ở khắp mọi nơi**”.

24:15-22 ⁵⁷²{**Con Đại Nạn ⇔ Sự Góm Ghiếc Hoang Tàn ⇔
Sự Gian Ác Mà Đức Chúa Trời Ghét**}

Mác 13:14-20; Lu-ca 21:20-24

15 ⁵⁷³“Vì vậy khi các con thấy ⁵⁷⁴{sự góm ghiếc hoang tàn, mà Đức Chúa Trời đã phán/nói tiên tri qua tiên tri Đa-ni-ên (hồi xưa), đứng trong nơi thánh ⇔ sự gian ác mà Đức Chúa Trời ghét đã được tiên tri Đa-ni-ên chép từ (hồi xưa), ⁵⁷⁵làm ô ướ/sỉ nhục đền thờ (của Đức Chúa Trời)}, ^{GTK576}—{ai đọc ⇔ các con/những người đã đọc} ^{GTK}(sách Đa-ni-ên) phải hiểu/coi (sự hoang tàn là gì ⇔ sự gian ác là gì)— **16** lúc bấy giờ ai/những người (sống) ở ⁵⁷⁷(xứ) Giu-đê hãy trốn lên núi/đồi (để được an toàn ⇔ để không bị giết).

⁵⁷² (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có nhiều quan niệm khác nhau về các phần khác nhau của chương 24. Tuy nhiên, các câu 4–14 có vẻ như là một cái nhìn tổng quát về những hoạn nạn sẽ xảy ra cho tới kỳ tận thế; các câu 15–22 có vẻ như là câu trả lời cho câu hỏi của các môn đệ (trong câu 3) về sự phá hủy đền thờ và Giê-ru-sa-lem, là việc sẽ xảy ra trong khoảng thời gian được thảo luận ở trong các câu 4–14; các câu 23–28 lặp lại lời cảnh cáo ở trong các câu 4–5 với nhiều chi tiết hơn; các câu 29–31 nói về sự trở lại của Chúa Giê-su và kỳ tận thế. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng sự phá hủy thành Giê-ru-sa-lem chỉ là một trong những sự ứng nghiệm các lời tiên tri đã được trích dẫn trong các câu 15–22.

⁵⁷³ **24:15** Để làm cho người đọc thấy rõ là Chúa Giê-su **vẫn đang nói**, bạn có thể nói: “Vì vậy,” (Chúa Giê-su nói:) “khi các con...” Cũng vậy, có thể làm cho rõ nghĩa hơn nếu ngắt câu dài này ra làm nhiều câu **ngắn hơn** và nói: “(Hồi xưa) Đa-ni-ên tiên tri của Đức Chúa Trời đã nói tiên tri về {sự hoang tàn góm ghiếc ⇔ một việc gian ác mà sẽ làm ô ướ đền thờ của Đức Chúa Trời}. Những người đọc ^{GTK}(sách tiên tri Đa-ni-ên) nên hiểu (sự góm ghiếc là gì ⇔ sự gian ác là gì). Khi các con thấy {sự góm ghiếc ⇔ sự gian ác}, **16** thì những người đang ở tỉnh Giu-đê nên chạy trốn...”

⁵⁷⁴ **24:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa-ni-ên tiên tri của Đức Chúa Trời đang nói đến bàn thờ thần tượng mà Antiochus Epiphanes xây trong đền thờ tại Giê-ru-sa-lem vào năm 168 T.C. để thờ phượng thần chính của người Hy-lạp thần Zeus (Đa-ni-ên 9:27, 11:31 và 12:11). Chúa Giê-su cảnh cáo ở đây rằng đền thờ sẽ bị làm ô ướ bằng một cách tương tự. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng lời tiên tri được ứng nghiệm khi người La-mã hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem, kể cả đền thờ vào năm 70 S.C. Tuy nhiên, một số học giả KT nghĩ rằng đây nói đến Kẻ Chống Chúa (Antichrist) (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3–10, 1 Giăng 2:18, 22) là người chưa đến và một vài học giả nghĩ rằng đây nói đến Những Kẻ Quá Khích (Zealots) (hãy xem Ma-thi-ơ 10:4) là những người làm ô ướ đền thờ vào năm 67–68 S.C. Vì các lời tiên tri thường được ứng nghiệm nhiều lần, nó có thể bao gồm tất cả những điều kể trên và nhiều hơn nữa, kể cả thời điểm ngay trước kỳ tận thế (như câu 29 cho thấy).

⁵⁷⁵ **24:15** Thay vì nói: “**làm ô ướ đền thờ**”, bạn có thể nói: “khiến cho dân sự của Đức Chúa Trời tránh xa đền thờ”.

⁵⁷⁶ **24:15** Phần còn lại của câu 15 ngắt quãng câu nói của Chúa Giê-su. Nhiều bản dịch dùng gạch ngang hay dấu ngoặc đơn để cho thấy điều này. Đa số các học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ rằng đây là **lời tuyên bố thêm vào** của **Chúa Giê-su** về những người đọc sách Đa-ni-ên, mà Chúa vừa mới nhắc tới. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng đây là **Ma-thi-ơ**, không phải Chúa Giê-su, bình luận về những người đọc sách Phúc Âm của ông.

⁵⁷⁷ **24:16 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Những người sống trong tỉnh Giu-đê đặc biệt đề cập đến những người ở Giê-ru-sa-lem. Ngay trước khi quân đội La-mã vây hãm thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 S.C., nhiều Cơ Đốc Nhân chạy trốn về hướng đông bắc băng qua sông Giô-đanh về thành phố Pella trong tỉnh Decapolis.

17 ⁵⁷⁸(Ai) ở trên ⁵⁷⁹sân thượng phải ⁵⁸⁰(trốn cho được an toàn và) đừng {đi xuống (vào trong nhà) ⇔ bỏ thì giờ} để lấy đồ đạc/của cải ra khỏi nhà của mình. 18 {<Và> ⇔ Cũng như vậy,} ⁵⁸¹(ai) (đang làm việc) ngoài đồng ruộng (cũng nên chạy trốn) (và) không nên (để thì giờ) chạy về nhà (mình) để lấy (bất cứ cái gì ⁵⁸²ngay cả) áo choàng/quần áo của mình. 19 “<Vậy nên> {khốn thay ⇔ thật là khó khăn cho} những người đàn bà ⁵⁸³{có bầu ⇔ mang thai} và những người/những bà mẹ {đang cho con bú ⇔ có con nhỏ} {trong những ngày đó ⇔ vào lúc đó}! 20 <Và> ^{NTT}{hãy cầu nguyện để ⇔ hãy cầu xin Đức Chúa Trời để} các con khỏi phải chạy trốn nhằm vào ⁵⁸⁴{mùa đông ⇔ mùa lạnh/mưa ⇔ mùa khí hậu xấu} hay vào ngày Sa-bát/Nghỉ Ngồi, 21 ⁵⁸⁵bởi vì {bấy giờ ⇔ vào lúc đó} {sẽ có ⁵⁸⁶hoạn nạn lớn chưa từng có ⇔ hoạn nạn mà người ta phải đi qua sẽ tệ hơn hết ⇔ người ta sẽ phải chịu đau đớn hơn bất cứ người nào đã chịu} từ khi tạo dựng nên trời đất cho đến ⁵⁸⁷bây giờ./ {<và> ⇔ Thật ra,} {sau này cũng sẽ không bao giờ có nữa ⇔ sẽ

⁵⁷⁸ 24:17 Các câu 17 và 18 nói về điều **hiều** người nên làm, **không** phải chỉ một người. Để nói cho rõ, một số ngôn ngữ dùng danh từ số nhiều và đại từ và nói: “**Những người** ở trên sân thượng không nên... để lấy đồ đạc **của họ** ra khỏi nhà **của họ**.” Hãy nghiên cứu ngôn ngữ của bạn để tìm cách tự nhiên nhất để nói một điều áp dụng cho mọi người một cách tổng quát.

⁵⁷⁹ 24:17 Điểm chính của Chúa Giê-su muốn nói ở đây là sẽ không có thì giờ để làm bất cứ một việc gì ngoại trừ **chạy trốn** đến một chỗ an toàn ngay lập tức. Người Do Thái xây nhà có **mái bằng** và thường ở trên đó chơi. Chúa Giê-su **không** nói về những người đang sửa mái nhà. Nếu nói về mái bằng (sân thượng) có thể làm người ta đi xa khỏi điểm chính của Chúa Giê-su, bạn có thể nói: “Bất cứ ai ở **ngoài** nhà của mình...” hay bạn có thể để một **LỜI CHÚ THÍCH** và/hay một **HÌNH ẢNH** như sau.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái xây nhà có mái bằng (giống như sân thượng). Mỗi nhà có một cầu thang ở phía ngoài dẫn lên mái nhà. Người ta thường hay lên mái nhà (sân thượng) để trò chuyện hay nghỉ ngơi.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một cái nhà tiêu biểu với người ngồi nói chuyện hay nghỉ ngơi ở trên mái bằng (sân thượng).

⁵⁸⁰ 24:17 Nhóm từ “**không nên đi xuống vào trong nhà**” hàm ý rằng người ta nên chạy trốn vào chỗ an toàn ở trên núi ngay lập tức (hãy xem câu 16). Sẽ không có thì giờ để lấy của cải ra khỏi nhà. **Không** có nghĩa là người ta nên ở trên mái nhà.

⁵⁸¹ 24:18 Giống như câu 17, câu 18 nói đến mọi người một cách tổng quát, **không** phải nói riêng một người nào.

⁵⁸² 24:18 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Áo choàng được coi là quần áo quan trọng, bởi vì chúng được dùng để làm chân đắp vào buổi tối.

⁵⁸³ 24:19 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**có bầu**” ở trong Ma 1:18.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật khó cho mọi người có thể chạy trốn khỏi tai họa sắp đến, đặc biệt là sẽ rất khó cho những đàn bà có bầu và có con nhỏ còn đang bú.

⁵⁸⁴ 24:20 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong mùa đông có mưa nhiều, lụt lội và khí hậu lạnh sẽ làm cho việc đi lại khó khăn và khó tìm thức ăn và chỗ trú. Luật của người Do Thái không cho phép người Do Thái di chuyển xa hơn 1.2 km vào ngày Sa-bát.

⁵⁸⁵ 24:21 Đối với một số ngôn ngữ có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “(Ta nói vậy) bởi vì bấy giờ sẽ có...”

⁵⁸⁶ 24:21 Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “**hoạn nạn**” trong tiểu đề và trong Ma 13:21.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đa-ni-ên 12:1 nói tiên tri về một thời gian hoạn nạn lớn như vậy.

⁵⁸⁷ 24:21 Từ “**bây giờ**” được nói đến ở đây là lúc Chúa Giê-su đang nói, **không** phải là ngay bây giờ.

chẳng có cái gì tệ hơn như vậy xảy ra nữa ⇔ người ta sẽ không bao giờ chịu khổ như vậy nữa}. **22** <Và> {nếu (số) những ngày ấy ^{TVST} không được (Đức Chúa Trời) giảm bớt ⇔ nếu Đức Chúa Trời ^{TVST} không quyết định giảm bớt thời gian (hoạn nạn)}, {sẽ không ai sống sót ⇔ mọi người sẽ bị giết}. Nhưng {vì có ⇔ để có thể cứu} {những người được chọn ⇔ những người được Chúa chọn ⁵⁸⁸ làm dân sự của Ngài}, những ngày ấy sẽ được (Đức Chúa Trời) giảm bớt.

24:23-31 Sự Quang Lâm/Trở Lại Của {Con Người ⇔ (Chúa) Giê-su} Sẽ {Rõ Rệt ⇔ Được Mọi Người Thấy}, Vậy Đừng Bị Lừa Gạt

Mác 13:21-23; Lu-ca 17:23-24

23 ⁵⁸⁹“{Lúc đó ⇔ Trong Con Đại Nạn}, nếu có ai bảo các con: ‘<Hãy nhìn>/Kìa, đây là {Đấng Cứu Thế ⇔ Cứu Chúa/Vua được (Đức Chúa Trời) hứa ban}!’ hay (nếu có ai bảo các con): ‘(Kìa), Đấng Cứu Thế đang ở đó!’ ⁵⁹⁰ thì đừng tin (điều ấy/họ), **24** ⁵⁹¹ bởi vì {Đấng Cứu Thế giả và các tiên tri giả sẽ xuất hiện/đến ⇔ người ta sẽ giả bộ làm Đấng Cứu Thế và những người khác sẽ giả bộ làm các tiên tri của Đức Chúa Trời}. <Và> họ sẽ làm ⁵⁹² {nhiều dấu lạ và phép mầu ⇔ những phép lạ mà họ nói là đến từ Đức Chúa Trời} để ⁵⁹³ lừa dối (người ta), ⁵⁹⁴ nếu có thể được, ngay cả {những người được chọn ⇔ những người được Đức Chúa Trời chọn làm dân sự của Ngài}. **25** {<Hãy nhìn>/Này ⇔ Hãy coi chừng}, Thầy đã báo trước cho các con (điều sẽ xảy ra) (để các con không bị ai lừa gạt ⇔ để sau này đừng bị lừa gạt). **26** Vì vậy nếu họ/người ta bảo các con: ^{NGT} <Hãy nhìn>/Kìa,

⁵⁸⁸ **24:22** Bạn có thể chuyển ngữ “**làm dân sự của Ngài**” là “hầu việc Ngài”.

⁵⁸⁹ **24:23** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **công thức trích dẫn** ở Ma 5:13.

⁵⁹⁰ **24:23** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu để mệnh lệnh của Chúa Giê-su lên trước trong câu này và nói: “Trong lúc đó (hoạn nạn) **đừng tin bất cứ ai** bảo các con: ‘<Hãy nhìn>/Kìa, Đấng Cứu Thế đang ở đây!’ ”

⁵⁹¹ **24:24** Có thể dùng cùng một từ ngữ bắt đầu một câu **mới** ở đây nghe tự nhiên hơn. Khi bạn đọc lại để duyệt lãm những gì bạn đã chuyển ngữ, hãy đọc lớn tiếng để bạn có thể **nghe** để biết chắc là các câu rõ ràng và **không** dài quá hay ngắn quá.

⁵⁹² **24:24** Nhóm từ “**dấu lạ và phép mầu**” là hai danh từ được nối liền bằng từ “và” để bổ túc cho nhau và cùng nói đến một thứ. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**phép lạ**”, “**dấu kỳ**” và “**phép mầu**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (4:24), 7:22, 11:(2, 4), 20–24; 12:(17), 38–39; 13:(13), 54, (56), 58; 14:(1), 2, (20); 16:1, 4 và tiểu đề, (21:15, 21), 24:24. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 7:22 nói về sự khác nhau giữa ba từ trên. Về cách dùng quan hệ với nhau của ba từ này hãy xem Ma 22:29, 24:29–30, 26:64 (quyền năng); Ma 16:3–4, 24:3, 30, 26:48 (dấu hiệu); Ma 25:15 (khả năng).

⁵⁹³ **24:24** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**lừa dối**” trong các câu 4, 5, và 11.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong Phục Truyền 13:1–5 Đức Chúa Trời cũng cảnh cáo dân sự của Ngài về các tiên tri giả là người làm các phép lạ kỳ diệu để cố gắng lừa gạt họ thôi không phục vụ Ngài nữa.

⁵⁹⁴ **24:24** Bản Hy-lạp **không** nói (hay hàm ý) Đấng Cứu Thế giả và các tiên tri giả có thành công trong việc lừa gạt những người được chọn hay không. Điểm muốn nói ở đây là những người này sẽ cố gắng để lừa gạt con dân Chúa. Họ có thể thành công hay không thành công.

Ngài/Đấng Cứu Thế đang ở ngoài ⁵⁹⁵{đồng vắng/sa mạc ⇔ vùng đất hoang},’ đừng (tin chúng và đừng) đi ra (ngoài đồng vắng/sa mạc) (để xem Ngài có ở đó không). (Hay nếu họ nói:) ^{NGT}.<Hãy nhìn>/Này, (Ngài đang ở) ^{GTK596}{trong phòng kín ⇔ trong phòng/nhà này ⇔ đang trú ở đây},’ thì đừng tin (lời ấy/họ). **27** Vì ⁵⁹⁷như tia chớp {phát ra từ phương đông và loè sáng đến phương tây ⇔ chiếu sáng từ phía bên này đến bên kia của bầu trời ⇔ chiếu sáng xẹt ngang bầu trời}, cũng như vậy, {sự quang lâm/trở lại của ⁵⁹⁸Con Người cũng sẽ (đột ngột và rõ rệt) ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người sẽ (từ trời) đến/trở lại (trái đất) này (một cách đột nhiên và mọi người đều sẽ thấy Ta đến)}. **28** Nếu có một xác chết ở đâu, ^{GTK599}(thì mọi người sẽ biết, bởi vì ⇔ thì các con có thể biết chắc vì) ⁶⁰⁰điều hâu sẽ tụ họp tại đó. ^{GTK601}(Cũng như vậy, mọi người sẽ biết rằng Ta đến/trở lại. ⇔ Cũng như vậy, khi các con thấy những ⁶⁰²dấu hiệu đó, các con có thể biết chắc là ⁶⁰³Ta sắp đến/trở lại.)

⁵⁹⁵ **24:26** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đồng hoang/sa mạc**” trong Ma 3:1, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái mong đợi Đấng Cứu Thế xuất hiện/đến từ đồng hoang/sa mạc tương tự như cách Môi-se đã xuất hiện. Môi-se đã chăn chiên trong sa mạc 40 năm trước khi ông trở lại nước Ai-cập để giải cứu dân sự của ông khỏi vòng nô lệ.

⁵⁹⁶ **24:26** Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “(Ngài) ở trong phòng kín” có nghĩa là Ngài đang trốn tránh. Tuy nhiên, có thể điều này chỉ có nghĩa là Ngài ở trong nhà. Nếu trong địa bàn của bạn không biết từ **phòng kín**, bạn có thể không cần phải nói rõ như vậy và chỉ nói: “<Hãy nhìn>/Này, Chúa ở trong phòng này”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**phòng kín**” ở trong Ma 6:6.

⁵⁹⁷ **24:27** Bạn có thể nói: “Bởi vì sự quang lâm/trở lại của Con Người sẽ (đột nhiên và rõ rệt) giống như tia chớp sáng loè từ phương đông sang phương tây.”

⁵⁹⁸ **24:27** Hãy chắc chắn là “**Đấng Cứu Thế**” trong các câu 23–26 và “**Con Người**” cùng nói đến một người.

⁵⁹⁹ **24:28** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su đang trích dẫn một **câu tục ngữ** ở đây. Đa số học giả nghĩ rằng nó có nghĩa “(mọi người sẽ biết là nó ở đâu, bởi vì) điều hâu...” (hãy xem Luca 17:37). Tuy nhiên, một số nghĩ rằng nó có nghĩa là “(thì các con có thể **biết chắc** vì) điều hâu...”

⁶⁰⁰ **24:28** Từ được dùng trong bản Hy-lạp có thể nói đến chim điều hâu hay đại bàng. Trong ngữ cảnh này điều hâu là thích hợp nhất.

⁶⁰¹ **24:28** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng câu trước hàm ý: “(Cũng như vậy, mọi người sẽ biết rằng Ta sắp đến/trở lại.)” Tuy nhiên, một số nghĩ rằng nó hàm ý: “(Cũng như vậy, khi các con thấy những dấu hiệu này, các con có thể **chắc chắn** rằng Ta sắp đến/trở lại.)” Có thể tốt nhất là để thông tin đó ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Nếu bạn nói rõ ra ở đây, hãy chắc chắn là sự chọn lựa của bạn phù hợp với sự chọn lựa trong câu 28.

⁶⁰² **24:28** Những “**dấu hiệu**” này đề cập đến những biến cố ở trong các câu 15–22 mà Chúa Giê-su đã nói tiên tri là những điều đó sẽ xảy ra.

⁶⁰³ **24:28** Bạn có thể muốn nói “(Ta,) Con Người” ở đây cho nhất quán với cách bạn dùng để diễn tả trong phần còn lại của tiểu đoạn này. Hãy làm cách nào nghe cho tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

**24:29-31 (Chúa) Giê-su Nói Tiên Tri Về Sự Quang Lâm/
Trở Lại Của Ngài Và Kỳ Tận Thế**

Mác 13:24-27; Lu-ca 21:25-28

29 “<Rồi thì> ngay sau ^{GTK604}{những ngày hoạn nạn đó ⇔ thời gian mà người ta chịu khổ}, ⁶⁰⁵ mặt trời sẽ {trở nên tối tăm ⇔ ngưng chiếu sáng}, <và> mặt trăng sẽ không còn chiếu sáng, ⁶⁰⁶ <và> các ngôi sao sẽ từ trời sa xuống, ^{GTK607}{và ⇔ tức là,} ^{GTK}{các quyền năng ⇔ (tất cả) mọi vật} ở trên trời sẽ bị ^{GTK608}{rúng động ⇔ kéo ra khỏi đường bay/quỹ đạo/vị trí}. 30 <Và> ⁶⁰⁹{rồi ⇔ vào lúc đó} ^{GTK610}{dấu hiệu của (Ta,) Con Người} ⇔ diêm thông báo/chỉ về sự quang lâm/đến của Ta ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} sẽ xuất hiện trên bầu trời, và rồi tất cả các ⁶¹¹bộ lạc/dân tộc trên trái đất sẽ ^{GTK612}{than khóc ⇔ kêu lên sợ hãi} và chúng sẽ thấy ⁶¹³{(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người}

⁶⁰⁴ **24:29 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “những ngày hoạn nạn” đặc biệt nói đến sự phá hủy thành Giê-ru-sa-lem (các câu 15–22). Tuy nhiên, vì ngay cả Chúa Giê-su cũng không biết được thời giờ của kỳ tận thế (câu 36), có lẽ nó muốn nói đến toàn thể cơn đại nạn mô tả ở trong các câu 4-14.

⁶⁰⁵ **24:29** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu **phối hợp** hai mệnh đề sau và nói: “mặt trời và mặt trăng sẽ {trở nên tối tăm ⇔ thôi không chiếu sáng}...” Hay bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời sẽ làm cho mặt trời và mặt trăng thôi không chiếu sáng...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Câu 29 mô tả ngược lại những gì được làm trong ngày thứ tư của buổi sáng thế (Sáng Thế Ký 1:14–19). Các từ tương tự được dùng trong nhiều đoạn Kinh Thánh trong Cựu Ước để nói về sự đoán xét sắp tới của Chúa. Thí dụ, hãy xem Ê-sai 13:9–13, 24:21–23, 34:4; Ê-xê-chi-ên 32:7–8; Giô-ên 2:10, 31; 3:15 và A-mốt 8:9.

⁶⁰⁶ **24:29** Sự chọn lựa của bạn ở đây sẽ tùy thuộc vào cách bạn chuyển ngữ phần còn lại của câu 29. Hãy làm theo cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁶⁰⁷ **24:29** Bản Hy-lạp nói không rõ ý ở đây. “các ngôi sao sẽ sa xuống..., và quyền năng... sẽ bị **rúng động**” có thể nói đến **hai** biến cố khác nhau. Hay nó cũng có thể nói đến cùng **một** biến cố (như ở trong Ê-sai 34:4). Việc chúng ta không hiểu rõ ý ở đây quan hệ đến sự kiện Chúa Giê-su **không** nói “**quyền năng**” là gì. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đó là một cách khác để nói đến mặt trời, mặt trăng, ngôi sao và các hành tinh (hãy xem Giê-rê-mi 8:2). Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó đề cập đến lực lượng thần linh sống trên thiên đàng. Phải chắc chắn là nó **không** bao gồm quyền năng của Đức Chúa Trời.

⁶⁰⁸ **24:29** Cách bạn chuyển ngữ “**rúng động**” ở đây tùy thuộc vào cách bạn chuyển ngữ “**quyền năng**” trước đó ở trong câu 29. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** trước ở trên.

⁶⁰⁹ **24:30** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “<và> **bấy giờ**” trong câu 14.

⁶¹⁰ **24:30** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ “**dấu hiệu**” là chính Chúa Giê-su. Một nhóm từ tương tự nói đến Giô-na ở trong Ma 12:39 và 16:4. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ “dấu hiệu” có thể là một cái gì khác, có thể là tiếng kèn trum-pét được nhắc đến ở trong câu 31.

⁶¹¹ **24:30 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su có thể hàm ý rằng những người than khóc sẽ là những người của các bộ lạc/dân tộc không tin Chúa ở trên thế giới.

⁶¹² **24:30** Bản Hy-lạp **không** nói rõ **tại sao** tất cả những bộ lạc/dân tộc sẽ **than khóc**. Nó có thể cho thấy sự sợ hãi về sự đoán xét/trùng phạt hay có thể cho thấy sự ăn năn. Có lẽ tốt nhất cho bản dịch là cứ để tổng quát.

⁶¹³ **24:30** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu **không** lặp lại “Con Người” ở đây, vì nó đã được dùng trước đó trong câu 30. Có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⇔ Ta} {quang lâm ⇔ đến} (trên đất) (ngự) trên ⁶¹⁴ các đám mây trên ^{GTK} trời {với ⇔ bày tỏ ⇔ và (họ sẽ thấy)} đại quyền, đại vinh. (Đa-ni-ên 7:13-14) **31** <Và> ⁶¹⁵ Ngài/Ta sẽ {sai các thiên sứ của Ngài/Ta thổi kèn ⁶¹⁶ [vang dội] ⇔ thổi kèn lớn để báo hiệu cho các thiên sứ/đầy tớ của Ngài/Ta đi} ra ⁶¹⁷ (khắp thế giới),/. {và họ ⇔ Họ} sẽ tụ họp ⁶¹⁸ {những người được chọn của Ngài/Ta ⇔ những người Ngài/Ta đã chọn làm dân sự của Ngài/Ta} ⁶¹⁹ {từ bốn phương, từ chân trời này đến chân trời kia ⇔ từ khắp mọi nơi trên đất ⇔ từ mọi hướng và mọi nơi trên đất, kể cả những chỗ hẻo lánh/xa xôi nhất}.”

**24:32-35 {Bài Học Từ Cây Vả ⇔
Làm Thế Nào Để Biết (Chúa) Giê-su Sắp Quang Lâm/Trở Lại}**

Mác 13:28-31; Lu-ca 21:29-33

32 (Rồi Chúa Giê-su nói: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài:) ⁶²⁰ “<Bây giờ> hãy học (bài học) {từ câu chuyện ngụ ngôn/minh họa về ⁶²¹ cây vả ⇔ từ việc xảy ra cho cây vả}. Khi ⁶²² các nhánh của nó {trở nên mềm mại/xanh tươi ⇔ đầy nhựa cây} và {nó/chúng đâm chồi nảy lộc ⇔ các lá non (bắt đầu) xuất hiện/mọc}, {các con biết ⇔ mọi người đều biết} rằng ⁶²³ {mùa hè sắp tới ⇔ sắp đến mùa hè}. **33** Cũng

-
- ⁶¹⁴ **24:30 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các đám mây biểu tượng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Hãy xem một trường hợp tương tự ở trong Ma-thi-ơ 17:5, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Cũng hãy xem Ma-thi-ơ 26:64. Đa-ni-ên 7:13-14 cho thấy cách Con Người đến và Đức Chúa Trời ban cho Ngài quyền năng và thẩm quyền để cai trị đến đời đời.
- ⁶¹⁵ **24:31** Nên làm cho rõ trong các câu 30-31 rằng Chúa Giê-su dùng cụm từ Con Người để nói đến chính Ngài.
- ⁶¹⁶ **24:31** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) có từ “**vang dội**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản thảo khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) **không** có, nhưng hàm ý.
- ⁶¹⁷ **24:31** Có thể đổi **thứ tự** của phần còn lại của câu 31 và nói: “...{từ bốn phương, từ chân trời này đến chân trời kia ⇔ **khắp đất** ⇔ **từ mọi hướng**} và họ sẽ tụ tập lại Những Người Được Chọn.”
- ⁶¹⁸ **24:31** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**những người được chọn**” trong các câu 22 và 24.
- ⁶¹⁹ **24:31** “từ **bốn phương**, từ chân trời này đến chân trời kia” là một **thành ngữ** có nghĩa là “từ **khắp nơi** trên mặt đất”. Đây **không** bao gồm mọi nơi trên thiên đàng, nhưng phản chiếu sự kiện trời và đất có vẻ như gặp nhau ở cuối chân trời.
- ⁶²⁰ **24:32** Bản Hy-lạp dùng một liên từ có nghĩa là “**Bây giờ**”. Hãy để cho người đọc biết rằng Chúa Giê-su **đang đổi đề tài**. Có thể dùng từ này hay không dùng từ này trong bản dịch nghe tự nhiên hơn.
- ⁶²¹ **24:32** Mặc dù **cây vả** là một cây ăn trái rất phổ thông trong tỉnh Giu-đê và Ga-li-lê và **mùa hè** là mùa ra trái của nó, có thể **không** có như vậy trong nhiều nơi trên thế giới, bạn có thể nói một cách tổng quát “cây ăn trái” và “mùa ra trái”. Hay bạn có thể kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** dưới đây.
- LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cây vả rất phổ thông trong tỉnh Giu-đê và Ga-li-lê. Trái của chúng là một nguồn thức ăn cho người Do Thái. Các cây vả rụng lá vào mùa đông và bắt đầu nảy lá vào mùa xuân. Chỉ cần nhìn cây và người ta biết là mùa hè sắp tới.
- ⁶²² **24:32** Đây là **những cành nhỏ** và khô trở nên mềm mại/xanh tươi, **không** phải nhánh lớn.
- ⁶²³ **24:32** Bạn có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá để chỉ về **mùa hè**, là mùa ra trái ở nước Y-sơ-ra-ên.

vậy, khi các con thấy tất cả ⁶²⁴những điều này (những điều mà Ta đã nói cho các con nghe) xảy ra ^{GTK625}các con nên/sẽ biết rằng ^{GTK626}{Ngài đã gần ngay trước ⁶²⁷cửa/cổng ⇔ Ta sắp quang lâm/trở lại/đến}. **34** ^{GTK628}{A-men/Phải, (các con ^{GTK629} nên/sẽ biết,) (và/nhưng) Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con} rằng ^{GTK630}{thế hệ/thời đại này sẽ không qua đi ⇔ những người sống bây giờ sẽ không chết đi} cho tới khi/trước khi ^{GTK}tất cả những điều này/những điều (Ta đã nói cho các con nghe) xảy ra. **35** ⁶³¹(Các con có thể biết chắc rằng) ⁶³²{trời và đất ⇔ cả vũ trụ} sẽ {qua đi ⇔

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Có hai mùa chính ở tại nước Y-sơ-ra-ên: mùa khô (mùa hè), kéo dài từ tháng Năm cho tới tháng Chín là mùa khí hậu ấm áp cho tới nóng, và mùa mưa (mùa đông), từ tháng Mười cho đến tháng Tư là mùa khí hậu mát cho tới lạnh.

⁶²⁴ **24:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “tất cả những điều này/đó” có lẽ đề cập đến tất cả mọi việc Chúa Giê-su nói đến ở trong các câu 4–28.

⁶²⁵ **24:33** Thế của động từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ rệt. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đó là một **mạng lệnh** “các con phải biết”. Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ rằng đó là một **lời tuyên bố** “các con {biết ⇔ sẽ biết}”. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 1:19 về điều cần làm khi các học giả Kinh Thánh có **sự giải thích khác nhau**.

⁶²⁶ **24:33** Đại từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ nghĩa trong ngữ cảnh này. Nhiều học giả nghĩ rằng nó đề cập đến **cuối cùng** của thời đại/thế giới này (với các biến cố đi kèm, kể cả việc trở lại của Con Người). Tuy nhiên, nhiều người khác (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ rằng nó nói đến **Con Người** (hãy xem các câu 30–31), và một số nghĩ rằng nó nói đến **sự phá hủy** đền thờ (hãy xem câu hỏi của các môn đệ trong câu 3). Có thể tốt nhất là cứ chuyển ngữ một cách tổng quát và để lời giải thích trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁶²⁷ **24:33** “**gần ngay trước cửa**” là một thành ngữ có nghĩa là “gần đến rồi” hay “sắp trở lại”. Đây **không** đề cập đến cánh cửa thật.

⁶²⁸ **24:34** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

⁶²⁹ **24:34** Hãy nhất quán với sự lựa chọn của bạn trong câu 33

⁶³⁰ **24:34** Nhóm từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**thế hệ này/đó**” hay “**thời đại này**”. Có vẻ ý nghĩa thích hợp **nhất** với ngữ cảnh là “**thời đại này**”, là một cách khác để nói đến “**thế giới này**”. Giải thích nhóm từ này là “**thế hệ này**” (như đa số các học giả Kinh Thánh làm) khiến cho rất khó dịch câu 34, bởi vì có nhiều sự giải thích khác nhau về “**thế hệ này**” và “**tất cả mọi điều này/đó**”. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “**thế hệ này**” đề cập đến những người sống trong thời Chúa Giê-su. Tuy nhiên, nếu “tất cả những điều này” bao gồm kỳ tận thế, sự giải thích này sẽ tương phản lại với thực tại (điều thật sự xảy ra) và câu 36 khi Chúa Giê-su nói Ngài không biết kỳ tận thế xảy đến vào lúc nào. Trái lại, nếu “tất cả mọi điều này/đó” bao gồm các biến cố trong các câu 4–28, kể cả sự phá hủy thành Giê-ru-sa-lem, nhưng **không** bao gồm sự trở lại của Chúa Giê-su (các câu 29–31) sự giải thích này phù hợp với ngữ cảnh. Các học giả khác nghĩ rằng “**thế hệ này**” đề cập đến một loại người (có lẽ là người Do Thái) là người từ khước Chúa Giê-su. Những học giả khác vẫn nghĩ rằng cụm từ này đề cập đến những người sống vào lúc các biến cố cuối cùng xảy ra. Có thể để tất cả (hay một số) sự giải thích khác nhau trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁶³¹ **24:35** Bạn có thể nói: “Vũ trụ không tồn tại đời đời, nhưng lời của Ta sẽ còn lại.” Hay bạn có thể nói: “Ngay cả nếu trời đất sẽ qua đi nhưng lời Ta phán chẳng bao giờ qua đi.” Tuy nhiên, khi chuyển ngữ câu 35 **không** nên làm cho người đọc cảm thấy là Chúa Giê-su đối đãi tài một cách đột ngột. Ngữ cảnh cho thấy là có lẽ đây là một **thành ngữ** có nghĩa là “(Các con có thể **chắc chắn** rằng) trời và đất sẽ qua đi, nhưng (các con có thể biết **chắc chắn hơn nữa** là) những điều Ta đang bảo các con sẽ xảy ra.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đang nói rằng lời của Ngài cũng là Lời của Đức Chúa Trời (hãy xem Thi-thiên 119:89 và Ê-sai 40:8). Thi-thiên 102:25–27 và Ê-sai 51:6 tương tự như câu 35.

chấm dứt}, nhưng {lời của Ta sẽ không bao giờ qua đi ⇔ điều ta nói sẽ luôn luôn thành sự thật ⇔ (các con có thể biết chắc chắn hơn rằng) những việc Ta đang nói với các con sẽ xảy ra}.”

24:36-44 Hãy Chuẩn Bị/Sẵn Sàng Cho
{Ngày Cuối Cùng ⇔ Sự Quang Lâm/Trở Lại Của (Chúa) Giê-su}

Mác 13:32-37; Lu-ca 17:26-30, 34-36

36 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục dạy dỗ các môn đệ và nói:)
⁶³³“{Bây giờ, còn về ⁶³⁴ngày và giờ (Ta quang lâm/trở lại), không ai biết cả ⇔ Tuy nhiên, không ai biết ⁶³⁵chắc chắn khi nào (Ta sẽ quang lâm/trở lại)}, ⁶³⁶ngay cả các thiên sứ trên trời ⁶³⁷[và/hay (Ta,) Con (của Đức Chúa Trời)] cũng không (biết được), <ngoại trừ> chỉ có (Đức Chúa Trời) Cha (Ta) (biết thôi). **37** {Vi ⇔ Thật ra,} ^{TD638}{sự quang lâm/trở lại của Con Người ⇔ khi Ta Đấng trở nên con người quang lâm/trở lại,} sẽ giống như {(trong) thời Nô-ê ⇔ (việc nước lụt xảy đến) (ngày xưa) khi Nô-ê còn sống}. **38** <Vi> ^{TD639}{trong những ngày đó ⇔ vào lúc đó} ngay trước khi {nước lụt (xảy ra) ⇔ (Đức Chúa Trời khiến) nước lụt xảy ra}, {chúng ⇔ mọi người} (không để ý đến Đức Chúa Trời và) (sinh sống bình thường,) ăn uống, <và> cưới gả, cho tới ⁶⁴⁰ngày Nô-ê ((và gia đình ông và các súc

⁶³² **24:35** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “trời và đất” trong Ma 5:18.

⁶³³ **24:36** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu 36 và nói: “<Và> {không có ai ngoại trừ ⇔ chỉ có} (Đức Chúa Trời) Cha Ta biết {ngày và giờ ⇔ đúng lúc} khi (Ta sẽ quang lâm/trở lại). (Không có ai khác,) ngay cả các thiên sứ trên trời hay (Ta,) Con Ngài cũng không biết được. “

⁶³⁴ **24:36 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “ngày đó” là một nhóm từ được dùng trong Cựu Ước để nói đến ngày mà Chúa sẽ trở lại để đoán xét mọi người (thí dụ, hãy xem Ê-sai 2:11, 17, 20; A-mốt 5:18, 8:3, 9, 13; 9:11; Mi-chê 4:6, 5:10).

⁶³⁵ **24:36** Hay bạn có thể nói: “...ngày hay giờ khi...”

⁶³⁶ **24:36** Có thể bắt đầu câu **mới** ở đây và nói như sau nghe tự nhiên hơn: “Các thiên sứ ở trên trời không biết, và ngay cả Ta, Con (của Đức Chúa Trời) cũng không biết. Chỉ có (Đức Chúa Trời) Cha Ta (biết).”

⁶³⁷ **24:36** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có “và/hay (Ta,) Con (của Đức Chúa Trời)”. Tuy nhiên, nhiều học giả khác (và Văn Bản Đa Số) **không** có.

⁶³⁸ **24:37** **Thứ tự** của câu trong bản Hy-lạp là “**Vi như** thời Nô-ê thế nào, **thì** sự quang lâm/trở lại của Con Người (cũng) sẽ như vậy.”

⁶³⁹ **24:38** Trong bản Hy-lạp các câu 38 và 39 là một câu **dài** trong đó **so sánh** sự đến của nước lụt với sự quang lâm của Con Người. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu ngắt ra làm nhiều câu ngắn như trong kinh văn ở trên đã làm. Bản Hy-lạp nói: “<Vi> **như** những ngày trước khi nước lụt người ta...39 và (**như**) họ không biết cho đến khi nước lụt đến và cuốn họ đi, **thì** sự quang lâm của Con Người [**cũng**] như vậy.”

⁶⁴⁰ **24:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người không đi vào trong tàu tiếp tục sống như thường cho tới khi nước lụt đến bảy ngày sau khi các thú vật, Nô-ê và gia đình của ông đã vào trong tàu (Sáng 7:1-12).

vật)) đi vào ⁶⁴¹{tàu ⇔ thuyền lớn}. **39** <Và> {chúng ⇔ những người ở ngoài tàu} không biết/ý thức là (nước lụt sắp đến) cho đến khi (quá trễ) nước lụt đã đến và {cuốn chúng đi ⇔ hủy diệt/giết tất cả mọi người}. {Sự quang lâm/trở lại của (Ta), Con Người cũng sẽ ⁶⁴²như vậy. ⇔ Khi Ta Đấng trở nên con người quang lâm/trở lại, thì cũng (bất ngờ/ngạc nhiên và đột ngột).} **40** {<Bấy giờ> ⇔ Lúc đó} ⁶⁴³hai người đàn ông cùng làm việc ở ngoài đồng/vườn, một người sẽ được (Đức Chúa Trời) cất lên ^{GTK644}(thiên đàng) và {một người ⇔ người kia} sẽ bị để lại ^{GTK}(để bị trừng phạt). **41** ⁶⁴⁵Hai người đàn bà ⁶⁴⁶đang xay ⁶⁴⁷cối, một người sẽ được (Đức Chúa Trời) cất đi ^{GTK}(về thiên đàng) và {một người ⇔ người kia} sẽ bị bỏ lại ^{GTK}(để bị trừng phạt). **42** Vì vậy {hãy (luôn luôn) tỉnh thức ⇔ hãy (luôn luôn) chuẩn bị/sẵn sàng} (cho Ta ⇔ cho lúc Ta, Chúa/Thầy của các con, quang lâm/trở lại ⇔ cho sự quang lâm/trở lại của Ta), bởi vì các con không biết {ngày nào ⇔ giờ nào ⇔ chắc chắn vào lúc nào} ⁶⁴⁸(Ta,) Chúa/Thầy của các con sắp/sẽ quang lâm/trở

⁶⁴¹ **24:38 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời đã ra lệnh cho Nô-ê đóng một chiếc tàu để ông, gia đình ông và nhiều thú vật không bị chết đuối vì nước lụt mà Đức Chúa Trời sai đến. Chiếc tàu dài 137 m, ngang 23 m và cao 14 m (Sáng 6:14–15).

⁶⁴² **24:39** Trong ngữ cảnh này “**như vậy**” có nghĩa là sự quang lâm của Chúa Giê-su sẽ **bất ngờ/ngạc nhiên** và **đột ngột** giống như nước lụt cũng bất ngờ/ngạc nhiên và đột ngột như vậy. Điều này không có nghĩa là khi Chúa Giê-su quang lâm cũng sẽ có nước lụt.

⁶⁴³ **24:40** Phải nói rõ là “**hai người đàn ông**” được dùng như một thí dụ về điều sẽ xảy ra cho những người đàn ông khác. Đây **không** phải nói đến hai người đàn ông đặc biệt. Trong câu 41 “**hai người đàn bà**” cũng được dùng như vậy. Điểm chính muốn nói ở đây là khi Con Người quang lâm/trở lại, một số người sẽ tin Ngài và những người khác thì không tin.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đức tin nơi Đấng Cứu Thế là điều xác định ai sẽ được đem đi ai sẽ bị bỏ lại.

⁶⁴⁴ **24:40** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng các câu 40–41 có nghĩa rằng “một người sẽ bị (Đức Chúa Trời) đem đi (**lên thiên đàng**) và một người bị bỏ lại (**để bị trừng phạt**)” (hãy xem các câu 31 và Ma 3:12). Tuy nhiên, một số học giả nghĩ rằng các câu này có hàm ý trái ngược lại và nói: “một người sẽ bị đem đi (để bị **trừng phạt**) và người kia được để lại (để được **Đức Chúa Trời cai trị**).” Sự giải thích này dựa trên các câu như Ma 13:40–43, 49–50. Ma 25:32 nói rằng tất cả mọi người sẽ được nhóm họp lại và phân chia riêng ra để chịu đoán xét trước mặt Con Người. Trong các câu 40–41 có lẽ tốt nhất là để **thông tin hàm ý** này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH** hơn là trong kinh văn.

⁶⁴⁵ **24:41** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**hai người đàn ông**” trong câu 40, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁶⁴⁶ **24:41** Nếu công việc “**xay cối**” không được biết tới trong địa bàn của bạn, bạn có thể nói một cách tổng quát hơn: “Hai người đàn bà đang chuẩn bị thức ăn chung với nhau”. Hay bạn có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá, tức là, nói đến một việc gì tương tự mà hai hay nhiều người đàn bà làm chung với nhau. Điểm mà đoạn kinh văn chú trọng đến ở đây **không** phải vào việc mà hai người đàn bà này làm, nhưng chú trọng vào sự kiện một người sẽ được mang đi và một người bị để lại. **Không** nên để bản dịch đi ra ngoài ý đó.

⁶⁴⁷ **24:41** Cối này nhỏ hơn loại cối do lừa kéo được nhắc đến ở trong Ma 18:6. Mỗi ngày đàn bà dùng cối xay lúa mì để có đủ bột mì cần dùng cho bữa ăn.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Hình hai người đàn bà đang xay cối với nhau. Nếu trong địa bàn của bạn người ta không xay cối, bạn có thể để hình của hai người đàn bà đang chuẩn bị đồ ăn với nhau.

⁶⁴⁸ **24:42** Nếu bạn đã nói: “**Ta, Chúa/Thầy của các con**” trước đó ở trong câu 42, bạn có thể rút ngắn lại phần cuối của câu và nói: “...bởi vì các con không biết ngày nào {**Ta** sẽ quang lâm/trở lại ⇔ **điều đó** sẽ xảy ra}.”

lại. **43** Tuy nhiên, hãy biết rằng nếu chủ nhà ^{TVST} đã biết {giờ nào ⇔ chắc chắn lúc nào} kẻ trộm/kẻ cướp {đến ⇔ vào nhà} (để ăn trộm của cải của ông ta), ông ta ^{TVST} chắc đã canh chừng/chuẩn bị {và ông ta ^{TVST} đã không để cho nhà bị ăn trộm/cướp ⇔ để không ai có thể ăn trộm/cướp nhà ông ta}. **44** {Vì thế ⇔ Cũng như vậy,} các con nên ⁶⁴⁹ (luôn luôn) chuẩn bị/sẵn sàng (cho sự quang lâm/trở lại của Con Người ⇔ cho sự quang lâm/trở lại của Ta), bởi vì {(Ta,) Con Người ⇔ Ngài/Ta} sắp/sẽ quang lâm/trở lại {vào giờ ⇔ vào lúc} mà các con không ngờ (Ngài/Ta ⁶⁵⁰ quang lâm).”

**24:45-51 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về Một Người Đầy Tớ
Trung Tín Và Một Người Đầy Tớ Không Trung Tín ⇔
Hãy Giống Như Người Đầy Tớ Trung Tín Và Khôn Ngoan}**

Lu-ca 12:41-48

45 (Sau đó Chúa Giê-su hỏi/nói: ⇔ Chúa Giê-su tiếp tục:) ^{CH} “Vậy thì, {ai là người ⇔ ai sẽ là người ⇔ các con nên} (giống như) người đầy tớ trung tín/đáng tin cậy và khôn ngoan, được chủ ^{NTT} giao phó cai quản {cả nhà ⇔ các đầy tớ khác} để cho gia nhân ăn uống chu đáo (trong khi chủ đi xa)?/. **46** Người đầy tớ (sẽ được) ⁶⁵¹ phước khi chủ về thấy làm {như vậy ⇔ điều chủ bảo làm ⇔ điều anh ta phải làm}. **47** ^{GTK652} {A-men/Phải, (anh ta sẽ được phước,) (và) Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con} rằng người chủ {sẽ giao phó (cho người đầy tớ đó) ⇔ sẽ khiến anh ta cai quản} tất cả mọi của cải/tài sản của ông ta. **48** Nhưng {giả thử người đầy tớ đó là người gian ác và nói ⇔ dùng giống như người đầy tớ gian ác là người nghĩ} <trong ⁶⁵³ lòng/đầu rằng ⇔ thâm>: ^{NGT} “Chủ ta (sẽ) ⁶⁵⁴ {[về/trở lại] trễ ⇔ đi xa trong một thời gian lâu} (vì vậy ông ta sẽ không biết ta đang làm cái gì),” **49** và anh ta bắt đầu ⁶⁵⁵ đánh đập/hành hạ các đầy tớ khác và {anh ta cũng ăn uống ⇔ mở tiệc} với những người say sưa. **50** Chủ của người đầy tớ đó sẽ trở lại {vào ngày nó không ngờ và giờ nó không hay biết ⇔ vào lúc anh ta

⁶⁴⁹ **24:44 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chuẩn bị/sẵn sàng cho sự trở lại của Chúa Giê-su có nghĩa là sống theo ý muốn của Đức Chúa Trời.

⁶⁵⁰ **24:44** Câu 44 **không** muốn nói là Chúa Giê-su là kẻ trộm. Nó có nghĩa là Chúa sẽ đến vào lúc mà người ta không ngờ là Ngài sẽ đến.

⁶⁵¹ **24:46** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**được phước**” trong Ma 5:3 là chỗ nó có ý nghĩa hơi khác một chút, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁶⁵² **24:47** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**A-men**” ở Ma 5:18.

⁶⁵³ **24:48** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**lòng/tám lòng**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:8, 28; 6:21, 22, (23) và tiểu đề, 9:4, 11:29, 12:34, (35); 13:15, 19; 15:8, 10 tiểu đề, 15:18–20; 18:35, 19:8, 22:37, (23:25, 28); 24:48, (26:38). Cùng một từ này được dùng ở trong thành ngữ “lòng của trái đất” trong Ma 12:40.

⁶⁵⁴ **24:48** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**về**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có, nhưng hàm ý.

⁶⁵⁵ **24:49 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Khi đánh đập/hành hạ các người đầy tớ khác người này đang phung phí tài sản của chủ. Khi ăn và uống với những người say người này tiêu phí tài sản của chủ.

không ngờ}. 51 Sau đó {ông ta ⇔ người chủ} sẽ ⁶⁵⁶{cắt nó ra làm hai ⇔ trừng phạt nó nặng nề} và để anh ta ở chỗ với {những người ⁶⁵⁷đạo đức giả ⇔ những người khác là những người chỉ giả bộ phục vụ/vâng lời ông ta,} trong nơi (họ sẽ bị trừng phạt đến nỗi) {có sự khóc lóc và nghiêng răng ⇔ họ sẽ khóc cách cay đắng và nghiêng răng (trong sự đau đớn) ⇔ họ sẽ khóc lóc và bị đau đớn kinh khủng}.”

25:1-13 ⁶⁵⁸{Câu Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về Mười Trinh Nữ/Phụ Dâu

25

⇔ Hãy Chuẩn Bị Giống Như Năm Trinh Nữ/Phụ Dâu Khôn Ngoan}

1 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài:) ⁶⁵⁹“{Bấy giờ ⇔ Vào lúc đó ⇔ Khi Ta, Con Người quang lâm/trở lại,} {Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời ⇔ cách Đức Chúa Trời cai trị (người ta)} sẽ giống như ⁶⁶⁰(câu chuyện ngụ ngôn/câu chuyện này về) mười ⁶⁶¹trinh nữ/phụ dâu/thiếu nữ là những người (một đêm kia) lấy ^{GTK662}đuốc/đèn dầu (và) đi <ra> ^{GTK663}gặp/chào chàng rể. 2 <Và> năm

⁶⁵⁶ 24:50 “cắt nó ra làm hai” là một thành ngữ có nghĩa là “trừng phạt nó nặng nề”.

⁶⁵⁷ 24:50 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “đạo đức giả” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 6:2, 5, 16; 7:5, 15:7, 22:18, 23:13–15, 23, 25, 27, 29; 24:51. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 6:2. Một số ngôn ngữ có nhiều cách để chuyển ngữ từ này, tùy theo ý chính của ngữ cảnh.

⁶⁵⁸ (Tiểu Đề) Bạn có thể nói: “Một Câu Chuyện Ngụ Ngôn Khác Về Chuẩn Bị/Sẵn Sàng Cho Sự Quang Lâm/Trở Lại Của Chúa Cứu Thế”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong câu chuyện ngụ ngôn này chàng rể tượng trưng cho Chúa Giê-su. Chàng rể đến để đem cô dâu về nhà tượng trưng cho Chúa Giê-su đến để đem cô dâu của Ngài, Hội Thánh, về thiên đàng. Sự chậm trễ của chàng rể tượng trưng cho thời gian chờ đợi ngày Chúa trở lại. Sự đến của chàng rể tượng trưng cho Ngày Đoán Xét. Con số mười tượng trưng cho sự trọn vẹn, vậy nên mười trinh nữ tượng trưng cho toàn thể nhân loại, hay có lẽ là mọi người theo Chúa Giê-su, vì tất cả mười cô đều được dự tiệc.

⁶⁵⁹ 25:1 Bạn có thể nói: “Khi Ta đến làm vua, sẽ giống như...”

⁶⁶⁰ 25:1 Chúa Giê-su đang kể một câu chuyện ngụ ngôn, không phải một câu chuyện thật.

⁶⁶¹ 25:1 Những trinh nữ này là những thiếu nữ chưa chồng có lẽ cùng một tuổi với cô dâu. Họ không phải là những cô gái nhỏ, nhưng theo phong tục của nhiều xứ họ vẫn được coi như là cô gái vì họ chưa có chồng. Một số bản dịch dùng “phụ dâu”, tức là, bạn thân của cô dâu. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ tiểu đề.

⁶⁶² 25:1 Một số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BDY, BCG) nghĩ rằng từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp nói đến các đèn dầu làm bằng đất sét. Tuy nhiên, đa số các học giả nghĩ rằng đây muốn nói đến đuốc (không phải đèn pin) thường được dùng cho những cuộc diễn hành/di chuyển vào ban đêm. Những đuốc này là những gậy dài đầu có bó vải thấm dầu để đốt cháy. Mỗi 15 phút cần phải thêm dầu vào đuốc để giữ cho nó tiếp tục cháy. Dường như trong những câu này nói đến đuốc. Hãy dùng từ nào cho thích hợp với câu chuyện.

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một số thiếu nữ cầm đuốc.

⁶⁶³ 25:1 Chúng ta không biết tất cả chi tiết về phong tục cưới gả của người Do Thái. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng mười trinh nữ/phụ dâu đi đến nhà chàng rể để chờ chàng rể và cô dâu từ nhà cha mẹ cô dâu đến để dự tiệc cưới. Tuy nhiên, một số học giả khác nghĩ rằng họ đến nhà của cha mẹ cô dâu và đợi chú rể đi từ nhà cha mẹ của anh ta đến đón dâu về nhà. Rồi thì mười trinh nữ/phụ dâu sẽ cùng đi với họ đến nhà chú rể để dự tiệc cưới.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo phong tục cưới gả của người Do Thái, thường là cha mẹ hai bên hứa gả con cho nhau. Kể từ lúc đó, hai người được coi như đã có gia đình. Sau nhiều tuần hay

trình nữ/phụ dâu là người ⁶⁶⁴{dại/vô ý ⇔ khôn khôn/tinh ý} và năm người kia thì khôn/tinh ý. **3** <Vì> các cô đại đem ^{GTK}đuốc/đèn dầu (nhưng) họ không mang theo ⁶⁶⁵dầu ((ô-liu)) dư (cho ^{GTK}đuốc/đèn) <với họ>, **4** ⁶⁶⁶trong khi năm cô khôn/tinh ý đem {(thêm) dầu trong ⁶⁶⁷bình đựng theo cùng với ^{GTK}đuốc/đèn của họ ⇔ ^{GTK}đuốc/đèn của họ cùng với bình đựng thêm dầu}. **5** <Rồi thì> (trong khi họ chờ chàng rể đến,) {chàng rể ⇔ anh ta} đến trễ (và) {tất cả bọn họ ⇔ tất cả những trình nữ/phụ dâu} buồn ngủ/mệt mỏi và ngủ thiếp đi.

6 “Rồi thì {đang giữa đêm ⇔ đến nửa đêm} {có một tiếng kêu lớn ⇔ (có người) kêu lớn}: ^{NGT}c<Hãy nhìn>/Kìa, chàng rể (đến kìa)! Hãy ra tiếp đón ⁶⁶⁸[anh ta]!” **7** <Rồi thì> tất cả các trình nữ/phụ dâu thức dậy và ⁶⁶⁹{cất tim/khêu/thấp ⇔ bắt đầu chuẩn bị} ^{GTK}đuốc/đèn của họ. **8** <Rồi thì> (các trình nữ/phụ dâu) đại {nói với ⇔ hỏi} các cô khôn/tinh ý: ‘(Xin) {hãy cho chúng tôi (một ít) dầu của các chị ⇔ chia một ít dầu của các chị với chúng tôi}, bởi vì ^{GTK670}đuốc/đèn của chúng tôi {sắp tắt (bởi vì chúng tôi hết dầu) ⇔ chỉ còn lại một ít dầu}.’ **9** Nhưng (các trình nữ/phụ dâu) khôn/tinh ý trả lời họ <nói>: ‘(Chúng tôi không thể làm như vậy được, bởi vì) ⁶⁷¹{chắc chắn sẽ không ⇔ [có thể không]} đủ cho {chúng tôi và các chị ⇔ tất cả chúng ta}. Tốt hơn hãy đi <tới những người bán (dầu) mua thêm dầu cho các chị.’ **10** (Vậy các cô đại bỏ đi mua dầu.) Nhưng trong khi {họ ⇔ các cô đại} đi <mua (dầu)>, chàng rể đến và {những cô còn lại ⇔ các trình

nhiều tháng chờ đợi rồi chàng rể sẽ đi đón cô dâu về nhà. Một đoàn người gồm có gia đình và bạn bè cùng đi với chàng rể để đón dâu, tiếp theo là một tiệc cưới ăn mừng kéo dài cả tuần lễ.

⁶⁶⁴ **25:2** Từ “dại” có nghĩa là các trình nữ này làm điều họ biết là sai, tức là, họ không khôn ngoan/nhạy cảm. Nó **không** có nghĩa là họ ngu dại hay thiếu thông minh. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “dại” trong Ma 7:26.

⁶⁶⁵ **25:3** Trong thời Tân Ước người ta dùng **dầu ô-liu** để làm dầu đốt đèn và đuốc, **không** phải dầu hôi hay dầu xăng. Tốt nhất có thể dùng từ tổng quát để nói về “dầu” có thể bao gồm cả dầu thực vật.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người ta dùng dầu ô-liu để đốt đèn và đuốc. Dầu này được ép từ trái ô-liu.

⁶⁶⁶ **25:4** Có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây nghe tự nhiên hơn và nói: “Các cô khôn /tinh ý...”

⁶⁶⁷ **25:4** Những **bình đựng** hay chai này được làm bằng đá hay đất sét, **không** phải bằng thủy tinh, kim loại hay nhựa plát-tít hay gỗ. Nhiều ngôn ngữ có từ tổng quát có thể dùng ở đây. Đối với một số ngôn ngữ tốt nhất là nên hàm ý “trong bình đựng/chai”, nhưng **không** nên làm người đọc hiểu lầm là dầu ở trên tay của các cô gái.

⁶⁶⁸ **25:6** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC) có “**anh ta**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và BDM, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

⁶⁶⁹ **25:7** Có lẽ các cô này tắt đuốc (hay đèn) trước khi họ ngủ. Khi họ tỉnh dậy, họ **xén** đuốc của họ, tức là, họ cắt bỏ phần vải đã cháy đen để cho đuốc cháy sáng hơn, và rồi họ chế thêm dầu và thấp đuốc lên. Nếu họ dùng **đèn dầu bằng đất sét**, họ phải khêu tim đèn, thêm dầu và đốt đèn lên.

⁶⁷⁰ **25:8** Phải biết chắc là bạn **không** đổi qua đổi lại từ “đuốc” sang “đèn bằng đất sét” trong các câu 1-8. Hãy chọn một từ thôi.

⁶⁷¹ **25:9** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC, BDY) có “**chắc chắn sẽ không đủ**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Văn Bản Đa Số) có “**có thể không đủ**”. BDM và BDY dùng “sợ không đủ...” hàm ý rằng “**có thể không đủ**”.

nữ/phụ dâu khôn/tinh ý} là những người có chuẩn bị/sẵn sàng đi ^{GTK672}vào (nhà) với chàng rể để dự tiệc cưới và cửa/cổng (của nhà) được đóng lại (và khoá) (sau lưng họ). **11** <Rồi thì> sau đó {các cô kia ⇔ ⁶⁷³các trinh nữ/phụ dâu ⁶⁷⁴dại} cũng đến (nhà) (và nói/gọi (chàng rể): ⁶⁷⁵{(Thưa) chủ, (thưa) chủ, ⇔ Anh ơi, anh ơi} (xin) {hãy mở (cửa) cho chúng tôi (vào với) ⇔ hãy cho chúng tôi vào}!’ **12** Nhưng (chàng rể) <đáp ứng> trả lời (họ): ^{GTK676}{A-men/Phải, (Tôi muốn làm như vậy lắm), (nhưng) tôi bảo các cô, ⇔ Thật tôi bảo các cô, ⇔ tôi bảo đảm với các cô rằng} ⁶⁷⁷{Tôi không biết các cô ⇔ các cô không phải là bạn của tôi}! (Vậy nên các cô không thể vào được! ⇔ Hãy đi đi!’ ”

13 ⁶⁷⁸(Rồi Chúa Giê-su nói với các môn đệ của Ngài,) “{Vì vậy ⇔ Cũng như vậy, các con nên} (luôn luôn) {tỉnh thức ⇔ chuẩn bị/sẵn sàng} (cho Ta ⇔ cho lúc (Ta), Con Người quang lâm/trở lại ⇔ cho sự quang lâm/trở lại của Ta), bởi vì các con không biết {ngày hay giờ ⇔ chính xác vào lúc nào} (Ngài/Ta sẽ quang lâm/trở lại).”

**25:14-30 {Câu Chuyện Ngụ Ngôn/Minh Họa Về Ba Người Đầy Tớ ⇔
Hãy Chuẩn Bị Giống Như Những Đầy Tớ Trung Tín/Vâng Lời}**

⁶⁷⁹*Lu-ca 19:11-27*

14 (Chúa Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su phán:) “{(Hãy coi chừng) bởi vì (khi Ta trở lại ⁶⁸⁰sẽ giống như) ⇔ (Hãy chuẩn bị/sẵn sàng cho sự quang lâm/trở lại của Ta,) bởi vì (nó sẽ giống như) ⇔ Một thí dụ khác về (khi Ta, Con Người, quang lâm/trở lại, là)}

-
- ⁶⁷² **25:10** Nếu bạn theo quan niệm các trinh nữ/phụ dâu đi với cô dâu và chàng rể về nhà trai (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở câu 1), tốt hơn dùng “**đi vào**” ở đây.
- ⁶⁷³ **25:11** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**các trinh nữ**” trong suốt câu chuyện ngụ ngôn này. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở câu 1.
- ⁶⁷⁴ **25:11** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**dại**” trong các câu 2, 3, 8, (10–11).
- ⁶⁷⁵ **25:11** “(Thưa) chủ/Anh ơi” được **lập lại** ở đây trong bản Hy-lạp để cho thấy các thiếu nữ này **thành thật** khi họ **nài nỉ** xin được vào trong nhà. Đối với một số ngôn ngữ sự lập lại có một ý nghĩa khác. Đối với một số ngôn ngữ sự thành thật được truyền thông bằng cách nói như sau: “{Ôi/Xin Chủ ⇔ Chúng tôi nài nỉ Chủ}”. Hãy làm điều gì tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn. **Không** nên làm người đọc hiểu là các thiếu nữ giận dữ hay mắng chửi chàng rể.
- ⁶⁷⁶ **25:12** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**A-men**” ở Ma 5:18.
- ⁶⁷⁷ **25:12** Ý nghĩa của nhóm từ “**tôi không biết các cô**” tương tự với “Ta chưa bao giờ biết các người”, tìm thấy ở trong Ma 7:23. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.
- ⁶⁷⁸ **25:13** Nên làm cho rõ là chàng rể không còn nói với các cô thiếu nữ nữa, nhưng Chúa **Giê-su** đang bảo các môn đệ của Ngài áp dụng câu chuyện ngụ ngôn/câu chuyện với họ như thế nào. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “**Vì vậy,**” (Chúa Giê-su tiếp tục/nói:) “(Luôn luôn) coi chừng...”
- ⁶⁷⁹ (Tiểu Đề) **LỜI CHÚ THÍCH** được **đề nghị**: Có quá nhiều sự khác biệt giữa câu chuyện ngụ ngôn này và câu chuyện ở trong Lu-ca 19:11–27 đến nỗi nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó không phải là cùng một câu chuyện ngụ ngôn, nhưng là một câu chuyện ngụ ngôn tương tự mà Chúa Giê-su đã kể vào một dịp khác.
- ⁶⁸⁰ **25:14** Bạn có thể nói là “**Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời sẽ giống như...**” hay “**cách Đức Chúa Trời cai trị con người sẽ giống như...**”

681 (câu chuyện ngụ ngôn/câu chuyện về) một người giàu có (sấp) đi xa. (Trước hết ⇔ Trước khi ông ta đi,) ông ^{NTT} gọi các đầy tớ của ông lại và ^{NTT}**682** {giao cho họ (đầu tư/quản trị) ⇔ bảo họ đầu tư/quản trị} (một số) **683** tài sản/tiền bạc của ông (trong khi ông đi vắng). **15** <Và> ông **684** {cho ⇔ giao cho} một người đầy tớ năm **685** ta-lâng/túi (tiền/bạc) (để đầu tư/quản trị cho ông ta), và ông {cho ⇔ ông giao cho} (người thứ hai) coi sóc hai **686** (ta-lâng/túi tiền/bạc) (để đầu tư/quản trị), và ông {cho ⇔ ông giao cho} (người thứ ba) một (ta-lâng/túi tiền/bạc) (để đầu tư/quản trị). **687** (Ông cho) mỗi người {tùy theo khả năng của họ ⇔ số tiền mà họ có khả năng để đầu tư/quản trị}. Rồi ông lên đường. **16** ^{GTK}**688** Lập tức (người đầy tớ) {đã nhận ⇔ đã được giao cho} năm ta-lâng/túi (tiền/bạc) đi ra (và {làm ăn với ⇔ đầu tư} {chúng ⇔ số tiền} và ông ta làm lợi được năm ta-lâng/túi khác. **17** **689** Cũng như vậy, (người đầy tớ) nhận được hai (ta-lâng/túi tiền/bạc) **690** [cũng] làm lợi được hai (ta-lâng/túi) khác. **18** Nhưng {(người đầy tớ) nhận được một (ta-lâng/túi) ⇔

681 **25:14** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**câu chuyện ngụ ngôn**” qua suốt sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (7:13), 13:3, 10, 13, 18, 24, 31, 33–36, (51), 53; 15:15, (18:35), 21:(28), 33, 45; 22:1, 24:32, (25:1, 14). Cũng hãy xem tiểu đề ở 7:24, qua suốt chương 13, và ở 18:10, 21, 19:30, 21:28, 33; 22:1, 24:45, (25:1, 14). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở tiểu đề của Ma 13:1.

682 **25:14** Người giàu có này **không** cho các đầy tớ tiền để giữ hay để tiêu hay để ban cho người khác. Ông cho tiền những người đầy tớ này để họ **đầu tư** cho ông, tức là, họ phải dùng số tiền ấy sinh lợi ra cho ông ta.

683 **25:14** Mặc dù từ dùng ở đây ở trong bản Hy-lạp có thể dùng để nói đến đất đai, của cải và tiền bạc, phần còn lại của câu chuyện nói về tiền bạc, vậy có lẽ tốt hơn nên dùng “**tiền**” ở đây.

684 **25:15** Như ở trong câu 14, người giàu có **cho** tiền cho những đầy tớ để họ **đầu tư** cho ông, **không** phải để cất giữ.

685 **25:15** Người giàu có giao cho các đầy tớ coi sóc một số lớn tiền **bạc** (các câu 18, 27). Một **ta-lâng** trị giá hơn 15 năm tiền lương trung bình của một người. Một số bản dịch dùng “túi **vàng**” trong suốt tiểu đoạn này, bởi vì tiền bằng bạc trị giá rất ít trong địa bàn của ngôn ngữ đó. Ý chính ở đây là người giàu có này đã cho người đầy tớ đầu tiên **năm** lần hơn là số tiền ông ta cho người đầy tớ thứ ba và ông ta đã cho người thứ hai **hai** lần nhiều hơn là người đầy tớ thứ ba. Điều đó quan trọng hơn là nói chính xác trị giá của số tiền mỗi người nhận được. Hãy xem một **LỜI CHÚ THÍCH** khác về cách chuyển ngữ tiền bạc ở Ma 18:24.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người giàu có đặt các đầy tớ của ông coi sóc những số tiền lớn. Một {ta-lâng ⇔ túi tiền/bạc} trị giá nhiều hơn 15 năm tiền lương trung bình của một người, vậy nên năm ta-lâng trị giá hơn 75 năm tiền lương.

686 **25:15** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “**ta-lâng**” qua suốt tiểu đoạn này. **Đừng** đổi từ túi tiền qua ta-lâng qua đô-la.

687 **25:15** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu để câu nói tổng quát “**(Ông ta cho) mỗi người theo khả năng của họ**” trước ở trong câu 15 trước khi nói ông ta cho mỗi đầy tớ bao nhiêu tiền.

688 **25:16** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) để “**lập tức**” với phần trước của câu 15 và nói: “Rồi ông **lập tức** lên đường. **16** [Rồi thì] người đầy tớ nhận được năm ta-lâng...” Tuy nhiên, BDM, BDC, BCG, và BDY theo bản Hy-lạp (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) để “**lập tức**” với phần mở đầu của câu 16.

689 **25:17** Bạn có thể nói: “Rồi thì người đầy tớ đã nhận hai (ta-lâng/túi tiền/bạc) (**cũng làm**) như vậy (giống như người đầy tớ thứ nhất) (nên) anh ta [cũng]...”

690 **25:17** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG, BDY) có “**cũng**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có, nhưng hàm ý.

người đầy tớ thứ ba} đi (và) đào một cái lỗ dưới đất và giấu/chôn {bạc/tiền của chủ xuống ⇔ nó} (để nó được an toàn).

19 “<Rồi thì> sau đó khá lâu, chủ của những người đó/người đầy tớ trở về {tính sổ với họ ⇔ và bảo các đầy tớ ^{NTT} phúc trình/cho ông ta thấy ^{NTT} họ đã đầu tư/quản trị tiền của ông ta như thế nào ⇔ và ^{NTT} gọi các đầy tớ lại để xem mỗi người kiếm được bao nhiêu tiền cho ông ta}. 20 Vậy (người đầy tớ) {đã nhận ⇔ được giao cho} năm ta-lâng/túi (tiền/bạc) đến với (ông ta ⇔ chủ của mình) (và) đem {năm ta-lâng/túi khác ⁶⁹¹ (cùng với năm ta-lâng/túi vốn) ⇔ mười ta-lâng/túi ⇔ gấp đôi số tiền ấy}, (và) nói (với ông): ‘(Thưa) Chủ/Ngài, ông đã giao cho tôi năm ta-lâng/túi (tiền/bạc). <Hãy nhìn/Kìa,> (đây là) năm ta-lâng/túi khác mà tôi đã làm lợi ra (cho ông).’ 21 Người chủ nói với anh ta: ‘Tốt lắm! (Anh là) đầy tớ tốt/vâng lời và trung tín/đáng tin cậy! (Vì) anh đã trung tín/đáng tin cậy với {một (số tiền) nhỏ ⇔ trách nhiệm/công việc tương đối nhỏ/không quan trọng}, ta sẽ {đặt anh coi sóc ⇔ giao cho anh} {một (số tiền) lớn hơn ⇔ trách nhiệm/công việc quan trọng hơn}. Hãy vào ⁶⁹² chung vui với chủ anh.’

22 “⁶⁹³[Rồi thì] (người đầy tớ) (đã nhận ⇔ được giao cho) hai ta-lâng/túi cũng đến với (ông ta ⇔ chủ của mình) (và) nói (với ông): ‘(Thưa) Chủ/Ngài, ông đã giao cho tôi hai ta-lâng/túi (tiền/bạc). <Hãy nhìn/Kìa,> (đây) là hai ta-lâng/túi khác mà tôi đã làm lợi ra (cho ông).’ 23 Ông chủ của anh ta nói: ‘Tốt lắm! (Anh là một) đầy tớ tốt/vâng lời và trung tín/đáng tin cậy. (Vì) anh đã trung tín/đáng tin cậy với {một (số tiền) nhỏ ⇔ trách nhiệm/công việc tương đối nhỏ không quan trọng}, ta sẽ {đặt anh coi sóc ⇔ giao cho anh} {một (số tiền) lớn hơn ⇔ trách nhiệm/công việc quan trọng hơn}. Hãy vào chung vui với chủ anh.’

24 “Sau hết, (người đầy tớ) {đã nhận ⇔ được giao cho} một ta-lâng/túi cũng đến với (chủ của mình) (và) nói (với ông ⇔ với chủ mình): ‘(Thưa) Chủ/Ngài, tôi biết chủ là một (thương gia) hà khắc/nghiêm nghị, ⁶⁹⁴{gặt chỗ mình không gieo và thu chỗ mình không rải/trồng ⇔ ông giống như một người mong đợi gặt mùa màng chỗ người khác gieo hạt giống ⇔ ông mong đợi được lợi từ công việc của người khác}. 25 Vì vậy (tôi) sợ ⁶⁹⁵(ông sẽ trừng phạt tôi nếu tôi làm mất tiền của ông) (và vì vậy tôi) <đã đi> {giấu ta-lâng/tiền của ông dưới đất ⇔ chôn tiền của ông} (để giữ cho an toàn). {<Hãy nhìn/Kìa,> ông có tiền thuộc về ông. ⇔ Đây là tiền của ông.}’ 26 Nhưng chủ của anh ta <trả lời>: ‘{(Anh

⁶⁹¹ 25:20 Có lẽ người đầy tớ đầu tiên cũng đem năm ta-lâng/túi tiền/bạc vốn đến cho chủ cùng với năm ta-lâng anh ta sinh lợi ra (hãy xem câu 28).

⁶⁹² 25:21 Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng “chung vui” ở đây nói đến việc dự tiệc.

⁶⁹³ 25:22 Đa số các bản thảo chính Hy-lạp (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS] và Văn Bản Đa Số) có “Rồi thì” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và BDM, BDC, BCG, BDY) không có.

⁶⁹⁴ 25:24 Người đầy tớ cũng nói về việc trồng và gặt bằng hai cách khác nhau. Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH ở Ma 4:23.

⁶⁹⁵ 25:24 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ điều mà người đầy tớ sợ. Đối với các ngôn ngữ khác thông tin này có thể để hàm ý hay để trong một LỜI CHÚ THÍCH.

là) một dây tơ gian ác ⇔ Anh là người không vâng lời} và lười biếng!^{CH696} {Anh đã biết ⇔ Anh nói/nghĩ} {rằng ta gạt chỗ mình không gieo và thu chỗ mình không ^{GTK697} rãi/trồng ⇔ rằng ta giống như người mong thu mùa màng nơi người khác gieo hạt giống ⇔ rằng ta mong đợi được lợi từ công việc của người khác}?! **27** Vậy thì anh ^{TVST698} nên (ít nhất) đem bạc/tiền của ta vào ngân hàng để khi ta về/trở lại ta ^{TVST} sẽ thu được tiền của ta với tiền lời!’ **28** (Rồi người giàu có nói với một số ⁶⁹⁹ đây tớ khác của ông ta: ‘<Vậy ⇔ Bởi vì người đây tớ này không trung tín,> hãy lấy ta-làng/túi (tiền/bạc) của nó đi và đem cho người đây tớ ⁷⁰⁰ có mười ⁷⁰¹ ta-làng/túi. **29** Vì ⁷⁰² ai {có ⇔ đã làm được lợi cho ta ⇔ phục vụ ta cách trung tín} {được cho ⇔ ta sẽ cho} (thêm để quản trị ⇔ thêm trách nhiệm/công việc quan trọng) và người sẽ {được thịnh vượng ⇔ có dư dật}, nhưng ai {không có ⇔ không làm lợi gì hết ⇔ không hầu việc ta cách trung tín}, ngay cả {cái ⇔ chút ít} họ có (để quản trị) {sẽ bị lấy đi ⇔ ta sẽ lấy} đi khỏi nó. **30** <Và/Cũng> hãy ném đây tớ vô dụng/không trung tín này ⁷⁰³ ra ngoài nơi tối tăm, là nơi (nó sẽ bị trừng phạt đến nỗi) {sẽ có khóc lóc và nghiến răng ⇔ nó sẽ khóc lóc cách cay đắng và nghiến răng (trong đau đớn) ⇔ nó sẽ khóc và chịu đau đớn kinh khủng}.’

25:31-46 {⁷⁰⁴ Ngày Đoán Xét ⇔

(Chúa) Giê-su Nói Về Cách Ngài Sẽ Đoán Xét Người Ta/Mọi Người ⇔
Cách/Ngày Đấng Cứu Thế Sẽ Đoán Xét Mọi Người}

31 ⁷⁰⁵ <Rồi thì> khi {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} ⁷⁰⁶ đến {trong ⁷⁰⁷ sự vinh quang/quyền năng của Ngài/Ta ⇔ như một vị vua lớn} {và tất cả ⁷⁰⁸ thiên sứ

⁶⁹⁶ **25:26** Trong bản Hy-lạp **không** nói là người chủ có thật là một thương gia hà khắc hay không. Có lẽ người chủ **không** đồng ý với người đây tớ, nhưng ông ta dùng lời của người đây tớ để cho thấy rằng người đây tớ này không tin cậy được. Bạn có thể nói: “(Nếu) anh đã biết/nghĩ rằng ta...:27 thì anh nên ...”

⁶⁹⁷ **25:26** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “rãi” trong câu 24.

⁶⁹⁸ **25:27** Câu 27 là một câu tuyên bố **trái-với-sự-thật**. Nó hàm ý rằng người đây tớ **không** đem gửi tiền của chủ cho nhà băng để khi trở về người chủ thu lại tiền mà không có tiền lời.

⁶⁹⁹ **25:28** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ người chủ đang nói chuyện với **ai** trong các câu 28–30. Có lẽ ông ta chỉ nói với một số những đây tớ mà ông ta không giao tiền cho.

⁷⁰⁰ **25:28** Các đây tớ **chưa** đưa tiền của chủ và tiền họ làm lợi được cho ông ta. Hãy chắc chắn nói điều này cho rõ ở trong các câu 20 và 22.

⁷⁰¹ **25:28** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “ta-làng” qua suốt tiểu đoạn này trong các câu 5–18, 20, 22, 24, 25, 28.

⁷⁰² **25:29** Vì câu tuyên bố này áp dụng cho nhiều người, đối với một số ngôn ngữ cần phải dùng thể số nhiều và nói: “<Vì> **những người** đã... và **họ** sẽ được thịnh vượng, nhưng **những người** không có... ngay cả {điều ⇔ một số ít} **họ** có (để quản trị) {sẽ bị lấy đi ⇔ Ta sẽ lấy đi} khỏi **họ**.”

⁷⁰³ **25:30 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đôi khi người Do Thái dùng “tối tăm” để nói đến địa ngục.

⁷⁰⁴ (Tiểu Đề) Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “Ngày Đoán Xét” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (7:22), (8:11, 29); 10:15, (32–33); 11:22, 24; 12:36, 41–42; (13:39, 40, 49); và tiểu đề ở 25:31. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 7:22.

[thánh] ⁷⁰⁹ (của Ngài/Ta) sẽ đến với Ngài/Ta ⇔ với tất cả thiên sứ [thánh] (của Ngài/Ta)}, <bấy giờ> Ngài/Ta sẽ ngồi trên ⁷¹⁰ {ngai vinh quang của Ngài/Ta (để đoán xét/cai trị mọi người) ⇔ ngai (để đoán xét/cai trị tất cả mọi người) với thẩm quyền của Đức Chúa Trời},/. **32** <và>/<Rồi thì> tất cả mọi dân tộc sẽ được triệu tập ⁷¹¹ đứng trước mặt Ngài/Ta. Rồi Ngài/Ta sẽ phân chia ⁷¹² họ/tất cả mọi người ra làm hai nhóm giống như một ⁷¹³ người chăn chiên ⁷¹⁴ phân chia chiên ra khỏi dê. **33** <Và> Ngài/Ta sẽ để ⁷¹⁵ {chiên/người công chính ⇔ những người đi theo/vâng lời Ngài/Ta} ở ⁷¹⁶ phía bên phải Ngài/Ta và {dê/những kẻ gian ác ⇔ những người không đi theo/vâng lời Ngài/Ta} ở ⁷¹⁷ phía bên trái của Ngài/Ta.

34 “Rồi thì (Ta là,) Vua sẽ nói với những người ở bên phải của Ngài/Ta: ⁷¹⁸ {(Các con) ⁷¹⁹ những người được phước của Cha Ta (Đức Chúa Trời) ⇔ (Đức Chúa Trời) Cha Ta

⁷⁰⁵ **25:31** Hãy coi lại **cách bạn bắt đầu** mỗi tiểu đoạn trong các chương 24–25. Hãy xem 24:15, 23, 29, 32, 36, 45; 25:1, 14, 31.

⁷⁰⁶ **25:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đa-ni-ên 7:13–14 nói tiên tri rằng Con Người sẽ đến và cai trị dân sự của Đức Chúa Trời cho đến đời đời.

⁷⁰⁷ **25:31** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**vinh quang**” trong sách Ma-thi-ơ. Nó nói đến sự thịnh vượng và giàu có ở trong Ma 4:8 và 6:29. Nó nói đến Đức Chúa Trời ở trong Ma 6:13, 16:27, 24:30, 25:31. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 16:27.

⁷⁰⁸ **25:31** Một số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDC, BDY) có “**thánh**” ở đây. Tuy nhiên, đa số các bản thảo (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BCG) **không** có.

⁷⁰⁹ **25:31** Nếu cần phải nói rõ các thiên sứ này **của ai**, chúng ta được biết từ Ma 13.41, 16.27 và 24.31 rằng những thiên sứ này là thiên sứ của Con Người/Chúa Giê-su.

⁷¹⁰ **25:31** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**trên ngai vinh hiển của Ngài/Ta**” trong Ma 19:28, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở đó. Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Ngai**” trong Ma 5:34, 19:28, (20:21, 23), 23:22, 25:31.

⁷¹¹ **25:32** Chúng ta biết từ Ma 24:31 rằng **các thiên sứ** là người sẽ tụ tập các dân tộc lại trước mặt Chúa Giê-su.

⁷¹² **25:32** “**họ**” ở đây nói đến mọi người, **không phải** các dân tộc.

⁷¹³ **25:32** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**người chăn chiên**” ở Ma 2:6.

⁷¹⁴ **25:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các môn đệ của Chúa Giê-su biết rằng mỗi tối các người chăn chiên phân chia chiên với dê ra hai nhóm khác nhau vì dê cần chỗ ấm hơn để ngủ. Cũng cần phải biết rằng người Do Thái coi chiên có giá trị hơn là dê.

⁷¹⁵ **25:33** Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, hãy để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**. Trong câu 37 “chiên” nói đến “người công chính”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su không nói đến chiên và dê theo nghĩa đen, nhưng chúng tượng trưng cho hai loại người, chiên tượng trưng cho người công chính/tín hữu và dê tượng trưng cho người không công chính/không tin Chúa.

⁷¹⁶ **25:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Vị trí ở bên phải của Vua (trong trường hợp này là Chúa Giê-su) là chỗ tối danh dự và có nhiều thẩm quyền nhất.

⁷¹⁷ **25:33** Phải nói rõ trong suốt tiểu đoạn này là Chúa Giê-su đang nói đến **chính Ngài**. Hãy nhất quán trong việc chọn ngôi thứ ba (“Ngài/của Ngài”) hay ngôi thứ nhất (“Ta/của Ta”).

⁷¹⁸ **25:34** Nên nói rõ là **tất cả** những người ở bên phải của Vua đều được ban phước, **không phải** chỉ có một số người.

đã ban phước cho các con}, hãy đến (đến/và) ⁷²⁰{thừa hưởng Nước ⇔ sống dưới sự cai trị của Đức Chúa Trời/Ngài} trong chỗ đã được sắm sẵn cho các con (bởi Ngài ⇔ bởi Cha Ta) {từ ⇔ kể từ khi} ⁷²¹{sáng tạo/khởi đầu ⇔ lúc Ngài tạo nên} thế giới. **35** (Đó là phần thưởng của các con,) ⁷²²bởi vì (khi) Ta đói, các con cho ta ăn, ⁷²³Ta khát, các con cho ta uống, khi Ta là khách lạ, các con tiếp đón Ta, **36** (Ta) ⁷²⁴{trần truồng ⇔ ăn mặc rách rưới ⇔ cần có quần áo} các con ⁷²⁵{mặc cho Ta ⇔ cho/cung cấp quần áo cho Ta mặc}, Ta đau ốm các con {chăm sóc Ta ⇔ giúp đỡ Ta}, Ta ở tù các con đến ⁷²⁶(thăm viếng/giúp đỡ) Ta.’

37 Rồi thì {những người công chính ⇔ những người (phục vụ Đức Chúa Trời và) làm điều đúng/tốt ⇔ những người sống theo ý muốn Đức Chúa Trời ⇔ họ} sẽ {hỏi ⇔ trả lời cho} {Ngài/Ta ⇔ Vua} <nói rằng>: ^{CH}“⁷²⁷(Thưa) Chúa, (có khi nào) chúng tôi thấy Chúa đói mà cho ăn, hay khát mà cho uống đâu? ⇔ (Thưa) Chúa, chúng tôi không nhớ là đã cho Chúa ăn hay uống.” **38** ^{CH}728 <Và> (có khi nào) chúng tôi thấy Chúa là khách lạ mà tiếp đãi (Chúa) (vào nhà chúng tôi), hay (thấy Chúa) {trần truồng ⇔ ăn mặc rách rưới ⇔ cần quần áo} mà {mặc cho (Chúa) ⇔ cho/cung cấp quần áo cho (Chúa) mặc} đâu? **39** <Và> ^{CH}{(có khi nào) chúng tôi thấy Chúa đau ốm hay bị tù mà đến (thăm viếng/giúp đỡ) Chúa đâu? ⇔ chúng tôi không nhớ là đã thăm viếng/giúp đỡ Chúa khi Chúa đau ốm

⁷¹⁹ **25:34** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**phước**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:3–11 và tiểu đề, 11:6, 13:16, 16:17, 24:46, 25:34. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 5:3. Trong Ma 21:9 và 23:39 từ này có thể có nghĩa là “ngợi khen”. Trong Ma 14:19 và 26:26 nó có nghĩa là “khen ngợi/cảm tạ (Đức Chúa Trời vì)”. Cũng coi lại cách bạn chuyển ngữ “**phước**” trong Ma [5:44], (10:12–13), (13:12), (19:13, 15) và tiểu đề. Và coi lại “**phước hạnh**” trong Ma (10:8, 13), (11:11), (19:29), (22:14).

⁷²⁰ **25:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thừa hưởng**” trong Ma 19:29, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁷²¹ **25:34** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**sáng tạo thế giới**” trong Ma 13:35.

⁷²² **25:35** Trong một số ngôn ngữ thường thường để lý do trước kết quả nghe tự nhiên hơn. Thí dụ, có thể trong những ngôn ngữ đó để các câu 35–36 trước phần cuối của câu 34 nghe tự nhiên hơn, “(Các con) những người được (Đức Chúa Trời) Cha Ta ban phước, (khi) ta đói các con... **36** ... (thăm viếng/giúp đỡ) Ta. **Vì vậy** hãy đến (đến/và) thừa hưởng Nước đã được chuẩn bị sẵn cho các con từ khi sáng tạo thế giới.” Cũng có thể làm như vậy để sắp đặt các câu 42–43 trước phần cuối của câu 41.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Danh sách của những việc nói đến trong các câu 35–36 không phải là một danh sách đầy đủ, nhưng tượng trưng cho một số cách giúp đỡ khác nhau cho những người cần được giúp đỡ. Những người này không được cứu bởi vì điều họ đã làm, nhưng họ được cứu bởi vì họ tin cậy nơi Chúa Giê-su (Ê-phê-sô 2.8–10). Những điều họ làm chứng tỏ là họ có đức tin (Ma 7.17–20; Ga-la-ti 5.6, Gia-cơ 2.17, 26).

⁷²³ **25:35** Một số bản dịch bắt đầu các câu **mới** ở chỗ có dấu phẩy trong các câu 35–36.

⁷²⁴ **25:36** Trong ngữ cảnh này “**trần truồng**” là cách nói phóng đại để chỉ “không có đủ quần áo mặc”.

⁷²⁵ **25:36** Chuyển ngữ “**mặc cho Ta**” không nên hàm ý là người công chính mặc quần áo vào cho Chúa Giê-su, nhưng mà là họ cung cấp quần áo cho Chúa để Ngài tự mặc lấy.

⁷²⁶ **25:36** Phải chắc chắn là **không** làm người đọc hiểu là người công chính đến để giúp Chúa Giê-su vượt ngục.

⁷²⁷ **25:37** Đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ Chúa **của ai** và nói “**Chúa (của chúng ta)**”.

⁷²⁸ **25:38** Bạn có thể nói: “<Và> chúng tôi **không nhớ** đã tiếp đón Chúa (vào nhà chúng tôi) như là khách lạ, hay cung cấp quần áo cho Chúa.”

hay bị tù!’ 40 Rồi thì ⁷²⁹(Ta, là) Vua sẽ ⁷³⁰{trả lời <(và) nói với> ⇔ phán với} họ:
 ‘^{GTK731}{A-men/Phải, (các con nói đúng,) (nhưng) Ta bảo các con, ⇔ Thật Ta bảo các con,
 ⇔ Ta bảo đảm với các con rằng} hễ khi nào các con làm (bất cứ điều gì) cho ^{GTK732}(một
 người trong những anh chị em của Ta ở đây, ⇔ bất cứ ai,) (ngay cả) {một trong những
 <anh chị em của Ta> là người ít quan trọng nhất ⇔ một người mà người ta coi là không
 quan trọng}, các con (cũng) làm điều ấy cho Ta.’

41 ⁷³³“Nhưng rồi ⁷³⁴Ngài/Ta/Vua sẽ nói với những người ở bên trái của Ngài/Ta:
⁷³⁵{(Các người) những kẻ bị (Đức Chúa Trời Cha Ta) rửa sả ⇔ Đức Chúa Trời đã rửa sả
 các người}, hãy lui ra khỏi Ta (và đi) vào {lửa đời đời ⇔ lửa không bao giờ tắt ⇔ lửa
 cháy đời đời} {đã được sửa soạn (bởi Cha Ta) ⇔ Cha Ta đã sửa soạn} {cho ⇔ để trừng
 phạt} quý vương và các quý sứ của nó! 42 (Đó là sự trừng phạt của các người,) ⁷³⁶bởi vì
 (khi) Ta đói các người không cho Ta ăn, ⁷³⁷Ta khát các người không cho Ta uống, 43 Ta
 là khách lạ nhưng các người không tiếp đãi Ta (vào nhà các người), (Ta) {trần truồng ⇔
 ăn mặc rách rưới ⇔ cần quần áo} nhưng các người không {mặc cho Ta ⇔ cho/cung cấp
 quần áo cho Ta mặc}, (Ta) đau ốm và bị tù các người không {chăm sóc ⇔ giúp đỡ} Ta.’

44 “Rồi thì {họ ⇔ những người gian ác ⇔ những người ở bên trái Ngài/Ta} <cũng>
 sẽ ⁷³⁸{hỏi (Ngài/Ta) ⇔ trả lời} <nói>: ⁷³⁹{(Thưa) Chúa, ⇔ (Chúa nói thế có nghĩa là gì),
 (thưa) Chúa?} ^{CH}{(có khi nào) chúng tôi thấy ⇔ chúng tôi không bao giờ thấy ⇔ chúng
 tôi không nhớ là có bao giờ thấy} Chúa đói hay ⁷⁴⁰khát hay là khách lạ hay ⁷⁴¹{trần truồng

⁷²⁹ 25:40 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “Vua” trong câu 34.

⁷³⁰ 25:40 Hãy chắc chắn là **công thức trích dẫn** ở đây và trong câu 37 thích hợp với ngữ cảnh.

⁷³¹ 25:40 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” trong Ma 5:18.

⁷³² 25:40 Đa số các học giả nghĩ rằng trong ngữ cảnh này “**các anh chị em**” nói đến các anh chị em về
 phần **thuộc linh**, tức là, những người đi theo Chúa. Tuy nhiên, một số học giả cho rằng nó đề cập đến
tất cả mọi người, ngay cả những người không tin Chúa Giê-su.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là quan trọng khi Chúa Giê-su nói đến các người theo Ngài
 như là anh chị em của Ngài. Kết quả của sự chết và sống lại của Chúa Giê-su, một quan hệ mới được
 thành lập giữa Đức Chúa Trời và loài người—những người đi theo Chúa Giê-su trở thành anh chị em
 của Chúa Giê-su và là con cái của Đức Chúa Trời. Thật là tuyệt diệu!

⁷³³ 25:41 So sánh các từ giống nhau ở trong câu 41–45 với các câu 34–40.

⁷³⁴ 25:41 Một lần nữa, nên chắc chắn là người đọc hiểu rõ rằng Chúa Giê-su đang nói về **chính Ngài**.
 Trong câu 40 Ngài nói đến chính Ngài như là “Vua”.

⁷³⁵ 25:41 Nên nói rõ là **tất cả** những người ở bên trái của Vua đều bị rửa sả, **không** phải chỉ có một số
 người.

⁷³⁶ 25:42 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 35 về việc thay đổi **thứ tự** các câu 41–43.

⁷³⁷ 25:42 Hãy xem cách bạn chấm phẩy các câu 35–36, tương tự như các câu 42–43.

⁷³⁸ 25:44 Phải chắc chắn là **công thức trích dẫn** trong các câu 37, 40 và 44 thích hợp với ngữ cảnh.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: So sánh với sự trả lời của người công chính trong các câu 37–39, sự trả
 lời của các người không công chính trong câu 44 ngắn hơn và kém lễ phép.

⁷³⁹ 25:44 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **Chúa** trong câu 37 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁷⁴⁰ 25:44 Đối với một số ngôn ngữ cần phải **lập lại một số từ** và nói: “...hay (có khi nào chúng tôi thấy
 Chúa) khát, hay (Chúa là) khách lạ, hay...”

⇔ ăn mặc rách rưới ⇔ cần quần áo} hay đau ốm hay bị tù mà không phục vụ/giúp đỡ Chúa?/!’ 45 Rồi Ngài/Ta/Vua sẽ trả lời họ <nói>: ‘^{GTK742}{A-men/Phải, (các người nói đúng,) (nhưng) Ta bảo các người, ⇔ Thật Ta bảo các người, ⇔ Ta bảo đảm với các người rằng} hễ khi nào các người {không làm (một điều nào trong những điều đó) cho ⇔ từ chối giúp đỡ} ^{GTK743}(một người nào trong các anh chị em của Ta ở đây, ⇔ bất cứ người nào,) (ngay cả) {một trong <những anh chị em của Ta> là người ít quan trọng nhất ⇔ người mà người ta coi là không quan trọng}, các người (cũng) {đã không làm điều đó cho Ta ⇔ đã từ chối giúp đỡ Ta}.’ 46 Rồi {họ ⇔ những người gian ác ⇔ những người không vâng lời/phục vụ Đức Chúa Trời} sẽ lia (Ngài/Ta ⇔ Vua) {(để đi) vào (chỗ của) sự trừng phạt đời đời ⇔ bị trừng phạt đời đời}, nhưng {(người) ⁷⁴⁴công chính ⇔ những người vâng lời/phục vụ Đức Chúa Trời ⇔ những người sống theo ý muốn của Đức Chúa Trời ⇔ những người có một quan hệ đúng với Đức Chúa Trời} (sẽ) {(đi) vào (chỗ của) ⁷⁴⁵sự sống đời đời ⇔ sống đời đời} (với Ngài/Ta/Vua).”

26:1-5 Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Âm Mưu/Lên Kế Hoạch Giết (Chúa) Giê-su

Mác 14:1-2; Lu-ca 22:1-2; Giăng 11:45-53

26 1 Khi (Chúa) Giê-su (dạy dỗ) xong tất cả những điều đó (cho các môn đệ của Ngài), Ngài bảo họ: 2 “{Các con biết rằng ⇔ Như các con biết,} còn hai ngày nữa đến ⁷⁴⁶(Lễ) ⁷⁴⁷Vượt Qua. {<Và> ⇔ Vào lúc đó} {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} sắp/sẽ bị {giao nộp cho (kẻ thù của Ngài/Ta) ⇔ phản bội (bị giao vào

⁷⁴¹ 25:44 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “trần truồng” trong các câu 36, 38 và 43. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở câu 36.

⁷⁴² 25:45 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

⁷⁴³ 25:45 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “anh chị em” trong câu 40, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁷⁴⁴ 25:46 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “công chính” và “sự công chính” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:19, (**LỜI CHÚ THÍCH** ở 3:12), 3:15; 5:6, 10, 20, 45; 6:1, 33; 9:13, 10:41, (12:18, 20, 35, 37); 13:17, 43, 49; 21:32, 23:(5, 14, 25), 28–29; 25:(33), 37, 46. Nhiều bản dịch có “vô tội” trong Ma 23:35 and 27:19, [24]. So sánh từ đó với cách bạn chuyển ngữ “công lý” trong Ma 12:18, 20; 23:23 và “tuyên xưng là công chính” trong Ma 11:19 và 12:37.

⁷⁴⁵ 25:46 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “đời đời” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (3:12), (4:4, 16), (7:13), 14; (10:39), (16:25–26), 18:8, (9, 14); 19:16 và tiểu đề, 19:(17, 20, 23, 25), 29; 25:41, 46. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “sự sống đời đời” ở Ma 7:14.

⁷⁴⁶ 26:2 Chuyển ngữ “Lễ” không nên hàm ý là ăn uống thừa thãi, phung phí. Trong ngày lễ không phải chỉ có ăn uống mà thôi.

⁷⁴⁷ 26:2 Không nên làm người đọc hiểu lầm Lễ Vượt Qua là Lễ Phục Sinh.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lễ Vượt Qua là lễ mà người Do Thái tổ chức để ăn mừng vì Đức Chúa Trời đã giải phóng các tổ phụ của họ khỏi ách nô lệ tại Ai-cập hồi xưa trong thời của Môi-se. Lễ Vượt Qua đặc biệt nhắc đến lúc tử thần vượt qua khỏi những nhà có bôi huyết chiên lên trụ cửa tại Ai-cập. Tử thần không giết con đầu lòng của những nhà đó, nhưng giết con đầu lòng của những nhà không có bôi huyết chiên trên trụ cửa (Xuất 12). Lễ này được cử hành mỗi năm. Người Do Thái từ các nước về cùng dự lễ này tại Giê-ru-sa-lem.

tay/sự điều khiển của các kẻ thù của Ngài/Ta)} {để bị ⁷⁴⁸đóng đinh trên thập tự giá ⇔ là người sẽ xử tử/giết Ngài/Ta bằng cách đóng đinh Ngài/Ta trên thập tự giá}.”

3 {Lúc ấy ⇔ Cùng ngày đó, ⇔ Vào lúc đó,} ⁷⁴⁹các thầy thượng tế và các trưởng lão khác của dân Do Thái tụ họp tại dinh/nhà của thầy trưởng tế, tên là ⁷⁵⁰Cai-pha. 4 <Và>/Ở đó họ ^{NTT}lên kế hoạch {để tìm cách lừa và bắt giam (Chúa) Giê-su ⇔ để lừa (Chúa) Giê-su để họ có thể bắt Ngài ⇔ để âm thầm bắt giam (Chúa) Giê-su} và ⁷⁵¹(kết tội và) giết/xử tử Ngài. 5 ⁷⁵²Nhưng họ nói (với nhau): ^{NGT}“(Chúng ta không được/không nên) (làm) ^{GTK}⁷⁵³{trong ngày lễ (là lúc có nhiều người ở chung quanh) ⇔ giữa/trước mặt đám đông đang dự lễ}, {để không có ⇔ nếu không có thể có} ⁷⁵⁴sự náo loạn giữa dân chúng (về sự bắt giam Thầy).”

26:6-13 Một Người Đàn Bà Tôn Kính (Chúa) Giê-su Bằng Cách
{Xúc Dầu ⇔ Đổ ⁷⁵⁵Nước Hoa/Dầu Thơm Trên} {Ngài ⇔ Đầu Của Ngài}

Mác 14:3-9; ⁷⁵⁶Giăng 12:1-8

6 <Và>/Bấy giờ> (Chúa) Giê-su đang (ở) trong ⁷⁵⁷(làng/thành) Bê-tha-ni tại nhà của ⁷⁵⁸(một người tên là) Si-môn ⁷⁵⁹{Người Phung ⇔ (người trước kia là) ⁷⁶⁰người cùi}

⁷⁴⁸ 26:2 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đóng đinh trên thập tự giá**” trong Ma 20:19 và 23:34.

⁷⁴⁹ 26:3 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về sự khác biệt giữa “**các thầy thượng tế**” và “**trưởng tế**” ở Ma 2:4.

⁷⁵⁰ 26:3 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cai-pha là trưởng tế từ năm 18-36 S.C. Ông là con rể của Anna (Giăng 18:13) là người được lên làm trưởng tế vào năm 6 S.C. và sau đó bị người La-mã cất chức vào năm 15 S.C. Sau khi bị mất chức, An-na vẫn còn nhiều ảnh hưởng giữa vòng người Do Thái cho tới khi ông chết vào năm 36 S.C, vậy nên ông vẫn thường được gọi là trưởng tế (Lu-ca 3:2, Công Vụ 4:6).

⁷⁵¹ 26:4 Các từ “**giết Ngài**” hàm ý là sẽ có phiên tòa xét xử và hành quyết một cách hợp pháp. **Không** phải là bị ám sát.

⁷⁵² 26:5 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “Nhưng họ **đã quyết định** không làm ^{GTK}{trong Lễ Vượt Qua ⇔ giữa/trước mặt đám đông đang dự lễ}, bởi vì nhiều người (những người tin nơi Chúa Giê-su) sẽ có mặt (tại Giê-ru-sa-lem) vào lúc đó và có thể (nổi giận và) náo loạn (nếu Ngài bị bắt).”

⁷⁵³ 26:5 Nhóm từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ nghĩa. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa là “**trong ngày lễ**”. Họ nghĩ rằng các nhà lãnh đạo Do Thái thay đổi kế hoạch sau này khi Giu-đa cho họ một dịp tiện thật là tốt. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ nhóm từ này có nghĩa “**giữa (đám đông đến) dự lễ**”, nhất là vì Chúa Giê-su có lẽ sẽ rời Giê-ru-sa-lem sau ngày lễ (Lu-ca 22:6).

⁷⁵⁴ 26:5 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái đã biết rằng nếu có cuộc náo loạn, chính quyền La-mã sẽ quy trách nhiệm cho họ. Ngoài sự trừng phạt người Do Thái, có thể người La-mã sẽ cất chức trưởng tế của Cai-pha.

⁷⁵⁵ (Tiểu Đề) Bạn có thể chuyển ngữ “**Nước Hoa**” là “**Dầu Thơm**”.

⁷⁵⁶ 26:6 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lu-ca 7:36–50 kể lại chuyện ở một lúc khác tại tỉnh Ga-li-lê một người đàn bà khác xúc dầu cho Chúa Giê-su bằng nước hoa/dầu thơm.

⁷⁵⁷ 26:6 Hãy nhất quán với sự lựa chọn “**làng/thành**” bạn đã dùng cho Bê-tha-ni ở trong Ma 21:17.

⁷⁵⁸ 26:6 Đây là lần đầu tiên **Si-môn, không phải Si-môn Phê-rô**, được nhắc đến trong sách Ma-thi-ơ. Đối với một số ngôn ngữ cần phải **giới thiệu** ông với một nhóm từ như là “(một người tên là)”.

⁷⁵⁹ 26:6 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**người phung/cùi**” trong Ma 8:2.

⁷⁶¹Trong khi (Ngài/(Chúa) Giê-su) đang ngồi ăn (ở đó) ⁷⁶²(với một số người khác), một ⁷⁶³người đàn bà đến chỗ Ngài {(là người) có ⇔ với/mang theo} ⁷⁶⁴một bình bằng ngọc/đá (đựng đầy) ⁷⁶⁵nước hoa/dầu thơm rất đắt tiền và ⁷⁶⁶đổ (nước hoa/dầu thơm) lên đầu Ngài/(Chúa) Giê-su ⁷⁶⁷(để tôn kính Ngài). **8** Nhưng khi ⁷⁶⁸các môn đệ (của Chúa Giê-su) thấy (vậy ⇔ bà làm như thế), họ {nổi giận ⇔ không thích} (và) {nói (với ^{GTK769}nhau) ⇔ hỏi ^{GTK}(lần nhau)}: “^{CH}{Tại sao lại phí phạm như vậy? ⇔ Tại sao bà ấy phí phạm nước hoa/dầu thơm đắt tiền như vậy? ⇔ Bà không nên phí phạm nước hoa/dầu thơm đắt tiền như thế!} **9** <Vi> ⁷⁷⁰{(dầu thơm) đó ⇔ nó} ^{TVST}có thể bán được rất nhiều (tiền) và (tiền đó) ^{TVST}(có thể dùng để) phân phát cho người nghèo!” **10** <Nhưng> (Chúa) Giê-su đã biết (các môn đệ của Ngài nói gì, vậy nên) Ngài bảo họ: ^{CH}“{Tại sao các con ⇔ Đừng} {gây rắc rối cho bà này ⇔ làm khó khăn cho bà này ⇔ chỉ trích bà này}, ⁷⁷¹bà đã làm một việc

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Si-môn Người Phung” có vẻ như là biệt hiệu của Si-môn. Tuy nhiên, có lẽ ông không còn bị phung/cùi nữa nếu không ông đã phải sống riêng xa cách với mọi người (như ở trong Ma-thi-ơ 8:2). Hay có thể vào lúc này ông đã chết, nhưng người ta vẫn gọi nhà là của ông. Si-môn này không phải là Si-môn Phê-rô.

- ⁷⁶⁰**26:6** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**người phung/cùi**” và “**bệnh phung/cùi**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 8:2–4 và tiểu đề; 10:8, 11:5, 26:6. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở tiểu đề của Ma 8:1.
- ⁷⁶¹**26:7** Trong bản Hy-lạp nhóm từ “**trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su đang ngồi ăn**” ở cuối cùng trong câu 7.
- ⁷⁶²**26:7** Chúa Giê-su **không** ăn một mình (hãy xem câu 8 và Giăng 12:2).
- ⁷⁶³**26:7 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta biết từ Giăng 12:3 rằng người đàn bà này tên là Ma-ri. Bà là em của La-xa-rô và Ma-thê. Si-môn người phung có thể là cha của họ.
- ⁷⁶⁴**26:7** Một **bình** nước hoa/dầu thơm là một lọ nhỏ, cao có cái cổ lọ hẹp và đáy tròn. Nhiều bản dịch dùng “hũ” ở đây, nhưng hũ hàm ý hình dáng sai.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Bình ngọc/đá làm bằng một loại đá màu trắng và vàng rất đẹp. Nó được nhập cảng từ Ai-cập. Lọ làm bằng ngọc/đá này rất đắt tiền.
- ⁷⁶⁵**26:7** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**nước hoa/dầu thơm**” trong tiểu đề.
- ⁷⁶⁶**26:7 HÌNH ẢNH được đề nghị:** Chúa Giê-su và một số người khác đang nằm duỗi chân/ăn khi người đàn bà đổ nước hoa/dầu thơm lên đầu Ngài.
- ⁷⁶⁷**26:7** Người đàn bà này đổ nước hoa/dầu thơm lên đầu Chúa Giê-su để **tôn kính** Ngài. **Không** nên làm người đọc hiểu rằng bà đánh đổ nước hoa/dầu thơm lên đầu Ngài.
- ⁷⁶⁸**26:7** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải giới thiệu các môn đệ của Chúa Giê-su sớm hơn. Thí dụ, bạn có thể bắt đầu câu 7 bằng cách nói: “Trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su (và **các môn đệ của Ngài**) đang nằm duỗi chân/ăn (ở đó),...”
- ⁷⁶⁹**26:8** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ các môn đệ của Chúa Giê-su đang nói chuyện với **ai** ở đây. Có vẻ như câu 10 nói rõ là họ đang nói với nhau, **không** phải với người đàn bà (như ở trong Mác 14:4). Tuy nhiên, một vài học giả Kinh Thánh nghĩ rằng họ đang nói với người đàn bà: “Tại sao chị lại phí phạm...” hay “Chị không nên phí phạm...”
- ⁷⁷⁰**26:9** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “<Vi> **bà/chúng ta** ^{TVST}có thể bán {nước hoa/dầu thơm đó ⇔ nó}... và dùng tiền bán được để giúp đỡ người nghèo.”
- ⁷⁷¹**26:10** Bạn có thể để dấu hỏi ở đây và để phần còn lại của câu 10 như một lời tuyên bố.

tốt cho Ta?/! **11** Vì, các con (sẽ) luôn luôn có người nghèo ⁷⁷² ở với/chung quanh các con ⁷⁷³ (các con có thể giúp đỡ bất cứ khi nào các con muốn), nhưng {các con không/sẽ không luôn luôn có Ta bên cạnh/ở đây ⇔ Ta sẽ không luôn luôn ở đây với các con} (để tôn kính Ta) như người đàn bà này vừa mới làm). **12** <Vì/Ngoài ra,> (bà này) đã đổ dầu thơm lên {thân xác Ta ⇔ Ta} {để ⁷⁷⁴ chuẩn bị ⇔ bà ấy đang chuẩn bị} để chôn Ta. **13** ^{GTK775}{A-men/Phải, ⁷⁷⁶(đó là điều bà đã làm,) (và) Ta bảo các con, ⇔ Thật, Ta bảo các con, ⇔ Ta bảo đảm/hứa với các con rằng} {ở nơi nào ⁷⁷⁷ Phúc Âm/sứ điệp này ⁷⁷⁸ (về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời) được giảng/thông báo/nói với (dân chúng) trên toàn thế giới ⇔ bất cứ nơi nào trên thế giới khi (người ta) giảng /thông báo/kể lại Phúc Âm (về Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời) (cho những người khác)}, {điều bà đã làm (cho Ta) sẽ cũng được nhắc lại ⇔ họ cũng sẽ kể lại việc tốt lành mà người đàn bà này đã làm (cho Ta)} {để nhớ đến ⇔ để người ta sẽ nhớ đến} {bà ⇔ điều bà đã làm}.”

26:14-16 Giu-đa ^{NTT} Đồng ý Để ⁷⁷⁹ {Phản Bội Giao (Chúa) Giê-su Cho Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái ⇔ Giúp Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Bất (Chúa) Giê-su}

Mác 14:10-11; Lu-ca 22:3-6

14 Rồi thì một trong mười hai môn đệ của (Chúa) Giê-su tên là Giu-đa ^{GTK780} Ích-ca-ri-ốt đi đến các thầy thượng tế **15** (và) hỏi (họ): ⁷⁸¹“Các ông muốn/sẽ cho/trả tôi bao nhiêu tiền để/nếu tôi ⁷⁸² {phản bội (giao) Ngài/(Chúa) Giê-su cho các ông ⇔ giao nộp

⁷⁷² **26:11** Khi chuyển ngữ “**ở với/chung quanh**” không nên hàm ý rằng người nghèo sống hay làm việc với các môn đệ của Chúa Giê-su, hay các môn đệ của Chúa Giê-su bị người nghèo vây xung quanh.

⁷⁷³ **26:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đức Chúa Trời ra lệnh cho chúng ta phải rộng rãi với người nghèo (Phục 15:11).

⁷⁷⁴ **26:12 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người Do Thái có phong tục xức dầu thơm và hương liệu trên xác chết để chuẩn bị chôn. Tuy nhiên, người đàn bà (Ma-ri) có lẽ không biết rằng Chúa Giê-su sắp chết. Bà xức nước hoa/dầu thơm cho Chúa Giê-su/Ngài bởi vì bà yêu mến Ngài và có lẽ bởi vì bà muốn tôn kính và cảm ơn Chúa về mọi điều, đặc biệt là mối khiến anh của bà là La-xa-rơ sống lại (Giăng 11:38-44; 12:1-8).

⁷⁷⁵ **26:13** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “**A-men**” ở Ma 5:18.

⁷⁷⁶ **26:13** Bạn có thể nói: “(bà đã làm một việc tốt đẹp/tuyệt hảo,)”.

⁷⁷⁷ **26:13** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Phúc Âm**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:23, 9:35, 11:5, 24:14, 26:13.

⁷⁷⁸ **26:13** Đừng nói rõ thông tin này trong bản dịch, trừ khi cần phải làm như vậy.

⁷⁷⁹ (Tiểu Đề) Giu-đa **phản** Chúa Giê-su, tức là, ông ta giúp kẻ thù của Chúa Giê-su bắt Ngài. Đó là **điều trái ngược lại** với điều chúng ta mong đợi một môn đệ của Chúa làm.

⁷⁸⁰ **26:14** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ “**ích-ca-ri-ốt**” trong Ma 10:4.

⁷⁸¹ **26:15** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu đổi lại **thứ tự** của câu này và nói: “Nếu tôi {phản Ngài/Chúa Giê-su ⇔ nộp Chúa Giê-su cho các ông ⇔ giúp các ông bắt Chúa Giê-su}, các ông sẽ cho/trả công tôi cái gì?”

⁷⁸² **26:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy để ý đến sự tương phản rõ rệt giữa hành động yêu thương của người đàn bà trong các câu 6-13 và hành động của Giu-đa trong các câu 14-16.

Ngài/(Chúa) Giê-su cho các ông ⇔ giúp các ông bắt Ngài/(Chúa) Giê-su?” <Và> họ ⁷⁸³ trả cho ông ta ba mươi ⁷⁸⁴ {miếng/đồng} bạc. **16** <Và>/Nên, {từ lúc đó ⇔ bắt đầu từ đó} ông ta/Giu-đa tìm/đợi dịp tiện tốt ⁷⁸⁵ {để phản bội Ngài/(Chúa) Giê-su. ⇔ để giao nộp Ngài/(Chúa) Giê-su cho các nhà lãnh đạo Do Thái.}

**26:17-19 {Bữa Ăn Lễ Vượt Qua ⇔
(Chúa) Giê-su Ăn Bữa Ăn Lễ Vượt Qua Với Các Môn Đệ Của Ngài}**

Mác 14:12-17; Lu-ca 22.7-14

17 <Rồi thì> trong ngày đầu tiên của (Ngày Lễ gọi là ⇔ ngày lễ khi họ/những người Do Thái ăn) ⁷⁸⁶ {Bánh Không Men ⇔ bánh mì làm không có men} các môn đệ (của Chúa Giê-su) đến với Ngài và hỏi: “Thầy muốn chúng tôi sửa soạn cho {Thầy (và chúng tôi) ⇔ chúng ta} ăn Lễ Vượt Qua ở đâu?” **18** <Rồi> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời (họ): “Hãy đi vào trong ⁷⁸⁷ {thành phố ⇔ Giê-ru-sa-lem} tới {một người kia ⇔ bạn chúng ta ⇔ người mà Ta bảo các con} và ⁷⁸⁸ bảo họ: ^{NGT} {Thầy ⇔ Thầy của chúng tôi} nói: ^{NGT} ⁷⁸⁹ {Giờ của Ta ⇔ Giờ mà (Đức Chúa Trời đã định) cho Ta} sắp tới rồi, (và) Ta {đang giữ ⇔ sẽ/phải dự/ăn} Lễ Vượt Qua {với con ⇔ ở tại nhà con} với các môn đệ của Ta.” ” **19** Sau đó các môn đệ (của Chúa Giê-su) {làm ⇔ đi vào nhà} như (Chúa) Giê-su/Ngài đã chỉ thị/bảo họ và sửa soạn (thức ăn) cho (bữa ăn của) ⁷⁹⁰ Lễ Vượt Qua.

⁷⁸³ **26:15** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “Họ ^{NTT} (đồng ý) giá ba mươi miếng bạc và trả tiền cho ông ta.” **Không** nên làm người đọc hiểu lầm là ba mươi miếng bạc chỉ là tiền đưa trước trong một số tiền lớn, nhưng đó là toàn thể giá mà họ trả cho Giu-đa.

⁷⁸⁴ **26:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những “miếng bạc” này có lẽ là đồng she-ken. Ba mươi miếng bạc trị giá bằng bốn tháng tiền lương, là giá trả để mua một người nô lệ trong thời Cựu Ước (Xuất 21:32). Giu-đa đã bán Chúa Giê-su với một giá rẻ.

⁷⁸⁵ **26:16** Bạn có thể nói: “...để giúp đỡ (họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái) bắt Chúa Giê-su/Ngài.”

⁷⁸⁶ **26:17 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Lễ Vượt Qua và Lễ Ăn Bánh Không Men là hai lễ khác nhau (Lê-vi Ký 23:5–6). Tuy nhiên, vì hai lễ này được tổ chức sát nhau nên nó là một lễ, vậy nên có thể dùng cả hai tên để chỉ về lễ đó (Xuất 12:6, 11, 15–18; so sánh với Ma-thi-ơ 26:2, 17, Mác 14:1, 12 và Lu-ca 22:1). Trong suốt ngày lễ các người Do Thái ăn bánh không men (tức là bánh làm bằng bột không có trộn men vào) như các tổ phụ họ đã làm khi Đức Chúa Trời giải cứu họ khỏi ách nô lệ tại Ai-cập. Lễ này kéo dài trong tám ngày từ ngày thứ 14 đến ngày thứ 21 của tháng giêng (tháng người Do Thái gọi là Nisan). Bữa ăn của Lễ Vượt Qua được ăn vào ngày đầu tiên của dịp lễ vào buổi tối.

⁷⁸⁷ **26:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, bữa ăn của Lễ Vượt Qua phải ăn ở trong vòng thành phố Giê-ru-sa-lem (Phục 16:5–7).

⁷⁸⁸ **26:18** Nếu dùng **câu đối thoại gián tiếp** cho các câu đối thoại sau đây nghe tự nhiên hơn, bạn có thể nói: “...hãy bảo ông ta rằng Thầy của các con nói {giờ của Ngài ⇔ giờ Đức Chúa Trời đã định cho Ngài} sắp đến. Ngài sẽ/phải ăn Lễ Vượt Qua ở nhà của ông với {các môn đệ của Ngài ⇔ chúng tôi}.”

⁷⁸⁹ **26:18 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Giờ của Ta” muốn nói đến thì giờ mà Đức Chúa Trời đã định cho Chúa Giê-su phải chết. Chúa Giê-su đã nói tiên tri nhiều lần về sự chết của Ngài (16:21, 17:12, 22–23, 20:18–19), vậy nên có thể các môn đệ và ông chủ nhà hiểu Chúa muốn nói gì. Ông này có vẻ như là một người bạn thân của Chúa Giê-su.

⁷⁹⁰ **26:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chỉ thị về Lễ Vượt Qua đầu tiên được ghi ở trong Xuất 12:3–11. Bữa ăn gồm có thịt chiên, bánh không men, rau đắng, nước sốt và rượu vang.

26:20-25 (Chúa) Giê-su Nói Trước ^{NTT} Rằng Sẽ Có Người Phản Bội Ngài

Mác 14:17-21; Lu-ca 22:21-23; Giăng 13:21-30

20 <Rồi thì> {tối đến ⇔ tối hôm đó}, ⁷⁹¹(họ tụ họp lại ở đó và) Ngài/(Chúa) Giê-su và mười hai [môn đệ] (của Ngài) ngồi vào bàn ăn. 21 <Và> trong khi họ đang ăn, Ngài/(Chúa) Giê-su nói (với họ): “^{GTK792}{A-men/Phải, (chúng ta đang ăn uống với nhau ở đây, nhưng) Ta bảo các con ⇔ Thật Ta bảo các con ⇔ Ta bảo đảm với các con} rằng một người trong các con sẽ {phản bội giao Ta cho ⇔ nộp Ta cho} (kẻ thù của Ta).” 22 <Và> (điều đó làm (các môn đệ của Chúa Giê-su) rất buồn (và) ⁷⁹³mỗi người lần lượt {nói với Ngài ⇔ hỏi Ngài}: “{Chắc không phải con chứ ⇔ Chúa không muốn nói con chứ}, ⁷⁹⁴(thưa) Chúa?” 23 <Rồi> <đáp ứng lại> Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời/bảo (họ): “(Một người trong các con) là người nhúng ⁷⁹⁵tay/bánh (của nó) vào ⁷⁹⁶(cùng) đĩa với Ta (như là ^{TVST}bạn thân của Ta) (là) người sẽ phản/nộp Ta (cho kẻ thù của Ta). 24 {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng đã trở nên con người} (sẽ) ⁷⁹⁷đi/chết như ⁷⁹⁸{đã được chép (trong Kinh Thánh) về Ngài/Ta ⇔ Lời Chúa đã nói}, nhưng ⁷⁹⁹{khốn cho ⇔ thật là khốn khổ cho} người {đã phản (Ta) <Con Người> ⇔ nộp Ngài/Ta cho (kẻ thù của Ngài/Ta) ⇔ giúp kẻ thù của Ngài/Ta bắt Ngài/Ta! Thà {hắn ⇔ người đó} ^{TVST}đừng {sinh ra ⇔ sống} thì tốt hơn!” 25 Sau đó Giu-đa người (sếp) {phản Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ giao Ngài/(Chúa) Giê-

⁷⁹¹ 26:20 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “<Rồi> tối đến, Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài tụ họp lại và bắt đầu ăn.”

⁷⁹² 26:21 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cách chuyển ngữ “A-men” ở Ma 5:18.

⁷⁹³ 26: 22 Ma-thi-ơ đang nói rằng các môn đệ của Chúa Giê-su hỏi câu hỏi này cùng một lúc, **không** phải hỏi lần lượt như các bản dịch tiếng Việt (BDM, BDC, BCG, BDY) (hãy xem Mác 14:19). Bản Hy-lạp có từ “**mỗi người**” ở đây để nhấn mạnh sự kiện tất cả các môn đệ đều hỏi Chúa Giê-su câu này. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “...{mỗi người ⇔ tất cả họ} bắt đầu hỏi Ngài,...”

⁷⁹⁴ 26:22 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu dùng lối nói gọi đích danh “(thưa) **Chúa**” ở phần đầu của câu đối thoại. Hay bạn có thể nói: “Thưa Chúa, không phải con chứ?”

⁷⁹⁵ 26:23 Họ nhúng **bánh** (hay rau đắng), không phải **các bàn tay**, vào trong đĩa. Họ dùng tay, không phải nĩa hay muỗng, để cầm bánh.

⁷⁹⁶ 26: 23 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Cùng ăn từ một đĩa hay tô thức ăn lớn là dấu hiệu của tình bạn thân thiết. Trong trường hợp này, Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài nhúng bánh và rau đắng vào trong cùng một đĩa đựng nước sốt trái cây (có lẽ gồm có chà là, vả và nho khô trộn lẫn với nước và dấm/rượu vang). Có vẻ Thi-thiên 41:9 nói tiên tri về điều Giu-đa sẽ làm.

⁷⁹⁷ 26:24 “(sẽ) **đi**” được dùng như một thành ngữ ở đây có nghĩa là “(sẽ) **chết**”. **Không** nên làm người đọc hiểu là Chúa Giê-su sắp đi xa. Có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁷⁹⁸ 26:24 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị**: Thi-thiên 22, 118:22 và Ê-sai 53 nói tiên tri rằng Chúa Cứu Thế sẽ bị người ta từ khước, phải chịu khổ và chết.

⁷⁹⁹ 26:25 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**khốn**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 11:21, 18:7, 23:13–16, 23, 25, 27, 29; 24:19, 26:24. Đôi khi ngữ cảnh đòi hỏi chuyển ngữ “khốn” khác hơn là ở trong các ngữ cảnh khác. Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “...nhưng (Đức Chúa Trời sẽ **trừng phạt**) người phản (Ta) <Con Người> **nặng nề đến nỗi** thà là... thì tốt hơn!”

su cho kẻ thù của Ngài} (cũng) hỏi (Ngài/Chúa Giê-su): ⁸⁰⁰“(Thưa) Thầy, không phải con chứ?” Ngài/(Chúa) Giê-su trả lời ông ta: ⁸⁰¹“Chính con đã nói (ra rồi đó).”

26:26-30 {Tiệc Thánh Đầu Tiên ⇔ Bữa Ăn Cuối Cùng Của (Chúa) Giê-su Với Các Môn Đệ}

Mác 14:22-26; Lu-ca 22:15-20; 1 Cô-rinh-tô 11:23-25

26 <Rồi> trong khi {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ (của Ngài)} đang ăn (Lễ Vượt Qua), (Chúa) Giê-su {lấy/cầm ⇔ nhặt lên} một ổ/miếng bánh (không men) (khỏi bàn ăn), <và> ^{NTT802}{chúc phước ⇔ ngợi khen/tạ ơn (Đức Chúa Trời)} (và) (dùng tay) bẻ nó (ra làm ⁸⁰³nhiều miếng ⇔ thành các miếng nhỏ). Rồi Chúa đưa/truyền (bánh) cho các môn đệ của Ngài (và) nói (với họ): “Hãy lấy (bánh) (và) ăn đi. {(Bánh) này ⇔ Nó} ⁸⁰⁴là ⁸⁰⁵thân thể của Ta.” **27** Sau đó/Kế đến Ngài/(Chúa) Giê-su lấy/cầm/nhấc một ly (rượu vang) và ^{NTT}cám ơn (Đức Chúa Trời). (Rồi) Chúa đưa/truyền (ly) cho {họ ⇔ các môn đệ của Ngài} (và) bảo (họ): “Tất cả các con, hãy uống (một chút) (rượu) đi, **28** ⁸⁰⁶bởi vì {rượu) này ⇔ nó} ⁸⁰⁷là huyết của Ta ⁸⁰⁸{giao ước ⁸⁰⁹[mới] (của Đức Chúa Trời) (với dân

⁸⁰⁰ **26:25** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu hỏi **tương tự** ở trong câu 22.

⁸⁰¹ **26:25** Chúa Giê-su đang nói **một cách gián tiếp** rằng Giu-đa là người sẽ phản Chúa.

⁸⁰² **26:26** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ **“phước/ngợi khen”** trong Ma 14:19, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁸⁰³ **26:26** Những **miếng** này lớn đủ để ăn, **không** phải những vụn nhỏ.

⁸⁰⁴ **26:26** Sự chuyển ngữ từ **“là”** trong ngữ cảnh này là một vấn đề gây nhiều tranh cãi trong các giáo phái. Nhiều học giả Kinh Thánh tin rằng ở đây thật sự có nghĩa là “(Bánh) này **là** thân thể Ta”, trong khi những học giả khác tin rằng nó có nghĩa là “(Bánh) này **tượng trưng** cho thân thể Ta.” Trong nhiều ngôn ngữ động từ “là” có thể có nghĩa là “là” hay “tượng trưng”, tùy theo ngữ cảnh. Trong những trường hợp này, có lẽ tốt nhất là chuyển ngữ mệnh đề này là “(Bánh) này **là** thân thể Ta” để cho người ta có thể tự do chọn lựa bất cứ sự giải thích nào trong hai sự giải thích ở trên.

⁸⁰⁵ **26:26** Phải chắc chắn là chuyển ngữ **“thân thể”** **không** có nghĩa là “xác chết” ở đây.

⁸⁰⁶ **26:28** Có thể **ngắt** câu phức tạp này thành nhiều câu ngắn hơn để cho rõ ý và nói: “bởi vì (rượu vang) này là huyết của Ta sẽ đổ ra (khi Ta chết),/. {để Đức Chúa Trời tha thứ ^{GTK}tội cho nhiều người. Huyết của Ta sẽ đóng dấu/thiết lập giao ước mới của Đức Chúa Trời (với dân sự của Ngài). ⇔ Huyết của Ta sẽ đóng dấu/thiết lập giao ước mới của Đức Chúa Trời (với dân sự của Ngài), để Ngài tha thứ tội lỗi cho ^{GTK}nhiều người.}”

⁸⁰⁷ **26:28** Hãy nhất quán với cách bạn chuyển ngữ **“là”** trong câu 26. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁸⁰⁸ **26:28** Một **giao ước** giống như một hiệp ước hoà bình mà nó rất là nghiêm trọng và chứa đựng các điều kiện và lời hứa. Giao ước của Đức Chúa Trời với nhân loại là hiệp ước **ký bởi một bên/phe** trong đó Chúa là người đặt điều kiện và các lời hứa của giao ước; loài người **không** có đóng góp gì trong giao ước. Đức Chúa Trời lập nên giao ước cho sự ích lợi của nhân loại. Phá hủy hay từ chối giao ước đó đem lại hậu quả nghiêm trọng. Từ **“Ước”** ở trong “giao ước” có thể chuyển ngữ tương tự như từ “ước” ở trong “Cựu Ước” và “Tân Ước”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Y-sơ-ra-ên đã hủy giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với họ, vì vậy họ mong đợi Đức Chúa Trời làm một giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34, Ê-xê-chi-ên 37.26). Giao ước cũ được đóng dấu/thiết lập với huyết của thú vật (Xuất 24:1-8) và đòi hỏi phải

sự của Ngài) ⇔ thiết lập giao ước [mới] (của Đức Chúa Trời) (với dân sự của Ngài) và} nó {bị ⇔ sẽ bị} ⁸¹⁰{đổ ra ⇔ làm của tế lễ} (khi Ta chết) để cho ^{GTK811}nhiều (người) ⁸¹²{được tha ⁸¹³tội ⇔ trả cho tội lỗi (của họ) để Đức Chúa Trời tha thứ cho họ}. **29** <Và/Nhưng> Ta bảo các con (rằng) {từ nay (trở đi) ⇔ kể từ tối hôm nay} Ta sẽ không bao giờ uống {nước rượu nho ⇔ rượu vang} (này nữa) cho tới ngày Ta uống ^{GTK814}{một (loại) rượu vang mới ⇔ uống nó một cách mới ⇔ nó với ý nghĩa mới} với các con ⁸¹⁵{trong ⁸¹⁶Nước của Cha Ta ⇔ khi (Đức Chúa Trời) Cha Ta cai trị (các con và dân sự của Ngài) (trên thiên đàng) ⇔ (trên thiên đàng) nơi Cha Ta sẽ cai trị (các con và dân sự của Ngài)}.” **30** Rồi

đàng của tế lễ thường xuyên (Lê-vi Ký 1–7). Huyết của Chúa Giê-su đóng dấu/thiết lập giao ước mới của Đức Chúa Trời với nhân loại. Không cần phải có tế lễ nào khác. (La Mã 6:10, Hê-bơ-rơ 7:27, 9:12, 10:1–10; 1 Phê-rơ 3:18). Trong Lễ Vượt Qua, mỗi nhà sẽ dâng tế lễ một con chiên để nhắc nhở họ nhớ đến Đức Chúa Trời đã cứu họ ra khỏi ách nô lệ tại Ai-cập như thế nào. Chúa Giê-su thay thế Lễ Vượt Qua bằng sự chết của Ngài cứu chúng ta khỏi sự nô lệ cho tội lỗi.

⁸⁰⁹ **26:28** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “mới” ở đây. Tuy nhiên, Nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG), không có, nhưng hàm ý.

⁸¹⁰ **26:28** Trong ngữ cảnh này “đổ ra” được dùng như một thành ngữ có nghĩa là “làm của tế lễ”. Không nên làm người đọc hiểu là huyết của Chúa Giê-su sẽ bị đổ ra từ một cái ly hay một cái bình đựng.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ê-sai 53:12 mô tả sự chết của Đấng Cứu Thế và mục đích của sự chết của Ngài trong một cách tương tự.

⁸¹¹ **26:28** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “nhiều/tất cả” trong Ma 20:28, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** quan trọng về điều này ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng từ “nhiều” được dùng ở đây như một thành ngữ có nghĩa là “tất cả”.

⁸¹² **26:28** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “tha thứ” và “sự tha thứ” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:6, (9); 6:12, 14, 15; 9:2 và tiểu đề, 9:(3), 5–6; 12:31–32; 16:(19), 18:(18), 21–22, (23), 27, 32, (34), 35; 26:28. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 3:6.

⁸¹³ **26:28** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “các tội lỗi” trong Ma 1:21, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁸¹⁴ **26:29** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ “mới” bổ túc cho “rượu vang” và có nghĩa là “một loại (rượu vang) mới”. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ “mới” bổ túc cho “uống” và có nghĩa là “uống nó một cách mới” hay “uống nó với một ý nghĩa mới”. Sự giải thích sau có vẻ thích hợp với ngữ cảnh.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Khi Chúa Giê-su ăn bữa ăn này với các môn đệ của Ngài, rượu vang biểu tượng cho sự chết của Ngài. Khi Chúa uống rượu vang với các người theo Ngài ở trên thiên đàng, rượu vang biểu tượng cho sự vui mừng và ăn mừng.

⁸¹⁵ **26:29** Mặc dù Đức Chúa Trời đã cai trị nhân loại bây giờ, đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ “ngày đó/lúc đó” (trước đó trong câu 29 cho thấy rằng Chúa Giê-su đang nói về sự cai trị của Đức Chúa Trời ở trên thiên đàng sau khi Ngài/(Chúa) Giê-su trở lại. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “ngày đó” ở Ma 24:36.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái mang hình ảnh về thiên đàng như là một bữa tiệc lớn (với rất nhiều rượu vang) và tất cả con dân của Đức Chúa Trời sẽ dự tiệc, kể cả Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp (Ma-thi-ơ 8:11). Lần tới Chúa Giê-su uống rượu sẽ là ở trong bữa tiệc đó.

⁸¹⁶ **26:29** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “Nước Thiên Đàng” và “Nước Đức Chúa Trời” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:2, 4:17, 23; 5:3, 10, 19, 20; 6:10, 13, 33; 7:21, 8:11, 12; 9:35, (37); 10:7, (18, 26, 27); 11:11–13, (25); 12:6, 28; 13:11, (12), 19, 24, 31, 33, (34), 38, 41, 43–45, 47, 52; 16:19, 28; 18:1, 3, 4, 23; 19:12, 14, 23–25; 20:1, 21:31, 43; 22:2, (14); 23:13, 24:14, 25:1, 34; 26:(13), 29. Cũng hãy xem tiểu đề ở Ma 4:23, 5:1, 7:6, 24; 9:35, 10:1, 11:16, 13:1, 31, 44; 18:1, 20:20. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 3:2. Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “nước/vương quốc” trong Ma 4:8, 12:25, 26; 24:7.

thì {họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các môn đệ của Ngài} hát ⁸¹⁷ (những bài hát của Lễ Vượt Qua ⇔ một vài Thi Thiên/thánh ca ⇔ ngợi khen Đức Chúa Trời) (và) đi ra khỏi (thành phố ⇔ Giê-ru-sa-lem) đến ⁸¹⁸ Núi/Đồi Ô-liu (ở gần đó).

26:31-35 (Chúa) Giê-su Nói Tiên Tri/Nói ^{NTT} **Ràng**
Phê-rơ Sê ^{NTT} **Chối Không Biết Chúa**

Mác 14:27-31; Lu-ca 22:31-34; Giăng 13:36-38

31 {Bấy giờ ⇔ Vào lúc đó ⇔ Trong khi họ đang đi,} (Chúa) Giê-su nói với ⁸¹⁹ {họ ⇔ các môn đệ (của Ngài)}: “Tất cả các con ^{GTK820} {đều sẽ bị vấp ngã vì Ta ⇔ sẽ bỏ rơi Ta ⇔ sẽ phạm tội bởi vì (việc xảy ra cho) Ta ⇔ sẽ chối bỏ đức tin nơi Ta} trong đêm nay, ⁸²¹ bởi vì {đã được chép (trong Lời Chúa) ⇔ (Đức Chúa Trời đã nói về Ta và các con từ hồi xưa) khi Ngài phán}: ^{NGT822} Ta sẽ ⁸²³ đánh/giết ⁸²⁴ người chăn/lãnh đạo và/thì {các chiên trong bầy ⇔ người theo Ngài} sẽ ^{GTK825} {bị tản lạc ⇔ chạy trốn}.” (Xa-cha-ri 13.7)

32 ⁸²⁶ (Chúa) Giê-su tiếp tục: ⇔ Rồi Chúa Giê-su phán: “Nhưng sau khi (Ta chết) (được Đức Chúa Trời) làm cho sống lại (từ kẻ chết), Ta sẽ đi tới (miền) Ga-li-lê trước các con (và gặp các con ở đó).” **33** Rồi/Nhưng Phê-rơ <đáp ứng> nói/trả lời/hứa với Ngài/(Chúa)

⁸¹⁷ **26:30 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thường thường người ta hát Thi-thiên 115–118 sau khi ăn Lễ Vượt Qua, và hát Thi-thiên 113–114 vào lúc bắt đầu của bữa ăn.

⁸¹⁸ **26:30** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**núi Ô-liu**” trong Ma 21:1, (21) và 24:3, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Hãy nhất quán trong việc gọi nó là đồi hay núi.

⁸¹⁹ **26:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Phúc Âm Giăng 13:31–38 chúng ta biết rằng Giu-đa đã rời khỏi bàn tiệc vào lúc này, nên Chúa Giê-su đang nói với mười một môn đệ ở đây.

⁸²⁰ **26:31** Thành ngữ “**sẽ bị vấp ngã**” dùng ở trong bản Hy-lạp có nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng trong ngữ cảnh này nó có nghĩa là “**bỏ đức tin (nơi Ta)**”. Tuy nhiên, có lẽ Chúa Giê-su đang nói về sự yếu kém/suy yếu về đức tin tạm thời, không phải sự mất đức tin luôn (hãy xem Ma 28:7). Nhiều học giả khác nghĩ nó có nghĩa “**bỏ rơi Ta**” hay “**phạm tội** bởi vì (điều xảy ra) cho Ta”, và phần còn lại của câu 31 định nghĩa điều Chúa muốn nói (cũng hãy xem câu 56). Có thể nghe tự nhiên hơn nếu nói: “Bởi vì (điều sẽ xảy ra cho) Ta **tối nay**, tất cả các con sẽ {bỏ rơi Ta ⇔ phạm tội}.” Cùng một thành ngữ được dùng ở Ma 5:29–30. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một, hãy để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁸²¹ **26:31** Bạn có thể bắt đầu một câu mới ở đây và nói: “(Ta nói/biết vậy) bởi vì...”

⁸²² **26:31 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong lời tiên tri này “Ta” nói đến Đức Chúa Trời: “Người chăn chiên” nói đến Chúa Giê-su và “chiên” nói đến các môn đệ của Ngài/Chúa Giê-su.

⁸²³ **26:31 “đánh”** được dùng ở đây như một thành ngữ có nghĩa là “**giết**”. Nếu không chuyển ngữ từng từ một, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁸²⁴ **26:31** Bạn có thể nói: “Ta sẽ đánh/giết người {chăm sóc ⇔ hướng dẫn} chiên/dân (Ta), và/thì chúng sẽ ^{GTK} {bị tản lạc ⇔ tản lạc ⇔ chạy trốn}.”

⁸²⁵ **26:31** Thể của động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ nghĩa. Nó có thể có nghĩa là “**bị tản lạc**” (như BDM, BDC) thụ động) hay “**tản lạc**” (như BDY, BCG) (chủ động). Ý nghĩa nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.

⁸²⁶ **26:32** Nên làm cho rõ là Chúa Giê-su đã **xong** việc trích dẫn Cựu Ước. Có thể trong ngôn ngữ của bạn nói: “...Nhưng,” (Chúa Giê-su nói:) ‘sau...’” nghe tự nhiên hơn.

Giê-su: “(Dù) ⁸²⁷tất cả mọi người ^{GTK828}{bị vấp ngã vì Thầy ⇔ bỏ rơi Thầy ⇔ phạm tội bởi vì (điều xảy ra cho) Thầy ⇔ bỏ đức tin của họ nơi Thầy}, con sẽ không bao giờ ^{GTK}{bị vấp ngã/phạm tội ⇔ bỏ rơi (Thầy) ⇔ bỏ đức tin của con (nơi Thầy)}!” **34** (Chúa) Giê-su trả lời ông/Phê-rô: “^{GTK829}{A-men/Phải, ⁸³⁰(điều đó thật tốt,) (nhưng) Ta bảo con, ⇔ Thật Ta bảo con, ⇔ Ta bảo đảm với con rằng} ⁸³¹{trong đêm nay ⇔ chốc nữa trong đêm nay}, trước khi gà gáy, con sẽ ^{NTT}chối/nói (rằng con không biết) Ta ba lần.” **35** (Nhưng) Phê-rô nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: “(Dù bất cứ việc gì xảy đến cho con,) ngay cả con phải {chết ⇔ bị giết/xử tử} với Thầy, con sẽ ⁸³²không bao giờ ^{833NTT}{chối (rằng con không biết) Thầy ⇔ nói với bất cứ ai rằng con không biết Thầy}!” (Rồi thì) tất cả các môn đệ (của Chúa Giê-su) cũng nói/hứa như vậy.

**26:36-46 (Chúa) Giê-su Cầu Nguyện {Trong Vườn Ghết-sê-ma-nê ⇔
^{NTT}Xin Cha Ngài Cứu Ngài Khỏi Phải Bị Đau Đớn Và Chết ⇔
^{NTT}Xin Ý Muốn Của Đức Chúa Trời Được Nền}**

Mác 14:32-42; Lu-ca 22:39-46

36 Rồi (Chúa) Giê-su ⁸³⁴cùng với {họ ⇔ (mười một) môn đệ của Ngài} đến một chỗ/vườn gọi là ⁸³⁵Ghết-sê-ma-nê, và (tại đó) Ngài bảo ⁸³⁶(một số/hầu hết) các môn đệ (của Ngài): ⁸³⁷“Hãy ngồi ở đây trong khi Ta đi {(lại) đằng kia ⇔ vào sâu (trong vườn) (và/để) {cầu nguyện ⇔ nói chuyện với Đức Chúa Trời}}.” **37** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su đem

⁸²⁷ **26:33** Bạn có thể chuyển ngữ “mọi người” là “tất cả các môn đệ khác của Thầy”.

⁸²⁸ **26:33** Hãy nhất quán với câu 33 trong cách bạn chuyển ngữ “bị vấp ngã” trong câu 31.

⁸²⁹ **26:34** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “A-men, (và) Ta bảo các con” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:18, 26; 6:2, 5, 16; 8:10, 10:15, 23, 42; 11:11, (22, 24); 13:17, 16:28, 17:20, 18:3, 13, 18–19; 19:23, 28; 21:21, 31; 23:36, 24:2, 34, 47; 25:12, 40, 45; 26:13, 21, 34. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 5:18.

⁸³⁰ **26:34** Bạn có thể nói “A-men/Phải, (Ta ao ước đó ^{TVST}là sự thật,) (nhưng)...”

⁸³¹ **26:34** Khi Chúa Giê-su nói ở đây, trời đã tối.

⁸³² **26:35** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “Con sẽ **luôn luôn** bảo mọi người ^{NTT}rằng con biết Thầy!”

⁸³³ **26:35** Trong một số văn hóa, người ta có thể nghĩ Phê-rô chối không biết Chúa Giê-su là tốt, bởi vì làm như vậy ông không bị rắc rối. Nếu trong địa bàn của bạn họ hiểu như vậy, bạn có thể nói: “Con sẽ không bao giờ làm (điều tệ hại như vậy), dù con có phải chết với Thầy!”

⁸³⁴ **26:36** Trong câu 30 Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài **bắt đầu** đi bộ đến vườn Ghết-sê-ma-nê.

⁸³⁵ **26:36 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Ghết-sê-ma-nê” có nghĩa là “máy ép dầu (ô-liu)”. Vườn Ghết-sê-ma-nê nằm ở bên sườn Núi/Đồi Ô-liu, và có lẽ là một vườn ô-liu. Chúa Giê-su và các môn đệ thường gặp nhau ở đây (Lu-ca 22:39, Giảng 18:2).

⁸³⁶ **26:36** Trong câu 37 Chúa Giê-su đem ba môn đệ của Ngài đi **sâu hơn** vào trong vườn.

⁸³⁷ **26:36** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng một từ để gọi tên như “các bạn” để bắt đầu câu đối thoại này.

Phê-rơ và hai con trai của Xê-bê-đê ⁸³⁸(Gia-cơ và Giăng) (vào sâu trong vườn) (và) {bắt đầu cảm thấy ⇔ trở nên} ⁸³⁹{buồn rầu và sâu não ⇔ rất là buồn thảm/sâu não} ⁸⁴⁰(về điều sắp xảy ra cho Ngài). **38** Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su nói với {họ ⇔ ba người ⇔ Phê-rơ và hai con trai Xê-bê-đê ⇔ Phê-rơ, Gia-cơ và Giăng}: “⁸⁴¹{Linh hồn/lòng Ta ⇔ Ta} {đau buồn cho đến chết ⇔ rất là đau buồn/sâu não đến nỗi Ta cảm thấy như là chết}. Hãy ở đây và ⁸⁴²{canh chừng ⇔ tỉnh thức/cảnh giác} (và cầu nguyện) với Ta.”

39 Rồi thì Ngài/(Chúa) Giê-su đi thêm một quãng nữa (và) ⁸⁴³{sấp mặt xuống đất ⇔ nằm rạp xuống đất} (trong sự sâu thảm) (và) cầu nguyện <và nói>: “Lạy Cha, {nếu ⁸⁴⁴có thể được ⇔ nếu Chúa đồng ý}, (xin) {⁸⁴⁵chén/sự đau đớn/sự trừng phạt này lìa khỏi Con ⇔ cất chén (đau đớn/trừng phạt) này khỏi Con ⇔ đừng để Con phải ⁸⁴⁶đi qua sự đau

⁸³⁸ **26:37** Đề cập đến Gia-cơ và Giăng như là “**các con trai của Xê-bê-đê**”, Ma-thi-ơ tránh nhắc đến tên của Gia-cơ và Giăng để làm tăng sự quan trọng của Phê-rơ. Có lẽ tốt nhất là đừng để tên họ trong bản dịch của bạn, nếu được. Cũng làm như vậy với câu 38 và 43. Tuy nhiên, một số người phiên dịch để tên của Gia-cơ và Giăng trong đoạn kinh văn để làm cho rõ ràng là nói đến ai. Có thể để tên họ vào một **LỜI CHÚ THÍCH** là tốt nhất.

⁸³⁹ **26:37** “**buồn rầu và sâu não**” là cách nói về hai ý nghĩa tương tự bằng hai cách khác nhau để nhấn mạnh..

⁸⁴⁰ **26:37** Để tránh hiểu lầm, có thể đối với một vài ngôn ngữ cần phải nói rõ Chúa Giê-su buồn rầu và sâu não về **điều gì**. Chỉ nói rõ thông tin này trong bản dịch nếu cần.

⁸⁴¹ **26:38** Trong ngữ cảnh này “**linh hồn**” là một thành ngữ nói đến trung tâm của tư tưởng và tình cảm, **không** phải là linh hồn còn sống sau khi người ta chết. Bạn có thể cần phải dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “tám lòng” (một từ tương tự) trong Ma 5:8.

⁸⁴² **26:39** Chúa Giê-su muốn các môn đệ của Ngài **tỉnh thức** để họ không phạm tội (câu 41). **Không** nên làm người đọc hiểu là Chúa muốn họ canh chừng xem Chúa cầu nguyện hay canh chừng kẻ thù của Chúa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Mạng lệnh canh chừng của Chúa Giê-su nhắc chúng ta nhớ đến cùng một mạng lệnh ở trong Ma-thi-ơ 24:42, 25:13. Cũng hãy xem 1 Cô-rinh-tô 16:13, Cô-lô-se 4:2, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:6 và 1 Phê-rơ 5:8

⁸⁴³ **26:38** Chuyển ngữ “**sấp mặt xuống đất**” theo cách nào để làm cho rõ ràng là Chúa Giê-su cố ý ngã xuống đất, sấp mặt xuống, để cầu nguyện. Chúa **không** ngã một cách tình cờ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người Do Thái thường đứng (giơ hai tay lên trời) khi họ cầu nguyện. Vị trí của Chúa Giê-su ở trên mặt đất cho thấy Chúa thật là sâu não..

⁸⁴⁴ **26:39** Chúa Giê-su **không** hỏi Đức Chúa Trời xem Chúa có khả năng để cất sự đau đớn đi. Chúa Giê-su đang cầu xin Đức Chúa Trời thay đổi chương trình của Ngài để Chúa Giê-su không phải chịu những sự đau đớn đó.

⁸⁴⁵ **26:39** “**chén**” và “**uống chén**” là thành ngữ để chỉ sự kinh nghiệm nhiều thứ khác nhau, một số điều là tốt (như ở trong Thi-thiên 16:5, 23:5, 116:13), và một số điều là xấu, nhất là **sự trừng phạt** của Đức Chúa Trời (Thi-thiên 11:6, 75:8; Ê-sai 51:17–23, Giê-rê-mi 25:15–38, Ê-xê-chi-ên 23:31–35). Ở đây Chúa Giê-su đang nói đến **sự đau đớn** mà Chúa sẽ phải kinh nghiệm khi Đức Chúa Trời trừng phạt Ngài vì tội lỗi của nhân loại. Bạn có thể giải thích điều đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**. Phải chắc chắn là ở đây **không** nói đến một cái chén thật (mà Chúa Giê-su mang theo người) hay nói về uống rượu. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**chén**” trong Ma 20:22–23. Nếu **không** chuyển ngữ từng từ một ở đây, có thể để nguyên văn vào một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁸⁴⁶ **26:39** Bạn có thể chuyển ngữ “**đi qua**” là “**kinh nghiệm**”.

đón/trùng phạt này}. Nhưng/Tuy nhiên ⁸⁴⁷ (nếu Cha không bằng lòng ⇔ nếu Cha muốn con đi qua điều này), xin {đừng làm theo điều Con muốn, nhưng theo điều Cha muốn ⇔ làm theo ý Cha, không phải theo ý Con}.”

40 {Rồi thì ⇔ Sau đó} Ngài/(Chúa) Giê-su trở lại với ^{GTK848} {các môn đệ (của Ngài) ⇔ (ba) môn đệ} và phát hiện/thấy {họ ⇔ rằng họ} đang ngủ. Vậy nên (sau khi Ngài đánh thức họ dậy,) Chúa {hỏi ⇔ nói với} Phê-rô (và các môn đệ khác của Ngài): “^{CH} {Vậy các con không thể ⇔ Tại sao các con không thể ⇔ (Ta ngạc nhiên/thất vọng thấy rằng) các con không thể} ⁸⁴⁹ {canh chừng ⇔ tỉnh thức} với Ta (chỉ) {một giờ ⇔ một thời gian ngắn} sao?/! 41 {Hãy coi chừng ⇔ Hãy tỉnh thức} và ^{NTT850} {câu nguyện để các con không/sẽ không ⇔ xin Đức Chúa Trời không để các con} {rơi vào ^{GTK851} sự cám dỗ/thử thách ⇔ bị cám dỗ phạm tội ⇔ phạm tội khi các con ^{GTK} bị cám dỗ/thử nghiệm}. ⁸⁵² {Linh hồn/lòng (các con) thì muốn ⇔ Người ta/Các con muốn} ^{GTK853} (chống trả với cám dỗ/phạm tội ⇔ coi chừng), nhưng ^{GTK854} {xác thịt/thân thể (các con) (thì) yếu đuối ⇔ nhưng bản chất con người/tội lỗi của các con thì dễ sa vào cám dỗ phạm tội một cách quá dễ dàng ⇔ họ/các con không thể làm được}.”

42 Một lần nữa/Rồi thì Ngài/(Chúa) Giê-su đi cầu nguyện lần thứ hai (và) <nói>: “Lạy Cha, {nếu ⁸⁵⁵ (chén của sự đau đớn/trùng phạt) này không thể tránh được thì Con

⁸⁴⁷ 26:39 Không nên làm người đọc hiểu là Chúa Giê-su mâu thuẫn với chính mình. Để tránh hiểu sai, có thể cần phải thêm “(nếu Cha không đồng ý)”.

⁸⁴⁸ 26:40 Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su trở lại đây với ba môn đệ (Phê-rô và các con trai của Xê-bê-đê). Tuy nhiên, các môn đệ còn lại có lẽ đang ở gần đó (câu 56) và theo Luca 22:39–46 họ cũng ngủ và nghe được điều Chúa Giê-su nói kế tiếp.

⁸⁴⁹ 26:40 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “{canh chừng ⇔ tỉnh thức}” trong câu 38.

⁸⁵⁰ 26:41 Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “câu nguyện” và “lời cầu nguyện” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (4:2), 5:44, 6:5–9 và tiểu đề, (6:16); 14:23, 17:21, (18:20), 19:13, (15); 21:(12)–13, 22; 23:14, 24:20, 26:36, (38), 39, (40), 41.

⁸⁵¹ 26:41 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “cám dỗ” trong Ma 6:13.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Sự cám dỗ đặc biệt mà các môn đệ sẽ phải đối diện là chối Chúa Giê-su (hãy xem các câu 31–35).

⁸⁵² 26:41 Bạn có thể làm câu nói này trở thành một câu nói tổng quát áp dụng cho tất cả mọi người. Hay có thể tốt nhất là dùng “các con” để chỉ các môn đệ, vì Chúa Giê-su muốn các môn đệ của Ngài áp dụng điều Ngài nói cho chính họ.

⁸⁵³ 26:41 Trong bản Hy-lạp không nói rõ điều linh hồn muốn làm là gì. Nó có thể có nghĩa là “muốn (chống cự lại sự cám dỗ/phạm tội)”, vì đó là điều mà Chúa Giê-su nhắc đến trong mệnh đề trước. Tuy nhiên, nó có thể có nghĩa là “muốn (^{GTK}canh chừng)”, vì đó là điều mà Chúa Giê-su đòi hỏi họ làm. Bạn có thể nói một cách tổng quát hơn: “Các con có ý định tốt, nhưng các con chỉ là con người.” Hay bạn có thể nói: “Mặc dù các con chỉ muốn làm điều tốt/đúng, các con không có sức mạnh/khả năng.”

⁸⁵⁴ 26:41 Hãy nhất quán ở đây với các sự lựa chọn bạn làm trước đó trong câu 41 để hoặc là nói đến người ta một cách tổng quát hay là đặc biệt nói đến các môn đệ của Chúa Giê-su.

⁸⁵⁵ 26:42 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “chén của sự đau đớn” trong câu 39, và xem LỜI CHÚ THÍCH ở đó.

phải uống ⇔ nếu Con cần phải đi qua sự đau đớn/trừng phạt này}, thì ⁸⁵⁶{xin ý Cha được nên ⇔ hãy làm điều Chúa muốn làm (cho Con) ⇔ Con sẽ làm điều Chúa muốn Con làm}.” **43** <Và> khi Ngài/(Chúa) Giê-su trở lại ^{GTK857}(với họ ⇔ với các môn đệ của Ngài ⇔ với ba môn đệ), (một lần nữa) Chúa lại ⁸⁵⁸phát hiện/thấy {họ ⇔ rằng họ} đang ngủ, bởi vì {mắt của họ nặng trĩu ⇔ họ quá mệt để thức ⇔ họ quá mệt mỏi}.

44 Rồi Ngài/(Chúa) Giê-su lại bỏ đi và cầu nguyện lần thứ ba <nói> ^{NTT}{lại y như vậy ⇔ như trước}. **45** Rồi Chúa (lại) trở lại với {các môn đệ của Ngài ⇔ họ} và Ngài {hỏi ⇔ nói với} họ: “^{GTK, CH859}{Các con (vẫn) ⇔ Hãy cứ tiếp tục ⇔ Các con không nên ⇔ (Thật là thất vọng thấy) các con vẫn còn} ngủ và nghỉ ngơi?! <Hãy nhìn>/Kìa, ⁸⁶⁰đã đến giờ {(Ta,) Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} sắp/sẽ bị phản/nộp ^{GTK861}vào tay của {những người phạm tội ⇔ kẻ thù của Đức Chúa Trời/Ta}. **46** ⁸⁶²Hãy thức dậy, chúng ta hãy đi ⁸⁶³(gặp chúng). <Hãy nhìn>/Kìa! {⁸⁶⁴Kẻ phản Ta đang tới kìa! ⇔ Kẻ nộp Ta (cho chúng) đang đến kìa!}”

⁸⁵⁶ **26:42 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su cầu nguyện dùng một số từ giống như Chúa cầu nguyện trong Bài Cầu Nguyện Chung ở Ma-thi-ơ 6:10.

⁸⁵⁷ **26:43** Hãy coi lại xem bạn đang nói đến ai trong các câu 40–44. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 40.

⁸⁵⁸ **26:43** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**phát hiện họ đang ngủ**” trong câu 40, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁸⁵⁹ **26:45** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng trong bản Hy-lạp đây là một **câu hỏi** và có nghĩa là: “Các con vẫn còn đang ngủ...?” Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng đây là một **mệnh lệnh mĩa mai** có nghĩa là “Hãy cứ tiếp tục ngủ...!” Nếu dùng như một câu hỏi, thì có thể dùng như một câu hỏi tu từ cho thấy **sự thất vọng** của Chúa Giê-su. Nếu trong ngôn ngữ của bạn, câu hỏi tu từ **không** bày tỏ sự thất vọng, bạn có thể nói: “Các con không nên ngủ và nghỉ ngơi!” Hay bạn có thể nói: “Thật là thất vọng khi thấy các con vẫn còn ngủ!” Một cách gián tiếp bày tỏ sự thất vọng là “Thật khó tin là các con vẫn còn ngủ!” Hay bạn có thể dùng một câu nói mĩa mai như là “Các con cứ việc ngủ đi!”

⁸⁶⁰ **26:45** Bạn có thể nói: “...bây giờ đã đến giờ **cho** (Ta,) Con Người **bị** ^{GTK}{nộp cho...”

⁸⁶¹ **26:45** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng ở đây hàm ý nói đến **Giu-đa**, bởi vì ở trong câu 46, ông ta được nói đến như là “kẻ phản Ta” (cũng hãy xem câu 24). Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng ở đây hàm ý “**Đức Chúa Trời**”. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một mệnh đề tương tự ở trong Ma 17:22 và 20:18, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 17:22

⁸⁶² **26:46** Có thể để “**Hãy thức dậy, chúng ta hãy đi (gặp chúng)**” ở cuối câu 46 nghe tự nhiên hơn.

⁸⁶³ **26:46** Chúa Giê-su sẽ đi **gặp** kẻ thù của Ngài. Chúa **không** chạy trốn họ.

⁸⁶⁴ **26:46** Hãy so sánh các câu 45 và 46 để chắc chắn là “**kẻ**” nói đến một **người**, **không** phải Đức Chúa Trời. Bạn có thể nói: “...**kẻ đang giúp** (chúng) bắt Ta!” Mặc dù đây nói đến Giu-đa, **đừng** nói tên ông ta ra ở đây.

**26:47-56 Giu-đa {Phản (Chúa) Giê-su ⇔
Nộp (Chúa) Giê-su} Cho Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái**

Mác 14:43-50; Lu-ca 22:47-53; Giảng 18:3-12

47 <Và> trong khi Ngài/(Chúa) Giê-su vẫn còn đang nói, <hãy nhìn/đột nhiên>/thì, Giu-đa, ⁸⁶⁵ (mặc dù ông ta là) một trong mười hai môn đệ (của Chúa Giê-su), ⁸⁶⁶ đến với một ⁸⁶⁷ đám đông lớn gồm có những người cầm gươm và gậy. (Họ được sai đến) bởi các thầy thượng tế và các ⁸⁶⁸ trưởng lão/nhà lãnh đạo (khác) của người Do Thái (để bắt Chúa Giê-su). 48 ⁸⁶⁹ (Trước đó ⇔ Trước khi đám đông này tới vườn,) {kẻ ⁸⁷⁰ (sắp) phản Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ kẻ phản Chúa ⇔ Giu-đa} {đã cho họ một dấu hiệu ⇔ đã dặn/bảo đám đông về làm thế nào để biết được ai là người họ muốn bắt} hấn nói: ^{NGT871} “Người mà tôi (chào bằng một) ⁸⁷² cái hôn (trên má) là người mà (các ông muốn). Hãy bắt Ngài.” 49 Vậy ngay lúc (Giu-đa và đám đông tới vườn,) hấn/Giu-đa đến chỗ (Chúa) Giê-su (và) nói (với Ngài): “Chào Thầy.” Rồi hấn ⁸⁷³ {hôn (lên má) (Chúa) Giê-su ⇔ chào Ngài/(Chúa) Giê-su} ⁸⁷⁴ (như là bạn thân chào nhau). 50 <Sau đó> (Chúa) Giê-su/Chúa trả lời hấn/Giu-

⁸⁶⁵ 26:47 Mặc dù “một trong mười hai môn đệ” không cho thêm tin tức gì mới lạ, nó nhấn mạnh tội lỗi của Giu-đa tệ hại tới mức nào. Vậy không nên xoá đi như một số bản dịch đã làm.

⁸⁶⁶ 26:47 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta biết từ trong sách Lu-ca 13:30 rằng Giu-đa đã lia khỏi Chúa Giê-su và các môn đệ khác trước đó trong khi họ còn đang ăn trên lầu. Ông ta không đến vườn Ghết-sê-ma-nê cùng một lúc với Chúa và các môn đệ.

⁸⁶⁷ 26:47 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu **nhận diện** đám đông trước và nói: “...một đám đông lớn (được sai tới bởi) các thầy thượng tế và các trưởng lão/nhà lãnh đạo Do thái. (Chúng có) gươm và gậy (và sẵn sàng để chiến đấu).”

⁸⁶⁸ 26:47 Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “các trưởng lão” ở Ma 16:21.

⁸⁶⁹ 26:48 Có thể cần phải sắp đặt thứ tự của các câu 47–49 theo **thứ tự** của các biến cố thật sự xảy ra. Có thể thay đổi **cấu trúc** của câu 48 nghe cho tự nhiên hơn và nói: “(Giu-đa) kẻ phản bội đã bảo những người đi bắt Chúa Giê-su ^{NTT} rằng người mà hấn hôn/chào là Chúa Giê-su.”

⁸⁷⁰ 26:48 Có thể nghe tự nhiên hơn nếu chuyển nhóm từ “(kẻ sắp) phản Ngài/(Chúa) Giê-su” lên câu 47 chỗ giới thiệu Giu-đa. Bạn có thể nói: “(kẻ sắp) nộp Chúa Giê-su cho các kẻ thù của Ngài”.

⁸⁷¹ 26:48 Có thể dùng một **câu đối thoại gián tiếp** ở đây nghe tự nhiên hơn và nói: “...bảo chúng rằng người mà hấn sẽ (chào bằng một) cái hôn là người chúng nên bắt giữ.”

⁸⁷² 26:48 Nếu trong địa bàn của bạn người ta cho là việc người đàn ông hôn người đàn ông là xấu hay không đúng, bạn có thể không cần phải nói rõ và chỉ nói: “...người tôi (chào) là người (mà các ông muốn).”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo phong tục Do Thái bạn thân thường chào hỏi nhau bằng cách hôn lên hai má. Người Do Thái coi việc trung thành với bạn rất là quan trọng. Các độc giả của Ma-thi-ơ sẽ rất kinh hoàng khi nghe Giu-đa có thể hành động như một người bạn thân của Chúa (ở đây và ở trong câu 23) và rồi phản bội giao Chúa cho kẻ thù của Ngài.

⁸⁷³ 26:49 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “hôn” trong câu 48.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Trong văn hoá Do Thái môn đệ chào thầy trước được coi là không kính trọng người thầy. Nó cho thấy là Giu-đa cảm thấy ông ta bằng (hay hơn) Chúa Giê-su.

⁸⁷⁴ 26:49 Nếu bạn đã kèm theo một **LỜI CHÚ THÍCH** về việc hôn trong câu 48, có lẽ bạn không cần nói rõ **thông tin được hàm ý** ở đây.

đa: “⁸⁷⁵Bạn ơi, ^{GTK876}{(hãy làm) việc bạn định làm. ⇔ tại sao bạn ở đây? ⇔ tại sao bạn đến?” Rồi thì (đám đông) tiến lên, {ra tay ⇔ nắm lấy} và bắt Ngài. **51** {<Và/Hãy nhìn> ⇔ Này}, ⁸⁷⁷một người trong đám người ở với (Chúa) Giê-su <cho tay vào,> rút ⁸⁷⁸gươm ra, <và> ⁸⁷⁹đánh/tấn công ⁸⁸⁰một nô lệ/đầy tớ của thầy trưởng tế, (và) chém đứt {lỗ tai ⁸⁸¹((phải)) của nó ⇔ một lỗ tai của nó}. **52** Rồi/Nhưng (Chúa) Giê-su nói với người đó: “Hãy cắt gươm {vào vỏ ⇔ đi}, bởi vì {kẻ nào dùng gươm sẽ chết vì gươm ⇔ người tranh đấu và giết sẽ bị giết ⇔ đánh và giết chỉ tạo thêm đánh và giết}! **53** Ngoài ra, ^{CH}{các con nghĩ rằng Ta không thể ⇔ các con không biết rằng Ta có thể ⇔ các con nên biết rằng Ta có thể} kêu/xin Cha Ta ^{NTT}(giúp đỡ) và lập tức Ngài sẽ sai {hơn mười hai ⁸⁸²đạo ⇔ hàng ngàn ⇔ vô số} thiên sứ (bảo vệ/giúp đỡ Ta) sao?! **54** Nhưng (nếu Ta làm như vậy ⇔ nếu Ta ngăn cản họ bắt Ta), ^{CH}{làm thế nào để ứng nghiệm điều Kinh Thánh nói sẽ xảy ra? ⇔ Lời Chúa đã nói điều này phải xảy ra cho Ta sẽ không trở nên sự thật được.} (Vậy nên Ta không làm điều đó. ⇔ Vậy nên Ta sẽ không xin Đức Chúa Trời giúp đỡ.)”

55 {Vào ⁸⁸³giờ/lúc đó ⇔ Rồi thì} (Chúa) Giê-su {hỏi ⇔ nói với} đám đông/những người (bắt Ngài): “^{CH884}{(Tại sao) các người ⇔ Các người có cần ⇔ Các người không

⁸⁷⁵ **26:50** Lời nói của Chúa Giê-su thật **mĩa mai**, tức là, Chúa gọi Giu-đa là “**bạn**” mặc dù Giu-đa không có ý làm bạn. Chúa Giê-su thật sự **không** muốn Giu-đa phản Ngài. Chúa đang nói cho Giu-đa biết là Chúa biết hẳn ta đến để phản Chúa.

⁸⁷⁶ **26:50** Trong bản Hy-lạp nói: “**cho việc bạn đã đến.**” Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDY, BCG) giải thích đó là một **mạng lệnh**: “(hãy làm) việc bạn định (làm).” Tuy nhiên, một số học giả khác (và BDC) nghĩ đó là một **câu hỏi**: “tại sao người ở đây?” hay có thể là một câu hỏi tu từ: “tại sao người (thật sự) đến đây?” có nghĩa là “Ta biết lý do tại sao người ở đây.”

⁸⁷⁷ **26:51 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giăng 18:10, Phê-rô là người rút gươm và chém đứt tai đứa đầy tớ của thầy trưởng tế. Theo Lu-ca 22:38, có hai môn đệ của Chúa Giê-su có gươm.

⁸⁷⁸ **26:51** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp nói đến **gươm ngắn** hay một con dao dài/lớn. Tiếng Hy-lạp dùng một từ khác để chỉ gươm dài.

⁸⁷⁹ **26:51** Bạn có thể nói: “...và cắt đứt tai (bên mặt) của người nô lệ/đầy tớ của thầy trưởng tế.”

⁸⁸⁰ **26:51** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ từ Hy-lạp “*doulos*” (“**nô lệ**” hay “**đầy tớ**”) trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (3:11), (6:10, 24); 8:9, 10:24–25; 13:(24–25), 27–28; 14:2, 18:23–34 và tiểu đề; 20:26–27; 21:(33)–36; 22:(2)–8, 10; 23:11, 24:45–46, 48–50 và tiểu đề; 25:14, (16–24), 26, (28), 30 và tiểu đề; 26:51, và hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 8:9 và 20:27. So sánh từ đó với cách bạn chuyển ngữ “**đầy tớ gái**” trong Ma 26:69, (71), “**thiên sứ**” (hãy xem Ma 28:5) và “**kẻ đạo đức giả**” (hãy xem Ma 24:51).

⁸⁸¹ **26:51** Nếu bạn phải nói rõ là tai nào bị cắt đứt, chúng ta biết từ Lu-ca 22:50 và Giăng 18:10 đó là **tai phải**.

⁸⁸² **26:53** Có khoảng 3.000 đến 6.000 người trong một **sư đoàn/đạo quân** của người La-mã. Mười hai đạo quân sẽ có vào khoảng 36,000 cho đến 72,000 quân lính. Con số chính xác **không** quan trọng ở đây, mặc dù con số **mười hai** có thể có vẻ đặc biệt vì có mười hai người tất cả. Điểm Chúa muốn nói ở đây là nếu cần Đức Chúa Trời sẽ có dư thiên sứ để sai xuống bảo vệ Chúa Giê-su.

⁸⁸³ **26:55** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**vào giờ/lúc đó**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 8:13, 10:19, 18:1, 26:55. So sánh từ đó với cách bạn chuyển ngữ “**kể từ giờ/lúc đó**” trong Ma [8:13], 9:22, 15:28, 17:18.

⁸⁸⁴ **26:55** Hay bạn có thể nói: “Ta không phải là một kẻ cướp. Các người không cần phải đem gươm và gậy đến bắt Ta.”

cần phải} đến bắt Ta với gươm và gậy như là (các người đến) {để ⇔ để bắt} một ^{GTK885} kẻ cướp nguy hiểm?/. ⁸⁸⁶ Mỗi ngày Ta ngồi ⁸⁸⁷ [với các người] trong sân đền thờ (và dạy (người ta) về {Đức Chúa Trời ⇔ sứ điệp của Đức Chúa Trời}),/. {nhưng các người không bắt Ta. ⇔ ^{CH} Tại sao các người không bắt Ta vào lúc đó?} **56** <Nhưng> {việc này ⇔ điều các người làm bây giờ} phải xảy ra để ⁸⁸⁸ {lời tiên tri đã chép ⇔ điều các tiên tri (của Đức Chúa Trời) đã chép (từ xưa)} (về Ta) sẽ {được ứng nghiệm ⇔ trở nên sự thật ⇔ xảy ra}.” Sau đó tất cả các môn đệ (của Chúa Giê-su) ⁸⁸⁹ bỏ rơi Ngài/(Chúa) Giê-su (và) chạy trốn (để họ không bị bắt).

**26:57-68 (Chúa) Giê-su Ra Trước Phiên Xử Của {Hội Đồng Quốc Gia
⇔ Tối Cao Pháp Viện Của Người Do Thái}**

Mác 14:53-65; Lu-ca 22:54-55, 63-71; Giăng 18:13-14, 19-24

57 <Rồi thì> sau khi (họ ⇔ đám đông) bắt (Chúa) Giê-su, họ đem Ngài vào (dinh/nhà của) ⁸⁹⁰ thầy trưởng tế Cai-pha, nơi các chuyên gia Kinh Luật và ⁸⁹¹ các trưởng lão/nhà lãnh đạo (của người Do Thái) đã tụ họp lại (để ⁸⁹² xử Ngài/(Chúa) Giê-su). **58** <Rồi thì> Phê-rô đi theo Ngài/(Chúa) Giê-su (và đám đông) từ đằng xa đến ⁸⁹³ sân (ở

⁸⁸⁵ **26:55** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể hoặc là nói đến **kẻ cướp** (như BDM, BDC, BDY, BCG) hay tội nhân hay một người phản loạn. Một **người phản loạn** là một người cố gắng để lật đổ chính phủ.

⁸⁸⁶ **26:55** Có thể để câu sau **lên đầu** câu nói của Chúa Giê-su nghe tự nhiên hơn. Bạn cũng có thể thay đổi lời và nói: “Mỗi ngày các người có dịp tiện để bắt Ta trong khi Ta dạy dỗ (người ta) trong sân đền thờ. **Tại sao** các người chờ đến bây giờ mới bắt Ta?” Hay bạn có thể nói: “**Tại sao** các người không bắt Ta trong sân đền thờ? **Các người thấy** Ta ở đó dạy dỗ (dân chúng) mỗi ngày.”

⁸⁸⁷ **26:55** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**với các người**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

⁸⁸⁸ **26:56 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở câu 24 về các lời tiên tri được Chúa Giê-su làm ứng nghiệm.

⁸⁸⁹ **26:56** Nếu bạn kèm theo **LỜI CHÚ THÍCH** sau đây, **phải chắc chắn** là nó phù hợp với cách bạn chuyển ngữ trong câu 31.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su nói tiên tri trong câu 31 rằng các môn đệ của Ngài sẽ {bỏ rơi Ngài ⇔ ^{GTK} bị tản lạc ⇔ tản lạc}.

⁸⁹⁰ **26:57 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giăng 18:12–14, 19–24, Chúa Giê-su có một phiên xử trước mặt An-na (thầy trưởng tế cũ), theo sau là phiên xử trước Cai-pha và những người còn lại trong Hội Đồng Quốc Gia.

⁸⁹¹ **26:57 “các trưởng lão”** là một tước vị cho tất cả những nhà lãnh đạo Do Thái. Thầy trưởng tế và các chuyên gia Kinh Luật cũng là những nhà lãnh đạo—có lẽ họ được nói đến một cách đặc biệt ở đây là để nhấn mạnh vai trò của họ trong phiên tòa xử Chúa Giê-su. Hãy xem điều bạn làm cho một trường hợp tương tự ở trong Ma 16:21.

⁸⁹² **26:55** Hãy dùng cách tự nhiên để đề cập đến Chúa Giê-su ở đây. Nếu bạn dùng đại từ “**Ngài**”, phải chắc chắn là từ ấy nói đến Chúa Giê-su, **không** phải Cai-pha.

⁸⁹³ **26:58** Một **sân** là một mảnh đất **không** có mái che, có các hiên và các toà nhà bao bọc chung quanh.

trong dinh) của thầy trưởng tế. Rồi ông/Phê-rô vào trong (sân) (và) ngồi xuống với ⁸⁹⁴ các đầy tớ/lính gác trong dinh để xem {kết cuộc ⇔ kết quả phiên xử (của Chúa Giê-su) ⇔ điều gì sẽ xảy ra (cho Chúa Giê-su)}.

59 <Rồi thì> ⁸⁹⁵ (ở bên trong toà án, ⇔ bên trong dinh/nhà,) các thầy thượng tế và ⁸⁹⁶ {toàn thể ⇔ tất cả ⇔ ⁸⁹⁷ [các trưởng lão/nhà lãnh đạo (khác), ⁸⁹⁸ tức là,] toàn thể} ⁸⁹⁹ {Hội Đồng Quốc Gia ⇔ Tối Cao Pháp Viện của người Do Thái} cố gắng tìm ⁹⁰⁰ {lời chứng/bằng cứ/sự tố cáo giả dối chống lại (Chúa) Giê-su/Ngài ⇔ nhân chứng sẽ nói láo và nói rằng ^{NTT} (Chúa) Giê-su đã làm một điều gì sai} ⁹⁰¹ để {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái} {có thể ⇔ sẽ có lý do để} {hành quyết Ngài ⇔ xử tử/giết Ngài}, **60** nhưng ^{TD902} (mặc dù) {nhiều người đứng ra làm chứng dối (và làm chứng để buộc tội Ngài) ⇔ nhiều người đứng trước Hội Đồng Quốc Gia và nói dối (về Ngài/Chúa Giê-su)}, họ không thể tìm được ⁹⁰³ (hai người chứng có lời chứng/lời tố cáo/chuyện phù hợp với nhau ⇔ lời tố cáo nào nghiêm trọng đủ để kết án tử hình ⇔ bất cứ chứng cứ nào mà họ có thể dùng). <Sau đó> cuối cùng, hai ⁹⁰⁴ [nhân chứng dối ⇔ người] đứng ra **61** (và) nói (với Hội Đồng

⁸⁹⁴ **26:58** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp là một từ tổng quát có thể dùng để chỉ nhiều loại **đầy tớ** khác nhau. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những đầy tớ mà Phê-rô ngồi với là **các lính gác**.

⁸⁹⁵ **26:59** Phiên toà xử Chúa Giê-su có lẽ xảy ra ở trong **toà án** trong **dinh/nhà** của thầy trưởng tế, **không** phải ở trong sân (hãy xem câu 69).

⁸⁹⁶ **26:59** Nên nói rõ là **các thượng tế** cũng là thành viên của Hội Đồng Quốc Gia.

⁸⁹⁷ **26:59** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “các trưởng lão/nhà lãnh đạo (khác), tức là,” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có nhưng hàm ý.

⁸⁹⁸ **26:59** Các thầy thượng tế và [các trưởng lão/nhà lãnh đạo (khác)] họp lại thành Hội Đồng Quốc Gia.

⁸⁹⁹ **26:59** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Hội Đồng Quốc Gia**” trong Ma 5:22 và tiểu đề ở 26:57. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Hội Đồng Quốc Gia”, hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “các thầy trưởng tế” ở Ma 2:4.

⁹⁰⁰ **26:59 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Luật Pháp của người Do Thái, làm nhân chứng dối trong một phiên toà như thế này sẽ bị hành quyết (Phục 19:16–21). Dưới sự cai trị của La-mã ít nhất là họ phải bị trừng phạt.

⁹⁰¹ **26:59** Có thể làm rõ ý và nghe tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu này và nói: “Các thầy thượng tế và {toàn thể ⇔ tất cả những người còn lại của ⇔ [các trưởng lão/nhà lãnh đạo khác, tức là,] toàn thể} {Hội Đồng Quốc Gia ⇔ Tối Cao Pháp Viện của người Do Thái} muốn {**hành quyết** Chúa Giê-su ⇔ Chúa Giê-su bị xử tử}, vậy nên họ cố gắng **tìm** lời chứng/bằng chứng/sự tố cáo đối chống lại Ngài.”

⁹⁰² **26:60 Thứ tự** thật sự của các từ dùng trong bản Hy-lạp là: “...nhưng họ không thể tìm (hai...), (mặc dù) nhiều nhân chứng dối đứng ra.”

⁹⁰³ **26:60 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Để kết án tử hình một người, Luật Pháp của người Do Thái đòi hỏi phải có ít nhất hai người cùng tố cáo người ấy về cùng một tội (Dân số 35:30 và Phục 17:6, 19:15).

⁹⁰⁴ **26:60** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**làm chứng dối**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái): “⁹⁰⁵(Người) này đã nói rằng: ^{NGT}⁹⁰⁶‘Ta có thể {làm sập ⇔ phá hủy} ⁹⁰⁷đền thờ của Đức Chúa Trời rồi ⁹⁰⁸dựng ⁹⁰⁹[nó] lại ⁹¹⁰trong ba ngày!’ ”

62 {Rồi thầy trưởng tế ⇔ Rồi Cai-pha ⇔ Khi thầy trưởng tế nghe vậy, ông ta (bực mình đến độ ông ta)} đứng dậy (và) hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: ⁹¹¹“Anh không trả lời/nói ^{GTK}⁹¹²{gì (để biện hộ cho mình) về ⇔ gì về} điều họ làm chúng/nói nghịch lại Anh sao?”

63 Nhưng ⁹¹³(mặc dù Chúa Giê-su không có tội,) (Chúa) Giê-su/Ngài {vẫn yên lặng ⇔ đã không biện hộ cho chính mình}. Vậy nên thầy trưởng tế ⁹¹⁴<[trả lời]> nói với Ngài/(Chúa) Giê-su: “Ta {truyền lệnh cho Anh ⇔ bắt anh phải khai} trong (danh của) ⁹¹⁵Đức Chúa Trời (Hàng) Sống/Chân Thật, hãy nói {cho chúng tôi biết có phải Anh là ⇔ cho chúng tôi biết, có phải Anh xưng nhận là} {Đấng Cứu Thế ⇔ Cứu Chúa/Vua được (Đức Chúa Trời) hứa}, (là) Con của Đức Chúa Trời phải không?” **64** (Chúa) Giê-su/Chúa trả lời ông ta:

⁹⁰⁵ **26:61** Trong ngữ cảnh này “(Người) này” có lẽ được dùng để cho thấy sự **khinh bỉ/không kính trọng** với Chúa Giê-su.

⁹⁰⁶ **26:61 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đây là một sự tố cáo nghiêm trọng bởi vì hủy phá đền thờ là một tội mà chính phủ La-mã sẽ trừng phạt với án tử hình. Tuy nhiên, Chúa Giê-su không nói là Ngài sẽ phá hủy đền thờ. Chúa thật sự nói: “Phá hủy đền thờ này đi rồi trong ba ngày Ta sẽ dựng lại.” Đền thờ mà Chúa đang nói ở đây là chính thân thể của Ngài (hãy xem Giăng 2:19–22).

⁹⁰⁷ **26:61** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đền thờ” trong Ma 4:5, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁹⁰⁸ **26:61 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Dựa trên các đoạn kinh văn như là Giê-rê-mi 7:12–15; 26:4–6, 9; Xa-cha-ri 6:12–13; 2 Sa-mu-ên 7:12–13 và Ê-xê-chi-ên, người Do Thái mong đợi Đức Chúa Trời phá hủy đền thờ và họ mong đợi Chúa hay Đấng Cứu Thế thay thế nó bằng một đền thờ mới, toàn hảo hơn. Lời tố cáo chống lại Chúa Giê-su ở đây có nghĩa là Ngài đang nhận mình là Đấng Cứu Thế. Các nhà lãnh đạo người Do Thái không tin điều đó và họ coi đó là dị giáo nếu có ai xưng nhận như vậy. Có lẽ đó là lý do thầy trưởng tế hỏi Chúa Giê-su trong câu 63 là Ngài có phải là Đấng Cứu Thế không.

⁹⁰⁹ **26:61** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**nó**” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

⁹¹⁰ **26:61** Các nhân chứng đang tố cáo Chúa Giê-su tuyên bố là Ngài có thể **hoàn tất** việc xây dựng đền thờ **trong** ba ngày, **không** phải là Chúa sẽ bắt đầu xây dựng đền thờ sau ba ngày.

⁹¹¹ **26:62** Bạn có thể nói: “Anh đã nghe lời làm chúng/tố cáo của họ chống lại Anh! {Anh có câu trả lời/sự giải thích nào không? ⇔ Anh giải thích thế nào về điều họ nói?}”

⁹¹² **26:62** Đa số các học giả Kinh Thánh (và BCG) nghĩ câu đối thoại này bao gồm **hai câu hỏi**. Tuy nhiên, một số học giả (và BDM, BDC, BDY) nghĩ rằng chỉ có **một** câu hỏi.

⁹¹³ **26:63 Sự yên lặng** của Chúa Giê-su **không** nên hàm ý rằng Ngài có tội hay sợ hãi. Trong một vài văn hoá nếu một người **không** tự biện hộ cho mình sẽ bị coi như là có tội (như ở trong Ma 22.12).

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Ê-sai đã tiên tri rằng Đấng Cứu Thế sẽ chịu án tử hình mà không biện hộ gì cho chính mình (Ê-sai 53:7). Đó chính là điều đã xảy ra (hãy xem Ma 26:52–54, 63; 27:12–14). Chúa Giê-su không có tội hay sợ hãi, nhưng có lẽ Chúa không muốn can thiệp vào những biến cố dẫn tới sự chết của Ngài.

⁹¹⁴ **26:63** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**trả lời**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có. Để hàm ý nghe tự nhiên hơn trong các bản tiếng Việt. Hãy quyết định xem cách nào nghe tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

⁹¹⁵ **26:63** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Đức Chúa Trời Hàng Sống**” trong Ma 16:16.

⁹¹⁶“(Nhu) ông đã nói. Nhưng/Thật, Ta bảo (tất cả) các ông (rằng) ^{GTK}⁹¹⁷{từ nay (trở đi) ⇔ trong tương lai ⇔ sau lúc này} (như Kinh Thánh chép ⇔ như Lời Chúa đã chép): ‘Các ông sẽ thấy {(Ta,) ⁹¹⁸Con Người ⇔ (Ta) Đấng trở nên con người} ⁹¹⁹ngự bên phải của ⁹²⁰{Đấng Đây Quyền Năng ⇔ Đấng/Đức Chúa Trời Toàn Năng} {và (các ông sẽ thấy ⁹²¹Ngài/Ta) đến ⇔ khi Ngài/Ta đến} ⁹²²trên mây trời.’ ” (Thi Thiên 110:1, Đa-ni-ên 7:13-14) **65** {Rồi/Lập tức ⁹²³thầy trưởng tế ⇔ Ngay khi thầy trưởng tế nghe điều (Chúa) Giê-su nói, ông ta} ⁹²⁴xé ⁹²⁵áo mình (trong sự giận dữ ⇔ để tỏ sự giận dữ) (và) nói (với Hội Đồng Quốc Gia ⇔ các thành viên khác của hội đồng/toà án): “Nó đã phạm thượng! ^{CH}{Tại sao chúng ta vẫn ⇔ Chúng ta không} cần có thêm nhân chứng (để kết án hấn)?/! Kia! (Tất cả) quý vị vừa nghe lời phạm thượng đó! **66** {Quý vị nghĩ sao? ⇔ Quý vị định án/quyết định/đoán xét như thế nào? ⇔ Quý vị xét hấn như thế nào, có tội hay vô tội?}” <Rồi> họ trả lời (ông ⇔ thầy trưởng tế) <(và) nói>: “(Hấn có tội và như vậy ⇔ Hấn phạm thượng và như vậy) hấn ⁹²⁶{đáng tội ⁹²⁷chết ⇔ nên bị xử tử}!” **67** Rồi thì

⁹¹⁶ **26:64** Chúa Giê-su nói “**Có/Phải**” trong một cách gián tiếp (so sánh với Mác 14:62 nói trực tiếp hơn). Ngài trả lời một cách lễ phép/kính trọng, **không** chống đối. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ điều này trong câu 25.

⁹¹⁷ **26:64** Trong bản Hy-lạp nói “**từ nay (trở đi)**”. Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su muốn nói từ nay trở đi (hay sắp sửa) các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ thấy Con Người như một nhà lãnh đạo chiến thắng. Tuy nhiên, một số học giả nghĩ Chúa Giê-su muốn nói “trong tương lai”, đề cập đến sự quang lâm của Ngài trong Ngày Đoán Xét.

⁹¹⁸ **26:64** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Con Người**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 8:20, 9:6, 10:23, 11:19, 12:8, 32, 40; 13:37, 41; 16:13, 27–28; 17:9, 12, 22; 18:11, 19:28, 20:18, 28; 24:27, 30 và tiểu đề, 24:37, 39, 44; 25:(1, 13–14), 31; 26:2, 24, 45, 64. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 8:20.

⁹¹⁹ **26:64** “ngôi bên hữu (Đức Chúa Trời) Toàn Năng và đến” có thể là một **thành ngữ** có nghĩa là “đến với {đầy quyền năng và vinh quang thiên thượng của Đức Chúa Trời ⇔ sự bày tỏ trọn vẹn quyền năng và vinh quang của Đức Chúa Trời}”.

⁹²⁰ **26:64** Nên làm cho rõ là “**Đấng Đây Quyền Năng**” là một tên hay tước vị nói đến **Đức Chúa Trời**.

⁹²¹ **26:64** Nên làm cho rõ là “**Ngài/Ta**” (hay “**Chúa/Ta**”) ở đây nói đến Con Người, **không** phải Đức Chúa Trời.

⁹²² **26:64** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**trên mây trời**” trong Ma 24:30.

⁹²³ **26:65** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thầy trưởng tế**” qua suốt sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 26:3, 51, 57, 58, 62, 63, 65, (66, 69). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 2:4.

⁹²⁴ **26:65** Nên nói rõ là thầy trưởng tế **có ý xé quần áo**. Đó **không** phải là một điều tình cờ. Tuy nhiên, **không** nên làm người đọc hiểu là ông ta xé áo ra làm từng mảnh nhỏ một. Có lẽ ông chỉ xé một đường thôi.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các thành viên của Hội Đồng Quốc Gia không tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế hay Con của Đức Chúa Trời (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “**dòng dõi của Đa-vít**” ở Ma-thi-ơ 22:42). Thầy trưởng tế xé áo quần của mình để cho thấy là ông ta giận dữ vì Chúa Giê-su đã xưng nhận như vậy. Điều này thật là lạ lùng vì Lê-vi Ký 10:6 và 21:10 cấm thầy trưởng tế xé áo quần.

⁹²⁵ **26:65** Nên nói rõ là thầy trưởng tế xé quần áo của **chính ông**, **không** phải quần áo của Chúa Giê-su.

⁹²⁶ **26:66** Bạn có thể nói: “...chúng ta nên xử tử hấn!”

⁹²⁷ **26:66 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Luật Pháp của người Do Thái đòi hỏi rằng bất cứ ai phạm thượng với Đức Chúa Trời phải bị xử tử (Lê-vi Ký 24:16).

GTK⁹²⁸ {chúng ⇔ một số thành viên của Hội Đồng/toà án} nhỏ lên mặt Ngài/(Chúa) Giê-su (để tỏ sự khinh bỉ/bất kính với Ngài ⇔ để sỉ nhục Ngài) và họ ⁹²⁹đám Ngài. Những người khác ⁹³⁰(bịt mắt Chúa lại,) tát Ngài **68** (và) {nói ⁹³¹(một cách mỉa mai) ⇔ chế nhạo Ngài}: “{⁹³²Hãy nói tiên tri cho chúng ta, ⁹³³Đấng Cứu Thế, ai đánh anh? ⇔ Nếu anh thật là tiên tri của Đức Chúa Trời, nói cho chúng ta biết ai đã đánh anh, Đấng Cứu Thế! ⇔ Hãy cho chúng ta thấy anh là một tiên tri, anh kia, Đấng Cứu Thế! Cho chúng ta biết ai đã đánh anh!}”

26:69-75 **Phê-rô**^{NTT} **Chối Ràng Ông Không Biết (Chúa) Giê-su**

Mác 14.66-72; Lu-ca 22:56-62; Giảng 18:15-18, 25-27

69 Bấy giờ/Trong khi Phê-rô đang ngồi ngoài ⁹³⁴sân ở trong dinh, và/khi một người đây tớ gái đến chỗ ông ngồi (và) nói: “Ông ⁹³⁵cũng {ở với ⇔ là một người đi theo/bạn của} Giê-su {người Ga-li-lê ⇔ một người ở (tỉnh) Ga-li-lê}.” **70** Nhưng ông ta/Phê-rô chối trước mặt mọi người nói (với cô ta): “{Tôi ⁹³⁶không biết cô nói gì! ⇔ Cô đang nói cái gì?} (Tôi chẳng bao giờ ở với ông ta/Giê-su!)”

⁹²⁸ **26:67** Mặc dù có thể là các đây tớ (các lính gác đền thờ) (hay ít nhất là có họ ở trong số người đó như trong Lu-ca 22:63 đã đề nghị), bản Hy-lạp có vẻ nói là **các thành viên** của Hội Đồng Do Thái nhỏ lên mặt Chúa, đánh Ngài, (bịt mắt Ngài), tát vào mặt Ngài và chế nhạo Ngài.

⁹²⁹ **26:67** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp nói đến một người dùng **nắm tay** để **đánh**. Một số ngôn ngữ có từ riêng để nói về việc đó (giống như “đấm” trong tiếng Việt). Những ngôn ngữ khác dùng nhóm từ như là “(dùng nắm tay của họ) mà đánh Ngài”.

⁹³⁰ **26:67** Câu hỏi ở trong câu 68 hàm ý rằng Chúa Giê-su **bị bịt mắt**, Mác 14.65 và Lu-ca 22.64 nói rõ thông tin này.

⁹³¹ **26:68 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Việc các nhà lãnh đạo người Do Thái làm ở đây phản ánh một sự thử nghiệm theo truyền thống để quyết định xem một người có phải là Đấng Cứu Thế không. Thử nghiệm này được dựa vào Ê-sai 11:3 nói rằng: “chẳng phán xét theo mắt mình thấy”. Tuy nhiên, vì các nhà lãnh đạo Do Thái không tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế, họ không thật sự nghĩ rằng Chúa sẽ có thể tiên tri được là ai đánh Ngài. Họ chỉ chế nhạo Chúa.

⁹³² **26:68** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đã tiên tri**” và “**lời tiên tri**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:22, 2:5, 15; 4:14, 7:22, 12:17, 13:14, 15:7, 24:15, 26:68. Cũng hãy xem các tiểu đề ở 16:21, 17:22, 20:7, 24:1, 26:20, 31. So sánh cách chuyển ngữ đó với “**tiên tri**” được liệt kê ở Ma 27:9..

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là mỉa mai khi Chúa Giê-su bị đòi phải nói tiên tri trong khi hai lời tiên tri trước đó của Ngài đang được ứng nghiệm (hãy xem Ma-thi-ơ 16:21, 17:12, 22–23; 20:18–19 về những lời tiên tri về các nhà lãnh đạo Do Thái sẽ từ khước Ngài, và 26:34 về lời tiên tri việc Phê-rô chối Chúa).

⁹³³ **26:68** Ở đây “**Đấng Cứu Thế**” được dùng như một tước vị. Bạn có thể nói: “(Anh kia) Đấng Cứu Thế” để làm cho rõ ràng là họ **không** tin rằng Chúa Giê-su là Đấng Cứu Thế, nhưng đang chế nhạo Ngài.

⁹³⁴ **26:69** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**sân**” trong câu 58.

⁹³⁵ **26:69 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Giảng 18:15–16, Giảng ở đó với Phê-rô.

⁹³⁶ **26:70** Phê-rô **hiếu** tiếng nói của người đây tớ gái và điều cô ta nói với ông. Ông chối rằng ông không biết Chúa Giê-su hay chưa bao giờ ở với Ngài.

71 Rồi (ông ta/Phê-rô) đi ra khỏi (sân) {đi ra đến ⁹³⁷ cổng vào/lối đi/hiên (của sân) ⇔ đi vào lối đi (dẫn ra cửa) ⇔ tới khu ở gần cửa} một người (đầy tớ gái) khác thấy ông và nói với những người ở/đứng đó: “{Ông ⇔ Người này} ⁹³⁸ [cũng] ở với Giê-su ⁹³⁹ {người Na-xa-rét ⇔ người từ thành Na-xa-rét}.” 72 <Và> một lần nữa ông/Phê-rô chối (Chúa Giê-su ⇔ không nhận rằng ông ở với Chúa Giê-su) ông ^{NTT} thề (và nói): “Tôi thề rằng tôi không biết người (cô đang nói)!”

73 <Rồi thì> ⁹⁴⁰ một lúc sau mấy người đứng đó đến gần Phê-rô (và) (một người trong họ) nói (với ông): “(Không kể đến lời anh nói, ⇔ Chúng tôi biết rằng) anh thật/cũng là một người {trong bọn đó ⇔ trong đám người đi cùng/môn đệ của Giê-su}, bởi vì ⁹⁴¹ {giọng nói của anh tố cáo anh ⇔ chúng tôi có thể nói như vậy được qua giọng nói của anh} ⁹⁴² (rằng anh cũng từ tỉnh Ga-li-lê như bọn họ).” 74 Rồi thì ông/Phê-rô {bèn ^{GTK943} rửa và ⁹⁴⁴ thề rằng: “Tôi không biết ⁹⁴⁵ người!” ⇔ nói (với họ): “Tôi thề rằng tôi không (hề) biết người (mà các ông đang nói)! Nếu tôi nói dối xin Đức Chúa Trời trừng phạt tôi!” <Và> lập tức gà gáy. 75 Rồi Phê-rô nhớ lại {lời nói của (Chúa) Giê-su ⇔ rằng (Chúa) Giê-su} đã bảo (ông): ^{NGT946} “Trước khi gà gáy, con sẽ ^{NTT947} {chối rằng (con không biết) Ta ba lần ⇔ ba lần nói là con không biết Ta}.” Rồi thì ông/Phê-rô ra ngoài

⁹³⁷ 26:71 Ở đây không nói rõ “lối đi” này như thế nào. Nhiều nhà học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây là một lối đi có mái che (hay hiên) dẫn từ cổng/đường vào đến sân.

⁹³⁸ 26:71 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “cũng” ở đây. Tuy nhiên, một số học giả khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDY) không có.

⁹³⁹ 26:71 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “người Na-xa-rét” trong Ma 2:23.

⁹⁴⁰ 26:73 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Theo Lu-ca 22:59 “một lúc sau” này khoảng một tiếng đồng hồ.

⁹⁴¹ 26:73 Bạn có thể nói: “...bởi vì ông nói chuyện giọng giống như người ở Ga-li-lê (giống như Giê-su).”

⁹⁴² 26:73 Thay vì nói rõ ra thông tin hàm ý này ở trong kinh văn, bạn có thể kèm theo LỜI CHÚ THÍCH sau đây.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người ở tỉnh Ga-li-lê có giọng nói khác hơn là giọng nói của những người ở Giê-ru-sa-lem. Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài đều từ Ga-li-lê, ngoại trừ Giu-đa Ích-ca-ri-ốt.

⁹⁴³ 26:74 Trong bản Hy-lạp không rõ nghĩa. Hầu hết các bản dịch theo đoạn kinh văn ở trên. Tuy nhiên, có thể nó có nghĩa là “ông/Phê-rô bắt đầu rửa (Giê-su) và thề...”

⁹⁴⁴ 26:74 Không nên làm người đọc hiểu là Phê-rô dùng tiếng nói tục tũ ở đây. Ông chỉ thề để nhấn mạnh điều ông nói là sự thật. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “thề” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 5:33–(37) và tiểu đề; 14:7, 9; 23:16, 18, 20–22; 26:(63), 72, 74. Hãy xem LỜI CHÚ THÍCH ở Ma 5:33–34.

⁹⁴⁵ 26:74 Bạn có thể nói: “Tôi không biết Giê-su!”

⁹⁴⁶ 26:75 Có thể dùng một câu đối thoại gián tiếp ở đây nghe tự nhiên hơn và nói như sau: “...Chúa Giê-su đã bảo (ông) rằng trước khi gà gáy, ông sẽ chối ba lần (là ông không biết) Ngài.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su đã bảo Phê-rô điều này ở trong câu 34.

⁹⁴⁷ 26:75 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “chối” trong các câu 34–35.

(cồng) khóc lóc {đáng cay ⇔ rất là sâu não}⁹⁴⁸ (bởi vì ông hối tiếc đã chối là không biết (Chúa) Giê-su).

27:1-2 Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Đem (Chúa) Giê-su Lên Thống Đốc Phi-lát

Mác 15:1; Lu-ca 23:1-2; Giăng 18:28-32

27 1 <Rồi thì>⁹⁴⁹ sáng sớm hôm sau tất cả các thầy thượng tế và⁹⁵⁰ các trưởng lão/nhà lãnh đạo (khác) của dân chúng/người Do Thái⁹⁵¹ lên kế hoạch chống lại (Chúa) Giê-su để (họ có thể) giết/xử tử Ngài. 2 Rồi (họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái)⁹⁵² trói⁹⁵³ {Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ tay Ngài/(Chúa) Giê-su} (bằng^{GTK954} dây xích/dây thừng), đem (Ngài) đi và nộp cho⁹⁵⁵ {thống đốc (La-mã) (tên là)⁹⁵⁶ [Bôn-xơ] Phi-lát ⇔ [Bôn-xơ] Phi-lát, là người⁹⁵⁷ được Hoàng Đế La-mã bổ nhiệm làm thống đốc tỉnh Giu-đê}.

⁹⁴⁸ 26:75 Để tránh hiểu lầm, đối với một số ngôn ngữ có thể phải kèm theo lý do **tại sao** Phê-rơ lại khóc lóc hay có thể để thông tin đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH**.

⁹⁴⁹ 27:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các nhà lãnh đạo Do Thái họp cấp tốc sáng ngày Thứ Sáu, vào lúc sáng sớm, để chính thức kết án tử hình Chúa Giê-su, bởi vì theo Luật Pháp của họ không được làm như vậy vào ban đêm.

⁹⁵⁰ 27:1 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**các trưởng lão/nhà lãnh đạo (khác) của dân chúng/người Do Thái**” trong Ma 21:23 và 26:3, 47.

⁹⁵¹ 27:1 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người La-mã cho phép những người bị họ đô hộ tự trị nếu như có sự hoà bình. Tuy nhiên, người La-mã không cho phép bất cứ ai ngoại trừ chính họ xử tử một người. (Giăng 18:31). Các nhà lãnh đạo Do Thái có một nan đề—họ muốn xử tử Chúa Giê-su, nhưng họ đang tố cáo Ngài về một tội mà người La-mã không coi là tội. Họ cần phải tìm cách nào để người La-mã xử tử Chúa Giê-su.

⁹⁵² 27:2 Như thường lệ có lẽ các nhà lãnh đạo Do Thái có các đầy tớ hay quân lính làm việc cho họ, vậy nên bạn có thể nói “^{NTT} (ra lệnh) trói Ngài/Chúa Giê-su” hay “(để quân lính) trói”.

⁹⁵³ 27:2 Trong bản Hy-lạp **không** nói các nhà lãnh đạo trói **cái gì**. Có lẽ họ trói **bàn tay** của Chúa Giê-su, nhưng họ cũng có thể trói hai cổ chân Ngài bằng một sợi dây xích/thừng buộc lỏng (để Chúa vẫn có thể đi được). Đối với nhiều ngôn ngữ có thể làm như tiếng Hy-lạp. Tuy nhiên, đối với một số ngôn ngữ cần phải nói rõ trói **cái gì**. Hãy xem bạn làm gì ở trong Ma 14:3.

⁹⁵⁴ 27:2 Bản Hy-lạp **không** nói các nhà lãnh đạo dùng **cái gì** để **trói** Chúa Giê-su. Họ có thể dùng **dây xích** hay **dây thừng**. Đối với nhiều ngôn ngữ có thể làm như bản Hy-lạp (giống như BDM, BDC, BCG). Tuy nhiên, đối với các ngôn ngữ khác cần phải nói rõ là dùng **cái gì** (BDY dùng “xiềng”).

⁹⁵⁵ 27:2 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ti-bê-ri-út, Hoàng Đế La-mã từ năm 14-37 S.C., đã bổ nhiệm cho thông đốc Phi-lát làm thống đốc của tỉnh Giu-đê, Sa-ma-ri và I-đu-mê. Thông đốc Phi-lát cầm quyền từ năm 26-36 S.C. Trụ sở chính ở thành phố Sê-sa-rê, nhưng cũng có trụ sở ở tại Giê-ru-sa-lem. Ông ở lại Giê-ru-sa-lem trong suốt mấy ngày lễ của người Do Thái để chắc chắn là có an ninh.

⁹⁵⁶ 27:2 Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**Bôn-xơ**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có.

⁹⁵⁷ 27:2 Bạn có thể nói: “Sê-sa” ở đây thay vì “Hoàng Đế La-mã”.

27:3-10 Giu-đa {Tự Tử ⇔ Treo Cổ}

Công vụ 1:18-19

3 {Khi Giu-đa, người phản Ngài/(Chúa) Giê-su, ⇔ Sau khi Giu-đa giao nộp (Chúa) Giê-su cho các nhà lãnh đạo Do Thái và} ^{NTT} thấy/nghe rằng Ngài/(Chúa) Giê-su đã bị (Hội Đồng/các nhà lãnh đạo Do Thái) lên án (tử hình), ông đã hối hận (về điều mình đã làm). Vậy nên ông ta đem/trả ⁹⁵⁸ ba mươi {miếng bạc ⇔ đồng tiền bạc} (mà ông đã nhận được để phản Chúa Giê-su) lại cho các thầy thượng tế và các trưởng lão/nhà lãnh đạo Do Thái 4 (và) nói (với họ) (về Chúa Giê-su): “{Tôi đã phạm tội ⁹⁵⁹ phản bội làm người vô tội phải đổ máu! ⇔ Tôi đã làm sai khi giao người vô tội để bị xử tử!}” Nhưng {họ ⇔ các trưởng lão/nhà lãnh đạo Do Thái} trả lời (ông ta/Giu-đa): ^{CH}“{Việc gì đến chúng ta? ⇔ Chúng tôi không cần biết! ⇔ Đó không phải là nan đề của chúng tôi!} Đó là nan đề của anh!” 5 Vậy ông/Giu-đa ném các miếng bạc/đồng tiền ^{GTK960} {vào đền thờ ⇔ xuống (sân/khuôn viên của) đền thờ} (và) bỏ đi. Rồi ông ta đi treo cổ ⁹⁶¹ (chết).

6 <Sau đó> các thầy thượng tế lấy/lượm các miếng bạc/đồng tiền (và) nói: ⁹⁶²“Chúng ta không được phép bỏ tiền này (lại) vào trong kho của đền thờ, bởi vì nó {là ⁹⁶³ tiền máu ⇔ được dùng để giết người}.” 7 {Vậy sau khi họp, họ mua ⇔ Vậy nên họ ^{NTT} quyết định mua} ^{GTK964} {ruộng của người thợ gốm ⇔ (một đám ruộng gọi là) Ruộng của Thợ Gốm}

⁹⁵⁸ 27:3 Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “ba mươi miếng bạc” trong Ma 26:15.

⁹⁵⁹ 27:4 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “phản” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 10:4, 17:22, 20:18, 24:10, 26:2, 15–16 và tiểu đề, 26:21, 23–25 và tiểu đề, 26:45–46, 48; 27:3–4.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đức Chúa Trời rửa sạch bất cứ ai nhận tiền hối lộ để giết một người khác (Phục 27:25).

⁹⁶⁰ 27:5 Bản Hy-lạp (và BDM, BDC, BCG, BDY) **không** nói rõ Giu-đa ở đâu khi ông ném tiền. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ là ông ta ném tiền vào **trong** chính đền thờ. Tuy nhiên, nhiều người khác nghĩ là ông ném tiền **đâu đó trong** sân/khuôn viên của đền thờ.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Xa-cha-ri 11:13 nói tiên tri về Giu-đa ném 30 miếng bạc ^{GTK} vào trong đền thờ.

⁹⁶¹ 27:5 Nên nói rõ là Giu-đa tự tử.

⁹⁶² 27:6 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một luật tương tự về việc xử dụng tiền “ô uế” được chép ở trong Phục 23:18.

⁹⁶³ 27:6 Trong câu 8 ruộng được gọi là Ruộng Máu bởi vì người ta đã dùng **tiền máu** để mua nó. Các nhà lãnh đạo Do Thái đã trả tiền cho Giu-đa để giúp họ bắt Chúa Giê-su. Sự giúp đỡ của Giu-đa đưa đến việc Chúa Giê-su bị kết án tử hình, vậy nên các nhà lãnh đạo coi ba mươi miếng bạc là giá họ phải trả cho **huyết** của Ngài, tức là, **sự chết** của Ngài. Nếu nói “tiền máu” ở đây **không** có ý nghĩa, bạn có thể chuyển ngữ theo ý nghĩa ở đây và thêm **LỜI CHÚ THÍCH** trong câu 8 để giải nghĩa tên được đặt cho đám ruộng.

⁹⁶⁴ 27:7 Trong bản Hy-lạp nó có thể có nghĩa là “ruộng của người thợ gốm” (như BDM), hay nó có thể là **tên** của đám ruộng, “(một đám ruộng gọi là) Ruộng Của Thợ Gốm” (như BCG). Sự giải thích nào cũng có lý và được dùng ở trong nhiều bản dịch. Một vài học giả Kinh Thánh (như BDC, BDY) nghĩ rằng nó có nghĩa là “một đám ruộng được các thợ gốm dùng”. **Thợ gốm** là người làm ra các chậu đựng cây và các vật dụng khác bằng đất sét.

bằng số tiền đó dùng làm chỗ chôn ⁹⁶⁵khách lạ/ngoại kiều ⁹⁶⁶(chết ở Giê-ru-sa-lem mà không có chỗ chôn). **8** {Vì vậy ⇔ Đó là lý do ⇔ Vì tiền đã được dùng để giết người,} {ruộng được gọi là ⇔ mọi người gọi nó là} ‘Ruộng Máu’ cho tới ⁹⁶⁷ngày nay. **9** Điều đó làm ⁹⁶⁸ứng nghiệm điều (Đức Chúa Trời) đã nói (về Đấng Cứu Thế) (từ ngày xưa) qua ⁹⁶⁹tiên tri ⁹⁷⁰Giê-rê-mi ⁹⁷¹là người đã nói/viết: ⁹⁷²“<Rồi thì> họ đã lấy ba mươi miếng/đồng bạc, (là) ⁹⁷³giá con cái Y-sơ-ra-ên đã định trên Ngài, **10** và họ dùng tiền đó để mua ^{GTK974}ruộng của người thợ gốm, như Chúa đã truyền cho ⁹⁷⁵ta.” (Giê-rê-mi 32.6-9, Xa-cha-ri 11:12-13)

-
- ⁹⁶⁵ **27:7 “khách lạ”** có thể bao gồm cả người Do Thái lẫn người không phải là người Do Thái mà **không** phải là người ở Giê-ru-sa-lem.
- ⁹⁶⁶ **27:7 Không** nên làm người đọc hiểu lầm là tất cả các khách lạ tại Giê-ru-sa-lem sẽ bị giết và chôn tại ruộng này. Những người được chôn ở đây là những người đã chết trong khi họ ở tại Giê-ru-sa-lem và không có chỗ nào để chôn. Bạn có thể nói: “những người chết trong khi thăm Giê-ru-sa-lem”.
- ⁹⁶⁷ **27:8 Nhóm từ “ngày nay”** nói đến thời của Ma-thi-ơ viết sách này, **không** phải nói đến ngày trong thời của chúng ta.
- ⁹⁶⁸ **27:9** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ **“ứng nghiệm”** trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:22, 2:15, 17, 23; 3:15, 4:14, 5:17–18 và tiểu đề, (5:33); 8:17, 12:17, 13:14, 35; 21:4, (23:16–18), 32; 26:54, 56; 27:9, [35]. Có thể cần phải chuyển ngữ những chỗ này một cách khác, vì chỉ có một số chỗ dính líu đến việc ứng nghiệm các lời tiên tri.
- ⁹⁶⁹ **27:9** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ **“tiên tri”** trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:22, 2:5, 15, 17, 17, 23; 3:3, (4); 4:14, 5:12, 17; 7:12, 8:17, 10:41, 11:9, 13, (14); 12:17, 39, 41; 13:14, 17, 35, 57; 14:5, (15:7), 16:(4), 14; (17:10), 21:4, 11 (như là một tước vị của Đấng Cứu Thế), 21:26, 46; 22:40, 23:29–31, 34, 37; 24:15, 26:56, 27:9, (47). So sánh những chỗ này với cách bạn chuyển ngữ **“tiên tri giả mạo”** trong Ma 7:15 và tiểu đề, (7:16, 19, 20); 24:11, 24. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về **“tiên tri”** ở Ma 1:22.
- ⁹⁷⁰ **27:9 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Ma-thi-ơ đang trích dẫn từ trong Xa-cha-ri ở đây. Tuy nhiên, tất cả những sách được viết ra bởi các tiên tri của Đức Chúa Trời đôi khi được nói đến như là “Giê-rê-mi”, bởi vì Giê-rê-mi là sách thứ nhất trong Kinh Tiên Tri.
- ⁹⁷¹ **27:9** Bạn có thể bắt đầu một câu **mới** ở đây và nói: “Ông nói/viết...”
- ⁹⁷² **27:9** Để làm cho rõ là câu trích dẫn trong Cựu Ước này là một lời tiên tri, bạn có thể cần phải dùng **thì tương lai**.
- ⁹⁷³ **27:9** Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng **“giá”** được nhắc đến ba lần trong câu này để nhấn mạnh **giá sỉ nhục** mà các nhà lãnh đạo Do Thái đã trả để loại bỏ Chúa Giê-su. Đa số các bản dịch bỏ qua việc lặp lại từ “giá” như bản Hy-lạp. Thí dụ, bạn có thể nói: “...(đó là) giá (sỉ nhục/rẻ) mà (một số) con cái Y-sơ-ra-ên đã định ^{GTK}{trên Ngài ⇔ để giết Ngài}.”
- ⁹⁷⁴ **27:10** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ **“ruộng của thợ gốm”** trong câu 7, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.
- ⁹⁷⁵ **27:10 “ta”** ở đây nói đến Giê-rê-mi. **Không** nên làm người đọc hiểu là ông cũng ở trong âm mưu giết Chúa Giê-su.

27:11-14 {(Chúa) Giê-su Bị Giải Lên Thống Đốc Phi-lát Xét Xử
⇔ Thống Đốc Phi-lát Thảm Ván (Chúa) Giê-su}

Mác 15:2-5; Lu-ca 23:3-5; Giăng 18:33-38

11 ⁹⁷⁶{Trong lúc đó ⇔ Bấy giờ ⇔ Việc kế tiếp xảy ra cho (Chúa) Giê-su là} (Chúa) Giê-su/Chúa {đứng ⇔ bị đem ra xét xử} trước (Phi-lát) thống đốc (La-mã), và {thống đốc ⇔ (thống đốc) Phi-lát} hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su <nói>: “Ông có phải (thật) là ⁹⁷⁷Vua của dân Do Thái không?” <Rồi> (Chúa) Giê-su/Chúa trả lời (ông): ^{GTK978}“(Chính) ông là (người) nói (như vậy). ⇔ (Như) ông nói đó.” **12** {Nhưng khi Ngài/(Chúa) Giê-su bị ^{NTT}buộc tội bởi các thầy thượng tế và các nhà lãnh đạo (khác) (của người Do Thái), ⇔ Sau đó các thầy thượng tế và các nhà lãnh đạo (Do Thái khác) ^{NTT}đem ra (nhiều) lời tố cáo nghịch lại với Ngài/(Chúa) Giê-su, nhưng} {Ngài không trả lời (họ) gì hết ⇔ Chúa không trả lời ⇔ Chúa đã không biện hộ cho Ngài}. **13** Vậy (thống đốc) ⁹⁷⁹Phi-lát hỏi Ngài/(Chúa) Giê-su: ^{CH980}“{Ông không ⇔ Chắc chắn là ông} nghe {nhiều ⇔ tất cả những} ⁹⁸¹điều/tội xấu họ đang {làm chứng chống lại ông sao ⇔ tố cáo ông sao}?/! (Ông biện hộ như thế nào? ⇔ Tại sao ông không biện hộ cho ông? ⇔ Ông nên biện hộ cho ông!)” **14** Nhưng ⁹⁸²(mặc dù Chúa Giê-su/Chúa không phạm tội,) Ngài/(Chúa) Giê-su không {trả lời ông ta/Phi-lát một lời nào về bất cứ điều gì (họ tố cáo Ngài)} ⇔ biện hộ cho

⁹⁷⁶ **27:11** Câu 2 chấm dứt bằng việc Chúa Giê-su bị giải lên ông Phi-lát, thống đốc La-mã. Câu 11 tiếp tục nói về sự việc xảy ra tiếp theo đó cho Chúa Giê-su. Câu 3-10 đã cất quãng để nói về việc xảy ra cho Giu-đa. Để đổi lại nói về Chúa Giê-su bạn có thể nói “Trong khi đó” hay “Việc kế tiếp xảy đến cho Chúa Giê-su là”.

⁹⁷⁷ **27:11 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Những người Do Thái coi “Vua của dân Do Thái” là tước vị của Đấng Cứu Thế. Tuy nhiên, ở đây họ đang cố gắng thuyết phục thống đốc Phi-lát rằng Chúa Giê-su phạm tội phản quốc chống lại với Đế Quốc La-mã.

⁹⁷⁸ **27:11** Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ Chúa Giê-su nói “**Phải**” một cách gián tiếp ở đây (so sánh Ma 26:64 với Mác 14:62). Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ rằng **không đúng như vậy**, bởi vì nếu thống đốc Phi-lát hiểu là Chúa Giê-su trả lời “**Phải**”, ông ta bắt buộc phải coi Chúa Giê-su là một mối đe dọa cho Sê-sa. Họ nghĩ rằng Chúa Giê-su không trả lời “**Phải**” hay “**Không**”, bởi vì Chúa là Vua, nhưng theo một ý nghĩa khác hơn là ý thông đốc Phi-lát nghĩ. Chúa Giê-su trả lời một cách kính trọng, **không** vô lễ. **Không** nên làm người đọc hiểu rằng Chúa đang phủ nhận Ngài là Vua. Hãy xem cách bạn chuyển ngữ một câu trả lời **tương tự** trong Ma 26:25, 64, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

⁹⁷⁹ **27:13** Hãy coi lại cách bạn nói đến thông đốc **Phi-lát** ở trong câu 2 và trong các câu 11–13. Hãy dùng cách tự nhiên nhất để nói đến ông ta ở mỗi câu. Một số bản dịch giới thiệu lại ông ta trong câu 11 là “Phi-lát thống đốc La-mã”, nhưng rồi ngay sau đó, họ đề cập đến ông ta một cách vắn tắt, như là “Phi-lát” hay “thống đốc”. Tuy nhiên, **không** nên làm như có vẻ là có hai người—một người tên Phi-lát và một người là thống đốc. Đây nói đến cùng một người.

⁹⁸⁰ **27:13** Bạn có thể nói: “**Tại sao** ông không trả lời sự tố cáo của họ?”

⁹⁸¹ **27:13** Bạn có thể nói: “...**những sự tố cáo** (nặng nề) mà họ đang buộc tội Ông?”

⁹⁸² **27:14** Trong một số văn hóa một người được coi như là có tội nếu người đó **không** biện hộ cho mình. Hãy xem bạn làm gì với một trường hợp tương tự trong Ma 26:63. Đối với một số ngôn ngữ có thể tốt hơn là nói rõ “**mặc dù Chúa Giê-su/Chúa không có tội**” ở trong câu 12 hơn là ở đây.

Ngài để chống lại lời tố cáo nào (của họ) vậ nên {thống đốc ⇔ Phi-lát/ông} rất ngạc nhiên.

**27:15-26 Thống Đốc Phi-lát {Cố Gắng Thả (Chúa) Giê-su,
Nhưng Thất Bại ⇔ Kết án Tử Hình (Chúa) Giê-su}**

Mác 15:6-15; Lu-ca 23:13-25; Giăng 18:39-19:16

15 ⁹⁸³ <Và/Bấy giờ> mỗi (năm trong dịp) ⁹⁸⁴ Lễ (Vượt Qua) {thống đốc (La-mã) ⇔ Phi-lát} có lệ/truyền thống thả một ⁹⁸⁵ tù nhân theo ý muốn của dân chúng. **16** <Rồi thì> vào lúc đó {họ có ⇔ người La-mã có ⇔ có} một tù nhân ^{GTK}⁹⁸⁶ nổi tiếng tên là Ba-ra-ba. **17** Vậy nên khi {họ ⇔ một đám đông người Do Thái} đã tụ họp (tại dinh/nhà của Phi-lát), Phi-lát/ông ta hỏi họ: “ Các ông muốn ta thả {ai ⇔ tù nhân nào} cho các ông, Ba-ra-ba hay Giê-su người {được gọi là ⇔ mà dân chúng gọi là} ⁹⁸⁷ {Đấng Cứu Thế ⇔ Vua/Cứu Chúa đã được Xức Dầu/Hứa Ban của Đức Chúa Trời}?” **18** (Ông/Phi-lát hỏi họ như vậy,) bởi vì ⁹⁸⁸ ông đã biết rằng {họ ⇔ các người lãnh đạo Do Thái} đã giao nộp Ngài/(Chúa) Giê-su cho ông {vì sự ghen tị ⇔ bởi vì họ ghen ghét ⁹⁸⁹ (sự nổi tiếng của Chúa Giê-su/Ngài)}, ⁹⁹⁰ (nhưng ông ta/Phi-lát nghĩ rằng hầu hết dân chúng sẽ xin ^{NTT} thả Ngài/(Chúa) Giê-su thay vì Ba-ra-ba).

19 <Rồi thì> trong khi ông/Phi-lát ngồi trước toà án (chờ câu trả lời của dân chúng), vợ ông sai người đến nói: “{Đừng đụng đến ⇔ Hãy thả} người công chính/vô tội đó,/. {bởi vì ngày hôm nay tôi bị khổ sở nhiều trong giấc chiêm bao về người đó ⇔ tôi có một ⁹⁹¹ con ác mộng về ông ấy sáng nay và điều đó làm cho tôi lo lắng/bực bội}!” **20** {Trong lúc đó ⇔ Nhưng} các thầy thượng tế và {các trưởng lão ⇔ người lãnh đạo} (Do Thái)

⁹⁸³ **27:15 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Lu-ca 23:6–12, trước khi thông đốc Phi-lát chấm dứt phiên xử của ông với Chúa Giê-su, ông đã gửi Ngài/Chúa Giê-su cho vua Hê-rốt An-ti-pha xử.

⁹⁸⁴ **27:15** Bạn có thể nói: “trong ngày lễ (khi người Do Thái tổ chức Lễ Vượt Qua)”. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Lễ Vượt Qua**” và “**Bữa ăn Lễ Vượt Qua**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 26:2, (5), 17–19 và tiểu đề, 26:(26, 30); (27:15). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “Lễ Vượt Qua” ở Ma 26:2, 17, 19.

⁹⁸⁵ **27:15** Mỗi năm thông đốc Phi-lát thả một tù nhân khác nhau.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lý do thông đốc Phi-lát thả một tù nhân mỗi năm là để được lòng người Do Thái.

⁹⁸⁶ **27:16** Bản Hy-lạp (và BDC, BDY) không nói rõ ông Ba-ra-ba nổi tiếng một cách tiêu cực hay tích cực. Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BCG) nghĩ rằng người ta không thích ông Ba-ra-ba, nhưng ông nổi tiếng vì đã phạm tội nặng. Tuy nhiên, ông có thể là một nhà cách mạng mà dân chúng khâm phục.

⁹⁸⁷ **27:17 “Đấng Cứu Thế”** được dùng như một tước vị ở đây và ở trong câu 22.

⁹⁸⁸ **27:18** Có thể để câu 18, trước câu 17 nghe tự nhiên hơn.

⁹⁸⁹ **27:18** Hãy chắc chắn là chuyển ngữ “**ghen tị**” không hàm ý các thầy thượng tế ghen tuông về đàn bà. Bạn có thể nói: “...ghen tị/tức giận (vì có nhiều người đi theo Chúa Giê-su)”.

⁹⁹⁰ **27:18** Có thể tốt nhất là để thông tin hàm ý này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**, hơn là nói rõ trong đoạn kinh văn.

⁹⁹¹ **27:19 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Người La-mã coi các giấc mơ là quan trọng.

khác ^{NTT} xúi giục/khiến cho đám đông/dân chúng ⁹⁹² xin/dòi ^{NTT} {(thả) Ba-ra-ba ⇔ (thống đốc) Phi-lát thả Ba-ra-ba} nhưng/và {⁹⁹³ hủy diệt/giết (Chúa) Giê-su ⇔ yêu cầu ^{NTT} ông xử tử (Chúa) Giê-su}. **21** Rồi <đáp ứng lại> {thống đốc ⇔ (thống đốc) Phi-lát} hỏi {họ ⇔ đám đông/dân chúng} (một lần nữa): “Trong hai (người) này các người muốn ta {thả ai ⇔ trả tự do cho ai} cho các người?” <Rồi> họ trả lời (ông/Phi-lát): ⁹⁹⁴ “Ba-ra-ba!” **22** Phi-lát hỏi {họ ⇔ đám đông/dân chúng}: “(Nếu ta thả Ba-ra-ba, ⇔ Nếu ta làm điều đó,) thì {ta nên ⇔ các ông muốn ta} làm gì với Giê-su người được gọi là ⁹⁹⁵ {Đấng Cứu Thế ⇔ Cứu Chúa ⇔ Vua được Xức Dầu/Hứa Ban của Đức Chúa Trời}?” Tất cả chúng {trả lời ông/Phi-lát ⇔ la lên}: ⁹⁹⁶ “{Đóng đinh hán/nó lên thập tự giá! ⇔ Chết trên thập tự giá! ⇔ Xử tử/Giết hán/nó trên thập tự giá!”} **23** ⁹⁹⁷ Nhưng {ông ta/Phi-lát ⇔ thống đốc} hỏi (họ) (lại một lần nữa): “Tại sao lại đóng đinh ông ta? ^{GTK998} {Ông ấy làm gì sai ⇔ Ông ấy đã phạm tội gì} (để đáng bị hình phạt như vậy)?” Nhưng {họ ⇔ dân chúng} ⁹⁹⁹ (bất đầu) la hét lớn hơn (trước) <(và) nói>: “{Đóng đinh hán lên thập tự giá! ⇔ Chết trên thập tự giá! ⇔ Xử tử/Giết hán trên thập tự giá!”} **24** <Sau đó> khi (thống đốc) Phi-lát thấy/ý thức rằng ông {không làm được gì ⇔ không thể thay đổi ý của dân chúng}, nhưng thay vào đó (họ) bất đầu nổi loạn, ông lấy nước (và) ¹⁰⁰⁰ rửa tay (của mình) trước mặt {dân chúng ⇔

⁹⁹² **27:20** Dân chúng chưa hỏi thông đốc Phi-lát. Họ chỉ mới đồng ý hỏi ông thôi.

⁹⁹³ **27:20** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “hủy diệt/giết” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 2:13, 12:14, 21:41, 22:7, 27:20.

⁹⁹⁴ **27:21** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải dùng một câu đầy đủ và nói: “(Chúng tôi muốn ông thả ông Ba-ra-ba!” hay “(Chúng tôi muốn) ông Ba-ra-ba!”

⁹⁹⁵ **27:22** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ tước vị “Đấng Cứu Thế” qua suốt sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:16, 17; 2:4, (23); (3:11), (8:17), 11:2, (3); (12:16), (13:57–58); 16:16, (17), 20, [21]; (17:10–11); (21:42); 22:42–43, 45; 23:10, 24:5, 23–24, 26; 26:63, 68; 27:(9), 17, 22, [35], (42), (64). Cũng hãy xem các tiểu đề 10:34, 11:1, 16:13, 22:41 và 25:31. So sánh các chỗ trên với cách bạn chuyển ngữ tên “Chúa Cứu Thế Giê-su” trong Ma 1:1, 18 và tiểu đề. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở Ma 11:16.

⁹⁹⁶ **27:22** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “đóng đinh trên thập tự giá” trong Ma 20:19, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó. Cách bạn chuyển ngữ từ này nên **vấn tất** đủ để đám đông dân chúng có thể cùng la lên nhiều lần. Nếu cần, bạn có thể nói: “**Xử tử/Giết hán!**”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thông thường người La-mã chỉ đóng đinh trên thập tự giá những người phản loạn, tội phạm hay những người nô lệ không vâng lời. Đóng đinh vào thập tự giá được coi là cách chết đau đớn và nhục nhã nhất. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về đóng đinh trên thập tự giá ở Ma-thi-ơ 20:19.

⁹⁹⁷ **27:23** Bạn có thể bắt đầu câu 23 bằng cách nói: “ ‘Nhưng {ông ấy đã làm gì sai ⇔ ông ấy đã phạm tội gì}?’ thông đốc Phi-lát hỏi.” Hay bạn có thể nói: “Thông đốc Phi-lát hỏi: ‘Tại sao? Ông này làm điều gì sai?’ ”

⁹⁹⁸ **27:23** Một vài học giả Kinh Thánh nghĩ đây là câu hỏi tu từ có nghĩa là “Ông ấy không làm điều gì sai!”

⁹⁹⁹ **27:23** Nên nói rõ là dân chúng la hét **nhiều lần** đòi phải xử tử Chúa Giê-su, **không** phải chỉ một lần.

¹⁰⁰⁰ **27:24 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Phong tục rửa tay để chứng tỏ vô tội/không có trách nhiệm về một việc gì được nhắc đến ở trong Phục Truyền 21:6–9 và Thi-thiên 26:6, 73:13. Hành động này cho thấy rằng thông đốc Phi-lát coi Chúa Giê-su vô tội.

họ} ¹⁰⁰¹(để cho thấy sự vô tội của ông trong vấn đề này ⇔ cho thấy rằng ông không có lỗi gì) (và) nói (với họ) (về Chúa Giê-su): ¹⁰⁰²“Ta {vô tội về ⇔ không chịu trách nhiệm về} máu/sự chết ¹⁰⁰³của người [công chính/vô tội] này! {Các người phải chịu trách nhiệm lấy! ⇔ Đó là lỗi của các người! ⇔ Mặc kệ các người!}” **25** <Và> tất cả mọi người <đáp ứng> nói/trả lời (ông/Phi-lát): “{(Hãy để trách nhiệm về) ¹⁰⁰⁴huyết/sự chết của Ngài/(Chúa) Giê-su đổ trên chúng tôi và trên con cháu/dòng dõi chúng tôi! ⇔ Chúng tôi và con cháu/dòng dõi chúng tôi nhận trách nhiệm về việc giết/đóng đinh của Ngài/(Chúa) Giê-su!” **26** Vậy nên ông/Phi-lát {thả ¹⁰⁰⁵Ba-ra-ba ⇔ trả tự do cho Ba-ra-ba} {cho họ ⇔ như họ đòi hỏi/yêu cầu}, nhưng/rồi ông/Phi-lát ¹⁰⁰⁶{đánh đòn ⇔ ^{NTT} cho quân lính đánh đòn} (Chúa) Giê-su, (và) ^{NTT1007} giao Ngài/(Chúa) Giê-su cho (họ ⇔ lính của ông ta) để ¹⁰⁰⁸{Ngài bị đóng đinh ⇔ họ sẽ xử tử/giết Ngài bằng cách đóng đinh Ngài trên thập tự giá}.

27:27-31 Quân Lính Của Thống Đốc Phi-lát Chế Nhạo Chúa Giê-su

Mác 15:16-20; Giăng 19:2-3

27 Lúc đó ¹⁰⁰⁹quân lính của {thống đốc ⇔ (thống đốc) Phi-lát} đem (Chúa) Giê-su/Ngài vào ¹⁰¹⁰{(dinh của Phi-lát chỗ được gọi là) Praetorium ⇔ công đường ⇔ dinh thống đốc} (và) ^{NTT}tụ họp {cả ¹⁰¹¹tiểu đoàn ⇔ một số đông quân lính} chung quanh Ngài.

¹⁰⁰¹ **27:24** Tay của thông đốc Phi-lát không dơ. Ông ta rửa tay để cho thấy là ông vô tội trong quyết định giết Chúa Giê-su của dân chúng.

¹⁰⁰² **27:24** Bạn có thể nói: “Không phải lỗi của tôi mà người [công chính/vô tội] này sẽ chết!”

¹⁰⁰³ **27:24** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “**công chính/vô tội**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có.

¹⁰⁰⁴ **27:25** Các thí dụ khác về “**huyết đổ trên**” một người hãy xem Các Quan Xét 9:24 và Còng Vụ 5:28.

¹⁰⁰⁵ **27:26 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thật là mỉa mai khi Ba-ra-ba, tên ông có nghĩa là “con trai của cha”, được tha, nhưng Chúa Giê-su, người thật là Con của Cha, lại bị kết án tử hình.

¹⁰⁰⁶ **27:26** Thông đốc Phi-lát không đánh đòn Chúa Giê-su, ông sai quân lính đánh Chúa.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người La-mã đánh đòn bằng cách dùng một sợi roi bằng da có cột những miếng xương sắc hay miếng kim loại. Theo luật La-mã, hễ ai bị tử hình đều bị đánh đòn trước khi bị hành quyết. Đánh đòn là một sự trừng phạt nặng nề đôi khi giết chết người bị đánh.

¹⁰⁰⁷ **27:26** Bạn có thể nói: “...ông ra lệnh (cho quân lính) ^{NTT}đóng đinh Ngài/(Chúa) Giê-su lên thập tự giá.”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là sùng sốt khi thấy thông đốc Phi-lát kết án tử hình Chúa Giê-su mà không có bằng chứng nào chứng tỏ Ngài có tội và không có án phạt chính thức.

¹⁰⁰⁸ **27:26** Chúa Giê-su không bị đóng đinh lên thập tự giá ngay lập tức, cho đến câu 35 Chúa mới bị.

¹⁰⁰⁹ **27:27** Hãy coi lại cách bạn đề cập đến **thông đốc Phi-lát** trong tiểu đoạn cuối và quyết định xem dùng cách nào là tốt nhất ở đây. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở câu 13.

¹⁰¹⁰ **27:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều quân lính đóng tại thành phố Giê-ru-sa-lem có trụ sở ở trong dinh của thông đốc Phi-lát. Dinh của ông ta có thể ở phía tây bắc của khuôn viên đền thờ, hay nó ở trong dinh cũ của Hê-rốt Đại Đế ở về phía tây của Giê-ru-sa-lem.

¹⁰¹¹ **27:27 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một tiểu đoàn là một đơn vị trong quân đội La-mã có khoảng 600 quân lính.

28 <Và>/Rồi thì/Kế đó chúng ^{GTK1012}{lột áo Ngài/(Chúa) Giê-su ⇔ lột hết quần áo của Ngài ra ⇔ lột áo ngoài của Ngài} (và) mặc cho Ngài một áo choàng ¹⁰¹³đỏ tía (giả bộ như Ngài là một vị vua ⇔ chế nhạo Ngài là vua). 29 Chúng cũng làm một cái mào bằng {gai ⇔ những cành gai} (trông giống như một vương miện) (và) đội (nó) lên đầu Ngài, và (chúng đặt) một cây sậy vào tay phải của Ngài (trông giống như ¹⁰¹⁴vương trượng). Rồi chúng ¹⁰¹⁵quỳ xuống trước mặt Ngài (giả bộ như là tôn kính Ngài), (và) chúng chế nhạo Ngài bằng cách nói: “Hoan hô Vua dân Do Thái!” 30 Rồi chúng ¹⁰¹⁶nhổ vào mặt Ngài (để làm sỉ nhục Ngài) (và) lấy cây sậy (ra khỏi tay Ngài) và (thay phiên nhau) (dùng cây sậy) đánh lên đầu Ngài. 31 <Và> khi/sau khi {chúng ⇔ các quân lính} đã chế nhạo Ngài/(Chúa) Giê-su xong, chúng lột áo choàng ra và mặc ¹⁰¹⁷quần áo lại cho Ngài. Rồi chúng ¹⁰¹⁸dẫn/đem Ngài đi {đóng đinh trên thập tự giá ⇔ xử tử (Ngài) trên thập tự giá}.

27:32-44 {(Chúa) Giê-su Bị Đóng Đinh ⇔ Các Quân Lính Đóng Đinh (Chúa) Giê-su Trên Thập Tự Giá}

Mác 15:21-32; Lu-ca 23:26-43; Giăng 19:17-27

32 <Rồi> khi (họ ⇔ (Chúa) Giê-su và các quân lính) đang đi ra ngoài (thành phố ⇔ Giê-ru-sa-lem), {chúng ⇔ các quân lính} gặp/đem/thấy một người tên là Si-môn người

¹⁰¹² 27:28 Cụm từ “lột áo Ngài ra” có thể có nghĩa là “lột áo ngoài”, hay nó có thể có nghĩa là “lột hết quần áo của Ngài”. Chúng ta biết rằng người Do Thái chỉ lột áo ngoài của tội nhân, nhưng thông thường người La-mã lột **tất cả** quần áo tội nhân trước khi hành quyết. Có thể người La-mã tôn trọng sự kiêng kỵ của người Do Thái về hoàn toàn trần truồng.

¹⁰¹³ 27:28 Mác 15:17 nói rằng **màu** của áo choàng mà các quân lính mặc cho Chúa Giê-su là màu tím, nhưng Ma 27:28 nói là màu **đỏ đậm**. Có thể màu áo ở giữa màu đỏ sậm và màu tím. Điều quan trọng ở đây là áo choàng này giống như áo choàng của một vị vua. Nếu trong ngôn ngữ của bạn **không** có từ để chỉ màu đỏ sậm hay tím, bạn có thể nói “một áo choàng đỏ” hay “một áo choàng **giống** như một áo choàng của vua”.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Màu tím biểu hiệu cho hoàng gia. Các vị vua thường mặc áo choàng tím đắt tiền để cho thấy địa vị của mình. Các lính La-mã thường mặc áo choàng màu đỏ đậm. Có lẽ các quân lính mặc cho Chúa một cái áo choàng cũ của họ để giả làm áo choàng của nhà vua.

¹⁰¹⁴ 27:29 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Các vua cầm một cây đặc biệt gọi là cây trượng như là biểu hiệu cho thẩm quyền của họ.

¹⁰¹⁵ 27:29 **HÌNH ẢNH được đề nghị:** Các quân lính quỳ xuống đất trước mặt Chúa Giê-su đầu đội mào bằng gai, mặc áo choàng và cầm một cây sậy.

¹⁰¹⁶ 27:30 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Cách mà các nhà lãnh đạo Do Thái đối xử với Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 26:66–68) và cách mà các quân lính đối xử với Chúa Giê-su ở đây (và trong câu 26) làm ứng nghiệm các lời tiên tri trong Ê-sai 50:5–6, 53:3, 5, 7–8 và Ma-thi-ơ 20:18–19.

¹⁰¹⁷ 27:31 Có lẽ Chúa Giê-su mặc một áo dài quá đầu gối và một áo choàng.

¹⁰¹⁸ 27:31 Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ ra rằng đây là lúc Chúa **bắt đầu vác thập tự giá** của Ngài, được nhắc tới ở câu 32 trong bản Hy-lạp. Thí dụ, bạn có thể nói: “Rồi thì họ (bắt Chúa **vác thập tự giá của Ngài** và) dẫn/đem Ngài đi để đóng đinh/hành quyết (Ngài) (**trên thập tự giá**).”

thành phố ¹⁰¹⁹Sy-ren ((ở phía Bắc Phi Châu)), và ^{NTT}bắt người ¹⁰²⁰vác ^{GTK1021}thập tự giá của Ngài/(Chúa) Giê-su (hộ cho Ngài). **33** <Và> khi/sau hết họ đến một chỗ/cái đồi gọi là Gò-gô-tha, có nghĩa là ¹⁰²²<chỗ>/Nơi Sọ. **34** (Tại đó) ^{GTK1023}{chúng/một người ↔ các quân lính} đưa cho Ngài/(Chúa) Giê-su ¹⁰²⁴{rượu vang ↔ [rượu/giấm chua/rẻ tiền]} pha với mật đắng để uống ^{GTK1025}(giúp cho Ngài không cảm thấy đau đớn), nhưng khi (Ngài) ném thử thì Ngài ¹⁰²⁶{không muốn ↔ ^{NTT}từ chối} uống (nó). **35** Rồi ¹⁰²⁷{chúng ↔ các quân lính} ¹⁰²⁸{đóng đinh Ngài/(Chúa) Giê-su ↔ đóng đinh Ngài/(Chúa) Giê-su lên thập tự giá và dựng nó lên} (và) ¹⁰²⁹{chia nhau ↔ phân phát} ¹⁰³⁰quần áo của Ngài (ở giữa họ)

-
- 1019** **27:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sy-ren là thủ đô của tỉnh Cyrenaica ở vùng duyên hải của Bắc Phi. Có nhiều người Do Thái sống ở đó. Si-môn có lẽ là một người trong số những người đến đó để dự Lễ Vượt Qua tại Giê-ru-sa-lem.
- 1020** **27:32 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chú Giê-su bắt đầu vắc thập tự giá của Ngài trong câu 31 (Giăng 19:17), nhưng Ma-thi-ơ không nhắc đến bởi vì ông tránh nói về sự đau đớn của Chúa Giê-su. Vào lúc này có lẽ Chúa Giê-su đã mất rất nhiều máu vì bị đánh bằng roi da (câu 15) đến nỗi Chúa yếu quá không vắc nổi thập tự giá của Ngài đi xa thêm nữa.
- 1021** **27:32** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**thập tự giá**” trong Ma 10:38 và 16:24. Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng Chúa Giê-su chỉ vắc thanh gỗ ngang của thập tự giá vì thanh gỗ dọc đã đóng sẵn ở trên đồi Gò-gô-tha. Tuy nhiên, bản Hy-lạp (BDM, BDC, BCG, BDY) dùng “**thập tự giá**” ở đây, **không phải** “thanh ngang”, vậy nên có vẻ như là Chúa vắc nguyên cây thập tự. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “đóng đinh trên thập tự giá” trong câu 22 và Ma 20:19.
- 1022** **27:33 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Không biết rõ tại sao chỗ này lại được gọi là “Gò-gô-tha” (tên bằng tiếng A-ram để gọi “Nơi Sọ”). Có lẽ nó là một ngọn đồi (hay gần một ngọn đồi) có hình dáng giống như cái sọ, hay có lẽ vì người La-mã đã xử tử nhiều người ở đây.
- 1023** **27:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo Châm Ngôn 31:6–7, các người đàn bà ở Giê-ru-sa-lem có phong tục cung cấp thuốc giảm đau này cho những người bị đóng đinh. Một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng những người đàn bà này là người đưa cho Chúa thức uống này. Tuy nhiên, đa số nghĩ rằng các người đàn bà cung cấp/làm thức uống này nhưng các quân lính đưa nó cho Chúa Giê-su.
- 1024** **27:34** Đa số bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có từ “**rượu vang**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Văn Bản Đa Số) có từ “**giấm**”.
- 1025** **27:34** Đa số các học giả Kinh Thánh nghĩ **mục đích** trộn rượu vang vào với mật đắng là để “(giúp cho Ngài **không cảm thấy đau**)” (hãy xem các **LỜI CHÚ THÍCH** khác về điều này ở trong câu 34). Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng thứ uống này được dùng để “(xử tệ với Chúa)”. Có thể tốt nhất là để thông tin này ở trong một **LỜI CHÚ THÍCH**, hơn là trong đoạn kinh văn.
- 1026** **27:34 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Chúa Giê-su từ chối uống rượu vang để Chúa vẫn hoàn toàn tỉnh táo cho tới khi chết.
- 1027** **27:35 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Theo như Ma-thi-ơ 27:54 và Giăng 19:23, có bốn người lính, kể cả một người đội trưởng, phụ trách việc đóng đinh Chúa Giê-su lên thập tự giá.
- 1028** **27:35** Có nhiều cách khác nhau để đóng đinh một người lên thập tự giá. Có vẻ như là toàn thập tự giá đã được đem đến đồi Gò-gô-tha (hãy xem câu 32), có lẽ tại đó các quân lính đặt thập tự giá xuống mặt đất, đóng đinh Chúa Giê-su vào thập tự giá (dùng cọc sắt lớn để đóng vào cổ tay và cổ chân của Chúa) và rồi dựng đứng cây thập tự giá lên ở chỗ của nó. Hãy chắc chắn là chuyển ngữ “**đóng đinh**” **không** làm người đọc hiểu là Chúa Giê-su đã chết. Vào lúc này Chúa vẫn **còn sống**.
- 1029** **27:35** Các quân lính **bắt thăm** để chia quần áo của Chúa Giê-su, tức là, họ thấy những viên đá có dấu để quyết định ai sẽ lấy cái gì. Họ **không** xé áo của Chúa Giê-su ra làm nhiều mảnh. Có thể nói như sau nghe rõ ràng hơn: “...chúng lấy quần áo của Chúa Giê-su và bắt thăm để quyết định ai sẽ được cái gì.”

bằng cách bắt thăm. **36** {Rồi thì ⇔ Sau đó} chúng ngồi xuống {tại đó ⇔ gần thập tự giá} (và) canh giữ Ngài/(Chúa) Giê-su. **37** <Và> ¹⁰³¹ (trên một miếng bảng) đóng trên đầu của Ngài/(Chúa) Giê-su {chúng ⇔ các quân lính} (đã) viết {bản án của Ngài ⇔ lý do Chúa bị trừng phạt/đóng đinh trên thập tự giá}. (Bảng này được viết:) “**ĐÂY LÀ GIÊ-SU, ¹⁰³² VUA DÂN DO THÁI.**” **38** Lúc đó có hai ^{GTK1033} tên cướp (cũng) bị ¹⁰³⁴ đóng đinh trên thập tự giá bên cạnh Ngài/(Chúa) Giê-su, ¹⁰³⁵ một người bên phải và một người bên trái.

39 <Rồi thì/Và> (một số) những người đi qua chỗ đó ¹⁰³⁶ nói phạm thượng/chế nhạo Ngài/(Chúa) Giê-su bằng cách ^{GTK1037} lắc đầu/gật đầu **40** và {nói (với Ngài) ⇔ la lên}: “{(Anh) là người ⇔ Anh nói ^{NTT} rằng anh} sẽ/có thể ¹⁰³⁸ {phá đổ ⇔ hủy phá} đền thờ (của Đức Chúa Trời) và xây (lại) trong ba ngày! (Nếu anh là vĩ đại/có quyền năng,) {hãy tự cứu/tự giải thoát mình đi ⇔ hãy cứu anh khỏi chết!} ^{GTK1039} Nếu anh ¹⁰⁴⁰ (thật) là Con của

1030 **27:35 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ quân áo của Chúa Giê-su gồm có một áo choàng, một áo tu-níc, một cái thắt lưng, khăn che đầu và đôi dép. Khi các người lính chia nhau quân áo của Ngài, họ đã làm ứng nghiệm lời tiên tri ở trong Thi-thiên 22:18.

1031 **27:37** Bạn có thể nói: “<Và> các quân lính đã để một bảng trên đầu Ngài nói lý do tại sao Chúa bị hành quyết/xử tử.”

1032 **27:37** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Vua dân Do Thái**” trong câu 11.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Lời tuyên bố này về Chúa Giê-su là đúng sự thật!

1033 **27:38** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “kẻ cướp” trong Ma 26:55 và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó Luca 23:32–33, 39 nói đến hai người này như là những “phạm nhân”.

1034 **27:38** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói rõ ai đã đóng đinh hai tên cướp. Bạn có thể nói: “...**(bị quân lính)** đóng đinh...” Hay bạn có thể bắt đầu câu này bằng cách nói: “Vào lúc đó **(các quân lính)** (cũng) đóng đinh hai ^{GTK} kẻ cướp bên cạnh Ngài/Chúa Giê-su...”

1035 **27:38** Không nên làm người đọc hiểu lầm là hai kẻ cướp bị đóng đinh vào cùng một thập tự giá. Để tránh sự hiểu lầm bạn có thể kèm theo “**(trên các thập tự giá khác)**”, hay bạn có thể làm trọn câu 38 bằng cách nói: “Thập tự giá của Chúa Giê-su ở chính giữa.”

1036 **27:38** Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “**phạm thượng**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 9:3, 12:31, 15:19, 26:65–66; 27:39. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 12:31 và 15:19.

1037 **27:39** Bản Hy-lạp không nói rõ người ta lắc đầu theo hướng nào. Có thể là **gật lên** **gật xuống** (BDM, BDC, BDC, BDY) để tỏ ý bằng lòng với sự trừng phạt của Ngài. Hay nó có thể là **từ bên này qua bên kia** để bày tỏ sự ngạc nhiên hay là sự không đồng ý với lời tuyên bố được đóng trên đầu của Ngài nói rằng Ngài là Vua của dân Do Thái. Hãy xem xét cách lắc đầu khác nhau trong văn hoá, ngôn ngữ của bạn.

1038 **27:40** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**phá đổ...đền thờ**” trong Ma 26:61.

1039 **27:40** Một số bản dịch có một câu dài cho câu 40 và nói: “...hãy tự cứu mình đi, nếu anh (thật) là Con của Đức Chúa Trời, [và] hãy xuống khỏi thập tự giá đi!” Trong khi bạn chuyển ngữ, **hãy chắc chắn** là câu của bạn dùng trong ngôn ngữ của bạn không quá dài hay quá ngắn trong ngữ cảnh của nó.

1040 **27:40** Những người nói điều này không tin rằng Chúa Giê-su là Con Đức Chúa Trời. Họ đang sỉ nhục và cố gắng làm cho Ngài tức giận.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Nếu anh (thật) là Con Đức Chúa Trời” lặp lại điều Sa-tan nói với Chúa Giê-su ở trong Ma-thi-ơ 4:3, 7 và điều vị trưởng tế nói trong 26:63. Các câu 39–43 nhắc người Do Thái nhớ lại Thi-thiên 22:6–8.

Đức Chúa Trời, ¹⁰⁴¹[thì] {hãy đi xuống ⇔ (hãy chứng tỏ bằng cách) đi xuống} khỏi thập tự giá đi!” **41** Cũng như vậy, các thầy thượng tế với các chuyên gia Kinh Luật và các trưởng lão/nhà lãnh đạo (người Do Thái khác) cũng ¹⁰⁴²chế nhạo (Ngài) (và) nói (với nhau): **42** “Nó đã cứu/giúp những người khác, (nhưng) (rõ ràng) ^{GTK1043}là nó không ¹⁰⁴⁴thể cứu/giúp chính mình được! ¹⁰⁴⁵[Nếu] nó (thật) là vua dân Y-sơ-ra-ên, {hãy để nó ⇔ nó nên} xuống khỏi thập tự giá (thì) chúng ta sẽ tin {nó ⇔ rằng nó là vua của chúng ta}! **43** Nó đã tin cậy Đức Chúa Trời (chăm sóc nó) ^{TD1046}và đã từng ^{NGT}{nói: ‘Ta là Con của Đức Chúa Trời.’ ⇔ tuyên bố là Con của Đức Chúa Trời.} Hãy để Chúa/Đức Chúa Trời cứu ¹⁰⁴⁷[nó] bây giờ đi, nếu Chúa/Đức Chúa Trời (muốn/quý ⇔ muốn (cứu)) nó!” **44** <Rồi thì/Và> ^{GTK1048}ngay cả (hai) ¹⁰⁴⁹tên cướp bị đóng đinh cùng với Chúa cũng ^{NTT1050}{khinh bỉ ⇔ nhục mạ ⇔ chế nhạo} Chúa {như vậy ⇔ bằng cách nói như vậy}.

-
- 1041** **27:40** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) **không** có từ “**thì**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) có từ đó. Từ này có thể chuyển ngữ là “**và**”, nếu câu 40 là một câu dài (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** trước về điều này).
- 1042** **27:41** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**chế nhạo**” trong Ma 20:19, 27:(28), 2, 31 và tiểu đề, 27:(39), 41.
- 1043** **27:42** Một vài học giả Kinh Thánh (và BDY) nghĩ rằng câu này gồm những **câu hỏi** như sau: “Nó đã cứu/giúp những người khác. Nó không thể tự cứu/giúp mình được sao? Nó có phải là Vua của nước Y-sơ-ra-ên không? (Vậy thì) nó nên xuống khỏi thập tự giá bây giờ đi...”
- 1044** **27:42** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Chúa Giê-su có thể cứu được chính mình. Tuy nhiên, vì Chúa muốn cứu loài người khỏi bị Đức Chúa Trời trừng phạt vì tội lỗi của họ, nên Ngài phải hy sinh. Ngợi khen Đức Chúa Trời vì Chúa Giê-su đã hy sinh cho chúng ta!
- 1045** **27:42** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC) có “**Nếu**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG, BDY) **không** có từ đó, nhưng hàm ý (hay dùng một từ với ý nghĩa tương tự).
- 1046** **27:43** Thứ tự thật của bản Hy-lạp là “Hãy để Ngài/Đức Chúa Trời cứu nó bây giờ, nếu Chúa/Đức Chúa Trời muốn nó, vì nó nói: ^{NGT}‘Ta là Con Đức Chúa Trời.’”
- 1047** **27:43** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có “**nó/hắn**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) **không** có từ đó, nhưng hàm ý. Hãy dùng cách tự nhiên nhất để đề cập đến Chúa Giê-su trong ngôn ngữ của bạn.
- 1048** **27:44** Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể có nghĩa là “**ngay cả**” hay “**cũng**”. Theo cách giải thích thứ nhì (như BDM, BDC, BCG, BDY) bạn có thể nói: “<Rồi thì/Và> tên cướp...**cũng** ^{NTT}khinh bỉ...” ý nghĩa nào cũng thích hợp với ngữ cảnh cả.
- 1049** **27:44** Hãy nhất quán trong cách bạn chuyển ngữ “**tên cướp**” trong câu 38.
- 1050** **27:44** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**khinh bỉ**” trong Ma 5:11. So sánh với cách bạn chuyển ngữ “**quở trách**” (hãy xem Ma 20:31).
- LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Từ Lu-ca 23:39–43, chúng ta biết rằng một trong hai tên cướp đã ăn năn.

27:45-56 (Chúa) Giê-su Chết

Mác 15:33-41; Lu-ca 23:44-49; Giăng 19:28-30

45 <Rồi> vào ¹⁰⁵¹{giờ thứ sáu ⇔ mười hai giờ trưa ⇔ buổi trưa} ¹⁰⁵²{sự tối tăm đến khắp ^{GTK}1053 đất/nước ⇔ toàn thể ^{GTK} đất/nước trở nên tối tăm} (và cứ tối như vậy) {cho đến giờ thứ chín ⇔ cho tối ba giờ chiều ⇔ cho tối giữa buổi chiều ⇔ trong ba giờ đồng hồ}. 46 <Sau đó> vào khoảng {giờ thứ chín ⇔ ba giờ chiều ⇔ giữa buổi chiều ⇔ lúc đó} (Chúa) Giê-su ¹⁰⁵⁴kêu/la lên lớn tiếng ¹⁰⁵⁵(bằng tiếng của Ngài) <nói>: “Ê-li, Ê-li, la-ma-sa-bách-tha-ni?!” Có nghĩa là ¹⁰⁵⁶“Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi, sao Ngài ¹⁰⁵⁷lia bỏ tôi?!” ¹⁰⁵⁸(Thi Thiên 22:1) 47 <Và> một số những người đang đứng đó nghe (Ngài/Chúa Giê-su) ¹⁰⁵⁹(nhưng họ hiểu lầm) (và) nói (với nhau): “Nó đang gọi (tiên tri của Đức Chúa Trời) Ê-li ¹⁰⁶⁰((từ thiên đàng)) ¹⁰⁶¹(xuống giúp đỡ hần)!” 48 <Và> lập tức

¹⁰⁵¹ 27:45 “giờ thứ sáu” là 12 giờ trưa, không phải 6 giờ sáng.

¹⁰⁵² 27:45 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Đôi khi sự tối tăm được quan hệ đến sự đoán xét của Đức Chúa Trời (Ê-sai 5:25–30, 13:9–13; Ê-xê-chi-ên 32:7–8; Giô-ên 2:1–2, 31; 3:14–15, A-mốt 8:9–10). Trong trường hợp này, Đức Chúa Trời đang đoán phạt và trừng phạt Chúa Giê-su về tội lỗi của tất cả nhân loại. Sự trừng phạt này còn tệ hại hơn là sự trừng phạt bị đóng đinh trên thập tự giá.

¹⁰⁵³ 27:45 Từ dùng ở đây trong bản Hy-lạp không nói rõ. Nhiều học giả Kinh Thánh (và BDC), nghĩ nó có nghĩa là “toàn xứ/nước” Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, nhiều học giả khác nghĩ nó có nghĩa là “toàn thế giới”. BDM, BCG, BDY dùng “đất” có thể hiểu theo cả hai nghĩa. Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh.

¹⁰⁵⁴ 27:46 Chuyển ngữ “kêu/la lên” không nên hàm ý là Chúa Giê-su giận dữ hay kêu khóc. Chúa kêu lớn tiếng với Cha Ngài.

¹⁰⁵⁵ 27:46 Không nên làm người đọc hiểu lầm là Chúa Giê-su đọc thân chú ở đây. Chúa nói bằng tiếng của Ngài. Đối với một số ngôn ngữ có thể tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu này và nói: “...kêu/la lớn: “Đức Chúa Trời tôi ôi, Đức Chúa Trời tôi ôi, sao Ngài lia bỏ tôi?!” Nguyên văn của những lời này trong tiếng của Chúa là “Ê-li, Ê-li la-ma-sa-bach-tha-ni?!” ”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: “Ê-li, Ê-li” là tiếng Hy-bá và “la-ma-sa-bach-tha-ni” là tiếng A-ram (một ngôn ngữ rất gần với tiếng Hy-bá). Chúa Giê-su và các môn đệ của Ngài có lẽ có thể nói được cả hai thứ tiếng và tiếng Hy-lạp nữa.

¹⁰⁵⁶ 27:46 Đối với một số ngôn ngữ không thể nói được “Đức Chúa Trời của tôi”. Trong những trường hợp đó, bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời Đấng tôi phục vụ/tin cậy”.

¹⁰⁵⁷ 27:46 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Rất nhiều sự đau đớn mà Chúa Giê-su kinh nghiệm trong Ma-thi-ơ 27 đã được tiên tri ở trong Thi-thiên 22. Tội lỗi của chúng ta khiến cho Đức Chúa Trời từ bỏ Chúa Giê-su (Ê-sai 59:2).

¹⁰⁵⁸ 27:46 Hãy coi lại cách bạn ghi lại những câu và đoạn Kinh Thánh được trích dẫn trong Cựu Ước là những lời tiên tri được trích dẫn ở trong Tân Ước. Một số bản dịch kèm theo sách và số câu trong bản dịch sau câu trích dẫn, nhiều bản dịch để trong **LỜI CHÚ THÍCH** hay phụ đề ở bên cạnh, và một số bản không để tên sách và câu vào. Hãy xem Ma 1:23, 2:6, 15, 18; 3:3, 4:4, 6–7, 10, 15–16; 5:21, 27, 31, 33, 38, 43; 8:17, 9:13, 10:35–36; 11:10, 12:18–21, 40; 13:14–15, 35; 15:4, 8–9; 18:16, 19:4–5, 7, 18–19; 21:5, 9, 13, 16, 42; 22:24, 32, 37–38, 44; 23:39, 24:30, 26:31, 64; 27:9–10, 46.

¹⁰⁵⁹ 27:47 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Trong tiếng Hy-bá từ “Đức Chúa Trời của Tôi” tương tự như tên “Ê-li”. Người ta hiểu lầm điều Chúa Giê-su nói ở trong câu 46.

¹⁰⁶⁰ Ê-li không sống trên mặt đất vào thời Chúa Giê-su.

một người trong bọn ^{GTK1062}{chúng ⇔ quân lính} chạy và lấy ¹⁰⁶³{một miếng bọt ⇔ một vật (gọi là miếng bọt) có thể thấm/hút nước được}. Rồi (người ấy) ¹⁰⁶⁴nhúng (miếng bọt) vào (một chén) {¹⁰⁶⁵rượu vang ¹⁰⁶⁶chua/rẻ tiền ⇔ giấm}, <và> để miếng bọt trên đầu cây sậy/gậy, (và) ¹⁰⁶⁷{đưa nó cho Ngài/(Chúa) Giê-su (uống) ⇔ giơ lên (đến miệng Ngài/(Chúa) Giê-su) để cho Ngài/(Chúa) Giê-su (uống)}. **49** Nhưng ^{GTK1068}(những người ⇔ đám quân lính/người qua đường) còn lại nói (với người đưa rượu vang/giấm cho Chúa Giê-su): “{Hãy để mặc kệ nó, ⇔ Hãy khoan, (đùng cho nó uống)} để xem Ê-li có đến cứu nó không!.”

50 Rồi thì (Chúa) Giê-su ¹⁰⁶⁹kêu lớn tiếng lên một lần nữa (và) ¹⁰⁷⁰{trút hơi thở/linh hồn ⇔ chết}. **51** {Này kia ⇔ Vào lúc đó}, ¹⁰⁷¹chiếc màn dày {ở trong ⇔ được treo ở

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Đức Chúa Trời đem Ê-li lên trời khi ông còn đang sống vào khoảng 850 T.C. (2 Các Vua 2:11).

1061 **27:47** Phải nói rõ là chúng nghĩ rằng Chúa Giê-su gọi Ê-li để nhờ ông **giúp đỡ, không** phải chỉ gọi tên ông Ê-li.

1062 **27:48** “**một người trong bọn chúng**” ở đây có thể nói đến một trong những người lính hay một trong những người đứng coi được đề cập đến ở trong câu 47. Đa số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đó là một **người lính**.

1063 **27:48** Nếu trong địa bàn của bạn họ không biết đến **miếng bọt, một vật có thể thấm/hút nước**, bạn có thể nói tổng quát hơn.

1064 **27:48** Người **nhúng** miếng bọt vào chén trong vòng một hay hai giây đồng hồ. Rồi người ấy lấy ra khỏi chén và để lên đầu một cây sậy/gậy. **Không** nên làm người đọc hiểu là người ấy để miếng bọt vào cái chén và rồi để tất cả vào cây sậy/gậy.

1065 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**rượu vang**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 9:17, (11:18–19), 21:33, (24:49), 26:27–29, 27:34, (48), và xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 9:17.

1066 **27:48** **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Rượu vang chua là một thứ rượu rẻ tiền mà người nghèo, kể cả quân lính, thường uống cho đã khát.

1067 **27:48** **HÌNH ẢNH được đề nghị:** Chúa Giê-su ở trên thập tự giá với một người đưa miếng bọt ở đầu cây sậy/gậy lên cho Chúa uống.

1068 **27:49** “(những người) còn lại” có thể nói đến các quân lính hay người qua đường. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở câu 48.

1069 **27:50** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**kêu lớn tiếng**” trong câu 46.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su chết với sự bày tỏ sức mạnh khác thường. Thông thường một người bị đóng đinh trên thập tự giá sẽ chịu đau đớn một thời gian lâu và rồi từ từ xỉu đi trước khi chết.

1070 **27:50** “**trút hơi thở**” có vẻ hàm ý rằng Chúa Giê-su tình nguyện chết.

1071 **27:51** Nếu trong địa bàn của bạn **không** biết **cái màn**, bạn có thể nói “miếng vải dùng để ngăn”. Chiếc màn này cao 18m và rộng 9m. Màn dày 3cm, và không thể nhìn xuyên qua được.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Một tấm màn lớn và dày ngăn cách Nơi Thánh với Nơi Chí Thánh, là chỗ được tin rằng Đức Chúa Trời ngự trên đất này (Xuất 26:31–33). Chỉ có thầy trưởng tế được phép vào Nơi Chí Thánh. Ông đại diện cho dân sự của Chúa và mỗi năm một lần ông vào đó để dâng tế lễ xin Đức Chúa Trời tha tội cho dân sự. Sau khi Chúa Giê-su chết và đến tội cho tất cả mọi người, không còn cần phải có tế lễ khác, thầy trưởng tế hay một cái màn ngăn cách dân sự khỏi sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Việc chiếc màn bị xé rách biểu hiệu rằng không còn sự ngăn cách giữa Đức Chúa Trời và loài người; tất cả mọi tín hữu này được tự do đến thẳng với Đức Chúa Trời (hãy xem Hê-bơ-rơ 6:19–20, 9:1–15, 10:19–22).

trong} ¹⁰⁷² đền thờ ((ngăn người ta bước vào sự hiện diện của Đức Chúa Trời,)) bị xé ra làm hai (bởi Đức Chúa Trời) từ trên xuống dưới. {<Và > ⇔ Ngoài ra,} ¹⁰⁷³ {đất rúng động và đá (lớn) bị nứt ra ⇔ ¹⁰⁷⁴ có cơn động đất mạnh đến nỗi khiến cho đá (lớn) bị nứt ra}. **52** <Và> ¹⁰⁷⁵ các mồ mả ¹⁰⁷⁶ mở ra (bởi Đức Chúa Trời ⇔ bởi cơn động đất) và nhiều <xác> của ¹⁰⁷⁷ {những người thánh ⇔ dân sự của Đức Chúa Trời} là những người ¹⁰⁷⁸ đã ngủ/chết được (Đức Chúa Trời làm cho) sống lại (từ kẻ chết). **53** <Và> (họ) rời khỏi mồ mả của họ ^{GTK1079} (và) sau ^{GTK} {khi Chúa phục sinh ⇔ Ngài/(Chúa) Giê-su được (Đức Chúa Trời làm cho) sống lại (từ kẻ chết)}, họ đi vào thành {(Giê-ru-sa-lem) ¹⁰⁸⁰ thánh ⇔ của Đức Chúa Trời} và/tại đó {họ xuất hiện cho nhiều người ⇔ nhiều người thấy họ}.

54 <Và> ¹⁰⁸¹ khi người ¹⁰⁸² {đội trưởng ⇔ đại úy La-mã} và {những người ở với ông ta ⇔ quân lính của ông} đang canh gác (Chúa) Giê-su thấy động đất và những việc (khác)

¹⁰⁷² **27:51** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đền thờ**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:5, (5:23–24); 8:4, 12:5–6; 17:(23), 24 và tiểu đề, (17:25–27); 21:12 và tiểu đề, 21:13–15, (17), 23, (24); 23:16, 17, (18), 21, (35, 38); 24:1 và tiểu đề, 24:3, (15); 26:55, 61; 27:5, 6, 40, 51. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 4:5.

¹⁰⁷³ **27:51 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường động đất là dấu hiệu của sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Thí dụ, hãy xem Xuất 19:18, 1 Các vua 19:11, Công Vụ 4:31, 16:26.

¹⁰⁷⁴ **27:51** Bạn có thể nói: “Đức Chúa Trời khiến có một cơn động đất lớn...”

¹⁰⁷⁵ **27:52** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**mồ mả**” trong Ma 8:28 và 14:12.

¹⁰⁷⁶ **27:52** Có thể dùng thể chủ động ở đây nghe tự nhiên hơn và nói: “Và Đức Chúa Trời mở các mồ mả và khiến cho nhiều <thân xác> của các thánh/những người {đã ngủ ⇔ đã chết} **sống lại.**”

¹⁰⁷⁷ **27:52** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có nghĩa là “**những người thánh**”. Đây nói đến **dân sự của Đức Chúa Trời** là những người đã được **biệt ra riêng** (tức là, được Đức Chúa Trời **chọn**) để phục vụ Ngài. Đây **không** giống như là các thánh của đạo Công Giáo. Hãy chắc chắn là bạn chuyển ngữ từ này khác với cách bạn chuyển ngữ “**Cơ Đốc Nhân**”, “**các tín hữu**” và “**các người đi theo/môn đệ**”.

¹⁰⁷⁸ **27:52** Trong văn mạch này “**ngủ**” là một cách mỹ từ hoá để nói rằng họ đã **chết**.

¹⁰⁷⁹ **27:53** Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ những người sống lại này rời mồ mả của họ **khi nào**. Có thể là **trước** hay **sau** sự phục sinh của Chúa Giê-su. Nếu có thể được, chuyển ngữ theo cách để mơ hồ, không nói rõ lúc nào. Nếu bạn phải nói rõ họ rời mồ mả khi nào và bạn chọn **trước** khi Chúa phục sinh, bạn có thể bắt đầu câu 53 như là tiếp tục câu 52 và nói: “và (họ) ra khỏi mồ mả. Sau khi Chúa phục sinh, họ đi...” (như BDM, BDY). Nếu bạn chọn **sau khi** Chúa phục sinh, bạn có thể nói: “<Và> sau khi Chúa phục sinh họ ra khỏi mồ mả (của họ) (và) đi...” (như BDC, BCG).

¹⁰⁸⁰ **27:53** Hãy xem lại cách bạn chuyển ngữ “**thánh**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 4:5, 6:9, 7:6, 23:17, 19; 24:15, [25:31], 27:53. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 1:18, 7:6 và 23:17. Sự xuất hiện của “Đức Thánh Linh” được liệt kê riêng ở trong Ma 28:19.

¹⁰⁸¹ **27:54** Vì nhóm từ này chứa đựng **thông tin mới**, có thể nói như sau nghe tự nhiên hơn: “<Và> người đội trưởng...thấy...các việc (khác) xảy ra, họ rất sợ hãi...”

¹⁰⁸² **27:54** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**đội trưởng**” trong Ma 8:5, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

đã xảy ra, họ ¹⁰⁸³{rất sợ hãi ⇔ hoảng sợ} (và) nói: ¹⁰⁸⁴“(Người) này thật/chắc chắn là ¹⁰⁸⁵Con Đấng Chúa Trời!”

55 <Và> có nhiều người đàn bà ở đó ¹⁰⁸⁶nhìn xem {mọi sự ⇔ (Chúa) Giê-su từ đằng xa. Họ đã ¹⁰⁸⁷{đi theo ⇔ đi cùng với} (Chúa) Giê-su/Ngài từ (tỉnh) Ga-li-lê (và) đã ¹⁰⁸⁸{phục vụ/giúp đỡ Ngài ⇔ cung cấp cho Ngài ⇔ chăm sóc các nhu cầu của Ngài}.

56 Trong số {họ ⇔ các bà ấy} có ¹⁰⁸⁹Ma-ri {Ma-đơ-len ⇔ người ở tỉnh Ma-đa-la}, (một) ^{GTK1090}Ma-ri (khác) (là) mẹ của Gia-cơ và Giô-sép, và ¹⁰⁹¹{mẹ của các con trai ¹⁰⁹²Xê-bê-đê ((Gia-cơ và Giăng)) ⇔ vợ của Xê-bê-đê, mẹ của Gia-cơ và Giăng}.

¹⁰⁸³ **27:54** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**rất sợ hãi**” trong Ma 17:6.

¹⁰⁸⁴ **27:54** Các môn đệ của Chúa Giê-su nói tương tự như câu trích dẫn ở Ma 14:33.

¹⁰⁸⁵ **27:54 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Một lần nữa, người ngoại quốc/không phải là người Do Thái gần hơn với lẽ thật về Chúa Giê-su hơn là người Do Thái, mặc dù Chúa Giê-su đến với người Do Thái trước. Hãy xem các trường hợp tương tự như các nhà thông thái trong 2:2, 11, viên đội trưởng trong 8:10–12, và người đàn bà Ca-na-an trong 15:28.

¹⁰⁸⁶ **27:55** Có thể nghe tự nhiên hơn nếu thay đổi **thứ tự** của câu 55 và nói: “<Và> có nhiều người đàn bà ở đó là những người từ (tỉnh) Ga-li-lê đi theo (và) phục vụ Chúa Giê-su/Ngài. Họ xem (việc xảy đến cho Ngài) từ đằng xa.”

¹⁰⁸⁷ **27:55** Trong ngữ cảnh này “**đi theo**” có nghĩa là “cùng đi với”, **không phải** “đi phía sau” hay “tối trẻ hơn”.

¹⁰⁸⁸ **27:55** Chuyển ngữ “**phục vụ Ngài**” **không** nên có ý về tình dục. Đây có lẽ muốn nói đến cung cấp về tài chánh cũng như nấu ăn và giặt quần áo cho Ngài.

¹⁰⁸⁹ **27:56 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúa Giê-su đã đuổi bảy con quỷ ra khỏi Ma-ri Ma-đơ-len (Lu-ca 8:2). Tỉnh Ma-đa-la nằm ở phía tây của Hồ Ga-li-lê **gần thành Ti-bê-ri-át**.

¹⁰⁹⁰ **27:56 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Có lẽ Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép cũng là mẹ của Chúa Giê-su (hãy xem Ma-thi-ơ 13:55 và Giăng 19:25). Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng đây là một Ma-ri khác (có lẽ là em của mẹ Chúa Giê-su), bởi vì họ nghĩ rằng mẹ của Chúa Giê-su sẽ được nhắc đến một cách đặc biệt hơn ở đây và ở trong Ma-thi-ơ 27:61 và 28:1. Tuy nhiên, có lẽ Ma-thi-ơ nói đến Ma-ri bằng cách này để tăng sự nhấn mạnh trên sự kiện Chúa Giê-su là Con Đấng Chúa Trời (câu 54).

¹⁰⁹¹ **Không** nên làm người đọc hiểu lầm là Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép, cũng là mẹ của các con trai Xê-bê-đê. Ở đây nói đến một người đàn bà khác, được gọi là mẹ của các con trai của Xê-bê-đê.

¹⁰⁹² **27:56** Hãy xem điều bạn làm cho một trường hợp tương tự ở trong Ma 20:20, và xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở đó.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Các con trai của Xê-bê-đê là Gia-cơ và Giăng. Họ là hai môn đệ của Chúa Giê-su (Ma-thi-ơ 4:21–22). Mặc dù chúng ta không biết chắc, mẹ của họ có lẽ tên là Sa-lô-mê (Mác 15:40). Bà ấy cũng có thể là đi của Chúa Giê-su, nếu bà là em của Ma-ri được nhắc đến ở trong Giăng 19:25.

27:57-61 {**Lễ An Táng Của (Chúa) Giê-su ⇔
Giô-sép Đặt Xác (Chúa) Giê-su Vào Mộ**}

Mác 15:42-47; Lu-ca 23:50-56; Giăng 19:38-42

57 <Sau đó> đến ¹⁰⁹³ chiều tối một người giàu có tên là ¹⁰⁹⁴ Giô-sép ^{GTK1095} {đến (đôi
Gô-gô-tha/Phi-lát ⇔ tiến lên ⇔ xuất hiện)}. (Ông/Giô-sép là) người (ở thành phố) ¹⁰⁹⁶ A-
ri-ma-thê (và <chính ông> cũng được {dạy dỗ bởi (Chúa) Giê-su ⇔ trở nên một môn đệ
của (Chúa) Giê-su}. 58 Ông đi đến Phi-lát (và) ^{NTT1097} {yêu cầu ⇔ xin (ông) lấy} xác của
(Chúa) Giê-su (để chôn). Rồi/Vậy Phi-lát ra lệnh ^{NTT} {cho đem ¹⁰⁹⁸ [xác] (xuống) ⇔ cho
các quân lính đem [xác] (xuống)} cho (ông/Giô-sép). 59 <Và/Vậy> Giô-sép/ông lấy
¹⁰⁹⁹ xác (Chúa Giê-su), ¹¹⁰⁰ liệm trong {một băng vải sạch/trắng ⇔ một miếng khăn lớn
đất tiên} (theo phong tục của người Do Thái), 60 và (rồi) đặt xác/Ngài trong ¹¹⁰¹ mộ mới
của Giô-sép mà ông đã (thuê người ta) đục {từ đá ⇔ từ trong sườn của một đồi đá}. Rồi
ông lăn một ¹¹⁰² tảng đá lớn lấp trước ¹¹⁰³ cửa mộ (để đóng mộ lại) (và) rời khỏi đó.

¹⁰⁹³ 27:57 Luật của ngày Sa-bát không cho phép chôn cất, nên có thể vào buổi chiều Thứ Sáu (như được ghi lại ở trong Mác 15:42) và **chưa** đến 6 giờ chiều, là lúc ngày Sa-bát bắt đầu.

¹⁰⁹⁴ 27:57 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Chúng ta được biết từ Mác 15:43 và Lu-ca 23:50-51 rằng Giô-sép người A-ri-ma-thê là một thành viên được kính trọng của {Hội Đồng Quốc Gia ⇔ Tối Cao Pháp Viện của người Do Thái}. Giăng 19:38 cho thấy rằng ông là một môn đệ bí mật của Chúa Giê-su cho tới lúc này mới ra mặt.

¹⁰⁹⁵ 27:57 Trong bản Hy-lạp **không** nói rõ Giô-sép đến từ **đâu** và đi **đâu**. Cố gắng nói một cách tổng quát trong bản dịch của bạn. Vì Giô-sép là một thành viên của Hội Đồng Quốc Gia và làm chủ ngôi mộ ở gần đó, có lẽ ông sống ở tại Giê-ru-sa-lem, vậy **không** nên làm người đọc hiểu lầm là ông vừa mới ở A-ri-ma-thê hay ở một chỗ nào đến. Cũng **không** nên làm người đọc hiểu là ông đi đến gặp thông đốc Phi-lát hai lần trong các câu 57-58.

¹⁰⁹⁶ 27:57 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Nhiều học giả Kinh Thánh nghĩ rằng thành A-ri-ma-thê ở cách Giê-ru-sa-lem 32 km về phía tây bắc, nhưng không biết chính xác vị trí của nó.

¹⁰⁹⁷ 27:58 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thông thường người La-mã để xác người bị đóng đinh trên thập tự giá cho đến khi rửa thối. Nhưng nếu có bạn hữu hay họ hàng đến xin xác thì họ thường cho lấy xác đi. Trong trường hợp này, họ bị thêm áp lực của người Do Thái không muốn để cho xác chết không được chôn qua đêm (Phúc 21:22-23), nhất là sẽ làm ô ướ ngày Sa-bát, là ngày hôm sau (Giăng 19:31).

¹⁰⁹⁸ 27:58 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BCG, BDY) có “**xác**” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDC) **không** có nhưng hàm ý. Hãy làm theo cách tự nhiên nhất trong ngôn ngữ của bạn.

¹⁰⁹⁹ 27:59 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**xác**” trong sách Ma-thi-ơ khi đề cập đến một **xác chết**. Hãy xem Ma 14:12, 24:28, 27:52, 58-59, (60) và tiểu đề, (64); (28:6, 13).

¹¹⁰⁰ 27:59 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Giăng 19:39-42 nói rằng Giô-sép được Ni-cô-đem, là một thành viên khác của Hội Đồng Quốc Gia, giúp đỡ. Có lẽ họ có các đầy tớ giúp họ làm mọi việc. Trước khi họ quấn xác Chúa trong vải liệm, có lẽ họ tắm rửa và xức dầu cho xác của Chúa theo như phong tục của người Do Thái.

¹¹⁰¹ 27:60 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Sự chết của Chúa Giê-su cùng với các phạm nhân và việc được chôn trong mộ của người giàu có làm ứng nghiệm lời tiên tri ở trong Ê-sai 53:9, 12.

¹¹⁰² 27:60 Một **hòn đá** được dùng để bít kín mộ được đục theo hình của một bánh xe lớn mà không có cái lỗ ở giữa. Có lẽ nó có đường kính ít nhất là 1 m.

61 <Rồi/Nhung> Ma-ri {Ma-đơ-len ⇔ người tỉnh Ma-đa-la} và ¹¹⁰⁴Ma-ri khác ở đó ngồi đối diện với mẹ.

**27:62-66 {Quân Lính Canh Giữ Mộ ⇔
Phi-lát^{NTT} Sai Quân Lính Đến Canh Mộ (Chúa Giê-su)}**

62 <Rồi thì> ngày hôm sau, đó là ngày {sau ngày chuẩn bị cho (ngày Sa-bát) ⇔ thứ bảy, ngày Sa-bát}, các thầy thượng tế và người ¹¹⁰⁵Pha-ri-si gặp Phi-lát **63** (và) bảo (ông ta): “Thưa Ngài, chúng tôi nhớ rằng khi tên lừa gạt ¹¹⁰⁶(Giê-su) này còn sống, nó nói: ^{NGT1107}‘Sau ba ngày {Ta sẽ được (Đức Chúa Trời làm cho) sống lại ⇔ Đức Chúa Trời sẽ khiến Ta sống lại} (từ kẻ chết).’ **64** Vì vậy ¹¹⁰⁸(xin) hãy ra lệnh (cho lính) canh giữ mộ (của nó) cho đến {¹¹⁰⁹ngày thứ ba (sau khi nó chết) ⇔ (Nó đã chết) được ba ngày}. {Nếu Ngài không cho canh giữ mộ (nó) ⇔ Nếu mộ (nó) không được canh giữ}, các môn đệ (của nó) sẽ/có thể đến (và) ăn cắp {nó ⇔ xác (của nó)} và (rồi) bảo dân chúng: ^{NGT}, ^{GTK}{Ngài đã được Đức Chúa Trời làm cho sống lại ⇔ Đức Chúa Trời khiến cho Ngài sống lại ⇔ Ngài đã sống lại} từ kẻ chết!’ ¹¹¹⁰{Rồi thì sự lừa gạt sau cùng này ⇔ Điều đó sẽ bắt đầu một sự lừa gạt mới} còn tệ hơn (sự lừa gạt) đầu tiên ¹¹¹¹(khi nó tuyên xưng ^{NTT}là Đấng Cứu Thế)!” **65** ¹¹¹²[Rồi] Phi-lát bảo {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái}:

HÌNH ẢNH được đề nghị: Một ngôi mộ với một tảng đá chặn ở lối vào.

- ¹¹⁰³ **27:60** Khi chuyển ngữ “lối vào” không nên làm người đọc hiểu là mộ có một cái cửa.
- ¹¹⁰⁴ **27:61 LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** “Ma-ri khác” được nói đến ở đây (và trong Ma-thi-ơ 28:1) có lẽ là mẹ của Gia-cơ và Giô-sép được nhắc tới ở trong câu 56, có lẽ bà cũng là mẹ của Chúa Giê-su (hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 56).
- ¹¹⁰⁵ **27:62** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “người Pha-ri-si” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:7, 5:20, 9:11, 14, 34; 12:2, (3, 9, 10), 14, 24, (25), 38, (43); 15:1, 12–(14); 16:1, (4), 6, (9), 11–12; 19:3, (7); 21:45, 22:15, (16, 21), 34, 41, (42, 46); 23:2, (5), 13–15, 23, 25–27, 29, (36); 27:62. Cũng hãy xem tiểu đề ở Ma 12:2, 9, 22; 16:5, 22:15, 41; 23:1. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về người Pha-ri-si ở trong Ma 3:7.
- ¹¹⁰⁶ **27:63** Nên nói rõ là ở đây nói đến Chúa **Giê-su**. Ngài không phải là người lừa gạt. Các nhà lãnh đạo Do Thái gọi Ngài là người lừa gạt.
- ¹¹⁰⁷ **27:63** Có thể dùng **câu đối thoại gián tiếp** ở đây nghe tự nhiên hơn, bạn có thể nói: “Nó nói rằng nó sẽ được sống lại sau khi chết ba ngày.”
- ¹¹⁰⁸ **27:64** Có thể cần phải dùng một từ như “xin” ở đây để lời yêu cầu của các nhà lãnh đạo Do Thái với thống đốc La-mã nghe có vẻ lịch sự/lễ phép, không xằng sớm.
- ¹¹⁰⁹ **27:64** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “ngày thứ ba” trong Ma 16:21, 17:23, 20:19, 27:64. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 16:21.
- ¹¹¹⁰ **27:64** Bạn có thể nói: “Lời nói dối đó sẽ lừa gạt nhiều người hơn là nó đã lừa dối trước đây khi còn sống (và nói rằng nó là Đấng Cứu Thế)!”
- ¹¹¹¹ **27:64** Các nhà lãnh đạo Do Thái coi **lời nói dối đầu tiên** của Chúa Giê-su là tuyên xưng rằng Ngài là Đấng Cứu Thế. Có lẽ tốt nhất nên để thông tin đó trong một **LỜI CHÚ THÍCH** hơn là ở trong kinh văn.
- ¹¹¹² **27:65** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số) có “Rồi thì” ở đây. Tuy nhiên, một số bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) không có.

«¹¹¹³*GTK*{Hãy lấy ⇔ Các ông có} ¹¹¹⁴{lính gác ⇔ (một số) quân lính (của ta) (làm người canh gác)} (và) hãy đi làm cho ngôi mộ ¹¹¹⁵an toàn như {các ông biết làm ⇔ các ông có thể làm}!» **66** Vậy {họ ⇔ các nhà lãnh đạo Do Thái} đã đi (và) khiến cho mộ được an toàn bằng cách đóng ¹¹¹⁶một con dấu lên hòn đá (lấp cửa mộ) (và) ^{NTT}(đặt) lính canh.

28:1-10 ^{GTK}{(Chúa) Giê-su Sống Lại ⇔ Đức Chúa Trời Khiến
(Chúa) Giê-su Sống Lại} Từ Kẻ Chết

Mác 16:1-8; Lu-ca 24:1-12; Giăng 20:1-10

28 <Rồi> sau ¹¹¹⁷ngày Sa-bát, là {ngày đầu tiên của tuần lễ ⇔ ngày Chúa Nhật} vào lúc ¹¹¹⁸rạng đông/sáng sớm, Ma-ri ¹¹¹⁹{Ma-đơ-len ⇔ từ (tỉnh) Ma-da-la} và Ma-ri khác đến thăm mộ (của Chúa Giê-su). **2** <Và> kìa, có một trận động đất lớn, ¹¹²⁰bởi vì một thiên sứ ¹¹²¹của Chúa (Đức Chúa Trời) từ {thiên đàng ⇔ trời} xuống. Rồi thiên sứ đến (mộ), lăn tảng đá ở ¹¹²²lối vào cửa mộ và ngồi lên trên. **3** <Và> hình dạng người

¹¹¹³ **27:65** Thể của động từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp không rõ ý. Một số học giả Kinh Thánh (và BDM, BDC, BCG, BDY) nghĩ rằng câu nói “**Các ông có** lính gác”, nói đến các lính gác đền thờ của người Do Thái (không phải lính La-mã). Tuy nhiên, đa số học giả nghĩ rằng đó là một mệnh lệnh “**Hãy đặt** lính gác”. Ma 28:14 xác định lại rằng thông đốc Phi-lát cho các nhà lãnh đạo của người Do Thái một vài người lính của ông để canh giữ mộ Chúa Giê-su—nếu không thì không có lý do gì phải đến thương lượng với thông đốc Phi-lát.

¹¹¹⁴ **27:65** Trong ngữ cảnh này “**lính gác**” nói đến một nhóm quân lính, **không** phải chỉ một người.

¹¹¹⁵ **27:65** Bạn có thể nói: “...hãy đi và tận sức **canh gác** mộ!”

¹¹¹⁶ **27:66** Bạn có thể nói: “...hãy làm cho mộ được an toàn bằng cách đóng dấu trên cửa mộ để chúng sẽ biết được nếu có ai mở cửa mộ (và) bằng cách (đặt)...”

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Người ta không biết chắc chắn về phương pháp được dùng để đóng dấu cửa mộ, có thể là dùng một dây thừng có đánh dấu hay dùng xi măng. Dù dùng cách nào đi nữa, mọi người sẽ biết rõ là không nên cố gắng mở cửa mộ. Nếu dấu đóng bị bể, các quân lính sẽ biết là có người mở cửa mộ.

¹¹¹⁷ **28:1** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**Ngày Sa-bát**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma (8:16), 12:1 và tiểu đề, 12:2, 5, 8–12 và tiểu đề; 24:20, (27:62), 28:1. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 12:1.

¹¹¹⁸ **28:1** Đa số bản dịch (và BDM, BDC, BCG, BDY) dùng một từ có nghĩa là đã chuyển từ đêm tối sang ban ngày. Bạn có thể nói: “khi **trời sáng** vào sáng sớm ngày Chúa Nhật”. Tuy nhiên, từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp có thể cũng có nghĩa là “**bắt đầu**” (hãy xem Lu-ca 23:54 làm thí dụ). Vì ngày của người Do Thái bắt đầu vào khoảng 6:00 giờ chiều, sự giải thích này có nghĩa là các người đàn bà đi ra mộ vào lúc **trời tối**.

¹¹¹⁹ **28:1** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**Ma-ri Ma-đơ-len**” trong Ma 27:56, 61.

¹¹²⁰ **28:2** Trong bản Hy-lạp làm cho người ta thấy mọi việc còn lại trong câu 2 xảy ra rất nhanh. Tuy nhiên, sự hiện diện của thiên sứ, hay việc thiên sứ xuống đất, có vẻ là nguyên nhân **khiến** cho có cơn động đất, **không** phải việc lăn hòn đá lấp cửa mộ. So sánh điều này với Thi-thiên 114:7 là lời đã nói: “Hãy run rẩy, hồi trái đất, trước sự hiện diện của Chúa!”

¹¹²¹ **28:2** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**một thiên sứ của/từ**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:20, 24; 2:13, 19; 28:2.

¹¹²² **28:2** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**lối vào**” trong Ma 27:60, (66).

1123 sáng loà như chớp và **1124** quần áo/áo choàng người **1125** {trắng như tuyết ⇔ trắng xoá}.
4 <Rồi/Và> {những người ⇔ các lính gác} canh (mộ) {đều run rẩy sợ hãi ⇔ rất sợ thiên
 sứ đến nổi run rẩy} và **1126** {trở nên ⇔ ngã xuống bất động} như **1127** người chết.

5 Rồi **1128** vị thiên sứ <đáp ứng> {nói với ⇔ bảo} các người phụ nữ: “{Đừng ⇔ Hãy
 thôi} sợ hãi,/. <bởi vì> ta biết các bà đang tìm (Chúa) Giê-su là người **1129** {đã bị đóng đinh
 trên thập tự giá ⇔ hành quyết trên thập tự giá ⇔ bị giết bằng cách đóng đinh trên thập tự
 giá}. **6** Ngài không còn ở đây đâu. <Bởi vì> ^{GTK}{Ngài đã sống lại ⇔ được (Đức Chúa
 Trời) khiến cho sống lại ⇔ Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại} (từ kẻ chết) như
 Ngài/(Chúa) Giê-su **1130** {đã phán ⇔ đã bảo các bà}. Hãy đến (và) xem {chỗ (xác)
1131 Ngài/[Chúa (Giê-su)] đã **1132** nằm ⇔ nơi đặt xác Ngài}. **7** {Rồi thì ⇔ <Và bây giờ>},
 hãy mau đi báo cho các môn đệ của Ngài: ^{NGT}Ngài/(Chúa) Giê-su đã ^{GTK}**1133** {sống lại ⇔

1123 **28:3** Không nên làm người đọc hiểu là thiên sứ xuất hiện và biến mất một cách rất nhanh chóng.

1124 **28:3** Thiên sứ có thể mặc một loại **áo choàng**, như người ta mặc trong thời của Chúa Giê-su. Hãy coi
 lại cách bạn chuyển ngữ “**áo choàng**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:4, 5:40, 9:20–21; 14:36,
 21:7–8; (23:5), 24:18, 26:65, 27:28, 31; 28:3. So sánh với cách bạn chuyển ngữ “**áo**” trong Ma 5:40
 và 10:10. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về cả hai ở Ma 5:40.

1125 **28:3** Nếu trong địa bàn của bạn ở **không** có **tuyết**, bạn có thể nói một cách tổng quát là “**trắng
 xoá/trắng toát**”. Hay bạn có thể dùng sự thay thế cho thích hợp với văn hoá, tức là, nói đến một điều
 gì được coi là rất trắng. Tuy nhiên, phải biết chắc là cái bạn dùng được chấp nhận để dùng trong Kinh
 Thánh.

1126 **28:4** Nếu bạn cần phải nói rõ các người lính **trở nên giống như người chết như thế nào**, bạn có thể
 nói họ ngã xuống và không cử động được. Họ **không** thật sự chết.

1127 **28:4** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Thật là mỉa mai khi những lính gác được đặt để canh gác xác
 chết của Chúa Giê-su bây giờ trở nên giống như xác chết, trong khi Chúa Giê-su sống lại.

1128 **28:5** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thiên sứ**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:20, 24;
 2:(12), 13, 19, (22); 4:6, 11; (6:10), 13:39, 41, (42), 49, (50); 16:27, 18:10, 22:30, 24:31, 36;
 25:31, (32); 26:53, 28:2–5, (8). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về “thiên sứ” ở Ma 1:20.

1129 **28:5** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đóng đinh trên thập tự giá**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem
 Ma 20:19, 23:34, 26:2, 27:22, 23, 26, 31, 35, 36, 38, 44; 28:5. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều
 này ở Ma 20:19. Cũng hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thập tự giá**”. Hãy xem Ma 10:38, 16:24,
 (20:19), (23:34), (26:2), 27:(22–23, 26, 31), 32 và tiểu đề, 27:(35, 38), 40, 42, (59); (28:5).

1130 **28:6** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Chúa Giê-su đã nhiều lần nói tiên tri về sự chết và sự sống lại
 của Ngài. Hãy xem 12:40, 16:21, 17:23, 20:19, 26:61.

1131 **28:6** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDY) có “**Chúa**” ở đây. Tuy nhiên, một số
 bản (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG) **không** có.

1132 **28:6** Từ được dùng ở đây trong bản Hy-lạp không nói rõ ý. Từ này có thể chuyển ngữ là “**đã đặt**” hay
 “**đã nằm**”. Sự giải thích nào cũng thích hợp với ngữ cảnh. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói
 “...nơi người ta đặt xác Ngài/Chúa Giê-su...” Hãy chắc chắn là người đọc không hiểu lầm là xác
 Chúa Giê-su nằm đó trong khi thiên sứ đang nói.

1133 **28:7** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**được sống lại từ kẻ chết**” và “**phục sinh**” trong sách Ma-thi-
 ơ. Trước hết hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** quan trọng ở Ma 9:25 cho thấy các người chuyển ngữ
không chuyển ngữ chúng một cách nhất quán như thế nào. Sau đó hãy xem phần kinh văn trong
 Ma 9:25 và tiểu đề; 10:8, 11:5, 12:41–42; 14:2 và tiểu đề, 16:(14), 21 và tiểu đề; 17:9, 23 và tiểu đề;
 20:19 và tiểu đề, 22:23, 28–32 và tiểu đề; 26:32, 27:52–53, 63–64; 28:6–7 và tiểu đề.

được (Đức Chúa Trời) làm cho sống lại} ¹¹³⁴ từ kẻ chết và kìa, Chúa đang đi trước
 GTK¹¹³⁵ các người đến Ga-li-lê. {Tại đó ⇔ Đó là nơi} các người sẽ thấy/gặp Ngài.’
 GTK¹¹³⁶ {Này, ta đã nói cho các bà biết (sứ điệp của Ngài). ⇔ Đừng quên điều ta đã bảo
 các bà! ⇔ Ta đến để nói cho các bà biết điều này!}”

8 Vậy (họ ⇔ mấy bà) vội vàng rời khỏi ¹¹³⁷ mộ {vừa sợ vừa mừng. Họ ⇔ Họ sợ hãi
 nhưng cũng rất vui mừng trong khi họ} chạy đi báo cho các môn đệ (của Chúa Giê-su)
 (tin này ⇔ điều các thiên sứ đã bảo họ ⇔ việc đã xảy ra). 9 ¹¹³⁸ {Sau đó ⇔ [Rồi thì,
 trong khi họ đang đi báo cho các môn đệ (của Ngài), <và>]} kìa, (Chúa) Giê-su ¹¹³⁹ gặp
 {họ ⇔ hai người đàn bà} (và) nói (với họ): “Chào các con.” <Rồi thì> {họ ⇔ mấy bà}
 đến gần (Ngài), (cúi xuống,) ôm chân Ngài ¹¹⁴⁰ (để tỏ lòng kính trọng Chúa) và ^{NTT} thờ
 phượng/tôn kính Chúa. 10 Rồi (Chúa) Giê-su/Chúa nói với họ: “{Đừng ⇔ Hãy thôi} sợ
 hãi. Hãy đi (và) báo cho ¹¹⁴¹ các anh em Ta ^{NTT} rằng họ nên đi đến Ga-li-lê {và tại đó ⇔
 nơi đó} {họ sẽ thấy/gặp Ta ⇔ Ta sẽ gặp họ}.”

¹¹³⁴ 28:7 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDC, BCG) có
 “từ kẻ chết” ở đây. Tuy nhiên, rất ít bản (và BDM, BDY) **không** có nhóm từ đó.

¹¹³⁵ 28:7 Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BCG, BDY) nghĩ “**các người**” ở đây và kế tiếp chỉ nói đến
 các môn đệ của Chúa Giê-su. Tuy nhiên, một số học giả (và BDC) nghĩ rằng nó cũng bao gồm cả
 những người đàn bà mà thiên sứ đang nói tới.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thiên sứ lặp lại ở đây điều Chúa Giê-su nói với các môn đệ ở
 trong 26:32.

¹¹³⁶ 28:7 Đa số học giả Kinh Thánh (và BDM, BCG, BDY) nghĩ thiên sứ đã nói xong lời nhắn với các môn
 đệ của Chúa Giê-su và **chỉ** nói với các người đàn bà khi thiên sứ nói: “Này, ta đã nói cho các bà biết
 về (sứ điệp của Ngài)!” Tuy nhiên, một vài học giả nghĩ rằng sứ điệp cho các môn đệ của Chúa Giê-su
 tiếp tục cho đến hết câu 7. BDC dùng “**người**” nên không rõ là thiên sứ đang nói với ai.

¹¹³⁷ 28:7 Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**mộ**” hay “**mả**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 8:28,
 (12:40), (14:12), 23:27, 29; 27:52–53, 60–61 và tiểu đề, 27:64–66 và tiểu đề; 28:1, (2, 4), 8, (11). Hãy
 xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 8:28.

¹¹³⁸ 28:9 Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS]) chỉ có “**sau đó**” ở đây. Các bản
 dịch tiếng Việt chuyển ngữ khác với bản Hy-lạp. Tuy nhiên, nhiều bản dịch của các ngôn ngữ khác
 (và Văn Bản Đa Số) có “**Sau đó**, trong khi họ đi báo cho các môn đệ của Ngài, <và>”.

¹¹³⁹ 28:9 **LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị:** Thật là đáng chú ý khi Chúa Giê-su trước hết xuất hiện cho
 mấy người đàn bà thấy và sẽ gặp môn đệ của Chúa tại tỉnh Ga-li-lê. Người Do Thái cho sự làm chứng
 của đàn bà là vô giá trị và họ coi thường tỉnh Ga-li-lê vì có nhiều người ngoại quốc ở đó. Cách và sự
 lựa chọn của Chúa Giê-su thông thường trái ngược lại với cách và sự lựa chọn của loài người.

¹¹⁴⁰ 28:9 Để tránh làm cho người đọc hiểu sai, bạn có thể cần phải nói **tại sao** những người đàn bà này **ôm**
 chân của Chúa Giê-su. Thí dụ, đối với một số nước trên thế giới hành động này bầy tỏ sự cầu xin được
 thương xót và tha thứ.

¹¹⁴¹ 28:10 Trong văn mạch này “**các anh em**” đề cập đến các môn đệ của Chúa Giê-su, **không** phải anh
 em ruột của Ngài (hãy xem câu 7).

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Thật là đáng chú ý khi Chúa Giê-su gọi các môn đệ là anh em
 của Ngài. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma-thi-ơ 25:40.

28:11-15 Các Nhà Lãnh Đạo Do Thái Hối Lộ/Trả Tiền Cho Các Lính Canh Để Họ Nói Dối Về Việc Đã Xảy Ra

11 <Rồi thì> trong khi {họ ⇔ mấy người đàn bà} đang {đi ⇔ trên đường đi} (báo cho các môn đệ (của Chúa Giê-su) tin tức, <kìa,> ¹¹⁴²một số ¹¹⁴³lính gác (canh mộ của Chúa Giê-su) đi vào {thành phố ⇔ Giê-ru-sa-lem} {và bảo ¹¹⁴⁴các thầy thượng tế ⇔ gặp các thầy thượng tế và kể cho họ} ^{NTT}mọi việc đã xảy ra. **12** Vậy (họ ⇔ các thầy thượng tế) {gặp ⇔ kêu gọi} các ¹¹⁴⁵trưởng lão/nhà lãnh đạo (Do Thái) khác và ^{NTT}{lên kế hoạch ⇔ quyết định} xem phải làm gì. (Rồi) họ cho các lính gác một {số bạc/tiền lớn ⇔ số tiền hối lộ} **13** (và) căn dặn/ra lệnh (cho họ): “(Nếu có ai hỏi về việc đã xảy ra,) hãy nói: ^{NGT}: ‘Các môn đệ của Ngài/Thầy đang đem đã đến và ăn cắp/lấy (xác Thầy) trong khi chúng tôi đang ngủ.’ **14** <Và> {nếu thống đốc (La-mã) nghe được ⇔ nếu Phi-lát nghe được điều này ⇔ nếu Phi-lát biết ^{NTT}rằng các anh ngủ trong khi canh gác}, chúng tôi sẽ ¹¹⁴⁶{làm hài lòng ¹¹⁴⁷[ông ta] ⇔ trả tiền cho ông ta bỏ qua đi ⇔ nói chuyện với ông ta} ¹¹⁴⁸{và giữ cho các anh khỏi bị rắc rối (với ông ta) ⇔ để ông ta sẽ không trừng phạt/xử tử các anh}.” **15** Vậy {họ ⇔ các quân lính} lấy bạc/tiền (và) {làm theo như đã được (các nhà lãnh đạo Do Thái) chỉ dẫn ⇔ bảo dân chúng điều các nhà lãnh đạo dặn/bảo họ nói}. <Và> {cho ¹¹⁴⁹tối ngày nay ⇔ ngay cả bây giờ}, {đó là ¹¹⁵⁰câu chuyện được đồn ra giữa vòng người Do Thái ⇔ người Do Thái kể cùng một câu chuyện (mà các người lính kể)}.

¹¹⁴² **28:11** Một số quân lính khác có thể ở lại tại mộ, nhưng dường như tất cả các lính ở mộ đều bỏ chạy theo các hướng khác nhau và trở lại Giê-ru-sa-lem từng nhóm nhỏ.

¹¹⁴³ **28:11** Hãy xem cách bạn chuyển ngữ “**lính gác**” trong Ma 27:65–66.

¹¹⁴⁴ **28:11** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**các thầy thượng tế**” trong suốt sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 2:4, 16:21, 20:18, 21:15, (16), 23, 45; 26:3, 14, 47, 59; 27:1, 3, 6, 12, 20, 41, 62; 28:11, (12). Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 2:4.

¹¹⁴⁵ **28:12** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**các trưởng lão**” qua suốt sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 16:21, 21:23; 26:3, 47, 57; 27:1, 3, (4), 12, 20, 41 và 28:12, và hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 16:21. So sánh với Ma 15:1 tiểu đề và 15:2 là chỗ nói đến “các trưởng lão” như là tổ phụ của người Do Thái.

¹¹⁴⁶ **28:14** Cụm từ “**làm hài lòng**” có lẽ hàm ý việc dùng **tiền**. Tuy nhiên, một số học giả Kinh Thánh nghĩ rằng nó có nghĩa là “chúng tôi sẽ nói chuyện với ông ta”.

¹¹⁴⁷ **28:14** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BCG) có “**người/ông ta**” ở đây. Tuy nhiên, một số (và BDY) **không** có, nhưng hàm ý.

¹¹⁴⁸ **28:14** **LỜI CHÚ THÍCH** được **đề nghị**: Chính quyền La-mã sẽ xử tử lính gác nếu họ bị bắt quả tang là ngủ trong khi thi hành phận sự. Hãy xem thí dụ ở Công Vụ 12:19.

¹¹⁴⁹ **28:14** “**ngày này**” nói đến lúc mà Ma-thi-ơ viết sách này, **không** phải là hiện tại bây giờ.

¹¹⁵⁰ **28:15** **Câu chuyện được đồn ra** gồm có câu chuyện về các môn đệ của Chúa Giê-su đến ăn cắp xác của Chúa trong lúc lính canh đang ngủ. Câu chuyện này **không** nói đến việc các quân lính được hối lộ để nói dối.

*Phân Đoạn V. Chức Vụ Của Chúng Ta chương 28:16-20***28:16-20 {Đại Sứ Mạng ⇔ Lời Dặn Dò Cuối Cùng Của (Chúa) Giê-su Cho Các Môn Đệ ⇔ Khiến Người Ta Trở Nên Môn Đệ Của (Chúa) Giê-su}***Mác 16:14-18; Lu-ca 24:36-49; Giăng 20:19-23; Công Vụ 1:6-8*

16 {Rồi thì ⇔ Sau khi ^{NTT}(nghe sứ điệp của Chúa Giê-su), ⇔ Sau khi (các người đàn bà kể lại ^{NTT} sứ điệp của Chúa Giê-su),} mười một môn đệ (của Chúa Giê-su) đi đến (tỉnh) Ga-li-lê (trên đỉnh) của một ngọn núi/đồi nơi mà (Chúa) Giê-su đã ^{NTT} bảo họ (đi).

17 <Và>/Tại đó họ gặp Ngài/(Chúa) Giê-su (và) ¹¹⁵¹{thờ phượng ⇔ ngợi khen và tôn vinh} ¹¹⁵²[Ngài], nhưng một số (người trong bọn họ) ^{NTT}{ngghi ngờ ⇔ không chắc/nghi} (rằng đó thật là Chúa Giê-su/Ngài). **18** Rồi thì (Chúa) Giê-su/Chúa đến ¹¹⁵³(gần) họ (và) nói (với họ): “{Tất cả quyền năng/thẩm quyền trên trời và dưới đất đều đã được (Đức Chúa Trời) giao cho Ta. ⇔ Đức Chúa Trời đã ban cho Ta quyền năng/thẩm quyền để cai trị mọi người và mọi vật trên ¹¹⁵⁴trời và dưới đất.} **19** ¹¹⁵⁵[Vì vậy] {hãy đi (và) ¹¹⁵⁶khiến ¹¹⁵⁷muôn ¹¹⁵⁸dân trở nên môn đệ (của Ta) ⇔ hãy đi khắp mọi nơi và giúp đỡ/dạy dỗ mọi

¹¹⁵¹ **28:17** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**thờ phượng**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 2:2, 8, 11 và tiểu đề; 4:9–10; (5:35), (8:2), (12:4), 13:33, 15:9, 31; (21:12–13), (22:32, 37); (23:8–10); 28:9, 17. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 2:2.

¹¹⁵² **28:17** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Văn Bản Đa Số, BDM, BDC, BDY) có “**Ngài**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BCG) **không** có, nhưng hàm ý.

¹¹⁵³ **28:18** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**đến (gần)**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 13:10, 15:25, 18:21, 24:1, 3; 28:18.

¹¹⁵⁴ **28:18** Bạn có thể nói “trong toàn thể vũ trụ” thay vì “trên trời và dưới đất.” Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**trời/thiên đàng**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:16–17; 5:(8), 16, 18, 34, 45, 48; 6:1, 9–10, 14, (15), 19 tiểu đề, 20, 26, 32; 7:11, (13) và tiểu đề, 7:(21); (8:11, 12); 10:32–33; 11:23, 25; 12:50, (13:39, 43, 49); 14:19, 15:13, 16:17, 19; 18:8–10, 14, 18–19, 35; 19:21, 23, (25); 21:25, (31); 22:30, 23:9, 22; 24:(27), 29–31, 35–36, (40–41); 25:(35), 26:64, 27:47, 28:2, 18. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 3:16 và 5:18. Cũng hãy xem Ma 16:1 và 21:25 khi “trời/thiên đàng” nói đến **Đức Chúa Trời**. “**Nước Thiên Đàng/Đức Chúa Trời**” được liệt kê riêng biệt ở Ma 26:29.

¹¹⁵⁵ **28:19** Nhiều bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) có “**Vì vậy**” ở đây. Tuy nhiên, nhiều bản khác (và Văn Bản Đa Số) **không** có.

¹¹⁵⁶ **28:19** Khi chuyển ngữ “**khiến**” **không** nên hàm ý dùng võ lực.

LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị: Chúa Giê-su ban các chỉ thị này cho môn đệ của Ngài ở tại tỉnh Ga-li-lê (câu 16). Chúa ban cho họ các chỉ thị liên hệ tại tỉnh Giu-đê trong ngày Chúa thăng thiên (Công Vụ 1:8–9, cũng hãy xem Mác 16:15–19). Theo Công Vụ 1:3, 12 Chúa Giê-su thăng thiên từ Núi Ô-liu 40 ngày sau khi Chúa sống lại.

¹¹⁵⁷ **28:19** Bạn có thể nói: “...người trong **mọi sắc dân**”.

¹¹⁵⁸ **28:19** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “**dân tộc**” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 12:18, 21; 20:25, 24:7, 9, 14; 25:32, 28:19. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 12:18. So sánh điều đó với cách bạn chuyển ngữ “**Người ngoại quốc**” (hãy xem Ma 15:26).

người trong mọi sắc dân trở nên môn đệ (của Ta)},/. ¹¹⁵⁹{(Hãy làm như thế bằng cách) làm phép báp-tem ⇔ Hãy làm phép báp-tem} ¹¹⁶⁰{cho họ/người ta ⇔ mỗi người} ¹¹⁶¹{trong danh ⇔ trong sự hiệp một với ⇔ trong sự tương giao với ⇔ bằng thẩm quyền/quyền năng của} (Đức Chúa Trời) Cha (Ta) và ¹¹⁶²với ¹¹⁶³Con (của Đức Chúa Trời/Ngài) và với ¹¹⁶⁴Đức Thánh Linh **20** (và) ¹¹⁶⁵(bằng cách) dạy dỗ họ làm theo mọi điều Ta đã ra lệnh/bảo/dạy các con (làm). <Và> {này, ⇔ hãy nhớ} ¹¹⁶⁶Ta luôn luôn ở với các con ¹¹⁶⁷cho đến ¹¹⁶⁸tận thế ^{GTK1169}[].”

-
- ¹¹⁵⁹ **28:19** Động từ chính trong các câu 19–20 là “khiến người ta trở thành môn đệ”. Các động từ “...đi...làm phép báp-tem...dạy dỗ” tất cả đều là những cách để hoàn tất mạng lệnh trên. Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “báp-tít” và “lễ báp-tem” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 3:6–8, 11, 13–16 và tiểu đề; 21:25, (27); 28:19. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều đó ở Ma 3:6. “làm phép báp-tem” được dùng như một thành ngữ ở trong Ma 3:11 và 20:22–23.
- ¹¹⁶⁰ **28:19** “họ” nói đến các cá nhân ở đây, **không** phải các dân tộc.
- ¹¹⁶¹ **28:19** “trong danh của” thường được dùng trong thương mại để chỉ về sự chuyển nhượng **chủ quyền**, tập trung vào việc có một quan hệ mới/sự hiệp nhất được thiết lập. “trong danh” cũng tập trung vào **thẩm quyền** hay **quyền năng** của người tạo nên quan hệ mới.
- ¹¹⁶² **28:19** Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải lập lại “trong danh của” ở đây và lập lại một lần nữa với “Đức Thánh Linh”. Trong bản Hy-lạp và các ngôn ngữ khác để hàm ý.
- ¹¹⁶³ **28:19** Nên nói rõ ràng là Chúa Giê-su đang nói đến **Chính Ngài** là Con Đức Chúa Trời chứ không phải nói đến ai khác. Đối với một số ngôn ngữ có thể cần phải nói: “...và của/với (**Ta**) Con (Đức Chúa Trời)...”
- ¹¹⁶⁴ **28:19** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “Đức Thánh Linh” và “Thánh Linh của Đức Chúa Trời” trong sách Ma-thi-ơ. Hãy xem Ma 1:18, 20 và tiểu đề; 3:11, 16; 4:1, 10:20, 12:18, 28, 31–32; 22:43, 28:19. Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** về điều này ở Ma 1:18.
- ¹¹⁶⁵ **28:20** Hãy xem **LỜI CHÚ THÍCH** ở câu 19 về “...đi...làm phép báp-tem...dạy dỗ”.
- ¹¹⁶⁶ **28:20** **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Thật đúng vậy Chúa Giê-su là Em-ma-nu-ên—”Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta” (Ma-thi-ơ 1:23).
- ¹¹⁶⁷ **28:20** Chuyển ngữ “cho đến” **không** nên hàm ý rằng Chúa Giê-su sẽ lìa bỏ chúng ta sau khi tận thế. **LỜI CHÚ THÍCH** được đề nghị: Sau khi tận thế, chúng ta sẽ sống với Chúa Giê-su đời đời ở thiên đàng (Ma-thi-ơ 25:34, 46).
- ¹¹⁶⁸ **28:20** Hãy coi lại cách bạn chuyển ngữ “tận thế...” trong Ma (5:18,) 10:22, 13:39–40, 49; 24:3, 6, 13–14, (33); 28:20.
- ¹¹⁶⁹ **28:20** Đa số các bản thảo Hy-lạp chính (và Bản Thánh Kinh Hội [UBS], BDM, BDC, BCG, BDY) **không** có “a-men” ở đây. Tuy nhiên, một vài bản (và Văn Bản Đa Số) có. “A-men” có thể là một phần của điều Chúa Giê-su nói và có nghĩa là “A-men/Phải, (Ta sẽ luôn luôn ở với các con ⇔ hãy làm theo điều Ta nói)!” Hay cụm từ này có thể giống như các Phúc Âm khác và là dấu hiệu sách chấm dứt, có nghĩa là “Kết Cục” Hay “Đó là điều đã xảy ra.”

DANH SÁCH CÁC TỪ NGỮ CHO NGƯỜI DỊCH

Các Từ Và Các Nhóm Từ Quan Trọng Những Người Dịch Cần Biết

A-ram	<p><i>Tiếng Anh: Aramaic</i> Một ngôn ngữ liên hệ đến tiếng nói của người Do Thái mà rất nhiều người sử dụng trong thời Chúa Giê-su.</p>
ẩn dụ	<p><i>Tiếng Anh: metaphor</i> Một từ hay một nhóm từ diễn tả một điều bằng cách nói về một điều khác mà nó có thể so sánh với nhau. Thí dụ, khi Chúa Giê-su xem vua Hê-rốt như là một ‘con chồn’ trong Lu-ca 13:32, Chúa Giê-su muốn nói rằng vua Hê-rốt thì quỷ quyệt và đối trá như một con chồn.</p>
Bản Cựu Ước Hy-lạp	<p><i>Tiếng Anh: Septuagint</i> Bản Cựu Ước được dịch sang tiếng Hy-lạp vào năm 250 B.C. Nó thường được viết tắt/gọi là ‘LXX’ (con số La Mã 70). Theo truyền thuyết 72 trưởng lão Do Thái đã hoàn thành bản dịch trong vòng 72 ngày tại thành phố A-lê-xan-đơ-ri thuộc nước Ai-cập do sự yêu cầu của một nhà lãnh đạo Ai-cập.</p>
Bản Công Giáo (BCG)	<p>Bản dịch này được làm ra dưới sự kiểm soát của giáo hội Công Giáo. Dù là giáo hội Công Giáo chuyển ngữ nhưng nhiều tín hữu Tin Lành thích nó vì nó dễ hiểu. Bản này có nhiều lời chú thích ở cuối trang để nghiên cứu. Bản này được in tại Việt Nam và có bản tại Tòa Giám Mục ở Thành Phố Hồ Chí Minh.</p>
Bản Dịch Cũ (BDC)	<p>Đây là bản dịch trọn bộ Kinh Thánh qua tiếng Việt do W.C. Cadman. Vì lý do đó nó thường được gọi là “bản Cát-man”. Bản dịch được hoàn tất vào năm 1926 và hiệu đính vào năm 1954.</p>
Bản Dịch Mới (BDM)	<p>Đây là một bản dịch mới do một nhóm Mục Sư Việt Nam làm tại Hoa-kỳ. Mục đích của họ là để có một bản dịch hiện đại, chính xác hơn. Đã có bản tại Việt Nam.</p>
bản thảo	<p><i>Tiếng Anh: manuscript(s)</i> Trong thời Chúa Giê-su, một bản kinh văn được sao lại bằng tay. Do đó có rất nhiều bản cũ sao lại từ bản thảo Cựu Ước cũng như Tân Ước Hê-bơ-rơ và Hy-lạp được chép lại bằng tay. Tuy nhiên, chúng ta không có một bản nguyên thủy nào của bộ Kinh Thánh hay bất cứ sách nào trong Kinh Thánh. Trong loạt sách này, từ ngữ bản thảo được dùng để nói đến những bản sao lại hiện có ngày hôm nay. (Cũng hãy xem ‘Văn Bản Đa Số’, ‘Bản Thảo Uy Tín’ và ‘Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]’.)</p>
bản thảo Hy-lạp chính	<p><i>Tiếng Anh: major Greek manuscripts</i> Có rất nhiều bản thảo Hy-lạp khác nhau và chúng có sự khác biệt. Các học giả Kinh Thánh không đồng ý với nhau về bản thảo nào là tốt nhất để theo. Trong trường hợp các bản thảo Hy-lạp không dùng cùng một từ ngữ, Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) liệt kê sự khác biệt chính và cho biết có ‘đa số’, ‘nhiều’, ‘một số’, ‘ít’, hay ‘rất ít’ học giả Kinh Thánh theo quan niệm đó. Bảng cách cho người chuyển ngữ biết những bản dịch nào dùng một sự khác biệt nhằm giúp cho người chuyển ngữ biết bản dịch</p>

nào để dựa theo. Thí dụ, một số bản chuyển ngữ quyết định rằng, khi có sự khác biệt trong các bản thảo xưa cũ, họ sẽ dựa theo Bản Thánh Kinh Hội [UBS]. Một số bản chuyển ngữ khác dựa theo cách Bản Tiếng Việt dùng.

Bản Thảo Uy Tín

Tiếng Anh: Textus Receptus

Đây là một bản thảo Hy-lạp chính nó đã được thu thập và nghiên cứu từ khoảng sáu bản thảo Hy-lạp bởi một học giả Kinh Thánh có tên là Erasmus. Ông cho xuất bản bản Hy-lạp của ông trong những năm 1515–1516. Bản dịch của ông được xuất bản bởi một số người với một số thay đổi rất nhỏ. Năm 1633 một trong những nhà xuất bản gọi nó là **Bản Thảo Uy Tín (Textus Receptus bằng tiếng La tinh)**. **Bản Thảo Uy Tín** được nổi tiếng và là bản Hy-lạp được làm nền tảng chính cho bản dịch tiếng Anh của Vua James (1611). Văn Bản Đa Số (The Majority Text) gần giống như **Bản Thảo Uy Tín**. (So sánh bản này với bản ‘Bản Thánh Kinh Hội [UBS]’ và ‘**Văn Bản Đa Số**’).

bổ ngữ gián tiếp

Tiếng Anh: indirect object

Một người hay một vật nhận ảnh hưởng của hành động một cách gián tiếp. Thí dụ, “Minh trao cái nón cho cô **Xuân**”, ‘Cô Xuân’ bổ ngữ gián tiếp của hành động “trao”. ‘**cái nón**’ là bổ ngữ trực tiếp cho hành động “trao”. (So sánh với ‘bổ ngữ trực tiếp’.)

cách viết khác nhau

Tiếng Anh: variant reading

Không còn có một nguyên bản/bản gốc nào được viết bởi các trước giả của các sách trong Kinh Thánh. Nguyên bản/bản gốc được chép lại thành nhiều bản sao, và những bản này được gửi đi đến nhiều nơi khác, tại những nơi đó người ta dùng những bản sao này để chép lại bằng tay nhiều bản sao khác nữa. Hiện tại vẫn còn có một số bản sao rất xưa cổ chép bằng tay, nhưng có những chỗ trong bản văn có sự khác biệt, có những bản sao khác nhau dùng những từ khác nhau. Trong những trường hợp như thế, được gọi là **cách viết khác nhau**.

câu

Tiếng Anh: sentence, verse

Trong tiếng Việt cả hai từ này đều được dịch là **câu**. Theo phương cách chuyển ngữ, có hai cách dùng để sử dụng từ này:

- (1) Khi nói về Kinh Thánh từ này dùng để phân biệt bản văn giữa các số **câu**.
- (2) Khi nói về văn phạm. Từ này dùng để phân biệt đơn vị văn phạm được chấm dứt bằng một dấu chấm. Cũng hãy xem chữ **mệnh đề**, một đơn vị văn phạm nhỏ hơn câu, và **đoạn văn** là một đơn vị lớn hơn câu.

Hôm qua tôi đã tham dự ba cuộc họp quan trọng.

từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ	từ
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

nhóm từ	từ	từ	từ	từ	nhóm từ
---------	----	----	----	----	---------

nhóm từ	mệnh đề				
---------	---------	--	--	--	--

câu					
-----	--	--	--	--	--

Câu Hỏi Tu Từ (CH)

Tiếng Anh: rhetorical question

Một câu hỏi không cần câu trả lời, nhưng được dùng để nêu lên một yêu cầu mạnh mẽ, một mệnh lệnh hay một câu nói. Thường thường, ngữ cảnh hay cách diễn đạt một câu, có thể cho thấy đó là một câu hỏi tu từ hay một câu hỏi mong đợi/cần câu trả lời. Thí dụ, trong Ma-thi-ơ đoạn 5:13 Chúa

Giê-su dùng câu hỏi tu từ. Khi Ngài nói đến việc muối mất mặn "... thì lấy gì làm cho mặn lại (nữa)?" Ngài có ý nói rằng "... chẳng có gì làm cho nó mặn lại (nữa)!" Nếu trong ngôn ngữ của bạn, một câu hỏi tu từ có thể hiểu sai thành một câu hỏi thật sự, thì nên dịch nó thành một câu nói hay một mệnh lệnh, để có thể diễn đạt/truyền thông đúng ý nghĩa. Đối với một số ngôn ngữ thì không thường dùng *câu hỏi tu từ* giống như tiếng Hy-lạp. Đối với một số ngôn ngữ khác thì thường dùng *câu hỏi tu từ* nhiều hơn tiếng Hy-lạp. Hãy làm điều tự nhiên trong ngôn ngữ của bạn. (Cũng hãy xem 'lời tuyên bố'.)

Chủ Đề Phân Đoạn	<i>Tiếng Anh: Division Head</i> Một Phân Đoạn gồm có nhiều Tiểu Đoạn. Một số bản dịch có cả Chủ Đề Phân Đoạn để giúp người đọc thấy rõ được cấu trúc của Kinh Thánh hay của một sách.
Chú Giải Ký Hiệu	<i>Tiếng Anh: Notation Key.</i> <i>Chú Giải Ký Hiệu</i> thường được tìm thấy ở phần đầu của sách.
chủ từ	<i>Tiếng Anh: Subject</i> Một từ ngữ văn phạm dùng để chỉ về một nhân vật, nơi chốn, một điều, hay một ý, từ này quan trọng nhất trong một mệnh đề. Thí dụ, 'Người đàn ông này bắt được một con cá', các từ 'Người đàn ông' là chủ từ.
chuyển ngữ từng ngữ	Hãy xem "dịch từng chữ".
công thức trích dẫn	<i>Tiếng Anh: quote formula</i> Cụm từ này dùng để giới thiệu một lời nói được trích dẫn một cách trực tiếp, trong trường hợp này người đọc có thể hình dung như chính tác giả đang nói với họ. Thí dụ, "Ông ấy đã nói:...", "Bà ấy trả lời:...", "Họ đã hỏi:..."
danh sách các từ ngữ	<i>Tiếng Anh: glossary</i> Một danh sách của các từ quan trọng và ý nghĩa của nó trong một sách. Bạn đang đọc Danh Sách Các Từ Ngữ Cho Người Dịch .
danh từ	<i>Tiếng Anh: noun</i> Một từ được dùng để chỉ về một người, một nơi chốn, một vật, hay một sự việc gọi là "danh từ".
dạng bị động	<i>Tiếng Anh: passive voice (the Divine passive)</i> Dạng của động từ trong một câu văn mà chủ từ chịu ảnh hưởng bởi hành động. Thí dụ, trong câu, "Con chó bị đánh bởi Đa-vít", "con chó" là chủ từ và bị ảnh hưởng của hành động. Nhóm động từ "bị đánh bởi" gọi là dạng bị động. Dạng bị động thường được dùng trong Kinh Thánh trong những trường hợp người đọc không cần biết ai làm chủ của hành động, vì điều đó không quan trọng. Dạng bị động thường được dùng trong Kinh Thánh để tránh việc gọi đến tên của Đức Chúa Trời. Nó được gọi là dạng bị động Thánh. Người Do Thái sợ Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt họ nếu họ đọc/gọi sai tên của Ngài.
dân ngoại quốc	<i>Tiếng Anh: Gentile</i> Nói về tất cả những dân tộc không phải là dân Do Thái.
dịch từng chữ	Hãy xem "từng chữ".
đại danh từ	<i>Tiếng Anh: pronoun</i>

Một từ được dùng thay thế cho một *danh từ* trong câu văn đã được nói đến trong ngữ cảnh để khỏi phải lặp lại danh từ đó gọi là *đại danh từ*. Thí dụ: “Bà Phương nói rằng ngày mai bà sẽ đi với họ”. Các từ ‘Bà’ và ‘họ’ là các đại danh từ thay thế cho/chỉ về Bà Phương và những người bạn của bà.

Mỗi ngôn ngữ thường có cách dùng *đại danh từ* khác nhau. Trong tiếng Việt người ta dùng nhiều *đại danh từ* và nó có nhiều sự phức tạp hơn tiếng Hy-lạp và tiếng Hê-bơ-rơ. Mỗi người chuyển ngữ cần học cách dùng *đại danh từ* của ngôn ngữ mình, biết sự khác biệt về cách sử dụng của nó và của tiếng Việt cũng như tiếng Hy-lạp như thế nào, để có thể chuyển ngữ các *đại danh từ* một cách chính xác và tự nhiên nhất.

đoạn Kinh Thánh song song	<p><i>Tiếng Anh: parallel passages</i></p> <p>Có hai hay nhiều đoạn Kinh Thánh tương tự nhau được gọi là các đoạn Kinh Thánh song song (đôi khi giống hệt nhau). Thí dụ rõ nhất về các đoạn Kinh Thánh song song được tìm thấy trong các sách Phúc Âm Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca trong đó có những phần ghi lại cuộc đời của Chúa Giê-su đều được tìm thấy trong cả ba sách này.</p>
đoạn văn	<p><i>Tiếng Anh: paragraph</i></p> <p>Một đơn vị gồm nhiều câu văn kết chặt với nhau gọi là một đoạn văn. Một đoạn văn luôn bắt đầu bằng cách xuống hàng và in thụt vào ở hàng đầu tiên để đánh dấu một đoạn văn mới.</p>
động từ	<p><i>Tiếng Anh: verb</i></p> <p>Một từ được dùng để diễn tả một hành động, một biến cố, hay một tình trạng gọi là động từ. Thí dụ, ‘chạy’, ‘xem’, ‘cho’ và ‘là’ là những động từ.</p>
hàm ý	<p><i>Tiếng Anh: Implied</i></p> <p>Xem “thông tin hàm ý”.</p>
Hê-bơ-rơ	<p><i>Tiếng Anh: Hebrew</i></p> <p>Ngôn ngữ được dùng để viết Cựu Ước. Tên này lần đầu tiên được dùng để chỉ về dân tộc Y-sơ-ra-ên, sau đó gọi là Do Thái. Tên Hê-bơ-rơ vẫn còn được dùng trong ngôn ngữ của Cựu Ước và những người Do Thái trong thời đại từ Sáng Thế Ký và Xuất Ê-díp-tô Ký. Trong Kinh Thánh tên Hê-bơ-rơ được dùng để phân biệt giữa người Do Thái và các giống dân khác. Một sách trong Tân Ước có tên là Hê-bơ-rơ vì sách này được viết cho người Do Thái đã trở thành những Cơ-đốc nhân. Bạn cũng có thể bắt gặp những tên như Hy-bá-lai, Hy-bá, hay Híp-ri.</p>
HÌNH ẢNH được đề nghị	<p><i>Tiếng Anh: suggested picture</i></p> <p>Hình ảnh được đề nghị mà ủy ban chuyển ngữ có thể muốn để vào trong phần kinh văn tại một chỗ nào đó. Đa số các bản dịch không dùng tất cả những hình ảnh được đề nghị. Phải để hình rải rác trong suốt Tân Ước như vậy các hình ảnh không tụm/dồn lại một chỗ.</p>
Hội Đồng Quốc Gia	<p><i>Tiếng Anh: Sanhedrin</i></p> <p>Tòa thượng phẩm tối cao/hội đồng tối cao của người Do Thái chỉ có tại thành phố Giê-ru-sa-lem và chịu trách nhiệm xét xử những nội vụ quan trọng. Trong bản dịch Tân Ước của bạn, có lẽ bạn muốn phân biệt giữa Hội đồng/toà án địa phương với Hội Đồng Quốc Gia (đó là, tòa án tối cao của người Do Thái) tại thành phố Giê-ru-sa-lem.</p>

Các thượng tế giống như một ủy ban điều hành của người Do Thái gồm có 71 thành viên được gọi là **Hội Đồng Quốc Gia Tối Cao**. Trong số này gồm cả vị trưởng tế đương nhiệm và những người đàn ông thuộc gia đình của

ông ta, và những người đàn ông quan trọng nhất thuộc các gia đình thầy tế lễ, vị sĩ quan trông coi các lính canh đền thờ, và các cựu trưởng tế.

Hy-bá	Hãy xem ‘Hê-bơ-rơ’.
Hy-bá-lai	Hãy xem ‘Hê-bơ-rơ’.
Hy-lạp	<i>Tiếng Anh: Greek</i> Ngôn ngữ được dùng để viết Tân Ước nguyên bản/bản gốc.
giới từ	<i>Tiếng Anh: preposition</i> Một từ dùng để nối kết hai từ, hai nhóm từ hay hai mệnh đề lại với nhau. Các nhóm từ, ‘trong bụi cây’, ‘chung quanh nhà’ và ‘ở dưới khúc gỗ’, các từ ‘trong’, ‘chung quanh’ và ‘dưới’ là những giới từ.
khổ (cách viết)	<i>Tiếng Anh: format</i> Cách sắp đặt của các câu văn, đoạn, chương, tựa đề, tiểu đề, số, cũng như hình ảnh và phân ghi chú trong bản văn. Nói tóm tắt, cách sắp xếp mọi dữ kiện để in trên một trang giấy hay trong một sách. Thí dụ, trong một trang sách có một cột hay hai cột, tiểu đề có thể được in đậm, kể cả cách dùng các dấu ngoặc v.v. ; trích dẫn Cựu Ước có thể in thụt vào giống như văn thơ hay để chung trong bản văn. Một cách thiết trí khác liên hệ đến việc đánh dấu. Thí dụ, dù có dùng dấu trích dẫn hay không. Cách tốt nhất là không nên dùng loại dấu khác nhau, vì người đọc phải học về ý nghĩa của các dấu ấy.
không được xác định rõ	<i>Tiếng Anh: ambiguous</i> Đây là một nhóm từ được dùng trong suốt Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ. Nó cho thấy những từ, hay những nhóm từ trong bản Hy-lạp có thể có nhiều hơn một ý nghĩa và do đó không thể xác định rõ ý nghĩa. Thí dụ, trong một câu, “Giăng đã nói rằng, ông ấy sẽ đến”, câu này không được xác định rõ đại danh từ “ông ấy” chỉ về nhân vật nào ở đây. “Ông ấy” nói về chính Giăng hay nói về một người nào khác. Trong các trường như thế, đôi khi ngữ cảnh giúp cho ý được rõ ràng. (Cũng hãy xem ‘ngữ cảnh’.) Các học giả cũng xem cùng một từ hay nhóm từ được dùng ở chỗ/lần khác như thế nào để quyết định về ý nghĩa một cách chính xác.
liên từ	<i>Tiếng Anh: conjunction</i> Một từ dùng để liên kết hai từ, hai nhóm từ, hai mệnh đề hay hai câu lại với nhau. Thí dụ, các liên từ trong tiếng Việt là: “và”, “nhưng”, “hay”, “vì”, “thì”, “vậy”.
LỜI CHÚ THÍCH được đề nghị	<i>Tiếng Anh: suggested footnote</i> Đề nghị một lời chú thích ở cuối trang mà người chuyển ngữ có thể đưa vào trong bản dịch để giúp đỡ người đọc hiểu về những thời đại của Kinh Thánh hơn. Nếu có được những thông tin về văn hóa và các thông tin quan trọng khác trong lời chú thích ở cuối trang, thì người đọc sẽ có thể hiểu biết về lời Chúa dễ dàng hơn. Lời chú thích giúp cho người chuyển ngữ tránh được sự nguy hiểm về hiểu sai ý nghĩa của quá nhiều những thông tin được hàm ý ở trong bản dịch. Một lý do nữa để dùng lời chú thích là Kinh Thánh có thể là quyển sách duy nhất có các thông tin đó nên khó cho người ta có thể học biết về thông tin này bằng một cách nào khác. Lời chú thích còn giúp cho người đọc học về những phong tục tập quán qua các thời đại của Kinh Thánh và những thông tin quan trọng khác nếu nó ở trên cùng một trang hơn là ở trong một quyển sách riêng biệt khác. Đứng ra những người đọc có thể phải học để biết rõ lời chú thích ở cuối trang không phải là một phần trong bản kinh văn chính, nhưng điều này không khó học và sự giúp

ích của các thông tin này rất dồi dào. Để giúp cho sự phân biệt lời chú thích ở cuối trang với phần kinh văn chính, bản dịch có thể dùng một hay hai hàng kẻ chia hai phần ra, lời chú thích có thể được in với mặt chữ nhỏ hơn phần kinh văn. Nên bắt đầu lời chú thích bằng số câu để người đọc có thể so sánh lời chú thích với văn bản một cách dễ dàng. Đa số người chuyển ngữ không dùng tất cả những **LỜI CHÚ THÍCH ĐƯỢC đề nghị** trong bản dịch của họ. Đôi khi chỉ cần chuyển ngữ một phần của lời chú thích. Nhà xuất bản thường giới hạn số lời chú thích có thể có trong một bản dịch—tốt hơn nên biết số lời chú thích được giới hạn (nếu có) trước khi chuyển ngữ xa hơn.

Lời Đối Thoại Gián Tiếp
(NGT)

Tiếng Anh: indirect quote

Cho thấy trong bản văn không ghi lại y *hệt* lời của một người nào đó đã nói. Thí dụ: “Giăng bảo con trai của ông ta đi ngủ” là một cách nói gián tiếp rằng: ông Giăng đã nói: “Hãy đi ngủ đi”. (So sánh ở đây với ‘trích dẫn trực tiếp’.)

Lời Đối Thoại Trực Tiếp
(NTT)

Tiếng Anh: direct quote

Có nghĩa là nhắc lại y lời nói của một người nào đó đã nói. Thí dụ, trong câu: “Đa-vít bảo con trai của ông ta: “Hãy đi ngủ đi”, “Hãy đi ngủ đi” là trích dẫn trực tiếp. (So sánh ở đây với trích dẫn gián tiếp’.)

lời tuyên bố

Tiếng Anh: statement, declarative

Trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK), **lời tuyên bố** được dùng để diễn tả một trong nhiều loại câu văn. Trong phần phân biệt này, một câu văn không phải là một câu hỏi. Suốt trong cả Tân Ước việc người nói dùng câu hỏi tu từ để nhấn mạnh điểm người ấy muốn nói, đó là việc thông thường. Người nói không thật sự nêu lên một câu hỏi, vì người nói không mong đợi câu trả lời. Dạng câu hỏi được dùng để nhấn mạnh **lời tuyên bố**. Đối với một số ngôn ngữ không dùng câu hỏi theo cách mà tiếng Hy-lạp xử dụng, do đó, để chuyển ngữ một câu hỏi tu từ theo từng chữ một/nghĩa đen thì sẽ diễn tả sai ý nghĩa. Trong những trường hợp đó, người chuyển ngữ nên chuyển ngữ câu hỏi tu từ này như một **lời tuyên bố**. (Cũng hãy xem ‘câu hỏi tu từ’.)

lời tuyên bố thêm vào

Tiếng Anh: parenthetical comment (parenthesis)

Trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ (BTK) tin tức để giải thích hay nhận xét mà tác giả hay người nói ngưng kể tiếp câu chuyện để bình luận hay giải thích cho thính giả. Trong một bản dịch, **lời tuyên bố thêm vào** thường được đặt trong các dấu ngoặc, hay những gạch nối để cho người đọc nhận diện dễ dàng. Thí dụ, Trong Mác 7:11 các chữ nằm trong ngoặc đơn, (nghĩa là đã dâng cho Đức Chúa Trời) được tác giả thêm vào để giải thích ý nghĩa của chữ ‘co-ban’.

mệnh đề

Tiếng Anh: clause

Một **mệnh đề** thường được cấu tạo bởi một nhóm động từ và một hay nhiều nhóm danh từ. Thí dụ: trong câu này, “Trong khi cô Kim đi chợ, anh Dũng làm việc ở ngoài đồng” câu này gồm có hai **mệnh đề**. ‘Trong khi cô Kim đi chợ’ là một **mệnh đề phụ** vì tự nó không diễn tả đầy đủ ý nghĩa, nên cần phải có thêm một **mệnh đề** chính ‘anh Dũng làm việc ở ngoài đồng’. **Mệnh đề** chính còn gọi là **mệnh đề độc lập**, vì tự nó có thể diễn tả đầy đủ ý nghĩa của câu văn. (Cũng hãy xem ‘câu’.)

mệnh đề độc lập

Tiếng Anh: independent clause

Xem ‘mệnh đề’.

mệnh đề phụ

Tiếng Anh: dependent clause

Xem ‘mệnh đề’.

mệnh lệnh cách

Tiếng Anh: imperative

Thường là một mệnh đề cũng có thể là một câu được dùng để ra lệnh hay khuyên một người làm một công việc nào đó.

mức độ quan trọng

Tiếng Anh: prominence (prominent)

Tầm mức quan trọng trong một phần của đoạn văn, (hay mức độ mà tác giả muốn người đọc chú ý đến một chỗ nào đó của đoạn văn) có liên hệ đến (so sánh với) những phần khác trong cùng đoạn văn. **Mức độ quan trọng** này có thể quyết định bằng một số sự việc, kể cả, thứ tự của các từ, phần của câu văn, cách liên hệ (thí dụ, cách dùng tên chống lại đại từ), phụ tố, dạng của từ, v.v. Thí dụ, trong hai câu sau đây, “Đó là Loan vợ của tôi” và “Loan là vợ của tôi”, Loan trong câu thứ nhất quan trọng hơn Loan trong câu thứ hai.

mỹ từ hoá

Tiếng Anh: euphemism (euphemistic)

Một chữ hay một nhóm từ dùng để nói về việc gì đó một cách lễ phép, hoặc nói gián tiếp để người khác không bị thẹn thùng, xấu hổ. Thí dụ: trong tiếng Hy-lạp động từ ‘biết’ đôi khi được **mỹ từ hoá** để bày tỏ mối liên hệ ‘tình ái chân gối’ giữa người nam và người nữ’, hay **mỹ từ hoá** bằng cách dùng chữ ‘ngủ’ thay cho chữ ‘chết’.

ngôi (thứ nhất, thứ hai, thứ ba)

Tiếng Anh: person (first, second, third)

Một đại từ hay một từ dùng để chỉ đến người hay những người được nói tới. Theo văn phạm trong tiếng Việt, người đang nói là **ngôi thứ nhất** (thí dụ: Tôi, chúng tôi), người đang nghe là **ngôi thứ hai** (thí dụ: anh, các anh), và người được nói đến là **ngôi thứ ba** (thí dụ: ông ấy, cô ấy, nó, chúng nó, họ). Thông thường **số ít**, **số nhiều** và **ngôi thứ** luôn được xác định rõ ràng qua hình thức văn phạm.

ngôn ngữ của người đọc

Tiếng Anh: receptor language

Ngôn ngữ được chuyển ngữ sang.

ngữ cảnh

Tiếng Anh: context

Xác định được ý nghĩa của một từ nhờ **ngữ cảnh**. **Ngữ cảnh** của một từ là các từ đi trước và các từ theo sau từ đó. **Ngữ cảnh** của một câu là các câu phía trước và các câu theo sau của câu đó cũng như những tin tức liên hệ làm sáng tỏ ý của người nói muốn phát biểu trong một đoạn văn. Đôi khi tác giả hay người nói “hàm ý” những tin tức muốn diễn đạt thay vì nói rõ ra. Do đó người đọc và người nghe phải cần đến **ngữ cảnh** để có thể hiểu trọn ý nghĩa của một đoạn văn. **Ngữ cảnh** cũng xác định rõ ý của một từ, một mệnh đề hay một câu, vì cùng một từ, một nhóm từ đôi khi có ý nghĩa khác nhau do **ngữ cảnh** của nó. Đó là lý do tại sao, khi chúng tôi chuyển ngữ một đoạn văn trong Kinh Thánh, chúng tôi luôn luôn chú trọng đến ngữ cảnh để chúng tôi có thể hiểu bản văn một cách chính xác/đúng đắn.

ngữ pháp

Tiếng Anh: Grammar (grammatical)

Cách kiến trúc và sử dụng của một ngôn ngữ. **Ngữ pháp** gồm có hình thái học, hệ thống âm vị, và cú pháp. Một bản văn hay một bản dịch **đúng ngữ pháp** nếu nó theo đúng nguyên tắc và luật lệ cấu trúc của ngôn ngữ được sử dụng.

nhân cách hóa

Tiếng Anh: personification (personified)

Một hình thái từ trong đó, các sự vật, các con vật hay một nguyên tắc được nói đến như một con người. Thí dụ, trong 1 Cô-rinh-tô 15:55: “Hỡi sự chết, nọc độc của mày ở đâu”. Sự chết ở đây được **nhân cách hóa**.

- nhất quán** *Tiếng Anh: consistency (consistent)*
 Đây nói đến việc xử dụng/chuyển ngữ các từ ngữ một cách đồng nhất khi nó có cùng ý nghĩa suốt trong bản dịch của bạn (Xem ‘ngữ cảnh’). Điều này cũng áp dụng cho cách đánh vần các từ, các tên, các dấu/ký hiệu văn phạm như dấu chấm, dấu phết, dấu hỏi v.v. Những từ ngữ không giống nhau nhưng có liên hệ với nhau, nên **nhất quán** trong việc phân biệt các từ đó trong suốt bản dịch. Thí dụ, ‘các thầy thượng tế (BDM) / các thầy tế lễ cả (BDC)’, ‘vị trưởng tế’ (BDM); ‘thầy cả thượng phẩm’ (BDC). Cần nên **nhất quán** về cách dịch và phân Việt các từ này.
- phân đối** *Tiếng Anh: chiasmus*
 Đây là một lối viết đặc biệt được tìm thấy trong Kinh Thánh. Một đoạn văn được kể là có cách cấu tạo này nếu vấn đề của chủ từ ở trong nửa **phần đầu** của đoạn văn được lặp lại ở phần thứ hai theo một cách đảo ngược thứ tự của nó. Thí dụ, một số học giả Kinh Thánh nghĩ Ma-thi-ơ 7:6 là phân đối: “Đừng cho chó vật thánh, chớ ném châu ngọc cho heo, e rằng **chúng** sẽ giẫm dưới chân rồi quay lại cắn xé các con.” Như một cách cấu tạo phân đối, ‘chúng’ nói về các con ‘heo’ trong khi các ‘con chó’ quay lại cắn xé các con.
- phiên âm** *Tiếng Anh: transliterate*
 Đánh vần một chữ trong ngôn ngữ của bạn thế nào để cho được gần giống cách đọc hay giống cách đánh vần của Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ (NNG). Cách này thường được dùng cho những tên của các nhân vật trong Kinh Thánh. Thí dụ, ‘A-rôn’, Môi-se, ‘báp-tem’, các từ này được dịch sang tiếng Việt theo cách **phiên âm** của tiếng Hy-lạp.
- phó từ** *Tiếng Anh: adverb*
 Thường được dùng để nói lên thái độ, phẩm chất, thời gian, nơi chốn và mức độ của động từ, tính từ, hay một phó từ khác. Thí dụ, trong câu: “Mai đã đến đây rất nhanh”, ‘đây’, ‘rất’ và ‘nhanh’ là những phó từ. Các chữ ‘chậm’, ‘bây giờ’, và ‘cũng’ đều là những phó từ. Một động từ và một **phó từ** tạo nên một **nhóm từ**.
- số ít** *Tiếng Anh: singular*
 Dạng của một từ chỉ về một người hay một vật (**số ít**). (So sánh ở đây với ‘số nhiều’.)
- số nhiều** *Tiếng Anh: plural*
 Bất cứ cái gì, người vật, hay sự vật, nhiều hơn một, gọi là **số nhiều**. (So sánh ở đây với ‘số ít’.)
- sự nhấn mạnh** *Tiếng Anh: emphasis*
 Nhóm từ này được dùng trong BTK khi một tác giả dùng một phương tiện mạnh diễn tả để kêu gọi sự chú ý đặc biệt đến một điều gì (giống như sự quan trọng).
- sự thay thế thích hợp với văn hoá** *Tiếng Anh: cultural substitute*
 Một **sự thay thế theo văn hoá** có nghĩa là thay thế một từ ngữ cho Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ (NNCCN), (chẳng hạn như một biến cố, một phong tục, súc vật, hay đồ vật không có/biết hay không hiểu trong Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ được thay thế bằng những gì khác trong ngôn ngữ của bạn. Một **sự thay thế theo văn hoá** được biết, đúng, hiểu được, trong ngôn ngữ của bạn và truyền thông được ý nghĩa của Ngôn Ngữ Căn Chuyển Ngữ. Thí dụ, nếu từ “tuyết” không có ngôn ngữ của bạn hay đọc giả của bạn không

biết, nhưng họ biết chim cò bạch là một loại chim rất trắng, một sự thay thế văn hóa là “quần áo của ông ấy trắng như *tuyết*” (Ma-thi-ơ 28:3) có thể là “quần áo của ông ấy trắng như *lông cò trắng*”. Người dịch cần quyết định khi nào cần dùng một *sự thay thế theo văn hoá* và khi nào cần chuyển ngữ bản Hy-lạp theo nghĩa đen, và thêm một Lời Chú Thích để giải thích sự khác biệt về văn hóa.

thán từ	<p><i>Tiếng Anh: interjection</i></p> <p>Thán từ là một từ dùng để diễn tả một cảm xúc. Một thán từ thường được phân cách với phần còn lại của câu bằng một dấu than (!) hay một ký hiệu văn phạm khác. Thí dụ, Không! Đau quá! Buồn quá! (Cũng hãy xem ‘các phần của câu’.)</p>
thành ngữ	<p><i>Tiếng Anh: idiom</i></p> <p>Một nhóm từ được kết hợp với nhau một cách cố định và ý nghĩa của nó rất khác xa với ý của từng từ một. Thí dụ: ‘bà ấy có bầu’ trong Tiếng Việt có nghĩa là ‘bà ấy mang thai’. (Hãy xem ‘hình thái từ’.)</p>
thầy cả thượng phẩm (BDC)	<p><i>Tiếng Anh: high priest</i> Bản Dịch Mới: vị trưởng tế</p> <p>Chỉ có một trưởng tế cho một nhiệm kỳ. Ông là nhân vật quan trọng nhất trong giới lãnh đạo và các thầy tế lễ Do Thái, chủ tịch của Hội Đồng Quốc Gia Do Thái. Ông cũng là người duy nhất được vào nơi chí thánh để dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời mỗi năm một lần trong ngày Chuộc Tội.</p>
thầy tế lễ	<p><i>Tiếng Anh: priests</i></p> <p>Công việc chính của các thầy tế lễ là đại diện cho dân sự cầu nguyện và dâng tế lễ cho Đức Chúa Trời. Trong một số bản dịch gọi các thầy tế lễ là “những người dâng tế lễ” hay “những người trung gian giữa Đức Chúa Trời và con người”. Cứ mỗi sáu tháng, một thầy tế lễ phải làm việc tại đền thờ một tuần lễ.</p>
thầy tế lễ cả (BDC)	<p><i>Tiếng Anh: chief priests</i> Bản Dịch Mới: các thầy thượng tế</p> <p>Thầy tế lễ cả/thượng tế giống như một chủ tịch/lãnh đạo một hội đồng gồm có 71 hội viên của tòa án tối cao gọi là Hội đồng Do Thái. Hội đồng này gồm có vị trưởng tế đương nhiệm, và những người đàn ông thuộc gia đình của ông ấy, sĩ quan chỉ huy các lính trông coi đền, và các vị trưởng tế tiền nhiệm.</p>
thì (trương lai, hiện tại, quá khứ)	<p><i>Tiếng Anh: tense</i></p> <p>Thời điểm khi sự việc xảy ra của một động từ. Nhiều ngôn ngữ dùng nhiều thể khác nhau của động từ để nói lên thời điểm của sự việc xảy ra. Một số ngôn ngữ khác thêm vào trạng từ/phó từ hay nhóm phó từ để chỉ rõ thời gian. Những thì căn bản là: quá khứ, hiện tại, và tương lai. Một số ngôn ngữ có nhiều thì hơn (thí dụ, quá khứ xa, quá khứ gần; tương lai gần, tương lai xa; một số ngôn ngữ khác có thì cho ngày hôm qua, thì cho hai ngày qua, hay thì cho một ngày sau, v.v.). Tuy nhiên, một số ngôn ngữ chỉ có ít thì, hay thỉnh thoảng đánh dấu các thì trong bản văn.</p>
thứ tự diễn tiến	<p><i>Tiếng Anh: chronological order</i></p> <p>Một bản văn có thứ tự diễn tiến khi các biến cố trong bản văn được ghi lại theo thứ tự thời gian nó thực sự xảy ra. Đối với một số ngôn ngữ có xu hướng nói (hay viết) lại theo thứ tự diễn tiến.</p>
thông tin hàm ý	<p><i>Tiếng Anh: implicit information</i></p> <p>Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ dùng nhóm từ này để nói về tin tức không nói ra hay không viết xuống nhưng người viết hay người nói cho</p>

rằng thánh giả của ông biết điều đó. Thí dụ, trong Ma-thi-ơ 2:1 bản Hy-lạp nói: “Chúa Giê-su đã sanh ra tại Bết-lê-hem của Giu-đê...” Thánh giả của Ma-thi-ơ chắc đã biết rằng Bết-lê-hem là một thị trấn và Giu-đê là một tỉnh, do đó tác giả không cần phải nói rõ điều đó ra. Trong văn hóa của người Hy-lạp, khi gọi tên một người mà không cần nhắc đến tước vị của người vẫn có lễ phép. Đối với văn hóa của người Việt Nam, không có từ “Chúa” đi trước tên “Giê-su” có thể **hàm ý** rằng người nói xem thường hay xằng xớm với Chúa Giê-su. Nhưng trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ, **thông tin hàm ý** này được nói ra rõ ràng cho thánh giả đương thời bằng cách để nó trong dấu ngoặc đơn (): (Chúa) Giê-su đã sinh tại (thị trấn) Bết-lê-hem, thuộc (tỉnh) Giu-Đa...” (Hãy so sánh với ‘thông tin rõ ràng’.)

thông tin mới

Tiếng Anh: new information

Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ dùng từ ngữ này để nói về tin tức lần đầu tiên được viết/nói ra trong một bản văn. Đối với nhiều ngôn ngữ, **thông tin mới** cần phải được một cách đặc biệt. Thí dụ, Ma-thi-ơ 8:14 nói: “Khi Giê-su đã đến nhà Phi-ê-rơ, Ngài đã thấy...” Đây là lần đầu tiên nói đến việc Chúa Giê-su đến nhà của Phi-e-rơ, do đó đối với một số ngôn ngữ có thể cần thiết (hay tự nhiên hơn) để nói: “Rồi Giê-su đã đến nhà Phi-e-rơ và Ngài thấy...”

thông tin rõ ràng

Tiếng Anh: explicit information

Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ dùng nhóm từ này để chỉ về những tin tức đã được viết bởi tác giả hay đã được nói bởi diễn giả. (Hãy so sánh nó với “thông tin hàm ý”.) Có những thông tin rõ ràng (được viết ra) trong bản Hy-lạp, nhưng nghe **tự nhiên hơn** nếu ý này được **hàm ý** (tức là không viết rõ ra) trong bản dịch tiếng Việt. Những tin tức như thế được in trong dấu < >. Thí dụ, trong Ma-thi-ơ 1:18 bản Hy-lạp nói: “Và {đây là cách (Chúa) Giê-su Cứu Thế được sinh ra...” Trong tiếng Việt, một câu văn bắt đầu bằng từ “và” nghe không được tự nhiên. Do đó trong Bản Tham Khảo Cho Người Chuyển Ngữ câu này được viết là “<Và> {đây là cách (Chúa) Giê-su Cứu Thế được sinh ra ...”.

Tin Mừng

Tiếng Anh: Gospel

Hãy xem “Phúc Âm”.

tin tức mới

Tiếng Anh: new information

Xem ‘thông tin mới’.

tin tức tốt lành

Tiếng Anh: Good News

Hãy xem “Phúc Âm”.

tính từ

Tiếng Anh: Adjective

Một loại từ chuyên bổ nghĩa cho danh từ. Thí dụ, cái áo đỏ, con mèo đen, con đường hẹp. Các từ, đỏ, đen, hẹp là các **tính từ** bổ nghĩa cho: cái áo, con mèo và con đường. Một danh từ và một **tính từ** kết hợp lại thành một **nhóm từ**.

Trái Với Sự Thật (TVST)

Tiếng Anh: contrary to fact

Một câu hay một mệnh đề nói ngược lại với những gì thật sự xảy ra. Thí dụ, “Nếu cô Mai đến, chắc anh Bình cũng sẽ đến” hàm ý rằng, cô Mai và anh Bình đã thật sự không đến. Đối với một số ngôn ngữ cần nên nói rõ ràng một phần hay tất cả những tin tức hàm ý, thí dụ, “Đáng lẽ cô Mai đến, nhưng cô đã không đến, đúng ra anh Bình đến, nhưng anh đã không đến”.

từ vay mượn

Tiếng Anh: loan word

Từ vay mượn là một từ lấy từ một ngôn ngữ này để dùng cho một ngôn ngữ khác/khia, thí dụ, cà-ra-vát, cà-phê, stop, Đa-vít, Phê-rơ. Tiếng Việt vay mượn các từ này từ những ngôn ngữ khác.

tự nhiên

Tiếng Anh: natural (naturalness)

Một bản dịch được **tự nhiên** khi dùng ngôn ngữ người đọc đúng cách để lời văn trôi chảy và đọc nghe không thể phân biệt được đó là một bản văn được chuyển ngữ ra từ một ngôn ngữ khác.

từng chữ

Tiếng Anh: literal translation

Chuyển ngữ một sứ điệp hay một bản văn từ một ngôn ngữ này sang một ngôn ngữ khác. **Chuyển ngữ theo từng từ** là chuyển ngữ sát theo cách cấu trúc văn phạm và các từ của Ngôn Ngữ Gốc (NNG). Theo cách chuyển ngữ này thường khi có những chỗ làm cho người đọc khó hiểu hay phải sử dụng cách dùng không tự nhiên trong ngôn ngữ của người đọc. Chuyển ngữ theo **thành ngữ** giữ được ý nghĩa của Ngôn Ngữ Gốc (NNG) nhưng theo cách cấu trúc văn phạm và cách diễn đạt ý tưởng của ngôn ngữ của bạn/người đọc để truyền thông được tự nhiên và dễ hiểu. Đôi khi một câu chuyển ngữ theo từng từ nghe rất tự nhiên và dễ hiểu trong ngôn ngữ của bạn/người đọc, nhưng cũng có khi ngược lại. Có những mức độ khác biệt về kết quả giữa hai cách chuyển ngữ theo từng từ và chuyển ngữ theo thành ngữ sẽ như thế nào. Xem ghi chú về vấn đề này trong lời mở đầu của sách này.

Văn Bản Đa Số

Tiếng Anh: Majority text

Một bản Hy-lạp được gọi là **Văn Bản Đa Số** khi nó theo đa số các bản thảo Hy-lạp. Cho đến bây giờ, những bản thảo Hy-lạp hiện hữu đều đến từ các nhóm bản thảo Hy-lạp Byzantine. Một nhóm với nhiều sự hợp nhất, do đó, về cơ bản, **Văn Bản Đa Số** là Bản Văn Byzantine và cũng giống Bản Thảo Uy Tín. Hầu hết các bản dịch đều dựa theo Bản Hy-lạp UBS. (So sánh ở đây với ‘Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]’. Cũng hãy xem ‘Bản Thảo’ và ‘Bản Thảo Uy Tín’.)

Văn Bản Thánh Kinh Hội [UBS]

Tiếng Anh: UBS Text.

Đây là Bản Hy-lạp được tiêu chuẩn hóa bởi **Thánh Kinh Hội**. Nó được căn cứ trên việc nghiên cứu tất cả các bản Hy-lạp Tân Ước hiện có. Nhiều học giả Kinh Thánh coi bản **Bản Thánh Kinh Hội (UBS)** như là một bản Kinh Thánh Hy-lạp tiêu chuẩn và đa số các dịch giả Kinh Thánh đều dựa theo nó. Tuy nhiên, có một số học giả Kinh Thánh chỉ trích việc kết hợp nhiều phần khác nhau của nhiều bản thảo khác nhau lại. Sự kết hợp này đã không thực sự hiện hữu. (So sánh ở đây với ‘Văn Bản Đa Số’ và ‘Bản Thảo Uy Tín’. Cũng hãy xem ‘bản thảo’.)

văn hoá

Tiếng Anh: culture

Niềm tin, giá trị, tri thức, thái độ, cách cư xử, và mối quan hệ xã hội của một nhóm người.